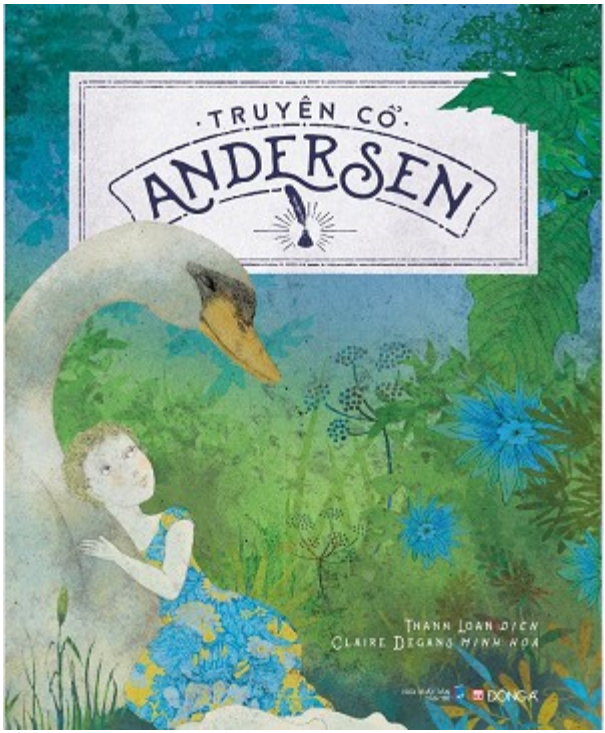

Tên truyện: Truyện cổ Andersen

Tác giả: Hans Christian Andersen

Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1986 theo bản của Nhà xuất bản Văn hóa - Hà Nội, 1963.

Dịch: Nguyễn Văn Hải, Vũ Minh Toàn

Hiệu đính: Văn Giang

Đánh máy: Mr.Big và Lovet9, nguyenthuy151, vicky88, ntup83

Một số truyện tải từ: http://andersen-truyenco.blogspot.com/

Hoàn thiện ebook: Mr. Big (Vũ Thục Hiền)

Sửa lỗi chính tả, tên phiên âm và làm thêm bản tiếng Anh: kimdung113

Đóng gói prc: kimdung113

Nhóm thành viên diễn đàn www.e-thuvien.com

MỤC LỤC

- NGƯỜI KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH (CHRISTIAN ANDERSEN)
- NỮ THẦN BĂNG GIÁ
- IB VÀ CÔ BÉ CHRISTINA
- MỘT CHUYỆN ĐAU LÒNG
- CHUYỆN CON NÍT
- BÁC LÀM VƯỜN VÀ NHÀ CHỦ
- MỤ ẤY HƯ HỎNG
- MỘT MẢNH LÁ CỦA TRỜI
- THIÊN TINH
- ĐỒNG SHILLING BẠC
- CON TRAI NGƯỜI GÁC CỔNG
- BÊN GỐC LIỄU
- CHIẾC KIM THỘ
- BÔNG CÚC TRẮNG
- MỘT CẶP TÌNH NHÂN
- ÔNG GIÀ LÀM GÌ CŨNG ĐÚNG
- GÃ CỔ CỒN
- MỘT CHUYỆN CÓ THẬT
- CHIẾC BẬT LỬA
- CHIẾC HÒM BAY
- BÙ NHÌN TUYẾT
- BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA HOÀNG ĐẾ
- CU NHỚN VÀ CU CON
- CÁI BÓNG
- NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH
- CÁC HIỆP SĨ NHẢY CAO
- ĐÔI GIÀY HẠNH PHÚC
- NHỮNG BÔNG HOA CỦA CÔ BÉ IDA
- NÀNG CÔNG CHÚA VÀ HẠT ĐẬU
- GIÓ THÁO TUNG CÁC BIỂN HÀNG
- ANH CHÀNG CHĂN LỢN
- CON LỢN ỐNG TIỀN
- CON QUỶ SỨ CỦA ÔNG HÀNG TẠP HÓA
- CÂY THÔNG
- JEAN BỊ THỊT
- MỘT BÀ MẸ

- CHIM HỌA MI
- NÀNG TIÊN CÁ
- NGÔI NHÀ CỔ
- CÔ BÉ CHĂN CỪU VÀ CHÚ THỢ NẠO ỐNG KHÓI
- GIẤC MƠ CUỐI CÙNG CỦA CÂY SỒI
- HƯƠNG MỘC TINH
- NGƯỜI NÀO, VẬT NÀO, CHỖ NẤY
- WALDEMAR DAAE VÀ CÁC NÀNG CON GÁI
- BÀ CHÚA TUYẾT
- THIÊN ĐƯỜNG
- CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM
- ĐÔI GIÀY ĐỎ
- TRONG THÀNH CÓ MA TRƠI
- BÀ CÔ NHỨC-RĂNG
- BẦY CHIM THIÊN NGA
- ĐỨA TRẺ TRONG MỒ
- GIA ĐÌNH NHÀ CÒ
- THẦN RU NGỦ
- EM BÉ BÁN DIÊM

NGƯỜI KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH (CHRISTIAN ANDERSEN)

Tôi làm quen với nhà văn Christian Andersen khi tôi mới lên bảy.

Cuộc gặp gỡ xảy ra trong một buổi tối mùa đông, vẻn vẹn vài giờ trước khi bước vào thế kỷ thứ hai mươi. Người kể chuyện cổ tích vui tính nước Đan Mạch đã đón tôi trên ngưỡng cửa thế kỷ mới.

Ông ta nheo mắt lại ngắm nghía tôi hồi lâu, rồi vừa tủm tỉm cười vừa móc trong túi ra một chiếc khăn trắng bong thơm phức. Ông phất khăn một cái và bất thình lình từ trong khăn rơi ra một bông hồng bạch to. Ngay tức khắc, ánh bạc của bông hồng và một tiếng lanh lảnh, chậm chạp và khó hiểu tràn ngập khắp phòng. Hóa ra đó chính là những cánh hồng đã reo lên khe khẽ khi chạm phải sàn gạch của gian hầm, nơi hồi đó gia đình tôi trú ngụ.

Lần gặp Andersen ấy chính là các hiện tượng mà các nhà văn cổ gọi là "mộng trong đời thực". Chắc hẳn đó chẳng qua là tôi đã tưởng tượng ra như vậy.

Trong cái buổi tối mùa đông mà tôi kể cho các bạn nghe đây, gia đình tôi đang trang hoàng cây thông đầu năm. Nhân dịp ấy cha mẹ tôi bắt tôi ra đường chơi để tôi khỏi vui mừng với cây thông quá sớm.

Tôi không tài nào hiểu nổi vì sao lại không được vui mừng trước một hạn định chặt chẽ nào đó. Theo tôi nghĩ thì niềm vui đâu có phải là người khách thường đến thăm gia đình tôi mà phải bắt trẻ con chúng tôi mỏi mệt đợi chờ. Nhưng dù sao mặc lòng, tôi vẫn bị đẩy ra phố. Lúc đó trời chưa tối hẳn, những cây đèn lồng ngoài đường chưa được thắp sáng, nhưng chúng có thể bừng lên ngay đó chưa biết chừng. Và vì cái "ngay đó" kia, vì sự chờ đợi những cây đèn bất thình lình lóe sáng, tim tôi se lại. Tôi biết chắc chắn rằng trong ánh sáng màu xanh lá mạ của hơi đốt, đủ mọi thứ kỳ diệu ở bên trong những tủ kính của các cửa hàng sẽ hiện ra ngay lập tức, những đế sắt lắp giầy trượt băng "Xnegurka", những cây nến xoắn với đủ mọi màu sắc cầu vồng, mặt nạ của những chú hề đội mũ

trắng hình trụ, những chàng kỵ sĩ trên lưng những con ngựa hùng hổ màu cánh gián, những cây pháo và những dây xích giấy óng vàng. Không hiểu vì sao, nhưng những vật đó bao giờ cũng bốc lên mùi keo dán và mùi nhựa thông.

Cha mẹ tôi nói với tôi rằng suốt buổi tối hôm đó là một buổi tối hoàn toàn đặc biệt. Muốn đợi cho một buổi tối như thế, cần phải sống thêm một trăm năm nữa. Mà điều đó thì hầu như không ai đạt được.

Tôi hỏi cha tôi rằng buổi tối "đặc biệt" nghĩa là thế nào. Cha tôi giải thích cho tôi rằng người ta gọi buổi tối đó như thế là vì nó không giống tất thảy mọi buổi tối khác.

Thực vậy, cái buổi tối mùa đông trong ngày cuối cùng của thế kỷ thứ mười chín không giống hết thảy mọi buổi tối khác. Tuyết rơi chậm rãi và rất bệ vệ, những bông tuyết lớn đến nỗi tưởng chừng từ trên trời đang rơi xuống thành phố những bông hoa trắng xốp và ở phố nghe rõ tiếng ngựa rè rè của các xe chở khách.

Khi tôi trở về nhà thì cây thông đầu năm lập tức được thắp sáng và trong phòng những ngọn nến bắt đầu lép bép một cách vui vẻ như thể chung quanh tôi những vỏ quả keo khô đang nổ liên tiếp.

Bên cạnh cây thông có một cuốn sách dày: quà của mẹ tôi cho tôi. Đó là những truyện cổ tích của Andersen.

Tôi ngồi xuống dưới cây thông đầu năm và giở cuốn sách. Trong cuốn sách có rất nhiều tranh in màu phủ bằng giấy thuốc lá. Để xem kỹ những bức tranh còn ướt mực ấy tôi phải thận trọng thổi tờ giấy mỏng đó cho lật lên.

Trong tranh, tường những lâu đài tuyết lấp lánh ánh pháo hoa, những con thiên nga bay lượn trên biển cả có những ánh mây hồng soi bóng và những chàng lính chì một chân đứng gác giữ chặt cây súng dài.

Tôi bắt đầu đọc và đọc say mê đến nỗi những người lớn phải bực mình vì hầu như tôi chẳng còn chú ý đến cây thông được trang hoàng đẹp đẽ.

Trước tiên, tôi đọc truyện cổ tích về anh lính chì giàu nghị lực và cô vũ nữ bé nhỏ, kiều diễm, rồi đến truyện Nữ chúa tuyết. Lòng tốt kỳ diệu và ngào ngạt hương như cách tôi cảm thấy, của con người, giống như hương thơm của hoa, bay ra từ những trang giấy của cuốn sách mép mạ vàng kia.

Rồi tôi mơ màng ngủ thiếp đi dưới cây thông vì mệt và vì hơi nóng của những cây nến tỏa ra. Và giữa lúc mơ mơ màng màng như thế tôi nhìn thấy Andersen khi ông để rơi bông hồng. Từ đó, bao giờ tôi cũng hình dung ông giống như trong giấc mơ êm ái đó.

Tất nhiên, lúc đó tôi còn chưa biết cả nghĩa đen và nghĩa bóng những truyện cổ tích của Andersen. Tôi không biết rằng trong mỗi truyện cổ tích cho trẻ con còn có một truyện cổ tích khác mà chỉ người lớn mới có thể hiểu hết ý nghĩa của nó.

Điều đó mãi về sau này tôi mới hiểu. Tôi hiểu rằng quả thực tôi đã may mắn vì khi sắp bước vào thế kỷ thứ hai mươi vĩ đại và gian lao đã được gặp Andersen - con người kỳ quặc đáng yêu, đồng thời là nhà thơ - và ông đã dạy tôi tin tưởng vào thắng lợi của ánh sáng trước bóng tối và của trái tim người trên cái Ác. Lúc đó tôi đã biết câu thơ của Puskin “muôn năm ánh nắng, bóng tối cút đi!”, và không hiểu sao tôi cứ tin rằng Puskin và Andersen là đôi bạn chí thiết và khi gặp nhau, hai ông thường vỗ vào vai nhau hồi lâu mà cười ha hả.

Mãi về sau này tôi mới được biết tiểu sử của Andersen. Và từ đó, bao giờ tôi cũng hình dung đời ông như những bức tranh thú vị, giống những hình vẽ minh họa truyện của ông.

Suốt đời ông, Andersen đã biết vui sướng, mặc dầu thời thơ ấu của ông đã không tạo cho ông cơ sở nào để vui sướng. Ông sinh ra năm 1805 khoảng thời gian những cuộc chiến tranh của Napoleon, tại thành phố Đan Mạch cổ kính - Odense - trong gia đình một người thợ giầy.

Thành phố Odense nằm ở một trong những thung lũng giữa những quả đồi thấp trên đảo Fiun. Trong những thung lũng trên đảo hầu như lúc nào cũng có sương mù lẩn quẩn, còn trên đỉnh những quả đồi thì lại nở hoa thạch thảo (Tạm dịch một giống cây thuộc giống thạch thảo)

Nếu ta nghĩ kỹ một chút xem Odense giống cái gì thì ta có thể nói rằng nó gợi cho ta nghĩ đến nhiều hơn hết một thành phố đồ chơi của trẻ con bằng gỗ sồi đen.

Không phải vô cớ mà Odense nổi tiếng vì thợ chạm gỗ. Một người trong bọn họ, Claus Berg - tay thợ cả nổi tiếng một thời trung cổ - đã dùng gỗ mun chạm một bàn thờ đồ sộ cho thánh đường Odense. Bàn thờ nguy nga và dữ tợn đó không những đã làm cho trẻ con mà cả người lớn nữa phải kinh hãi.

Nhưng những người thợ chạm Đan Mạch không phải chỉ làm bàn thờ và tượng thánh.

Đối với họ, làm những pho tượng bằng những khúc gỗ lớn dùng để trang hoàng mũi của những con tàu buồm theo tục lệ hàng hải vẫn thú hơn. Đó là những pho tượng Đức Mẹ mộc mạc nhưng có sức biểu hiện, tượng thần biển Neptune, tượng thủy thần Nereid, những con cá heo, những con cá ngựa đầu cúi gập. Người ta thếp vàng, sơn màu côban và vàng lên những tượng ấy và đặc biệt họ quét sơn dầy đến nỗi sóng biển nhiều năm ròng rã cũng không thể làm bong hết hoặc làm hư sơn.

Thực ra, những người thợ chạm các pho tượng cho tàu thủy kia chính là những nhà thơ của biển cả và là những nhà thơ của nghề nghiệp bản thân họ. Không phải ngẫu nhiên mà trong gia đình một người thợ chạm như vậy đã xuất hiện một trong những nhà điêu khắc vĩ đại nhất của thế kỷ mười chín, bạn của Andersen là Albert Thorvaldsen (Nhà điêu khắc nổi tiếng người Đan Mạch).

Chú bé Andersen đã trông thấy những tác phẩm điêu luyện của những tay thợ chạm không phải chỉ trên những con tàu mà cả trên những ngôi nhà ở Odense. Chắc hẳn ở Odense, ông đã biết ngôi nhà cổ lỗ, nơi người ta khắc niên hiệu xây nhà trên một tấm gỗ dày trong tấm khung bằng những bông hồng và những bông tulip. Cũng ở đó, người ta đã khắc vào gỗ cả một bài thơ và trẻ con đã học thuộc bài thơ đó. Còn những người thợ giày bao giờ cũng đóng giày từng đôi.

Cha Andersen làm nghề đóng giày, nhưng trên cửa nhà ông không treo hình con đại bài hai đầu. Chỉ có những người thợ có chân trong phương bạn mới có quyền treo những tấm biểu như vậy, mà cha Andersen thì quá nghèo, không có tiền góp với phường.

Andersen lớn lên trong cảnh bần hàn. Niềm tự hào duy nhất của gia đình Andersen là sự sạch sẽ đặc biệt trong nhà họ, chiếc thùng đất hành mọc um tùm và vài chậu cảnh trên các cửa sổ.

Trong các chậu cây, hoa tulip nở. Hương của hoa lẫn vào trong chiếc chuông đổ hồi, tiếng búa thợ giày của người cha, tiếng trống dồn dập của những người lính đánh trống bên đồn binh, tiếng sáo của anh nhạc công lang thang và những bài hát khàn khàn của những tay phù thủy đang đang dẫn những chiếc xà lan thô kệch vào trong vịnh biển lân cận.

Trong tất cả cái muôn màu muôn vẻ của những con người, những sự kiện tủn mủn, màu sắc và âm thanh vây quanh một chú bé tính tình lặng lẽ, Andersen đã tìm được cớ để nghĩ ra đủ mọi thứ chuyện.

Trong nhà Andersen, chú bé chỉ có một người nghe biết ơn người kể - đó là lão mèo già Carl. Nhưng Carl mắc một tật lớn - lão thường ngủ thiếp đi, không nghe hết câu chuyện cổ tích thú vị. Cái tuổi già của loài mèo đã thắng lão, như người ta thường nói.

Nhưng chú bé không giận lão mèo già. Chú tha mọi tội cho lão và Carl không bao giờ cho phép mình nghi ngờ sự tồn tại của những mụ phù thủy, của anh chàng ranh ma Humpty Dumpty, những tay thông ống khói tinh đời, những bông hoa biết nói và những con ếch đội vòng kim cương trên đầu.

Những câu chuyện cổ tích đầu tiên mà chú bé được nghe là những câu chuyện do cha chú và các bà lão trong viện làm phúc cho người tàn tật gần đó kể lại. Những bà lão nọ suốt ngày ngồi gò lưng đan những sợi len xám và lầu bầu kể những câu chuyện thực thà của họ. Chú bé xoay chuyển lại những câu chuyện ấy theo ý mình, tô điểm thêm cho chúng, giống như chú quét lên chúng những lớp sơn mới và trong một hình thức khác hẳn, chú lại kể những câu chuyện ấy, nhưng lần này người nghe lại là các bà lão nọ. Còn các bà lão thì chỉ biết ngạc nhiên và thì thầm với nhau rằng bé Christian quá thông minh và vì thế nó sẽ chết yểu.

Trước khi kể tiếp cho các bạn nghe, tôi cần phải dừng lại ở một đặc điểm của Andersen mà tôi đã nói qua - ở chỗ ông biết cách vui sướng với tất cả những gì thú vị và tốt đẹp mà ta luôn gặp ở mỗi con đường nhỏ, ở mỗi bước đi.

Của đáng tội, gọi các đặc điểm ấy là sự biết cách thì không đúng. Đúng hơn, nên gọi nó là tài năng, là cái khả năng hiếm có nó cho ta nhận thấy những điều lọt qua con mắt lười biếng của mọi người.

Chúng ta đi trên mặt đất nhưng chúng ta đâu có luôn nghĩ đến chuyện cúi xuống và thận trọng xem xét một cách tỉ mỉ cái mặt đất ấy, xem xét một cách tỉ mỉ tất cả những gì ở dưới chân ta. Nhưng nếu chúng ta cúi xuống, hoặc hơn nữa, nằm xuống mà quan sát nó thì mỗi tấc đất ta có thể tìm thấy biết bao điều thú vị.

Chẳng lẽ lại không thú gì sao một mảnh rêu không đang để rơi lả tả những bông hoa hình chén nhỏ bé của nó những phấn hoa màu ngọc bích, hoặc một bông mã đề giống như chiếc ngù màu tím ngát của anh lính? Hoặc một mảnh xà cừ tí xíu, nhỏ đến nỗi không thể làm nổi một chiếc gương bỏ túi cho con búp-bê, nhưng lại đủ lớn để tràn đầy sắc màu dịu dàng như ánh sáng cua buổi bình minh trên bầu trời Baltic.

Chẳng lẽ mỗi ngọn cỏ đầy ứ nhựa thơm ngào ngạt và mỗi hạt

đoạn nhỏ bé đang bay kia lại không phải là tuyệt đẹp sao? Từ hạt đó nhất định sẽ mọc lên một cây đoạn cường tráng.

Có biết bao nhiêu cái ta nhìn thấy dưới chân ta? Về tất cả những cái đó có thể viết một câu chuyện ngắn và những cổ tích. Nghe xong những cổ tích ấy thì người ta chỉ còn biết lắc đầu và bảo nhau:

- Chao ơi, cái thằng bé dài ngoẵng con lão thợ giày Odense kiếm đâu ra được cái tài năng quý hóa đến thế? Rõ là một thằng phù thủy.

Không chỉ có thơ ca của nhân dân đưa con trẻ vào thế giới cổ tích, mà cả kịch. Trẻ con hầu như bao giờ cũng coi kịch như một câu chuyện thần tiên.

Cảnh trí huy hoàng, ánh sáng của đèn dầu, tiếng giáp trụ của những chàng hiệp sĩ kêu lách cách, âm nhạc âm vang giống như tiếng sấm của một trận đánh, những giọt lệ của các nàng công chúa với những hàng lông mi xanh, những tên ác ôn râu lửa tay nắm chặt đốc những lưỡi gươm sứt mẻ, điệu nhảy của đoàn thiếu nữ áo quần mỏng tang. Tất cả những cái đó hoàn toàn chẳng có gì giống thực tại và tất nhiên chỉ có thể xảy ra trong một chuyện thần tiên.

Ở Odense có một rạp hát của tỉnh. Ở đó chú bé Christian lần đầu tiên được xem một vở kịch mang cái tên bay bướm "Người con gái miền sông Danube", vở kịch làm chú bé sửng sốt và từ đó chú trở thành một tác giả nhiệt tình cho đến trọn đời.

Andersen không có tiền đi xem hát. Chú liền thay các vở kịch thực sự bằng các vở kịch tưởng tượng. Chú đánh bạn với anh Peter, một người dán ápphích trong thành phố, giúp đỡ anh, và anh Peter, để trả công cho chú bé, mỗi lần có vở mới lại cho chú một tờ ápphích.

Christian mang ápphích về nhà, lủi vào một góc và sau khi đọc xong tên vở kịch và tên các nhân vật, chú liền nghĩ ra một vở kịch sôi nổi của mình dưới cái tên kịch in trên ápphích.

Chú tưởng tượng như vậy mấy ngày liền. Cứ như thế, một chương

trình biểu diễn bí mật của cái nhà hát tưởng tượng trẻ em đã hình thành, trong đó chú là tất cả: là tác giả kịch bản và là diễn viên, là nhạc công và là họa sĩ, là người phụ trách ánh sáng và là ca sĩ.

Trong gia đình, Andersen là con một và mặc dù bố mẹ nghèo, chú vẫn được sống một cách phóng khoáng không lo, không nghĩ. Cha mẹ không bao giờ phạt chú. Chú chỉ làm độc có một việc là mơ mộng liên miên. Hoàn cảnh ấy đã làm chú thậm chí học hành không được đúng lúc. Chú bắt đầu đi học chậm hơn những đứa trẻ cùng năm sinh và cho đến khi đứng tuổi, nhà văn Andersen khi viết văn còn không tin chắc mình viết đúng và vẫn mắc nhiều lỗi chính tả.

Phần lớn thời gian, Andersen tiêu khiển bên cái cối xay cũ bên bờ sông Odense. Chiếc cối xay bị những dòng nước và những tia nước bắn tung tóe bao bọc, toàn thân run rẩy vì già yếu.

Những chòm râu xanh của đất bùn từ trong những mảng cối xay thủng lỗ chỗ quyện lấy nhau. Nơi bờ đập, những con cá lười biếng lội trong bèo tấm.

Một người nào đó đã kể lại cho chú bé nghe rằng ngay dưới cái cối xay này, ở đầu bên kia trái đất là nước Trung Hoa và người Trung Hoa có thể dễ dàng đào một đường hầm đến Odense và họ sẽ bất thần xuất hiện trong những chiếc áo thụng đỏ bằng lụa bóng thêu rồng vàng với những chiếc quạt kiểu diễm trong tay trên phố phường của cái thành phố Đan Mạch mốc thếch của chú.

Chú bé đợi mãi sự màu nhiệm đó nhưng không hiểu sao không thấy nó xảy ra.

Ngoài cái cối xay, ở Odense còn có một chỗ nữa lôi cuốn chú bé Andersen. Trên bờ con sông đào có trại của một ông già thủy thủ đã về hưu. Trong vườn nhà ông, ông già thủy thủ đặt mấy khẩu đại bác nhỏ bằng gỗ và bên cạnh những khẩu đại bác là một chú lính cao lớn, cũng bằng gỗ.

Khi tàu qua sông đào, những khẩu đại bác bắn đạn giả và chàng lính cũng bắn loạn xạ lên trời bằng khẩu súng gỗ của chàng. Bằng cách đó người thủy thủ già chào mừng những người bạn có phước của ông - những thuyền trưởng chưa về hưu.

Vài năm sau, Andersen đến trại của ông già, lúc đó chàng đã là một sinh viên. Ông lão thủy thủ đã mất nhưng một đoàn thiếu nữ xinh đẹp và đầy nhiệt tình, cháu nội của ông già, đã ồn ào ra đón nhà thơ trẻ giữa những vòng hoa.

Chính vào thời gian ấy, lần đầu tiên trong đời, Andersen cảm thấy mình yêu một trong số những cô gái nọ. Tình yêu ấy, tiếc thay, lại mờ nhạt và không được đáp lại. Trong cuộc sống không phẳng lặng của ông, những lần say mê đàn bà đã xảy ra đều tương tự như vậy.

Andersen đã mơ ước về tất cả những gì chàng có thể nghĩ tới. Cha mẹ chàng thì lại mong mỏi cho chàng có thể trở thành một người thợ may cừ. Mẹ chàng dạy chàng cắt và khâu. Nhưng nếu chú bé Andersen có khâu gì thì đó là những bộ quần áo sặc sỡ cho những con búp-bê nhà hát của chú (lúc đó chú đã có một nhà hát riêng của chú trong nhà.) Thay vào công việc cắt quần áo, chú bé đã học được lối cắt giấy điêu luyện thành những hình phức tạp và những cô vũ nữ tí hon đang quay mình trên một chân. Với nghệ thuật ấy Andersen đã làm mọi người phải kinh ngạc, ngay cả trong tuổi già của ông.

Tài may vá về sau này đã giúp ích nhà văn Andersen. Ông sửa chữa bản thảo nhằng nhịt đến nỗi không còn chỗ chữa thêm nữa. Lúc đó Andersen bèn viết những đoạn chữa lên những tờ giấy rời và cẩn thận lấy chỉ khâu vào bản thảo.

Khi Andersen vừa mười bốn tuổi thì cha ông mất. Nhớ lại chuyện đó, Andersen kể rằng một con dế đã suốt đêm than vãn cho người đã khuất, trong khi đó suốt đêm chú bé khóc ròng.

Người thợ giày tính tình nhút nhát, không có gì đáng được người đời để ý đến ngoài việc ông đã tặng cho thế giới con trai của mình - người kể chuyện cổ tích và nhà thơ - đã lìa bỏ cuộc đời trong tiếng nỉ non của con dế sau lò sưởi.

Sau khi cha mất ít lâu, Andersen xin phép mẹ ra đi và dùng số tiền ít ỏi dành dụm được, chàng rời Odense đi tới thủ đô Copenhagen để tìm kiếm hạnh phúc, mặc dầu chàng cũng chẳng biết hạnh phúc nó ở chỗ nào.

Trong tiểu sử phức tạp của Andersen, khó mà định được đâu là khoảng thời gian ông bắt đầu viết những chuyện thần tiên đầu tay của ông.

Từ thuở còn thơ, trong trí nhớ của Andersen đã tràn ngập đủ mọi chuyện thần tiên. Nhưng những chuyện đó còn nấp ở một chỗ kín đáo. Chàng thanh niên Andersen trong một thời gian dài tự coi mình là ca sĩ, là diễn viên múa, là người ngâm thơ, là nhà trào phúng, nhà thơ mà nhà biên kịch, là gì cũng được nhưng không phải là người kể chuyện cổ tích. Mặc dầu vậy, giọng nói văng vẳng của những câu chuyện thần tiên vẫn cứ vang lên, lúc thì ở tác phẩm này, lúc thì ở tác phẩm khác của ông, như là tiếng một sợi dây đàn ta vừa động tới rồi lại buông ngay.

Trí tưởng tượng khoáng đạt thâu tóm trong cuộc sống quanh ta hàng trăm tiểu tiết và tập hợp chúng lại trong một câu chuyện chững chạc và thông minh. Người kể chuyện cổ tích không coi thường bất cứ việc gì, dù đó chỉ là cổ một chai bia, một hạt sương trên chiếc lông mà con vàng anh đã để rơi, hay cái cột đèn rỉ ngoài phố. Bất cứ ý nghĩ mạnh mẽ nhất và đẹp đẽ nhất nào cũng có thể hiện trong sự giúp đỡ bè bạn của những vật giản dị kia.

Cái gì đẩy Andersen vào lãnh vực của những chuyện thần tiên?

Chính ông đã thường nói rằng, ông viết những chuyện thần tiên đạt hơn hết trong lúc chỉ có một mình một bóng với thiên nhiên, "nghe giọng nói của thiên nhiên" nhất là trong thời gian ông nghỉ trong những khu rừng Zelandia, những khu rừng dường như bao giờ cũng bị trùm lấp trong một màn sương mỏng và thiêm thiếp dưới ánh lấp lánh yếu ớt của những vì sao. Tiếng biển rì rào xa xa vẳng vào trong những khu rừng rậm rạp nọ tạo cho chúng một vẻ huyền bí.

Nhưng chúng ta cũng biết rằng Andersen đã viết nhiều truyện cổ tích trong mùa đông, lúc đang độ tưng bừng những cây thông hội hè của con trẻ và ông đã khoác cho chúng một hình thức tao nhã chỉ có ở những đồ trang hoàng cho những cây thông đầu năm.

Tất nhiên, mùa đông ở ven biển, những tấm thảm tuyết, tiếng củi nổ tí tách trong lò sưởi và ánh sáng chan hòa của đêm đông - tất cả những cái đó đều dành cho những truyện thần tiên. Mà rất có thể

câu chuyện xảy ra ở một phố Copenhagen đã thúc đẩy Andersen trở thành người kể chuyện cổ tích.

Một đứa bé đang chơi trên bậu cửa sổ của một ngôi nhà cũ ở Copenhagen.

Đồ chơi cũ của nó không có nhiều, vài cái hộp, một con ngựa bằng giấy bồi cũ kĩ đã mất cả đuôi và bị tắm nhiều lần nên đã bạc hết lông, và một chú lính chì gãy.

Mẹ chú bé - một thiếu phụ trẻ - ngồi thêu bên cửa sổ.

Trong lúc đó, ở cuối phố, về phía hải cảng cũ, nơi những cột buồm tàu bè nghiêng ngả trên nền trời làm ta buồn ngủ, xuất hiện một người đàn ông rất gầy, cao, mặc bộ quần áo đen. Ông ta đi nhanh, dáng đi nhún nhảy, không vững, vung vẩy hai cánh tay dài và nói lẩm bẩm một mình.

Ông ta cầm mũ ở tay và vì thế trông rõ vầng trán rộng thoai thoải, cái mũi khoằm và đôi mắt xám hơi nheo.

Ông không đẹp nhưng duyên dáng và làm người ta có cảm giác ông là người nước ngoài. Một nhánh bạc hà thơm được gài vào khuyết áo đuôi tôm.

Nếu như ta có thể nghe trộm những tiếng lầm bầm của con người không quen biết kia, ta sẽ thấy ông đang ngâm nga những vần thơ:

Ôi hoa hồng dịu êm kí ức ngày xa,

Ta ôm ấp ngươi trong lồng ngực của ta.

Thiếu phụ sau khung thêu ngẩng đầu lên và nói với chú bé: Kìa, ông Andersen, nhà thơ của chúng ta đang đi kia. Nghe bài hát ru em của ông, con dễ ngủ lắm đấy.

Chú bé ngước mắt lên nhìn người lạ mặt trong bộ đồ đen, vớ lấy chú lính cụt chân duy nhất của chú chạy ra ngoài phố và nhét chú lính vào tay Andersen rồi chạy đi ngay.

Đó là một món quà vô cùng hào phóng. Andersen hiểu điều đó. Ông gài chú lính chì vào trong khuyết áo đuôi tôm bên cạnh nhánh

bạc hà như thể gài một tấm huân chương rồi rút khăn tay, ông khẽ thấm lên mắt. Các bạn ông đã không vô lí khi lên án ông giàu xúc cảm.

Còn thiếu phụ, sau khi ngừng thêu và ngẩng đầu lên, nàng nghĩ rằng nàng sẽ hạnh phúc biết bao, đồng thời cũng sẽ khổ biết bao, nếu như nàng chung sống với nhà thơ kia, giả thử nàng có thể yêu ông. Người ta nói rằng, đến cả nữ danh ca trẻ tuổi Jenny Lind mà ông yêu say đắm - mọi người đều gọi nàng là "Jenny chói lọi" - cũng không thể làm Andersen từ bỏ bất cứ thói quen nhà thơ nào của ông, bất cứ chuyện bịa nào của ông.

Mà những chuyện bịa đó rất nhiều. Một lần ông đã nghĩ cả đến chuyện gắn vào cột buồm chiếc thuyền đánh cá một chiếc đàn dây để nghe tiếng hát rền rĩ của nó vào mùa gió sầu Tây Bắc thường xuyên thổi vào Đan Mạch.

Andersen cho rằng cuộc đời ông là tuyệt đẹp, và gần như không vẩn mây mù, nhưng tất nhiên, đó chẳng qua là nhờ ở tình yêu con trẻ là dấu hiệu xác thực của một nội tâm phong phú. Những người như Andersen chẳng thích thú gì việc tiêu phí thời gian và sức lực trong cuộc đấu tranh với những thất bại trong cuộc sống, trong khi xung quanh mình rõ ràng thơ ca đang lấp lánh và cần phải sống trong thơ ca, chỉ bằng thơ ca và không bỏ lỡ cái khoảnh khắc ngắn ngủi khi mùa xuân lướt nhẹ đôi môi trên cây cối. Hạnh phúc biết bao nếu ta không bao giờ nghĩ đến những điều rủi ro trong cuộc sống! Chúng ta đáng gì so với mùa xuân tốt lành và ngát hương kia.

Andersen muốn được nghỉ ngơi, và được sống như thế, nhưng thực tại chẳng hề tử tế với ông, mặc dầu ông xứng đáng được như vậy.

Trong đời Andersen đã có nhiều, rất nhiều nỗi đau khổ và bực dọc, nhất là trong những năm đầu tiên ở Copenhagen, trong những năm nghèo khổ, sống dưới sự bảo trợ khinh thị của các nhà thơ, các nhà văn và các nhạc sĩ đã được người đời công nhận.

Đã quá nhiều lần, ngay cả trong tuổi già của ông, người ta đã cho Andersen biết rằng ông chỉ là một người "bà con nghèo" trong nền văn học Đan Mạch, rằng ông - con trai một tên thợ giày và là một

kẻ nghèo khó - cần phải biết chỗ đứng của mình giữa các quý ngài cố vấn và các quý ngài giáo sư.

Nói về đời mình, Andersen kể lại rằng trong suốt đời ông, ông đã nhiều lần nếm mùi cay đắng. Người ta bịt miệng ông, vu khống ông. Người ta chế giễu ông. Vì lẽ gì?

Vì trong người ông có "máu dân đen", vì ông không giống những tên tiểu nhân hãnh tiến, vì ông không biết sống.

Người ta coi sự không biết cách sống trong cái xã hội trưởng giả ở Đan Mạch, là một khuyết tật nặng nề nhất. Andersen chỉ là một cái gai trong xã hội đó. Cái gã kì quặc ấy, cái gã nhân vật đáng buồn cười của thơ ca ấy đã sống dậy và bất thần xuất hiện từ trong một tập thơ ca ấy - theo lời triết gia Kierkegaard - đã quên mất câu thần chú để trở về giá sách bụi bặm của thư viện.

Andersen nói về mình như thế này: "Tất cả những gì đó tốt đẹp trong tôi đều bị người ta nhận xuống bùn nhơ". Ông còn nói đến những chuyện cay đắng hơn nữa, tự ví mình với một con chó bị chết đuối mà lũ trẻ còn ném đá, nhưng không phải vì căm ghét mà chỉ là để đùa nghịch cho vui.

Phải, đường đời không trải hoa đối với con người có tài nhìn thấy trong đêm tối bông hoa tường vi lấp lánh trong ánh trăng, con người có tai nghe thấy tiếng càu nhàu của một gốc cây bị đẵn lưu cữu trong rừng.

Andersen đau khổ ghê gớm và ta chỉ còn biết nghiêng mình trước tinh thần dũng cảm của con người, trên đường đời của mình, đã không để mất đi tấm lòng mong mỏi điều thiện cho đồng loại, cả niềm khát khao chính nghĩa lẫn khả năng nhìn thấy thi ca ở bất cứ nơi nào có nó.

Ông đau khổ nhưng không khuất phục. Ông công phẫn. Ông tự hào vì sự gần gũi máu mủ của mình đối với những người nghèo khổ, những người dân cày và những người thợ. Ông gia nhập "Liên đoàn thợ thuyền" và là những người đầu tiên trong các nhà văn Đan Mạch, ông đọc cho thợ thuyền nghe những chuyện thần tiên của ông.

Ông thẳng tay và mai mỉa đối với những gì mai mỉa đối với những gì khinh thị con người bình dị, đối với bất công và lừa dối. Trong ông, bên cạnh lòng chân thành của con trẻ, còn có tính châm biếm sâu cay. Ông đã biểu thị tính đó một cách hết sức mạnh mẽ trong câu chuyện cổ tích của ông về ông vua cởi truồng.

Khi nhà điêu khắc Thorvaldsen qua đời, Andersen không thể nào chịu nổi khi nghĩ đến chuyện những kẻ quyền quý Đan Mạch kia sẽ đi diễu một cách khoa trương sau linh cữu Thorvaldsen đằng trước tất cả mọi người.

Andersen sáng tác một bản Cantata khi Thorvaldsen qua đời. Ông triệu tập con cái những người nghèo khổ trong toàn thành Amsterdam khi đưa đám Thorvaldsen, bắt đầu bằng những lời như sau:

Hãy nhường đường cho những kẻ nghèo khó đến với linh cữu.

Kẻ đã xuất thân từ bọn họ.

Andersen đã viết về nhà thơ Ingemann, bạn của ông, rằng Ingemann đi tìm những hạt giống thơ trên đất đai của dân cày. Những lời nói đó nói về bản thân Andersen còn xứng đáng hơn. Ông đã lượm lặt những hạt thơ từ những cánh đồng dân cày, ấp ủ nó trong tim ông, gieo chúng trong những hoa thơ tuyệt đẹp, chưa từng thấy, chúng đem lại niềm vui cho trái tim những người cùng khổ.

Đã có những năm học tập khó khăn và nhục nhằn khi Andersen buộc phải ngồi cùng bàn trong trường cùng với những đứa trẻ ít tuổi hơn ông rất nhiều.

Đã có những năm tâm hồn rối loạn và đó là những vô cùng gian khổ tìm tòi đường đi chân chính cho mình. Bản thân Andersen trong một thời gian dài vẫn không biết những lĩnh vực nào của nghệ thuật là thật xứng với tài năng của ông.

Khi đã về già Andersen nói về mình: “Giống như người dân miền núi đục vào vách đá những bậc thang, tôi đã chậm chạp và khó nhọc kiếm lấy một chỗ cho mình trong văn học”.

Ông không biết gì về sức mạnh của mình, mãi cho tới khi nhà thơ Ingemann đùa cợt nói với ông: “Anh có một khả năng quý báu là trong bất cứ cống rãnh nào anh cũng tìm ra được ngọc trai”.

Câu nói đó đã làm cho Andersen phát hiện được bản thân ông.

Và thế là năm thứ hai mươi ba của đời ông, một cuốn sách thực sự Andersen đã ra đời: “Chuyến đi chơi trên đảo Amager”.

Trong cuốn sách đó nhà thơ Andersen trước đó không người biết đến đã lướt qua trên nước Đan Mạch. Tương lai dần trở nên sáng sủa.

Dùng ngay số tiền nhuận bút đầu tiên mà người ta trả cho những cuốn sách đầu tiên của mình, Andersen hướng về chuyến đi du lịch các nước châu Âu.

Ta hoàn toàn có quyền gọi những chuyến đi liên tiếp của Andersen là những chuyến du lịch, không phải chỉ du lịch trên mặt đất mà còn là du lịch qua các người đương thời vĩ đại của ông. Bởi vì bất cứ nơi nào Andersen đặt chân tới, bao giờ ông cũng làm quen với những nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ và họa sĩ mà ông yêu mến.

Những sự quen biết như thế, Andersen không chỉ coi là dĩ nhiên và còn là cần thiết. Khối óc thông thái và tài năng rực rỡ của những con người đương thời vĩ đại làm tràn ngập con người ông cảm giác về sức lực của chính ông.

Tất cả đời ông đã qua đi trong sự xúc động kéo dài, trong sự thay đổi thường xuyên những đất nước, những thành phố, những dân tộc và những người bạn đường, trong những đợt sóng của “thơ trên đường”, trong những cuộc gặp gỡ lạ kì và những suy tưởng cũng không kém phần kì lạ.

Ông viết ở bất cứ nơi nào ông thèm viết. Ai là người có thể đếm được có bao nhiêu vết xước do ngòi bút nhọn và hấp tấp của ông để lại trên những bình mực bằng thiếc trong các khách sạn Rome, Paris, Avignon và Constantinople, London và Amsterdam.

Tôi đã nhắc đến ngòi bút hấp tấp của Andersen. Đành phải gác lại câu chuyện về những chuyến du lịch của ông trong đôi phút để

giải thích các nói đó.

Andersen viết rất nhanh, mặc dầu sau đó ông sửa lại bản thảo rất lâu và khắc nghiệt.

Ông viết nhanh như vậy vì ông có tài ứng tác.

Andersen là một kiểu mẫu trong sáng nhất về một người có tài ứng tác.

Tài ứng tác là sự đáp ứng nhạy bén của nhà thơ đối với bất cứ ý nghĩ nào của người khác, bất cứ một kích thích nào từ bên ngoài, là sự biến hóa ngay tức khắc ý nghĩ đó thành những dòng hình tượng và những bức tranh nhịp nhàng, cân đối. Tài đó chỉ có trên cơ sở một trí nhớ tuyệt diệu.

Andersen viết cuốn truyện vừa của mình về nước Ý như một người có tài ứng tác. Chính vì thế mà ông đặt tên cho cuốn đó là "Người ứng tác" và rất có thể Andersen mang một tình yêu sâu sắc và kính trọng đối với Heine, phần nào vì ông tìm thấy ở nhà thơ Đức một người bạn đồng nghiệp cũng có tài ứng tác.

Nhưng chúng ta hãy trở lại những chuyến du lịch của Christian Andersen.

Trong chuyến du lịch đầu tiên của ông đi trên bờ biển Kattegat dày đặc hàng trăm tàu buồm. Đó là chuyến đi rất vui vẻ. Vào khoảng thời gian đó, Kattegat xuất hiện những chuyến tàu thủy đầu tiên, tàu Đan Mạch và tàu "Caledonia". Chúng gây một trận phong ba công phẫn trong đám skipper của những con tàu chạy buồm.

Khi những chiếc tàu thủy chạy, máy hơi nước nhả khói đầy kênh và bối rối đi qua hàng thuyền buồm, chúng bị người ta nhạo báng hết sức tàn tệ. Những tay skipper bắc loa về phía những chiếc tàu thủy và gửi sang những lời nguyền rủa chọn lọc nhất. Họ gọi những con tàu biển kia là "bọn nạo ống khói", "bọn chở khói", "những cái đuôi sấy" và "những cái chậu gỗ thối khắm". Cuộc cãi lộn tàn nhẫn theo kiểu hàng hải ấy làm cho Andersen buồn cười.

Những chuyến đi Kattegat không được tính vào các chuyến đi của Andersen. Sau chuyến đi đó bắt đầu những "chuyến du lịch thực

sự" của Andersen. Ông đã đi vòng quanh châu Âu nhiều lần, đã đến miền tiểu Á và cả châu Phi.

Ở Paris ông làm quen với Victor Hugo và nữ nghệ sĩ vĩ đại Rasen, trò chuyện với Balzac, đến chơi nhà Heine. Ông bắt gặp nhà thơ Đức đang ngồi với bà vợ Paris kiều diễm của ông, chung quanh bà là một đám trẻ ồn ào. Nhận thấy vẻ lôi cuốn của Andersen (trong thâm tâm ông thường vẫn sợ con trẻ). Heine nói:

- Ông đừng sợ. Đây không phải các cháu đâu. Chúng tôi mượn của bà con hàng xóm đấy.

Dumas dẫn Andersen đi xem hát ở các rạp rẻ tiền ở Paris, còn Andersen thì một hôm bắt gặp Dumas đang viết cuốn tiểu thuyết thường kì của ông, Dumas lúc thì ầm ầm chửi nhau với những nhân vật của mình, lúc thì nghiêng ngả vì cười sặc sụa.

Wagner, Schumann, Mendelssohn, Rossini và Liszt biểu diễn các tác phẩm của họ cho Andersen nghe. Andersen gọi Liszt là "linh hồn của giông tố trên những dây đàn".

Ở London, Andersen gặp Dickens. Hai người nhìn thẳng vào mắt nhau. Andersen không chịu nổi, quay mặt đi và khóc. Đó là những giọt nước mắt của lòng khâm phục trước trái tim vĩ đại của Dickens.

Sau đó, Andersen đến thăm Dickens ở ngôi nhà nhỏ của ông trên bờ biển. Ngoài sân, một người Ý đang buồn bã quay phong cầm Bacbari, bên ngoài cửa sổ, trong tranh tối tranh sáng, ánh lên lửa hải đăng, những con tàu lộc ngộc từ trong sông Thames bơi ra biển, đi qua nhà, còn bờ bên kia sông thì rực sáng như than bùn cháy - đó là những nhà máy và những xưởng sửa chữa tàu biển nhả khói.

Nhà tôi đầy trẻ - Dickens nói với Andersen và vỗ tay một cái. Lập tức mấy đứa trẻ con trai và gái Dickens chạy vào phòng, vây lấy Andersen và hôn ông để cám ơn ông vì những câu chuyện cổ tích của ông.

Nhưng nơi Andersen thường đến nhiều hơn hết và ở lâu hơn hết là ở Ý.

Rome đối với ông, cũng như đối với rất nhiều nhà văn, họa sĩ nước ngoài, đã trở thành tổ quốc thứ hai. Một lần Andersen đi xe ngựa trên đất Ý. Đó là một đêm xuân đầy những ngôi sao lớn. Mấy cô gái quê ngồi vào xe. Trời tối đến nỗi hành khách không thể nhìn thấy rõ nhau. Nhưng mặc dầu họ không nhìn rõ nhau, một câu chuyện đùa vui vẻ đã bắt đầu trong đám hành khách. Phải đêm đó trời tối đến nỗi Andersen chỉ nhận thấy những đôi môi ướt của các cô gái bóng lên.

Ông bắt đầu kể cho các cô gái nghe những câu chuyện về chính họ. Ông nói về họ như những nàng công chúa trong chuyện thần tiên. Ông nói say mê. Ông ca ngợi những cặp mắt xanh màu lá cây đầy bí ẩn, những bím tóc thơm ngát, những đôi môi hồng và những hàng lông mi nặng của các cô.

Mỗi cô gái đều đẹp theo cách riêng trong sự mô tả của Andersen. Mỗi cô đều thấy hạnh phúc theo cách riêng của mình. Các cô gái cười bối rối và mặc dầu trời tối, Andersen vẫn nhận thấy những giọt lệ long lanh trong mắt mấy cô trong bọn họ. Đó là những giọt lệ biết ơn đối với người bạn đồng hành lạ lùng và tốt bụng. Một cô trong bọn họ yêu cầu Andersen tả ông cho họ biết.

Andersen không đẹp trai. Ông biết điều đó. Nhưng lúc này ông đây ông mô tả ông như một chàng trai thân hình cân đối có duyên, với nước da mai mái. Chàng trai đó có một tâm hồn đang run rẩy chờ đợi tình yêu.

Cuối cùng chiếc xe dừng lại ở một thị trấn heo hút, nơi các cô gái đi đến. Đêm trở nên tối hơn. Các cô gái chia tay cùng Andersen, hơn nữa, mỗi cô khi từ biệt còn tặng người lạ mặt kì quặc kia một cái hôn nồng nhiệt và dịu dàng.

Chiếc xe chuyển bánh. Khu rừng ồn ào bên ngoài cửa xe, những con ngựa thở phì phì và những chùm sao thấp của nước Ý tỏa sáng trên đầu. Và Andersen cảm thấy mình hạnh phúc như vậy. Ông cảm ơn những điều bất ngờ xảy đến trên đường, cảm ơn những cuộc gặp gỡ thoảng qua và đáng yêu.

Nước Ý đã chiếm được lòng Andersen. Ông đã yêu tất cả mọi vật ở đó: những cái cầu đá chằng chịt dây leo, những mặt nhà bằng đá cẩm thạch đã đổ nát, những đứa trẻ da nâu rách rưới, những cánh

rừng cam dại Venise - “bông sen úa”, những pho tượng thánh Laterano, khí trời mùa thu ngây ngất và ớn lạnh, những mái vòm lấp lánh trên thành Rome, những bức tranh cổ, nắng dịu dàng và nhiều ý nghĩ sáng tạo mà nước Ý đã sinh ra trong trái tim ông.

Andersen qua đời năm 1875.

Mặc dầu những rủi ro thường gặp, ông đã được hưởng hạnh phúc chân chính, làm người mà nhân dân nước ông yêu mến.

Tôi không dẫn ra đây tất cả những gì Andersen đã viết. Cái đó có lẽ cũng chẳng cần thiết. Tôi chỉ muốn phác qua một hình ảnh vội vàng của nhà thơ và người kể chuyện cổ tích ấy, con người kì quặc đáng yêu ấy, người mà đến lúc chết vẫn là một đứa trẻ chân thành, con người có tài ứng tác, đầy hào hứng và người có tài chiếm lĩnh tâm hồn người - cả trẻ con lẫn người lớn.

Ông là nhà thơ của người nghèo mặc dầu những đức vua coi việc được bắt bàn tay gầy guộc của ông là một vinh dự.

Ông là ca sĩ bình dân. Cả cuộc đời ông chứng tỏ kho báu của nghệ thuật chân chính chỉ có ở trong tri thức của nhân dân và không ở nơi nào khác.

Thơ ca làm cho trái tim của nhân dân được no nê chẳng khác gì triệu triệu hạt bụi nước tí xíu làm bão hòa không khí trên đất đai Đan Mạch. Người ta nói vì thế mà không đâu có những cầu vồng rộng lớn và rực rỡ như ở đây.

Chúc cho những cầu vồng đó sẽ lấp lánh thường xuyên hơn nhưng khải hoàn môn nhiều màu lắm sắc trên nấm mồ của người kể chuyện cổ tích Andersen và trên những khóm hồng bạch mà ông yêu mến.

1955

K. PAUSTOVSKY

(Bản dịch: Kim Ân)

NỮ THẦN BĂNG GIÁ

I - EM BÉ RUDY

Các bạn đọc thân mến, tôi đưa các bạn sang đất nước Thụy Sỹ. Hãy nhìn xung quanh các bạn, nhìn lên những khu rừng âm u trên những đỉnh núi hiểm trở. Hãy trèo lên những bãi tuyết sáng chói và trở xuống những bình nguyên xanh tươi, ở đấy có biết bao nhiêu sông con và khe suối đang ầm ầm chảy xiết, như sợ không đến kịp để tiêu tan trong biển cả.

Mặt trời rọi những tia nóng bỏng vào những thung lũng sâu, làm tan những khối tuyết. Đến đêm tuyết lại đông lại thành những tảng băng, lở ra rồi lăn xuống núi, hoặc đóng thành những con sông băng chồng chất lên nhau.

Trong số ấy có hai con sông băng đóng đầy những khe vực lớn dưới chân hai ngọn Schreckhorn và Wetterhorn gần thị trấn Grindelwald. Những sông băng ấy hình thành một cách lạ kỳ nên đến mùa hè rất nhiều nhà du lịch từ khắp các nước đến đều dừng chân tại đó. Từ các thung lũng, leo hàng giờ đồng hồ mới lên tới đỉnh núi, ở đó, họ cảm thấy như đang nhìn thấy đồng bằng từ một quả khinh khí cầu lơ lửng trên không.

Mây luôn luôn tụ lại trên các ngọn núi thành một màn hơi bao la, còn mặt trời thì chiếu xuống thung lũng làm cho cỏ cây rực rỡ như một bức tranh lụa đặt trước đèn. Phía dưới, nước cuốn ầm ầm như gào thét. Khi còn ở trên cao, nước thì thầm, khẽ róc rách và trườn theo các tảng đá, trải ra thành những dải bạc.

Hai bên đường đi lên sông băng là những nhà gỗ, xung quanh mỗi cái có vườn khoai nhỏ nuôi sống các em bé, miệng xinh xắn háu ăn, lốc nhốc trong những gian nhà nhỏ bé đó.

Người ta thấy hàng đàn các em bé ấy xô đến trước những người du lịch, vây quanh họ và mời mua những chiếc nhà gỗ xinh xinh do cha mẹ chúng đẽo gọt.

Ngày nắng đẹp cũng như ngày mưa trút nước, lũ trẻ con ấy luôn luôn đứng rải rác trên đường để chào mời du khách mua món hàng bé nhỏ của mình.

Cách đây chừng hai mươi năm, du khách thấy một em bé cũng đến bán hàng, cùng chạy tới với các trẻ em khác, nhưng bao giờ em cũng đứng cách ra xa một chút. Em có một bộ mặt nghiêm nghị đáng yêu, và hai tay giữ khư khư cái hộp gỗ, tưởng chừng như không bao giờ em muốn rời nó ra cả. Các em khác quấy rầy mọi người. Riêng em chẳng nói chẳng rằng. Nhưng vẻ nghiêm trang của đứa bé làm cho mọi người thích gọi em hơn các em láu táu kia và em bán được nhiều hàng hơn, tuy em chẳng biết tại sao

Chính ông em đã đẽo gọt những cái kẹp hột bồ đào, những ông phỗng kỳ quái, những con gấu, những thìa, nĩa, những cái hộp chạm trổ cành lá thanh tao và những con nai mảnh khảnh. Ông cụ ở trên núi cao. Cụ có một tủ đầy những đồ chơi xinh xinh như thế thường làm trẻ con rất mê thích. Nhưng em bé, tên gọi Rudy, không chú ý đến những đồ chơi đó lắm. Cái mà em thích nhìn và thèm muốn, cái mà em khao khát chiếm được, là cây súng cổ treo trên xà nhà. Ông em đã hứa cho em, nhưng chỉ khi nào em đã lớn và đủ sức dùng cây súng ấy.

Tuy còn bé tí, em đã phải đi chăn dê. Nếu một tay chăn dê giỏi cần phải biết cùng dê leo lên các mỏm đá thì Rudy là một em bé chăn dê giỏi. Em còn trèo cao hơn cả dê nữa. Em thích trèo lên ngọn cây cao để gỡ tổ chim. Em can đảm, còn liều lĩnh là khác. Chỉ khi nào đến bên một thác nước đang gầm thét, hay nghe thấy tiếng băng lở đổ ầm ầm, mới thấy em mỉm cười.

Em chẳng bao giờ chơi với những đứa trẻ khác. Chỉ thấy em trong bọn chúng khi nào ông em sai em đi bán các đồ gỗ chạm trổ do ông cụ làm ra. Rudy chẳng thích làm việc ấy tí nào. Em chỉ thích một mình leo lên các ngọn núi hiểm trở, hoặc ngồi cạnh ông ngoại để nghe kể lại những câu chuyện thời xưa và những truyền thuyết về xứ Meyringen, nơi ông cụ sinh trưởng, xứ sở ngày xưa đã bị một dân tộc thuộc dòng giống Thụy Điển từ trên tít miền Bắc xuống xâm lăng.

Vì thế Rudy học được khối thứ. Trong khi lắng tai nghe những câu chuyện của nhà điêu khắc già ấy, em đã thu lượm được một kiến

thức nho nhỏ mà các em khác cùng tuổi không hề có. Nhưng trí tuệ em lại càng minh mẫn nhờ sự giao du với những con vật sống trong gian nhà gỗ. Đó là Ajola, con chó lớn của cha em và một con mèo mà Rudy rất yêu quý. Chính con mèo này đã dạy em leo trèo.

Một hôm mèo bảo: "Này, đi lên mái nhà với tớ đi", em nghe hiểu ngay. Khi người ta còn bé và nói chưa sõi, người ta rất hiểu tiếng nói của gà, vịt, chó và mèo. Chúng cũng nói rành rọt như cha mẹ nói với ta. Khi ta lấy cây gậy của ông làm ngựa cưỡi chơi thì ta cũng nghe thấy nó hí và trông thấy như nó có cả đầu, cả chân và cả đuôi. Nhưng một khi ta lớn lên thì tính năng đó mất đi. Tuy nhiên, cũng có nhiều em giữ được tính năng đó lâu hơn các em khác, người ta cho rằng chúng là những đứa đần độn hạng nặng. Nhưng, người đời thật là lắm chuyện!

Đây, mèo đã bảo em: "Này, đi lên mái nhà với tớ đi! Tưởng là nguy hiểm thì thật là hão huyền. Khi người ta không hề sợ ngã, thì chẳng bao giờ ngã. Nào, cậu đặt một cẳng như thế, một cẳng như vậy. Giữ cho chắc hai cẳng đằng trước. Mắt phải thật tinh, người phải thật mềm, khi tới một vực sâu cứ nhảy qua, không sợ gì cả. Trông tớ làm đây này".

Thế là Rudy thuộc lầu cả bài diễn giảng đó, theo con mèo lên tận mái nhà và các ngọn cây. Sau đó, em leo lên tận các mỏm đá nhọn, nơi mà loài mèo không leo đến bao giờ. Chính những bụi cây mọc cheo leo đã dạy em bám lấy những rìa núi chật hẹp hiểm trở nhất.

Rudy thường hay trèo lên núi trước lúc mặt trời mọc, và ở đấy em thở hít không khí tươi mát, lành mạnh. Đó là một thứ rượu tiên mà chỉ có Chúa Trời nhân đức mới biết làm, và đây là cách pha chế: Hãy trộn hương thơm của tất cả các loại cỏ tươi trên núi lẫn với bạc hà, xạ hương, hoa hồng và tất cả các thứ hoa khác mọc dưới thung lũng. Hãy lọc lấy những vị thơm tinh túy nhất; còn các hơi nặng nề thì để cho mây hút đi. Nhờ gió đẩy tất cả qua những khu rừng thông, sau đó bạn được hương của một bó hoa tươi tắn, dịu dàng và cực kỳ thơm ngát.

Chính Rudy sáng nào cũng lên hưởng hương thơm ấy trên núi cao. Ánh sáng mặt trời đến vuốt ve đôi má em. Thần Choáng váng, con quỷ kinh tởm đang rình mò em; nhưng có lệnh của bề trên cấm nó đến gần em bé. Những con chim nhạn trong bảy tổ chim làm dưới

mái nhà của ông ngoại, bay theo em lên núi cao, nơi em chân dê, và hát lên những điệp khúc bí ẩn: “Vi ốốc i, ốốc i, ốốc vi” (Tiếng bắt chước chim nhạn kêu nhưng tất nhiên phải có âm tiết (nặng, nhẹ). Những chữ đó có nghĩa: Bạn và chúng tôi, chúng tôi và bạn (chú thích trong bản Pháp văn)). Chúng truyền lại cho em nghe những lời khen ngợi của mọi người trong nhà, kể cả của đôi gà mái, những con vật mà em không hề giao du.

Tuy vẫn còn bé tí, em đã từng du lịch khá nhiều. Em sinh ra ở tổng Valais, từ đấy người ta mang em vượt qua dãy núi Alps về Oberland, khi em còn nhỏ xíu. Sau này, em đã từng đi bộ đến đến tận Staubbach để ngắm nghía cái thác nước mỹ lệ tỏa trong không trung như một tấm sa màu bạc chừng ba trăm thước trước ngọn Jungfrau phủ đầy băng tuyết trắng toát.

Cũng đã có lần em đến gần những dòng sông lớn ở Grindelwald nữa. Nhưng đó là một câu chuyện buồn. Mẹ em đã chết ở đấy và em đã mất hết tính vui vẻ của tuổi thơ. Thỉnh thoảng ông ngoại em lại kể rằng: “Hồi thằng Rudy lên hai, hầu như lúc nào nó cũng cười. Thư của mẹ cháu viết cho tôi toàn kể những nét vui tươi như điên rồ của cháu, nhưng từ khi cháu bị rơi xuống hang băng đến nay, cháu trở thành nghiêm nghị hơn ông già”. Ông cụ không thích nhắc đến biến cố ấy lắm, nhưng khắp vùng xung quanh, mọi người đều biết. Câu chuyện xảy ra như sau:

Người ta chỉ nhớ rằng cha Rudy là một người đánh xe ngựa. Con chó lớn Ajola luôn chạy theo khi ông đánh xe từ Geneva qua đèo Simplon, đi sang nước Ý.

Ông có một người em trai ở thung lũng ven sông Rhone thuộc tổng Valais. Đó là một tay săn nai (Nai ở đây là chamois, một giống nai sống ở vùng núi đá có băng tuyết bên Âu châu) dũng cảm và còn làm nghề dẫn đường cho các khách du lịch.

Rudy mồ côi cha từ năm lên hai. Mẹ em quyết định quay trở về quê hương Obeclan thuộc Berne, sống với ông nghoại em ở cách Grindelwald một dặm đường. Ông cụ làm nghề chạm trổ những đồ gỗ xinh xinh để kiếm ăn.

Thế là đến tháng sau bà ta bế con đi cùng với hai người thợ săn nai. Họ đã vượt qua dốc núi Gemmi và đã trông thấy từ xa các nhà

gỗ nằm trong thung lũng của quê hương. Họ chỉ còn phải vượt qua một con sông băng lớn nữa thôi. Đường đi thật vất vả. Tuyết vừa mới rơi xuống, che một cái vực chỉ rộng độ mấy chục thước - như thường thấy ở vùng này - nhưng lại sâu hơn một đầu người. Người thiếu phụ trượt chân, thụt xuống tuyết và cùng Rudy rơi biến xuống đáy vực.

Lúc đầu người ta không nghe thấy tiếng kêu, cũng không nghe thấy tiếng rên rỉ. Nhưng chẳng bao lâu em bé cất tiếng khóc. Phải mất hơn một giờ sau hai người săn nai mới tìm kiếm được cọc và dây ở một nhà gần đấy. Sau nhiều cố gắng, đến tảng sáng họ mới mang lên được người mẹ và đứa bé nom như đã chết rồi. Người ta cứu được đứa bé còn người mẹ thì không cứu được. Em bé được mang về với ông ngoại và ông cụ đã cố gắng hết sức mình nuôi nấng em thật chu đáo. Cụ không thấy cháu cụ vui vẻ, tươi cười như mẹ nó đã tả. Em bé hầu như không bao giờ cười nữa.

Ấy là hậu quả của cái tai nạn làm em bé bị rơi vào thế giới băng giá kỳ lạ. Thế giới đó toàn là những khối băng vĩ đại sắc trắng hoặc xanh, đủ các hình thù, chồng chất lên nhau.

Theo óc mê tín của nhân dân miền núi Thụy Sỹ thì linh hồn những người có tội bị giam giữ trong đó cho đến ngày phán xử cuối cùng.

Bên trong sông băng có những hang rộng bao la, những vực sâu suốt đến tận trong lòng dãy núi Alps. Nơi ấy có một lâu đài tuyệt đẹp. Đó là cung điện của Nữ thần Băng giá, bà chúa của địa hạt âm u này. Mụ thích phá phách, đè bẹp và nghiền nát mọi vật. Không trung là cha mụ. Quyền lực của mục rải trên tất cả các dòng sông bắt nguồn từ xứ sở của mụ. Mụ có thể lao nhanh hơn nai lên những đỉnh núi tuyết vĩnh cửu mà người liều lĩnh nhất cũng phải đẽo bậc thang vào băng mới leo lên được. Có những lần mụ trút xuống các cành cây thông những thác nước hung dữ nhất để rồi nhảy từ mỏm đá này sang mỏm đá khác, mớ tóc dài trắng xóa tỏa phất phơ quanh mình: mụ khoác một áo choàng màu hồ thủy giống như nước các hồ vùng Helvetii.

Khi người ta kéo Rudy từ dưới vực lên, mụ gào thét: “Thôi đi! Để nó đấy, nó là của ta”. Khi người ta giành chú bé mang đi, thì mụ nói: “Chúng đã cướp của ta một đứa bé xinh đẹp; ta đã ôm nó, sắp sửa cho nó một cái hôn giết chết nó. Thế là nó lại được quay về

sống với người đời. Nó chăn dê trên núi. Nó trèo lên cao nữa, cao mãi. Nó đi xa hơn mọi người, nhưng không xa ta. Nó là của ta, ta sẽ chiếm được nó".

Và mụ nhờ Thần Choáng váng đi bắt em bé cho mụ; vì bấy giờ, trên dãy núi Alps xanh tươi, cây bạc hà đã mọc, mùa hè tới, làm cho mụ Nữ thần Băng giá nóng không chịu được.

Thần Choáng váng bay lên không để rồi lao xuống đáy các hồ nước và người ta thấy một em của thần chui lên, rồi thêm hai, ba, rốt cuộc cả một bầy đông đảo; vì thần có rất nhiều em. Một số rình ở trên các thang gác, một số khác rình ở trên các lầu cao, gác chuông nhà thờ và mỏm núi. Chúng bơi trong không khí như cá bơi dưới nước và quyến rũ những nạn nhân của chúng để xô họ xuống vực sâu. Thần Choáng váng và Nữ thần Băng giá đều chực sẵn và chộp lấy lấy người khi người đến gần, giống như con bạch tuộc quấn tất cả mọi vật mà nó túm được.

Trong tất cả lũ em của thần Choáng váng, Nữ thần Băng giá chọn tên khỏe nhất, tinh quái nhất và ra lệnh cho nó đi bắt Rudy mang về cho mụ. Nó trả lời: "Tôi không thể bắt được thằng bé ấy. Đã nhiều lần tôi đặt những bẫy hiểm ác nhất để bắt nó, nhưng con mèo khốn khiếp đã truyền cho thằng bé tất cả bí quyết của nó. Hơn nữa, có một sức mạnh vô hình cứ gạt tôi ra, che chở cho thằng ôn người trần mắt thịt ấy. Ngay cả lúc nó trèo lên cành cây chìa trên vực thẳm, tôi cù vào bàn chân nó, hả hơi làm cho nó chóng mặt, nó vẫn cứ trơ ra và không coi tôi vào đâu cả".

Nữ thần nói:

- Dù thế nào chúng ta cũng sẽ bắt được nó. Nếu không phải là mi thì sẽ là ta; phải, ta đây, chính ta đây!

Chợt có tiếng: "Không, không được!" như tiếng ngân vang của chuông nhà thờ. Nhưng đó chính là một bài ca thực sự. Đó là tiếng đồng ca của các Thiên thần hiền lành và đáng yêu.

Lại có tiếng: "Không, không được!".

Đó là các công chúa Thái Dương. Chiều nào các nàng cũng dàn thành vòng tròn trên các đỉnh núi, xòe những đôi cánh cứ đỏ mãi

lên khi vầng thái dương hạ xuống chân trời, bao phủ dãy Alps bằng một vầng hào quang rực lửa. Khi mặt trời lặn hẳn, họ chui vào lớp tuyết bao phủ các ngọn núi đá ngủ cho đến khi vầng Thái Dương lại xuất hiện. Các nàng yêu nhất là hoa, bướm và loài người; nhưng con cưng của các nàng, chính là Rudy.

Các nàng ca lên rằng: “Mụ không bắt được chú ấy, mụ sẽ không chiếm được chú ấy đâu!”.

Nữ thần đáp: “Ta đã từng bắt những đứa lớn và khỏe hơn nó”.

Các nàng công chúa Thái Dương đồng thành hát lên một bài ca kể câu chuyện gió lốc đã giật chiếc áo choàng của một du khách như thế nào, cuốn lên không, nhưng chỉ cuốn được áo chứ không cuốn được người. Các nàng hát rằng:

“Hỡi những đứa con của bạo lực, các ngươi đã túm được con người, nhưng các ngươi không giữ được con người đâu. Con người khỏe hơn cả chúng ta, khỏe hơn cả sức mạnh của thiên nhiên. Họ có thánh tri trong người. Họ giỏi hơn cả Đức Thái Dương, cha chúng ta. Họ biết những câu thần chú khiến được gió và nước phải vâng lời và phục vụ họ”.

Đó là bài đồng ca của các Thiện thần. Và sáng nào những tia nắng mặt trời cũng chiếu qua cái cửa sổ độc nhất nhà cụ già, đến tận chỗ em bé đang ngủ; các nàng công chúa Thái Dương vuốt ve em bé, hôn khắp người em bằng những cái hôn nồng cháy nhất, để xóa tan vết tích cái hôn giá lạnh của Nữ thần Băng giá khi em còn nằm trong lòng mẹ dưới vực sâu, và đã được cứu thoát một cách kỳ lạ.

II - CHUYẾN ĐI SANG QUÊ HƯƠNG MỚI

Bây giờ Rudy đã lên tám. Chú ruột em ở bên kia rặng núi, trong thung lũng sông Rhone, xin đưa em về dạy dỗ cho em nên người. Ông ngoại em thấy đó là một việc có lợi cho em nên đã đồng ý.

Thế là Rudy sắp sửa lên đường. Ngoài ông ngoại ra, còn có nhiều khác đến tiễn biệt em. Trước hết là con chó già Ajola, nó nói:

- Cha cậu xưa kia là người đánh xe, còn tôi thì chạy theo xe. Chúng

tôi đã lên xuống núi hàng nghìn lần, nên tôi quen biết khối người và chó bên kia núi. Giờ thì tôi không hay nói nhiều nữa; nhưng còn lâu chúng ta mới lại được gặp nhau nên tôi sẽ nói nhiều hơn mọi khi một chút.

“Vậy thì, tôi muốn hỏi cậu, tại sao tôi cứ phải ngậm buồn mà luôn luôn chạy bên cạnh cái xe ngựa? Tôi cũng không hiểu được điều đó và tôi nghĩ rằng cậu cũng chẳng hiểu nốt. Thực ra, đến bây giờ tôi mới khám phá ra rằng: Tất cả mọi vật trên đời này đều không được sắp đặt hợp lý cho từng con chó cũng như cho từng con người. Không phải là người nào trong chúng ta sinh ra ở trên đời này là cũng để được uống sữa ngon và được người ta bế lên mặt mà nâng niu. Tôi không quen sống như vậy. Nhưng thỉnh thoảng tôi nhìn thấy trong xe ngựa có những con chó bé rất hư, chiếm chỗ ngồi như một hành khách vậy. Các bà chủ của chúng cho chúng ăn bánh bích quy với sữa. Chúng được nuông chiều đến nỗi không thèm ăn. Chúng chỉ liếm vào bánh một tí rồi bà chủ ăn nốt.

Còn tôi thì lội bùn bên cạnh xe, bụng đói như cào, chỉ còn biết ngẫm nghĩ để trừ cơm. Đó là một mớ chuyện phi lý. Nhưng nào đã hết! Tôi ra sức sủa và ngáp để ra hiệu rằng rôi đã mệt nhoài, nhưng chẳng bao giờ người ta bế tôi lên lòng cả.

Tôi kể tất cả những cái đó cho cậu để cậu học mà hiểu được cuộc đời mà cậu sắp bước vào”.

Đó là bài diễn văn của con Ajola can đảm. Rudy ôm lấy cổ và hôn vào mõm nó. Sau đó, em muốn ôm lấy con mèo, nhưng con mèo tỏ vẻ phật ý, nói rằng:

- Cậu bây giờ khỏe hơn tớ nhiều lắm và dù sao tớ cũng không muốn dùng móng nhọn để đối xử với một người bạn cố tri như cậu. Cậu sắp leo qua nhiều núi. Cậu nên nhớ đến những bài học tớ đã dạy cho cậu. Khi đang ở trên cao, đừng nghĩ rằng mình có thể ngã, thì cậu sẽ không bao giờ ngã.

Nói xong, mèo ta chạy trốn, để khỏi lộ qua ánh mắt với mọi người rằng mình cảm động biết bao khi phải xa người bạn thân mến.

Hai ả gà mái chạy qua phòng. Một ả đã cộc đuôi: có một nhà du lịch tự cho rằng mình là thợ săn, tưởng lầm ả là một con mãnh

cầm, đã bắn cho ả một phát cụt phăng mất đuôi. Ả nói:

- Rudy sắp sang bên kia dãy Alps đấy!

Ả kia đáp:

- Mình không thích nói những lời tiễn biệt.

Rồi chúng lon ton đi thẳng.

Trái lại, đàn dê mà Rudy đã chăn dắt bấy lâu, tiễn em rất thắm thiết bằng những tiếng be be với giọng rầu rĩ nhất.

Vừa may trong làng có hai người dẫn đường lanh lợi cũng vượt qua núi Gemmi sang phía bên kia. Rudy đi bộ cùng với họ. Đó là một chuyến đi khó nhọc đối với một đứa trẻ còn bé như thế, nhưng em vốn khỏe và lòng can đảm của em đã giúp em thắng được mệt nhọc.

Chim sơn ca tiễn em một quãng đường và vẫn hát: Vi - ôôc - ii, ôôôc - i, ôô - i.

Đường đi vượt qua suối Lutschine chảy xiết, bắt nguồn từ các tảng nước đá. Rudy rất vui vẻ khi ra sức dận mạnh những chiếc giầy đóng đanh sắt lên mặt băng, đôi mắt em sáng lên vì vui thích.

Sau khi dùng tay bíu, trườn qua các tảng băng chắn đường, đến một cái hồ, em phải vừa đi vừa giữ gìn cho khỏi lăn xuống vực. Trên miệng một cái vực sâu có một tảng đá lớn nằm chìa một nửa ra ngoài. Khi đi qua, Rudy vừa chạm tới, nó đã lăn ngay xuống. Nó vừa rơi vừa đập vào các hõm núi sâu, kèm theo một tiếng vang kinh khủng, vang dội đi rất xa.

Ngay trong lúc đó, Rudy chợt nhớ đến câu chuyện mọi người đã kể với em. Mẹ đã cùng em rơi xuống một trong những khe núi khủng khiếp và lạnh chết người đó. Nhưng em táo bạo đến nỗi ý nghĩ đó không làm em run sợ mà đã tiêu tan ngay. Em nhanh nhẹn theo sau hai người; cả hai thỉnh thoảng muốn giơ tay đỡ em trèo lên các đường hẻm khó khăn, nhưng em đi một mình trên băng cũng vững vàng và chắc chắn như một con nai.

Sau đó họ leo tới những hòn đá nhẵn nhụi không có rêu cỏ, rồi đi

xuống một chút, qua một khu rừng tùng nhỏ, cằn cỗi, để cuối cùng họ tới vùng tuyết vĩnh cửu. Chưa bao giờ em bé lại trèo lên cao như vậy. Trước mắt em là một biển tuyết mênh mông, có những làn sóng bất động. Thỉnh thoảng gió xoáy những bông tuyết lên thành những cơn lốc hệt như gió cuốn những bọt sóng bạc lên bờ đại dương. Xung quanh, người ta nhìn thấy các ngọn Jungfrau, Monk, Eiger, những mỏm tuyết phủ mà mây không bay tới đỉnh.

Sông băng này tiếp luôn đến sông băng kia. Đây là những lâu đài nghỉ mát của Nữ thần, một vị thần chỉ chăm chăm bắt và chôn vùi người trần. Tuy thế, nắng lên thì lại nóng. Tuyết chói chang dưới ánh nắng làm lóa cả mắt bằng muôn ngàn viên kim cương sắc trắng và xanh. Trên mặt tuyết còn có xác của vô khối côn trùng, ong bướm đã liều lĩnh bay tới, hoặc bị gió cuốn đến rồi chết rét.

Bên trên ngọn Wetterhorn hiện ra một đám mây giống như một mớ len sợi nhỏ và đen. Nó ùn lên nhanh chóng và sà xuống một cách nặng nề. Đó là dấu hiệu của bão Föhn (gió đông nam ở Thụy Sỹ, nóng và mạnh) khủng khiếp, cơn phong ba có thể lật nhào tất cả mọi vật nằm trong luồng gió. Rudy không chú ý đề phòng: em còn đang mê mải ngắm cái phong cảnh vĩ đại khắc sâu mãi vào trong trí nhớ của em. Nhưng hai người cùng đi đã thấy được sự nguy hiểm, họ vội vã chạy đến một cái quán cũ kỹ bằng đá, dựng lên để cho khách bộ hành lạc đường trú chân.

Ở đấy họ thấy có than và cành thông. Nhóm lửa xong, hai người dẫn đường nấu một ấm thuốc mạnh và cay, chống mệt mỏi rất tốt. Rudy cũng có phần. Hai người ngồi quanh đống lửa vừa hút thuốc vừa nói đến những sinh vật thần bí ở các vùng thuộc dãy núi Alps: những con rắn khổng lồ sống dưới đáy hồ, những đoàn ma quái cuốn khách bộ hành ngủ quên lên trên không, người chăn cừu man rợ chăn đàn cừu đen ở mãi tít trên các đỉnh núi cao. Những con cừu đen ấy chưa ai hề thấy, nhưng nhiều lần người ta đã nghe thấy tiếng nhạc và tiếng kêu bi thảm. Rudy rất thích nghe những câu chuyện ấy, không mảy may kinh hãi. Em không biết sợ là gì cả. Ngay khi nghe thấy một tiếng kêu ghê rợn em tưởng là tiếng của đàn cừu đen mà những người đưa đường vừa kể, em cũng không giật mình. Tiếng động ngày càng đến gần, càng thêm dữ dội. Hai người thợ săn ngừng câu chuyện và bảo Rudy đừng ngủ để chuẩn bị sẵn sàng.

Nó là cơn bão Föhn, cơn phong ba cực mạnh, từ trên đỉnh các ngọn núi lao xuống thung lũng, quạt gẫy những cây cối loại khỏe nhất như bẻ đũa, và cuốn tung những gian nhà gỗ nhỏ từ bờ sông bên này sang bờ bên kia dễ như người ta đi một quân cờ.

Cảnh huyên náo kéo dài một tiếng đồng hồ, rồi giảm dần. Hai người dân miền núi cho Rudy biết là đã hết bão và có thể đi ngủ. Em mệt quá nên vui lòng làm theo ngay.

Sáng hôm sau họ lại lên đường. Vượt qua nhiều núi khác, nhiều sông băng và bãi tuyết mới, họ đã tới cổng Valais bên kia dãy núi Alps. Họ lại nhìn thấy sắc xanh của rừng cây và chẳng bao lâu lại gặp người. Nhưng giống người gì thế? Những quỷ sứ, loắt choắt, mặt xi, da vàng ệch, người nào cũng có một cái bướu gớm ghiếc ở cổ. Đó là những người đần độn đáng thương, kéo dài cuộc đời khốn khổ, đang ngây ra nhìn người qua lại. Nhất là đàn bà, trông còn quái gở hơn. Nhân dân vùng quê hương mới của Rudy có như thế cả không?

III - ÔNG CHÚ

Nhờ Chúa, Rudy đã thấy những người ở trong nhà ông chú đều giống như những người em vẫn quen nhìn. Ở đây chỉ có một người đần độn, một người ngu dại đáng thương, một trong những con người khốn khổ bị ruồng bỏ mà mỗi gia đình trong tổng Valais đem về nuôi vài ba tháng rồi lại chuyển sang cho những người trung hậu khác nuôi, cũng trong khoảng thời gian tương tự. Con người đáng thương ấy là Saperli.

Chú Rudy vẫn còn là một người thợ săn cường tráng. Ông còn biết làm nghề đóng thùng nữa. Bà vợ ông là một người nhỏ nhắn, hoạt bát, mặt trông như mặt chim, mắt sắc như mắt diều hâu, cổ dài có nhiều lông tơ.

Cái gì cũng mới lại đối với Rudy. Từ quần áo, phong tục cho đến ngôn ngữ. Nhưng riêng vì tiếng nói, trí óc con trẻ của em làm cho em chẳng mấy lúc đã nắm được và quen thuộc. Nhà của chú em so với nhà của ông ngoại có vẻ phong lưu hơn. Các buồng rộng rãi hơn, trên tường có trang hoàng nhiều sừng nai và những khẩu súng săn bóng nhoáng. Bên trên cửa ra vào có treo tranh Đức Mẹ,

đằng trước là một ngọn đèn, xung quanh kết hoa hồng vùng Alps.

Chú em không những là một người thợ săn nai giỏi nhất vùng; ông còn là người dẫn đường khá nhất miền này. Chẳng bao lâu Rudy đã trở thành con cưng của gia đình. Ít nhất người ta cũng quý em như con chó săn già, câm và mù, không giúp được việc gì nữa nhưng trước kia đã làm được nhiều việc đến nỗi bây giờ người ta săn sóc nó rất chu đáo, coi như người trong gia đình. Rudy vuốt ve và trìu mến nó. Nhưng con chó ấy không thích xây dựng những quan hệ mới. Có thể nói là Rudy đã sớm bắt rễ vào lòng của mọi người trong gia đình. Chú em bảo: “Chúng ta sống trong tổng Valais này không đến nỗi khổ. Chúng ta luôn có nai. Các giống này không bị mất đi giống sơn dương. Phải, bây giờ cái gì cũng hơn ngày xưa nhiều lắm. Người ta đã kể nhiều rằng thời xưa rất quang vinh. Nhưng thời nay còn hơn nhiều. Trước kia thung lũng của chúng ta tựa như tách rời khỏi thiên hạ, nhưng có một sức mạnh đã phá tan bức tường ngăn cách và một luồng gió mát đã thổi đến làm phấn chấn tất cả vùng”.

Khi nói chuyện, chú Rudy kể lại thời thơ ấu của ông thời mà toàn tổng Valais sống cách biệt, nửa dân số là những người đần độn và tàn tật đáng thương. Ông kể tiếp:

- Nhưng bỗng nhiên quân lính Pháp xuất hiện. Đó là những thầy thuốc mà chúng ta cần. Họ giết người và tiêu diệt luôn cả bệnh tật nữa. Đó là những người biết chiến đấu anh dũng, những chàng trai cứng cỏi. Vả chăng phụ nữ Pháp thật xứng đáng với họ.

Nói đến đấy, ông nhìn bà vợ là người Pháp và cười, miệng ngoác đến tận mang tai.

Ông lại nói tiếp:

- Đánh nhau với người xong, họ liền tấn công núi đá. Chính họ đã xây dựng con đường từ Simplon qua các ngọn núi hiểm trở nhất; và bây giờ ta chỉ cần bảo đứa trẻ lên bà: “Cứ theo đường cái mà sang nước Ý”, thế là nó sẽ tới được tận nước Ý nếu nó cứ theo đi theo đường cái.

Nói đến đây, ông cất tiếng hát một bài cao Pháp và tung hô hoàng đế Napoleon.

Đến bây giờ, Rudy mới được nghe nói đến nước Pháp và đến Lyon, một thành phố lớn trên bờ sông Rhone. Chú em đã từng ở đó.

Ông bảo Rudy: “Chú cho rằng chỉ trong ít năm nữa cháu sẽ thành thợ săn giỏi vì cháu sẵn có rất nhiều tài năng”.

Ông dạy em cách cầm súng, cách ngắm và bắn. Ông cho em theo đi săn trên núi, cho em uống tiết nai nóng để trừ chứng chóng mặt. Ông dạy cho em nhìn hướng mặt trời mà biết được núi lở vào buổi trưa hay buổi tối. Ông bày cho em cách bắt chước những con nai, nhảy sao cho khi xuống đất là đứng vững ngay, không loạng choạng. Ông còn dạy cho em cách thoát khỏi vực sâu khi chẳng may bị lăn xuống: phải tỳ khuỷu tay, dùng bắp chân, dùng cả đến bắp thịt để bấu víu vào những cái mấu nhỏ nhất.

Rudy tiếp thu những cái đó rất nhanh. Em còn biết những mưu mẹo người ta dùng để đánh lừa giống nai, mặc dầu chúng rất tinh khôn, dùng vọng gác và tuần tiễu để canh gác lẫn cho nhau cẩn thận đến thế nào đi chăng nữa. Em thấy chú em treo áo và mũ lên một cái gậy rồi lảng tránh ra phía khác để cho con nai tội nghiệp mải nhìn bộ quần áo mà mất cảnh giác.

Một hôm Rudy theo chú đi săn. Ông ta cũng dùng mưu mẹo đó. Đường nhỏ hẹp, hay nói cho đúng hơn, chỉ có một vệt mờ, đó chỉ là một cái rìa núi mỏng mảnh chênh vênh trên miệng vực. Tuyết đang tan dở dang. Đá lở dưới chân và lăn xuống vực, vì vậy chú em phải nằm dán mình xuống đất và trườn lên, thế mà thỉnh thoảng cũng vẫn có một hòn đá long ra, rơi xuống, nhảy muôn ngàn cái từ mỏm đá này sang mỏm đá khác trước khi chạm xuống đáy vực đen ngòm.

Rudy đứng trước ông chú chừng một trăm bước, trên tảng đá vững chãi ở phía sau. Nhưng kìa, một con đại bàng lớn bay thẳng đến chỗ người thợ săn đang trườn như một con sâu; nó định dùng cánh quạt ngã ông ta xuống vực để xé xác ăn thịt. Chú Rudy không nhìn thấy nó vì ông vừa trông thấy và đang mải theo dõi con nai mẹ đang đứng với con ở bờ vực bên kia.

Rudy trông thấy con chim dữ và đoán biết ý định của nó. Em giơ súng lên sắp sửa bắn. Ngay lúc đó, con nai giật mình nhảy lên chạy lên chạy trốn. Ông chú nổ súng, con vật trúng đạn lăn ra chết,

trong khi nai con tẩu thoát, nhảy qua các mỏm núi và lao qua các các vực thẳm vững chắc như một con nai lớn.

Con đại bàng nghe tiếng súng nổ sợ hãi bay đi. Nghe Rudy kể lại, ông chú Rudy mới biết mối nguy vừa đe dọa ông.

Ông đi nhặt xác con nai rồi họ vui vẻ quay về nhà. Ông chú rất mừng, cất tiếng hát một bài ca thuộc từ hồi còn trẻ. Bỗng gần đấy nổi lên một tiếng động khác thường. Họ ngước mắt nhìn lên. Cao tít trên đỉnh núi hiểm trở, bão tuyết dâng lên, chuyển động như một tấm lụa bị gió thổi rập rờn lên như sóng.

Rồi tất cả đám băng tuyết ấy tan ra, phân tán ra, tựa như một thứ bọt trắng lao xuống, ầm ầm như sấm động. Đó là một trận băng lở khủng khiếp. Nó không đổ xuống phía họ nhưng gần lắm, gần quá. Chú Rudy hết sức gào lên: “Cháu đứng cho vững!”. Rudy bám chặt vào một thân cây. Người thợ săn leo lên ôm chặt vào cành cây. Trận băng lở qua cách đấy hàng trăm thước. Nhưng cơn giông tố do nó gây ra làm gẫy tất cả những cây cối quanh đấy như cỏ khô, rồi rải tung ra. Rudy thấy mình ngã sóng sượt trên mặt đất. Cái cây mà em ôm khi nãy tựa như bị cưa tận gốc, ngọn văng ra xa. Tại đó, ông chú bị vỡ đầu, nằm sóng sượt giữa đám cành cây. Tay ông hãy còn nóng. Không còn nhận ra mặt ông nữa. Trước cảnh ghê rợn đó, Rudy tái mặt, run rẩy, đứng lặng đi. Lần đầu tiên, em cảm thấy sợ.

Đến tối khuya, em mới mang tin khủng khiếp đó về nhà. Bà thím lặng đi chẳng nói, cũng chẳng khóc. Chỉ đến lúc người ta mang thi hài về, nỗi đau đớn của bà mới bùng ra.

Anh chàng Saperli đáng thương nằm bẹp trong giường. Cả ngày hôm sau người ta không trông thấy hắn. Đến tối, hắn tìm Rudy và bảo em: “Cậu viết cho tôi một cái thư. Saperli này không viết nhưng biết ra bưu điện bỏ thư”.

Rudy hỏi:

- Viết thư hộ anh à? Gửi cho ai?

- Gửi cho Đức Chúa Jesus của chúng ta.

- Anh nói gì thế?

Anh chàng ngớ ngẩn đáng thương nhìn Rudy bằng một vẻ cảm động nhất, chắp tại là thì thầm, vừa nghiêm trang vừa thành kính: "Jesus ma, lạy Chúa tôi, Saperli này muốn viết cho Chúa để xin Chúa cho Saperli được chết thay cho ông chủ".

Rudy xiết chặt tay anh ta và phải vất vả mới giảng giải được cho anh hiểu rằng là thư sẽ không lên đến được trên trời và cũng không làm cho người chết sống lại được.

Sau khi làm lễ chôn cất xong, bà thím bảo:

- Bây giờ cháu là cột trụ trong gia đình.

Và thật tình Rudy là như thế.

IV - NÀNG BABETTE

Ai là thiện xạ giỏi nhất tổng Valais? Những con nai biết rõ điều đó và bảo nhau: "Này, phải rất coi chừng khi gặp Rudy". Ai là người thợ săn đẹp trai nhất vùng? Các cô thiếu nữ trả lời: "Ồ! Đó là Rudy!" nhưng họ không thêm câu: "Phải coi chừng anh ta".

Và kể cả những bà mẹ nghiêm khắc nhất cũng không nói câu đó vì anh chàng lễ phép với các bà mẹ biết bao, chào hỏi các bà duyên dáng biết bao, và vui vẻ, hoạt bát, đáng yêu biết bao!

Đôi má rám nắng, bộ răng trắng muốt, đôi mắt đen, bóng như hạt huyền, thật là một chàng trai đẹp quá chừng.

Anh không thấy buốt khi bơi trong suối hoặc trong hồ nước giá lạnh vùng Alps. Anh nhào lên lặn xuống như một con cá. Không ai khéo trèo bằng anh. Anh có thể bò lên sườn núi đá dựng đứng như những con sên. Còn nhảy thì anh giỏi đến thế! Quả thật anh đã làm vinh dự cho các giáo sư mèo và nai của anh.

Rudy trở thành người dẫn đường giỏi nhất vùng. Nếu cứ làm nghề đó, anh có thể kiếm được cả một cơ nghiệp. Nghề đóng thùng của chú anh truyền cho, anh chẳng thích tí nào. Cái thích và niềm vui của anh là đi săn nai, công việc ấy cũng kiếm ra tiền. Thế cho nên

Rudy là một đám tốt.

Những cô gái nào khiêu vũ với anh, đêm về là mơ tới anh. Ban ngày nhiều cô chỉ nghĩ đến anh thôi.

Annette, con gái ông hương sư kể với cô bạn thân nhất rằng: "Anh ấy đã hôn mình trong khi khiêu vũ". Nhưng chính ra cô chẳng nên tâm sự chuyện ấy, ngay cả với cô bạn thân này. Khó mà giữ kín được câu chuyện bí mật như vậy. Nó cứ như những hạt cát nằm trong cái túi thủng lọt ra tứ tung và chẳng bao lâu, dù Rudy đứng đắn và trung hậu đến mấy, người ta cũng đồn rằng anh hay hôn con gái trong khi khiêu vũ. Thực ra những cái hôn ấy chỉ vỏn vẹn có một cái mà anh đã tặng Annette, nhưng cô không phải là người mà anh yêu.

Ở vùng dưới, gần thị trấn Bex, giữa một đám hồ đào lớn, cạnh dòng sông chảy xiết, có nhà một ông chủ cối xay giàu có. Nhà ông ta to và đẹp, có ba tầng với những mái chòi lợp chì lấp lánh dưới ánh nắng hoặc ánh trăng; trên chòi lớn nhất có gắn một cái chong chóng hình quả cam có mũi tên xuyên qua để kỷ niệm William Tell.

Cái cối xay này trông rất ngoạn mục và còn có vẻ trù phú nữa.

Các nhà họa sĩ thích đến đây vẽ. Nhưng không ai có thể biểu hiện được trong một bức họa vẻ đẹp duyên dáng yêu kiều của cô gái con ông chủ cối xay. Đó là ý kiến của Rudy. Dù sao hình ảnh cô thiếu nữ đã ghi tạc, khắc sâu vào tim anh. Một cái nhìn của nàng Babette xinh đẹp đã đột nhiên thiêu đốt tâm hồn anh như một mớ bùi nhùi trong phút chốc gây nên đám cháy. Có điều lạ là cô gái xinh đẹp, con ông chủ cối xay không ngờ đến chuyện gì cả. Cô và Rudy chưa bao giờ trao đổi với nhau một lời.

Người cha giàu có và cô gái xinh đẹp xem như cao quý vì có của, nên khó mà gần được.

Rudy tự nhủ: "Nói cho cùng, chẳng ai có thể vắt vẻo trên cao đến nỗi không thể đụng đến được. Chỉ cần biết leo, và dù cho có phải leo dốc dựng đứng đến đâu cũng không bao giờ ngã, miễn là đừng có tin mình sẽ ngã". Ta thấy anh chàng luôn luôn nhớ tới bài học của con mèo nhà ông ngoại.

Một hôm Rudy có việc đi Bex. Đó là cả một cuộc du lịch. Thời đó, đường xe lửa còn lâu mới làm xong. Rudy men theo thung lũng dài có dải sông Rhone uốn khúc, khi chảy qua đấy còn là một dòng nước nguy hiểm, luôn luôn sẵn sàng tràn ra ngoài, tàn phá ruộng đồng, nhà cửa. Qua Sion thung lũng ngoắt đi và ngày càng hẹp lại. Gần đến St. Maurice thì chỉ còn đủ chỗ cho sông và đường cái đi qua. Qua tí nữa, sừng sững một ngọn tháp cổ trông như một người lính canh đứng gác địa giới tổng Valais tận cùng ở đó. Qua một cái cầu là đi vào địa hạt tổng Vaud. Thị trấn đầu tiên ta gặp là Bex. Thung lũng lại mở rộng ra, phì nhiêu và mỹ lệ, trông như một khu vườn trồng toàn hồ đào và hạt dẻ; đây đó có những đám lựu và trắc bá; khí hậu ấm, tưởng chừng như ở nước Ý.

Rudy tới Bex. Giải quyết công việc xong, anh đi dạo chơi quanh vùng cối xay. Anh muốn hỏi thăm một người làm ở cối xay nhưng không gặp ai cả. Anh không tìm ra một tí vết tích nào của Babette. Thật là một việc chẳng may.

Chiều đến, không khí ngát mùi xạ hương và bách lý đang ra hoa. Ánh trăng dường như chứa đầy hương xuân trải lên những đỉnh núi xanh tươi một màn sa mỏng. Bốn bề tĩnh mịch, nhưng không phải là cái yên lặng của giấc ngủ hay sự chết chóc. Người ta có cảm tưởng như tạo hóa bừng tỉnh giấc, nín thở để làm mẫu cho một nhà họa sĩ thiên thần muốn họa lại hình ảnh mình trên nền trời xanh. Đó đây, giữa đồng ruộng, mọc lên những cột to đỡ những đường dây điện tín chạy qua thung lũng trầm lặng. Người ta nhìn thấy một vật không động đậy tựa vào một trong những cột điện đó, mà người ta dễ nhầm với một khúc cây khô. Đó là Rudy: cũng im lìm như cảnh vật, mặc dầu anh không ngủ và cũng chưa chết. Việc thông báo các sự kiện lớn lao, tin các đế quốc sụp đổ chạy qua dây điện mà không làm cho sợi dây rung chuyển hoặc phát ra một tiếng động như thế nào, thì những ý nghĩ mãnh liệt chạy qua óc Rudy cũng thế; vẻ người của anh không để lộ ra tí gì để người ta đoán được ý nghĩ của anh cả. Chỉ có cái mà anh đang nghĩ đến mới có thể mang lại hạnh phúc cho đời anh và sẽ làm anh bận tâm từng giờ từng phút.

Mắt anh đăm đăm nhìn vào một điểm, một tia sáng nhỏ lấp lánh trong vòm cây. Tia sáng đó phát ra từ buồng cô Babette, trong nhà ông chủ cối xay. Trông Rudy đứng lặng yên và chăm chú nhìn như

vậy, người ta tưởng anh đang rình một con nai. Nhưng lúc này anh là con mồi thì đúng hơn là một người đi săn: anh giống như một con nai, đứng lên chóp một tảng đá, trơ trơ như tạc vào núi, bất thình lình nghe tiếng động của một hòn đá rơi, chồm lên và biến mất. Chính Rudy là như thế đó. Một ý nghĩ nữa thoáng qua đầu anh. Anh bất giác cựa quậy và tự nhủ: “Không bao giờ lùi bước, không bao giờ thất vọng. Cứ liều vào cối xay. Chào ông chủ, chào cô Babette; nói như vậy có gay không nhỉ? Khi tin chắc không ngã, thì chẳng thể ngã được. Nếu số mình phải là chồng Babette thì dầu sao cũng phải để cho cô ta trông thấy mình cái đã”.

Anh bước đi, lòng đầy can đảm. Anh đã thấy rõ ràng ý muốn của mình: lấy Babette.

Anh đi dọc bờ sông nước vàng cuốn ầm ầm, men theo con đường mòn có hàng liễu rủ cành xuống nước, tới nhà ông chủ cối xay.

Nhưng đúng như trong bài hát cổ: “Cả nhà đi vắng, chỉ còn lại chú mèo”.

Thực thế, chỉ có con mèo nằm bên bậc thềm trước cửa; nó cong lưng lên kêu: “Meeo”. Nhưng Rudy không còn hiểu được tiếng nói của loài vật nữa. Anh gõ cửa, không ai nghe thấy, chẳng ai ra mở cửa. Con mèo lại kêu: “Meo... Meo..”..

Hồi trước thì Rudy có thể hiểu ngay là: “Không có ai ở nhà cả”. Bây giờ anh phải đi sang cối xay để hỏi thăm xem thế nào. Ở đấy người ta cho biết là ông chủ đi chơi xa, đến tận Interlachen, Babette đi cùng ông. Họ đi xem hội thi bắn khai mạc vào ngày hôm sau và kéo dài tám ngày. Thiện xạ của các tổng người Đức sẽ tập hợp tại đây.

Tội nghiệp cho Rudy! Anh đến Bex thật là không đúng lúc; quay về đi thôi!

Và anh thực hiện điều ấy một cách ngoan ngoãn. Anh đi suốt đêm về nhà. Nhưng, bạn có biết không? Anh ta không buồn. Sáng hôm sau anh đã lại trở lại vui vẻ như cũ, hay nói cho đúng hơn, đức tính ấy chưa bao giờ rời anh cả. Anh nghĩ thầm: “Như thế là Babette đi Interlachen, cách đây mấy ngày đường; phải, nếu theo đường cái lớn. Nhưng nếu ta đi đường mòn tắt qua núi thì có thể

đến nhanh hơn. Mình đã qua đường ấy một lần hồi còn bé, khi còn ở nhà ông ngoại ra đi đến đây. À! mà lại có hội thi bắn ở Interlachen. Thế thì mình sẽ là hiệp sĩ quán quân và một khi quen nhau thì cũng sẽ là hiệp sĩ trong trái tim nàng Babette”..

Anh lấy hành lý, diện bộ quần áo ngày lễ, khoác súng, đeo túi săn, vượt núi đi theo con đường ngắn nhất.

Hội thi sáng nay mới bắt đầu và còn kéo dài suốt một tuần lễ nữa. Người ta đã nói với anh rằng trong tám ngày đó ông chủ cối xay sẽ ở nhà họ hàng ông ở Interlachen. Vì vậy không nên trì hoãn một phút nào cả. Rudy vượt núi Gemmi đi Grindelwald. Anh bước đi nhanh nhẹn và vui vẻ; không khí tươi mát vùng Alps tiếp thêm sức mạnh cho anh. Anh thấy thung lũng ngày càng hạ thấp xuống sau anh, chân trời mở rộng ra: đây xuất hiện một ngọn núi tuyết, kia lại một ngọn khác; cuối cùng anh thấy trước mặt là tất cả một dãy những đỉnh núi Alps một màu trắng toát. Anh biết tất cả các ngọn. Anh nhắm phía ngọn Schreckhorn đang trỏ thẳng lên trời như một ngón tay khổng lồ bọc tuyết.

Anh vượt những cao điểm trên đường và tiến gần đến những bãi cỏ trong thung lúng, nơi anh đã sống khi còn thơ ấy. Không khí nhẹ nhàng làm tâm hồn anh lâng lâng. Núi và thung lũng rực màu hoa lá xanh tươi. Tim Rudy cảm thấy tất cả nỗi say sưa của tuổi trẻ; những tiếng nói trong nội tâm kêu lên với anh: “Người ta không bao giờ già. Hãy vui sướng tận hưởng cuộc đời, sống tự do như chim trên trời. Hãy bay đến những nơi mà thú vui đang gọi ta”.

Anh lại thấy những con chim nhạn thân yêu vẫn luôn luôn hát: “Viôôc-i, ôôc-i, ôôc-i”. Tất cả đều náo nhiệt và vui sướng.

Dưới kia, đồng cỏ trải ra như một tấm thảm bằng nhung xanh. Đây đó điểm những ngôi nhà gỗ màu sẫm. Người ta nghe thấy tiếng réo ầm ầm của nước sông Lutschine. Rudy lại trông thấy những con sông băng, những tảng băng màu ngọc bích, những khe núi trống hốc. Chuông nhà thờ vang lên như chào đón anh trở về. Tim anh rộn lên tràn ngập những kỷ niệm thân yêu thời thơ ấy. Hình ảnh Babette biến đi một lát khỏi tâm trí anh. Anh đang đi trên chính con đường cũ mà hồi bé anh đem bán cho du khách những cái nhà gỗ nhỏ do ông ngoại đẽo gọt. Ôi! Tội nghiệp cho ông ngoại! Nhà

ông cụ ở bên kia, giữa rặng thông: người khác đã đến ở rồi.

Các em chạy đến bán đồ chơi cho anh. Một em trong bọn mời anh một đóa hoa hồng vùng Alps. Anh cầm lấy và coi như một điềm tốt; lúc ấy anh lại nghĩ đến Babette rồi.

Anh nhanh chóng đi xuống núi, qua cầu ở ngã ba hai nhánh sông Lutschine. Anh đã rời khỏi vùng rừng thông. Chỗ nào cũng có cây ăn quả: hai bên đường đầy những cây hồ đào rợp bóng. Cuối cùng, anh trông thấy nhiều cờ xí tung bay trước gió: cờ Thụy Sỹ, giống như cờ Đan Mạch, đều có hình thập trắng trên nền đỏ. Interlachen đã ở trước mặt anh.

Đối với anh, đó là một thị trấn đẹp có một không hai trên đời, được trang điểm để đón ngày hội. Đấy không phải là một đám nhà đen, nặng nề, to lớn và trang nghiêm mà là những gian nhà gỗ vui mắt, xếp đặt một cách linh hoạt. Có hai dãy nhà đẹp nhất mới xây dựng; lần trước Rudy đến Interlachen chưa có dãy phố ấy.

Mỗi ngôi nhà xinh đẹp ấy có bao lơn chạy quanh bốn phía. Gỗ làm nhà được đẽo gọt, chạm trổ rất đẹp mắt. Cả những khung cửa sổ và những rìa mái nhô ra ngoài vườn đầy hoa, ngăn cách hoa với mặt đường, cũng chạm trổ như vậy. Phía sau, chạy dài những bãi cỏ lớn, xanh tươi, trên đó có những đàn bò cái đang gặm cỏ, tiếng chuông treo trên cổ vang đi xa. Tứ phía, những ngọn núi cao xiết chặt lấy thung lũng, trừ quãng giữa mở cho ta nhìn thấy ở phía chân trời ngọn Jungfrau, bà hoàng của dãy Alps với tất cả vẻ huy hoàng của nó. Các ông các bà từ các xứ đến đông nghịt. Họ mới diện làm sao! Trông cái đám các ông các bà Thụy Sỹ ấy, từ các tổng kéo về, quần áo đẹp muôn màu muôn vẻ mới thích mắt làm sao! Nhà nào cũng treo cờ từ trên xuống dưới, trang hoàng bằng tranh và các câu châm ngôn vui nhộn. Khắp nơi thật là náo nhiệt. Chỗ nào cũng có tiếng đàn hát, tiếng nhạc phát ra từ những đàn phong cầm có tay vặn, từ các đoàn nhạc sĩ hát rong. Thêm vào đó, tiếng reo vui vẻ, tiếng “hua-ra” gọi nhau trong đám đông. Giữa tiếng ồn ào ấy, người ta nghe thấy tiếng súng bắn đều đều. Đó là bản nhạc êm dịu nhất đối với Rudy. Nó làm cho quên cả Babette, mặc dù chính vì nàng mà anh đến đây.

Các thiện xạ vội vã chen nhau về phía các bia bắn, mỗi người đeo một số thứ tự ở mũ, xung quanh quấn một vòng lá sồi. Rudy vội

nhập bọn với họ. Anh là người bắn giỏi và may mắn nhất, không bắn ra ngoài điểm đen phát nào. Xung quanh anh người ta xì xào: "Cái anh thợ săn trẻ tuổi lạ mặt này là ai thế nhỉ? Anh ta nói tiếng Pháp, có lẽ là người tổng Valais". Người thì bảo: "Anh ấy còn nói sõi cả tiếng Đức theo giọng chúng ta nữa, nghe như hồi bé anh ta đã sống ở gần đâu đây, ở Grindelwald".

Người thanh niên ấy thật tràn trề đầy sức sống, mắt sáng long lanh, ngắm rất tự tin và tay rất vững. Hạnh phúc đã làm cho anh dũng cảm thêm, vả lại Rudy vốn đã là người can đảm. Chẳng mấy lúc, một vòng người hâm mộ vây quanh lấy anh. Người ta khen anh và lớn tiếng tâng bốc anh. Thực ra thì Babette đã gần như hoàn toàn biến đi trong tâm trí anh.

Bỗng một bàn tay nặng nề đập vào vai anh và một người hỏi anh bằng tiếng Pháp với một giọng khó nghe: "Anh ở tổng Valais phải không?"

Rudy quay lại và trông thấy một người to lớn, mặt mũi hớn hở, đó là ông chủ cối xay giàu có ở Bex. Thân hình to béo của ông ta che lấp cả cô Babette xinh đẹp. Nàng len được qua người ông và tiến về phía chàng thanh niên, nhìn chàng bằng cặp mắt huyền, đẹp và sắc sảo. Người dân quê giàu có này lấy làm thích thú vì một thợ săn cùng quê lại là người bắn giỏi nhất và giành được nhiều giải thưởng cao nhất. Ông lấy làm vui sướng hả hê như được chia sẻ nỗi vinh dự ấy.

Quả nhiên là Rudy đã gặp vận may. Những người mà vì họ anh đã đến Interlachen và khi đến nơi anh đã quên mất họ thì nay đã thân tìm đến anh. Hai bên bắt chuyện với nhau và trở nên thân mật ngay.

Như Rudy đã tự hứa hẹn, bây giờ anh là hiệp sĩ quán quân của hội thi bắn. Còn ông chủ cối xay ở Bex thì là người được vị nể nhất vì ông ta giàu và có cái cối xay đẹp nhất. Bởi vậy họ bắt tay thân thiện với nhau, vậy mà từ trước tới nay họ chưa từng làm. Nàng Babette xinh đẹp cũng vui lòng chìa tay cho Rudy, chàng nắm chặt tay nàng và nhìn nàng đến nỗi nàng đỏ mặt thẹn thùng.

Ông chủ cối xay kể lại rằng ông và cô con gái vừa mới qua một cuộc viễn du, ông nói đến những thành phố lớn mà họ đã được

thấy. Họ đã đi xe ngựa, xe lửa và tàu thủy.

Rudy nói: “Tôi đã theo một con đường ngắn hơn, tắt qua núi. Khi đã muốn thì núi cũng chẳng cao đến nỗi không trèo được”.

Ông chủ cối xay nói:

- Nhưng cũng có thể ngã gãy cổ, nom bộ dạng anh cũng có vẻ liều lĩnh, rồi cũng có phen.

Rudy đáp:

- Ai không nghĩ đến chuyện ngã thì chẳng bao giờ ngã.

Người bà con mà ông chủ cối xay đến chơi nguyên cũng là người tổng Valais nên mời Rudy về nhà ăn cơm. Lời mời đó làm Rudy rất vui thích. Anh đã gặp may cũng như tất cả những người tự tin. Rudy ngồi trong nhà ấy như người trong gia đình. Người ta nâng cốc để chúc mừng thành tích oanh liệt của anh, Babette cũng chạm cốc với anh. Rudy cảm thấy sung sướng vô cùng. Đến chiều, tất cả mọi người đi chơi ngoài phố, dưới hàng cây hồ đào lớn, trước cửa những khách sạn tráng lệ. Nhân vì đông người chen nhau, Rudy đưa cánh tay cho Babette và nàng nắm lấy. Rudy không nén được nỗi vui sướng lộ rõ trên nét mặt. Để có thể tự do bộc lộ nỗi hân hoan của mình một cách thoải mái, anh nói rằng sở dĩ anh vui vẻ như vậy là vì anh vừa gặp những bạn tốt nhất của anh. Anh tỏ vẻ mãn nguyện một cách hồn nhiên và đầy đủ đến nỗi Babette thấy cần phải xiết chặt tay anh để chúc mừng anh.

Họ đi như một cặp quen biết nhau từ lâu. Cô bé xinh đẹp rất vui vẻ và tinh nghịch. Nàng làm Rudy thích nhất khi nàng chỉ cho Rudy quan sát cách phục sức quá đáng và lố lăng của các bà lớn ngoại quốc và khi nàng bắt chước dáng đi kiểu cách của họ. Cô nói tiếp: “Dù sao cũng không nên cười họ nhiều vì trong bọn họ có những người rất tốt, đáng yêu và nhân hậu”. Cô kể rằng mẹ đỡ đầu của cô là một bà người Anh rất quý phái, trước đây mười tám năm đã ở Bex, khi Babette ra đời. Chính cái trâm vàng hiện đang cài trên đầu là của bà ta cho. Bà mẹ đỡ đầu đã hai lần viết thư bảo Babette năm nay phải đến Interlachen chơi với bà và các cô con gái của bà đã nhiều tuổi nhưng chưa chồng. Các con bà mẹ nuôi chưa đầy ba mươi tuổi, còn Babette thì mười tám.

Thế rồi cái miệng xinh xinh ấy không ngừng lại lấy một lúc, và tất thảy những gì mà Babette nói huyên thuyên đối với Rudy đều là tối quan trọng cả.

Cuối cùng đến lượt anh giãi bày điều anh muốn nói: đã biết bao nhiêu lần anh đến Bex! Anh biết cái cối xay rất rõ ràng. Đã bao lần anh trông thấy Babette và tất nhiên là không bao giờ nàng để ý đến anh, vừa rồi đây, anh đã đến nhà nàng như thế nào, với vô số ý nghĩ mà anh phải giữ kín trong lòng. Anh được biết là nàng và cha nàng đã đi khá xa, nhưng cũng không đến nỗi xa lắm, vì anh đã đuổi kịp, bằng cách vượt qua dãy Alps.

Anh nói tất cả những cái đó với nàng và còn nhiều chuyện khác nữa. Anh tả cho nàng biết nỗi ngây ngất khi được ở bên nàng, chính chỉ vì nàng thôi mà anh đã đến Interlachen chứ không tuyệt nhiên không phải vì xem hội.

Babette trở nên trầm lặng hẳn đi. Có lẽ những lời tâm sự vượt quá những điều mà nàng có thể hiểu được. Trong lúc họ chuyện trò như vậy mặt trời lặn xuống và biến sau những núi cao. Ngọn Jungfrau sáng rực lên giữa một nền trời đỏ sẫm; quanh đấy, những ngọn núi xanh tươi xếp thành tầng. Đám đông dừng lại để ngắm nghía quang cảnh huy hoàng đó. Babette vừa nhìn bức tranh tuyệt diệu ấy vừa nói: “Chẳng đâu có một kỳ quan như vậy”. Rudy đáp: “Vâng, chẳng đâu có!”. Mắt chăm chăm nhìn người thiếu nữ, anh nói thêm: “Ngày mai tôi phải đi rồi”. Babette thì thầm: “Mời anh đến thăm chúng tôi ở Bex, việc đó chắc chắn làm cha tôi vui lòng”.

V - TRỞ VỀ

Hôm sau, khi vượt núi trở về, Rudy phải mang không biết bao nhiêu là thứ! Anh đã được thưởng ba cái cốc bạc, hai khẩu súng hảo hạng và cả một bộ đồ ăn bằng bạc. Nhưng so với những lời cuối cùng của Babette, những của cải đó không thấm thía vào đâu cả. Anh không ngừng nghĩ đến những lời nói của Babette chiều hôm trước. Có thể nói là chúng đã chắp cánh cho anh vượt qua những ngọn núi hiểm trở.

Trời rét như cắt, ẩm ướt, xám xịt. Mây thấp, trải ra như một màn tang trên các ngọn núi cho lấp các đỉnh phủ tuyết. Không một

tiếng gì vui, không có tiếng chim hót mà cũng chẳng có tiếng nhạc. Người ta nghe thấy tiếng rìu đều đặn của tiều phu, tiếng thân cây thông lao ầm ầm xuống chân núi, tiếng gió rít ai oán, tiếng gầm thét ầm ĩ của sông Lutschine.

Bỗng một người con gái hiện ra bên cạnh chàng thợ săn. Anh không trông thấy cô ta đi tới, cô ta cũng leo núi. Đôi mắt cô có một uy lực khác thường, buộc người ta phải chăm chú nhìn vào. Đôi mắt ấy trong như pha lê, sâu thăm thẳm, nói đúng hơn, kỳ dị. Rudy, đầu óc luôn luôn nghĩ đến Babette và tình yêu, buột miệng hỏi cô ta:

- Cô có người yêu chưa?

Cô vừa cười vừa trả lời như cách một người nói dối:

- Tôi chưa hề có. Cô lại nói thêm: Đừng rẽ lối này, đi sang bên trái gần hơn.

Anh đáp:

- Phải, để mà lăn xuống vực ấy à? Đã không biết lại còn chỉ đường cho người khác.

Cô ta cãi:

- Tôi biết rất rõ phải đi đường nào, tôi làm chủ được ý nghĩ của tôi, anh thì còn đang mơ đến chuyện dưới thung lũng. Nhưng ở đây thì phải nghĩ đến Nữ thần Băng giá. Người ta đồn rằng ngài hay vật chết người lắm.

Rudy trả lời:

- Tôi chẳng sợ bà ấy. Khi tôi còn bé, đã có lần bà ta phải buông tôi ra. Bây giờ tôi đã lớn rồi, bà ấy bắt thế nào được tôi.

Trời tối dần, đổ mưa, rồi từng cơn gió tuyết tạt đến, làm tối mắt Rudy.

Cô gái bảo anh:

- Đưa tay đây để tôi dắt anh lên.

Rudy nói:

- Cô mà lại đòi dắt tôi! Xin cám ơn! Tôi chưa cần đến đàn bà giúp tôi leo núi.

Tách khỏi cô bạn đồng hành, anh rảo bước. Một cơn bão tuyết ập đến, gió thổi điên cuồng. Rudy nghe thấy đằng sau mình tiếng cười và hát những điều kỳ dị. Anh nghĩ thầm có lẽ là một phép ma nào đấy của Nữ thần Băng giá, vì anh đang đi ngay kề nơi bà mẹ đáng thương của anh đã cùng với anh ngã xuống địa hạt của mụ nữ thần quái ác.

Cuối cùng tuyết ngớt dần. Nhìn về phía sau, không thấy dấu vết của một người nào khác cả, nhưng anh còn nghe thấy tiếng cười và tiếng hát tựa như không phải tiếng người. Lên tới đỉnh núi, đến con đường nhỏ dẫn xuống thung lũng sông Rhone, nhìn về phía ngọn Blanc, anh thấy hai ngôi sao rất đẹp lấp lánh trên trời xanh. Anh nghĩ đến đôi mắt xinh xinh của Babette, đến hạnh phúc của mình, và những ý nghĩ ấy đã an ủi anh, làm anh quên cả mệt nhọc và giá rét anh vừa trải qua.

VI - ĐẾN THĂM CỐI XAY

Bà thím già reo lên:

- Cháu vừa mang những thứ gì về mà đẹp thế? Trông như những đồ dùng của các vua chúa ấy.

Đôi mắt diều hâu của bà sáng lên khi bà nhìn thấy những đồ dùng bằng bạc. Bà cảm động, đầu lắc la lắc lư trông đến buồn cười. Bà tiếp:

- Chúc cháu may mắn, Rudy ạ! Thím phải thưởng cho cháu yêu của thím một cái hôn mới được.

Rudy để thím hôn, nhưng tỏ vẻ không thích lắm. Bà thím lại còn nói thêm:

- Quả thật cháu tôi đẹp trai!

- Thôi thím đừng nhồi những ý nghĩ ấy vào đầu cháu.

Rudy cười, trả lời nhưng lần này anh có vẻ hài lòng.

Bà thím nói:

- Thím vẫn cho là cháu gặp nhiều may mắn.

- Vâng, thím nói thế, cháu xin tin lời thím.

Anh nghĩ đến Babette.

Anh nóng ruột muốn đi xuống thung lũng. Mấy hôm sau, anh tự nhủ: "Chắc là họ phải về rồi. Họ dự định về đến nhà từ cách đây hai ngày rồi kia mà. Mình không chịu được nữa rồi. Đến phải đi Bex thôi".

Anh đến đấy quả nhiên đã gặp ngay ông chủ cối xay và cô con gái. Anh được đón tiếp rất niềm nở. Họ chuyển cho anh lời thăm hỏi của họ hàng ở Interlachen. Trái với mọi ngày, Babette hình như không nói chuyện gì, nhưng mắt cô nói nhiều hơn và thế là đủ đối với Rudy. Mọi khi thì ông chủ cối xay thích nói. Ông chẳng là một người chủ cối xay giàu có đấy sao? Nhưng lần này ông lại thích nghe những chuyện săn bắn của Rudy hơn. Anh kể lại những trường hợp khó nhọc, nguy hiểm đang chờ đợi người săn nai trên các đỉnh dãy Alps khi họ phải trượt trên cầu tuyết mà băng giá đã gắn liền vào đá, hoặc vượt vực thẳm trên thân cây tùng lung lay mà gió bão đã đánh ngã vào giữa hai hòn núi.

Rudy vừa kể vừa phấn khởi hẳn lên, mặt anh có một vẻ táo bạo, mắt anh sáng rực lên khi nói đến đời người thợ săn, những mưu mẹo của giống nai, những cái nhảy nguy hiểm của chúng, hay khi nói đến những trận băng lở khủng khiếp, trận bão Föhn cuốn theo tất thảy những vật gì nằm trong luồng gió. Rudy nhận thấy rất rõ rằng mình càng ngày càng gây được cảm tình với ông chủ cối xay với tất cả những chuyện ấy. Ông ta thích nghe nhất chuyện đại bàng và chim ưng.

Rudy kể tiếp:

- Cách đây không xa, cũng thuộc tổng Valais, có một tổ chim ưng làm rất khéo dưới một tảng đá mọc nhô ra ngoài. Trong tổ có một con chim ưng non, nhưng không tài nào bắt được. Mấy ngày gần

đây, có một người Anh hứa cho tôi một nắm tiền vàng để bắt sống nó cho ông ta, nhưng cái gì cũng có giới hạn thôi. Thử làm việc ấy thì thật là một chuyện điên rồ.

Trong khi đó rượu vang được rót ra liên tiếp chẳng khác gì câu chuyện thao thao bất tuyệt của người thợ săn. Anh ra về lúc nửa đêm, nhưng còn cho là mình về quá sớm. Còn thấy ánh đèn sau vòm cây thì anh còn ngoái cổ lại nhìn.

Một lát sau chú mèo phòng khách trèo qua cửa tò vò lên mái nhà và gặp mèo nhà bếp đang trườn theo ống máng. Mèo phòng khách bảo:

- Này, cậu có biết chuyện gì không? Họ đã ngầm đính hôn với nhau. Ông bố chẳng biết gì cả. Rudy và Babette đã úp chân vào nhau dưới gầm bàn. Anh ta đã ba lần dẫm chân lên cẳng trước của tớ. Nhưng tớ không kêu vì như thế thì lộ chuyện mất.

Mèo nhà bếp đáp:

- Tờ thì tớ chẳng câu nệ đến thế!

Mèo phòng khách lại nói:

- Ở dưới bếp khác, trên phòng khách khác. Phải biết phân biệt các hạng người. Nhưng tớ còn rất muốn biết xem ông chủ cối xay sẽ nói gì nếu ông ta biết chuyện này.

Đó đúng là điều mà Rudy cũng rất muốn biết. Còn chờ đợi lâu thì anh không thích. Bởi vậy, ít ngày sau, khi chiếc xe hàng nặng nề chạy từ Sion đến Bex qua cầu sông Rhone, người ta có thể trông thấy anh chàng xinh trai lúc nào cũng đầy lòng dũng cảm đang tấp tểnh vui mừng trước vì có thể, ngay tối nay, ông chủ cối xay sẽ nhận lời anh.

Nhưng đến chiều, lại thấy Rudy trên chiếc xe hàng quay trở về Sion thì chú mèo phòng khách chạy như bay phóng theo bạn mình để báo tin mới. Chú reo lên:

- Này, nghe đây! Ông chủ cối xay biết cả rồi. Câu chuyện chấm dứt rất buồn cười. Ban nãy Rudy đến. Anh ta và Babette thì thầm với nhau rất lâu ngoài hành lang, trước cửa buồng ông bố. Thỉnh

thoảng tớ lại cọ vào chân họ, nhưng họ mải nghĩ chuyện khác nên chẳng vuốt ve gì tớ cả. Rudy bảo: “Anh sẽ đến nói ngay với cha em, làm như thế mới là đứng đắn”. Babette hỏi: “Anh có muốn em đến cùng với anh không? Có mặt em anh sẽ không thêm can đảm đâu. Tuy nhiên, em cứ đến, có mặt em, dù có bằng lòng hay không, cha em cũng phải hòa nhã”. Nói xong họ kéo nhau vào. Lúc đó Rudy dẫm mạnh vào đuôi tớ. Nói riêng với cậu, tớ thấy hắn quê mùa và hơi vụng về. Tớ kêu lên, nhưng cả hắn lẫn Babette còn đầu óc nào nghĩ đến tớ nữa. Họ mở cửa cùng vào, tớ nhảy đằng trước. Tớ nhảy lên một cái ghế bành để đề phòng khỏi bị một cú đau nào nữa, và cũng chưa biết Rudy múa may ra sao, nhưng chính ông chủ lại cáu ầm lên. Lão ta thét, chân dậm thình thịch xuống sàn nhà: “Cút khỏi nơi này, quay về xó núi với những con nai nhà anh!”. Lão nói cũng đúng, Rudy đi săn nai thì giỏi chứ săn cô Babette thì chả được đâu.

Mèo nhà bếp hỏi:

- Sau cùng họ nói sao?

- Còn nói sao nữa? Nói như vậy người ta thường nói khi đi hỏi vợ ấy chứ gì? Tôi yêu cô ấy, cô ấy yêu tôi, nếu ông thương cô ấy thì xin ông thương cả tôi nữa, v.v…

Ông chủ bảo rằng:

- Con gái tôi cao quý hơn anh nhiều lắm. Sao anh lại nghĩ đến chuyện dám nhoi lên cái khối vàng mà con tôi ngồi trên ấy?

- Không có gì cao đến nỗi không nhoi tới được khi người ta muốn nhoi.

Ông chủ gắt:

- Cái nhà anh này thật là điên rồ… Hôm nọ anh không dám trèo tổ chim ưng, Babette lại càng cao hơn thế nữa, anh nhoi làm sao tới được.

- Tôi sẽ nhoi lên cả hai.

- À được! Nếu anh bắt được con chim ưng non về đây, lão sẽ gả con Babette cho anh.

Nói rồi lão cười đến chảy cả nước mắt. Lão nói thêm:

- Trong lúc chờ đợi, rất cảm ơn anh đã đến thăm, nhưng nếu mai anh còn đến đây thì sẽ không có ai ở nhà tiếp anh đâu, Rudy, chúc anh thượng lộ bình an.

Babette cũng từ biệt Rudy, thảm hại như con mèo con theo mẹ.

Rudy lại nói:

- Quân tử nhất ngôn, một lời nói một đọi máu đấy nhé! Thôi, Babette đừng khóc nữa, anh sẽ mang chim ưng non đến.

Lão chủ nói luôn:

- Tôi rất mong cho anh ngã gãy cổ, và như thế chúng tôi sẽ thoát khỏi anh.

Mèo phòng khách kết luận:

- Tớ gọi cái kiểu ấy là đá khách về.

Rudy về rồi, Babette ngồi lặng trên ghế khóc mãi không thôi. Lão chủ thì lảm nhảm hát một bài hát rất dở bằng tiếng Đức học được trong chuyến đi chơi vừa qua. Còn tớ, tớ được mục kích tất cả nhưng tớ cũng chẳng bận tâm đến làm gì. Hơn nữa, ích lợi gì kia chứ?

Mèo nhà bếp đáp:

- Cái đó cũng làm cho cậu có việc, đỡ phải nằm ườn trên ghế bành êm ái.

VII - TỔ CHIM ƯNG

Người ta nghe thấy trên núi vang lên một bài hát vui, người đang hát ấy ắt phải là một người vui tính và đầy lòng dũng cảm, người ấy là Rudy.

Anh đi tìm người bạn thân là Vesinand và bảo:

- Cậu và Ragli phải giúp mình lên bắt con chim ưng non chót vót

trên mỏm đá cao kia.

Người bạn đáp:

- Sao cậu không lên cung trăng khoét mắt chị hằng? Cậu thật khéo pha trò.

- Mình vui tính, đúng đấy, nhất là từ khi mình nghĩ đến việc lấy vợ. Nhưng đây là chuyện rất đứng đắn, mình cần con chim ưng non ấy, lý do như sau.

Và anh kể lại câu chuyện đã xảy ra cho các bạn nghe. Họ bảo anh:

- Cậu là một thằng quá ư liều lĩnh. Cái việc cậu định làm, nói một cách đơn giản là không thể thực hiện được đâu. Cậu sẽ ngã gãy cổ.

Rudy nói:

- Chỉ cần người ta không sợ ngã thì chẳng ngã được.

Đến trưa, cả ba người lên đường, mang theo thang, thừng và sào dài. Họ băng qua rừng, vượt qua các bụi rậm, trèo qua những tảng núi đá. Họ leo mãi, leo mãi cho đến đêm. Họ nghe thấy cả tiếng suối chảy ầm ầm dưới thung lũng lẫn tiếng thác đổ trên núi. Họ đến gần hòn núi cheo leo có tổ chim ưng.

Trời nhiều mây, tối đen như mực. Họ đi vào một kẽ núi, hai bên là vách đá dựng đứng. Chỉ có một luồng ánh sáng nhỏ từ trên cao tít lờ mờ chiếu xuống.

Khó nhọc muôn phần, cuối cùng họ dừng lại trên bờ một cái vực sâu, dưới đáy có một cái suối reo ầm ầm. Cả ba đều im lặng. Họ chờ đến lúc mặt trời hé mọc. Đó là lúc mà chim ưng mẹ rời tổ đi săn mồi. Phải giết chết chim mẹ rồi hãy nghĩ đến chuyện bắt chim con, Rudy quỳ một gối xuống đất, thu mình lại, không động đậy như cùng chung một khối với hòn núi đá mà anh tựa vào. Anh chĩa súng về phía hốc đá có tổ chim, mắt không rời mục tiêu. Họ chờ đợi hồi lâu. Cuối cùng, trên đầu họ có tiếng kêu chói tai, rít lên the thé. Mảng ánh sáng họ nhận được từ trên cao bị lấp bởi một vật đang ngoi trong không khí. Đó là chim ưng đen bắt đầu đi kiếm mồi cho con. Một tiếng súng nổ. Đôi cánh rộng lớn của chim ưng đập một lát trên không rồi xòe ra cứng đờ. Con vật bị tử thương từ

từ rơi xuống như có dù đỡ. Người ta nghe thấy tiếng cành cây gẫy răng rắc trong lúc nó rơi xuống.

Thế là họ nhanh nhẹn bắt tay vào việc. Họ nối liền ba cái thang dài nhất làm một, trù rằng với cách ấy họ sẽ leo tới tổ chim ưng. Họ dựng thang vào đầu rìa núi cách cái vực vài bước, vào nơi mà chân thang có thể tì xuống một cách chắc chắn được. Nhưng cũng không tới được đỉnh núi. Từ đầu thang đến tổ chim đá phẳng lì như một bức tường. Làm thế nào bây giờ? Sau khi suy nghĩ và bàn bạc với nhau, họ quyết định buộc hai chiếc thang nữa vào với nhau rồi mang lên đỉnh núi dòng xuống nối vào ba chiếc kia. Họ mất rất nhiều công sức mới mang được thang lên đỉnh núi rồi buộc cái nọ vào với cái kia bằng dây thật chắc. Thế là thang lủng lẳng trên miệng vực, qua cả hòn đá có tổ chim. Rudy nhanh nhẹn trèo xuống và phút chốc đã tới bậc thang cuối cùng. Buổi sáng lạnh buốt, từng đám sương mù dày đặc từ dưới vực âm u bốc lên. Rudy giống như một con ruồi bám vào đầu một cuống rơm đung đưa trước gió, hoặc như một con chim làm tổ trên thành một ống khói cao. Nhưng chim và ruồi còn bay được chứ Rudy thì chỉ có thể ngã gãy cổ. Gió nổi lên làm thang lắc lư. Dưới đáy vực, tiếng nước rầu rĩ đổ vào lâu đài ngầm dưới đất của Nữ thần Băng giá như để làm cho anh choáng váng.

Bình tĩnh, Rudy dún cho hai chiếc thang đưa đi đưa lại. Anh bắt chước con nhện treo mình vào đầu một sợi tơ dài đánh đu trước khi vồ mồi. Đu đến cái thứ ba anh nắm lấy đầu ba chiếc thang dựng bên dưới với đôi tay khỏe mạnh, chắc nịch, anh nối vào hai cái kia. Như thế, là cả năm cái thang đã liền với nhau, dựng thẳng vào vách đá, nhưng trông cũng không chắc gì hơn cây cối ngả theo chiều gió.

Bây giờ đến phần nguy hiểm nhất của công việc phải làm. Phải trèo lên thang, Rudy cảm thấy mình rung rinh trên miệng vực sâu hàng trăm thước. Nhưng Rudy đã thuộc những bài học của người thầy đầu tiên là chú mèo. Thần Choáng váng bay đi bay lại đằng sau, đã nhiều lần giơ tay như con bạch tuộc để nắm lấy anh, nhưng Rudy cảm thấy như không có hắn. Anh lên đến đầu thang gần ngay tổ chim, có thể nhìn thấy và với tay tới. Thế là ổn.

Không ngần ngại, anh lẩn cạnh những bụi cây um tùm bao quanh tổ chim. Tìm được một cành vững chắc, anh níu lấy và nhảy sang.

Thế là anh đã chui được nửa người vào hốc đá.

Một mùi thịt hôi thối sực vào mồm, vào mặt anh. Trong hốc đá đã có một đống thịt cừu, nai và chim các loại đã thối rữa. Thần Choáng váng phả cái mùi hôi thối đó vào mặt anh để làm cho anh chóng mặt. Dưới đáy vực, Nữ thần Băng giá nhìn anh chằm chằm, mắt long sòng sọc, trông như cái đầu nữ quỷ Medusa (Theo thần thoại Hy Lạp, nữ quỷ Medusa bị Minerve, nữ thần của trí khôn và nghệ thuật trừng phạt biến tóc Medusa thành những con rắn và làm cho cặp mắt Medusa nhìn vào ai thì người đó biến thành đá. Persée, sau làm vua xứ Tirynthe, đã chặt đầu Medusa đem đi dọa làm cho kẻ thù phải khiếp sợ). Mụ nói với một giọng vui mừng dữ tợn: "Ta bắt được mi rồi". Rudy không trông thấy mụ. Trong đáy tổ chim anh trông thấy con chim ưng non, tuy chưa biết bay nhưng cũng đã khỏe và đáng sợ. Rudy không rời mắt nhìn nó, một tay dùng hết sức bám chặt lấy cành cây, còn tay kia tung vào phía con vật một chiếc thòng lọng chuẩn bị sẵn. Sợi thừng quấn chặt chân chim. Rudy giật mạnh về phía mình, hất cả con vật và sợi thừng qua vai làm cho con chim dữ bị treo cách xa người anh bằng một đoạn thừng mà anh đã buộc một đầu vào quanh người. Rồi, nắm chặt cành cây bằng hai tay, anh tìm cách đặt chân vào thang, túm chặt lấy chân thang bằng một động tác đột ngột vững vàng: "Đứng vững, và không nghĩ rằng mình sẽ ngã, thì chẳng bao giờ ngã". Chú mèo đã dạy anh như thế, anh nhớ lại điều đó, giữ chặt và mạnh dạn trèo xuống.

Lúc đó, một bài ca chiến thắng vang lên với một giọng khỏe và vui, Rudy đã trở về mỏm núi vững chắc, tay giữ con chim ưng non xinh xắn bị bắt sống.

VIII - TIN TỨC MỚI DO CHÚ MÈO PHÒNG KHÁCH KỂ LẠI

Rudy bước vào nhà ông chủ cối xay ở Bex, đặt một cái sọt lớn xuống đất và nói:

- Đây là vật mà ông đòi hỏi.

Anh mở nắp ra, và người ta nhìn thấy từ đáy sọt một đôi mắt vàng, viền đen, sáng quắc như phát ra ánh lửa, đó là một đôi mắt

man rợ biểu hiện một sức căm hờn ghê gớm. Mỏ con vật há hốc, sẵn sàng giáng một đòn khủng khiếp. Qua lượt lông tơ ở cổ người ta thấy nổi lên những tĩnh mạch đầy một dòng máu sôi sục căm thù.

Ông chủ cối xay reo lên:

- Con chim ưng non!

Babette kêu lên một tiếng và nhảy tránh sang một bên vì sợ hãi. Nàng dán mắt nhìn Rudy, nhìn con chim ưng, để rồi lại nhìn Rudy, không rời ra được nữa. Ông chủ cối xay nói:

- Anh thật là một chàng trai không biết sợ là gì!

Rudy đáp:

- Còn ông, ông lại có tiếng là một người nói như đinh đóng cột. Mỗi người trong chúng ta có một đức tính riêng.

Ông chủ cối xay lại hỏi:

- Nhưng làm thế nào mà anh lại không bị ngã gãy cổ, què chân tay?

Rudy đáp:

- Tôi đã giữ vững và cũng nắm vững Babette như vậy.

- Trước kia thì có mà đợi đấy rồi người ta gả cho anh!

Ông chủ cối xay vùa cười vừa nói, đó là một điềm tốt. Babette biết rõ điều ấy lắm. Ông nói tiếp:

- Ta hãy kéo con chim ra khỏi tổ đi. Trông nó tức giận phồng mang trợn mép lên xấu lắm. Làm thế nào mà anh bắt được nó thế?

Và Rudy phải thuật lại tỉ mỉ việc anh đã làm, mắt ông chủ cối xay mỗi lúc một tròn xoe ra nhìn anh. Ông nói:

- Can đảm và may mắn như thế, có thể nuôi được ba vợ đấy.

Rudy nói:

- Cám ơn ông đã có lời khen, xin đa tạ và ghi lời ông.

- Ồ! Tôi hiểu anh muốn nói gì, nhưng chưa lấy được Babette ngay đâu.

Ông chủ cối xay vừa nói vừa thân mật vỗ vai anh thợ săn trẻ tuổi.

Mèo phòng khách kể với mèo nhà bếp:

- Cậu thử đoán một tí xem có việc gì xảy ra thế? Rudy đã mang chim ưng non đến đổi lấy Babette. Họ hôn nhau trước mặt ông bố, cứ như là đã đính hôn với nhau rồi ấy. Lão già không giậm chân nữa mà thơn thớt nói cười. Lão đi làm giấc ngủ trưa, để mặc cho hai người chuyện gẫu với nhau. Họ nói nhiều chuyện quá đến nỗi tớ tưởng đến lễ Noel cũng chẳng hết.

Quả nhiên đến ngày lễ Noel, Rudy và Babette lại gặp gỡ và chuyện trò suốt mấy giờ đồng hồ.

Gió cuốn lá khô và những bông tuyết. Nữ thần Băng giá, trang sức lộng lẫy, ngồi trên ngai, trong lâu đài mỹ lệ. Trên sườn núi đá cheo leo có những tảng băng vĩ đại to như những con voi. Trên những cây tùng tuyết phủ có những tràng hoa thủy tinh kỳ ảo rải ra, lóng lánh như những chuỗi hạt kim cương cực lớn.

Nữ thần Băng giá lướt trên gió và mở rộng giang sơn của mụ đến tận các thung lũng kín nhất. Thị trấn Bex bao phủ đầy tuyết. Khi bay qua mụ thấy trong nhà ông chủ cối xay, Rudy đang cầm tay Babette. Mụ dừng lại, lắng tai nghe, mụ nghe nói rằng họ sẽ làm đám cưới vào mùa hạ. Mụ nghe thấy không phải là một lần mà là hàng trăm lần vì lúc ấy đôi uyên ương chỉ nói đến chuyện ấy thôi.

Mặt trời lại xuất hiện và hoa hồng núi Alps cũng nở theo. Babette vui vẻ, tươi cười, diễm lệ như mùa xuân tươi đẹp.

Mèo phòng khách than thở:

- Trời ơi, sao mà hai anh chị này có thể ngồi bên nhau mãi thế? Những tiếng meo meo vô tận của đôi tình nhân cuối cùng cũng làm cho mình khó chịu.

IX - NỮ THẦN BĂNG GIÁ

Mùa xuân đã làm cho những cành hồ đào và hạt dẻ đẹp đẽ, rải từ cầu St. Maurice suốt dọc sông Rhone đến tận bờ hồ Léman (Geneva, Thụy Sỹ), đâm chồi nảy lộc, trở lại rậm rạp tốt tươi. Quãng sông này tựa như một thác nước dữ tợn, sôi sục chẳng kém gì lúc mới thoát ra khỏi vùng băng tuyết mênh mông nơi ưa thích của Nữ thần Băng giá.

Mụ ta cưỡi gió lên một trong những đỉnh cao nhất dãy Alps, ngồi trên một nệm tuyết ngoài nắng và đưa cặp mắt hau háu nhìn xuống các thung lũng. Ở đấy mụ thấy loài người đang lao động bận rộn dưới chân một ngọn núi cao, trông như một tổ kiến.

Mụ nói với một giọng khinh bỉ: "Thế mà bọn con gái Mặt Trời gọi các người là những kẻ Trí tuệ! Các người chẳng qua chỉ là sâu bọ. Chỉ một cơn núi lở cũng đủ đè nát các người lẫn nhà cửa làng mạc của các người".

Mụ ngửng đầu kiêu hãnh. Mắt mụ phóng ra những tia đầy sát khí bao quát cả chân trời rộng lớn. Trong thung lũng người ta nghe tiếng đá bị thuốc nổ phá tung lên. Lại có những máy móc lăn đi nặng nề. Người ta đang đặt đường sắt vào một cái hầm ngầm qua dãy Alps.

Nữ thần nói một cách kiêu ngạo: "Trông kìa! Chúng như những con chuột chũi đào hang dưới đất. Mìn nổ chỉ to hơn tiếng súng một tí mà cũng làm cho chúng giật mình kinh sợ. Ta đây, mỗi lần di chuyển cung điện, tiếng động còn to ngang tiếng sấm".

Từ dưới thung lũng bay lên một làn khói cứ tiến dần, tiến dần: đó là khói tỏa lên từ một đầu máy tàu hỏa, trông tựa một cái lông ta cắm trên đầu một con rắn dài. Đoàn tàu hỏa vút đi nhanh hơn mũi tên bắn. Nữ thần lại nói: "Chúng tưởng chúng là chủ trên địa cầu. Chúng kiêu hãnh với cái óc thông minh của chúng. Nhưng quyền lực vẫn thuộc về sức mạnh của thiên nhiên".

Mụ vừa cười vừa nói, tiếng vọng vang đi xa làm rung chuyển không gian.

Những người dưới thung lũng bảo nhau: "Đó là tiếng núi lở".

Các công chúa Thái Dương cất tiếng hát bài ca ca ngợi trí tuệ loài người: chính cái trí tuệ đó chinh phục biển cả, chuyển núi, lấp vực và làm chủ sức mạnh của thiên nhiên.

Trong khi các nàng hát, đằng xa một đoàn xe lửa đang băng qua không gian.

Nữ thần núi Alps nhìn đoàn tàu, nói với giọng chế giễu: “Đấy là những Trí Tuệ! Chúng phải tùy thuộc vào sức của hơi nước đang kéo chúng đi. Ở đầu tàu, anh lái đứng kiêu hãnh như một ông vua. Những con người khác chen chúc trong các toa xe. Một nửa trong số đó ngủ bình thản vì họ tin chắc rằng con rồng hơi ấy không dẫn chúng đến chỗ chết được”.

Mụ lại cười. Người đứng dưới thung lũng bảo nhau: “Lại một trận núi lở nữa”.

Rudy và Babette cũng ở trong số hành khách trên tàu. Họ bảo nhau: “Mụ Nữ thần Băng giá độc ác đã kiếm đủ cách, nhưng không thể nào bắt một đứa trong chúng ta đi được”.

Nữ thần Băng giá reo lên: “Chúng nó kia rồi! Ta đã từng đè nát hàng đàn nai, hàng ngàn cây tùng và nhiều tảng đá cao như gác chuông nhà thờ, làm gì mà ta chẳng thắng được những đứa tự xưng là Trí tuệ ấy. Đặc biệt cái đôi ấy thách thức ta. Ta sẽ tiêu diệt”.

Mụ lại cười một lần thứ ba nữa. Những người dưới thung lũng, nhòm lên những ngọn núi đang sập xuống và nhắc lại: “Núi lại vẫn lở! Trên ấy xảy ra việc gì thế không biết?”.

X - BÀ MẸ ĐỠ ĐẦU

Montreux, gần thôn Clarens, trên bờ hồ Léman thơ mộng, là nơi có bà mẹ đỡ đầu của Babette ở, một bà quý phái người Anh sống với các cô con gái và một anh cháu họ trẻ tuổi. Bà vừa mới ở Anh sang thì ông chủ cối xay đã đến thăm và báo tin cưới Babette. Ông ta kể chuyện Rudy, hội thi bắn và chuyện con chim ưng non. Tóm lại, ông dã tường thuật tất cả câu chuyện đính hôn ấy, làm cho người nghe rất thích thú. Mọi người đều thấy mến Babette, Rudy và mến

ngay cả ông chủ cối xay nữa. Họ mời cả ba người đến Montreux chơi một ngày.

Bờ hồ này là nơi các thi sĩ vẫn ca ngợi. Nơi đó, bên bờ nước trong xanh, Byron (1788-1824 thi sĩ nổi tiếng nước Anh) đã đến ngồi dưới những gốc cây hồ đào, viết những lời thơ tuyệt diệu ca ngợi người tù năm xưa bị giam hãm trong lâu đài Sion (Lâu đài dùng làm nhà tù trên bờ hồ Léman. Nhà ái quốc Thụy Sỹ Boniva bị giam ở đó). Xa chút nữa, dưới những bóng cây cao thôn Clarens, Jean Jacques Rousseau (văn hào Pháp thế kỷ 18) đã từng dạo chơi và mơ màng đến nàng Heloise (Cháu thầy tu Fuynbe, sinh ở Paris, nổi tiếng vì mối tình đau khổ với Abélard, sau đi tu ở Paracle và chết ở đó).

Phía sau một chút, gần chỗ sông Rhone đổ vào hồ, có một hòn đảo nhỏ đến nỗi từ bờ nhìn ra người ta tưởng lầm một chiếc thuyền. Cách đây một trăm năm đấy chỉ là một mỏm đá. Hồi ấy có quý bà xinh đẹp cho chở đất ra và trồng ba cây dạ hợp, đến nay cành lá bao trùm cả hòn đảo.

Babette say mê nơi ấy. Theo ý nàng, đó là nơi đẹp nhất trong khung cảnh mỹ lệ này. Nàng ao ước: “Ở cái thiên đàng xinh xinh ấy chắc là thích lắm!” Nàng muốn tạt vào, nhưng tàu thủy lại chạy thẳng và đỗ ở bến Bernex.

Họ đi giữa những bức tường trắng xóa đầy ánh nắng bao bọc các vườn nho ở Montreux. Đằng trước những mái nhà tranh của nông dân có nhiều đám cây vả, cây nguyệt quế và trắc bá. Nhà bà mẹ đỡ đầu của Babette ở lưng chừng cái dốc gần đấy.

Họ được đón tiếp rất nồng nhiệt. Bà mẹ đỡ đầu của Babette vui vẻ và dịu dàng. Hồi còn nhỏ, chắc bà giống như tiên đồng của họa sĩ Raphael (1483-1520 Họa sĩ nước Ý, kiêm điêu khắc và kiến trúc sư, đặc biệt nổi tiếng với các bức họa bất hủ vẽ thiên thần và Thánh mẫu). Bây giờ, với bộ tóc bạc phơ trông bà giống như Đức thánh mẫu. Các cô con gái của bà là những tiểu thư dong dỏng cao, thanh nhã, mặc theo kiểu mới nhất. Người anh họ của các cô mặc đồ trắng từ đầu đến chân, anh ta có bộ tóc vàng hoe ngả sang màu hung và một bộ ria dài đồng màu với tóc. Ngay từ lúc đầu, anh ta đã tỏ ra chú ý nhiều đến cô Babette. Trong phòng khách, trên một chiếc bàn lớn có nhiều tranh và nhiều tập ảnh đóng rất

đẹp, nhưng chẳng ai nghĩ đến việc xem cả. Cửa sổ trên bao lơn mở rộng và từ đó người ta nhìn thấy rõ toàn cảnh cái hồ mỹ lệ. Làn nước hồ phẳng lặng đến nỗi những làng mạc và rừng núi phủ tuyết vùng Savoy soi bóng xuống nước như một tấm gương.

Rudy lúc nào cũng táo bạo vui vẻ là thế mà lần đầu tiên trong đời cảm thấy nơi này không hợp với mình. Đi trên sàn đánh xi với anh dài thế! Những cử chỉ của người Anh quá kiểu cách và mực thước làm anh khó chịu.

Anh thở dài khoan khoái khi được ra ngoài dạo chơi. Nhưng lại có cái khó chịu là họ đi rất chậm, đến nỗi anh có thể tiến ba bước rồi lùi lại hai bước mà vẫn theo kịp họ.

Họ đi thăm lâuu đài Sion âm u, cổ kính, bốn bề là hồ. Họ nhìn thấy nhà tù, khí cụ tra tấn, cái thớt gỗ để xử trảm và cái cửa sập. Người ta kể lại rằng những phạm nhân bị ném qua đó vào những ngọn giáo sắt cắm dưới nước. Byron đã từng làm cho những nơi ấy nổi danh trong thế giới thi ca, nhưng Rudy cảm thấy khổ sở gần như là bị cầm tù. Anh tỳ khuỷu tay vào một cửa sổ và nhìn về phía hòn đảo nhỏ lẻ loi có ba cây dạ hợp. Anh muốn ra đấy ở, xa cái xã hội làm cho người thợ săn quê mùa như anh khó chịu về những lời nói huyên thuyên và những kiểu cách tỉnh thành.

Ngược lại, Babette sung sướng và vui như lên tiên. Khi trở về nàng nói với Rudy như thế và thêm rằng anh chàng thanh niên người Anh khen nàng là một thiếu nữ hoàn mỹ.

Rudy đáp lại, cộc lốc: “Hắn ấy à? Hắn là một thằng hề hoàn mỹ”. Đó là lần đầu tiên anh nói một câu làm Babette phật ý. Cậu công tử ấy đã tặng Babette một quyển sách đẹp, bản dịch tiếng Pháp cuốn “Người tù ở Sion” của Byron.

Rudy lại nói: “Đó có thể là một quyển sách hay, nhưng còn cậu công tử bột nịnh đàn bà tóc chải mượt đã cho em quyển sách ấy, thì không thương được”.

- Tôi trông anh ta như một cái túi bột rỗng ấy. - Ông chủ cối xay vừa nói vừa cười ầm lên vì câu khôi hài của mình.

Rudy lại càng cười to hơn và thấy rằng ông chủ cối xay quả là một

người pha trò rất tài tình.

XI - NGƯỜI ANH HỌ

Mấy hôm sau, khi Rudy đến cối xay, anh thấy anh chàng thanh niên người Anh đã ở đó. Người ta giữ hắn ở lại ăn cơm chiều. Babette đã chuẩn bị món cá hương và quấn thêm rau mùi cho thêm phần đẹp mắt. Rudy nghĩ thầm: "Làm như vậy ích gì? Cái anh chàng ngoại quốc này đến đây làm gì và tại sao Babette lại quý trọng hắn như vậy?".

Anh ghen, Babette rất thích thú về thái độ không vui của anh. Nàng biết anh có nhiều tính nết tốt và cũng thích được biết anh có những điểm yếu gì. Nàng dụng tâm thử anh, mặc dù chính anh là người nàng sùng bái trong tâm hồn. Tình yêu của Rudy là hạnh phúc duy nhất của nàng trên trái đất này. Vì thế mặt anh thợ săn sa sầm bao nhiêu, ánh mắt của Babette càng tươi lên bấy nhiêu. Nàng sẵn lòng hôn anh chàng người Anh có bộ râu đỏ hoe nếu nàng biết chắc rằng Rudy sẽ tức điên lên bỏ đi, vì như thế nàng sẽ biết là anh yêu nàng đến thế nào!

Cô Babette làm như vậy, không phải người khôn ngoan. Nhưng cô mới có mười chín tuổi nên không suy nghĩ cho rằng những cử chỉ đỏng đảnh như vậy thực tế sẽ làm cho Rudy hiểu lầm.

Cậu công tử ra về, nhưng chiều tối lại đến lởn vởn quanh cái cối xay máy. Hắn đi đến quãng suối chảy xiết có đặt bánh xe cối xay. Nhìn về đằng trước, thấy buồng Babette có ánh đèn, hắn đi về phía ấy. Hắn nhảy qua suối, suýt lăn tòm xuống. Hắn bíu được vào bờ và bò dậy, quần áo ướt sũng và lấm sạch. Hắn lại mò đi đến một gốc bồ đề già mọc rất gần cửa sổ phòng Babette. Hắn không biết trèo như Rudy, nhưng cuối cùng cũng vắt vẻo được trên cây. Ở đấy hắn cất tiếng hát một bản tình ca. Hắn cho là giọng của mình du dương như tiếng họa mi, nhưng thật ra nghe không khác gì cú kêu mấy tí.

Babette nghe thấy và vén rèm cửa ra xem. Nàng thấy trên cành bồ đề một người mặc quần áo trắng, nàng ngờ ngay rằng không phải là một anh thợ xay mà chính là người vẫn hâm mộ nàng, anh chàng người Anh trẻ tuổi. Rùng mình sợ hãi và giận dữ nữa, nàng

tắt đèn, đóng chặt cửa lại, để mặc cho anh chàng rồ ấy tiếp tục gáy.

Nàng nhủ thầm: “Nếu Rudy có ở đây thì ghê gớm biết bao!”

Anh không có đấy, nhưng anh quanh quẩn gần đấy và đã nghe thấy tiếng choang choác của anh chàng người Anh. Anh chạy đến và người ta nghe thấy dưới gốc cây tiếng thét giận dữ.

Babette nói: “Không khéo họ đánh nhau, giết nhau mất”. Nàng lại mở cửa sổ ra, gọi Rudy và van anh đi về. Anh không nghe.

Nàng bảo:

- Em yêu cầu anh về đi.

- Được, cô muốn cho tôi đi về! Như vậy có nghĩa đây là một cuộc hẹn hò của cô! Babette, thật đáng xấu hổ.

Nàng kêu lên:

- Anh nói những câu thật không xứng đáng, tôi ghét anh lắm. Anh đi đi, đi đi! - Và nàng khóc òa lên.

- Tôi không xứng đáng với cách đối đãi ấy.

Anh cáu giận nói như thế rồi bỏ đi. Hai má anh nóng bừng và tim anh như một lò than.

Babette lăn ra giường, nức nở. Nàng thì thầm: “Anh Rudy, em yêu anh đến thế mà sao anh lại có thể ngờ em làm được việc như vậy”.

Nghĩ đến đây nàng phát cáu lên và cảm thấy giận anh vô cùng. Thế cũng may, nếu không thế thì nàng sẽ bị giày vò vì buồn phiền.

XII - NHỮNG ÂM THẦN

Rudy rời Bex về nhà. Anh đi theo đường núi qua những bãi tuyết, nơi Nữ thần Băng giá ngự trị. Anh trèo lên mãi. Không khí mỗi lúc một tươi mát, nhưng không làm dịu được lòng người thợ săn. Anh qua gần một bụi hồng xinh đẹp núi Alps, xung quanh là hoa khổ

sâm màu xanh lơ. Anh lấy báng súng đập gẫy, dẫm nát những hoa hồng đáng thương.

Bỗng anh thấy hai con nai, mắt anh lóe lên, ý nghĩ anh chuyển hướng. Anh leo lên để đến gần hai con nai cho vừa tầm súng. Anh tiến thận trọng và lặng lẽ, hai con nai đi loanh quanh trên tuyết. Anh nâng súng chuẩn bị bắn. Bất thình lình mây mù vây lấy anh làm anh không trông thấy gì nữa. Anh đi vài bước và thấy mình đứng trước một tường thành bằng đá. Trời đổ mưa tầm tã.

Người anh rung lên vì một cơn sốt ác liệt, đầu nóng như lửa, toàn thân lạnh toát. Anh cầm lấy bầu nước, nước hết, anh quên lấy trước khi rời cối xay. Chưa bao giờ ốm, nhưng lần này anh cảm thấy mình bị quỵ. Mệt rã rời, anh muốn lăn ra đất ngủ. Nhưng nước trên trời đổ xuống như thác.

Anh tìm cách lấy lại sức để kiếm đường về. Mọi vật nhảy múa một cách quái dị trước mắt anh. Chợt anh thấy một cái nhà gỗ hình như mới làm dựa vào núi đá, anh không nhớ ra đã từng thấy nó bao giờ cả. Đứng trước cửa nhà là một thiếu nữ trông giống cô Annette, con gái ông hương sư, cô gái mà anh đã hôn một lần trong khi khiêu vũ. Nhưng không, không phải Annette. Tuy nhiên, hình như anh đã gặp cô ta ở đâu, có lẽ gần Grindelwald, cái tối ở hội thi bắn về, Rudy hỏi:

- Cô ở đâu đến đây?

Cô ta trả lời:

- Chẳng ở đâu cả, đây là nhà tôi, tôi đang chăn đàn dê của tôi.

- Đàn dê của cô à? Ở đây toàn tuyết và núi đá làm gì có bãi cỏ?

Cô ta vừa cười vừa nói:

- Đúng quá! Anh thuộc vùng này đấy! Ừ, bên kia kìa, có một bãi cỏ rất đẹp, dê tôi ăn ở đó. Chả mất đi đâu được một con. Cái gì của tôi vẫn là của tôi.

- Cô có vẻ táo tợn lắm!

- Anh cũng thế!

- Cô có sữa cho tôi một ít, tôi khát bỏng cả họng.

- Tôi có cái tốt hơn cả sữa ấy chứ! Hôm qua có nhiều khách bộ hành qua đây. Họ để quên một chai rượu vang mà chắc là anh chưa được uống bao giờ. Tôi không biết uống đâu. Cho anh đấy!

Quả nhiên, cô lấy một chai rót một bát đầy rượu vang và chìa cho Rudy.

Uống xong, Rudy bảo:

- Quả thật chưa bao giờ tôi được uống rượu vang ngon và đậm như thế này.

Mắt Rudy như nảy lửa, máu anh như sôi lên. Cơn buồn giận tiêu tan. Anh trở lại vui vẻ, vui tràn trề, điên cuồng. Anh reo lên:

- Đúng cô Annette xinh đẹp rồi! Hôn tôi đi!

- Em sẵn lòng, nhưng anh phải tặng em cái nhẫn anh đeo ở tay cơ!

- Nhẫn đính hôn của anh đấy!

- Đấy, chính là cái mà em thích.

Cô lại rót đầy một bát rượu vang và đưa lên môi anh thợ săn. Anh uống luôn. Một luồng sinh khí hừng hực bốc lên trong người anh. Anh thấy hình như vũ trụ là của anh. Cứ vui chơi sung sướng đi. Khoái lạc là hạnh phúc thực sự.

Anh lại nhìn cô gái, đúng là Annette. Một lúc sau lại không phải là Annette nữa, mà cũng không phải cô gái đã hiện ra gần Grindelwald. Người cô ta tươi tắn và trắng trẻo như tuyết trên trời vừa rơi xuống, dịu dàng như bó hoa hồng trên núi Alps, thon và gọn như một con nai con. Anh choàng tay ôm lấy cô, đắm đuối nhìn vào đôi mắt trong sáng kì lạ của người trinh nữ. Anh luống cuống, làm thế nào mà nói lên được một cảm giác không diễn đạt nổi? Anh cảm thấy mình tụt xuống, tụt mãi xuống tận đáy vực băng sâu thăm thẳm, đầy tử khí. Những bức tường thành vĩ đại trong như làm bằng pha lê màu xanh lục phản chiếu một ánh sáng màu lơ. Hàng ngàn giọt nước rơi xuống tạo thành một bản nhạc rầu rĩ. Nữ thần Băng giá vẫn đứng đấy. Mụ hôn một cái vào trán

Rudy: anh thấy lạnh cứng đến chết từ đầu đến chân. Anh thốt ra một tiếng kêu đau đớn, lảo đảo và ngã vật ra. Trời đất tối sầm xuống như ban đêm.

Tuy vậy, anh cũng hồi tỉnh. Anh chợt hiểu rằng mình vừa bị biến thành đồ chơi của những âm thần. Cô thiếu nữ và cả chiếc nhà gỗ đã biến mất. Chung quanh anh chỉ còn có tuyết. Rudy bị thấm nước buốt đến tận xương. Anh run lên vì rét. Chiếc nhẫn đính hôn của Babette tặng anh không còn nữa.

Anh tìm đường về. Một màn sương dầy đặc và ẩm ướt bao phủ núi non. Nhiều tảng đá lăn ầm ầm bên cạnh anh. Thần Choáng Váng rình mò anh, tưởng anh đang mệt lử và kiệt sức. Nếu anh ngã xuống thì đã xong đời rồi, nhưng lần này anh đã thoát khỏi cơn nguy khốn.

Ở cối xay, Babette ngồi, ủ ê buồn khổ quá chừng và lúc nào cũng khóc. Đã sáu ngày hôm nay Rudy không trở lại, con người có nhiều sai lầm đáng trách, con người mà nàng yêu hơn hết thảy.

XIII - TẠI NHÀ ÔNG CHỦ CỐI XAY

Mèo phòng khách lại nói với mèo nhà bếp:

- Lại có chuyện lộn xộn ghê gớm trong nhà này! Rudy và Babette cắt đứt nhau rồi. Cô nàng thì khóc sướt mướt còn anh chàng thì chắc là không nghĩ đến cô nàng nữa.

Mèo nhà bếp nói:

- Chắc anh ta khổ lắm nhỉ?

Mèo kia trả lời:

- Đúng đấy, nhưng tớ không thích buồn thay cho họ tí nào cả. Nếu cô nàng Babette muốn thì cô có thể lấy anh chàng râu đỏ hoe. Nhưng cả anh chàng ấy nữa cũng không thấy trở lại đây, kể từ cái tối mà hắn định trèo lên mái nhà như chúng mình ấy.

Trong những ngày dài dằng dặc đó, Rudy suy nghĩ về những việc xay ra đêm nọ trên núi. Cơn sốt đã làm anh mê sảng. Anh không

thể nào xác minh được những việc đã xảy ra với anh.

Anh tiếp tục kết tội Babette. Tuy nhiên, anh cũng tự vấn lại lương tâm. Anh nhớ lại cơn giông tố kinh khủng, sự giày vò ghê gớm đã khuấy động tim anh. Anh có cần phải thú thực với người yêu những ý nghĩ khủng khiếp đã xâm chiếm anh và có thể trở thành hành động không? Thực tế, anh đã đánh mất cái nhẫn. Có phải trong khi quá giận anh đã quẳng nó đi không? Lúc nào anh cũng nghĩ đến việc ấy và chính điều đó hướng tim anh về phía người thiếu nữ.

Liệu nàng có nhận những sai lầm của nàng đối với anh không? Anh thấy tim anh tan nát khi nghĩ đến những lời nói yêu thương, duyên dáng và êm ái mà nàng đã nói với anh. Nàng luôn luôn hiện ra với tất cả vẻ dịu dàng, vui vẻ, hay đùa. Những ý nghĩ đó như tia nắng xuyên qua một đám mây đen.

Anh nghĩ thầm: “Nàng sẽ phải thú nhận tất cả với ta. Nàng phải tự biện bạch lấy”.

Anh đi đến cối xay. Họ đã thanh minh với nhau, bắt đầu bằng một cái hôn và kết luận như sau: Rudy đã là một người tàn nhẫn, một người có tội. Anh đã dám nghi ngờ lòng chung thủy của Babette. Tính nết của anh rất đáng ghét. Đa nghi và hành động thô bạo đến như vậy! Thế cũng đủ làm cho chúng ta đau khổ mãi rồi, thật đấy ông Rudy ạ!

Và Babette chỉnh anh một trận nên thân. Lúc ấy cô bé xinh đẹp lại càng đáng yêu hơn. Tuy nhiên, có một điểm nàng cho là người yêu nói đúng: anh chàng người Anh đó quả là một thằng hề, một tên tán gái nực cười. Nàng tuyên bố là sẽ quẳng quyển sách hắn đã tặng vào bếp để khỏi gợi cho nàng nhớ đến một tên ngu ngốc như vậy.

Chú mèo phòng khách kể với bạn dưới bếp:

- Mọi việc đã dàn xếp xong. Rudy đã trở lại rồi. Cô cậu đã thanh minh với nhau, đã thông cảm cho nhau và theo họ đó là hạnh phúc cao nhất.

Mèo nhà bếp trả lời:

- Ban đêm khi tớ rình chuột, tớ thấy chúng nó bảo nhau rằng hạnh phúc cao nhất là gặm nến và có một ít thịt thiu để dành. Thế thì cậu bảo tin chuột hay là tin những kẻ si tình?

Mèo phòng khách đáp:

- Chắc chắn hơn hết là chẳng tin bên nào cả.

Hạnh phúc cao nhất, Rudy và Babette chỉ phải chờ trong một thời gian ngắn nữa thôi. Ngày cưới của họ sắp đến rồi, sẽ không tổ chức ở nhà thờ Bex mà cũng chẳng ở nhà ông chủ cối xay. Bà mẹ đỡ đầu yêu cầu rằng lễ cưới nên tổ chức ở nhà thờ xinh đẹp ở Montreux và ở nhà bà ta. Ông chủ cối xay tán thành đề nghị đó, ông ta biết rõ những đồ mừng sẽ đẹp thế nào và món hồi môn của bà mẹ đỡ đầu dành cho cô dâu chú rể sẽ ra trò. Nên ông cho rằng có làm đẹp lòng con người rất tốt ấy một chút cũng chẳng sao. Cậu em họ đã trở về nước Anh.

Thế là ngày cưới đã được ấn định. Họ phải đến Villeneuve từ tối hôm trước để sáng sớm hôm sau đáp chuyến tàu thủy đầu tiên đi Montreux. Như thế để các cô con gái bà mẹ đỡ đầu còn có thể giúp Babette mặc quần áo cho thật đẹp.

Chú mèo phòng khách nói:

- Vậy thì tốt lắm, nhưng tớ mong rằng ngày mai sẽ có một bữa tiệc ngay ở nhà này, nếu không tớ chẳng thèm kêu một tiếng để chúc họ chung sống hạnh phúc.

Mèo nhà bếp trả lời:

- Tớ cũng rất tin là cánh ta sẽ được chén một bữa ra trò. Vịt đã làm lông, gà và chim đã thịt. Dưới nhà cả một con bê treo lủng lẳng trên tường. Tớ nhìn những của ngon vật lạ ấy không khỏi thèm rỏ dãi. Ngày mai là họ đi đấy.

Phải, đúng là ngày mai. Tối hôm ấy Rudy và Babette ngồi bên nhau rất lâu, chuyện trò đủ thứ. Đó là cuộc nói chuyện cuối cùng của họ ở cối xay. Dãy núi Alps rực rỡ, tràn ngập ánh hồng. Tiếng chuông chiều văng vẳng. Các nàng công chúa Thái Dương bay lượn trên trời và ca lên rằng: “Mong cho Rudy, con cưng của chúng ta, được

hưởnh hạnh phúc thật xứng đáng”.

XIV - NHỮNG YÊU QUÁI BAN ĐÊM

Đêm đến, nhiều đám mây lớn bao trùm cả thung lũng sông Rhone. Một cơn gió dữ dội, tàn dư của gió Đông Nam ở Địa Trung Hải, sau khi thổi qua nước Ý, đến phá bằng những cơn mạnh nhất và điên cuồng nhất vào chân dãy Alps, rồi lan xuống khắp vùng, xé tan những đám mây mù. Nhưng mây lại hợp lại, xếp thành những hình quỷ sứ và những quái vật trong các truyện thần tiên.

Quỷ thần của trời đất, những sức mạnh sơ khai, vẫy vùng tự do trong khi mọi người đang ngủ. Dưới ánh sáng trăng làm lóng lánh các ngọn núi tuyết, người ta đoán quân của Nữ thần Băng giá diễu qua. Một toán Thần Choáng Váng đùa giỡn trên những xoáy nước sông Rhone. Nữ thần Băng giá ngồi trên một cây tùng vĩ đại bị trận cuồng phong nhổ bật, trôi bập bềnh trên sông. Sóng nước dồn dập, lạnh chết người, đã đưa mụ ra khỏi lâu đài băng giá.

Khắp không gian, trên mặt nước văng vẳng những tiếng: “Có chúng ta đến dự đây”.

Trong khi đó, Babette đang mơ một giấc mơ kì lạ. Nàng thấy mình đã lấy Rudy từ lâu. Chàng đi săn nai. Nàng ở nhà. Bỗng tên người Anh trẻ tuổi râu vàng hoe xuất hiện. Hắn nói với nàng những lời tà ma. Nàng thấy bị bắt buộc phải theo hắn. Hai người cùng đi rất xa, xa lắm.

Tim nàng bỗng bị một sức ép mỗi lúc một nặng. Nàng đã có tội với Rudy, với Thượng Đế. Đột nhiên nàng thấy bị bỏ rơi một mình. Tóc nàng đã bạc trắng vì buồn phiền. Nàng ngẩng mặt lên trời và nhìn thấy Rudy trên một mỏm núi. Nàng giơ tay về phía chàng, không dám gọi. Hơn nữa, cũng vô ích vì nàng thấy ngay rằng đó không phải là Rudy mà chỉ là cái áo săn và mũ của chàng vắt lên chiếc gậy để đánh lừa những con nai.

Lúc ấy, một niềm đau đớn sâu sắc xâm chiếm lấy Babette, nàng than vãn: “Ôi! Nếu tôi được chết vào ngày cưới, ngày sung sướng nhất của đời tôi! Đức Thượng Đế! Đó là điều đặc ân mà Người có thể ban cho tôi. Như vậy có lẽ tốt nhất cho cả tôi lẫn Rudy. Ai mà

biết trước tương lai?”

Thế rồi, oán trách Thượng Đế và cuộc sống, nàng gieo mình xuống một cái vực sâu.

Babette giật mình tỉnh dậy. Ma quỷ đã biến mất. Nhưng nàng nhớ lại là vừa bị một cơn ác mộng dày vò. Nàng nhớ rất rõ rằng trong đó có anh chàng thanh niên người Anh, người mà mấy tháng nay nàng không gặp và không bao giờ nghĩ đến. Hắn đã quay lại Montreux rồi chăng? Hắn có dự đám cưới nàng không? Có phải đó là một điềm báo trước không? Người thiếu nữ cau lông mày và bĩu môi, trông lại càng đáng yêu tệ.

Nhưng rồi thấy ánh dương sáng lên rực rỡ, nàng mỉm cười ngay và nói: “Chỉ còn một ngày nữa, một ngày nữa là chúng ta sẽ thành vợ chồng”.

Khi xuống nhà, nàng thấy Rudy đã sẵn sàng. Họ đi Villeneuve. Đôi vợ chồng sắp cưới vui sướng đến thế! Cả ông chủ cối xay cũng vậy, bộ mặt trung trực của ông tươi cười, nở nang biết bao! Lúc nào ông cũng cười, chưa bao giờ ông lại vui vẻ đến thế. Đó là một ông bố tốt, mặc dầu thỉnh thoảng có những lời nói cục cằn.

Mèo bây giờ chỉ còn chúng là chủ nhân chốn này. Có lẽ chúng ta có thể kiếm được vài miếng trong những của ngon chuẩn bị cho bữa tiệc được đấy.

XV - KẾT

Họ đến Villeneuve vào buổi chiều, vẫn hoan hỉ và vui mừng. Sau bữa cơm, ông chủ cối xay ngồi vào ghế bành, hút một tẩu thuốc, xong đi làm một giấc.

Đôi vợ chồng chưa cưới khoác tay nhau đi chơi bên bờ hồ nước sâu thẳm, xanh màu ngọc bích. Họ ngồi xuống một hòn đá rợp bóng liễu và ngắm chiếc lâu đài Sion âm u, có những chòi cao soi bóng trên mặt hồ. Chợt họ nhìn thấy hòn đảo có ba cây dạ hợp. “Được ra đấy chơi thì sung sướng biết bao!” Babette nói vậy vì nàng lại cảm thấy ý muốn nung nấu từ trước là được ra ngồi dưới bóng cây ngoài đảo.

Lời ước ấy có thể thực hiện trong giây lát. Có một chiếc thuyền buộc lỏng vào một thân cây. Họ đi tìm người chủ thuyền để hỏi mượn, nhưng không gặp ai cả. Tuy vậy họ vẫn cứ xuống thuyền. Rudy bơi thuyền rất khá. Anh chèo một cách mạnh dạn. Nước chịu nhượng bộ bất cứ một sức cỏn con nào, nhưng cũng chẳng cái gì cưỡng lại được sức mạnh ghê gớm của nó. Có thể nói là nó ân cần chìa lưng cho người ra cưỡi và cũng luôn luôn há mõm sẵn sàng nuốt chửng lấy ta. Nó mỉm cười, có vẻ dịu dàng, nhưng nó cũng có thể tàn phá và gây ra những tai họa khủng khiếp nhất.

Sau mấy phút sặp uyên ương đã ra tới đảo. Họ vui như điên, nhảy múa hoan hỉ. Rudy đưa cho Babette dạo ba vòng quanh cái đảo chật hẹp ấy. Sau đó họ ngồi trên chiếc ghế dài dưới gốc cây dạ hợp.

Họ nhìn nhau, tay nắm tay. Quanh họ, cảnh vật sáng rực ánh nắng chiều. Những rừng tùng trên nui ngả màu hung hung như màu đinh tử hương hay màu hoa thạch thảo. Các tảng núi đá lóng lánh như kim khí nấu chảy và nom trong suốt. Mặt hồ có thể ví như một cánh đồng bát ngát. Bóng tối xanh lam lan dần xuống chân núi tuyết vùng Savoy, nhưng trên đỉnh núi thì vẫn còn đỏ tía. Người ta tưởng tượng như những ngày đầu tiên của trái đất, khi những trái núi như phun thạch đỏ rực chui từ lòng đất ra.

Đó là một cảnh tượng mà Rudy và Babette chưa từng thấy bao giờ. Ngọn núi Dent du Midi phủ tuyết, sáng hơn mặt trăng, chớm mọc ở chân trời. Cặp tình nhân bảo nhau: “Lộng lẫy quá! Sung sướng quá!”.

Rudy nói:

- Trên trái đất này, anh không còn mơ ước gì nữa. Một giờ như thế này giá trị bằng cả cuộc đời. Anh đã gặp rất nhiều hạnh phúc, và đã tận hưởng, nhiều khi tưởng thế là hết. Nhưng rồi ngày này trôi qua, ngày khác lại bắt đầu còn đẹp hơn nữa. Thượng Đế quả là nhân từ vô cùng.

Babette bảo:

- Tim em cũng tràn ngập lòng biết ơn Người.

Rudy lai nói:

- Trái đất chẳng có thể cho anh một tí gì nữa ngoài cái mà anh cảm thấy.

Từ những trái núi thuộc Savoy và thuộc Thụy Sỹ những tiếng chuông ngân báo giờ cầu kinh ban chiều. Nhìn về hướng tây người ta thấy những đỉnh núi Jura lóng lánh trong một biển vàng.

Babette nói, mặt rưng rưng vì âu yếm:

- Em cầu mong Thượng Đế ban cho anh tất cả những cái gì tốt nhất, đáng mong ước nhất trên đời.

Rudy đáp:

- Người sẽ làm đúng như vậy. Cô vợ bé nhỏ xinh đẹp của anh ơi! Ngày mai em sẽ thuộc về anh, ngày mai em sẽ hoàn toàn là của anh!

Bỗng Babette kêu lên:

- Kìa cái thuyền, cái thuyền!

Chiếc thuyền bị sóng hồ đánh tuột dây đang trôi ra xa hòn đảo.

- Để anh lôi nó vào.

Nói rồi, Rudy quẳng quần áo và ủng, nhảy xuống nước, và vốn là người bơi giỏi, anh lướt nhanh về phía chiếc thuyền.

Anh bơi đến luồng nước xám xanh lạnh ngắt mà sông Rhone đưa từ những con sông băng về. Anh nhìn xuống đáy một lát, chỉ một lát thôi. Anh thấy hình như ở dưới đáy có một chiếc nhẫn vàng lóng lánh đang lăn. Anh nghĩ đến chiếc nhẫn đính hôn của anh đã mất. Nhưng chiếc nhẫn này dần dần to và rộng mãi. Trong chốc lát nó biến thành một vòng to sáng rực. Giữa vòng trong mở ra một sông băng rộng lớn, có những vực sâu thẳm miệng trống hốc. Hàng ngàn giọt nước rơi xuống thành một điệu nhạc rền rĩ, một hồi chuông báo tử. Những bức tường pha lê phản chiếu ngọn lửa trắng, xanh.

Trong khoảnh khắc, Rudy thấy một cảnh tượng phải dài lời mới tả xiết. Ở dưới đó có một đám đông thợ săn trẻ tuổi, thiếu nữ, đàn ông và đàn bà trước kia đã bị rơi xuống những vực thẳm của các sông băng và chết ở đó. Trông họ như còn sống, mắt mở to và cười với Rudy.

Sâu tí nữa có một thành phố đã bị chìm đắm trong nước hồ. Những khe nước trên núi làm rung chuông nhà thờ và làm vang tiếng đại phong cầm. Nhân dân đều quỳ trong thánh đường, nơi mà năm xưa họ đã lánh vào khi tai nạn xảy đến.

Dưới cùng, Nữ thần Băng giá đang ngồi. Khi thấy Rudy, mụ đứng dậy. Mụ ôm lấy chân anh và đặt môi vào đó. Anh thợ săn như bị một luồng điện giật, rồi chân tay anh bị một sức lạnh ghê người làm cho tê cóng.

“Về tay ta! Về tay ta! Người đã về tay ta!” Tiếng reo đắc thắng ấy vang lên quanh mình anh. “Khi ngươi còn bé ta đã hôn ngươi một cái vào môi. Hôm nay ta lại hôn một cái vào gót chân người. Người là của ta, hoàn toàn của ta”.

Và Rudy biến mất giữa làn nước trong xanh.

Trên mặt đất, khắp nơi đều im lìm. Tiếng chuông chiều ngừng hẳn. Mây mất màu rực rỡ.

“Mi đã về tay ta!” Những tiếng ấy vang lên dưới đáy nước và cũng vang lên trên trời. Tiếng kêu tràn ngập không gian vô cùng vô tận. Nhảy một bước từ tình yêu dưới trần tới những cảnh vui sướng thanh khiết trên trời, phải chăng là hạnh phúc? Chiếc hôn giá lạnh của cái chết đã phá hủy một cái vỏ ngoài phải bị diệt vong. Một linh hồn bất tử thoát ra từ đó và sẵn sàng bước vào cuộc đời thực sự đang chờ đón nó. Nghịch âm chết chóc đã chuyển thành hòa âm trên thiên đàng.

Bạn có bảo rằng đấy là chuyện buồn không?

Tội nghiệp cho Babette! Phải, đối với nàng đó là những lúc lo sợ ác nghiệt nhất. Thuyền càng ngày càng ra xa. Trong bờ không ai biết là đôi vợ chồng chưa cưới ra chơi ngoài đảo. Trời tối sầm. Đêm xuống, một mình Babette đau khổ rên xiết, quằn quại trong cơn

tuyệt vọng.

Một ánh chớp lóe lên trên miền núi Jura. Một ánh khác lóe trên dãy núi Savoy. Chẳng mấy lúc chúng nối tiếp nhau nhanh đến nỗi không đếm được nữa. Tiếng sấm rền vang hàng phút. Từng lúc một, người ta có thể nhận rõ từng gốc cây, từng cành cây.

Dân chài kéo thuyền lên cạn. Người và vật vội vã đi tìm nơi trú ẩn. Trời mưa như thác đổ.

Ông chủ cối xay lo lắng tự hỏi: "Không biết Rudy và Babette đi đâu trong lúc mưa to gió lớn này?".

Sau khi kêu cứu, than khóc, rên la, Babette đã mất tiếng, cạn nước mắt.

Nàng quỳ xuống đất, hai tay ôm đầu, muốn cầu nguyện mà không cất nên lời. Nàng nghĩ thầm: "Chàng đã ở dưới đáy nước, tít dưới đáy, chàng sẽ không trở lại nữa. Cái hồ thì sâu như một con sông băng".

Nàng nhớ lại câu chuyện Rudy kể về cái chết của mẹ anh, và người ta đã kéo anh lạnh cứng như một xác chết ra khỏi vực, nơi anh ngã xuống như thế nào. Nàng tự nhủ: "Nữ thần Băng giá đã lại bắt anh ấy".

Một ánh chớp chói lòa như ánh nắng chiều trên bãi tuyết làm sáng rực cả mặt hồ. Babette giật mình đứng lên. Nàng thấy trên mặt nước Nữ thần Băng giá đứng đó, vẻ mặt uy nghiêm dữ tợn. Dưới chân mụ là xác Rudy.

- Nó là của ta! - Mụ nói rồi biến mất.

Babette nói:

- Quân độc ác! Tại sao mi giết chàng vào đúng trước ngày rạng rỡ nhất của chúng ta?

Nàng tiếp:

- Ôi Thượng Đế! Cầu xin người hãy soi sáng cho linh hồn và trái tim tôi. Xin người hãy cho tôi biết những ý định bí ẩn của người.

Thượng Đế đã nghe thấy tiếng nàng. Người đã soi sáng tâm hồn nàng. Nàng nhớ đến giấc mộng đêm trước, nhớ đến điều mà nàng đã cầu ước trong giấc mộng đó, xem như đó là hạnh phúc tối cao của Rudy và của chính nàng.

Nàng nói:

- Tôi thật đáng chết. Vậy thì mầm mống tội lỗi đã có trong tim tôi ư? Điều mà tôi đã mơ thấy phải chăng là số phận của tôi? Và quả thật chàng chết như thế là hơn không?

Tiếng rên la của nàng vang lên gấp bội. Bỗng nhiên nhớ tới những lời nói cuối cùng của Rudy: "Trái đất không thể nào mang cho anh một hạnh phúc lớn hơn nữa", con tim nàng thắt lại.

Nhiều năm trôi qua. Mặt hồ mỉm cười. Đồi núi trông tuyệt đẹp. Nhiều con tàu lướt sóng, cờ tung bay trong gió. Nhiều chiếc thuyền lớn, xòe những cánh buồm nhọn bay nhẹ trên mặt hồ như những con chuồn chuồn khổng lồ. Đường xe lửa vượt Sion và ngược thung lũng sông Rhone, khách du lịch đổ xuống các ga. Họ vội vã mở quyển "Hướng dẫn khách du lịch" đóng bìa đỏ và xanh lá cây, tìm những cảnh lạ để đi thăm. Và họ thấy trong sách truyện một đôi vợ chồng trẻ sắp cưới, năm 1856 ra chơi hòn đảo có ba cây dạ hợp, người chồng chưa cưới chết và mãi đến tận hôm sau, từ trong bờ người ta mới nghe thấy tiếng gào thét tuyệt vọng của người thiếu nữ.

Nhưng sách chỉ nói có thế thôi. Sách không nói đến cuộc đời ẩn dật của Babette sống với cha nàng, không phải ở cối xay, nó đã bị bán đi vì nàng không muốn sống ở nơi gợi lại biết bao hạnh phúc đã tan tành. Họ sống trong một căn nhà xinh đẹp gần ga. Nàng thường đứng hàng giờ bên cửa sổ, nhìn qua những cây hạt dẻ lên các ngọn núi tuyết, nơi Rudy săn bắn. Mỗi khi nhìn thấy đỉnh Alps nhuốm màu đỏ rực rỡ lúc hoàng hôn nàng tưởng nhớ đến buổi chiều cuối cùng của hai người. Thỉnh thoảng, khi nào buồn nhiều, khổ nhiều, nàng hình như nghe thấy các công chúa Thái Dương hát kể câu chuyện bão cuốn áo choàng người du khách như thế nào.

"Can chi mà buồn. Nó chỉ cướp được cái vỏ, chứ không cướp được con người". Và trong tâm trí nàng lóe lên ý nghĩ là Thượng Đế sắp đặt mọi việc hết sức khéo. Điều đó nàng biết rõ hơn ai hết từ khi

nằm mơ.

IB VÀ CÔ BÉ CHRISTINA

I

Con sông Gudenau xinh đẹp và trong vắt chảy qua miền bắc bán đảo Jutland, chạy dọc theo một cánh rừng bát ngát, rải sâu vào hậu phương. Đất nhô lên hình lưng lừa nom như một bờ lũy xuyên qua rừng. Ven rừng phía đông có một nhà nông dân, xung quanh có một khoảnh đất màu, nhưng xấu lắm. Nhìn xuyên qua đám lúa đại mạch và lõa mạch mọc một cách khó khăn ở đấy ta thấy đâu cũng là cát cả.

Cách đây ít năm những người trung hậu sống ở đây vẫn cày cấy, họ có ba con cừu, một con lợn và hai con bò. Họ sống đủ ăn, cái đủ ăn theo nghĩa chắt chiu, sống với mức tối thiểu. Người nông dân ấy tên là Jeppe Jans. Mùa hạ bác ta chăm chỉ làm ruộng, mùa đông thì đẽo guốc. Bác ta có một chú học việc, cũng như bác biết đẽo những đôi guốc vừa chắc chắn, vừa nhẹ nhàng mà hình dáng lại đẹp đẽ. Họ gọt cả thìa và các dụng cụ khác bằng gỗ, bán chạy, và dần dần Jeppe Jans trở nên khá giả.

Đứa con trai độc nhất của bác, thằng cu Ib lên bẩy tuổi, nó thích xem bố làm việc, nó bắt chước bố, cũng đục đẽo gỗ và thỉnh thoảng lại bị đứt tay một miếng khá to. Nhưng một hôm nó đem khoe với bố mẹ, vẻ mặt đắc thắng, một đôi guốc vừa đẹp vừa xinh. Nó nói là sẽ đem tặng cô bé Christina.

Christina là ai? Em là con ông lái đò. Em xinh xắn và thanh lịch như con nhà quan, nếu em được mặc quần áo đẹp, không ai lại ngờ rằng em sinh ra trong một túp lều, trên mảnh đất hoang cạnh đấy.

Đó là nhà cha em. Ông ta góa vợ. Ông sinh sống bằng nghề đốn củi trong rừng rồi dùng chiếc thuyền to của nhà chở đến bán ở địa hạt Silkborg và đến tận thành phố Randers. Ở nhà chẳng có ai giữ Christina cả, cho nên hầu như lúc nào ông cũng đem nó theo trên thuyền hoặc vào rừng. Nhưng khi nào ông phải ra tỉnh thì ông dẫn em đến gửi nhà ông Jeppe Jans ở bên kia bãi thạch thảo.

Christina kém Ib một tuổi. Hai em là đôi bạn rất thân, chia nhau từng miếng bánh, từng quả quất rừng và cùng chơi đào lỗ trên cát với nhau. Chúng chạy lon ton khắp vùng, chơi bời, nhảy nhót. Thậm chí có hôm chúng đi mạo hiểm khá sâu vào trong rừng, được trông thấy chim rẽ, chúng cũng cho là một sự kiện đáng ghi nhớ.

Cu Ib chưa bao giờ được đến nhà Christina hay lên thuyền ông lái đò. Nhưng một hôm ông ta đưa em qua bãi hoang về nhà ông để cho em ngắm phong cảnh và sông nước. Sáng hôm sau hai em được lên thuyền ngồi vắt vẻo trên những bó củi. Cu Ib trố mắt nhìn, quên cả ăn bánh mì và quất rừng.

Ông lái và người bạn cùng đi dùng sào đẩy thuyền. Họ theo luồng nước và lướt nhanh qua những hồ do con sông tạo nên. Các hồ này lắm lúc trông như hoàn toàn bị che kín sau những hàng lau sậy và những cây sên cổ thụ nghiêng mình trên mặt nước.

Nhiều lúc họ nhìn thấy những cây trăn già ngả ra nằm ngang dưới mặt sông, xung quanh có đầy hoa sen và hoa khê tôn, màu ngũ sắc, nom như một hòn đảo con xinh đẹp. Các em ngắm mãi không ngớt. Nhưng khi đến gần lâu đài Silkborg, nơi có cái đập lớn ngăn để bắt chạch, trông thấy nước chảy ầm ầm qua cửa đập, sủi sục và ngầu bọt thì Ib và Christina thích lắm, cho rằng nơi ấy đẹp quá chừng.

Thời ấy ở chốn này chưa có thị trấn và nhà máy. Người ta chỉ thấy vài cái trại có chừng mươi mười hai nông dân. Chính là tiếng nước chảy và tiếng vịt trời làm cho Silkborg náo nhiệt.

Khuân củi lên xong, ông lái thuyền mua một giỏ chạch đầy và một con lợn sữa vừa cắt tiết xong. Ông cho tất cả vào cái sọt để phía sau thuyền rồi quay về. Họ căng buồm lên và thuyền được gió chạy ngược sông nhanh như có hai ngựa kéo.

Họ về đến sát nhà người bạn của ông lái thuyền. Hai người phải ghé vào. Họ cột chặt thuyền vào bờ, dặn kỹ hai em bé phải ngồi yên, rồi ra đi. Ib và Christina ngồi yên được vào phút, rồi các em lấy sọt vào xem bên trong có cái gì. Chúng mở nắp sọt và cho rằng muốn đỡ buồn cần phải lôi con lợn sữa ra để sờ mó và lật đi lật lại. Hai em vỗ về con lợn, loay hoay thế nào làm con lợn rơi tõm xuống nước và lợn bị nước cuốn đi mất. Thật là nguy!

Trong lúc hốt hoảng Ib nhảy tót xuống xuống đất và bỏ chạy. Christina nhảy ngay sau em và gọi Ib cho đi theo, thế là hai đứa bé hoảng sợ chạy trốn biến vào trong rừng.

Chẳng bao lâu các em đã vào giữa bụi rậm để khỏi trông thấy con sông, cái con sông đáng ghét đã cướp mất con lợn mà các em hy vọng sẽ được chén một bữa ra trò. Nghĩ thế nên các em cứ đi mãi. Kìa, Christina vấp phải một rễ cây, ngã xuống, em òa lên khóc, Ib bảo:

- Can đảm lên một tí, nhà mình ở đằng kia kìa.

Nhưng đằng ấy làm gì có nhà nào, tội nghiệp! Các em bé cứ đi mãi, chân chúng dẫm lạo sạo lên cành cây gẫy và lá khô từ năm ngoái. Bỗng các em nghe thấy tiếng người gọi the thé. Các em dừng lại nghe. Ngay lúc đó có tiếng chim ưng đáng ghét rít lên làm chúng hoảng sợ. Chúng tiếp tục chạy trốn. Nhưng chợt chúng thấy vô số quất rừng rất đẹp, nhiều không đếm xuể. Thế là hết cả sợ. Chúng hái quất ăn, mồm và má xanh đỏ nhoe nhoét cả ra.

Tiếng người gọi lại cất lên từ xa, Christina bảo:

- Chúng mình sẽ bị phạt nên thân.

Ib bàn:

- Ta trốn về nhà bố đi, ở đâu đây trong rừng này này.

Chúng lại đi, gặp một con đường nhỏ liền men theo, con đường ấy không dẫn đến nhà ông Jeppe Jans.

Đêm đến, trời tối mịt và các em rất sợ. Mọi nơi đều im phăng phắc. Chốc chốc chúng chỉ nghe thấy tiếng cú và tiếng chim, chả biết chim gì. Chúng mệt lắm rồi, tuy vậy chúng vẫn cứ đi. Cuối cùng chúng lạc vào giữa bụi rậm, Christina khóc, cu Ib khóc nốt. Tỉ ti một lúc, chúng lăn kềnh trên lá khô và ngủ thiếp đi.

Mặt trời lên khá cao chúng mới tỉnh dậy, ngơ ngác. Qua các gốc cây, nhìn thấy ngọn đồi trọc, chúng bèn chạy đến đấy để sưởi nắng. Cu Ib tưởng trèo lên đồi cao thì sẽ nhìn thấy nhà mình, nhưng các em đã lạc khá xa vào một cánh rừng khác. Chúng trèo rất cao lên trên đồi và đứng sững lại vì ngạc nhiên, chúng nhìn

thấy phía dưới có một cái hồ rất đẹp, nước trong xanh. Rất nhiều cá bơi trên mặt nước để sưởi nắng. Bên cạnh chúng là một cây lạc tây nặng trĩu quả, nhân lạc hãy còn non và mềm. (Một loại quả tròn, vỏ cứng, răn reo, to bằng quả bóng bàn, nhân ăn bùi và thơm, chỉ mọc ở các vùng ôn đới. Thân cây nhỏ. Trung Quốc gọi là trái phỉ. Tên ta gọi nôm là lạc tây)

Bỗng chúng dừng lại, đờ người ra vì sợ hãi. Đứng gần chúng, như vừa dưới đất chui lên, là một bà già cao lớn, mặt nâu sẫm, tóc óng ánh, lòng trắng con mắt sáng như mắt người da đen. Bà ta khoác một cái túi trên lưng, tay cầm một chiếc gậy có nhiều mấu. Đó là một người đàn bà Bohemian (Những người đi lang thang làm nghề bói toán, đàn hát; người ta vẫn thường cho là nguyên quán họ ở tỉnh Bohemia bên Tiệp Khắc. Có khi còn gọi là người Di gan). Bà ta nói với chúng cái gì ấy, nhưng chúng chưa kịp hoàn hồn nên lúc đầu chẳng hiểu gì cả. Bà ta cầm ba hột lạc tây to, giơ cho chúng xem và nói rằng đấy là những quả lạc thần, bên trong có những thứ đẹp nhất trên đời.

Cuối cùng cu Ib đánh bạo nhìn thẳng vào mặt bà ta. Bà ta nói với một giọng dịu dàng đến nỗi em trở lại bạo dạn và hỏi xin mấy quả lạc tây ấy. Bà ta cho em và lại hái những quả lạc trên cây. Ib và Christina trố mắt nhìn ba quả lạc.

Ib hỏi:

- Trong quả này liệu có được một cái xe song mã không hở bà?

Người đàn bà Bohemian đáp:

- Trong này có một cái xe thếp vàng và hai ngựa kéo bằng vàng.

Christina nói:

- Thế thì cho tôi cho.

Cu Ib đưa cho em và người đàn bà buộc quả lạc tây vào một đầu khăn quàng của Christina.

Ib lại hỏi:

- Còn trong quả này liệu có cái khăn quàng nào đẹp như cái

Christina đang quấn ở cổ không?

- Có mười cái đẹp và vô số quần áo đẹp, giày thêu, một cái mũ có chàng mạng đăng ten.

Christina reo lên:

- Thế thì cũng phải đưa cho tôi.

Cu Ib ta rộng rãi cho luôn. Còn lại quả thứ ba trông đen xì, Christina bảo:

- Quả này cậu phải giữ lấy, trông cũng đẹp đáo để đấy.

Ib hỏi người đàn bà Bohemian:

- Nhưng ở trong đây có gì thế hở bà?

Bà ta trả lời:

- Có cái còn hơn tất cả những cái có trong cả ba quả.

Cậu bé nắm chặt quả lạc của mình như một vật quý báu. Người đàn bà hứa dẫn các em ra đúng đường về nhà. Các em đi theo, nhưng con đường này lại ngược hẳn đường về. Tuy nhiên ta cũng không nên nghi là người đàn bà Bohemian định dỗ hai đứa bé đi. Có thể bản thân bà ta cũng nhầm.

Đến nửa đường hai em gặp ông gác rừng. Ông nhận ra cu Ib và dắt hai đứa về nhà ông Jeppe Jans. Ở nhà mọi người đang lo lắng về chúng. Tuy nhiên cả nhà cũng tha tội cho các e, sau khi giảng giải rằng các em đáng phải phạt nặng. Trước hết là đánh rơi con lợn sữa xuống sông, nhưng đáng phạt nhất là sau đó lại chạy trốn vào rừng.

Người ta đưa Christina về nhà, còn cu Ib ở lại căn nhà nhỏ ven rừng. Đến tối khi có một mình, việc đầu tiên là em rút ở trong túi ra quả lạc tây, bên trong có vật quý hơn cả một cái xe ngựa thếp vàng. Em đặt nó một cách thận trọng vào khe cửa hé mở, sát ngay bản lề và kéo cánh cửa vào. Vỏ lạc vỡ ra, bên trong đã bị sâu hết không còn nữa, chỉ còn lại một thứ bột giống như thuốc lá vụn hay đất đen.

Cu Ib nghĩ thầm: “Mình đã biết ngay mà! Quả lạc bé như vậy làm gì có chỗ chứa nhiều thứ đẹp thế, những thứ đẹp nhất! Christina chắc cũng chả hơn gì mình, chả được quần áo đẹp và xe song mã có hai ngựa vàng kéo đâu”.

II

Đông qua xuân tới và nhiều năm đã qua! Ib sắp phải chịu lễ đi ban thánh thể và lễ kiên tín lần đầu tiên. Suốt cả mùa đông em được gửi đến nhà ông mục sư trong làng gần đấy nhất để học kinh. Cũng thời gian này ông lái thuyền đến chơi nhà Ib và bảo rằng Christina đi ở cho người ta. Đó là một dịp may: Christina sẽ đến làm cho những người tốt nhất trên đời, chủ nhà hàng cơm ở Herning, cách rừng này nhiều dặm đường rất xa về phía đông.

Đến đó em sẽ phải giúp người ta thổi nấu, dọn dẹp, phục vụ bán hàng. Em sẽ làm lễ ban thánh thể đầu tiên ở đó. Nhà chủ định đến lúc ấy, nếu em tỏ ra chăm chỉ, ngoan ngoãn, không còn gì đáng ngại nữa, thì sẽ giữ em lại làm con nuôi.

Người ta đi tìm Ib về để em có thể tiễn chân Christina vì người ta vẫn gọi chúng là đôi vợ chồng chưa cưới tí hon. Lúc sắp lên đường Christina giơ cho Ib hai quả lạc tây mà Ib đã cho em trong rừng. Em nói thêm là em cũng đã cất cẩn thận vào trong tráp đôi guốc xinh mà Ib đã làm tặng em khi còn bé. Sau đó, các em chia tay nhau.

Thế là Ib đã được chịu lễ kiên tín. Cha chết, em đã quay về ở với mẹ và đã trở thành người thợ guốc khéo tay. Mùa hè em làm ruộng đỡ cho mẹ phải thuê người cày.

Chỉ lâu lâu, người ta mới được một người đưa thư hay một người chở hàng thuê cho biết tin tức Christina. Em sống ở nhà người chủ hàng cơm rất dễ chịu. Khi em được làm lễ kiên tín đầu tiên em viết một lá thư rõ dài cho cha em, trong đó em gửi lời hỏi thăm Ib và mẹ Ib. Em kể rằng bà chủ đã cho em sáu cái áo lót mới và một chiếc áo dài rất đẹp mới dùng có một lần. Đó là những tin rất đáng mừng.

Mùa xuân năm sau, có người gõ cửa nhà mẹ Ib, chẳng phải xa lạ

chính là ông lái thuyền và Christina. Tiện dịp đi nhờ một chuyến xe của hàng cơm có việc về gần nhà, cô thiếu nữ về chơi một hôm. Trông cô xinh đẹp như một tiểu thư ngoài tỉnh. Cô mặc một chiếc áo dài rất vừa và đẹp, vì là áo may cho cô chứ không phải áo cũ của bà chủ.

Thế là Christina đã về, quần áo rất sang trọng. Còn Ib thì vẫn mặc bộ quần áo thường ngày. Anh không nói được câu nào cả. Anh cầm tay người thiếu nữ và giữ lại trong tay mình. Anh cảm thấy sung sướng lắm, nhưng anh líu lưỡi không nói nên lời. Còn Christina thì trái lại không ngớt miệng líu lo kể chuyện và ôm hôn Ib không chút ngượng ngập.

Khi chỉ có hai người, cô hỏi Ib:

- Anh không nhận ra em ư? Anh cứ im như thóc ấy?

Thực tình lúc ấy Ib như đờ ra vì kinh ngạc nên nắm mãi tay Christina. Cuối cùng anh mới nói được rằng:

- Đó là vì em đã trở thành một tiểu thư sang trọng, còn anh thì lôi thôi lốc thốc như một nông dân nghèo khổ. Nhưng nếu em biết được rằng anh luôn luôn nghĩ đến em và đến thời thơ ấu của chúng ta.

Và họ khoác tay nhau dạo chơi trên bãi đất sau nhà. Họ ngắm phong cảnh xung quanh, con sông, cánh rừng và những ngọn đồi mọc đầy thạch thảo. Ib suy nghĩ nhiều hơn là nói, nhưng khi quay về anh nghĩ rằng tất nhiên Christina sẽ là vợ mình. Người ta vẫn gọi họ là đôi vợ chồng chưa cưới tí hon. Việc đó đối với anh hình như là chuyện đã rồi. Hai người đã ước hẹn với nhau, tuy rằng chưa ai bày tỏ với ai. Ngay tối hôm ấy Christina phải quay về làng nơi xe đỗ để hôm sau lên tỉnh từ sáng sớm. Cha cô và Ib đưa cô đi. Đêm hôm ấy trời đẹp, trăng sao vằng vặc. Khi tới nơi và lúc Ib lại nắm tay Christina, anh cảm thấy không biết làm thế nào để rời cô ra được. Anh không rời mắt nhìn nét mặt dịu dàng của cô. Anh cố nói những lời thốt từ đáy lòng:

- Em Christina, nếu em không quen sống sang trọng quá rồi, nếu em có thể về nhà mẹ anh, làm vợ anh thì một ngày kia chúng ta sẽ cưới nhau. Nhưng chúng ta còn có thể chờ đợi nhau.

Cô nắm tay anh và nói:

- Đúng thế, chúng ta không nên quá vội. Em tin ở anh và em cũng tin rằng em yêu anh, nhưng em muốn suy nghĩ thêm cho chín chắn.

Anh âu yếm hôn cô, rồi họ chia tay nhau. Trên đường về, anh nói chuyện với ông lái thuyền là anh và Christina cả hai như đính hôn với nhau và lần này là chuyện đứng đắn chứ không phải chuyện đùa. Ông bố trả lời là ông không mong gì hơn. Ông đi cùng Ib về nhà mẹ anh, ở lại rất khuya và tối hôm đó họ chỉ bàn đến chuyện cưới xin sau này.

Một năm qua, Ib và Christina viết cho nhau hai lá thư "Trung thành với nhau cho đến khi chết"; đó là dòng chữ ghi ở dưới cùng.

Một hôm ông lái thuyền đến gặp Ib và chuyển lời thăm hỏi của Christina. Rồi ông bắt đầu kể rất nhiều chuyện, nhưng lúng túng và không được mạch lạc lắm. Cuối cùng Ib mới hiểu được như thế này:

Christina đã trở nên xinh đẹp hơn trước. Tất cả mọi người đều yêu quý và nâng niu cô. Con trai ông chủ hàng cơm có địa vị khá trong một hãng buôn lớn ở thủ đô Copenhagen đã về Herning chơi. Anh thấy cô ta đáng yêu và cũng đã làm cho cô ta mến anh. Bố mẹ anh cũng lấy làm vui mừng và mong cho hai người ưng nhau. Nhưng Christina đã không quên rằng Ib rất yêu cô, cho nên cô sẵn sàng từ chối.

Nói đến đây ông lái thuyền im bặt và bối rối hơn lúc đầu.

Ib đã nghe tất cả câu chuyện chẳng nói, chẳng rằng, nhưng mặt anh tái mét đi. Cuối cùng anh lắc đầu và lắp bắp:

- Không, Christina không được gạt bỏ hạnh phúc của cô ấy.

Ông lái thuyền bảo:

- Thế thì anh viết cho nó mấy chữ.

Anh ngồi xuống, lấy giấy bút. Sau khi suy nghĩ kỹ anh viết vài chữ rồi lại xóa đi. Anh lại viết, rồi lại xóa. Anh xé đi viết tờ khác, rồi

lại xé.

Mãi đến sáng hôm sau anh mới viết được trơn tru lá thư sau đây đưa cho ông lái thuyền đem cho Christina:

“Anh đã đọc thư mà em viết cho bố em. Qua đó anh được biết là cho đến nay đối với em mọi việc đã được thu xếp vừa ý và em còn có thể sung sướng hơn thế nữa. Christina, em hãy hỏi lại lòng em và suy nghĩ kỹ về số phận đang chờ đợi em, nếu em lấy anh. Anh chẳng có của cải gì. Đừng nghĩ đến anh, mà cũng đừng nghĩ rằng anh sẽ như thế nào, hãy nghĩ đến hạnh phúc vĩnh viễn của em. Không một lời hứa hẹn nào ràng buộc em với anh cả và nếu trong thâm tâm em đã có lần hứa thầm với anh, anh giải trừ lời thề đó cho em. Christina, anh mong rằng em sẽ có nhiều hạnh phúc. Thượng Đế sẽ an ủi anh”.

Người bạn luôn trung thành của em: Ib”

Christina thấy anh là một người tốt. Đến tháng một, tin kết hôn được công bố và sau đó cô đi Copenhagen với bà mẹ chồng tương lai. Lễ cưới sẽ được tổ chức tại thủ đô vì chú rể bận công việc không thể đi xa được. Dọc đường, cha cô theo kịp, cô hỏi thăm xem Ib ra sao. Ông lái thuyền không gặp anh, nhưng được bà mẹ anh cho biết là anh rất lầm lì, luôn luôn suy nghĩ một mình.

Trong khi nghĩ ngợi Ib nghĩ đến ba quả lạc tây mà người đàn bà Bohemian đã cho anh. Hai quả bên trong có xe ngựa vàng, quần áo đẹp anh đã tặng Christina, và quả nhiên là cô sắp sửa được hưởng những thứ tốt đẹp ấy. Với anh lời tiên đoán cũng đã thành sự thật: anh đã được hưởng phần một ít đất đen. Người đàn bà Bohemian đã nói “đó là cái hơn tất cả”

Ib nghĩ thầm: “Sao mà bà ta đoán đúng thế! Đất đen nhất, nấm mồ tối tăm nhất, phải chăng đó là những vật thích hợp cho mình nhất?”.

Mấy năm qua, không nhiều lắm nhưng đối với Ib là cả một thế kỷ. Ông chủ hàng cơm rồi đến bà vợ chết đi. Họ để lại cho người con trai độc nhất hàng ngàn đồng tiền vàng. Lúc đó Christina được một chiếc xe ngựa đẹp và vô số quần áo lộng lẫy.

Hai năm nữa qua. Ông lái thuyền gần như không có tin tức gì của con gái. Cuối cùng ông nhận được một bức thư của cô. Mọi việc đã thay đổi nhiều lắm. Cả cô và chồng cô đều không biết quản lý tài sản to lớn của họ. Người ta cho rằng Thượng Đế đã không phù hộ họ. Họ bắt đầu lâm vào cảnh túng thiếu.

Thạch thảo đã lại ra hoa để rồi lại bắt đầu khô héo. Tuyết ập xuống khu rừng, che chở cho nhà Ib khỏi cơn gió bão. Rồi mùa xuân đem lại ánh nắng. Ib đang cày ruộng. Bỗng lưỡi cày vấp phải một vật rất cứng. Anh bới đất và lôi ra một cái gì tựa như một cái vòng to và đen, lưỡi cày chạm phải óng ánh dưới nắng. Đó là cái xuyến bằng vàng khối từ ngôi mộ một người khổng lồ mà ra. Đào thêm anh còn tìm thấy nhiều vật khác dùng làm đồ trang sức của vị anh hùng thời xưa. Anh đưa tất cả cho ông mục sư xem và ông viết mấy chữ giới thiệu anh với quan chánh án.

Quan chánh án bảo anh:

- Những thứ mà anh đào được là những vật rất quý và hiếm có nhất.

Ib chua xót tự nhủ:

- Chắc ông ta tưởng rằng đấy là những vật quý hơn tất cả dành cho mọi như mình. Thôi được, vì những vật này được coi là quý hơn tất cả thì người đàn bà Bohemian đã tiên đoán đúng hết.

Theo lời khuyên của quan chánh án Ib mang những vật quý đó lên viện Bảo tàng Copenhagen và nhận được một số tiền lớn là 600 đồng vàng. Sau đó anh đi dạo chơi trong thành phố, định ngay sáng sau đáp con tàu đã đưa anh đến đó để về nhà. Buổi tối, anh lạc vào trong khu phố quanh quẹo và tới vùng ngoại ô. Anh vào một ngõ nghèo nàn và chẳng thấy ai cả. Tuy nhiên cũng có một em gái nhỏ từ một trong những nhà tồi tàn nhất đi ra. Anh hỏi thăm đường em bé. Em sợ hãi nhìn anh và òa khóc. Động lòng thương, anh hỏi tại sao em khóc. Em thầm thì mấy lời làm anh chẳng hiểu gì cả. Ib đi cùng với em vài bước đến dưới ngọn đèn chiếu sáng đúng vào mặt em bé. Anh giật mình sửng sốt. Trước mặt anh là Christina, hệt như hồi còn bé. Anh không thể nào quên được vì những nét đó đã khắc sâu vào ký ức anh.

Anh bảo đứa bé đưa anh về nhà và đứa bé thấy anh có vẻ tốt như vậy nên nín khóc và đưa anh về căn nhà nghèo nàn. Họ trèo lên một thang gác ọp ẹp, nhớp nhúa và chật hẹp. Họ chui vào một gác xép cao tít tận dưới mái nhà. Không khí ở đây uế tạp và nặng nề. Có tiếng người thở khò khè và rên trong một góc nhà. Ib đánh một que diêm và dưới ánh sáng mờ anh thấy một người đàn bà nằm trên một cái chõng tồi tàn. Đó là mẹ em bé. Anh nói:

- Bà cần gì, tôi xin giúp đỡ. Em bé đã dẫn tôi vào đây, nhưng tôi ở một nơi khác đến, không thông thuộc thành phố này. Bà có quen ai bên cạnh hoặc người quen nào mà tôi có thể gọi đến đây giúp bà không?

Cũng lúc ấy đầu của người ốm chệch ra khỏi gối anh nhấc đầu chị ta lên và đặt lại cho tử tế. Rồi anh nhìn mặt người đàn bà nghèo khổ: đó là Christina, hoàng hậu xưa kia của rừng thạch thảo!

Đã từ lâu Ib không thấy ai nói đến tên nàng. Người ta đã tránh nhắc tên nàng trước mặt anh, để khỏi gợi cho anh những kỷ niệm đau khổ. Hơn nữa người ta cũng chỉ nhận được những tin đáng buồn về Christina. Chồng cô đã mất trí sau khi được hưởng cái gia tài lớn của bố mẹ để lại. Y tưởng gia tài đó không bao giờ hết. Y đã xin thôi việc và đi du lịch nước ngoài, ăn tiêu như ông hoàng. Trở về Copenhagen y vẫn tiếp tục xài phí. Khi hết tiền, y mắc nợ, càng ngày càng phá sản. Bạn bè của y, những người đã tận tâm giúp y ăn tiêu hết của, nay lảng tránh y họ còn nói rằng y khổ sở như vậy là đáng kiếp. Một buổi sáng nọ, người ta thấy xác y trong con sông đào.

Từ lâu Christina đã chết hẳn cõi lòng. Đứa con nhỏ, ra đời giữa lúc khốn quẫn, đã mất. Nàng chỉ còn lại một đứa con gái là bé Christina mà Ib vừa gặp. Hai mẹ con sống đơn độc, đói rét trong cái xó tồi tàn này. Bệnh tật đã đến hành hạ nàng Christina đáng thương.

Ib nghe thấy nàng lẩm bẩm: “Thế là tôi sắp chết đi, để lại đứa bé đáng thương này, không tiền, không người nuôi nấng. Không biết rồi nó sẽ ra sao?”. Kiệt sức nàng lịm đi. Ib tìm được một mẩu nến, thắp lên, và căn buồng sáng hơn một chút. Anh ngắm đứa gái nhỏ và mỗi lúc lại càng thấy rõ hơn nét mặt của Christina vào tuổi đó và bỗng nhiên anh cảm thấy vì yêu người mẹ, anh sẽ âu yếm,

chiều chuộng đứa trẻ mới gặp lần đầu tiên.

Người thiếu phụ hấp hối trông thấy anh. Nàng giương to đôi mắt. Không biết nàng có nhận ra anh không? Chẳng bao giờ anh biết được điều đó. Một lát sau nàng tắt thở, không thốt được lấy một lời.

Bây giờ chúng ta quay về cánh rừng gần sông Gudenau. Hoa thạch thảo đã rụng. Gió thu thổi mạnh, lùa những chiếc lá khô xào xạc qua bãi hoang đến tận túp lều của ông lái đò, nay đã có người khác đến ở. Nhưng, núp cạnh một gò đất, dưới bóng những cây to, nhà ông Jeppe Jans đã trái lại, tường quét vôi trắng xóa. Trong nhà có đốt một đống lửa to. Khi mặt trời bị mây che thì căn nhà vui sáng lên do ánh đôi mắt của một em bé xinh đẹp. Khi em bé vui cười mấp máy đôi môi đỏ chót người ta tưởng như chim hót. Sức sống và niềm vui cùng em ngự trị trong căn nhà. Lúc này em đang ngủ trong lòng Ib, mà em coi vừa là bố vừa là mẹ. Mẹ em đã yên nghỉ ở nghĩa địa thành phố Copenhagen. Em bé chỉ còn hơi hơi nhớ đến mẹ thôi. Ib đã trở nên khá giả, công việc làm ăn của anh phát đạt, anh đã làm sinh sôi nảy nở số vàng lôi từ lòng đất lên, và anh đã lại tìm thấy cô bé Christina năm xưa.

MỘT CHUYỆN ĐAU LÒNG

I

Câu chuyện này gồm có hai phần. Phần đầu có thể lặng lẽ lướt qua không có gì vướng mắc. Tuy nhiên cũng cứ xin kể vì nó giới thiệu một phần nào các nhân vật.

Chúng tôi đang ở trong một lâu đài thuộc nơi thôn dã. Chủ nhân đang vắng nhà mấy ngày. Một bà sang trọng, vợ góa ông chủ xưởng thuộc da ở thành phố cạnh đấy, đến chơi. Bà dắt theo một con chó, loại chó ngắn mõm. Bà đến cầm đỡ để vay tiền. Bà mang đến nhiều chứng thư đã trình tòa và một mớ giấy tờ vô dụng. Chúng tôi khuyên bà cho cả vào phong bì gửi cho ông chủ lâu đài: "Quan tổng thanh tra quân đội, Hiệp sĩ X…".

Bà chăm chú nghe, cầm lấy bút, dừng lại và yêu cầu chúng tôi nhắc lần nữa, chậm hơn, cái địa chỉ ấy. Chúng tôi đọc lại cho bà viết: "Quan Tổng thanh…". Tới đó bà dừng lại, không biết chữ "tra" viết ch hay tr. Bà thở dài nói:

- Chao ôi, tôi là một người đàn bà làm sao có thể viết nổi những chữ ấy?

Con chó nằm trên sàn nhà gầm gừ có vẻ không hài lòng lắm. Thực ra nó theo chủ đi chỉ để bồi dưỡng sức khỏe và vui chơi thôi, thế mà người ta chẳng đưa ra một tấm thảm để mời nó nằm nghỉ.

Trông nó rất xấu, với cái mõm ngắn ngủn và cái gáy u lên những mỡ là mỡ. Nó tiếp tục sủa điếc cả tai.

Bà khách nói:

- Các ông đừng bận tâm đến nó, nó không cắn đâu, trước hết là vì nó không còn răng, sau nữa là nó rất lành. Chúng tôi nuôi nó lâu lắm rồi, đến nỗi bây giờ coi nó như người trong nhà. Các cháu tôi đã làm hư nó. Chúng chơi trò cưới cho búp-bê và con chó đóng vai quan chánh án đến làm phép cưới. Trò ấy làm cho con chó đáng

thương mệt mỏi và trở nên khó tính.

Rồi bà cũng viết xong cái địa chỉ và ra về, tay ôm chó.

Đó là phần đầu câu chuyện mà ta có thể tạm gác sang bên.

II

Con chó ngắn mõm chết. Đến đây bắt đầu phần thứ hai.

Chúng tôi ra tỉnh và trọ trong một khách sạn trước mặt nhà cái bà hôm nọ. Cửa sổ chúng tôi nhìn sang sân nhà ấy. Người ta lấy ván ngăn nó ra làm đôi. Một bên xếp các tấm da và dụng cụ thuộc da, bên kia là mảnh vườn có một toán trẻ con đang nô đùa, đó là các cháu trai, cháu gái của bà chủ nhà.

Chúng vừa mới chôn xong con chó đáng thương. Chúng đã dựng cho nó một cái nhà mồ tuyệt đẹp, xứng với cái giống chó quý hóa ấy. Chúng lấy mảnh bát đĩa vỡ lát thành một vành đai quanh mộ, ở giữa cắm một cái chai vỡ miệng chống thẳng lên giời.

Sau khi tổ chức tang lễ một cách trịnh trọng, bọn trẻ con quây tròn nhảy múa xung quanh mộ. Trong bọn có một đứa con trai lên bảy tuổi, có đầu óc thực tế, đề nghị tổ chức triển lãm cái lăng rực rỡ ấy cho trẻ con hàng xóm đến xem. Tiền vào cửa định giá là một chiếc khuy quần. Đứa con trai nào cũng có thể có một cái khuy và nhiều đứa sẵn sàng biếu bạn gái một cái thứ hai, như thế chúng sẽ thu được vô khối khuy quần.

Kế hoạch đó được đồng thanh chấp nhận và chúng loan báo cho bọn lau nhau quanh đấy.

Rồi trẻ con cả phố và những ngõ lân cận kéo đến. Đứa nào cũng đưa một chiếc khuy quần theo yêu cầu. Chiều hôm ấy có rất nhiều đứa bé trở về nhà quần chỉ còn một bên dây đeo, nhưng chúng cũng đã được ngắm mộ con chó ngắn mõm.

Trước lối đi vào sân, có một en bé gái, quần áo rách rưới, đứng sát vào tận cửa. Em rất xinh xắn, có bộ tóc xoăn rất đẹp và đôi mắt màu xanh dịu nhất đời. Em không nói và cũng chẳng khóc, nhưng mỗi lần cửa mở ra, em nhìn rõ lâu vào trong sân. Em không có

khuy và em cũng biết là chẳng ai cho em đâu. Em đứng đấy, rầu rĩ, cho đến khi tất cả những đứa trẻ khác xem xong cái lăng và ra về.

Lúc ấy em ngồi phệt xuống đất, úp đôi bàn tay xinh xắn vào mặt, khóc nức nở. Chỉ một mình em không được xem mộ con chó. Và đó là câu chuyện đau lòng như bất cứ câu chuyện đau lòng nào khác mà người ta gặp phải ở bất cứ lứa tuổi nào.

Từ trên cửa sổ chúng tôi đã nhìn thấy rõ tất cả, và quả thật, khi từ trên cao nhìn xuống những chuyện đau lòng của người khác và ngay của chính mình đi nữa, người ta không khỏi mỉm cười.

CHUYỆN CON NÍT

I

Tại nhà ông lái buôn giàu có nhất trong tỉnh tụ tập một đám trẻ, con cái các gia đình giàu có và quyền quý. Ông lái buôn là người có học, cũng đã thi cử và đỗ đạt. Đó là nguyện vọng của ông cụ thân sinh đáng kính, xuất thân là lái buôn súc vật. Hai bố con đều linh hoạt, lương thiện và đã làm ăn phát đạt.

Ông lái buôn là người vừa thông minh, khéo léo và tốt bụng. Nhưng người ta nói nhiều đến của cải của ông hơn là nói đến cái tốt của ông. Lui tới nhà ông có những người sang trọng, những người trí thức. Có những người trí thức là con ông cháu cha và cả những người tầm thường không có học thức.

Tối hôm ấy, trẻ con tụ họp tại nhà ông lái buôn. Những đứa nhỏ ấy chuyện trò nhiều quá nhiều và nói tuột ra những ý nghĩ của chúng.

Trong số chúng nó, có một đứa con gái gái cực kỳ xinh đẹp. Nhưng sao mà con bé kiêu ngạo đến thế! Đó là lỗi của những người ở đã phỉnh và chiều nó quá. Trái lại bố mẹ nó là những người tốt và cũng chỉ tự hào đúng mức với địa vị quý phái của họ. Bố nó là quan nội thần. Hẳn đó là một địa vị cao; con bé biết thế và bảo với các bạn: “Tao là con cận thần”. Nó cũng có thể là con nhà thường dân. Nhưng điều đó đâu có phải là tự nó muốn thế nào được vậy? Nó luôn luôn nhắc cho các bạn biết rằng nó là con ông cháu cha. Nó nói thêm: “Nếu sinh ra không phải là con ông cháu cha thì đúng là vận rủi không thay đổi được. Người ta sẽ không làm nên cái gì cả. Dù cho biết đọc biết viết, học thuộc bài đi nữa, cũng phí công vô ích, không thể làm nên trò trống gì. Lại còn những đứa mà cuối tên có vần “sen” nữa (Theo tiếng Đan Mạch sen nghĩa là con trai; đây là một trong những vần cuối trong những vần cuối thường thấy ở các tên con nhà thường dân (Chú thích trong bản Pháp văn)). Ôi thôi! Bọn ấy thì chẳng bao giờ nên người cả. Khi đứng gần chúng nó thì phải chống tay lên cạnh sườn để rõ chúng nó ra”.

Và nó chống hai nắm tay nhỏ xinh lên cạnh sườn, giơ những khuỷu tay rõ nhọn lên để làm điệu bộ ngăn cách bọn thường dân như thế nào. Tuy nó nhỏ xíu và trông có vẻ xinh xắn tệ! Con gái ông lái buôn nghe câu ấy, không khỏi nổi giận. Bố nó là Petersen, nó không muốn người ta coi thường những người có vần "sen" ở cuối tên, nó cố hết sức lấy giọng kiêu kỳ mà bảo rằng:

- Mày có biết là bố tao có đủ một trăm đồng tiền vàng để mua kẹo tung cho trẻ con ngoài phố không?

Em bé con một nhà báo nói:

- Thế nhưng bố tao lại có thể cho bố mày và bốt tất cả những đứa khác lên báo của bố tao cơ!

Thế rồi cái đám lau nhau ấy đua nhau ưỡn ngực, lấy điệu bộ hách dịch, ngắm nghía nhau khinh bỉ và làm dáng điệu như con vua cháu chúa.

Ngoài phòng khách, một em bé trai nghèo khó nhìn qua cánh cửa hé mở những vật tuyệt đẹp trong phòng dạ hội. Em chẳng đáng là cái gì trên đời cả nên không được phép vào. Em đã giúp chị bếp quay tiêm nướng chả và, để thưởng em, người ta cho em lên ngó cuộc hội họp gồm toàn những trẻ con xinh đẹp, ăn mặc rất sang trọng ấy. Như thế cũng đã là một diễm phúc cho em rồi.

Em nghĩ thầm: "Ước gì mình là một trong chúng nó nhỉ?". Em đã nghe thấy những đứa con gái nói và em thấy buồn trĩu trong lòng. Bố mẹ em nghèo nàn, chẳng có chức vị, chẳng có tiền của, chẳng có báo chí, chẳng có gì cả, và buồn hơn nữa, tên bố em và em cũng lại có vần "sen"; như vậy em không còn hy vọng gì cà chẳng bao giờ làm gì nên thân trên đời này cả.

Dù sao em cũng thấy rằng cái việc mình không sinh ra (Theo nguyên tắc "sinh ra" có nghĩa là sinh ra trong một gia đình giàu sang) là một điều phi lý, vì người ta đã nói cho em biết ngày sinh của em.

Đó là việc xảy ra tối hôm ấy.

II

Nhiều năm trôi qua. Những đứa trẻ ấy đã khôn lớn. Trong thành phố người ta dựng lên một căn nhà huy hoàng, hay đúng hơn, một cái lâu đài chứa đầy những mỹ nghệ phẩm kỳ diệu và những báu vật quý giá. Tất cả mọi người đều muốn vào thăm nơi ấy và cho đấy là một danh dự. Một đám đông các vị tai to mặt lớn thường đến đó chiêm ngưỡng những vật phẩm đẹp đẽ ấy. Lâu đài này còn là chỗ ở của một trong những đứa bé mà ta vừa mới nói đến. Đứa nào nhỉ?

Chính là đứa con trai nghèo khó năm xưa đã đứng nghe sau cánh cửa. Đứa bé ấy trở thành một nhân vật, mặc dầu tên nó có chữ "sen". Đó là Thorvaldsen, nhà điêu khắc lừng danh. (Thorvaldsen sinh năm 1796 ở Copenhagen là một nhà điêu khắc Đan Mạch nổi tiếng trên thế giới. Ông đã là sống lại nghệ thuật điêu khắc thời cổ đại. Ông mất năm 1870 và được làm lễ quốc tang)

Và còn ba đứa trẻ kia, những đứa con gái mà dòng dõi gốc, tiền của, quyền thế của bố mẹ đã cho chúng trở nên kiêu căng, hiện nay thế nào? Tôi không biết gì thêm. Có lẽ chúng ở trong đám đông những người vô danh. Chắc chúng chẳng đến nỗi hư hỏng vì trời đã phú cho chúng nhiều tư chất tốt. Nhưng chúng cũng có thể thấy rõ ràng câu chuyện chúng nói tối hôm xưa chỉ là "những chuyện con nít".

BÁC LÀM VƯỜN VÀ NHÀ CHỦ

Cách thủ đô chừng một dặm đường có một tòa lâu đài tường dày, các chòi đều có lỗ châu mai và mài nhọn. Đó là một lâu đài cổ và hùng vĩ. Một gia đình quý phái và giàu có chỉ ở đấy vào mùa hè. Trong tất cả các tài sản của họ, lâu dài này được coi như ngọc trai, châu báu. Người ta vừa mới tu bổ phía ngoài lâu đài, trang hoàng và bài trí làm nó rực sáng lên một màu tươi tắn mới tinh. Phía trong lâu đài có đầy đủ tiện nghi, chẳng thiếu một thứ gì. Bên trên cửa lớn có chạm trổ huy hiệu của gia đình (Thời phong kiến các gia đình quý tộc đều có huy hiệu riêng cho từng dòng họ trên có vẽ hoặc chạm trổ những vật quái dị hoặc hoa cỏ, gọi tắt là gia huy). Những tràng hoa hồng mỹ lệ đục vào đá cuốn lấy những con vật quái dị trên tấm gia huy.

Đằng trước lâu đài là một bãi cỏ rộng. Người ta thấy ở đấy mọc lên giữa thảm cỏ xanh những chùm hoa sơn trà màu đỏ, hoa sơn trà tử màu trắng, những luống hoa hiếm có, không kể đến những thứ hoa đẹp tuyệt vời mọc trong nhà kính (Nhà ươm hoa, xung quanh và trên nóc lợp toàn kính để trồng các loại hoa không chịu được giá rét) và chăm sóc rất chu đáo.

Gia đình quý phái ấy có một người làm vườn tuyệt khéo, cho nên đi dạo chơi vườn hoa, vườn rau và vườn cây ăn quả là một điều khá thú vị. Đằng đầu vườn cây hãy còn lại một mảnh vườn của thời xưa. Đó là những bụi cây hoàng dương và cây thủy tùng xén thành hình kim tự tháp và hình vành khăn. Phía sau là hai cây cổ thụ lớn. Chúng già đến nỗi hầu như không còn lá nữa. Người ta có thể tưởng tượng là một cơn giông hay cơn gió lốc đã bốc từng đám bùn và phân chuồng rắc lên trên cây, nhưng đó chỉ là những tổ chim chiếm cứ gần hết các cành. Không biết từ thuở nào cả một đàn quạ khoang và quạ đen làm tổ ở đấy, tụ họp lại như một đô thị. Những con chim ấy đã sinh cơ lập nghiệp trước tất cả mọi người, nên chúng có thể tự cho là chúa tể nơi đó. Và thật thế. Chúng tỏ vẻ rất khinh thường cái bọn người đã đến chiếm đất đai của chúng. Tuy nhiên, khi những vật hạ đẳng không biết bay ấy bắn vài phát súng ở vùng lân cận thì quạ khoang và quạ đen thấy ớn xương sống, chuồn thẳng cánh mà la lên: rạc, rạc...

Bác làm vườn luôn luôn nói với chủ về những cây cổ thụ, bàn nên đẵn chúng đi vì chúng làm khu vườn mất cân đối. Hơn nữa còn có cái lợi là thoát được cái đám chim kêu như đấm vào tai ấy, buộc chúng đi làm tổ nơi khác. Ông bà chủ không chịu nghe lời bác, không muốn mất cây cũng chẳng muốn mất lũ quạ. Họ bảo: "Đó là di tích của thời xưa đáng kính, không nên hủy hoại đi". Họ nói thêm: "Larsen thân mến, anh có thấy rằng những gốc cây này là gia tài của lũ chim không? Lấy đi là sai đấy!".

Chắc các bạn đọc đã nắm vững Larsen là tên bác làm vườn.

Nhà chủ nói tiếp:

- Dễ thường anh không có đủ chỗ để thi thố tài năng hay sao? Anh đã có cả một vườn hoa lớn, một nhà kính rộng và một vườn rau bát ngát. Anh cần thêm đất để làm gì?

Thực ra không phải là bác thiếu đất. Bác đã cuốc xới đất rất khéo. Nhà chủ sẵn sàng công nhận điều đó. Tuy nhiên, họ cũng thường nói thẳng ra rằng thỉnh thoảng họ được trông thấy và được nếm ở các nhà khác những thứ hoa quả hơn hẳn hoa quả vườn nhà. Con người trung hậu ấy thấy buồn về nhận xét đó, vì bác rất thạo nghề là đã làm tận lực, luôn luôn nghĩ đến việc làm vừa lòng nhà chủ.

Một hôm, người ta cho gọi bác lên phòng và dùng giọng hết sức dịu dàng và nhân từ bảo bác rằng người ta đã được ăn những quả lê táo thơm ngon tuyệt vời đến nỗi tất cả quan khách đều khen ngợi. Nhà chủ tiếp tục nói thêm:

- Những quả ấy chắc hẳn không phải giống quả của nước ta, mà là của nước ngoài đem về đây trồng. Người ta bảo là mua ở hàng bán hoa quả lớn nhất trong thành phố. Anh hãy lấy ngựa và đến nhà hắn ta xem hắn kiếm được những quả ấy ở đâu. Ta sẽ cho xin cành của loại cây ấy về ghép, còn thì tùy ở sự khéo léo của anh tiếp tục nốt công việc.

Bác làm vườn rất quen người bán hoa quả; chính bác đã bán hoa quả thừa trong vườn cho anh ta.

Bác cưỡi ngựa ra tỉnh và hỏi người bán hoa quả xem ở đâu ra những quả lê táo thơm ngon mà người ta được ăn ở lâu đài X…

Người bán hoa quả trả lời:

- Chính ở vườn bác ra chứ đâu. Rồi anh ta chỉ cho bác những quả lê táo giống như thế mà bác nhận ra ngay là những quả do tay mình trồng. Các bạn cũng đoán ra ngay là bác mừng rỡ đến chừng nào! Bác chạy rõ nhanh về kể lại cho nhà chủ nghe rằng những quả lê táo ấy là những quả mọc trong vườn nhà họ. Chủ bác không tin: "Không thể tin được, anh Larsen thân mến ạ! Này, tôi cuộc rằng anh bán hoa quả không dám chứng nhận cho anh việc ấy bằng giấy tờ".

Hôm sau, lúc Larsen mang giấy tờ chứng nhận có chữ ký của người bán hoa quả về, chủ bác nói:

- Thật quá ư lạ lùng!

Từ đấy trở đi, ngày nào người ta cũng bày lên bàn những giỏ đầy những quả táo ấy. Người ta gửi biếu các bạn ở thành phố và vùng quê, và cả các bạn ở nước ngoài nữa.

Những món quà ấy làm cho mọi người vui thích kể cả người nhận lẫn người biếu. Nhưng muốn cho bác làm vườn khỏi kiêu ngạo quá, người ta cẩn thận đến nỗi chỉ nói với bác là mùa hạ này hoa quả mọc tốt, nơi nào cũng được mùa.

Ít lâu sau, gia đình quý phái ấy được mời vào dự tiệc trong triều đình. Hôm sau bác làm vườn lại được gọi và phòng khách. Người ta bảo bác rằng trong bữa tiệc của nhà vua có nhiều quả dưa tây rất thơm ngon. (loại quả hình thù như quả dưa bở, màu vàng đỏ, ăn rất thơm ngon)

- Những quả dưa ấy được trồng trong vườn kính của nhà vua. Phải làm thế nào xin anh làm vườn của Hoàng thượng vài hạt giống của thứ quả vô song ấy, anh Larsen ạ!

Bác làm vườn vui vẻ trả lời:

- Thưa ngài, chính những hạt giống dưa ấy là của tôi cho bác ta.

Nhà chủ bèn nói:

- Nếu vậy thì anh ta biết cách trồng đặc biệt vì ta chưa từng được

ăn dưa ngon như thế bao giờ. Mỗi lần nghĩ đến là ta lại chảy nước miếng.

Bác làm vườn nói:

- Như thế lại càng làm cho tôi vinh hạnh thêm nữa. Xin trình để ngài biết rằng năm nay bác làm vườn của Hoàng thượng trồng dưa không được may mắn lắm. Mấy hôm gần đây bác ấy có đến chơi với tôi. Bác ấy trông thấy dưa của tôi đẹp và sau khi nếm thử, bác ấy đã xin tôi gửi cho ba quả để mang về dâng Đức vua.

- Không phải, không phải, anh Larsen trung hậu của ta ơi! Chớ có tưởng tượng rằng những quả dưa kỳ diệu mà chúng ta ăn tối qua là dưa của vườn anh.

Larsen trả lời:

- Tôi tin chắc như vậy và tôi sẽ có bằng chứng mang về để trình với ngài.

Bác đi tìm bác làm vườn của nhà vua và bảo bác ta cấp giấy chứng nhận những quả dưa ăn trong bữa tiệc tại triều đình hôm ấy đúng là những quả mọc trong vườn kính của chủ bác.

Chủ bác ngạc nhiên không tả được. Họ chẳng giấu giếm gì chuyện ấy. Hơn nữa, ai muốn xem, họ đều phô tờ giấy chứng nhận cho xem.

Do đó, người ta đến xin họ hạt giống đưa và cành giống các loại cây ăn quả rất đông. Các cây đem về đâu trồng cũng tốt. Quả mọc ra đều được khắp nơi gọi bằng tên của chủ nhân lâu đài, đến nỗi cái tên đó lừng danh sang tận Anh, tận Đức, tận Pháp.

Có ai ngờ được đến như vậy?

Ông bà chủ của bác Larsen bảo nhau:

- Cần nhất là lão làm vườn của chúng ta đừng tự đánh giá quá cao.

Nỗi lo ngại của họ không có căn cứ. Không những không kiêu hãnh vì đã được nổi tiếng mà không hề nghỉ ngơi, bác Larsen lại hoạt động chăm chỉ hơn. Mỗi một năm bác lại cố gắng sáng tạo ra vài

tác phẩm mới. Hầu như bác luôn luôn thành công. Nhưng bác còn phải nghe người ta nhắc đến luôn rằng chỉ có lê táo cái năm được mùa dạo nọ là những quả tốt nhất từ trước đến nay. Dưa vẫn tiếp tục ra quả, nhưng chẳng thơm bằng những quả dưa trong cung vua. Dầu ăn ngon thật, nhưng cũng không ngon hơn dâu của bá tước Z. Và đến năm củ cải hỏng thì người ta chỉ nói đến mấy củ cái đáng ghét ấy thôi. Còn những loại rau khác tốt hoàn toàn thì không được lấy một câu khen ngợi. Hình như chủ nhà cảm thấy thực sự hả lòng khi được kêu lên: “Sao củ cải tồi quá thế! Ừ, đúng đấy, năm nay xấu trời: chả trồng được cái gì tốt cả.”

Mỗi tuần, hai hoặc ba lần, bác làm vườn đem hoa lên trang hoàng phòng khách, bác có nghệ thuật cắm hoa rất đặc biệt, bác khéo sắp xếp làm cho màu sắc hoa này tôn vẻ đẹp của hoa kia lên, làm cho hoa đẹp đến mê hồn.

Nhà chủ bảo:

- Anh có con mắt thẩm mỹ khá đấy, Larsen thân mến ạ! Thật đấy! Nhưng chớ quên đó là do đức Chúa trời ban cho người từ khi mới lọt lòng chứ bản thân mình thì chẳng có gì đáng kể đâu.

Một hôm, bác làm vườn lên phòng khách, mang theo một bình hoa to, có cắm những lá cây khê tông, ở giữa xòe ra một đóa hoa lớn màu xanh lam rực rỡ.

Ông lớn thích thú reo lên:

- Thật là đẹp quá chừng! Trông cứ như một bông hoa sen Ấn Độ ấy.

Ban ngày chủ bác để nó dưới nắng nom chói lọi hẳn lên. Đến tối họ dùng một ngọn đèn pha để chiếu sáng cho nó. Người ta phô nó với tất cả mọi người; ai cũng đến ngắm nghía nó. Người ta tuyên bố rằng nó là một loại hoa hiếm có nhất, chưa thấy bao giờ. Ý kiến ấy lại là của một tiểu thư quý phái nhất trong nước: nàng là công chúa, con vua, đến thăm lâu đài. Ngoài ra nàng còn là người có tài trí và giàu tình cảm. Nhưng đối với địa vị của nàng đó chỉ là một chi tiết thừa. Ông lớn và bà lớn lấy làm vinh hạnh được biếu công chúa bông hoa kỳ diệu, bèn cho mang ngay bông hoa vào cung rồi họ ra vườn để kiếm bông khác cắm vào phòng khách. Họ đi khắp vườn, chui vào tận các xó xỉnh, nhưng vô hiệu. Ngay cả trong vườn kính cũng vậy, họ không tìm được một bông hoa nào như thế. Họ gọi bác làm vườn và hỏi bác lấy bông hoa màu lam đó ở đâu?

Bác Larsen trả lời:

- Ngài không thấy nó là vì ngài không tìm trong vườn rau. Không

phải là một bông hoa đặc biệt gì đâu, nhưng tuy vậy nó cũng vẫn đẹp, chỉ là hoa rau artichoke thôi.

Ông bà lớn kêu lên:

- Trời đất ơi! Hoa rau artichoke ư? Nhưng đồ khốn, lẽ ra ngươi phải bảo ta ngay từ đầu, công chúa sẽ nghĩ như thế nào? Chúng ta thật là mạn thượng đối với nàng. Thế là chúng ta đã mắc tội với triều đình rồi. Công chúa đã trông thấy cái hoa trong phòng khách nhà ta, nàng đã tưởng lầm rằng là một giống hoa hiếm có từ xa xưa đưa về; tuy nàng có giỏi về thực vật học, nhưng khoa học đâu có dạy về rau cỏ. Larsen, ngươi nghĩ thế nào mà lại tống vào nhà ta một cái hoa quá tầm thường! Ngươi làm cho chúng ta trở thành láo xược hoặc lố lăng mất rồi!

Người ta kiêng không đặt lại vào phòng khách những bông hoa rau ấy nữa. Ông lớn và bà lớn vội chạy vào gặp công chía để xin lỗi và trút tội lên đầu anh Larsen đã có cái kiểu chơi lạ lùng và do đó, đã bị một trận khiển trách nên thân.

Công chúa trả lời:

- Như thế là sai lầm, bất công. Đúng thế! Hắn đã làm ta lưu ý đến một bông hoa tuyệt đẹp mà ta không biết đánh giá cho đúng. Hắn đã làm cho ta tìm ra sắc đẹp ở nơi mà ta không nghĩ đến. Thế mà các ngươi lại mắng hắn về việc ấy! artichoke ra hoa thì mỗi ngày ta yêu cầu hắn mang cho ta một bông vào cung!

Thế là xong. Về phía các ngài chủ bác Larsen, các vị vội vã bày lại bông hoa màu lam vào phòng khách và ở một nơi trông thấy rõ ràng như lần trước.

Họ nói:

- Ừ, hoa này đẹp thật, chẳng ai dám chối cãi điều đó. Thật là kỳ lạ, một cái hoa rau artichoke!

Một ngày thu, một trận mưa bão dữ dội nổi lên, càng về đêm gió càng tăng cho đến sáng. Trên rìa rừng cả một hàng cây lớn đã bị nhổ bật rễ. Hai gốc cây đầy tổ chim cũng bị lật nhào. Người ta nghe đến tận sáng tiếng kêu thất thanh, tiếng rít chói tai của

những con quạ hoảng sợ đến đập cả cánh vào cửa sổ.

Nhà chủ nói

- Larsen! Thế là anh mãn nguyện nhé! Mấy cây cổ thụ đáng thương đã ngã ra kia rồi. Bây giờ chẳng còn vết tích của thời cổ nữa, tất cả đã bị phá hủy hết, thật là vừa ý anh. Nhưng việc đó lại làm chúng ta buồn, thật thế đấy!

Bác làm vườn không trả lời, bác nghĩ ngay đến việc phải làm gì trên khoảng đất mới đầy nắng. Khi đổ xuống, hai cây to đã đè bẹp những bụi hoang dương hình kim tự tháp, phải nhổ đi. Larsen thay thế chúng bằng những loại cây con kiếm được trong rừng và ngoài đồng ruộng vùng ấy. Chưa có người làm vườn nào có sáng kiến ấy cả. Bác tập trung ở đấy cây đỗ tùng mọc ở đồi thạch thảo xứ Jutland, giống hệt như cây trắc bá Ý-đại-lợi, cây ôrô quanh năm xanh tốt, những cây đuôi chồn giống như những cây dừa, những cây đuôi hổ trắng mà người ta dễ nhầm với những ngọn bạch lạp ở nhà thờ. Mặt vườn đầy những giống hoa đẹp của núi rừng và thảo nguyên nom thật là đẹp mắt. Ở chỗ các cây cổ thụ mọc trước có dựng một cột cờ trên đó phất phơ lá cờ của xứ Dannebrog, xung quanh cắm những con sào để cho các cây bốt bố leo lên vào mùa hè. Mùa đông đến ngày Noel, theo phong tục cũ, bó lúa mạch được treo lên một ngọn sào để cho chim chóc cũng được ăn phần lễ.

- Cái lão Larsen này về già lại trở nên đa sầu đa cảm, nhưng lão ta vẫn là người đầy tớ trung thành và tận tụy.

Gần đến năm mới một tờ họa báo của kinh đô đăng một bức họa toàn lâu đài cổ. Người ta trông thấy trong bức họa cột cờ Dannebrog và bó lúa mạch treo lên một con sào. Và trong bài báo người ta nêu bật lên cái đáng xúc động nhất là phong tục cổ đã tụ họp được chim chóc của Thượng Đế về dự cuộc vui chung trong ngày lễ Noel. Người ta đã khen ngợi những người đã làm sống lại cái phong tục ấy.

Nhà chủ lại nói:

- Thực ra, cái gì mà lão Larsen làm lập tức là người ta khen ngợi rùm beng ngay, hắn quả là có vận may. Chúng ta phải lấy làm hãnh diện nếu hắn vẫn bằng lòng làm cho chúng ta.

Đó chỉ là một cách nói. Họ không hãnh diện chút nào và họ cũng không quên rằng họ là chủ. Nếu họ muốn, họ có thể đuổi bác làm vườn, làm bác có thể chết đi, vì bác rất yêu quý cái vườn; vì thế họ không làm như vậy. Đó là những người chủ tốt đấy chứ? Nhưng nhân đức cái kiểu ấy cũng không đến nỗi hiếm lắm và thật may cho những người như bác Larsen.

MỤ ẤY HƯ HỎNG

Ông thị trưởng đang đứng ở cửa sổ. Ông ta diện một áo sơ-mi mỏng thêu hoa, có lá sen bằng đăng ten trước ngực, trên đó lóng lánh một chiếc kim đầu bằng kim cương. Ông vừa mới cạo râu xong. Ông làm đứt một tí mở mặt, tạm thời rịt vào đấy một mẩu giấy báo.

- Thế nào bé con!

Em bé đi qua là con một chị thợ giặt nghèo khổ. Khi qua cửa nhà ông thị trưởng em đã lễ phép ngả mũ chào. Cái mũ lưỡi trai đã gập đôi vì em vẫn cuộn và nhét mũ vào túi. Em bé dừng lại với một vẻ lễ độ, khúm núm như đứng trước nhà vua. Quần áo em tồi tàn nhưng rất sạch sẽ, vá víu cẩn thận. Em đi một đôi guốc kếch xù.

Ông thị trưởng nói:

- Mày là một đứa bé ngoan, mày lễ phép như thế vừa ý ta lắm. Chắc hẳn mẹ mày đang giặt ngoài bờ sông. Đúng là mày mang cho mẹ mày cái của đang thò đầu ra ngoài túi kia chứ gì? Mẹ mày làm thế thật là hư hỏng. Chỗ ấy bao nhiêu đấy?

- Thưa ông, nửa chai ạ.

Em bé sợ hãi quá, trả lời bằng một giọng gần như nghẹn ngào.

Con người đứng đắn ấy nói tiếp:

- Mà sáng nay mẹ mày cũng đã uống đúng từng ấy rồi chứ gì?

Em bé cãi lại:

- Thưa không, hôm qua đấy ạ!

- Hai nửa cộng thành một chai. Mẹ mày thật đồ hư hỏng. Thật đáng buồn, mẹ mày phải lấy làm xấu hổ mới phải. Còn mày cố tránh đừng có trở thành thằng nghiện rượu, nhưng rồi mày cũng thế, chẳng tránh được đâu, con ạ! Tội nghiệp! Thôi đi đi.

Em bé bước đi. Trong lúc mủi lòng, em vẫn cầm chiếc cát két ở trong tay, gió lùa vào mái tóc vàng hoe của em, hất tung những chùm tóc xoăn dài.

Đến góc phố, em ngoặt vào một ngõ hẻm đi ra bờ sông. Ở đó, mẹ em quỳ gối trên chiếc ghế dài đang ráng hết sức nện cài bàn đập xuống những bó quần áo to tướng. Cửa cống ở cối xay đã mở, dòng nước chảy xiết, kéo trôi những tấm khăn trải giường lớn, đe dọa lật đổ cả chiếc ghế dài. Chị thợ giặt bắt buộc phải dùng hết sức chống chân xuống giữ.

Chị nói với con:

- Một tí nữa thì mẹ bị nước cuốn đi. May quá! Con đã đến, mẹ đang cần phải lấy lại sức một chút. Nước buốt quá mà mẹ phải ngâm ở đây sáu tiếng đồng hồ rồi. Con có mang gì cho mẹ không?

Em bé rút chai rượu ra. Người mẹ cầm lấy tu một ngụm.

Chị nói:

- Tốt quá! Nóng cả người! Một ngụm này đã rẻ hơn mà lại công hiệu ngang một bát súp. Con trai của mẹ uống một tí đi, trông mặt con tái lắm. Đã sang thu rồi đấy, mặc quần áo mỏng thế chắc con mẹ rét lắm. Úi chào! Sao mà cái nước này buốt thế! Cốt là mẹ đừng ốm! Nhưng không, không thế được. Đưa mẹ uống ngụm nữa. Con cũng uống đi, một giọt thôi nhé! Chớ có quen thói, con yêu quý tội nghiệp của mẹ!

Chị rời cái ghế dài lên bờ. Nước rỏ giọt từ chiếc áo và manh chiếu quấn quanh người. Chị lại nói:

- Mẹ đem hết sức lực ra làm việc đến nỗi gần như bật máu ra đầu ngón tay; nhưng mẹ vui lòng làm để nuôi con một cách lương thiện, con trai yêu quý của mẹ!

Lúc đó có một người đàn bà nhiều tuổi hơn một chút, ăn mặc rách rưới đi tới. Chị ta liệt một nửa chân và chột mắt. Chị kéo một búp tóc lớn xuống che con mắt bị tật, nhưng lại càng làm cho người ta thấy rõ hơn. Chị là bạn của chị thợ giặt. Hàng xóm gọi chị ta là Martha què tóc xõa.

Martha nói:

- Chị phải làm việc vất vả dưới nước lạnh buốt như thế thật đáng thương! Đúng là chị cần phải uống tí rượu cho lại sức, thế mà có những đứa ác khẩu còn mở miệng ra chê trách chị đấy.

Chị ta nhắc lại bài diễn thuyết hay ho mà ông thị trưởng đã tuôn ra với em bé lúc nãy. Chị đã nghe thấy khi đi ngang qua và chị cũng lấy làm buồn vì ông ta đã nói mẹ em như thế. Chị nói tiếp:

- Chính con người nghiêm khắc ấy, thấy người ta uống vài giọt rượu để giữ sức làm việc nặng nhọc đã cho là một tội nặng, hôm nay lại thết một bữa tiệc lớn có đủ các thứ rượu mùi ngon, rượu vang nặng. Mỗi người uống tới hai ba chai; nhất định không phải là việc uống cho đỡ khát. Nhưng làm thế, nào họ có cho là uống rượu đâu vì họ là những người sang trọng. Còn chị, họ lại bảo là đồ hư hỏng.

Môi run lên vì đau đớn, chị thợ giặt nói:

- A! Ông ấy bảo con thế đấy à? Bảo là con có một người mẹ tính hạnh không tốt.. Có thể là đúng, nhưng nhẽ ra chẳng nên nói chuyện ấy với trẻ con. Biết bao chuyện đau buồn của mẹ đều từ nhà ấy mà ra cả.

Martha nói:

- Ngày xưa, khi bố mẹ ông thị trưởng còn sống, chị đã ở cho nhà ấy. Người ta có câu: “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”.

Martha mỉm cười về câu khôi hài của mình và nói tiếp:

Câu chuyện là thế này: Ông thị trưởng đã mời rất nhiều người đến dự tiệc. Đến phút cuối cùng ông ta lại định thôi không đặt tiệc nữa, nhưng không kịp thức ăn đã mua và làm dở rồi. Đầy tớ nhà ấy đã kể chuyện với tôi rằng: lúc ấy có thư bảo là em út ông ta vừa chết ở thủ đô Copenhagen.

- Chết! - Chị thợ giặt kêu lên, mặt tái xanh như một cái xác không hồn.

- Đúng đấy! Nhưng tại sao chị ại có vẻ quan tâm nhiều đến việc ấy

thế? Ừ, phải rồi, chị biết ông ta từ hồi ở cho nhà ấy chứ gì?

- Sao? Chết rồi ư? Ông ta có tâm hồn cao quý biết bao! Ông ta chính là hiện thân của lòng nhân từ và hào hiệp. Cũng trong tầng lớp ấy, chẳng mấy người được như ông ta.

Trong lúc nói thế. Nước mắt chị thợ giặt chảy ròng ròng trên má.

Chị lại nói tiếp:

- Chóng mặt quá! Hay là vì tôi đã uống hết cả chai rượu? Chắc hẳn tôi đã uống quá mức nên không chịu được! Tôi thấy rất khó chịu.

Chị tựa người vào một tấm ván.

Martha bảo:

- Trời ơi! Chị bị cảm thật rồi. Cố gắng một tí cho nó qua đi nào! Nhưng chẳng được đâu, tôi thấy chị cảm nặng đấy. Tốt nhất là tôi dẫn chị về nhà.

- Còn đống quần áo kia?

- Cứ để đấy tôi giặt cho. Lại đây, đưa tay đây. Để cháu ở lại trông quần áo. Tôi sẽ quay lại và giặt nốt chỗ dở cho, cũng chẳng còn mấy.

Chị thợ giặt đáng thương lảo đảo bước đi. Chị nói:

- Tôi dầm nước lạnh lâu quá! Từ sáng tôi chưa được ăn uống gì cả. Tôi bị cảm, lạy chúa Jesus! Hãy cứu giúp con được về nhà! Khổ thay cho con tôi!

Chị khóc sướt mướt. Khi ở lại bờ sống trông quần áo một mình, thằng bé cũng khóc. Hai người đàn bà bước đi chầm chậm. Chị thợ giặt lảo đảo lê qua ngõ hẻm. Đến trước cửa nhà thị trưởng, chị kiệt sức ngã lăn ra bờ hè. Người qua đường xúm quanh chị, chị què Martha chạy vội về nhà bạn gọi người đến giúp.

Thị trưởng và quan khách ra cửa sổ đứng xem. Ông chủ tiệc nói:

- À, mụ thợ giặt đấy mà, có lẽ mụ ấy lại uống rượu nhiều quá rồi.

Mụ ấy là đồ hư hỏng. Đáng tiếc cho thằng con trai mụ, thằng bé ngoan quá, tôi yêu nó lắm… Nhưng mẹ nó lại là đồ khốn kiếp.

Người đàn bà đáng thương hồi tỉnh lại. Người ta đưa chị về gian buồng bé nhỏ tồi tàn của chị đặt chị nằm vào giường. Martha pha cho chị một cốc bia nóng với bơ và đường. Theo chị, đó là món thuốc tốt nhất. Sau đó, chị quay ra sông giặt qua loa chỗ quần áo, hay đúng hơn, là chỉ vớt dưới nước lên rồi cho vào sọt. Chị có ý định tốt, nhưng chỉ hiềm nỗi yếu sức.

Đến tối, chị đến ngồi cạnh chị thợ giặt trong xó nhà nghèo nàn. Chị bếp nhà ông thị trưởng đưa cho chị chuyển cho người ốm mấy củ khoai rán và một miếng jambon mỡ. Martha và em bé chén một bữa thỏa thuê. Chị bảo: “Người ốm không ăn được gì thì ngửi mùi cho lại sức”.

Martha đặt em bé nằm ngủ ngang giường, dưới chân mẹ nó và đắp cho nó một cái đệm cũ viền xanh đỏ. Chị thợ giặt đã khá hơn một chút. Hơi thức ăn ngon và bia nóng đã làm cho chị lại sức. Chị nói:

- Martha ơi! Chị tốt lắm! Biết lấy gì trả ơn chị được? Lúc nào cháu ngủ rồi, tôi sẽ kể tất cả chuyện cũ cho chị nghe, mà hình như nó ngủ rồi thì phải. Chị xem cháu nằm ngủ ngoan, hiền lành vô tội thế kia! Nó không biết rằng mẹ nó đau khổ thế nào và Thượng Đế cũng muốn rằng khôn bao giờ nó biết chuyện ấy.

- Chị cũng biết rằng trước kia tôi đã ở cho quan tư văn trong triều, bố ông thị trưởng bây giờ. Bỗng một hôm, con trai út ông ta, học ở Copenhagen, trở về thăm nhà. Lúc đó tôi còn trẻ, nhanh nhẹn, hoạt bát, nhưng đứng đắn. Có Chúa chứng giám cho điều đó. Anh sinh viên trẻ tuổi ấy là một thanh niên vui vẻ, dễ tính, đáng yêu và đẹp trai. Trong người anh không có một giọt máu nào ngoài giống máu của những người coi trọng danh dự và trung thực. Anh ấy là con nhà chủ, tôi chỉ là người ở, nhưng chúng tôi yêu nhau, trong sạch và đứng đắn; vì quá yêu nhau nên chúng tôi có hôn nhau một cái cũng không phải là có tội. Anh kể chuyện ấy với mẹ anh. Đối với anh, bà ấy cũng như Thượng Đế trên trần gian. Và thực ra đó là một bà mẹ rất mực hiền hậu và yêu quý con cái.

- Anh đeo vào tay tôi một chiến nhẫn vàng và trở lại Copenhagen. Anh ấy vừa đi khỏi, bà chủ đã gọi tôi lên. Bà ta nghiêm nghị nhưng

ngọt ngào lắm; những lời nói của bà tôi nghe như tiếng trên trời nói xuống. Bà giảng giải cho tôi rõ sự cách biệt giữa anh ấy và tôi. Bà bảo: “Bây giờ nó chỉ biết một điều là mày rất xinh thôi. Nhưng sắc đẹp sẽ tàn đi. Mày không được học tập và hiểu biết bằng nó; chúng mày không hợp nhau ở chỗ đó, và đó sẽ là một điều đau khổ”. Bà nói thêm: “Tao rất quý và trọng những người nghèo, dưới mắt Thượng Đế, trên thiên đàng, nhiều người nghèo đã chiếm được ngôi cao hơn người giàu. Nhưng dưới trần gian này thì chớ có đi lầm đường. Mày hãy coi chừng, chớ để bị lôi cuốn cả hai vào con đường đau khổ mà chúng mày tưởng lầm là bảo đảm được hạnh phúc. Tao biết có một người trung hậu, một người thợ đã hỏi mày - đây tao nói về Eric, anh thợ làm găng tay. Anh ta góa vợ, nhưng không có con, làm ăn dễ chịu. Hãy suy nghĩ cẩn thận về những lời tao vừa bảo”.

Mỗi một lời nói của bà chủ xuyên vào lòng tôi như một nhát dao nhọn hoắt. Bà ta nói đúng: đó là những điều làm cho tôi bối rối và đau khổ.

Tôi chua xót, hôn tay bà, nước mắt ròng ròng. Tôi còn nức nở đến khi về tới buồng riêng và lăn ra giường. Đêm hôm ấy là một đêm khủng khiếp. Chỉ có Thượng Đế mới biết rằng tôi đau đớn và đấu tranh để chịu đựng như thế nào?

Ngày chủ nhật sau, tôi đến trước bàn thờ Chúa xin người soi sáng linh hồn. Hình như đúng là ý Chúa. Vừa ở nhà thờ bước ra, tôi đã gặp ngay Eric. Lúc đó tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Chúng tôi hoàn toàn hợp nhau. Hoàn cảnh chúng tôi giống nhau, anh ta cũng có một cái vốn nho nhỏ. Tôi tiến về phía anh, cầm tay anh và hỏi:

- Anh còn nghĩ đến tôi không?

Anh trả lời:

- Còn chứ! Luôn luôn và mãi mãi.

- Anh có muốn lấy một người con gái chỉ quý trọng anh mà không yêu anh không? Có ngày điều đó sẽ đến.

Anh ta đáp lại:

- Điều đó sẽ đến, tôi tin chắc như thế.

Và chúng tôi hứa hôn với nhau.

Tôi trở về nhà. Chiếc nhẫn vàng của anh sinh viên tặng ban ngày tôi đeo vào trong cổ áo, gần chỗ trái tim để tránh sự dị nghị của mọi người. Chỉ đến đêm khi đi ngủ, tôi mới đeo nó vào tay. Tôi cầm lấy nó, hôn nó đến nỗi môi rớm cả máu. Rồi tôi đem nó trả lại cho bà chủ và bảo cho bà biết tin kết hôn của tôi sẽ công bố vào tuần lễ sau. Bà ta ôm chặt tôi vào lòng và hôn tôi. Bà ta không hề bảo tôi là đồ hư hỏng.

Hay là lúc đó tôi tốt hơn bây giờ, mặc dầu tôi chưa từng trải sự đau khổ. Chúng tôi cưới nhau vào ngày lễ thánh mẫu hiến đường (40 ngày sau khi sinh hạ chúa Jesus, bà Maria đến đền Jerusalem để làm lễ tẩy uế). Năm đầu tiên, mọi việc đều ổn cả. Chúng tôi có một người cùng làm và một chú học việc. Lúc đó chị ở cho nhà chúng tôi, chị Martha yêu quý!

Martha nói:

- Ừ, hồi ấy chị là một bà chủ tốt và đáng mến. Tôi không bao giờ quên được lòng tốt của chồng chị và chị đối với tôi hồi ấy.

- Vâng, những năm chị làm với tôi là những năm tươi đẹp. Chúng tôi chưa có con. Anh sinh viên và tôi không gặp nhau nữa. Tuy nhiên, có một lần tôi trông thấy anh ấy, nhưng anh ấy chẳng hề trông thấy tôi. Ngày chôn cất bà mẹ, anh ấy có về đâu. Anh ấy đứng bên mộ, nhợt nhạt như xác chết và chìm ngập trong niềm đau thương vô hạn. Nhưng đấy là anh ấy khóc mẹ mà thôi.

Ít lâu sau, khi cha chết, anh ấy đi du lịch rất xa ra nước ngoài, không trở lại đây nữa. Tôi được biết hình như anh ấy làm luật sư và không lấy vợ. Còn tôi, anh ấy đã quên rồi. Nếu anh ấy có gặp tôi, chắc anh ấy cũng chẳng nhận ra tôi nữa, vì tôi đã trở nên gớm ghiếc như thế này! Nhưng thế cũng tốt, thế còn hơn.

Chị kể đến những ngày gian nan, những ngày nghèo túng đã làm khổ chị một cách tàn nhẫn.

- Hồi đó, chúng tôi có 500 đồng tiền vàng. Ở phố lớn, người ta bán

một ngôi nhà cổ giá 200 đồng. Chúng tôi đã mua và xây lại thành cái nhà mới, tính cả công thợ mộc và công thợ nề mất 1020 đồng. Eric đã vay mượn được tiền ở Copenhagen. Chuyến tàu mang tiền về bị đắm và số tiền vàng cũng chìm xuống đáy biển.

Chính dạo ấy là lúc tôi sinh cháu thân yêu hiền hậu đang ngủ ngoan ngoãn đằng kia. Chồng tôi bị một trận ốm nặng và kéo dài. Suốt trong chín tháng trời, tôi phải chăm sóc, thay quần áo cho anh ấy vì anh ấy yếu sức quá. Công việc làm ăn của chúng tôi ngày càng lụi bại. Chúng tôi mắc nợ. Tiền dành dụm, đồ đạc bán đi đều trả nợ sạch. Eric mất, tôi đã phấn đấu, làm việc vất vả để nuôi con. Tôi làm việc liên tục, nhận bất cứ việc gì, lau thang gác thuê, giặt đủ các loại quần áo, lụa và vải. Nhưng sự đau khổ vẫn đeo đẳng tôi cho đến bây giờ. Đó là ý Chúa, rồi cuối cùng chắc người sẽ gọi tôi về bên người. Tôi cũng tin rằng Người sẽ chẳng bỏ rơi con trai tôi đâu.

Nói xong, chị ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau chị thấy trong người dễ chịu hơn. Chị tưởng đã hồi phục và lại đi làm việc. Vừa bước xuống nước lạnh, chị đã rùng mình và rủn người ra. Bị chuột rút, chị giơ tay ra bấu víu, nhưng chỉ chơi vơi trên không thôi. Chị kêu lên tiếng và ngã xuống, nằm lăn ra, đầu gối tì lên bờ, chân thõng xuống nước; đôi guốc trong có lót rơm cho đỡ lạnh bị dòng nước cuốn đi. Đó là cảnh tượng mà Martha trông thấy khi mang cà phê đến cho chị.

Trong lúc đó, thị trưởng cho người gọi chị thợ giặt tới vì có một việc quan trọng cần báo cho chị. Lúc ấy thì đã muộn, Martha chạy gọi ông thợ cạo đến chích huyệt. Muộn quá rồi. Chị thợ giặt đáng thương đã qua đời.

Thị trưởng bảo:

- Mụ ấy rượu lắm vào nên mới chết.

Và đây là việc mà ông định bảo chị. Trong thư báo tin em ông chết có kèm một bản trích tờ di chúc: 600 đồng tiền vàng được dành cho chị thợ giặt góa chồng, ngày xưa đã ở cho cha mẹ ông. Số tiền này phải trao dần cho chị hay con chị, nhiều ít tùy theo sự cần dùng của họ.

Thị trưởng nghĩ thầm:

- À, mình nhớ ra rồi, trước kia chắc có chuyện giữa mụ ấy và em mình. Mụ ấy chết đi cũng phải, thằng bé con sẽ được hưởng cả số tiền. Mình sẽ gửi nó đến ở các nhà tử tế, sau này nó sẽ trở thành một người thợ khéo và tốt.

Và quả nhiên, Thượng Đế cũng muốn cho những lời nói đó được thực hiện đầy đủ.

Thị trưởng gọi em bé đến. Ông hứa sẽ trông nom em và nói thêm rằng em không nên buồn phiền. Đúng là em đã mất một người mẹ, nhưng mẹ em cũng đã quá hư hỏng.

Người ta đưa chị thợ giặt đến nghĩa địa của kẻ khó. Martha rắc cát trên mộ chị và trồng vào đấy một cây hoa hồng. Em bé đứng bên cạnh chị nức nở:

- Mẹ hiền yêu quý của con ơi! Có thật mẹ là người hư hỏng không?

Chị ở cũ ngước mắt nhìn lên trời như muốn cầu xin Thượng Đế làm chứng và nói:

- Mẹ cháu chính là hiện thân của đạo đức. Ta đã biết điều đó từ lâu và càng biết rõ hơn sau câu chuyện đêm nọ. Ta thề với cháu rằng: mẹ cháu là người ngay thẳng, đức hạnh, và trên kia, Thượng Đế cũng phán như thế. Vậy cháu hãy mặc cho người đời chê bai mẹ cháu là đồ hư hỏng. Cháu phải luôn luôn tôn kính hương hồn mẹ cháu

MỘT MẢNH LÁ CỦA TRỜI

Trong bầu không khí trong sạch nhất, tít trên trời cao kia, có một thiên thần bay từ vườn hoa thiên đường ra, tay cầm một bông hoa. Trong khi hôn vào hoa, thiên thần làm rơi một chiếc lá. Chiếc lá đó rơi xuống đất vào giữa một cánh rừng. Lập tức, nó bén rễ và mọc lên giữa các cây khác.

Những cây này không muốn nhận nó là đồng loại. Chúng nói:

- Cái cây gì mà lạ vậy?

Cây gai và tầm ma là những cây đầu tiên cất lời trêu chọc. Cây gai nói với giọng khinh miệt:

- Không biết nó ở đâu tòi ra thế nhỉ? Chắc là một hạt rau giống nào đó. Có ai lại mọc nhanh thế bao giờ? Như thế có khó coi không? Nó tưởng là chúng mình ở đây để đỡ nó khi nó gục xuống chắc?

Mùa đông tới, mặt đất đầy tuyết phủ. Cây thần truyền cho tuyết một vẻ rực rỡ như có ánh nắng chiếu sáng từ dưới lên. Đến mùa xuân, nó nở ra một đóa hoa đẹp hơn tất cả các loại hoa khác.

Giáo sư thực vật học trứ danh toàn quốc nhận được tin ấy. Ông vội vác tấm bằng chứng nhận sự uyên bác của ông đến tận nơi. Ông nghiên cứu cái cây con, phân tích nó, và nếm thử một tí lá. Nó không giống bất cứ một thứ cây nào ông đã trông thấy. Ông không tìm thấy một giống nào, loại cây nào để xếp nó vào cả.

Ông kêu lên:

- Đây là một cây lai giống nào đó, thật là một loại quý, nó chẳng thuộc vào hệ thống nào cả.

Bọn cây gai và tầm ma nhắc lại:

- Nó chẳng thuộc vào hệ thống nào cả.

Những cây to và cây cao trông thấy và nghe thấy chuyện xảy ra, nhưng chẳng nói gì cả. Chẳng chê mà cũng chẳng khen, đó là cách

xử trí khôn ngoan nhất khi con người ta ngu đần.

Bỗng một cô gái nghèo khổ đi tới khu rừng, cô là hiện thân của sự ngây thơ trong trắng; lòng tin làm cho trí khôn cô sáng suốt. Trên đời, cô chỉ có một quyển kinh thánh, trong đó hình như Đức chúa trời trực tiếp nói với cô. Qua đấy cô đã hiểu rằng loài người độc ác biết bao, nhưng cô cũng biết rằng khi họ hành hạ ta một cách bất công, khi họ hiểu nhầm và chế giễu ta, phải nhớ đến gương sáng của con người tốt nhất và trong sạch nhất của Thượng Đế đã bị họ treo trên cây thánh giá mà vẫn tâu với người rằng: “Thưa cha, xin cha hãy tha tội cho chúng, chúng không biết việc mà chúng làm”.

Người thiếu nữ đứng trước cái cây kì diệu có đóa hoa đang tỏa ra không khí một hương thơm ngào ngạt và lóng lánh dưới ánh mặt trời như một chùm pháo hoa. Khi gió thổi rung lá cây, người ta nghe vang lên tiếng nhạc thiên thần. Cô bé đứng ngây ngất trước kỳ quan ấy. Cô cúi xuống cái cây để ngắm được gần hơn và ngửi hương thơm của nó, cô cảm thấy tim cô thêm sức mạnh và linh hồn được soi sáng bởi trí tuệ của thiên thần. Trong thâm tâm, cô muốn hái đóa hoa, nhưng cô nghĩ như thế là không tốt, hoa sẽ héo đi, cô chỉ hái một chiếc lá xanh nhỏ thôi, đem cặp vào trong quyển kinh thánh để cho nó được tươi tắn và xanh thắm mãi mãi.

Vài tuần sau, quyển kinh thánh cùng chiếc lá được đặt dưới đầu cô gái nhỏ trong quan tài. Cô đã yên nghỉ, khuôn mặt hiền từ, nghiêm trang, phản ánh niềm sung sướng được thoát khỏi bụi trần và được gọi về gần đấng sáng tạo ra mình.

Trong khi đó, cái cây lớn lên, trổ hoa. Chim chóc bay ngang qua nghiêng đầu chào lễ phép.

Những cây hoa gai và mâm xôi làu nhàu:

- Phải gió cái bọn lạ mặt ấy, chúng nó có biết rằng chúng đã phí phạm lời chào của chúng không? Chúng mình chẳng bao giờ lại rồ dại như thế.

Những con sên rừng xấu xí cũng khạc nhổ trước cái cây từ trên trời xuống.

Một anh chăn lợn đi hái cây về đun bếp, nhổ cả rễ mâm xôi, hoa

gai tầm ma và cả cái cây đẹp ấy mang về. Anh nói:

- Tất cả cái đám cây này chỉ đun bếp là tốt thôi.

Nhà vua nước ấy từ lâu mắc bệnh âu sầu, u uất không gì khuây khỏa nổi. Để giải sầu, Ngài quay ra chăm lo trị vì trăm họ. Ngài bắt đọc cho ngài nghe những sách của những tác giả tốt, rồi cả đến sách của những nhà văn viết truyện tục tằn và ba láp. Chẳng ăn thua gì. Người ta bèn hỏi ý kiến của một nhà thông thái nhất trần gian. Ông ta trả lời rằng có một cách để chữa bệnh cho nhà vua là lấy cho Ngài một chiếc lá của một cây hoa nhà trời mọc trong một cánh rừng nước ấy. Ông tả lại hình dạng chiếc lá.

Người ta nhận ra cây hoa và ai cũng lấy làm lạ về chuyện đó.

Anh chăn lợn nghĩ thầm: “Chết thật! Mình đã nhổ nó đi rồi và từ lâu nay nó chỉ còn là chút tro tàn. Dốt nát mới ra nông nỗi ấy”. Anh chăn lợn tự thấy xấu hổ và ỉm câu chuyện sai lầm ấy đi. Dù sao anh biết tự chỉ trích mình, như vậy cũng còn tốt. Những nhà bác học liệu có tỏ ra biết nghĩ hơn anh không?

Cây hoa đã biết mất. Nó chỉ còn lại mỗi một chiếc lá nằm trong nấm mộ người con gái. Nhưng không ai biết chuyện ấy cả.

Nhà vua đích thân đến tận cánh rừng để xem tận mắt cho chắc chắn việc cây hoa đã biến đi mất.

Người phán:

- À! Thế là cây hoa ấy mọc ở đây, vậy thì từ nay trở đi chỗ này phải coi là đất thánh.

Người cho làm một hàng rào bằng vàng xung quanh nơi ấy và đặt lính canh gác.

Vị giáo sư thực vật học trứ danh bèn viết một bài bình luận dài, đầy lý thuyết khoa học về những giá trị của cây hoa thần tiên, lão chứng minh tất cả những sự thiệt thòi khi mất cây hoa đó. Nhà vua thưởng vàng đầy kín từng trang của tác phẩm ấy và chính con lừa đó đã kiếm chác được nhiều nhất trong vụ này.

Nhà vua vẫn giữ nỗi sầu không nguôi và những người lính gác

đáng thương cũng rất buồn bực trong cánh rừng.

THIÊN TINH

(Sylphe: một con vật tưởng tượng hình người, có cánh, sống trong các bông hoa)

Giữa một khu vườn có một cây hồng nở đầy hoa. Trong một bông hoa đẹp nhất có một chú thiên tinh. Chú xinh xắn, bé nhỏ đến nỗi mắt người ta không thấy được. Tuy thế, người chú cân đối đẹp và đáng yêu như tình yêu đẹp đẽ nhất của trẻ thơ, và, thêm nữa, chú có đôi cánh mọc ra từ vai chấm gót. Cái lâu đài chú ở mới đẹp làm sao! Sau mỗi cánh hoa hồng, chú có buồng ngủ xinh xinh. Mặt cánh hoa như xa tanh trong suốt, màu sắc dịu dàng và hương thơm tỏa ra trong những căn buồng ấy dễ chịu biết bao!

Suốt ngày thiên tinh vùng vẫy vui vẻ dưới nắng ấm. Chú bay lượn, từ đóa hoa này sáng đóa hoa khác, rồi nằm rung rinh trên cánh cậu bướm đang nhảy múa trong không trung. Một hôm, chú chơi nghịch, đo xem phải bao nhiêu bước mới đi hết tất cả đường ngõ rắc rối do những đường gân của chiếc lá tạo thành. Con đường thật là dài. Chú bay nhanh như thế nào thì đôi chân lũn cũn của chú cũng bước nhanh như thế. Mặt trời đã lặn mà chú chưa đi hết những con đường quanh có rắc rối ấy.

Sương xuống, gió bất chợt nổi lên, thổi mát rượi. Thiên tinh phải về nhà gấp. Chú ráng hết sức bay vội về. Về đến cây hoa hồng, chú thấy nhà đã đóng cửa, không riêng gì nhà chú mà tất cả hoa hồng ở đấy đều đã khép kín cánh hoa lại rồi.

Chú thiên tinh đáng thương sợ quá, vì chú chưa bao giờ ngủ ngoài trời cả. Chú vẫn được nằm êm ái trong những cánh hoa ấm áp. Chú tự nhủ: “Ôi! Đêm nay ta đến chết mất!”.

Chú nhớ rằng đầu vườn đằng kia có một vòm hoa tử lan (một loại cánh nhung màu sắc rực rỡ như cánh bướm) đẹp như cánh bướm. Chú nghĩ thầm: “Ta ra nép vào một trong những đóa hoa đó, may ra sẽ được ngủ một giấc ngon”. Thiên tinh bay đến đấy. Suỵt! Có hai người đang ngồi dưới vòm hoa; một chàng thanh niên đẹp trai và một thiếu nữ kiều diễm. Họ ngồi cạnh nhau, đang từ biệt nhau. Họ yêu nhau quá nên không muốn rời nhau ra.

Chàng trai trẻ nói:

- Dù sao chúng ta cũng phải xa nhau. Anh trai em rất ghét chúng ta. Hắn bắt anh mang một lá thư đến nơi rất xa đấy, tận bên kia núi rừng và sông hồ. Anh phải tuân theo lời hắn. Thôi vĩnh biệt em yêu quý, dù thế nào đi nữa em cũng là vợ chưa cưới của anh.

Họ hôn nhau. Người thiếu nữ khóc, nàng tặng anh một đóa hoa hồng. Trước khi trao cho anh, nàng đặt lên một chiếc hôn nồng nhiệt và âu yếm đến nỗi cánh hoa phải xòe ra. Chú thiên tinh vội lách vào và tựa đầu bên cánh hoa mềm mại thơm tho. Từ bên trong, chú nghe thấy họ từ biệt, từ biệt nhau mãi.

Bông hoa hồng được cài vào ngực ngay sát tim chàng trai trẻ. Chà! Tim chàng đập sao mạnh thế! Chú thiên tinh chẳng thể ngủ được, vì con tim ấy thổn thức, làm chú bị lắc tợn quá.

Chàng trai trẻ đi đến một khu rừng âm u, vắng vẻ. Chàng dừng lại, rút đóa hoa hồng ở ngực ra hôn. Chàng hồn nhiên và say sưa đến nỗi gần đè bẹp chú thiên tinh. Qua những cánh hoa nhàu nát chú cảm thấy đôi môi của chàng nóng ran! Hoa hồng được những chiếc hôn ấy xòe rộng cánh ra như dưới ánh nắng ban trưa.

Bỗng một người, một tên gian ác, một tên hung đồ ghê tởm xuất hiện: đó là anh trai nàng thiếu nữ xinh đẹp. Nó rón rén đi theo chàng trai trẻ. Trong lúc chàng trai đáng thương mải mê hôn đóa hoa hồng, nó tiến đến sau chàng, rút dao đâm vị hôn phu của em gái nó một nhát chết tươi. Để cho chắc chắn hơn, nó bồi thêm một nhát nữa đứt phăng đầu chàng ra. Rồi nó vùi cả đầu lẫn thân xuống dưới gốc cây bồ đề lớn. Tên khốn kiếp tự nhủ: “Thế là nó đã đi đứt. Nó sẽ làm một cuộc hành trình lâu dài sang bên kia núi rừng và sông hồ. Khi không thấy nó trở về, người ta sẽ tưởng là nó đã chết dọc đường. Còn em gái ta sẽ không bao giờ dám nhắc đến tên đó trước mặt ta”. Nó lấy chân gạt lá khô lên trên cái hố đã đào rồi quay trở về nhà. Nhưng không phải chỉ có mình nó như nó tưởng. Thiên tinh đã đi theo nó. Chú núp trong một chiếc lá bồ đề khô cuộn tròn rơi vướng vào tóc tên sát nhân khi tên này cúi đầu xuống đào huyệt chôn chàng trai trẻ. Tên này đã đội mũ trùm lên trên chiếc lá. Dưới cái mũ sao mà tối thế! Chú thiên tinh run lên, vừa sợ hãi vừa tức giận vì đã không ngăn được vụ giết người ghê rợn đó.

Về đến nhà lúc trời vừa sáng, tên sát nhân cất mũ, rồi vào buồng cô em gái đang ngủ. Cô bé xinh đang đang nằm, tuổi xuân mơn mởn. Nàng đang mơ thấy người mà nàng gửi gắm trái tim, nàng thấy chàng đã trở về, sau cuộc hành trình dài qua bao núi rừng và sông hồ.

Thằng anh độc địa của nàng cúi xống nhìn nàng mỉm cười quái ác. Chiếc lá khô rơi từ tóc nó xuống giường mà nó cũng không hay. Nó đi ngủ một lát để nghỉ ngơi sau cái đêm đầy tội ác ấy.

Thiên tinh từ chỗ trốn chui ra và luồn vào tai người thiếu nữ. Chú kể lại cho nàng nghe, như báo mộng, vụ án mạng khủng khiếp. Chú tả lại cho nàng biết chỗ anh nàng đã giết và đã vùi xác người yêu của nàng. Chú tả lại cây bồ đề to nở hoa cạnh đấy và nói thêm: “Để cho cô thấy rằng việc tôi nói không phải là một giấc mơ thường, cô sẽ thấy ở trên giường một chiếc lá bồ đề khô”. Quả nhiên khi tỉnh dậy cô gái đã nhìn thấy chiếc lá. Cô đã tuôn biết bao giọt lệ sầu thảm!

Cửa sổ phòng nàng để ngỏ suốt ngày nên chú thiên tinh có thể bay ra vườn một cách dễ dàng và lại chui vào những đóa hồng thân yêu, nhưng chú không đành tâm để mặc cô gái đáng thương nức nở một mình. Trên cửa sổ có một gốc hồng, thứ hồng tháng năm. Chú nép mình trong một bông hoa và nhìn cô gái. Ngày hôm ấy thằng anh có đến nhiều lần, vui vẻ, nhơn nhơn, mặc dầu nó đã làm một việc đại ác. Cô gái không dám hé một lời về nỗi buồn của mình.

Đêm đến, nàng lẻn ra ngoài và đi vào rừng đến tận gốc bồ đề lớn mà nàng đã biết rõ. Nàng trông thấy đống lá khô, gạt ra đào chỗ đất mới và tìm thấy đầu lâu cùng thi hài của người yêu. Nàng đứng đấy rất lâu, gục đầu đau khổ, nức nở cầu Thượng Đế ban ơn cho nàng sớm được chết theo.

Nàng nhấc cái đầu nhợt nhạt, mắt nhắm nghiền; nàng hôn vào đôi môi lạnh ngắt, gỡ đất bám trên mớ tóc xoăn và tự nhủ: “Ta sẽ mang nó đi và giữ lấy nó”. Sau khi lấp đất và phủ lá lên tấm thi hài như cũ, nàng ra đi đem theo cái đầu và một cành hoa nhài dại mọc dưới gốc cây bồ đề.

Về tới buồng mình, nàng lấy một chậu hoa rất to, đặt cái đầu vào,

lấp đất và trồng lên trên đó cành hoa nhài.

Chú thiên tinh không thể chịu đựng được cảnh thương tâm đó, chú bay về gốc cây hoa hồng cũ nay đã tàn hết hoa, chỉ còn vài bông gần héo. Chú thở dài nói: “Trên đời này cái gì tốt đẹp thường chóng qua đi!”. Cuối cùng, chú tìm được một cây hồng đang nở hoa và tối nào cũng về đấy nhẹ nhàng ngả lưng giữa những cánh hoa thơm tho, dịu dàng.

Đến sáng, chú bay về phía cửa sổ buồng cô gái đáng thương. Nàng vẫn luôn luôn bên chậu hoa bên trong đựng cái mà chỉ có chú thiên tinh biết rõ. Nàng khóc, nước mắt rơi xuống cành hoa nhài và càng ngày mặt cô gái xấu số càng xanh nhợt đi bao nhiêu thì cây hoa nhỏ càng đâm chồi nảy lộc xanh tươi bấy nhiêu. Rồi cô gái âu yếm những nụ hoa mới trổ. Thằng anh độc ác đến mắng nàng, hắn bảo nàng là điên rồ, chỉ rên rỉ suốt ngày, không bước chân ra khỏi buồng. Một hôm, ủ rũ bên chậu hoa, nàng thiếp đi, đầu gục trên cây hoa nhài. Chú thiên tinh bé nhỏ bay đến luồn vào tai nàng, nhắc lại cái tối ái ân ngồi dưới vòm hoa và kể chuyện cho nàng nghe về tình yêu của các thiên tinh. Nàng mơ một giấc mộng tuyệt đẹp. Giữa lúc đang ngây ngất, linh hồn nàng nhẹ nhàng bay lên thiên đường. Trên ấy, nàng lại tìm thấy người yêu. Cây nhài nở đầy những bông hoa trông như những chiếc chuông con trắng muốt, tỏa một mùi hương ngào ngạt. Đó là hương thơm của cây hoa viếng người con gái đã quá cố.

Thằng anh trai độc ác đã trở lại và không mảy may thương xót cái chết của em gái nó. Nó đem cây hoa kỳ diệu đặt bên giường nó, hương thơm ngào ngạt khắp căn phòng.

Chú thiên tinh bay theo, chú bay từ hoa này sang hoa khác và trong mỗi bông chú tìm thấy một cô bạn nhỏ. Chú kể cái chết thảm thương của chàng trai trẻ, chuyện thằng anh độc ác và cô em gái đáng thương cho các bạn nghe. Chúng đều trả lời: “Chúng tôi đã biết cả, vì phải chăng chính thịt chàng đã biến thành đất nuôi sống chúng tôi? Chúng tôi biết cả rồi”. Và chúng rung những chuông nhỏ của chúng, rồi im lặng. Chú thiên tinh cũng không thể tưởng tượng được rằng các bạn mình cảm động đến thế. Chú đi tìm đàn ong đang hút nhị hoa và kể lại vụ án mạng. Ong về tâu với chúa, chúa ong ra lệnh cho cả đàn ngày mai đi giết tên sát nhân.

Nhưng đêm ấy, trong khi thằng anh đang ngủ cạnh cây nhài đầy hoa, tất cả các cành hoa nở tung, và hồn hoa bay ra, vô hình, mang theo kim thuốc độc. Chúng chui vào tai tên hung đồ. Nhắc lại tội giết người của nó. Chúng luồn vào lỗ mũi nó, bay trên môi nó và trong lúc nó nói mê sảng, chúng châm kim thuốc độc vào lưỡi nó. Sau đó. Chúng lại quay về núp trong những chiếc chuông trắng của chúng. Chúng nói: "Thế là chúng ta đã báo thù được cho người bị giết oan".

Sáng hôm sau, cửa sổ mở, chú thiên tinh cùng chúa ong và cả đàn ập vào để giết tên sát nhân. Hắn đã chết rồi, có nhiều người xúm quanh giường nó nói rằng:

- Mùi hoa nhài đã làm cho hắn chết.

Thiên tinh chợt hiểu ngay là hồn hoa bé nhỏ và dũng cảm đã làm việc ấy, chú giảng giải cho chúa ong biết. Chúa ong và cả đàn vội xúm lại khen ngợi các bông hoa nhài. Chúng bay vo ve xung quanh cây hoa; người ta không thể nào xua được chúng nó đi. Một người cầm lấy chậu hoa để mang đi. Một con ong đốt mạnh vào tay đau đến nỗi bác ta làm rơi vỡ chậu hoa. Người ta thấy lòi ra cái sọ của chàng trai trẻ và do đó người ta khám phá ra đứa nằm chết trên giường kia là một tên sát nhân. Rồi ong chúa bay vút lên trên không, đi khắp chốn ca ngợi sự báo oán của các bông hoa và câu chuyện chú thiên tinh núp sau một chiếc lá khô nhỏ bé đã tố cáo được vụ án mạng và trừng trị được tên sát nhân.

CHUYỆN CÂY HOA GAI

Trước cửa lâu đài sang trọng của một chúa đất có một vườn hoa đẹp, được chăm sóc cẩn thận, trồng đầy những cây và hoa lạ. Khách đến chơi với chủ nhân đều hết lời ca ngợi những khóm cây mang từ các nước phương xa tới và những luống hoa sắp xếp mỹ thuật, ai cũng hiểu rằng đó không phải là những lời khen xã giao thường tình. Người xung quanh vùng ấy, ở các trấn và các làng xã lân cận, chủ nhật kéo đến xin phép vào dạo chơi trên những con đường mỹ lệ đó. Khi học sinh ngoan ngoãn, người ta khen thưởng bằng cách cho vào thăm vườn hoa.

Sát ngay cạnh vườn, phía bên ngoài chân hàng rào, người ta thấy có một cây hoa gai to và khỏe, khóm rễ lâu năm mọc tỏa bốn phía, chỉ mình nó thôi trông cũng như một bụi rậm. Tuy nhiên không ai thèm mảy may để ý đến nó, trừ chú lừa già kéo xe cho bà bán sữa. Bà ta thường buộc chú lừa ở gần đấy và chú ra sức vươn cái cổ dài ngoẵng về phía cây hoa gai mà nói:

- Sao mà nó đẹp thế, ngon nhá thế!

Nhưng dây buộc ngắn quá nên lừa ta đành giương mắt, âu yếm và tán chõ sang thôi.

Một hôm có đông khách khứa đến họp tại lâu đài. Họ toàn là những người quyền quý cả, phần lớn là ở thủ đô tới. Trong số đó có nhiều thiếu nữ xinh đẹp. Trong đó có một cô đẹp nhất từ xa đến. Dòng dõi người xứ Scotland (một xứ miền Bắc nước Anh), cô là con nhà quý phái, có rất nhiều đất đai rộng lớn và của cải. Đó là một món sụ, các chàng trai và các bà mẹ cũng đều nói:

- Được lấy cô ta thật là một diễm phúc!

Đám thanh niên ấy đá bóng và chơi đủ mọi trò. Sau đó, họ đi dạo giữa các luống hoa, và theo tục lệ phương Bắc, mỗi cô tiểu thư hái và cài một đóa hoa vào khuyết áo trên ngực một cậu công tử. Cô gái phương xa chọn mãi chưa được bông hoa nào vừa ý. Thế rồi cô đưa tầm mắt đến sau hàng rào, có bụi cây gai, hoa to, màu đỏ và xanh lam.

Cô mỉm cười, yêu cầu cậu con ông chủ ra hái cho cô một bông hoa và nói:

- Đó là hoa của nước tôi, nó được vẽ trong quốc huy Écosse. Anh hái cho tôi xin một cái.

Cậu công tử vội vã hái một bông hoa đẹp nhất và không tránh khỏi bị gai đâm rất đau. Cô gái Écosse cài vào ngực cậu đóa hoa tầm thường đó và cậu cảm thấy vui sướng khác thường. Tất cả các chàng trai khác đều sẵn lòng đổi những bông hoa hiếm của mình để lấy bông hoa do chính tay cô gái phương xa tặng. Khi mà cậu con ông chủ nhà ưỡn ngực vì sung sướng thì cây hoa gai thế nào? Cây thấy nao nao trong dạ và cảm thấy thỏa mãn, khoan khoái như sau một trận sương sa mặt trời đến sưởi ấm cho cây. Hoa gai tự nghĩ: "Trông vẻ ngoài thì như thế, nhưng mình cũng là một kẻ cao quý đấy chứ! Mình vẫn cứ luôn ngờ ngợ như thế! Nhưng trên đời này không mấy khi người ta được đặt vào đúng chỗ của mình. Nói cho đúng ra, mình phải ở trong rào chứ không phải ở ngoài, ít nhất vì một đứa con gái mình đã vượt qua hàng rào và lủng lẳng ở khuy áo một cậu công tử xinh trai".

Hoa gai kể sự kiện ấy cho tất cả các mầm non đâm chồi trên thân hình nở nang và tất cả những nụ hoa trổ trên các cành. Mấy ngày trôi qua, không phải do chuyện của những người qua lại, cũng không phải do tiếng ríu rít của bầy chim, mà do muôn ngàn tiếng vang của tất cả những câu chuyện xảy ra trong nhà vẳng từ cửa sổ, hoa gai được biết rằng cái cậu công tử được cô gái người Écosse gắn tặng đóa hoa đã nhận được cả trái tim lẫn lời hứa hôn của cô. "Chính ta đã chắp mối cho họ, chính ta đã tạo ra cuộc tình duyên ấy". Hoa gai reo lên và kể lại mãi không thôi sự kiện đáng ghi nhớ ấy cho tất cả những bông hoa mới nở trên cành. Hoa gai còn nói thêm:

- Chắc chắn người ta sẽ đem ta vào trồng trong vườn, kể ra ta rất xứng đáng được như vậy. Có thể là người ta sẽ đặt ta một cách trang trọng vào một chậu hoa, ở đấy rễ của ta sẽ được lèn chặt trong thứ phân tốt. Điều ấy là vinh dự lớn nhất cho các loài cây cỏ.

Ngày hôm sau, lão tin tưởng sâu sắc là đặc ân tưới đến như mưa, đến nỗi lão hứa với tất cả những bông hoa của lão rằng người ta cắm chúng vào một cái bình sứ, và mỗi bông có lẽ sẽ trang điểm

cho khuyết áo của một cậu công tử, đó là một vận may hiếm có nhất mà một bông hoa gai dám mơ ước.

Những hy vọng cao xa đó không được mảy may thực hiện, không có bình sứ, đến cả bình đất cũng không có. Chẳng có ai hái hoa trong bụi gai để cài vào khuyết áo. Các bông hoa tiếp tục thở hút không khí và ánh sáng, uống ánh thái dương ban ngày và sương sa ban đêm. Chúng nở ra và chỉ được tiếp đàn ong mật và ong vò vẽ đến hút nhụy.

Cây gai tức giận lêu lên:

- Bớ lũ quỷ đầu trộm đuôi cướp, sao mà ta không xiên được cho chúng bay một nhát gai? Cớ sao chúng bay dám cướp đoạt hương thơm của những đóa hoa dành để trang điểm khuyết áo các cậu công tử!

Dù cho lão có nói hết hơi, tình thế cũng chẳng thay đổi chút nào, cuối cùng các hoa đã phải ngả cái đầu xinh xinh xuống. Chúng phai nhạt, héo tàn đi, nhưng những bông hoa mới lại xuất hiện, mỗi khi một bông hoa mới sinh ra thì ông bố lại nói với chúng: “Con ra đời thật là hợp thời, không thể nở vào lúc nào đúng cơ hội hơn lúc này. Ta mong đợi từng giờ từng phút lúc mà chúng ta sẽ vượt qua hàng rào vào bên trong kia”.

Mấy cây cúc ngây thơ, một loạt cây con con, cao và gầy mọc gần đấy, nghe những câu diễn thuyết ấy đã tin một cách ngờ nghệch. Chúng rất thán phục cây hoa gai, còn hoa gai thì ngược lại, hoàn toàn khinh bỉ chúng.

Chú lừa già vốn hoài nghi cũng không tin chắc vào những lời tuyên bố đầy tin tưởng của cây gai. Dẫu sao, muốn đề phòng phải chuyển đi một cách ngẫu nhiên tới những nơi xa không vươn đến được, chú lại ráng sức vươn tới bụi gai thân yêu. Chú giằng dây buộc cổ một cách vô ích vì dây ngắn quá không làm sao dứt đứt được.

Càng nghĩ đến cành hoa gai vinh hiển được vẽ trên quốc huy xứ Écosse, cây gai lại càng tin rằng đó chính là một trong những ông tổ của mình, gai cho rằng gai thuộc dòng họ trứ danh ấy và sinh ra từ một vị con cháu nào ở tận xứ Écosse tới đây, từ hồi xửa hồi

xưa. Đó là những ý nghĩ cao xa, rất thích hợp với một cây gai lớn như vậy, đã tự mình làm nên hẳn một bụi cây.

Cây tầm ma bên cạnh tán thành hoa gai tợn. Tầm ma nói:

- Thường thường, người ta là con ông cháu cha mà không biết, ngày nào mà chả thấy chuyện ấy. Này như tôi đây, tôi tin chắc rằng tôi cũng không phải loại cây tầm thường. Có phải chính người ta đã dùng tôi để dệt cái thứ nhiễu mịn may quần áo cho các bà hoàng không?

Mùa hè qua, tiếp đó mùa thu cũng trôi qua. Lá cây rụng xuống. Hoa sẫm màu và giảm hương thơm. Chú bé làm vườn vừa nhặt cành khô vừa hát lên:

Ngược xuôi lên thác xuống ghềnh,

Đời là thế đấy, lênh đênh tháng ngày.

Những cây tùng non trong rừng đã bắt đầu nghĩ đến lễ Noel, đến cái ngày tươi đẹp người ta sẽ trang hoàng chúng bằng những băng vải màu, bằng kẹo và những ngọn nến con. Chúng mong đợi cái số phận huy hoàng ấy dù phải trả bằng sinh mệnh của mình.

Cây hoa gai nói:

- Quái! Họ đã làm lễ cưới tám ngày rồi mà ta còn ở đây ư? Chính ta đã làm ra đám cưới ấy mà hình như chẳng ai nghĩ đến ta cả, làm như ta không có trên đời này. Họ bỏ rơi ta. Ta vốn kiêu hãnh nên không thèm bước một bước đi tìm gặp những con người bạc ác ấy, vả chăng có muốn cũng chẳng được vì ta có cựa quậy được đâu. Kiên nhẫn chờ đợi là hơn cả.

Mấy tuần trôi qua. Cây hoa gai đứng trơ ra đấy với bông hoa duy nhất cuối cùng, bông hoa ấy to và đầy đặn, trông gần giống như một hoa rau artichoke, nó trổ ở gần nên rất khỏe. Gió lạnh thổi đến, màu hoa rực rỡ biến đi, bông hoa trở thành một mặt trời bằng bạc.

Một hôm, cặp uyên ương trẻ tuổi nay đã thành vợ chồng, đi dạo chơi trong vườn. Họ tới gần hàng rào và người con gái đẹp xứ Écosse nhìn qua về phía cánh đồng nói:

- Kìa, lại cái cây gai hôm nọ, nhưng không còn hoa nữa.

- Còn chứ, còn một cái, hay ít nhất cũng còn bóng ma của nó.

Anh con trai vừa nói vừa chỉ vào đài hoa đã khô trắng.

Người thiếu phụ lại nói:

- Trông kìa! Nom nó thế này mà lại đẹp cơ đấy. Chúng mình nên đem nó về và cho thợ khắc nó lên khung ảnh của đôi ta.

Chàng trai trẻ lại phải vượt rào lần nữa hái chiếc hoa tàn. Nó lấy gai đâm cho anh ta nên thân vì anh đã chẳng gọi nó là cái bóng ma hay sao? Nhưng anh cũng chẳng cáu với nó, vì người vợ trẻ đã được vừa lòng. Chị ta mang bông hoa về phòng khách. Ở đấy có một bức tranh vẽ đôi vợ chồng trẻ, người chồng có một cái hoa gai cài ở khuyết áo trên ngực. Họ nhắc nhiều đến bông hoa ấy và đến bông kia, bông cuối cùng trắng bóng như bạc mà rồi đây họ sẽ khắc hình vào khung ảnh.

Gió nhẹ nhàng mang tất cả câu chuyện đó đi ca. Cây hoa gai nói:

- Đời là thế đấy! Đứa con gái đầu lòng của tôi đã kiếm được chỗ trên một cái khuyết áo, còn con gái út của tôi được lên khung thiếp vàng. Còn tôi, người ta sẽ cho vào đâu nhỉ?

Chú lừa buộc nơi gần đấy liếc về phía cây hoa gai nói:

- Nếu anh muốn được sướng, thật sung sướng và khỏi rét mướt, xin mời anh vào dạ dày tôi, hỡi hòn ngọc quý của tôi ơi! Hãy lại gần đây, tôi không thể đến với anh vì cái dây phải gió này hơi ngắn.

Hoa gai không trả lời những câu chào mời thô lỗ ấy. Càng ngày hoa gai càng trở nên trầm tư mặc tưởng, rồi nghiền đi ngẫm lại mãi ý nghĩ của mình, cho đến lễ Noel hoa gai mới kết luận được một câu vượt hẳn lên trên cái hoàn cảnh thấp kém của mình, hoa gai tự nhủ:

“Miễn là các con ta được sung sướng, còn ta đây, cha chúng nó, ta cam chịu ở lại ngoài hàng rào, nơi ta sinh trưởng”.

Tia nắng cuối cùng bảo hoa gai:

- Thế nào anh cũng được khen thưởng xứng đáng, ý nghĩ ấy làm vinh dự cho anh đấy!

Cây hoa gai hỏi:

- Liệu người ta có cho tôi vào một chậu hoa hay một khung ảnh không?

- Người ta sẽ cho anh vào một truyện ngắn! - Tia nắng chỉ kịp nói thế trước khi tắt hẳn.

ĐỒNG SHILLING BẠC

I

Ngày xưa có một đồng shilling (đồng hào của nước Anh). Khi ở nhà tiền ra, nó sáng loáng. Nó nhảy lên kêu leng keng: “Ái chà chà, thế là ta đã xông ra thế giới bao la”. Và quả nhiên, nó sẽ chu du rất lắm xứ sở.

Nó qua tay nhiều người, đứa trẻ con thì giứ nó chắc trong bàn tay nóng hổi. Anh keo kiệt bóp chặt nó trong bàn tay lạnh toát. Những người già lật đi lật lại, có giời biết là bao nhiêu lần, trước khi buông tha nó. Thanh niên thì quăng nó ra không cần suy nghĩ.

Đồng hào của chúng ta, bằng bạc đúng tuổi, gần như không pha gì cả. Nó chạy trong thiên hạ có đến một năm nay chưa rời xa cái nước đã đúc ra nó. Sau cùng, có một hôm nó đi du lịch nước ngoài. Chủ nó vô tình mang nó đi. Ông ta chỉ định đem trong túi thứ tiền của nước mà ông ta đi tới. Vì thế cho nên lúc khởi hành, ông ta lấy làm ngạc nhiên khi lại thấy đồng hào lạc lõng ấy. Ông nói:

- Thôi thì cứ giữ lấy nó, sang đến đấy nó sẽ làm cho ta nhớ đến quê hương.

Thế là ông ta thả đồng hào rơi xuống đáy túi tiền. Nó nhảy lên và mừng rỡ kêu leng keng.

Thế là nó ở giữa vô số là bạn nước ngoài - họ chỉ đi đi lại lại thôi. Luôn luôn có những anh mới đến với những hình lạ trên mặt; họ chẳng hề đứng yên. Trái lại đồng shilling của chúng ta không động đậy, vì thế người ta chú ý ngay đến nó; đó là một điều vinh dự.

Nhiều tuần lễ trôi qua: đồng shilling đã đi lắm đường đất trong thế gian nhưng chẳng biết đâu vào với đâu cả. Những đồng tiền mới đến, bọn này bảo nó rằng mình là tiền Pháp, bọn kia cho rằng chúng là tiền Ý. Tiền này đến thì nó biết rằng mình đang ở thành phố này, tiền khác tới thì nó biết là đã tới thành phố khác. Như thế cũng chưa đủ để nó có một quan niệm về cuộc du lịch đang tiến

hành. Nằm trong đáy túi thì chẳng còn nom thấy gì cả, đó là trường hợp đồng shilling của chúng ta.

Một hôm, nó thấy túi tiền thắt không được chặt lắm. Cậu luồn về phía miệng túi để cố xem có nhìn thấy gì không? Tò mò quá đâm ra có hại. Cu cậu rơi ngay ra túi quần. Đến tối khi chủ nó cởi quần áo, ông ta rút túi tiền ra, nhưng để sót lại đồng shilling. Chiếc quần được để buồng ngoài với các quần áo khác để cậu bồi khách sạn chải lại. Đồng shilling rơi ra khỏi túi lăn xuống đất, không ai nghe thấy và cũng chẳng ai trông thấy nó.

Hôm sau, bộ quần áo được mang trả vào phòng. Người du khách mặc vào, rời thành phố, bỏ lại đấy đồng shilling đánh rơi. Có một người bắt được cho vào hầu bao, nghĩ rằng sẽ dùng đến nó.

Đồng shilling nói:

- Thế là mình sắp được giao lưu và nhìn thấy người, những phong tục tập quán khác với nước mình.

Khi sắp được chuyển sang tay người khác, nó nghe thấy nói:

- Đồng tiền gì thế? Tôi không biết loại tiền này. Chắc là một đồng tiền giả, tôi không lấy đâu; nó không có giá trị gì hết!

Đó thực sự là lúc bắt đầu cuộc phiêu lưu của đồng shilling, và ít lâu sau nó kể lại với chúng bạn những gian truân nó đã trải qua như sau:

II

Đồng shilling kể rằng:

“Nó là đồng tiền giả không có giá trị gì hết!” nghe những tiếng ấy, tôi run lên vì tức giận. Dễ thường tôi không biết rằng tôi làm bằng bạc thật, kêu soang soảng, và hình tích tôi chính cống là tiền thật hay sao? Tôi nghĩ rằng họ đã nhầm; hoặc giả không phải họ nói tôi. Nhưng không, chính là họ đang nói về tôi đấy, đúng là họ đổ diệt cho tôi là đồng tiền giả!

“Người đã nhặt được tôi tự nhủ: để đêm tối, thừa lúc chập choạng

mình sẽ đẩy nó đi".

"Quả nhiên anh ta làm đúng như vậy. Đến tối người ta nhận tôi không nói một lời. Nhưng hôm sau người ta bắt đầu mắng nhiếc tôi một cách thậm tệ. Họ bảo: "Đồng tiền giả, liệu mà tống khứ nó đi thôi".

"Tôi run lên trong tay của những người tìm cách lén lút tuồn cho kẻ khác".

"Tôi tự than rằng: "Khốn nạn cho cái thân tôi! Tôi được đúc với những nét rõ ràng và bằng bạc thật làm gì cho phí công! Trên đời này người ta không được đánh giá theo chân giá trị, mà do ý kiến của mọi người về ta thôi. Có lương tâm đầy tội lỗi chắc là ghê tởm lắm thay, bởi vì dù vô tội mà chỉ có vẻ có tội thôi, người ta đã phải chịu khổ đến thế này!".

"Mỗi lần người ta trao cho nhau giữa ban ngày ban mặt là tôi sợ run lên. Tôi nơm nớp chờ cho người ta xem tôi, soi mói từng li từng tí, cân cân nhắc nhắc, quẳng tôi xuống bàn rồi khinh bỉ và nguyền rủa tôi như sản phẩm của dối trá và lừa đảo".

"Cứ như thế tôi rơi vào tay một bà cụ già nghèo khổ. Người ta đem tôi trả công một ngày làm việc vất vả cho bà cụ. Không thể dùng tôi vào cái việc gì được cả, chẳng ai muốn nhận tôi. Đó là một thiệt thòi lớn cho bà cụ. Cụ nói:

- Thành ra ta bắt buộc phải lừa người khác bằng cách tiêu đồng tiền giả này. Ta không muốn thế nhưng ta không có gì và cũng không thể nào ăn tiêu sang như người ta mà giữ một đồng tiền giả. Thôi thì ta sẽ đành trả cho ông hàng bánh. Ông ta giàu có thế, chẳng đến nỗi bị thiệt như bất một người khác đâu. Tuy nhiên mình cứ xử sự như thế cũng là làm một việc xấu.

"Tôi thở dài tự nhủ: Tôi còn khổ sở đến nỗi phải dè bỉu lên lương tâm bà cụ già vô tội này nữa ư? Ôi! Ai đã trông thấy tôi sáng loáng lên trong thời trai trẻ chắc không ngờ đâu ngày nay tôi đã xuống dốc thế này".

"Bà cụ già vào hiệu lão hàng bánh giàu có. Lão này biết quá rõ các loại tiền thông dụng nên không mắc lừa. Hắn ném tôi vào mặt bà

cụ đáng thương, bà xấu hổ ra về, không có bánh ăn. Việc đó đối với tôi là một việc vô cùng nhục nhã. Tôi ngậm ngùi đau khổ, bùi ngùi với số phận một đồng shilling bị khinh bỉ không ai thèm nhặt".

"Tuy nhiên bà cụ tốt bụng lại cầm lấy tôi và cầm về nhà, cụ nhìn tôi bằng đôi mắt khoan dung và nói rằng: "Thôi, ta không lừa lọc ai nữa, ta sẽ đục cho mi một lỗ vào giữa và xỏ vào một sợi dây vải; ta sẽ đeo mi vào cổ con bé con nhà bên cạnh và mi sẽ mang lại hạnh phúc cho nó".

"Bà cụ đục thủng tôi ra như bà cụ đã nói, và đối với tôi việc đó cũng chẳng đem lại một cảm giác sung sướng gì. Dù sao, việc làm có động cơ tốt thì có khổ mấy cũng chịu đựng được. Bà cụ luồn dây vào lỗ. Thế là tôi biến thành một loại dây chuyền và người ta đeo tôi vào cổ em bé; nó vui mừng mỉm cười với tôi và hôn tôi. Ban đêm tôi nằm trên ngực em bé thơ ngây".

"Đến sáng mẹ nó nhón tay cầm lấy tôi và ngắm đi ngắm lại, tôi đoán ra ngay là bà có một ý định riêng về tôi. Bà lấy kéo cắt dây vải và nói: À! Mày là một đồng tiền có khước. Rồi xem!".

"Bà ta ngâm tôi vào dấm. Ôi chao! Tôi phải chịu đựng một trận tắm rửa khốn khổ! Do đó mà tôi ngả sang màu xanh. Bà nhét mát-tít vào lỗ và sẩm tối bà đến người bán vé xổ số mua một vé. Tôi sẵn sàng chờ đón một trận sỉ nhục mới. Người ta sẽ quẳng tôi khinh bỉ trước vô số đồng tiền hãnh diện vì sáng loáng. Nhưng tôi đã thoát được sự sỉ nhục đó. Nhưng người bán vé xổ số đông khách lắm, ông ta không biết ai vào với ai cả, ông ta quẳng tôi vào giữa các đồng tiền khác, và vì tôi phát ra một tiếng kêu bạc thật, nên thế là ổn cả. Tôi không được biết tấm vé xổ số của bà láng giềng có được trúng số độc đắc không, nhưng cái mà tôi rõ nhất là ngày hôm sau tôi lại bị nhận ra là tiền giả và được để riêng để đánh lộn sòng".

"Cuộc du hành khốn khổ của tôi lại bắt đầu. Tôi lăn từ tay người này qua tay người khác, nhà này qua nhà khác, bị thóa mạ và bị mọi người bạc đãi. Không ai tin tôi cả, và cuối cùng tôi đâm ra nghi ngờ cả cái giá trị của bản thân tôi nữa. Trời ơi! Thời gian ấy sao mà cực nhục đến thế!".

“Có một khách du lịch nước ngoài tới. tất nhiên là người ta vội vã trao cho ông đồng tiền giả. Ông ta nhìn không nhìn, cầm lấy. Nhưng khi ông trả tôi cho người khác thì ai cũng kêu lên: “Tiền giả đấy! Nó không có một giá trị nào hết!” Đó là những lời đau đớn mà tôi bị kết tội, phải nghe đến hàng trăm lần”.

“Thế mà họ lại bảo tôi là tiền thật”. Người khách nước ngoài vừa nói vừa chú ý ngắm tôi. Bất chợt, ông nở một nụ cười trên môi. Thật là quái lạ, khác hẳn với cảm tưởng tôi đã thường gây cho mọi người khi nhìn thấy tôi. Ông reo lên: “Ô này! Đây là đồng tiền của nước tôi, một đồng shilling thật thà và hiền lành. Người ta đã chọc thủng nó, người ta đã đối xử với nó như một đồng tiền giả. Tôi sẽ giữ lấy nó và đem về nước”.

“Nghe những lời ấy, tôi vui mừng vô hạn. Đã từ lâu không ai có thái độ tin yêu như thế đối với tôi. Bây giờ đã có người gọi tôi là đồng shilling thật thà và hiền lành, rồi chẳng bao lâu nữa tôi sẽ về quê hương, nơi mọi người sẽ khoản đãi tôi như ngày xưa. Tôi tin rằng trong lúc mừng rỡ như thế tôi sẽ phát ra những tia lửa nếu cái chất làm ra tôi cho phép”.

“Tôi được bọc trong vào lớp giấy lụa, để khỏi lẫn với các đồng tiền khác, và khi người chủ tôi gặp các bạn đồng hương ông đem tôi ra phô với họ. Ai cũng khen tôi và còn cho rằng câu chuyện của tôi thật là lý thú”.

“Cuối cùng tôi về đến Tổ quốc. Tất cả buồn phiền đã hết và tôi lại tìm thấy một niềm vui thích mới trong cuộc sống. Tôi không gặp phải những điều ngang trái, không phải chịu đựng những sự sỉ nhục nữa. Trông tôi có vẻ một đồng tiền giả vì đã bị người ta chọc thủng một lỗ, nhưng điều đó cũng chẳng sao; người ta lập tức tin tôi ngay là bạc thật và đâu đâu người ta cũng nhận tôi một cách vui thích”.

“Điều này chứng tỏ rằng có kiên tâm chờ đợi thì cuối cùng bao giờ vẫn được người ta đánh giá đúng với thực tế của mình”.

Đồng shilling nói để kết luận câu chuyện này:

“Đó chính là lòng tin chắc nịch của tôi!”.

CON TRAI NGƯỜI GÁC CỔNG

I

Quan Đại tướng ở trên gác, người gác cổng ở dưới nhà hầm. Hai gia đình sống rất cách xa nhau, trước hết là tầng dưới nhà ngăn biệt họ, sau nữa là do sự khác nhau về đẳng cấp. Nhưng họ cùng sống dưới một mái nhà, cả hai tầng nhà cùng trông ra một phố và nhìn ra một sân.

Trong sân có một bãi cỏ, ở giữa bãi cỏ có một cây dạ hợp ra hoa vì lúc ấy đang mùa dạ hợp nở. Thỉnh thoảng chị vú em ăn vận đỏm dáng quá mức đến mức đến bên gốc cây, tay ẵm đứa con gái quan Đại tướng, cô bé Emily, ăn vận còn đỏm dáng gấp mấy lần chị vú nữa kia. Trước mặt cô, cậu con trai người gác cổng, chân đất đang nhảy múa. Chú có đôi mắt to, đen và bộ tóc hung hung đỏ. Cô bé mỉm cười và giơ đôi bàn tay xinh xinh về phía chú. Khi quan Đại tướng đứng trên cửa sổ nhìn thấy cảnh tượng ấy ngài gật đầu mà rằng: “Thật là tuyệt!”.

Đại tướng phu nhân, trẻ đến nỗi người ta có thể tưởng nhầm là con gái của đức ông chồng, không bao giờ thèm nhìn qua cửa sổ xuống sân.

Bà đã ra lệnh rằng thằng cu, con cái nhà ở dưới hầm, rất có thể được chơi đùa trước mặt cô chiêu để mua vui cho cô, nhưng không được chạm tới người cô bé. Chị vú em rất trung thành với mệnh lệnh bà chủ. Nắng soi vào nhà những người ở dưới hầm, cũng soi vào nhà những kẻ ở trên gác. Hoa dạ hợp theo từng mùa nở rồi lại rụng. Năm sau cũng lại thế. Chú bé con người gác cổng bụ bẫm, cái đầu đáng yêu với đôi má hồng giống như một bông hoa huệ to đang nở. Cô con gái quan Đại tướng thì thanh tao và xinh xắn, da trắng hồng trông như hoa dạ hợp. Cô rất ít khi đến dưới gốc cây. Cô thường đi xe ngựa ra ngoài hóng mát với mẹ. Khi đi và khi về bao giờ cô cũng gật đầu với con trai người gác cổng tên là George: ừ, mà cô lại còn lấy tay ra hiệu gửi cho chú những cái hôn, cho đến khi mẹ cô bảo rằng bây giờ lớn rồi, làm như thế không hợp nữa.

Một buổi sáng, George phải mang theo cho quan Đại tướng báo chí, thư từ gửi đến nhà từ lúc sớm. Khi leo lên cầu thang, đi ngang trước cái ngăn chứa cát (Ở bên Đan Mạch cầu thang và sàn gác không đánh xi. Người ta chỉ lau, rửa sạch và rắc cát (Chú thích trong bản Pháp văn)) chú nghe thấy bên trong phát ra tiếng chiêm chiếp. Chú tưởng đây là một tiếng kêu của một con gà bị lạc vào đây. Nhưng hóa ra con gái quan Đại tướng, cô Emily mặc toàn bằng sa mỏng và đăng ten.

Cô thì thầm:

- Đừng nói gì với ba má nhé, chẳng có ba má lại giận đấy!

George hỏi:

- Nhưng cái gì thế mới được chứ?

Cô trả lời:

- Cháy cả rồi, bốc lửa tất cả rồi!

George nhảy phắt lên thang và vào nhà quan Đại tướng. Chú mở cửa buồng cô bé. Nhưng bức rèm đã gần thành tro, còn những cây suốt bằng sắt thì đỏ rực. George trèo lên một cái ghế, giật tất cả những thứ đang cháy và kêu cứu. Không có chú thì cả căn nhà đã làm mồi cho thần lửa.

Quan Đại tướng và phu nhân đem cô bé Emily ra tra hỏi ngọn ngành. Cô nói:

- Con đã đánh một cái diêm, có mỗi một cái thôi. Nó bùng lên và cái rèm cũng bùng lên nốt. Con nhổ nước bọt, cố hết sức nhổ để dập tắt. Khi hết nước bọt, con chạy đi trốn, sợ ba má giận.

Đại tướng phu nhân nói:

- Nhổ! Con nói cái tiếng gì thế? Có bao giờ con thấy ba má nói tiếng đó không? Chắc con lại học được của cái bọn dưới nhà hẳn?

Dẫu sao George cũng được một hào tiền thưởng công. Chú không đi mua bánh ngọt mà bỏ vào ống tiền để dành. Chẳng bao lâu chú đã có đủ tiền mua một hộp bút chì màu để tô tranh vẽ của chú cho

rực rỡ, vì George hay vẽ lắm. Nom những ngón tay nhỏ nhắn của chú sai khiến cái bút chì thật là tuyệt khéo. Chú đem tặng những bức tranh màu đầu tiên cho Emily, quan Đại tướng khen: “Thật là tuyệt!”. Ngay Đại tướng phu nhân cũng phải đồng ý là mọi người đều nhận ra rất rõ những cái mà chú bé muốn diễn tả. “Thằng bé có thiên tài đấy!”. Đó là những lời mà bà gác cổng nghe thấy và chạy xuống hầm kể lại.

Quan Đại tướng và phu nhân đều là những người quyền quý. Các ngài đã cho sơn lại hai bên xe ngựa mỗi bên một tấm gia huy của riêng mình. Phu nhân còn cho thêu lên từng chiếc áo quần hình hai chiếc gia huy đó, một chiếc vào mặt phải, một chiếc vào mặt trái, thêu vào những túi đựng đồ đi du lịch và cả mũ trùm đầu đi ngủ. Gia huy nhà phu nhân là do cụ thân sinh mua rất đắt, mất vô khối là tiền mặt, trả bằng đồng “denier” (một loại tiền cổ 12 đồng mới ăn 1 xu) đếm mỏi cả tay. Khi mới sinh ra cả cụ thân sinh lẫn phu nhân đều không phải là dòng dõi quyền quý; phu nhân đã ra đời trước tấm gia huy bảy năm. Hầu hết mọi người đều nhớ tới chuyện ấy, nhưng phu nhân thì không mảy may nhớ đến.

Gia huy của quan Đại tướng thì cổ kính và rắc rối. Đeo cái loại gia huy ấy phải đứng ưỡn người ra, xương kêu răng rắc. Không biết có thêm những chiếc khác nữa thì làm thế nào? Bởi thế cho nên người ta nghe thấy xương Đại tướng phu nhân kêu lên răng rắc mỗi khi bà ấy thẳng đừ trong bộ quần áo diện nhất, leo lên xe để vào triều dự hội khiêu vũ.

Quan Đại tướng đã già, tóc đã bạc. Nhưng khi cưỡi ngựa thì trông ngài cũng ra vẻ lắm. Ngài biết thế lắm nên ngày nào ngài cũng đi ngựa: một chú lính hầu theo sau ngài một quãng rõ đúng kiểu cách. Khi ngài tiến vào phòng khách, người ta vẫn tưởng như ngài vẫn còn chót vót trên lưng con ngựa cao lớn của ngài. Còn mề đay thì ngài có nhiều vô kể, chẳng chịt nặng trĩu cả người. Nhưng cái đó thực ra không phải lỗi tại ngài. Ngài vào quân đội từ ngày còn trẻ măng. Ngài vẫn thường dự những cuộc hành quân tập trận nhỏ mà quân đội vẫn tiến hành vào mùa thu trong thời bình. Về vấn đề ấy ngài thường kể một giai thoại, và ngài cũng chỉ biết có mỗi chuyện ấy thôi.

Một hôm, một sĩ quan dưới quyền ngài cắt đứt đường rút lui của một ông hoàng và bắt được Đức ông cùng với cả đoàn tùy tùng

làm tù binh. Ông hoàng và đoàn tùy tùng theo hầu, với tư cách là tù binh, phải đi ngang qua thành phố, theo sau vị tướng thắng trận. Đó là một sự kiện đáng ghi nhớ mà quan Đại tướng năm nào cũng kể đi kể lại. Ngài kể lại một cách trung thành những lời mà ngài đã nói khi trao trả lại cho ông hoàng thanh kiếm: "Chỉ có một hạ sĩ quan mới bắt được Đức ngài làm tù binh; tôi thì chẳng bao giờ có thể làm thế được". Ông hoàng đã trả lời ngài: "Ông thật là người có một không hai".

Quan Đại tướng chưa hề ra trận thật bao giờ. Có lần nổ ra chiến tranh thì ngài lại được cử đi làm sứ thần sang ba triều đình. Ngài nói tiếng Pháp rất thạo, đến nỗi gần quên cả tiếng mẹ đẻ. Hơn nữa, ngài khiêu vũ rất thạo. Bởi thế cho nên mề đay mọc trên ngực ngài như cỏ mọc ngoài đồng. Lính gác bồng súng chào ngài. Một trong những cô gái trẻ đẹp nhất xã hội Đan Mạch cũng kính phục ngài và trở thành Đại tướng phu nhân. Họ sinh được một cô con gái tuyệt mỹ; cô bé xinh đẹp đến nỗi người ta bảo rằng con giời cho. Đó là cô Emily của chúng ta. Thoạt đầu con trai bác gác cổng nhảy múa ngoài sân trước mặt cô để mua vui cho cô; rồi về sau lại cho cô những tấm tranh tự tay chú vẽ và tô màu. Cô bé Emily xem tranh, lấy làm vui thích tợn, nhưng rồi xé luôn. Thế nhưng cô vẫn ngoan làm sao!

Đại tướng phu nhân bảo:

- Cánh hồng của ta ơi, con sinh ra để sánh vai với một ông hoàng.

Ông hoàng chẳng phải đâu xa: ở ngay trước cửa ấy. Nhưng cũng chẳng ai biết gì cả, người ta chẳng bao giờ nhìn xa quá ngưỡng cửa. Một hôm bác gác cổng gái nói với chồng rằng:

- Hôm kia con giai chúng mình đã chia nhau với tiểu thư cái bánh ngọt của nó: bánh chẳng có nhân thịt mà cũng chẳng có pho-mát; nhưng cô bé thì lại cho là rất ngon, cứ như ba-tê ấy. Nếu Đại tướng hoặc phu nhân mà trông thấy bữa ăn thì lại lắm chuyện! Nhưng ngài chẳng chẳng biết gì cả.

George đã chia xẻ tấm bánh của mình cho cô bé Emily. Chú cũng sẵn lòng chia sẻ trái tim cho cô nếu điều đó có thể làm cho cô vui thích. Chú thường theo học lớp vẽ buổi tối. Cô bé Emily cũng đi học, cô nói tiếng Pháp với vú em và đã bắt đầu học nhạc.

II

Bác gác cổng nói với chồng:

- Thế là thằng George sắp sửa phải chịu lễ ban thánh thể vào lễ Phục sinh này rồi.

Ông lão nói:

- Tốt hơn hết là cho nó đi học. Phải chọn cho nó một nghề nghiệp chắc chắn. Như thế thì nhà này sẽ vắng nó.

Bà lão trả lời:

- Bao giờ mà nó chẳng ngủ ở nhà. Có chủ nào lại cho thợ học việc ngủ trong nhà bao giờ. Chúng mình vẫn phải may mặc cho nó. Thế thì thà giữ nó ở nhà còn hơn. Chúng ta cũng có thể bòn đủ nuôi miệng nó: vài củ khoai, thế là nó bằng lòng rồi. Nó đi học vẽ không mất tiền. Thầy giáo nó đã chẳng bảo: "Cứ để cho nó theo đuổi", rồi sau này nó sẽ làm cho chúng ta sung sướng hay sao?

Quần áo mặc ngày lễ ban thánh thể đã may xong. Mẹ George đã tự tay khâu lấy. Bác thợ may hàng xóm, vốn là một người khéo tay, đã cắt hộ. Bác gác cổng gái bảo:

- Nếu ông ta có thể có một cửa hàng lớn với đủ thợ học việc ở một phố lớn thì ông ta sẽ trở thành thợ may của nhà vua.

Quần áo đã may xong và George cũng đã sẵn sàng. Đến ngày đại lễ, chú được ông bố đỡ đầu là một người làm công già ở hiệu buôn sắt tặng cho một chiếc đồng hồ quả quýt to bằng bạc cũ kỹ và đã qua tay nhiều người. Nó vẫn chạy nhanh nhưng như thế còn hơn chạy chậm. Đó là một món quà rất quý.

Cô tiểu thư bé nhỏ mà George vẫn tặng tranh gửi cho chú một tập Thánh Vịnh (những bài thơ trong kinh thánh có kèm theo điệu hát) bọc da. Trên đầu quyển sách có ghi tên George và Emily với những chữ: "Người bảo hộ thân ái của anh". Câu đó do Đại tướng phu nhân đã đọc cho cô bé viết từng chữ. Quan Đại tướng đã xem và bảo: "Thật là tuyệt".

Bác gác cổng nói:

- Thật là một biểu hiện hào hiệp của những con người dõng dõi quyền quý.

George phải mặc quần áo đẹp, cầm quyển thánh thi lên gác để trình diện và tạ ơn.

Đại tướng phu nhân quấn khăn san và áo choàng ngồi trên ghế xô pha. Ngài đang bị một cơn rức đầu ghê gớm, thường hay mặc vào những lúc buồn phiền. Ngài cố giữ vẻ không dịu dàng lắm đối với George, chúc chú mọi sự may mắn, nhất là không bao giờ mắc chứng rức đầu.

Quan Đại tướng đang đi dạo trong bộ áo ngủ, đầu chùm chiếc mũ có ngù lớn. Ngài đi một đôi ủng Nga có sọc đỏ. Chìm đắm trong sự suy nghĩ hoặc trong hồi ức của mình, ngài đi đi lại lại bảo: "Thế là thằng bé George được nhận vào hàng ngũ con chiên! Hãy trở nên một người lương thiện và phải tôn trọng Nhà nước. Làm đúng lời răn thì mày sẽ khá và về già mày có thể tự nhủ rằng chính là quan Đại tướng đã dạy mày như thế"

Nói liền một mạch như vậy là quá nhiều so với thói quen của quan Đại tướng. Bởi thế cho nên ngài lập tức trở lại trầm tư mặc tưởng; ngài có một vẻ nghiêm nghị rất thích hợp với con người của ngài. Nhưng trong tất cả những cái mà George nghe thấy và trông thấy hôm ấy, trên gác, chỉ có hình ảnh cô bé Emily là khắc sâu vào trí nhớ của chú, không thể nào phai nhạt được, hơn tất cả mọi cái khác. Dịu dàng, thanh tao và đáng yêu, trông cô như một con chim non đang bay nhảy. "Có lẽ phải vẽ cô ta lên một cái bong bóng xà phòng". George tự nhủ khi nghĩ đến cái vật trong trong lơ lửng ấy. Những búp tóc to vàng óng của cô tỏa ra một hương thơm như hoa hồng mới nở. Chính với nàng tiên ấy, con người thần tiên ấy, năm nào chú đã cùng chia sẻ tấm bánh ngọt và cô bé đã ăn phần của mình một cách ngon lành, cứ mỗi miếng lại gật đầu với chú, tỏ vẻ hài lòng. Không biết cô có còn nhớ đến chuyện ấy hay không? Chắc là có và chính cô đã tặng chú quyển thánh thi đẹp đẽ này để cảm ơn chú.

Sau chuyện trên đây, đến tuần trăng đầu tiên năm đầu tiên chú ra giữa đồng, trong túi để một mẩu bánh, cầm quyển thánh thi mở ra

bói một quẻ hậu vận ra làm sao. Vì người ta thường làm như thế và tin rằng những lời phân định của thánh không khi nào sai cả.

Chú mở quyển sách, bói đúng vào một đoạn thơ nói về sự tạ ơn, tiên đoán cho chú một hậu vận sung sướng. Chú mở ra lần thứ hai để xem bói số phận cô bé ra sao. Chú hết sức chú ý để đừng mở sách đúng vào đoạn nói về sự chết; nhưng chú mở toàn trang nói về chết chóc và mồ mả. George kêu lên để tự làm yên lòng: "Đó chỉ là những điều dị đoan". Nhưng chú mới lo sợ làm sao khi ít lâu sau cô bé đáng yêu ốm liệt giường và xe của thầy thuốc ngày nào cũng đến đỗ trước cửa!

Bác gác cổng gái nói:

- Họ chả giữ được cô bé đâu. Ông Giời chí nhân rất sáng suốt khi định bắt ai về chầu.

Thế nhưng họ vẫn giữ được và cô bé thoát khỏi những sự đe dọa của lời bói toán. Khi cô đang an dưỡng, George vẽ tranh và gửi cho cô mua vui. Một hôm chú về lâu đài của Sa Hoàng, điện Kremlin cổ kính, với những ngọn tháp nóc tròn, trông như những quả bí khổng lồ vàng rực rỡ dưới ánh mặt trời. Ít ra chúng cũng giống như thế trong bức tranh của George. Cô bé Emily xem thích lắm. Thế là George lại vẽ cho cô một loạt tranh mới, toàn nhà là nhà, vì chú nghĩ rằng cô bé sẽ vui chơi tưởng tượng đến vô số những vật xinh đẹp có thể có ở đằng sau những cửa lớn và cửa sổ trong tranh.

Chú vẽ một ngôi chùa Trung Quốc có mười sáu tầng, tầng nào cũng có chuông. Chú vẽ hai ngôi đền Hy Lạp, có cột đá cẩm thạch thanh nhã, tứ phía đều có bậc thang. Chú lại vẽ một nhà thờ Na Uy mà nhìn tranh cũng thấy rõ là làm bằng gỗ, tất cả đều được chạm trổ với một nghệ thuật lạ kì.

Nhưng cái tranh đẹp nhất là cái mà chú gọi là lâu đài của cô Emily, vì chú cho rằng cô phải được sống trong một ngôi nhà như thế. Chính chú nghĩ ra kiểu tòa nhà. Chú đã tập hợp vào đây tất cả những gì chú cho là đẹp nhất trong các lâu đài kia. Trong đó có những chiếc dầm chạm trổ như ở nhà thờ Na Uy; có những cột đá cẩm thạch như ở đền đài Hy Lạp; rồi tầng lầu nào cũng có chuông như ở những ngôi chùa ở Trung Quốc; cuối cùng trên mái có chụp

những vòm óng ánh vàng như mái điện Kremlin của các Sa hoàng. Đó thật là một lâu đài trong những chuyện thần tiên.

Dưới từng cửa sổ George đã ghi rõ buồng ấy, phòng ấy dùng làm gì. Ví dụ: "Đây, Emily ngủ; chỗ này cô học nhảy; đây, cô chơi; chỗ này tiếp khách…

Nhìn vào tòa lâu đài ấy thật thích thú nên mọi người ngắm mãi không chán.

Quan Đại tướng khen:

- Thật là tuyệt!

Vị bá tước già, vì lúc ấy cũng có một vị bá tước già dòng dõi còn quý hơn cả quan Đại tướng, cũng có một tòa lâu đài; vị bá tước già ấy không nói gì cả. Ngài được nghe kể rằng tòa lâu đài ấy do một chú bé con trai người gác cổng tưởng tượng mà vẽ ra. Chú ta còn bé, bé lắm; nhưng không, nói thế khi quá vì chú đã được làm lễ ban thánh thể rồi. Vị bá tước già sau khi xem những bức tranh ấy, đã có chủ định nhưng còn giữ kín.

Đúng vào một buổi sáng giời xấu, xám xịt và ẩm ướt, thì ngày đẹp đẽ nhất, ngày sáng lạn nhất của George bắt đầu. Giáo sư viện Hàn Lâm gọi chú và bảo:

- Cậu bạn bé nhỏ của ta ơi, hãy nghe ta bảo! Thượng Đế đã sinh phúc phú cho cậu có tài lại còn run rủi cho cậu gặp những người nhân đức. Vị bá tước già ở góc phố gần đây đã nói với ta về cậu. Ta đã xem tranh cậu vẽ, chúng mình không cần bàn luận dài dòng; có nhiều chỗ cần phải sửa lắm. Nhưng, ngay từ ngày hôm nay trở đi, cậu có thể đến ta học vẽ mỗi tuần hai lần để lần sau cậu có thể vẽ khá hơn. Ta nghĩ rằng cậu thiên về kiến trúc hơn là hội họa. Rồi ra cậu cũng không còn đủ thì giờ suy nghĩ và lựa chọn. Bây giờ thì hãy đến gặp vị bá tước già để cảm ơn. Thượng Đế đã run rủi cho cậu gặp được ông ta trên đường đời.

Tòa nhà của vị bá tước ở góc phố đằng kia thật là to và đẹp. Xung quanh cửa sổ có chạm trổ hình voi, lạc đà, kì lân, tác phẩm của thời kì thời cổ. Tuy nhiên vị bá tước thích tất cả những tác phẩm đương thời, mặc dù người sáng tạo ra chúng là người ở trên gác, ở

dưới hầm hay ở dưới mái nhà.

Bác gác cổng nói:

- Tôi cho rằng những con người dòng dõi càng cao quý bao nhiêu thì càng ít kiêu kì bấy nhiêu. Hãy xem cụ bá tước già đấy, sao mà cụ ấy giản dị và hòa nhã thế! Cụ ấy nói chuyện cứ như ông và tôi vậy. Quan Đại tướng và ngay cả phu nhân cũng không được như thế. Vì thế cho nên hôm qua thằng George mừng quýnh lên về sự tiếp đãi của cụ bá tước. Hôm nay vừa gặp được cụ lớn, tôi cũng thấy như thể. Cũng may mà chúng mình không gửi thằng George đi học thợ. Cụ bá tước đã bảo tôi là nó có năng khiếu đấy.

Ông bố nói:

- Đúng đấy, nhưng phải có người giúp thì nó mới làm nên được.

Bà mẹ đáp:

- Người ta sẽ giúp, cụ bá tước đã hứa chắc chắn với tôi như thế.

Ông bố bảo:

- Chắc có lẽ cũng có lời của quan Đại tướng. Chúng mình phải sang cảm ơn ngài mới được.

Bác gác cổng lại nói:

- Ừ mà phải đấy. Nhưng dẫu sao tôi cũng không hề tin rằng nhờ ông ấy mà chúng mình có diễm phúc này. Tôi cũng sẽ cảm ơn Thượng Đế và cầu nguyện cho cô bé Emily chóng mình phục.

Quả nhiên cô bé Emily đã khỏi hẳn. Cô lớn lên và đẹp ra và về phía mình, George cũng tiến bộ rất nhanh. Tại viện Hàn lâm, chú giành được huy chương bạc, rồi huy chương vàng.

III

Bác gác cổng gái vừa nói vừa khóc:

- Dẫu sao cho nó đi học nghề còn hơn. Có thế thì mới giữ nó được

ở nhà. Nó đi Rome (thủ đô nước Ý) làm gì chả được? Tôi sẽ không bao giờ được gặp nó nữa, thằng bé thân yêu ấy, ngay cả khi nó trở về đây. Nhưng chắc nó chả muốn rời bỏ cái xứ mà người ta khen là đẹp đấy.

Ông bố nói:

- Đó là vì hạnh phúc của nó, nó đi như thế có lợi cho sự nghiệp của nó hơn, bà ạ!

Bà mẹ đáp:

- Ông an ủi tôi, tôi xin cảm ơn, nhưng bản thân ông cũng buồn chẳng kém gì tôi, ông ạ!

Thực ra cả hai vợ chồng ông đều rất buồn, vì đứa con trai sắp đi xa, dù rằng tất cả mọi người xung quanh đều bảo họ rằng thằng bé được như vậy là rất sung sướng và vinh dự. George từ biệt cha mẹ và cũng sang chào cả gia đình quan Đại tướng. Phu nhân không ra vì đang bị rức đầu ghê gớm. Còn quan Đại tướng vớ được dịp tốt, bèn kể ngay giai thoại độc nhất của mình, kể những lời ngài đã nói với ông hoàng và ông hoàng đã trả lời: “Ông thật là người có một không hai”. Đến đây ngài chìa cho George bàn tay mềm nhũn và như không có sinh khí. Emily cũng chìa bàn tay bé nhỏ cho George nom. Cô có vẻ hơi buồn nhưng chính George thì cảm thấy đau khổ thực sự.

Khi người ta làm việc thì thời gian trôi đi nhanh chóng. Ai cũng có thời gian như nhau, nhưng không phải ai cũng sử dụng thời gian tốt như nhau, mà cũng ai lợi dụng được thời gian như nhau cả. Cũng vì George lợi dụng thì giờ được nhiều nên chú thấy nó trôi qua nhanh chóng, trừ những lúc chú tưởng nhớ đến quê hương. Chú tự hỏi: “Chẳng biết những người ở nhà ra sao rồi, kể người nhà dưới lẫn người nhà trên”.

Chú nhận được nhiều lá thư và trong thư thì có nhiều chuyện lắm, có những tin như ánh nắng nồng nàn, sưởi ấm lòng ta, lại có những tin dìm ta vào bóng đêm dày đặc nhất. Những tin này nằm trong lá thư báo cho George biết là cha chú đã mất, còn hiện mẹ chú đang ở góa một mình. Trong thư còn nói thêm: Emily giống như một nàng tiên thường hay xuống bên người thiếu phụ đáng

thương để an ủi và cô đã hết sức can thiệp đến nỗi người ta phải giao cho bà nhiệm vụ gác cổng.

IV

Đại tướng phu nhân có một quyển nhật kí trong đó bà thường ghi những buổi hội họp, những buổi khiêu vũ mà bà đã đến dự, cả tên những khách đã đến thăm bà. Cuốn nhật kí quý giá ấy được minh họa bằng những tấm danh thiếp của các nhà ngoại giao và các vị tai to mặt lớn khác. Phu nhân lấy làm tự hào rằng cuốn nhật kí của mình ngày càng dày cộm mãi lên. Đó là niềm an ủi của ngài trong những cơn nhức đầu ghê gớm hay ngài mệt rũ ra sau một đêm khiêu vũ trong triều.

Đến ngày đầu tiên Emily đi dự khiêu vũ trong cung. Tối hôm ấy Đại tướng phu nhân mặc quần áo màu đỏ nhạt viền đăng ten màu đen, theo kiểu Tây Ban Nha, tiểu thư bận đồ trắng, hàng tuyn và sa mỏng nhẹ như mây. Trông nàng như là hiện thân của sự kiều diễm. Những dải lụa xanh như những cây lau mềm mại lẫn vào những búp tóc vàng của nàng, trên đó quấn một vòng hoa khê tôn màu trắng. Với cặp mắt sáng ngời tuổi xuân và cái miệng hồng xinh xinh, nàng giống như một tiên nữ trẻ đẹp nhất trong trí tưởng tượng của mọi người. Ba ông hoàng khiêu vũ với nàng, tất nhiên là phải lần lượt. Trong tám ngày liền, Đại tướng phu nhân không bị nhức đầu. Tiếp sáu cuộc khiêu vũ đầu tiên ấy là nhiều cuộc khác, nhiều đến nỗi ảnh hưởng đến sức khỏe của Emily; vừa may mùa hạ tới, nhờ đó nàng được nghỉ ngơi và hưởng không khí trong lành nơi thôn dã. Cả gia đình quan Đại tướng đi nghỉ mát một thời gian dài tại lâu đài vị bá tước già. Nơi đó có một khu vườn đáng chú ý, theo kiểu cổ; hai bên lối đi, có hàng rào sửa sang, thẳng tắp bằng kéo thành hình trên những bức tường, đây đó là những lỗ trông như những cửa sổ tròn. Có những cây hoàng dương và thủy tùng cắt thành hình ngôi sao hay hình kim tự tháp. Nhiều tia nước phun ra từ những miệng hang dát đầy vỏ hầu vỏ hến. Tứ phía là những pho tượng có nét mặt đầy đặn xinh đẹp, quần áo sang trọng tạc bằng một loại đá cẩm thạch hiếm có. Tất cả các luống hoa đều có hình các gia huy hoặc các chữ cái đầu tiên. Đó là phần vườn sắp đặt theo kiểu Pháp. Tiếp đó là một nhóm rừng nhỏ xanh mát; những cây to và khỏe thả sức mọc. Rồi đến những đám cỏ dày, những bồn cỏ đi trên cứ như bước trên thảm. Đó là phần vườn xếp

đặt theo kiểu Anh. Vị bá tước nói:

- Thưa các ngài, đây là thời cổ và thời kim cũng có mặt, đây ít ra cả hai thời cùng hòa hợp và làm tôn giá trị của nhau lên. Trong hai năm nữa, sẽ đến lượt tòa lâu đài biến đổi. Tôi sẽ trình bày đồ án với các ngài và cũng sẽ giới thiệu ông kiến trúc sư với các ngài. Ông ta sẽ dự bữa cơm tối với chúng ta.

Quan Đại tướng nói:

- Thật là tuyệt!

Đại tướng phu nhân lại nói:

- Tòa dinh thự này thật là chốn thiên đường. Đằng kia ngài lại có cả một vọng lâu đài thời cổ.

Bá tước nói:

- Tôi đã dùng nó làm nơi nuôi gà vịt, mà cũng chỉ có dùng vào việc ấy được thôi. Chim sơn ca làm tổ trên các ngọn tháp, gà tây ở trong buồng gác lớn thứ nhất, còn tầng dưới thì do mụ Elsie trị vì. Chính mụ cai quản đám gà mái ở phía bên phải và đám gà giò bên trái. Ở đấy đàn vịt cũng được một chỗ có lối thông ra ao.

Quan Đại tướng nhắc lại:

- Thật là tuyệt!

Họ lại tiếp tục đi thăm cái đám dân cư thú vị ấy. Bà lão Elsie đang đứng chỉ huy. Bên cạnh là George, nhà kiến trúc sư. Từ bao lâu nay, đây là lần đầu tiên anh và Emily gặp nhau; họ lại trông thấy nhau trong cái vọng lâu này bây giờ chỉ là chỗ nuôi gà vịt.

Anh đứng đấy và quả thật là một đấng tu mi nam tử với khuôn mặt cởi mở, kiên nghị, với bộ tóc đen bóng. Anh đang để cho người ta ngắm nghía. Trên môi anh nở một nụ cười tự hào như bảo rằng: “Đằng sau tai này này, tôi có một bộ óc tinh khôn thấu hiểu tâm can các ngài”.

Bà lão Elsie đã tụt guốc ra để tỏ lòng tôn kính các vị khách quý phái. Bà chỉ đi bít tất thôi và cho như thế là nhã. Gà mái kêu cúc

cúc, gà trống gáy cúc cù cu. Lũ vịt lạch bạch vừa lảng ra vừa kêu cạc cạc.

Còn thái độ người thiếu nữ kiều diễm tình cờ gặp lại người bạn thuở nhỏ ra sao? Đôi má ửng đỏ hẳn lên. Đôi mắt to của nàng mở rộng hơn. Đôi môi động đậy, nhưng chẳng nói được một lời. Thật là một sự hậu đãi đối với một chàng trai trẻ khi thấy một thiếu nữ không phải là họ hàng và cũng chưa khiêu vũ bao giờ mà lại đối xử với mình như vậy.

Bá tước cầm tay chàng thanh niên và giới thiệu với khách. Ông nói:

- Đây chẳng phải người xa lạ với các ngài, chính là anh bạn trẻ George của chúng ta.

Đại tướng phu nhân nghiêng mình với một vẻ hào hiệp của người bề trên. Emily suýt nữa thì chìa tay cho George nhưng lại thôi. Đại tướng bảo:

- Đúng là ngài George trẻ tuổi của chúng ta! Thế ra chúng ta là những người cố tri cả! Thật là tuyệt!

Đại tướng phu nhân nói:

- Chắc anh gần thành người Ý và nói tiếng Ý như người sinh ra ở La Mã đấy nhỉ?

Đại tướng ngắt lời:

- Phu nhân ta không nói được nhưng hát được tiếng Ý đấy.

Một lát sau, George được ngồi vào bàn ăn phía bên phải Emily. Anh nói, kể chuyện và kể rất hay. Anh tả một vài thứ tuyệt diệu mà anh đã được xem. Trong bữa ăn, với sự giúp đỡ của vị bá tước già anh đã mang sự hiểu biết của mình làm náo nhiệt cả bữa tiệc. Emily im lặng, nàng vui lòng ngồi nghe, nhưng đôi mắt sáng long lanh hơn cả kim cương.

Dưới hàng hiên nàng và George đứng cạnh nhau giữa đám hoa. Họ dạo chơi theo dọc một dãy cây hồng.

George nói:

- Tôi hết sức cám ơn cả về lòng hảo tâm của cô đối với bà mẹ già của tôi. Tôi biết là cô đã ở bên bà mẹ tôi cái đêm cha tôi chết và cô chỉ rời đi sau khi cha tôi đã vĩnh viễn nhắm mắt. Một lần nữa, xin cám ơn cô nhiều lắm.

Gặp cơ hội thuận tiện, anh cầm tay người thiếu nữ và trân trọng đặt lên một chiếc hôn.

Emily đỏ bừng mặt, xiết chặt tay anh, nhìn anh bằng đôi mắt xanh thẳm, xinh đẹp và nói:

- Mẹ anh có một tâm hồn rất đáng quý. Bà yêu quý con trai biết bao! Tất cả những lá thư của anh bà đều nhờ tôi đọc cho bà nghe. Do đó tôi vẫn biết tin anh. Vả lại, khi tôi còn bé anh đã chẳng đối xử rất tốt với tôi hay sao? Anh đã cho tôi nhiều tranh vẽ...

- Mà cô đã xé đi. - George nói

- Bức tranh anh vẽ tòa lâu đài của tôi thì không.

- Chính giờ đây là lúc mà tôi muốn xây nó lên.

Anh nói với vẻ nồng nhiệt làm cho người ta có thể đoán rằng anh có đủ tài và sức để xây được một tòa lâu đài tuyệt diệu biết dường nào cho người thiếu nữ.

Lúc đó trong phòng khách Đại tướng và phu nhân bàn tán với nhau về con trai người gác cổng của họ. Họ nhận xét với nhau rằng sao mà anh ta khéo học được cách cư xử đúng kiểu một người lịch sự như thế, sao mà anh ta ăn nói có duyên thế và những điều anh ta nói thú vị biết dường nào! Đại tướng phu nhân kết luận:

- Thật là một người trí thức.

Trong những ngày đẹp trời mùa hạ, ông George, giờ người ta gọi anh ta như thế, luôn luôn đến lâu đài bá tước. Khi người ta đợi mà anh không đến mọi người cảm thấy thiếu niềm vui anh vẫn thường mang tới khi anh đến chơi. Một hôm Emily bảo anh:

- Thượng Đế đã phú cho anh biết bao nhiêu tài hơn người khác.

Anh có nhớ ơn người không?

Lúc ấy George cảm thấy vẻ vang và sung sướng hơn cả cái hôm được nhận huy chương vàng.

Hạ qua, đông tới, người ta tiếp tục bàn tán về George. Anh rất được coi trọng trong xã hội. Người ta sẵn lòng nhận anh vào những câu lạc bộ cao quý nhất. Quan Đại tướng cũng đã gặp anh một lần tại một cuộc khiêu vũ trong cung.

Đại tướng phu nhân mở một ngày hội mừng cô Emily. Ngài hỏi phu quân:

- Mời ông George liệu có giảm giá trị chúng mình đi không?

- Người mà nhà vua khoản đãi thì Đại tướng rất có thể đón tiếp được lắm chứ! - Ông ta vừa trả lời vừa xoay người một vòng rất duyên dáng.

Thế là ông George nhận được giấy mời và đến dự hội. Công hầu bá tước đều có mặt. Người này nhảy khéo hơn người kia một ít, nhưng đây chỉ là điều khác nhau duy nhất giữa khách khứa với nhau mà thôi. Emily chỉ nhảy một điệu bốn người đầu tiên mà thôi. Nàng trượt chân một cái, chẳng có gì là nguy hiểm; nhưng vì nàng cảm thấy hơi đau đầu, nên cẩn tắc vô ưu, nàng thôi không nhảy nữa. Nàng ngồi nhìn tất cả cái đám người lịch sự ấy quay tròn, nhảy nhót. Kiến trúc sư ngồi bên cạnh nàng. Đại tướng trông thấy, khi đi ngang ngài bảo chàng:

- Tôi tin rằng nếu có thể được thì anh sẵn lòng tặng nó cái kiệt tác của ngành kiến trúc: pháp đình St. Peter ở Cổ La Mã - Và ngài mỉm cười, nom cứ như ông Thiện vậy.

Vài hôm sau ngài đón tiếp ông George cũng vẫn nụ cười cởi mở ấy. Ngài tự hào: “Chắc hẳn anh chàng đến để cảm ơn mình đã mời anh đến dự hội, chứ chẳng còn duyên cớ nào khác”.

Nhưng anh chàng còn duyên cớ khác nữa. George nói lên những lời bất ngờ, phi thường và điên cuồng. Đại tướng không thể ngờ đến như vậy.

Nằm mơ cũng không đến nỗi như thế. Đại tướng không hết kinh

ngạc kêu lên:

- Thật là không thể tưởng tượng được!

Thực tế, George đến xin cưới Emily. Đại tướng tím mặt nói tiếp:

- Anh nói gì thế? Tôi không thể hiểu anh được, thật không thể hiểu được, thật không thể hiểu được. Anh muốn… Nhưng, thưa ngài, tôi không quen biết ngài. Ai đã mớm cho anh dám to gan toan chui vào gia đình tôi? Tôi đã làm gì đến nỗi phải nhục đến như thế?

Thẳng đuỗn như khúc gỗ, ngài đi giật lùi vào phòng ngủ và bỏ mặc ông George một mình. Chàng ta đứng đợi vài phút xem Đại tướng có ra không để cáo từ ra về.

Emily đứng đợi ngoài hành lang, hỏi anh bằng một giọng run run:

- Ba em bảo thế nào hở anh?

George nắm chặt tay nàng:

- Ba em tránh không để cho anh kịp trình bày. Nhưng chúng mình đừng thất vọng, rồi cũng sẽ có cơ hội tốt.

Đôi mắt người thiếu nữ đẫm lệ, còn chàng trai thì ngời lên vẻ tự tin và quả cảm. Ánh nắng xuyên qua mây, bao trùm lấy họ, dường như đem đến cho họ sự họ sự phù hộ của Thượng Đế.

Đại tướng ngồi trong phòng, chưa trấn tĩnh lại được sau một cơn xúc cảm như vậy. Ngài run lên vì tức giận và phẫn nộ. Cơn tức giận của ngài sục sôi trong lòng, rồi toát ra ngoài thành những tiếng kêu la tức tối:

- Điên rồ thật. Con một thằng gác cổng! Ôi! Loạn thật! Có ai thấy thế bao giờ không?

Non một giờ sau, đến lượt Đại tướng phu nhân biết sự táo gan phi thường của George. Ngài gọi Emily đến nói riêng với nàng:

- Con gái đáng thương của mẹ! Ta hiểu rõ nỗi đau khổ của con. Nó dám làm nhục con đến thế! Dám phạm đến danh giá nhà ta đến thế! Thật là ghê tởm! Con khóc là phải lắm; vả lại nước mắt tuôn

rơi lại hợp với khuôn mặt con, chưa bao giờ con gái của mẹ lại đẹp như thế này; con giống hệt như mẹ dạo sắp cưới, cứ khóc, khóc nữa đi, con gái yêu quý của mẹ, khóc như thế là tốt đấy.

Emily đáp:

- Vâng, con sẽ khóc suốt đời nếu ba mẹ không ưng thuận.

- Trời! Con gái mẹ nói gì thế? - Đại tướng phu nhân kêu lên. - Con mất trí rồi hay sao? Trời đất đảo lộn rồi ư? Ôi! Ta cảm thấy sắp bị một cơn rức đầu chưa từng thấy bao giờ. Nhà ta thật là vô phúc. Emily, đừng bắt mẹ con phải chết vì buồn phiền.

Đến đây, nước mắt phu nhân đã ròng ròng vì chưa bao giờ phu nhân dám nghĩ đến chuyện chết.

VI

Tờ báo hàng ngày đăng tin: Ông George được phong giáo sư Hàn lâm Viện Mỹ thuật.

Hai vợ chồng người gác cổng mới sống trong căn nhà hầm, xưa kia cha mẹ George đã từng ở, và được biết rằng George đã sinh trưởng nơi đó, bảo nhau:

- Tiếc thay cho cha mẹ ông ta không còn sống nữa mà đọc tờ báo ngày hôm nay. Phen này ông ta sẽ phải đóng nhiều thuế đấy.

- Con nhà nghèo mà phải đóng như thế có nhiều không?

- Mười tám đồng tiền vàng một năm, phải, cũng nhiều đấy!

- Tôi không nói đến chuyện tiền, mà nói đến chuyện ông ta được nhận chức kia, thật là vinh hiển cho một người xuất thân như ông ta. Còn về tiền thì đối với ông ta vài chục đồng vàng cũng chẳng khó khăn gì. Ông ta muốn kiếm bao nhiêu mà chẳng được và thế nào ông ta chẳng lấy được cô vợ giàu. Này, bao giờ ta được đứa con trai phải cho nó làm kiến trúc sư hay giáo sư mới được.

Dưới nhà hầm người ta khen George thì trên gác người ta cũng ca tụng chàng. Vị bá tước già cũng khen chàng. Những bức tranh

George vẽ hồi bé đã tạo cho ông được dịp để khen chàng. Mà sao câu chuyện lại dẫn tới những bức tranh ấy nhỉ? Chả là người ta nói chuyện với nhau về nước Nga, điện Kremlin mà chú bé George xưa kia đã vẽ tặng cô Emily, bá tước bảo:

- Hồi ấy anh ta đã vẽ nhiều lắm rồi và tôi còn đặc biệt nhớ đến tòa lâu đài mà anh ta đặt tên là lâu đài của Emily. Đó là một người có tài; anh ta sẽ trở thành cố vấn trong triều, mà còn là cố vấn thân cận của nhà vua nữa. Biết đâu một ngày kia anh ta sẽ lại chẳng xây lên được tòa lâu đài sáng tạo từ hồi còn bé. Tại sao lại không nhỉ? - Nói vậy ông mỉm cười rồi ra về.

Đại tướng phu nhân lẩm bẩm:

- Vui gì mà lạ thế chả biết được!

Đại tướng nghiêm nghị lắc đầu. Ngài lên ngựa, ngồi một cách kiêu hãnh hơn bao giờ hết. Giờ hồn cho chú lính hầu, nếu không đi cách xa ngài một quãng đúng kiểu cách.

Đến ngày sinh nhật Emily. Nàng nhận được nhiều hoa, sách vở, thư từ và thiếp mừng. Đại tướng phu nhân hôn vào môi nàng; Đại tướng hôn vào trán nàng. Hai ngài rất quý con, việc đó bất tất phải nói đến. Đến chiều khách khứa đến thăm toàn là những người quyền quý, có cả hai ông hoàng nữa. Người ta bàn đến chuyện khiêu vũ, chuyện trị an, chuyện xem hát, tình hình Châu Âu, việc trong nước, những người có tên tuổi toàn quốc hiện nay, và cứ như thế, không tránh khỏi rơi vào câu chuyện chàng kiến trúc sư.

Một vị khách nói:

- Hiện nay ông ta đã tự tạo cho mình một tiếng tăm lừng lẫy. Rồi đây ông ta có thể xây phòng riêng trong nhà một vị quyền quý nhất trong chúng ta đấy.

Một lát sau Đại tướng bảo vợ:

- Một trong những nhà quyền quý nhất của chúng ta là ai thế nhỉ?

Phu nhân trả lời:

- Tôi biết ý người ta muốn nói ai rồi. Nhưng tôi không muốn nói

ra, mà cũng chẳng muốn nghĩ đến. Chúng ta tin là muôn sự tại trời cả; nếu xảy ra chuyện như thế thì trên đời này tôi sẽ không còn ngạc nhiên với bất cứ chuyện gì cả.

Vị khách nói ra câu ấy biết rõ cái điều mình nói lắm. Ông ta biết rõ ân huệ của bề trên, nghĩa là ân huệ của triều đình mà hiển nhiên là càng ngày George càng được hưởng nhiều, rất có hiệu lực. Trời lại phù hộ chàng một cách rõ rệt trong tất cả mọi công việc. Nhưng ta hãy trở lại chuyện ngày sinh nhật.

Buồng nàng Emily sực nức hương thơm của bó hoa do bạn bè tặng. Trên bàn đầy những quà biếu. Không có quà của George; mà anh có muốn tặng cũng không được. Tuy nhiên, anh ta vắng mặt cũng như có mặt. Cái gì trong nhà mà chẳng gợi lại hình ảnh chàng? Dưới cầu thang vẫn là cái ngăn Emily đã trốn vào khi rèm cửa bốc cháy và George chạy đến dập tắt. Ngoài sân vẫn còn cây dạ hợp mà năm xưa hai đứa vẫn chơi đùa với nhau dưới bóng. Đang mùa đông nên cành cây đầy sương giá và băng tuyết nom như một cành san hô vĩ đại màu trắng đang sáng lấp lánh dưới ánh trăng, vẫn cái ánh trăng chưa thay đổi từ cái ngày đang ghi nhớ mà George đã chia sẻ chiếc bánh ngọt với cô bé Emily.

Nàng Emily lấy ra một chiếc hộp xinh đẹp; nàng rút trong đó ra những bức vẽ cũ của George, tòa lâu đài của các sa hoàng, tòa lâu đài của Emily; nàng ngắm nghía và biết bao ý nghĩ kéo đến trong tâm tư. Nàng nhớ đến hôm trốn cha mẹ, nàng xuống bên bà gác cổng hiền lành đang hấp hối. Nàng ngồi cạnh, cầm tay bà và nghe những lời giối giăng của người mẹ đáng thương: “Trời… phù hộ… George”. Emily thấy rằng ước nguyện của người đàn bà đáng quý ấy đã được thực hiện và Trời đã phù hộ con bà.

Các bạn đã thấy rõ ràng là ông George cũng có đến dự hội đấy chứ.

Ngày hôm sau, đến lễ sinh nhật quan Đại tướng. Trên lịch, ngày sinh của Emily và cha nàng sát cạnh nhau như thế đấy. Quà biếu lại đến tới tấp, trong đó có một chiếc yên ngựa tuyệt vời, hoàn mỹ, kiểu cách cực đẹp, vừa tiện dùng, vừa sang trọng. Người ta chỉ có thể kể đến một ông hoàng có một chiếc yên cũng đẹp như thế mà thôi. Ở đâu ra món lễ vật làm Đại tướng trông vui thích đến thế? Chỉ có một mảnh giấy nhỏ buộc vào yên ngựa trên có viết hàng

chữ: “Của một người mà quan Đại tướng không quen biết”.

Đại tướng tự hỏi: “Cái người mà không quen biết là ai ấy nhỉ? Xem nào, cố nghĩ xem. Nhưng không, chẳng có ai mà lại không quen biết, ta quen tất cả mọi người, tất cả mọi người”.

Trong khi nói như thế, Đại tướng chỉ nghĩ đến phái thượng lưu mà đúng là ngài quen biết từ đứa trẻ con nằm trong nôi trở lên.

Ngài lại tiếp: “Ta đoán ra rồi, quả này là của vợ ta đây. Chắc bà ấy muốn đùa mình một bữa ra trò đây. Thật là tuyệt!”.

VII

Ít lâu sau, tại nhà ông hoàng có mở một dạ hội khiêu vũ lớn, cho đeo cả mặt nạ và ăn mặc giả trang. Đại tướng đến dự mặc quần áo kiểu Rubens (1577-1640 họa sĩ nổi tiếng nước Đức): áo Tây Ban Nha, cổ áo xếp, áo choàng ngoài, kiếm đeo bên sườn. Đại tướng vốn oai vệ nên mặc quần áo quý phái Tây Ban Nha ấy rất hợp. Tất nhiên phu nhân cũng mặc theo kiểu Rubens: áo dài nhung đen cao đến tận cằm, với một cái cổ xếp vĩ đại trông giống như một chiếc cối xay lồng vào cổ, dập đúng kiểu vẽ trong bức tranh Hòa Lan của Đại tướng. Trong bức chân dung ấy người ta chú ý nhất đến đôi tay. Tay của phu nhân cũng giống hệt như thế.

Emily cũng ăn mặc giả Psyche, bận toàn hàng sa mỏng và đăng ten. Nàng cử động nhẹ nhàng, đáng yêu đến nỗi người ta cứ tưởng như là sợi lông tơ thiên nga bay theo chiều gió nhẹ. Bộ quần áo có hai cánh, nhưng có bảo là nàng chẳng cần đến cánh cũng không phải là khen nịnh nhạt nhẽo.

Phòng dạ hội đầy hoa, ánh sáng và những vật tráng lệ; có nhiều thứ đẹp, đáng ngắm làm cho người ta không mảy may chú ý đến đôi tay đẹp của Rubens phu nhân. Một người cải trang giáo sĩ có khăn trùm mặt, trên mũ đính hoa dạ hợp nhảy với Psyche.

Đại tướng phu nhân hỏi:

- Ai thế?

Đại tướng trả lời:

- Hoàng tử đấy! Tôi chắc là như vậy vì tôi đã nhận ra ngài qua thái độ trìu mến lúc ngài hạ cố bắt tay tôi.

Phu nhân có vẻ không tin. Quan Đại tướng không dễ dàng chịu để ai ngờ vực sự sáng suốt của mình, tiến gần đến người bận đồ giáo sĩ trùm mặt màu đen, cầm lấy tay người ấy và lấy ngón tay trỏ của mình vẽ lên hình huy chương của Hoàng gia. Người bận đồ giáo sĩ lắc đầu không nhận, và nói:

- Danh hiệu của tôi là danh hiệu viết trên một thứ lễ vật mừng ngày sinh nhật của ngài: một người mà ngài không quen biết.

Đại tướng lại nói:

- Thế thì tôi biết ngài là ai rồi. Chính ngài đã gửi biếu tôi tấm yên ngựa.

Người bận đồ giáo sĩ không nói gì nữa và biến vào đám đông.

Đại tướng phu nhân bảo:

- Emily, cái người mặc đồ giáo sĩ màu đen nhảy với con là ai đấy?

Psyche trả lời:

- Con không hỏi tên chàng ta! - Vì cô đã biết rồi, đó là vị giáo sư chứ ai.

Đại tướng phu nhân nói tiếp với vị bá tước già:

- Người mà ông bảo trợ cũng có đây; anh ta mặc một bộ đồ giáo sĩ trùm mặt màu đen có đính hoa dạ hợp trên mũ.

Bá tước trả lời:

- Thưa quý bà rất kiều diễm, có thể như vậy; phải chăng bà cũng nên biết rằng có một hoàng tử ăn mặc như thế đấy.

Đại tướng nói:

- Đúng, đúng đấy. Tôi đã nhận đúng là hoàng tử qua cái bắt tay trìu mến của ngài và chính ngài đã mừng tôi chiếc yên ngựa. Tôi

phải đến mời ngài ngày mai đến nhà tôi xơi cơm mới được.

Bá tước nói:

- Ngài đi mời đi, nếu là hoàng tử thì chắc chắn ngài sẽ nhận lời đấy.

- Nếu là anh chàng kia thì anh ta chẳng đến đâu. Vậy tôi có đi mời cũng chẳng có gì là trở ngại cả.

Và Đại tướng tiến đến phía người đang bận đồ giáo sĩ màu đen, vừa lúc ấy đang nói chuyện với nhà vua. Đại tướng mời một cách hết sức cung kính. Ngài mỉm cười nghĩ rằng người ta sắp sửa được biết là ngài đoán đúng hay phu nhân đoán đúng.

Người bận đồ giáo sĩ màu đen nhấc mặt nạ ra: đó là George.

Chàng hỏi:

- Bây giờ ngài có nhắc lại lời mời nữa hay không, thưa quan Đại tướng?

Đại tướng đứng thẳng mình, cao lên đến mười phân nữa; ngài cứng người ra, lùi lại hai bước, rồi lại tiến lên một bước như sắp sửa nhảy điệu Menuet (một điệu nhảy nhẹ nhàng duyên dáng theo nhịp ba rất thịnh hành vào thế kỷ 18 bên Âu châu).

Mặt ngài chuyển sang một vẻ cực kỳ nghiêm trang và biểu lộ đến mức cao nhất mà một vị tướng có thể có.

Cuối cùng ngài nói:

- Tôi không bao giờ nói hai lời cả. Thưa giáo sư, tôi đã mời ngài rồi.

Ngài nghiêng mình chào, mắt liếc nhà vua. Đức Hoàng thượng đã nghe thấy hết và có vẻ hài lòng.

VIII

Thế là ngày hôm sau nhà quan Đại tướng mở tiệc lớn. Nhưng

khách chỉ có vị bá tước già và người được ông bảo trợ.

George tự nhủ: “Thế là ta đã đặt được hòn đá đầu tiên”.

Thật vậy, hòn đá mỏng đã được đặt một cách rất trang trọng và câu chuyện khó mà dừng lại ở đây được.

Đại tướng bảo phu nhân:

- Chàng trai này thật khéo cư xử và ăn nói có duyên thế! Trong xã hội thượng lưu người ta cũng chỉ nói chuyện lỗi lạc đến thế là cùng.

Sự thực là George đã nổi bật trong bữa tiệc ấy và chàng nói nhiều chuyện thú vị đến nỗi quan Đại tướng bị lôi cuốn và vô tình nhiều lần ngắt lời chàng bằng những câu: “Tuyệt! Tuyệt!”.

Quan Đại tướng kể chuyện bữa tiệc hôm ấy với một trong những bà có tài trí nhất trong triều và bà ta yêu cầu lần sau nếu giáo sư lại đến nhà ăn cơm thì Đại tướng sẽ mời bà ta cùng dự. Thế là lại phải mời giáo sư lần nữa và lần này George lại còn xuất sắc hơn lần trước.

Bây giờ người ta mới biết là anh cũng đánh được cờ, món chới say mê của Đại tướng,

Ngài tự nhủ:

- Đây không phải là con nhà hèn kém mà là con nhà có tài năng. Không ai có thể bắt mình bỏ cái quan niệm ấy đi được. Sao mà nó lại sinh ra ở dưới hầm nhỉ? Mình không tự giải đáp được điều đó, nhưng dù sao cũng chẳng phải lỗi của anh chàng.

Ngài giáo sư được nhà vua tiếp trong cung tất nhiên cũng có thể được nhận vào nhà Đại tướng. Việc đó chẳng có gì là đáng ngạc nhiên cả. Cả thành phố đồn rằng chẳng bao lâu nữa ông ta sẽ đến ở hẳn đấy chứ chẳng chơi đâu. Nhưng trong nhà Đại tướng thì chẳng ai nói gì đến chuyện ấy cả.

Dẫu sao sự việc đã xảy ra đúng như lời đồn đại. George chịu ơn mưa móc, được phong làm cố vấn thân cận của nhà vua. Emily trở thành cố vấn phu nhân. Từ triều đình cho tới thành phố chẳng ai

thấy chuyện đó là chướng cả.

Đại tướng còn triết lý rằng:

- Cuộc đời lúc thì là bi kịch, lúc thì lại là hài kịch. Trong tấn bi kịch thì xảy ra chết chóc, trong tấn hài kịch thì người ta lấy nhau.

George và Emily sinh hạ được ba đứa con trai kháu khỉnh; khi những đứa trẻ đến nhà ông ngoại chơi và cưỡi trên ngựa gỗ thì ông cũng bắt chước chúng cưỡi trên một con ngựa gỗ, giả làm lính hầu, lính hầu của các quan cố vấn thân cận của nhà vua. Đại tướng phu nhân ngồi trên ghế gỗ xô pha nhìn chúng mỉm cười, ngay cả những khi ngài nhức đầu ghê gớm.

George đã hiển đạt như thế đó và với tài năng của anh, anh còn thăng tiến hơn nữa. Vả lại như thế mới bõ công kể truyện cho các bạn nghe truyện con trai người gác cổng.

BÊN GỐC LIỄU

I

Đất đai quanh thị trấn Kjoge trên đảo Zealand rất là trơ trụi. Thị trấn này ở trên bờ biển. Biển cả bao giờ cũng đẹp, nhưng có thể nói là bãi biển Kjoge còn đẹp hơn tất cả các nơi khác. Khắp xung quanh thị trấn chỉ là một cánh đồng phẳng lỳ, toàn là ruộng, không có cây cối, đường cái quan chạy dài tít đến tận cánh rừng gần nhất.

Tuy nhiên, khi người ta sinh trưởng trong một xứ và gắn bó nhiều với xứ ấy, người ta thường vẫn tìm thấy ở nơi đó một cái gì làm cho người ta say mê, rồi sau này dù sống ở những vùng đẹp đẽ và thích thú nhất người ta vẫn muốn trở về ngắm lại chốn cũ.

Thật vậy, ở đầu thị trấn Kjoge, dọc theo dòng suối đổ ra biển có vài mảnh vườn nhỏ, nơi về mùa hạ người ta có thể tưởng tượng như đang ở chốn thiên đàng.

Có hai đứa trẻ láng giềng với nhau cũng tưởng tượng như thế khi chúng chui qua hàng cây phúc bồn tử ngăn cách hai mảnh vườn của cha mẹ chúng để sang chơi với nhau. Vườn bên này có một cây hương mộc, vườn bên kia có một gốc liễu già. Hai đứa trẻ thích chơi dưới gốc liễu này nhất. Cha mẹ chúng đã cho phép chúng chơi dưới gốc liễu, mặc dù nó mọc ngay sát bên dòng suối và chúng có thể ngã xuống nước; không thế thì chúng đã lắm phen đáng oán thán lắm rồi đấy.

Vả chăng hai đứa bé cũng rất biết giữ gìn để khỏi rơi xuống suối. Ngay đứa con trai cũng sợ nước đến nỗi, về mùa hè trên bãi biển, không ai có cách gì làm cho em nhúng mình xuống biển được trong khi những trẻ khác rất thích lội nước. Người ta trêu ghẹo, chế giễu, em cũng chịu nhịn không phàn nàn. Joanna, cô bạn nhỏ của em, có lần mơ thấy mình lướt sóng trên một con thuyền và em (tức là Knud) tiến về phía Joanna, nước ngập đến cổ, lút đầu, rồi cuối cùng em biến mất. Từ khi bé Knud biết câu chuyện em nằm mơ ấy em không chịu được những lời giễu cợt của các đứa con trai khác.

Em đã xuống nước, Joanna đã nằm mộng thấy em như thế. Thật ra, em chưa bao giờ dám mạo hiểm làm việc ấy, nhưng em rất tự hào về hành động của mình trong giấc mơ của người bạn nhỏ.

Cha mẹ các em nghèo. Hai em gặp nhau luôn. Knud và Joanna thường chơi với nhau trong vườn và trên con đường cái hai bên bờ bao có trồng những hàng liễu. Nhưng cây ấy bị cắt ngọn, nên ngó bộ cũng chẳng thể to lớn; người ta trồng chúng chẳng phải để làm cảnh mà là để lấy lợi.

Nom gốc liễu già trong mảnh vườn con đẹp hơn, cành dài trông tựa như một cái nôi. Hai đứa trẻ thích núp mình trong đó. Trong thị trấn có một khoảng rộng dùng làm nơi họp chợ. Tới ngày phiên người ta dựng lên những dãy phố dài toàn lều và rạp trong có bày những dải lụa màu, đồ chơi, giày ủng... muốn mua gì cũng có. Người đông chen chúc nhau. Trong số cửa hiệu ấy có một cửa hàng lớn bán bánh ngọt. Dịp may hiếm có: người chủ hàng bánh cứ đến phiên chợ lại đến trọ tại nhà cha mẹ bé Knud. Thỉnh thoảng em lại vớ được vài mẩu bánh và tất nhiên là Joanna cũng có phần.

Nhưng còn cái thú vị hơn nữa là ông hàng bánh biết đủ mọi chuyện ở trên đời, ngay cả chuyện về bánh ngọt nữa. Một tối nọ, ông ta kể một câu chuyện về bánh ngọt làm cho hai đứa trẻ xúc động đến nỗi suốt đời không quên. Ông kể rằng:

- Trong số bánh bày trong tủ hàng nhà bác có hai hình người làm bằng bánh ngọt, một anh con trai đầu đội mũ và một chị con gái để tóc trần. Họ chỉ có mặt người phía trước; chớ có ngắm phía sau họ. Vả chăng, con người ta cũng thế thôi, nhìn vào mặt trái thì chẳng thấy có gì là tốt. Phía bên trái anh con trai có điểm một hạt hạnh nhân đắng, đó là trái tim anh ta. Chị con gái được nhào nặn toàn bằng mật ong. Họ đường bày làm mẫu trong tủ hàng của bác. Họ ở đấy lâu đến nỗi cuối cùng đâm ra yêu nhau. Nhưng họ chẳng hề tỏ tình với nhau. Nhẽ ra họ phải ngỏ lời với nhau thì tình yêu mới có kết quả.

Cô gái nghĩ thầm: “Anh ấy là con trai thì phải ngỏ lời trước chứ”. Cô chỉ mong muốn được biết anh có đáp lại tấm tình của mình hay không. Còn chàng trai thì lại nghĩ rộng hơn, nam giới vẫn thường thế. Anh ta mơ thấy mình là một đứa trẻ con ngoài phố, như biết

bao đứa vẫn đi qua trước mặt anh; anh mơ thấy mình có bốn shilling (bốn xu) và sẽ dùng để mua cô nàng mà chén.

Họ vẫn cứ nằm trong tủ hàng của bác ngày này sang tuần khác. Dần dà họ khô đét đi. Tâm tình của cô gái ngày càng trở nên đa cảm, đúng như tâm tính của một người đàn bà thật.

“Nàng thở dài nói rằng: “Ta được ở bên chàng lâu đến thế này cũng vui sướng lắm rồi”.

Rồi nàng vỡ làm đôi đánh tách một cái và qua đời.

Anh chàng kia tự nhủ: “Nếu nàng biết mối tình của ta thì chắc hẳn nàng phải cố mà sống chứ”.”

Ông hàng bánh nói tiếp:

- Câu chuyện chỉ có thế và đây là hai nhân vật. Đây không phải là những chiếc bánh ngọt thường đâu mà là những nhân vật đặc biệt đã chứng minh rằng mối tình câm không bao giờ đưa đến một kết quả nào cả. Đây cầm lấy, bác cho các cháu đấy.

Ông đưa cho Joanna chiếc bánh hình người con trai hãy còn nguyên vẹn. Knud được hai mảnh trước kia là chiếc bánh hình cô con gái.

Nhưng hai đứa trẻ xúc động vì câu chuyện thương tâm đến nỗi không nỡ ăn cặp tình nhân ấy.

Hôm sau, chúng đem họ ra nghĩa địa. Chúng ngồi xuống cỏ, bên tường nhà thờ quanh năm phủ đầy những tràng hoa trường xuân. Chúng đặt hai chiếc bánh ngọt vào một cái khám xây trong tường giữa đám hoa lá tràn đầy ánh nắng và kể lại câu chuyện mối tình câm chẳng đi đến đâu cả cho một lũ trẻ con khác nghe.

Đứa nào cũng thấy câu chuyện thật là lý thú nhưng khi chúng muốn xem lại cặp uyên ương xấu số thì cô gái đã biến mất. Một đứa con trai nhớn đã ăn sống nuốt tươi mất rồi. Knud và Joanna khóc sướt mướt.

Rồi cuối cùng, chắc là không muốn để anh con trai phải sống một mình trên đời, chúng đem anh ra ăn nốt; nhưng câu chuyện thì

chúng chẳng bao giờ quên.

Chúng tiếp tục cùng chơi với nhau bên gốc hương mộc và dưới bóng liễu. Cô gái nhỏ hát những bài ca hay nhất trên đời, bằng một giọng trong vắt như tiếng chuông nhạc. Knud không có giọng mà hát nhưng em thuộc lòng lời của những bài ca ấy; thế cũng đã khá lắm rồi. Dân ở Kjoge, ngay cả vợ ông chủ hiệu đồ chơi đã từng sống ở kinh đô, ai cũng dừng lại nghe Joanna hát.

Bà ta nói:

- Giọng hát của con bé này thật là tuyệt!

Đó là những ngày sung sướng, nhưng chẳng được lâu. Hai gia đình phải xa nhau. Mẹ Joanna chết và bố em định lấy vợ ở tận kinh đô vì có một cửa hiệu buôn to hứa mướn ông làm người chạy giấy; đó là một công việc có lợi, kiếm được nhiều tiền hơn. Lúc chia tay, đôi bên láng giềng cùng rơi lệ, còn hai đứa trẻ cũng khóc òa lên. Họ hứa viết thư cho nhau mỗi năm ít nhất một lần.

II

Knud được gửi học nghề tại một bác thợ giày. Chú lớn quá rồi, không thể để cho chú ăn rồi chạy chơi ngoài đồng. Lúc ấy là lúc chú chịu lễ ban thánh thể. Trong ngày hội ấy chú mong muốn được ra Copenhagen gặp cô bé Joanna. Than ôi! Chú không ra khỏi thị trấn Kjoge. Chú chưa bao giờ được trông thấy kinh đô dù chỉ cách thị trấn có năm dặm đường. Những buổi trong giời, Knud nhìn qua bên kia vịnh thấy những ngọn tháp của thành phố Copenhagen. Hôm chịu lễ ban thánh thể chú còn trông thấy rõ ràng cây thánh giá của nhà thờ Đức mẹ vàng rực, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Tâm hồn chú bay bổng về phía Joanna.

Cô có còn nghĩ đến chú không? Cô, vào dịp lễ Noel cha cô có gửi cho nhà chú một bức thư nói rằng họ sống ở Copenhagen rất khá giả và đặc biệt là nhờ Joanna có giọng hát hay có thể có tương lai rực rỡ. Cô đã kiếm được một chân trong những tiết mục ca hát tại viện hí kịch; cô kiếm được chút tiền và chính cô đã gửi cho những người láng giềng thân mến ở Kjoge một đồng tiền vàng để làm quà tối hôm Noel. Cô mời họ uống rượu chúc sức khỏe cho cô; đó là

điều cô đã tự tay viết vào phần tái bút trong thư và còn thêm: “Rất thân ái gửi lời thăm Knud”.

Cả gia đình đọc xong thư đều khỏe. Dẫu sao đó cũng là những tin mừng, cho nên họ khóc vì sung sướng. Ngày nào hình ảnh Joanna cũng xâm chiếm tâm hồn Knud. Và giờ đây chú thấy rằng cô cũng nghĩ đến chú. Càng gần đến ngày hết hạn học việc chú càng nghĩ là tất nhiên cô sẽ thành vợ chú. Đến đây môi chú mỉm một nụ cười sung sướng và chú lại khâu nhanh gấp đôi; chú tì mạnh vào đai da đến nỗi dùi đâm vào ngón tay một lỗ rõ sâu; nhưng cái đó cũng chẳng đau đớn gì với chú. Chú tự nhủ: “Chắc chắn mình sẽ chẳng đóng vai một anh câm như đôi thanh niên bằng bánh ngọt”. Họ đã giúp chú một bài học hay.

Thế là chú đã thành nghề. Khăn gói lên vai, lần đầu tiên chú ra Copenhagen nhận việc ở nhà một ông chủ. Joanna sẽ ngạc nhiên, và vui mừng biết mấy. Năm nay nàng đã 17 và chàng 19. Chàng muốn mua cho nàng một chiếc nhẫn ở Kjoge, nhưng chàng tính rằng ở Copenhagen có thể có nhiều cái đẹp hơn. Rồi một ngày thu mưa gió chàng từ biệt cha mẹ rồi bước khỏi chốn quê hương. Lá rụng. Chàng tới kinh đô, ướt lướt thướt, tìm tới nhà ông chủ mới.

Ngay hôm chủ nhật đầu tiên, chàng vội vã đến thăm bố Joanna. Chàng thắng bộ quần áo mới và một chiếc mũ mới mua ở Kjoge rất hợp với khuôn mặt chàng. Từ trước đến giờ Knud vẫn đội mũ cát két. Chàng tìm thấy nhà và leo mãi lên gác đến nỗi choáng váng cả người. Chàng không khỏi kinh sợ khi thấy rằng trong cái thủ đô khủng khiếp này người ta lại ở trên cao chồng chất lên nhau đến thế. Trông gian phòng có vẻ khá giả. Bố Joanna tiếp chàng một cách rất thân mật. Người vợ kế của ông không biết Knud; tuy nhiên, bà cũng bắt tay chàng và đem mời chàng một tách cà phê ngon. Ông bố nói:

- Joanna mà được gặp cháu thì hẳn là phải vui thích lắm. Nom bây giờ thật là khỏe mạnh và đẹp trai. Cháu sắp gặp nó bây giờ. Ô! Em nó làm cho tôi sung sướng lắm và nhờ Trời nó còn làm cho tôi sung sướng hơn nữa. Nó có một căn buồng riêng, tự nó trả tiền thuê đấy.

Con người trung hậu ấy gõ cửa một cách kín đáo như là một người khách, rồi họ cùng vào. Trong căn phòng nhỏ, sao mà cái gì cũng

đáng yêu thế! Knud thầm nghĩ: “Khéo đến trong cung hoàng hậu cũng chẳng có gì đẹp hơn: nào là thảm, nào là rèm cửa rủ xuống tận đất, một chiếc ghế tựa bọc nhung. Đâu cũng có hoa, tranh ảnh, lại có cả một tấm gương to bằng một cái cửa ra vào đến nỗi người ta suýt bước vào vì tưởng đấy cũng là một căn phòng. Knud chỉ thoáng nhìn qua những vật tuyệt đẹp ấy thôi; mắt anh còn mải ngắm Joanna đang đứng trước mặt anh. Đó là một tiểu thư rất đẹp khác hẳn người mà anh Knud hằng tưởng tượng. Khắp Kjoge không có một thiếu nữ nào đẹp bằng nàng. Nàng có một nhan sắc tuyệt vời gần như mê hồn. Nàng nhìn Knud một lát với vẻ ngạc nhiên, rồi đâm bổ về phía chàng như sắp ôm lấy chàng; suýt nữa thì nàng ôm chầm lấy chàng, nhưng lại thôi.

Phải, nàng hết sức vui mừng được gặp lại người bạn thời thơ ấu. Nàng đã chẳng mừng chảy cả nước mắt đấy ư? Nàng hỏi Knud không biết bao nhiêu là câu. Nàng hỏi thăm mọi người, hỏi thăm cha mẹ Knud, hỏi thăm bố Liễu và mẹ Hương Mộc - tên mà đôi bạn thuở nhỏ đã đặt cho những gốc cây thân yêu, dường như chúng là người thật. Joanna nói:

- Rồi sau sao chúng lại không thành người nhỉ? Vì tôi nhớ lại hồi ấy ngay những chiếc bánh ngọt cũng còn sống được trong một câu chuyện cơ mà?

Joanna hồi tưởng đến những con người hiền lành của ông hàng bánh trong phiên chợ, đến mối tình câm của họ, đến chuỗi ngày dài họ sống bên nhau trên quầy hàng cho đến lúc một người vỡ ra làm hai mảnh. Nhớ lại câu chuyện ấy, nàng cười, còn Knud thì đỏ bừng mặt lên, tim đập nhanh gấp đôi khác thường. Chàng tự nhủ: “Không, nhờ Trời nàng cũng chẳng kiêu ngạo chút nào”.

Chàng nhận thấy rõ rằng chính nàng đã nói với cha mẹ giữ chàng ở lại chơi suốt buổi tối hôm ấy. Lát sau nàng lấy một quyển sách và cất cao cao giọng đọc một đoạn. Knud tưởng như đoạn văn nàng đọc có dính líu đến mối tình của chàng. Sao mà tâm hồn tác giả lại hòa nhịp với tâm hồn chàng đến thế? Rồi nàng hát một bài ca bình thường thôi, nhưng Knud lại tưởng tượng rằng mấy lời ca ấy là cả một bài thơ trong đó trào lên tâm tình người thiếu nữ. Không còn nghi ngờ gì nữa, hẳn làng nàng đã yêu mình rồi. Nghĩ vậy, chàng không ngăn nổi hai hàng lệ lăn trên gò má, không thốt được lời nào nữa. Chàng cảm thấy mình trở nên lố lăng, thế mà

nàng vẫn siết chặt tay chàng mà bảo rằng:

- Knud ạ, anh tốt lắm, trước thế nào sau vẫn cứ thế nhé!

Thật là một buổi tối chưa từng có; không nên tính đến chuyện ngủ nữa; và quả nhiên suốt đêm ấy Knud không chợp mắt.

Khi chàng ra về bố Joanna bảo:

- Thế nào? Bây giờ thì cháu không thể quên chúng tôi được nữa chứ? Liệu cháu có thể để cả mùa đông trôi qua mà không lại thăm chúng tôi nữa không đấy?

Nghe thấy thế chàng cho rằng đến chủ nhật mình rất có thể quay lại đây; chàng định tâm - ai mà ngăn được? - là tối tối, sau giờ làm đêm, sẽ đi chơi suốt thành phố. Bao giờ chàng cũng đi qua phố Joanna ở. Chàng nhìn lên cửa sổ phòng nàng, thấy gần như lúc nào cũng đó thắp đèn. Một lần, chàng trông thấy rõ bóng nàng trên rèm cửa. Đối với chàng, cái buổi tối hôm ấy, sao mà đẹp vậy! Tối nào cũng đi như thế bà chủ chẳng ưa tí nào, bà lắc đầu tỏ vẻ lo ngại. Ông chủ mỉm cười bảo:

- Con giai thì phải cho nó vùng vẫy tuổi xuân chứ!

Knud nghĩ thầm: “Đến chủ nhật này gặp nhau mình sẽ nói với nàng rằng nàng đã chiếm hết cả tâm hồn ta rồi và nàng sẽ phải trở thành vợ ta. Ta chỉ là một anh phụ thợ giày nghèo nàn, nhưng chẳng bao lâu ta sẽ thành ông chủ. Ta sẽ làm việc chịu thương chịu khó đến mấy cũng được. Phải, mình cứ nói thẳng. Mối tình câm không đem lại kết quả gì cả. Câu chuyện những chiếc bánh ngọt đã chứng minh cho ta điều đó từ lâu”.

Chủ nhật, Knud lại đến, nhưng buồn thay! Họ đã được mời đi dự một cuộc vui ngoài thành phố. Knud không dứt ra về được, Joanna nắm chặt tay chàng hỏi để nhắc khéo:

- Anh đã xem hát chưa? Dẫu sao anh cũng phải đến xem một bữa. Thứ tư này tôi sẽ hát ở đấy, hôm ấy, nếu anh rỗi tôi sẽ gửi biếu anh cái vé. Cha tôi biết nhà ông chủ anh rồi.

Sao mà nàng đối với chàng thân ái đến thế! Đến trưa thứ tư, quả nhiên anh nhận được một phong bì dán kín trong chẳng có chữ

nào nhưng có một cái vé. Buổi tối, lần đầu tiên Knud vào rạp hát. Chàng trông thấy Joanna. Sao mà nàng đẹp và đáng yêu đến thế! Đúng là người ta đã gả nàng cho người khác, nhưng đấy chỉ là màn kịch giả tạo mà thôi, Knud hiểu như vậy, không thế thì chắc chắn là nàng chẳng nỡ lòng nào lại gửi cho chàng một cái vé để chàng được tận mắt trông thấy cảnh tượng ấy. Mọi người vỗ tay và lớn tiếng khen ngợi, còn Knud thì hoan hô rõ to.

Chính Đức Vua cũng mỉm cười với Joanna, tỏ ra ngài thích nghe nàng hát lắm. Knud cảm thấy mình chẳng nghĩa lý gì cả. Chàng tự nhủ: "Ta yêu nàng biết bao! Nàng cũng rất yêu ta, như thế đủ để san phẳng tất cả. Nhưng đàn ông phải ngỏ lời trước, cô gái bằng bánh ngọt đã nghĩ thế. Câu chuyện của nàng đã dạy ta rất nhiều".

Chủ nhật sau chàng lại đến. Anh cảm động không kém cái ngày ban thánh thể. Cả nhà đi vắng, có mỗi một mình Joanna tiếp chàng, thật là dịp may hiếm có. Nàng nói:

- Anh đến thật là vừa khéo; tôi đang định nói với cha tôi đi tìm anh, nhưng tôi có linh tính bảo rằng thế nào tối nay anh cũng đến, vì tôi muốn báo để anh biết rằng đến thứ sáu này tôi sẽ sang Pháp. Phải đi một chuyến như thế thì mới làm nên chuyện được.

Knud cảm thấy hình như căn phòng đảo lộn cả lên. Tim chàng dường như sắp tan thành muôn mảnh. Mắt chàng không ứa lệ, nhưng nom biết là chàng rất buồn. Nàng bảo:

- Anh thật là anh chàng can đảm và trung thành.

Câu nói ấy đã khơi mào cho Knud nói lên nỗi lòng của mình. Chàng nói đã yêu nàng nồng nàn đến thế nào và nhất định nàng sẽ trở thành vợ chàng. Nhưng vừa dứt lời, chàng cảm thấy Joanna biến sắc và tái mặt đi. Nàng buông thõng tay xuống, trả lời chàng bằng một giọng nghiêm trang và buồn rầu:

- Knud ạ, anh đừng tự làm khổ thân mình mà cũng đừng làm khổ tôi. Tôi sẽ mãi mãi là một người em gái tốt đáng tin cậy của anh, nhưng bao giờ cũng chỉ thế thôi.

Rồi nàng đặt bàn tay dịu dàng lên trán nóng bỏng của Knud và nói thêm:

- Trời cho chúng ta sức mạnh để làm được những việc khó ở đời, miễn là chúng ta có nghị lực và lòng can đảm.

Lúc ấy, bà mẹ kế của nàng đi vào. Joanna nói:

- Knud phát khùng vì con phải đi xa. Lớn rồi ai lại thế!

Nói vậy nàng đặt tay lên vai Knud giả vờ như giữa hai người chỉ có chuyện đi xa chứ không có chuyện gì khác. Nàng tiếp:

- Anh còn trẻ con lắm, bây giờ anh phải tốt và biết điều như xưa bên gốc liễu, lúc chúng mình còn bé ấy mới được.

Knud tưởng như trời sa đất sụp. Tâm hồn chàng như một sợi tơ bay đó đây theo chiều gió. Chàng sững sờ, chẳng biết là người ta có mời chàng ngồi lại hay không. Nhưng Joanna và bà mẹ kế tỏ ra thân mật và ái ngại. Joanna mời chàng uống nước chè và hát cho chàng nghe. Giọng nàng không vang lên như mọi khi, nhưng trông nàng đẹp tuyệt trần. Nghe nàng hát chàng hởi lòng hởi dạ. Rồi họ chia tay nhau. Knud cũng chẳng buồn chìa tay cho Joanna. Nàng hiểu ý và nói:

- Dẫu sao cũng phải bắt tay cô em gái trước khi xa nhau chứ, hở ông anh thời thơ ấu?

Rồi nàng cười qua hàng nước mắt lăn trên gò má và nhắc lại tiếng ông anh. Phải, đấy là lối an ủi khéo léo. Họ chia tay nhau như thế đấy.

III

Nàng xuống tàu sang Pháp. Ngày nào Knud cũng lang thang rất lâu trong các phố của kinh thành Copenhagen. Những thợ bạn trong xưởng, hỏi tại sao lúc nào chàng cũng đi chơi và trầm ngâm suy nghĩ như thế. Họ mời chàng cùng đi chơi với họ và bảo:

- Còn trẻ thì ta phải vui chơi chứ!

Chàng đi với họ đến tiệm nhảy, ở đấy có rất nhiều cô gái xinh đẹp, nhưng chẳng có ai đẹp bằng Joanna. Ở nơi chàng tưởng có thể quên được nàng, thì trái lại, luôn luôn, hình ảnh nàng hiện ra

trước mắt. Nàng đã chẳng nói: “Trời cho chúng ta sức mạnh, miễn là chúng ta có nghị lực và lòng can đảm…”. Chàng nhớ lại câu ấy, trong lòng rạo rực niềm tin. Lúc ấy tiếng vĩ cầm vang lên và các cô gái nhảy vòng một bài. Chàng giật mình kinh hãi. Chàng thấy hình như mình đang ở một nơi không thể nào đưa Joanna đến được, thế mà nàng vẫn đến đấy, vì lúc nào nàng cũng ở trong tim chàng. Chàng chạy ra ngoài, chạy khắp phố, qua cửa ngôi nhà mà nàng đã ở, bây giờ tối om, trống rỗng, quạnh hiu. Trên thế gian này, mỗi người có một con đường, Knud cũng thế.

Đông tới, nước đóng băng. Cảnh vật đổi thay, có thể nói đâu cũng như màu tang. Nhưng khi mùa xuân trở lại và chiếc tàu thủy đầu tiên lại ra khơi, Knud bỗng cảm thấy muốn du lịch xa thật xa, xa mãi, xa hơn cả nước Pháp kia. Chàng khoác khăn gói lên đường, đi rõ xa, xa mãi, qua khắp nước Đức, từ tỉnh này qua tỉnh khác, chẳng hề đỗ lại hoặc dừng chân. Chỉ đến lúc vào tới thành phố Nuremberg cổ kính và kỳ lạ chàng mới tự chủ lại được và dừng chân, rồi quyết định ở lại đấy.

Nuremberg là một thành phố khác thường giống như một bức tranh cất trong một tập ký sự có minh họa nào đấy. Phố sá ngoằn nghèo, ngang dọc bất thường, nhà cửa không thích đồng hành thành đường thẳng. Đầu hồi nhà nào cũng có xây thêm tháp nhỏ. Nhiều pho tượng nhô ra từ những bức tường dày đặc những nét điêu khắc kỳ khôi. Trên những mái nhà xây kiểu đặc biệt, những miệng ống máng hình rồng, hình thỏ rừng, hình chó ngao, vươn ra đến tận giữa phố.

Hành lý trên lưng, Knud dừng chân trên bãi chợ. Chàng đứng bên một cái máy nước cổ xung quanh có những pho tượng tạc các nhân vật thần tiên và lịch sử bằng đồng đen tuyệt đẹp, giữa các khe có nước phun ra. Vừa lúc ấy, một chị sen xinh đẹp đến lấy nước. Đi đã mệt, Knud rất khát; chị ta mời chàng uống và còn tặng chàng một bông hồng rút trong bó hoa trên tay. Chàng cho đó là một điềm lành!

Những tiếng đại phong cầm vang âm từ một nhà thờ gần đấy làm chàng chạnh lòng nhớ quê hương. Chàng nghe giống như tiếng đại phong cầm nhà thờ Kjoge. Chàng bước vào thánh đường rộng lớn. Ánh nắng xuyên qua những tấm kính màu chiếu sáng những hàng cột cai, mảnh dẻ. Lòng tin tràn ngập tâm trí Knud và chàng cảm

thấy tâm hồn thư thái, bình an.

Chàng tìm được ở Nuremberg một người chủ tốt; chàng ở ngay nhà ông ta và học tiếng Đức. Người ta đã ngăn và biến những đường hào cũ bao quanh bức thành cổ thành những vườn rau, nhưng tường thành cao vẫn còn sừng sững với những ngọn tháp to lớn nặng nề. Con đường kín vẫn còn. Bây giờ người ta se thừng ở đấy. Trong kẽ những bức tường cổ, hương mộc mọc thành từng đám rậm rạp, vươn cành lên trên nóc những mái nhà thấp bé tựa lưng vào tường thành. Một trong những ngôi nhà nhỏ bé ấy là nhà ông chủ Knud.

Một cây hương mộc lặng lẽ vươn cành trên gác mái nhà xép, nơi chàng làm việc, Knud lưu lại đấy suốt mùa hè và mùa đông, rồi tiếp đến mùa xuân. Thế là chàng không chịu được nữa. Hương mộc ra hoa thơm ngát làm cho Knud nhớ tới một cây hương mộc khác và chàng cảm thấy như được đưa về mảnh vườn nhỏ ở Kjoge. Thế là chàng từ giã ông chủ ấy đi tìm ông chủ khác trong nội thành để khỏi phải trông thấy cây hương mộc.

Nơi làm việc mới của chàng ở kề ngay bên một nhịp cầu cũ kỹ, phía dưới có một dòng suối chảy xiết đẩy một chiếc bánh xe cối xay quay ầm ầm. Hai bên dòng nước, đầu hồi nhà nào cũng đã hư nát, tưởng chừng như sắp đổ cả nhà xuống suối. Đây không có hương mộc, nhưng ngay trước cửa xưởng có một gốc liễu già bám rễ vào căn nhà để khỏi bị dòng nước cuốn đi. Một số cành liễu rủ xuống suối trông giống như cây liễu trong vườn ở Kjoge.

Đúng là Knud định tránh bà mẹ Hương mộc thì lại gặp ông bố Liễu già.

Những tối sáng trăng cây liễu hình như có cái gì làm cho chàng chạnh lòng cảm động và chán nản. Chàng không chịu được nữa. Muốn rõ duyên cớ vì đâu, xin hãy hỏi cây liễu và cây hương mộc đang ra hoa.

Chàng từ giã ông chủ và rời thành thành phố Nuremberg. Chàng không hề nói chuyện Joanna cho ai biết. Chàng chôn chặt mối sầu tận đáy lòng. Thỉnh thoảng chàng nhớ tới và thấm thía hơn lúc nào hết ý nghĩa sâu sắc của câu chuyện hai chiếc ánh ngọt. Chàng hiểu tại sao anh con trai lại có một hạt hạnh nhân đắng bên trái. Lòng

Knud cũng tràn đầy nỗi đắng cay. Trái lại, Joanna lúc nào cũng rất dịu dàng và thân mật như là nàng cũng bằng đường và mật hệt như cô gái trong câu chuyện ngây thơ kia. Ý nghĩ chàng dừng lại ở những kỷ niệm ấy. Chàng thấy hồi hộp, gần như nghẹt thở. Tưởng là vì chiếc quai ba lô chàng nới nó ra. Chẳng ăn thua gì cả. Chàng như sống trong hai thế giới: thế giới bên ngoài, ở xung quanh chàng, và thế giới chìm sâu trong tâm hồn, đầy kỷ niệm và tình cảm; chàng sống nhiều trong thế giới này, còn đối với thế giới kia chàng gần như xa lạ. Chỉ khi nào nhìn thấy những ngọn núi cao, tâm hồn chàng mới dứt ra ra khỏi những ý nghĩ buồn thảm được và chú ý đến cảnh vật bên ngoài. Nhìn phong cảnh hùng vĩ ấy mắt chàng đẫm lệ. Chàng thấy dãy núi Alps giống như đôi cánh của trái đất đang gấp lại. Chàng tự nhủ: “Nếu trái đất đột nhiên xòe và giương đôi cánh bao la với những khu rừng âm u, những dòng nước chảy xiết, những đám tuyết lớn ấy ra thì sẽ ra sao nhỉ?

Chắc hẳn đến ngày tận thế trái đất sẽ bay lên như thế đến cõi vô tận và khác nào như chiếc bong bóng xà phòng ra nắng vỡ tan thành ngàn triệu nguyên tử ánh sáng rực rỡ của thần linh. Chao ôi! Liệu hôm nay có là ngày tận thế được không nhỉ? Knud thở dài mà nói thế.

Chàng đi qua một xứ, nom như một vườn cây ăn quả tuyệt đẹp. Từ trên bao lơn những căn nhà gỗ, các thiếu nữ đang đập gai gật đầu chào chàng, chàng chào lại đứng đắn và chẳng bao giờ thêm một câu nói đùa như các chàng trai trẻ chạc tuổi chàng vẫn thường làm. Lúc nhìn qua đám lá cây rậm rạp, thấy những hồ lớn xanh ngắt, chàng nhớ tới bờ biển nơi chôn rau cắt rốn và vịnh nước sâu ở Kjoge. Không còn đau khổ nữa, chỉ còn nỗi buồn man mác xâm chiếm tâm hồn chàng.

Chàng trông thấy cả con sông Rhine, đổ từ một ngọn núi đá xuống, tản ra thành nghìn triệu giọt nước nom như một đám mây mù trắng xóa trong đó chiếc cầu vồng lóng lánh nom như một dải băng màu tung bay trước gió. Cảnh tượng oai nghiêm ấy làm chàng liên tưởng đến quãng suối chảy thành thác ào ào, ngầu bọt làm thành bánh xe cối xay ở Kjoge. Đi đến đâu, kỷ niệm chốn quê hương vẫn theo đuổi chàng.

Nhẽ ra chàng sẵn sàng lưu lại ở một trong những chốn tĩnh mịch bên bờ sông Rhine, nhưng vùng này có nhiều cây hương mộc và

cây liễu quá, chàng lại tiếp tục đi, chàng vượt qua nhiều núi cao, đi trên những con đường nhỏ men theo vách núi đá dựng đứng tựa như một chiếc máng nước chảy dọc theo mái nhà. Mây trườn dưới chân chàng, chàng nghe thấy từ thung lũng sâu thăm thẳm vọng lên tiếng suối chảy ầm ầm. Chẳng có gì làm chàng sợ hãi hoặc ngạc nhiên cả. Bước trên những ngọn núi phủ tuyết đầy hoa hồng núi Alps, chàng đi về phía những vùng chan hòa ánh nắng. Từ giã những xứ phương Bắc, theo những con đường rợp bóng nho quấn quít lấy những cây hạt dẻ, chàng đi tới những cánh đồng ngô. Núi non hiểm trở như một bức tường thành vĩ đại đã ngăn cách chàng với những nơi đã gây cho chàng những kỷ niệm siết bao sầu thảm. Chàng tự nhủ: “Thế mà lại hóa hay!”

IV

Trước mặt chàng là một thành phố to lớn và lộng lẫy, dân vùng này gọi là Milano. Chàng tìm được một ông chủ người Đức thuê chàng làm. Ông chủ là một cụ già trung hậu, người vợ hiền lành và rất ngoan đạo. Hai vợ chồng đều thấy mến anh thợ người nước ngoài, ít nói nhưng hay làm, thật thà và ngoan đạo.

Knud tưởng chừng như Thượng Đế đã giải thoát cho chàng khỏi nỗi sầu nặng trĩu trong lòng. Chàng thích leo lên tận cùng của giáo đường Lớn (ở Ý) làm bằng cẩm thạch trắng như tuyết, nơi quê hương chàng. Chàng thường đi dưới những ngọn tháp nhọn, những lầu chuông nhọn hoắt và những cửa tò vò. Từng góc, từng vòm có những pho tượng mỉm cười với chàng. Phía trên là trời xanh biếc, phía dưới là thành phố, rồi đến đồng bằng bát ngát xứ Lombardy xanh tươi và tít đằng xa là những ngọn núi cao. Chàng nhớ tới nhà thờ Kjoge, nhớ tới những bức tường đỏ phủ đầy hoa trường xuân. Thật khác xa với nhà thờ lớn ở thành Milano! Chàng không mong nhìn lại chốn ấy, chàng không muốn trở lại nơi xưa. Chàng mong được gửi lại nắm xương bên những núi non này. Chàng sống ở thành phố này đã được một năm, và thế là xa tổ quốc đã được ba năm. Một hôm ông cụ chủ nhà muốn cho chàng được khuây khỏa, dẫn chàng không phải đến trường đua xem tài các kỵ mã mà là đến kịch viện của thành phố. Chỉ riêng tòa nhà cũng thật đáng xem rồi. Bảy tầng chỗ ngồi sang trọng chia thành từng ngăn, rèm cuốn bằng thứ lụa mịn. Những bà sang trọng ăn mặc như đi dự hội khiêu vũ, tay cầm hoa, ngồi từ hàng ghế thứ

nhất cho đến tít trên thượng tầng. Các quý ông cũng mặc lễ phục, áo quần nhiều vị đầy những vàng bạc, sáng như ban ngày. Âm nhạc vang lên tuyệt diệu, đây đẹp hơn nhà hát Copenhagen nhiều lắm, nhưng ở thủ đô lại có Joanna.

Nàng cũng có mặt tại đây. Phải, dường như có phép lạ. Mà sân khấu cuốn lên rồi kìa! Joanna đã hiện ra, mình đầy lụa là châu báu, đầu đội chiếc mũ miện bằng vàng. Nàng cất giọng hát, chỉ có tiên trên trời mới hát được như nàng. Nàng tiến hẳn ra phía trước sân khấu, mỉm cười, và chỉ có nàng mới có nụ cười đẹp như vậy. Nàng nhìn đúng vào Knud. Chàng thanh niên nắm lấy tay ông cụ chủ nhà hét to: "Joanna!" Nhưng âm nhạc át mất tiếng chàng và chỉ có mình ông cụ nghe thấy thôi. Ông cụ gật đầu bảo: "Phải đấy, đúng cô ta tên là Joanna đấy!". Đồng thời cụ rút ra một tờ giấy in và chỉ vào tên. Tên Joanna in rõ ràng và chạy suốt cả trang giấy. Đâu có phải là trong mộng? Tất cả cử tọa hoan nghênh nhiệt liệt, tung hoa từng bó, từng vòng lên sân khấu. Mỗi lần Joanna rời sân khấu người ta lại gọi nàng lại, nàng quay ra, lùi vào, rồi lại quay ra.

Sau buổi biểu diễn, người ta chen chúc nhau quanh xe nàng. Người ta tháo ngựa ra để tự tay kéo xe nàng, trong đó Knud đi hàng đầu. Chàng sung sướng và vui như điên, hơn cả những người khác. Khi chiếc xe dừng trước tòa nhà rực rỡ ánh đèn, nơi Joanna ở, chàng len vào đứng gần cửa xe. Joanna bước xuống, ánh đèn chiếu thẳng vào khuôn mặt xinh tươi của nàng. Nàng hết sức cảm động, mỉm cười cảm tạ mọi người, với một cách dịu dàng đáng yêu. Knud nhìn thẳng vào mắt nàng, nàng cũng nhìn chàng, nhưng không nhận ra chàng là ai cả. Một người đàn ông trẻ, ngực lấp lánh một ngôi sao bằng kim cương giơ tay ra cho nàng khoác. Người ta xì xào:

- Họ đã đính hôn với nhau rồi đấy!

Knud về nhà thu xếp hành lý. Chàng muốn và thấy cần phải quyết định trở về quê hương, về bên gốc hương mộc, về dưới bóng liễu. Phải, dưới bóng liễu, chỉ trong một tiếng đồng hồ, con người ta có thể ôn lại cả cuộc đời mình trong tâm trí.

Vợ chồng ông cụ chủ nhà cố hết sức giữ chàng lại với họ. Nhưng nói thế nào chàng cũng không nghe. Họ nhắc chàng sắp đến mùa

đông rồi và tuyết đã bắt đầu rơi trên núi. Chàng đáp: “Thế nào xe cộ chẳng phải mở đường mà đi, cháu sẽ đi theo vết bánh xe mà tìm đường về”.

V

Chàng đeo hành lý chống gậy ra đi, leo lên rồi lại xuống núi. Đã mệt rồi mà chàng chưa trông thấy làng mạc nhà cửa gì cả. Chàng hướng về phương Bắc. Sao lấp lánh quanh mình chàng. Bước chân lảo đảo, đầu choáng, mắt hoa, chàng nhìn thấy sao lấp lánh cả dưới đáy thung lũng tưởng chừng như dưới chân cũng có một trời như trên đầu chàng vậy.

Chàng cảm thấy ốm yếu. Các vì sao dưới chân cứ nhiều mãi lên, mỗi lúc mỗi sáng hơn và chuyển động từ chỗ này qua chỗ khác. Đó là ánh sáng đèn của một thành phố nhỏ. Khi nhận ra điều ấy, chàng thu hết tàn lực lần đến một quán trọ nghèo nàn.

Chàng lưu lại đó đêm ấy và suốt cả ngày hôm sau. Chàng cần được nghỉ ngơi và chăm sóc. Băng tuyết tan. Thung lũng bắt đầu có mưa. Sáng sớm hôm sau có một cặp nghệ nhân già đi tới dạo một bản nhạc giống hệt như một khúc điệu êm đềm nước Đan Mạch.

Knud không thể nào lưu lại lâu hơn nữa, chàng lại lên đường đi về phương Bắc, ròng rã bao ngày, chàng vội vã như sợ rằng tất cả mọi người sẽ chết trước khi chàng kịp về tới nơi. Chàng chẳng hề nói rõ duyên cớ với một ai cả. Không ai có thể biết căn nguyên nỗi buồn của chàng, nỗi buồn sâu sắc nhất của một con người. Thiên hạ và ngay cả những bản thân của chúng ta nào ai quan tâm đến một nỗi đau khổ như vậy, nhất là Knud lại không có bạn. Như một người khách lạ, chàng đi qua những xứ xa lạ, đi mãi về phương Bắc. Trời sập tối. Chàng đi theo đường cái quan. Trời lại bắt đầu giá rét. Cảnh vật nơi đây lại bằng phẳng, người ta lại nhìn thấy đồng cỏ, ruộng nương. Bên đường có một cây liễu to. Tất cả đều gợi cho Knud cảnh vật chốn quê hương. Chàng mệt quá, ngồi xuống gốc cây liễu và gục đầu nhắm mắt, ngủ thiếp đi.

Tuy thế chàng vẫn nhận thấy cây liễu vươn cành xà thấp xuống mình chàng, dường như một ông lão cường tráng. Phải, đấy chính là bố Liễu già giơ tay đón chàng, đưa đứa con trai mệt mỏi và kiệt

sức về quê hương xứ sở, bên bờ biển phẳng lặng vùng Kjoge. Phải, đấy là bố Liễu hiện thành người đi khắp nơi tìm đứa con trai, đã tìm thấy Knud và đưa chàng về khu vườn cũ bên bờ suối. Joanna đã đứng đó, đầu đội chiếc mũ miện vàng như lần cuối cùng chàng thấy nàng. Từ xa, nàng đã reo lên: “Hoan hô anh Knud”.

Hai khuôn mặt đắc biệt cùng hiện ra trước mắt chàng. Chàng biết họ từ lúc còn bé, nhưng giờ đây họ giống người thật hơn hồi xưa. Họ đã đổi khác, khá hơn trước nhiều lắm. Đây là anh con trai và chị con gái bằng bánh ngọt năm xưa, họ quay mặt về phía chàng, và nom diện mạo họ quả là khỏe mạnh và tươi tắn. Họ bảo chàng:

- Chúng tôi cảm ơn anh đã giúp chúng tôi một việc lớn. Anh đã mở miệng cho chúng tôi, đã dạy chúng tôi chớ nên lặng yên, không thổ lộ lòng mình, không thế thì chẳng đi đến kết quả gì cả. Do đó chúng tôi đã đạt mục đích và đã đính hôn với nhau.

Nói rồi họ cầm tay nhau đi trong phố xá Kjoge. Nom họ có vẻ dễ coi, và ngay cả khi nhìn vào mặt trái, họ cũng chẳng có gì đáng phàn nàn cả. Họ đi về nhà thờ, Knud và Joanna cũng nắm tay nhau đi theo họ. Ngôi nhà thờ vẫn còn đó như xưa, với những bức tường lúc nào cũng phủ đầy dây trường xuân xanh tươi. Cửa lớn mở rộng cánh. Tiếng đại phong cầm vang lên. Họ bước vào gian giữa giáo đường lớn. Cặp vợ chồng bánh ngọt bảo: “Mời thầy giáo và cô giáo lên trước!” rồi họ nhường cho Knud và Joanna quỳ trước bàn thờ chúa. Joanna gục đầu vào mặt Knud. Từ mắt nàng lăn ra những giọt lệ lạnh buốt. Tình yêu nồng nàn của Knud đã làm tan khối băng giá xung quanh trái tim nàng. Lúc ấy chàng chợt tỉnh dậy và thấy mình đang ngồi dưới một gốc liễu già, tại một xứ xa lạ, trong một đêm đông giá rét. Mưa đá quất vào mặt chàng. Chàng tự nhủ: “Giờ phút này là giờ phút đẹp nhất đời ta, thế mà lại là một giấc mơ! Xin Thượng Đế hãy cho tôi lại được mơ nữa như thế!”. Chàng lại nhắm mắt ngủ thiếp đi và lại mơ.

Về sáng tuyết bắt đầu rơi và theo gió phủ lên mình chàng. Chàng vẫn ngủ. Dân các xóm lân cận đi lễ qua đấy. Họ trông thấy một người nằm bên đường. Đó là một anh thợ. Anh đã chết rét bên gốc cây liễu.

CHIẾC KIM THÔ

Một hôm có một cái kim thô dùng để lược quần áo (Chính là kim để vá hoặc mạng lại quần áo, nhưng đối với nhân dân ta khi lược quần áo mới dùng kim to còn khâu vá đều dùng kim nhỏ cả. Chúng tôi dùng chữ "lược" để cho hợp với cách sử dụng của ta), tự cho mình là thanh tú lắm, nên cứ tưởng mình là một cái kim khâu.

Cô ả bảo các ngón tay đang sắp cầm lấy mình rằng:

- Này, giờ thì các anh phải chú ý giữ tôi cho khéo nhé! Chớ có mà đánh rơi tôi đấy! Tôi mà ngã xuống đất thì chắc chắn là không bao giờ tìm thấy tôi được đâu. Người tôi nhỏ nhắn thế này cơ mà!

Các ngón tay bảo:

- Cứ mặc cho người ta làm nào! - Nói rồi chúng tóm lấy người cô ả.

- Nhìn đây một tí mà xem. Tôi đến với đoàn tùy tòng của tôi đây này.

Ả kim thô vừa nói vừa kéo theo mình một sợi chỉ dài, nhưng là sợi chỉ không thắt nút.

Các ngón tay điệu ả kim ta về phía chiếc giày băng-túp của chị nấu bếp. Da giày phía trên bị rách cần phải khâu lại.

Ả kim bảo:

- Vải gì mà thô đến thế! Tôi không thể nào chọc thủng được đâu! Tôi đến gãy mất, gãy mất thôi!

Và quả nhiên cô ả gãy thật. Ả kêu ầm lên:

- Tôi đã chẳng bảo thế là gì? Người tôi mảnh dẻ lắm mà!

Các ngón tay bảo nhau:

- Bây giờ thì nó chẳng dùng được vào việc gì nữa rồi.

Nói thế nhưng chúng vẫn giữ cô ả. Chị nấu bếp làm cho cô ả một cái đầu bằng xi rồi dùng cô ả để cài khăn quàng. Ả kim nói:

- Thế là mình đã trở thành cái trâm cài rồi! Mình biết lắm, biết là mình sẽ danh giá mà! Khi con người ta vốn dĩ đã có giá trị thì thế nào cũng nổi danh.

Rồi cô ả làm bộ kiêu hãnh, ngó ngiêng tứ phía chẳng khác gì cậu xà ích đánh xe ngày hội.

Chị đanh ghim láng giềng bảo:

- Dám xin hỏi quý nương, có phải quý nương bằng vàng không đấy ạ? Diện mạo quý nương xinh đẹp và quý nương có cái đầu kỳ lạ lắm! Song lẽ ra nó chỉ hơi bé một chút xíu thôi, quý nương nên gắng sức làm cho nó nhỉnh ra một tý để khỏi phải dùng đến xi như kẻ khác.

Nghe vậy, cô nàng kiêu hãnh nhà ta ưỡn người, nghển mạnh cái đầu đến nỗi từ khăn quàng rơi xuống cái máng giặt, nơi chị bếp đang vò quần áo.

Ả kim bảo:

- Thế là ta sắp được chu du một phen. Miễn là đừng có thất lạc là được.

Quả nhiên cô ả bị thất lạc.

Trong khi nằm chết gí trong máng giặt, cô ả lẩm bẩm:

- Mình thật quá nhỏ nhắn đối với cái thế gian này, ta cũng tự biết ta lắm, biết mình thì bao giờ cũng được vừa lòng đôi chút.

Nhưng ả vẫn cứ hớn hở giữ bộ kiêu hãnh.

Rồi một loạt các thứ bơi qua trên đầu ả. Nào là dằm gỗ, nào là rơm rạ và những mẩu báo cũ.

Ả lẩm bẩm:

- Hãy xem cái tụi kia bơi với lội kìa! Thậm chí mình nằm ngay đây

mà chúng cũng chẳng ngờ rằng bên dưới chúng có cái gì cả! Kìa, một chú dằm gỗ ngoi qua kìa! Cu cậu chẳng nghĩ đến ai trên đời này ngoài cu cậu ra cả, hừ, ngoài cu cậu ra! Nọ lại một cô ả rơm đang du ngoạn! Cô ả quay cuồng vùng vẫy gớm chưa! Này, đi cẩn thận đấy nhá, kẻo lại va đầu vào đá đấy. Còn cái mảnh báo cũ này nữa. Đến là vênh vang! Nhưng mà từ lâu lắm thiên hạ cũng chẳng nhớ đến hắn ta đã đăng tin tức gì rồi. Chỉ có mình ta là vẫn kiên tâm và bình thản. Ta tự biết ta lắm, và luôn luôn giữ lấy giá trị của ta.

Một hôm cô ả cảm thấy có vật gì nằm cạnh, một vật sáng rực rỡ mà cô ả cho là một viên kim cương. Đó là một mảnh chai vỡ. Thấy hắn ta lóng lánh trông như một cái trâm cài đầu, kim bèn cất giọng săn đón:

- Chắc hẳn bà chị là kim cương?

- Một loại na ná như thế.

Thế là ả nọ cứ tưởng ả kia quý báu lắm. Và rồi câu chuyện giữa hai đứa nổ ran, đặc một giọng kiêu kỳ chúa soái ở trên đời.

Kim ta lên giọng:

- Mình ở trong một cái tráp của một tiểu thư. Vị tiểu thư ấy làm nghề nấu bếp. Mỗi bàn tay của nàng có năm ngón. Mình chưa hề thấy ai kiêu căng tự phụ như các lão ngón tay ấy. Thế mà chúng cũng chỉ sinh ra để nâng mình ra khỏi hộp rồi lại cất mình vào thôi.

Mảnh chai hỏi:

- Thế các lão ngón tay ấy có thuộc dòng dõi quý phái không?

Kim đáp:

- Quý phái! Không đâu, nhưng kiêu căng. Chúng có tất cả năm anh em… Và tất cả đều thuộc dòng dõi… họ nhà ngón tay. Chúng tuy dài ngắn khác nhau nhưng đứng cạnh nhau một cách hợm hĩnh. Ngón ngoài, cũng gọi là ngón cái, lùn và mập, đứng tách riêng ra, vì hắn chỉ có trần một khớp nên chỉ có thể gập lại một đốt thôi. Nhưng hắn luôn luôn khoe rằng nếu người nào mà cụt mất hắn thì

không thể nào mà làm việc nhà binh được.

Ngón thứ hai lúc thì nếm mứt, lúc thì nếm mù-tạc (Gia vị làm bằng hột cải (một loại tương)). Hắn còn chỉ trỏ được cả mặt trăng lẫn mặt trời nữa và chính hắn ấn quản bút khi người ta viết lách đấy.

Lão thứ ba thì cao hơn tất cả các lão kia. Lão thứ tư đeo một cái đai bằng vàng và lão bé nhất chẳng làm ăn gì cả. Vì thế nên hắn kiêu ngạo lạ thường. Bọn chúng lúc nào cũng làm bộ làm tịch, bắc bậc kiêu kỳ, nên mình đã bỏ chúng đi nơi khác đấy.

Mảnh chai bảo:

- Có thế chúng mình mới ngồi với nhau ở đây mà lấp lánh chứ!

Lúc đó người ta đổ nước vào máng giặt. Nước chảy lên thành máng và cuốn hai đứa đi.

Kim thở phào:

- Đấy, thế là chúng ta lại được tiến bước rồi đấy.

Mảnh chai tiếp tục lăn đi, còn ả kim đọng lại dưới suối.

- Ấy đấy! Mình mảnh dẻ quá, không nhúc nhích được nữa, nhưng cũng đành vậy chứ biết làm sao?

Quả nhiên cô ả nằm gí ở đấy, ôm ấp những hoài bão vĩ đại của cô ả.

- Mình rồi cũng đến phải tin rằng mình là con của một tia nắng vì mình nhỏ nhắn thế này kia mà! Hình như những tia nắng xuống tận đáy nước tìm mình thì phải. Nhưng mình nhỏ nhắn đến mức thân mẫu mình chẳng tìm thấy mình đâu. Giá ví thử người ta chưa đánh gãy mất cái mắt của mình thì mình còn khóc được nữa cơ đấy! Nhưng không, mình chẳng muốn khóc. Mình mà lại than khóc à?

Một hôm, trẻ con sục sạo dòng suối. Chúng mò tìm đinh cũ, xu đồng và các của tương tự loại ấy.

Công việc chẳng hào hứng lắm, nhưng chúng thích làm việc ấy và

đứa nào nhặt được gì thì lấy nấy.

Một đứa trong bọn, bị cái kim đâm vào tay, kêu lên:

- Ôi chao! Cái đồ ăn mày này!

Ả kim vội cãi:

- Tôi không phải là ăn mày đâu. Tôi là một tiểu thư khuê các đấy.

Nhưng nào có ai thèm nghe nó. Đến lúc ấy cái đầu xi của nó đã tuột ra mất rồi và kim ta trở lại đen xì từ đầu đến chân. Nhưng càng đen thì thân hình trông càng có vẻ nhỏ đi, nên cô ả tưởng mình mảnh dẻ hơn bao giờ hết.

Trẻ con bàn nhau:

- Có cái vỏ trứng trôi đến kia rồi!

Thế là chúng cắm kim vào vỏ trứng.

Cô ả hý hửng:

- May lắm, giờ thì mình lại nổi bật rồi, vì mình thì đen mà thành quách xung quanh thì trắng toát một màu. Ít ra thiên hạ cũng nhận ra mình ngay. Miễn là chớ có say sóng mà gãy tan xác!

Cô ả không say sóng nên chẳng hề bị gãy.

- Đi biển mà có cái bụng bằng thép như mình thì thật là may mắn lắm thay! Mình hơn người ở chỗ ấy đấy. Ai dám tự hào có được cái bụng như ta? Thể chất mình tốt thật! Mà càng nhỏ bao nhiêu thì lại càng tránh được tai nạn bấy nhiêu.

Một chiếc xe tải hàng chẹt lên, vỏ trứng vỡ đánh "rắc" một cái.

Kim rên la:

- Trời! Sao mình lại bị đè khiếp thế này! Hình như mình bị say sóng thì phải. Mình bị gãy nát mất rồi.

Tuy bị chẹt xe nhưng ả kim không bị gãy. Cô ả vẫn như trước, nằm sõng sượt dưới lòng suối. Mặc xác ả!

BÔNG CÚC TRẮNG

Các bạn hãy lắng nghe câu chuyện nhỏ này.

Ở một nơi thôn dã kia, gần ngay đường cái có một ngôi nhà bé nhỏ xinh xắn, nếu các bạn có đi qua, chắc chắn cũng phải để ý đến ngay.

Phía trước có một vườn hoa nhỏ và một hàng rào xanh tươi. Gần đấy, bên bờ rào, có một cây cúc trắng đang nở hoa giữa đám cỏ rậm. Cũng như muôn hoa to đẹp trong vườn được những tia nắng của vầng dương sưởi ấm, giờ này hoa cúc trắng cũng nở. Một sớm đẹp trời kia, cúc ta nở tung, xòe rộng bộ cánh nhỏ nhắn, trắng tinh và bóng bẩy nom như một vầng thái dương thu nhỏ đang tỏa ánh hào quang rực rỡ quanh mình. Dù cho người ta có trông thấy nó giữa đám cỏ và xem nó như một bông hoa tồi tàn vô nghĩa lý, nó cũng chẳng quan tâm đến điều ấy.

Nó lấy làm tự mãn, khoái trá tắm mình trong ánh nắng và nghe chim sơn ca hót vang trên trời cao.

Tuy là ngày thứ hai thế mà bông cúc trắng bé nhỏ ấy cũng vui sướng như ngày chủ nhật. Trong khi trẻ con ngồi học bài trên ghế nhà trường thì nó ngồi trên cái cuống xanh xanh của nó. Qua vẻ đẹp của thiên nhiên nó học được rằng Thượng Đế rất nhân đức và hình như tất cả những điều nó lặng lẽ cảm thấy thì đã được chim sơn ca bé nhỏ kia đã diễn đạt đầy đủ bằng giọng hót vui tươi, cũng vì vậy mà nó nhìn chim sơn ca sung sướng đang ca hát bay lượn với một vẻ như kính trọng, nhưng không một mảy may tỏ ra mong muốm làm được như chim. Nó nghĩ thầm:

- Ta được nhìn, được nghe, nắng sưởi ấm ta, gió ôm ấp ta, thế là đủ. Ôi chao! Nếu còn than phiền thì thật là sai lầm.

Phía trong hàng rào có vô số lá hoa mọc thẳng đuỗn và kiêu kỳ. Chúng không có hương nhưng lại càng vươn cành vênh váo. Thược dược ráng sức phồng lên để tỏ ra to hơn hoa hồng. Nhưng hoa hồng rạng rỡ, màu sắc đẹp đẽ, vênh vang một cách kiêu kỳ. Chúng chẳng thèm đoái nhìn bông cúc trắng bé tí, trong khi bông

hoa nhỏ tội nghiệp ngắm nghía chúng mà nói rằng: “Các chị ấy sang trọng, đẹp đẽ biết bao! Chắc hẳn chàng chim kỳ diệu kia thế nào cũng đến thăm. Ơn trời, thế nào ta cũng được xem cái cảnh tượng ngoạn mục ấy”. Và ngay lúc đó, chim sơn ca không bay về phía thược dược và uất kim hương mà lại sà xuống bãi cỏ, đến gần bông cúc trắng tội nghiệp, lúc này vui mừng đến kinh hoàng, chẳng còn biết nghĩ ra làm sao nữa.

Con chim non bèn nhảy nhót quanh bông cúc và hót rằng:

- Sao cỏ lại êm thế nhỉ? Ồ! Bông hoa xinh xắn có trái tim vàng, khoác áo dài bạc đáng yêu quá!

Nỗi vui sướng của bông hoa bé nhỏ không bút nào tả xiết. Chim hôn hoa rồi lại hót cho hoa nghe, rồi mới bay về bầu trời xanh thẳm. Gần nửa giờ sau hoa còn chưa hết cảm động. Phần thì thẹn thò, phần thì vui mừng ngây ngất tận đáy lòng, nó nhìn tất cả các hoa khác trong vườn. Được mục kích vinh dự của cúc trắng chúng phải cảm thông niềm vui sướng của nó mới phải. Nhưng lũ uất kim hương lại càng thẳng đuỗn ra hơn trước, vẻ mặt đỏ ửng và nhọn hoắt của chúng tỏ vẻ hờn giận. Bọn thược dược thì sưng sỉa mặt mày. Cũng may cho bông cúc trắng đáng thương, chứ như chúng mà biết nó thì thế nào chúng chẳng thở ra biết bao lời chướng tai. Bông hoa bé nhỏ biết vậy nên cũng đâm buồn vì thái độ hằn học của chúng.

Lát sau, một cô gái, tay cầm dao to, sắc và sáng loáng, vào vườn đến gần khóm uất kim hương, rồi cắt lấy từng bông một.

Bông cúc bé nhỏ thở dài:

- Tội nghiệp! Rõ thật là khủng khiếp! Thôi thế là xong đời các chị uất kim hương.

Rồi, trong khi cô gái mang bó uất kim hương đi, cúc trắng lấy làm vui mừng vì chỉ là một bông hoa bé nhỏ, tồi tàn mọc giữa đám cỏ nội. Thấu hiểu lòng nhân từ của Thượng Đế, tràn ngập lòng biết ơn người, đến chiều tà, nó khép cánh, ngủ thiếp đi, suốt đêm mơ thấy vầng thái dương và chim sơn ca.

Sáng hôm sau, khi hoa cúc trắng lại xòe cánh đón không khí và ánh

sáng, nó nhận ra ngay tiếng chim sơn ca đang hót, nhưng bằng một giọng rất buồn thảm. Sơn ca buồn là phải lắm vì người ta bắt được nó và nhốt nó vào một chiếc lồng treo trên cánh cửa sổ.

Chim cất tiếng hót ca ngợi cuộc sống tự do đầy hạnh phúc, vẻ đẹp của những cánh đồng xanh tươi và những cuộc du ngoạn của nó hồi trước, trên những khoảng trời cao.

Bông cúc trắng muốn đến cứu chim lắm, nhưng biết làm sao được? Đó là một chuyện khó. Lòng trắc ẩn của nó đối với con chim đáng thương bị cầm tù làm cho nó quên hẳn cảnh đẹp xung quanh, quên ánh nắng ấm áp và ngay cả những cánh hoa màu trắng chói lọi của chính mình.

Chẳng bao lâu có hai cậu bé đi vào vườn, cậu lớn tuổi hơn cầm một con dao dài và sắc giống như con dao của cô con gái đã cắt uất kim hương. Cúc trắng thấy họ đi về phía mình, không hiểu họ định làm gì mình.

- Ta có thể cắt đám cỏ tốt chỗ này đem về cho chim sơn ca.

Một cậu nói vậy, rồi bắt đầu rạch một khoanh vuông quanh gốc cây cúc trắng.

Cậu kia bàn:

- Nhổ cái hoa đi.

Nghe thấy vậy cúc trắng run lên sợ hãi. Bị nhổ đi là xong đời còn gì? Và chưa lúc nào bằng lúc này nó cầu mong được sống và cùng đám cỏ được đặt vào lồng với chim sơn ca đang bị cầm tù.

Cậu bé lớn hơn trả lời:

- Thôi cứ để nó đấy hay hơn.

Thế là cúc trắng thoát nạn và được vào lồng với chim sơn ca.

Con chim đáng thương đập cánh vào nan lồng sắt, than vãn một cách sầu thảm cho số phận tù đầy của mình. Cúc trắng muốn lắm, nhưng cũng chẳng nói được với chim một lời an ủi.

Cả buổi sớm qua đi như thế.

Con chim bị cầm tù kêu lên:

- Ở đây hết cả nước rồi, người ta đi vắng cả, chẳng để cho tôi lấy một giọt. Họng tôi khô bỏng, người tôi sốt dữ dội, ngạt thở quá! Than ôi! Thế là tôi phải chết, phải xa vầng thái dương sáng chói, xa cây cỏ xanh tươi và xa tất cả cảnh đẹp kỳ diệu của tạo hóa.

Rồi chim rúc mỏ vào đám cỏ ẩm ướt cho dịu mát đôi chút. Chim chợt nhìn thấy bông cúc trắng bèn gật đầu chào thân mật rồi hôn hoa mà bảo rằng:

- Cả em nữa, bông hoa nhỏ nhắn tội nghiệp của anh, em cũng sẽ chết ở đây. Người ta sẽ đem em và mấy ngọn cỏ vào với anh để đổi lấy cả cuộc đời phóng khoáng của anh. Giờ đây đối với anh mỗi ngọn cỏ là một gốc cây, mỗi cánh trắng muốt của em là một bông hoa thơm ngát. Ôi! Em đã gợi lại cho anh tất cả những gì anh đã mất.

Không nhúc nhích được, cúc trắng nghĩ thầm:

- Giá mà mình an ủi được anh ấy nhỉ?

Thế nhưng hương thơm của nó tỏa ra ngào ngạt khác hẳn mọi khi. Chim sơn ca biết vậy nên, mặc dầu héo hon vì cơn khát dữ dội, phải vặt hết ngọn này đến ngọn khác, nhưng nó vẫn giữ gìn không chạm đến bông hoa.

Tối rồi mà cũng chẳng ai về đem cho con chim sơn ca khốn khổ lấy một giọt nước. Thế là nó xả đôi cánh đẹp, vẫy vẫy, giật giật và hót lên một bài buồn thảm. Cái đầu nhỏ nhắn của chim ngả về phía hoa, con tim tan nát vì khát và đau đớn của chim ngừng đập. Trước cảnh tượng đau thương ấy, bông hoa cúc trắng nhỏ bé, cũng như đêm hôm trước, chẳng thể nào khép cánh ngủ nổi. Ốm đau, thương xót, cúc lả xuống đất.

Sáng hôm sau, các cậu bé lại đến. Thấy chim sơn ca đã chết, các cậu bé nhỏ lệ xót thương và đào hố chôn chim. Xác chim được đặt vào một chiếc hộp đẹp màu đỏ được chôn cất hết sức long trọng. Rồi các cậu lại đem rắc cánh hoa hồng lên trên nấm mộ.

Tội nghiệp cho chim! Khi chim còn sống và ca hát, người ta quên, để mặc cho nó chết khát trong lồng, chết rồi người ta mới khóc thương, ban cho những nghi lễ đầy vinh dự.

Mảnh cỏ cùng bông hoa cúc trắng bị người ta quẳng lẫn vào đám bụi ngoài đường cái. Chẳng ai nghĩ đến kẻ đã tha thiết yêu thương con chim non.

MỘT CẶP TÌNH NHÂN

Một chú Quay và một ả Bóng cùng ở cạnh nhau trong một hộp đựng đồ chơi.

Quay bảo Bóng:

- Chúng ta cùng phải sống suốt đời bên nhau, sao lại không đính hôn với nhau nhỉ?

Nhưng cô ả Bóng, bọc bằng một loại da dê mịn và đẹp, nên kiêu kỳ chẳng kém gì một tiểu thư khuê các, không thèm trả lời.

Ngày hôm sau, cậu bé con có hộp đồ chơi đem Quay ra sơn vàng sơn đỏ, rồi trang điểm cho chú một chiếc đanh đồng mới tinh. Khi chú ta quay người chú loáng lên vì màu sắc sặc sỡ.

Quay bảo Bóng:

- Hãy ngắm tôi một tí nào! Giờ thì cô thấy tôi thế nào? Chúng ta đã đính hôn với nhau được chưa nhỉ? Chúng mình sinh ra thật xứng đôi vừa lứa. Cô nhảy, tôi quay, còn có cặp vợ chồng nào hạnh phúc hơn chúng ta được nữa kia chứ?

Bóng đáp:

- Úi chà, tưởng bở! Thế anh không biết cha mẹ tôi đều là những đôi giày băng-túp da dẻ tuyệt đẹp và người tôi bằng lie Tây Ban Nha sao?

Quay cãi:

- Hay lắm, nhưng cô nên biết rằng chính tôi đây cũng toàn bằng vàng tâm đấy nhé! Người sinh ra tôi chẳng phải ai xa lạ, chính là ông thị trưởng thành phố. Những khi nhàn rỗi, ông ta tiện chơi đủ các vật xinh đẹp và tôi là một trong các tác phẩm của ông ấy đấy.

Cô ả Bóng hơi dịu giọng xuống một chút và hỏi:

- Anh nói thật đấy chứ?

Quay thề luôn:

- Tôi mà có sai thì từ nay đừng có ai thèm đánh quay này nữa!

- Anh quả là khéo tự đề cao. Nhưng anh nên biết rằng việc này không thể được. Tôi đã gần như hứa hôn với một chàng chim nhạn. Mỗi lần tôi bay lên trên không chàng lại thò đầu ra khỏi tổ mà tỏ tình âu yếm. Trong thâm tâm, tôi đã bằng lòng lấy chàng từ lâu và chúng tôi đã gần như hứa hôn với nhau rồi, cho nên tôi chẳng thể nào nghe lời anh và xin hứa là chẳng bao giờ quên anh đâu.

Quay buồn bã thở dài:

- Thế có lẽ cũng đã tốt rồi đấy, nhưng cũng chẳng đủ an ủi tôi đâu cô ạ!

Đó là những lời trao đổi cuối cùng của chúng. Ngày hôm sau, cậu bé con lấy Bóng ra chơi và đập cho Bóng nẩy lên trên không. Cô ả lao lên như một con chim. Quay ta thấy Bóng mất hút đi một lúc.

Mỗi lần cô ả quay lại chạm đất là để nẩy vụt lên cao, chẳng biết có phải tại cô ả muốn nhảy lên tận tổ chàng nhạn hay chỉ là vì tác dụng của chất lie Tây Ban Nha.

Nẩy đến cái thứ chín, ngang đường cô ả biến mất, không thấy đâu nữa. Cậu bé con tìm lại mãi chẳng thấy dấu vết gì của Bóng. Cô ả đã mất tích.

Quay thở dài mà than rằng:

- Ta rất biết nàng đi đâu rồi. Ở trong tổ chim nhạn chứ đâu nữa?

Thế rồi càng nghĩ đến Bóng, Quay ta càng cảm thấy yêu cô nàng hơn bao giờ hết. Bóng đã trở thành vợ kẻ khác, đó là điều làm Quay ta rất buồn bã.

Tuy nhiên, Quay vẫn tiếp tục nhảy múa và réo lên vù vù. Nhưng chú luôn luôn tưởng nhớ đến nàng Bóng và trong trí tưởng tượng của chú, cô ả ngày càng đẹp mê hồn hơn trước. Cái đó trở thành cái mà người ta gọi là mối tình xưa.

Quay chẳng còn trẻ nữa. Một hôm người ta đem chú ra sơn kín cả bằng kim nhũ để làm đồ chơi cho một đứa trẻ khác. Chưa bao giờ Quay lại bóng bẩy như thế. Thật là thích thú khi trông thấy chú ta quay lượn và lấp lánh như một mặt trời con. Tiếng vù vù của chú nghe vui tai biết mấy! Ôi chao! Nếu lúc này mà Bóng được nhìn thấy Quay thì phải biết!

Bỗng Quay vấp phải một hòn đá và nẩy bật ra xa. Chẳng ai biết mà cũng chẳng ai trông thấy chú đâu. Chú đã ngất lịm đi và biến đâu mất. Người ta tìm Quay khắp chốn, tìm cả trong hầm rượu xem chú có bị lọt vào qua khe cửa mà rơi xuống hay không. Chẳng thấy gì cả.

Thế thì Quay đi đâu? Rơi vào thùng rác hay giữa đám bụi rậm, vỏ khoai, cuộng bắp cải và rác rưởi bẩn thỉu khác?

Quay tự hỏi:

- Thế là đi tong! Cái nước sơn kim nhũ óng ả của mình rồi đây sẽ ra sao nhỉ? Than ôi! Xem nào, xem nào, cái đám cặn bã này vây quanh mình thế nhỉ?

Chú ngó quanh quẩn, thấy một cuộng rau diếp thối và một vật tròn tròn trông như một quả táo héo. Đó là một quả bóng đã nhiều năm trong ống máng và giờ đây vẫn còn đẫm nước mưa.

Chợt thấy chú Quay thếp vàng, ả Bóng bèn nói ngay:

- Ơn trời, thế là cuối cùng tôi cũng gặp được người bằng vai phải lứa để mà chuyện trò. Anh cũng thấy đấy, tôi bằng lie Tây Ban Nha bọc toàn bằng da dê và chính một tiểu thư xinh đẹp đã khâu ra tôi đấy. Vâng, bây giờ thì chẳng ai tin, nhưng đúng là như thế đấy. Tôi sắp sửa lấy một chàng chim nhạn thì bị tung béng ngay vào một cái máng nước và nằm chết gí ở đấy năm năm trời nay! Than ôi! Nước mưa làm tôi trương phềnh lên thế này! Nom mới xấu xí làm sao! Tôi cam đoan với anh rằng đó là một nhục hình ác nghiệt đối với một tiểu thư con nhà khuê các như tôi.

Quay lặng thinh, chú đang tưởng đến mối tình xưa, và đoán ngay đấy chính là người chú đã yêu say đắm hồi còn trẻ.

Bỗng chị sen đi tới, định đem thùng rác đi đổ. Chị reo lên:

- Ô này, con Quay vàng đây rồi!

Chị cầm lấy và đem về trả cho trẻ con. Thế là Quay lại được sống lại cuộc đời vinh quang. Còn Bóng thì bị quẳng ra ngoài phố, Quay chẳng bao giờ còn nhắc đến mối tình xưa nữa. Khi cô cậu trông thấy cô ả trương phềnh vì nước mưa, nom rúm ró và gớm chết, cu cậu đã lờ đi, không nhận cô ả nữa.

ÔNG GIÀ LÀM GÌ CŨNG ĐÚNG

Bác kể cho cháu nghe một câu chuyện mà bác được nghe từ hồi bác còn nhỏ. Về sau cứ mỗi lần nhớ đến bác lại thấy câu chuyện ấy càng hay hơn và quả thật có những câu chuyện cũng giống như người ta vậy: Càng có tuổi thì càng đẹp lão.

Chắc hẳn cháu đã về nông thôn. Chắc cháu đã từng trông thấy đâu đó một túp nhà nông dân cũ kỹ, rất cũ kỹ, mái rạ mọc đầy rêu, cỏ. Trên đỉnh nóc nhất định phải có một cái tổ cò. Tường thì nghiêng ngả, chỉ có hai hay ba cái cửa sổ thấp lè tè. Có khi chỉ có mỗi một cái còn mở ra mở vào được thôi. Bếp lò đắp phình ra ngoài tường như một cái bụng phệ. Một cây hương mộc nhô lên cao quá hàng rào, xòe cành trên một cái ao, có mấy con vịt đang tắm mát. Con chó bị xích thấy ai đi qua cũng sủa.

Dưới mái một túp nhà tương tự như thế có một đôi vợ chồng già: một ông cụ và một bà cụ nông dân. Họ hầu như chẳng có của cải gì trên đời, thế mà cũng có một vật thừa: đó là một con ngựa sống bằng cỏ mọc trong rãnh ven đường. Khi ra tỉnh, ông cụ thường cưỡi ngựa, thỉnh thoảng hàng xóm mượn của cụ và đền bù lại cho ông lão phúc hậu ấy bằng cách giúp cụ cái này cái khác. Nhiều phen cụ nghĩ rằng: tốt hơn hết là đẩy ngựa đi, bán hoặc đem đổi nó lấy vật gì có ích hơn. Nhưng thử tính xem đổi lấy cái gì mới được.

- Việc ấy thì còn ai tính toán giỏi bằng ông được nữa kia chứ, - cụ bà bảo cụ ông thế. - Hôm nay là ngày phiên chợ tỉnh đấy. Ông mang ngựa đi bán lấy món tiền hay đổi chác lấy cái gì thì đổi. Ông làm thế nào tôi cũng ưng. Thôi, lên đường đi!

Cụ bà quàng cổ cụ ông một cái khăn quàng đẹp và tự tay tết thành hai múi rất đỏm dáng vì bà cụ khéo tay hơn ông cụ. Bà lấy tay vuốt mũi ông cụ, hôn một cái rõ kêu. Rồi ông cụ leo lên ngựa, đem nó đi bán hay đổi chác. Bà cụ nghĩ thầm: "Ừ, ông cụ rất thành thạo đấy, chắc chả còn ai lo toan việc này khéo hơn ông ấy nữa đâu".

Trời nắng gắt, không có lấy một gợn mây. Gió cuốn bụi trên đường cái, đủ các hạng người chen nhau ra tỉnh, kẻ đi xe, người đi ngựa

hoặc đi chân. Ai cũng thấy rất nóng nực. Chẳng đâu có thấy một quán hàng.

Giữa đám đông có một người đàn ông đang dắt một con bò cái ra chợ, một con bò cái thuộc vào loại đẹp nhất. Ông cụ nông dân nghĩ thầm: “Sữa nó chắc là tốt lắm đây! Ngựa mình mà đổi lấy con bò tuyệt đẹp này thì cũng đáng lắm”. Rồi cụ cất cao tiếng gọi: “Ối này, bác đánh bò ơi! Bác có biết tôi định bảo bác cái gì không? Tôi vẫn biết một con ngựa đáng giá hơn một con bò, nhưng cái đó bất thành vấn đề. Tôi nuôi bò cái lợi hơn nuôi ngựa. Bác có muốn đổi bò lấy ngựa tôi không?”.

- Đổi thì đổi, - người đàn ông trả lời, rồi họ trao đổi hai con vật cho nhau.

Đổi chác như thế xong, nhẽ ra ông cụ có thể quay về nhà, vì cụ đã đạt được mục đích của chuyến đi. Nhưng vì muốn đi xem chợ phiên nên cụ quyết định cứ đi đến tận nơi. Thế là cụ lại tiếp tục đánh bò ra tỉnh. Cụ đi rảo bước nên chẳng mấy lúc đã đuổi kịp một gã đang dắt một con cừu, một con cừu có bộ lông dày không mấy khi thấy.

Ông cụ nông dân lại tự nhủ:

- Mình vẫn mong muốn có một con vật đẹp như thế. Cừu thì cần gặm cỏ quanh quẩn bờ rào nhà ta là đủ, chẳng cần phải đi đâu xa kiếm thức ăn cho nó. Đến mùa đông thì cho nó vào buồng, bà lão nhà mình lại có cái vui chơi khuây khỏa. Vợ chồng mình có lẽ nuôi cừu hợp hơn là nuôi bò.

Cụ bảo anh chàng dắt cừu:

- Này anh bạn, có muốn đổi cừu lấy bò không?

Gã kia chẳng đợi nói đến lần thứ hai, vội vã dắt bò đi và để cừu lại. Ông cụ lại tiếp tục dắt cừu đi. Bỗng cụ gặp anh chàng từ một con đường nhỏ ra, tay ôm một con ngỗng còn sống, một con ngỗng to béo, một con ngỗng chưa ai từng thấy bao giờ, làm cho ông cụ cứ ngắm nghía mãi. Cụ bèn bảo anh ta:

- Anh ôm nặng lắm nhỉ? Ngỗng gì mà kỳ lạ thế? Đến là lắm mỡ,

mà lông mới đẹp làm sao chứ! Rồi cụ lại ngẫm nghĩ một mình: "Ngỗng này mà về tay mình thì cam đoan là bà lão nhà mình có cách vỗ cho nó béo hơn nữa ấy chứ lị. Cơm thừa, canh cặn trút cho nó cả, rồi thì là to phải biết! Mình cứ nhớ mãi lời bà ấy luôn luôn nói với mình: Ôi chà! Nếu nhà ta có một con ngỗng đem thả lẫn với đàn vịt thì đẹp biết mấy! Đây có nhẽ là dịp kiếm được một con, mà con này thì phải bằng hai con khác chứ chẳng chơi đâu! Thử xem sao!" Rồi cụ cất giọng nói to: "Này anh bạn, muốn đổi không? Anh lấy cừu, lão lấy ngỗng. Không phải các anh cho lão đâu, mà lão phải trả ơn anh là đằng khác nữa".

Anh kia chẳng đợi nói đến lần thứ hai và ông cụ nông dân trở thành chủ nhân con ngỗng. Lúc ấy cụ đã ra gần đến tỉnh. Càng ngày lại càng đông. Người và vật chen chúc nhau trên đường cái, đi cả xuống rãnh, sát vào bờ rào. Ở cửa ô, người ta chen chúc nhau hỗn độn.

Người thu thuế nhập thị có nuôi một con gà mái. Thấy đông người, hắn ta lấy dây buộc cho nó khỏi xổng đi mất vì hốt hoảng. Gà đậu trên cái rào chắn đường, ngó ngoáy cái đuôi xén cộc, chớp chớp một bên mắt ra bộ ranh mãnh và kêu: "Cooc, cooc!". Nó nghĩ gì thế chả biết được. Nhưng ông cụ nông dân trông thấy nó liền phá lên cười, bụng bảo dạ: "Đây mới thật là một con gà mái đẹp nhất, chưa bao giờ mình được trông thấy, nom nó còn đẹp hơn cả con gà ấp của ông mục sư cơ đấy. Trông nó mới buồn cười làm sao kia chứ! Trời, mình thích nó quá! Gà là một giống vật nuôi tiện nhất, chả phải trông nom gì cả, nó đi nhặt nhạnh hột rơi hột vãi mà ăn thôi. Giá mà đổi được ngỗng lấy gà mà lại tuyệt cơ đấy!" Cụ giơ ngỗng bảo người thu thuế:

- Có đổi không?

Hắn đáp:

- Đổi à? Thế thì còn gì bằng nữa.

Người thu thuế lấy ngỗng, ông cụ nông dân ôm gà đi. Cụ làm nhiều việc dọc đường như thế nên thấy nóng nực và mệt mỏi. Phải tợp một ngụm và chén một miếng gì mới được. Cụ vào hàng ăn. Vừa lúc đó, cậu bồi đi ra, tay xách một túi đầy ắp. Cụ hỏi cậu ta:

- Anh xách cái gì thế?

- Một túi táo còi đem cho lợn đây.

- Sao? Táo còi đem cho lợn à? Thật là phí phạm quá lắm! Bà ấy mà được chỗ táo còi này thì sướng phải biết! Năm ngoái cây táo già gần chuồng ngựa nhà tôi mọc có mỗi một quả. Chúng tôi đặt nó lên chốc tủ và giữ mãi cho đến lúc thối. Bà ấy mà được một túi như thế này thì phải biết. Tôi muốn cho bà ấy mừng một mẻ.

Cậu bồi hỏi:

- Thế cụ giả bao nhiêu?

- Bao nhiêu ấy à? Con gà này chứ bao nhiêu. Đủ chứ?

Họ đổi luôn cho nhau, ông cụ vào hàng ăn, đặt túi táo cẩn thận vào cạnh bếp lò. Sau đấy cụ ra quầy bán rượu. Bếp lò đang nóng mà cụ không để ý.

Nhà hàng rất đông khách, đầy những lái buôn ngựa, lái bò và có cả hai khách du lịch người Anh nữa. Hai người giàu đến nỗi túi phồng lên vì ních đầy tiền vàng. Và sao mà họ thích đánh cuộc đến thế! Đấy rồi cháu xem.

Xèo, xèo. Sao bếp lò lại reo lên thế nhỉ? Táo bắt đầu cháy đấy.

Một người Anh hỏi:

- Cái gì thế?

- À, táo của tôi đấy! - Ông cụ nông dân đáp rồi kể cho người Anh nghe câu chuyện mình đổi ngựa lấy bò cho đến khi lấy táo.

Hai người Anh bảo cụ:

- Thế này thì khi về đến nhà, bà sẽ đón tiếp ông vui đáo để, thế nào ông chẳng được một trận!

Ông cụ trả lời:

- Sao lại một trận? Không, chẳng nói chơi đâu! Bà ấy sẽ ôm hôn tôi

và bảo: “Ông thì làm gì cũng đúng cho mà xem”.

Hai người Anh bảo:

- Chúng tôi bảo không đấy, cuộc nào? Ông muốn cuộc bao nhiêu vàng, mười yến hay một tạ cũng được.

Ông cụ nông dân đáp:

- Một đấu thôi. Tôi chỉ có thể cuộc với các ông đấu táo của tôi thôi, cả tôi và bà nó nhà tôi vào đấy cũng được. Đồng cân đồng lạng rồi đấy, các ngài đã bằng lòng chưa?

- Được, bằng lòng, nhận lời!

Thế là họ đánh cuộc xong.

Người ta đánh xe của ông chủ hàng cơm ra. Hai người Anh leo lên xe và ông cụ nông dân cũng leo lên. “Hấp! Lên đường!” Chẳng mấy chốc họ dừng lại trước nếp nhà quê mùa nhỏ bé.

- Chào bà nó thân mến.

- Chào ông nó thân mến.

- Đổi chác xong rồi.

- Ồ! Ông thật thông thạo công việc. - Bà lão phúc hậu nói thế rồi ôm hôn ông cụ, chẳng để ý đến túi táo lẫn hai ông khách lạ.

Ông cụ nói tiếp:

- Tôi đã đổi ngựa lấy một con bò cái.

- Đội ơn Thượng Đế, nhà mình sắp có sữa ăn, lại có cả bơ và pho-mát nữa chứ. Đổi như vậy là hời đấy.

- Ừ, nhưng sau tôi lại đổi con bò sữa lấy một con cừu cái.

- Thế thì hơn thật. Nhà mình cũng chỉ vừa đủ để nuôi một con cừu, rồi nó lại có sữa.

Tôi mê pho-mát làm bằng sữa cừu lắm. Và ngoài ra tôi lại có len để

đan các loại bít tất ngắn dài vừa ấm vừa tốt nữa kia đấy. Bò cái thì chả được như thế. Ông lo liệu tươm tất đấy.

- Chưa xong đâu bà nó ạ, con cừu ấy tôi đổi lấy một con ngỗng đẹp ra trò!

- Ông già thân mến của tôi ơi, ông luôn nghĩ cách làm cho tôi vui thích nhất. Còn kịp chán! Từ giờ đến lễ Giáng sinh chúng mình còn đủ thì giờ vỗ béo cho nó.

- Không còn con ngỗng nữa đâu, tôi đã đem đổi lấy một con gà mái rồi.

- Gà mái có giá trị của gà mái chứ. Nó đẻ trứng này, nó ấp này, rồi nở ra khối là gà con, lớn lên thành cả một bầy đầy sân. Cả đời, tôi chỉ mơ có một sân đầy gà vịt thôi.

- Chưa xong đâu, bà già thân mến ạ. Tôi đã đổi gà lấy một túi táo còi rồi.

- Sao? Thật không? Ông chồng thân mến của tôi ơi! Thế thì bây giờ tôi phải hôn ông mới được. Ông có muốn tôi kể chuyện xảy ra hôm nay cho ông nghe không? Sớm nay, lúc ông vừa mới đi, tôi đã nghĩ ngay đến chuyện làm một món gì đó thật ngon để chiều nay ông về chén một bữa. Tôi nghĩ đến trứng đúc với mỡ miếng tẩm xạ hương. Tôi nghĩ mãi, thấy chỉ có thế là ngon hơn cả. Trứng có, mỡ có, nhưng xạ hương thì không. Tôi sang nhà ông hương sư trước cửa, bên ấy có trồng xạ hương và hỏi vợ ông ấy. Ông có biết không? Nom mặt bà ấy phúc hậu mà sao lại keo kiệt đến thế được. Tôi hỏi vay bà ấy một nắm. Bà ấy giả nhời: “Vay ư? Vườn nhà tôi chẳng có gì cả, chẳng có xạ hương cũngchẳng có táo còi”. Đến mai tôi sẽ đem biếu bà ta vì bà ta không có mà! Bà ta thích thì tôi cho cả túi. Giả miếng như thế mới hay! Cho xấu hổ một mẻ, nghĩ thế tôi đã thấy thích rồi.

Bà cụ quàng tay ôm cổ chồng và hôn chùn chụt như chị vú hôn em bé.

Cả hai người Anh cùng cười nói:

- Hay lắm! Tôi rất vừa lòng. Đổi chác mỗi lúc một thiệt thế mà

không mảy may làm cho bà lão mất vui. Tấm lòng ấy thật đáng thưởng.

Họ cho ông cụ nông dân một tạ vàng vì bà cụ đối xử với ông chồng rất vui vẻ sau chuyện đổi chác như thế, và ông cụ còn giàu gấp mười lần, gấp ba mươi lần bán ngựa.

Đó là câu chuyện bác được nghe kể hồi còn bé. Bác thấy nó đầy ý nghĩa. Bây giờ cháu cũng đã biết câu chuyện ấy và đừng bao giờ quên nó tên là:

“Ông già làm gì cũng đúng”.

GÃ CỔ CỒN

Ngày xưa có một trang công tử hào hoa phong nhã, đồ đạc vỏn vẹn một chiếc xỏ giày và một cái lược, nhưng lại có một chiếc cổ cồn đẹp nhất trần đời. Câu chuyện của chúng ta đây chính là chuyện về cái cổ cồn ấy.

Gã cổ cồn đã đứng tuổi và đang tính chuyện lấy vợ. Nào ngờ gã lại gặp ngay một ả nịt tất trong bể giặt. Gã bèn buông lời tán tỉnh:

- Quả là tôi chưa bao giờ gặp người nào mảnh dẻ, mịn màng, thanh tao và đáng yêu như quý nương! Dám xin hỏi nàng cho biết quý danh?

Nịt tất trả lời:

- Anh sẽ chẳng biết được đâu!

Cổ cồn lại hỏi thêm:

- Thế quý xá ở đâu ạ?

Nhưng cô ả nịt tất, vốn dĩ rút rát, cho rằng câu hỏi của gã cổ cồn hơi kỳ quặc.

Cổ cồn lại tán sát:

- Chắc hẳn quý nương là một chiếc thắt lưng, một chiếc thắt lưng bên trong. Thưa quý nương tôi thấy quý nương vừa hữu ích vừa là một vật trang sức.

Nịt tất phải gắt lên:

- Đừng có nói nhiều đến tôi như thế! Mà hình như tôi chưa cho phép anh thì phải.

Anh chàng tán gái cãi:

- Đối với một giai nhân tuyệt thế như quý nương thì thiếu gì vấn đề đáng nói!

- Chớ có sán đến gần tôi như thế. Anh là con nhà có giáo dục đấy chứ nhỉ?

- Thưa vâng, một trang công tử hoàn thiện hoàn mỹ - Cổ cồn liến láu - Tôi lại còn có cả một tên xỏ giày và một mụ lược nữa kìa.

Cổ cồn nói khoác, vì những thứ ấy là của chủ gã, gã muốn phỉnh ả nịt tất nên nói thế thôi.

Tiểu thư nịt tất quát lên:

- Lùi ra, tôi không phải là người để cho anh ỡm ờ được đâu.

- Xin quý nương đại xá cho.

Gã khoác lác vội vàng xin lỗi ngay lúc ấy gã bị nhấn chìm trong bể giặt.

Người ta đem gã hồ bột rồi treo ra nắng. Khô rồi người ta đem gã ra là.

Cổ cồn kêu lên với bàn là:

- Thưa bà, thưa quý bà xinh đẹp của em, em cháy mất, em mất hết cả nếp rồi. Xin bà nới tay cho một chút.

- Được, cứ biết thế.

Bàn là nói vậy rồi cứ đè gí cổ cồn xuống tưởng chừng như mình là một chiếc đầu máy xe lửa đang kéo đoàn toa trên đường sắt.

Cổ cồn bị sờn hai đầu, nên người ta lấy kéo xén gã đi một chút.

Chợt thấy đôi lưỡi kéo, gã kêu lên:

- Ồ! Nàng vũ nữ giỏi nhất đã tới kia rồi! Sao mà nàng lại giang đôi chân được rộng đến thế kia nhỉ? Tôi chưa từng gặp ai xinh đẹp như nàng. Mà cũng chẳng có ai giỏi đến như nàng.

Kéo đáp:

- Tôi cũng tin là vậy.

Cổ cồn tán thêm:

- Nàng thật đáng là bá tước phu nhân. Tất cả gia sản nhà tôi gồm có tấm thân phong nhã này, một tên xỏ giày và một mụ lược. Chao ôi! Ước gì tôi được là bá tước nhỉ?

Lưỡi kéo bảo nhau:

- Anh nói thế là thế nào?

Tức giận, kéo xả cho cổ cồn một nhát lẹm vào vải và chị thợ giặt loại cậu cả què sang một bên. Cổ cồn tự nhủ:

- Cùng lắm thì ta hỏi mụ lược vậy.

Gã hỏi lược:

- Chị còn giữ đủ cả bộ răng nên nom tuyệt đẹp. Đã có khi nào chị nghĩ đến chuyện ở riêng không nhỉ?

Lược đáp:

- Có chứ, tôi đã đính hôn với anh xỏ giày rồi đấy.

- Đính hôn! - Cổ cồn nói với giọng khinh bỉ vì cũng chẳng còn ai mà lấy được nữa nên gã làm ra bộ rẻ rúng chuyện cưới xin.

Ít ngày sau, cổ cồn sa vào một nhà máy giấy. Nơi đây có vô số giẻ rách và tất nhiên là giẻ bằng vải mịn đi đằng mịn, thô đi đằng thô. Đứa nào cũng có lắm chuyện để kể cho nhau nghe. Cổ cồn lại là một trong những cu cậu ba hoa nhất. Gã huênh hoang:

- Như tớ đây, tớ đã từng có lắm là bạn gái hầu. Chả được ngơi lúc nào cả. Nhưng phải nói rằng tớ là một cậu công tử đẹp giai, hồ bột ra vẻ lắm nhá! Tớ có một tên xỏ giày và một mụ lược mà tớ chẳng hề dùng đến. Ôi chao! Dạo ấy giá mà các anh chị được trông thấy tớ nghiêng nghiêng cái đầu một tí thì phải biết! Chẳng bao giờ tớ quên được người vợ chưa cưới đầu tiên. Nàng là một chiếc thắt lưng mịn màng, thanh tao và đáng yêu. Nàng đã vì tớ mà trẫm mình trong một cái chậu giặt đấy! Một nàng nữa là một ả góa, chẳng thể nào rời mắt nhìn tớ ra được một lúc, nhưng tớ mặc cho cô ả cứ thế mà héo hon đi. Cô ả là vũ nữ giỏi nhất ở kịch viện.

Chính cô ả đã làm tớ bị thương như các cậu thấy đây này. Ngay cả mụ lược của tớ cũng cảm tớ đến nỗi mê mẩn cả tâm thần đi chứ lị! Thất tình đến nỗi rụng tiệt cả răng. Phải, tớ đã nếm đủ mùi. Nhưng người mà tớ tiếc nhất là cô ả nịt tất, à quên, cô ả thắt lưng mà vì tớ đã gieo mình vào chậu giặt ấy. Chuyện đó đè trĩu lương tâm tớ nên bây giờ tớ chỉ mong mau mau hóa kiếp thành giấy trắng.

Chẳng bao lâu việc ấy được thực hiện. Tất cả giẻ rách đều được biến thành giấy trắng, nhưng riêng gã cổ cồn thì trở thành tờ giấy trên đó in câu chuyện mà bạn đọc đang cầm trong tay.

Vậy thì chúng ta hãy giữ mình đừng có xử sự như gã cuồng dại ấy, vì chúng ta chẳng thể biết rồi đây liệu chúng ta có chung số phận với đám giẻ rách ấy không, liệu chúng ta có trở thành giấy trắng, trên đó cuộc đời chúng ta sẽ được viết lại hay không. Liệu chúng ta có trở thành những người kể lại câu chuyện của chính mình hay không?

MỘT CHUYỆN CÓ THẬT

- Thật là một câu chuyện rùng rợn! - Mụ gà mái già ở bên làng, nơi diễn ra tấn thảm kịch kêu lên như vậy. Sân khấu của câu chuyện rùng rợn ấy là một cái chuồng gà. - Thật tình là đêm qua tôi sợ chẳng dám ngủ một mình. May sao chúng tôi lại đậu đông cả trên cùng một cầu.

Rồi mụ bèn kể lể sự biến ấy với một giọng làm cho cử tọa, kể cả lão gà trống có bộ mào rủ cũng phải sợ dựng đứng cả lông lên.

- Việc ấy xảy ra trong chuồng gà, bên cạnh chuồng tôi. Mặt trời lặn, bọn gà mái leo cả lên cầu. Trong bọn có cô ả lông trắng, chân ngắn, đẻ trứng rất đều, và xưa nay chưa từng có một điều tiếng gì. Leo lên đến cầu, ả bèn lấy mỏ rỉa lông. Một cái lông nhỏ rơi ra, ả bèn lẩm bẩm: Thế là mình lại rụng mất lông rồi! Ả có tính hay nói đùa, ngoài ra, như tôi đã nói, chả ai chê trách ả được điều gì. Sau đó ả ta ngủ thiếp đi.

Trời tối đen như mực. Bọn gà mái đậu xít vào với nhau. Một đứa, đậu gần ả gà mái trắng vừa nói lúc nãy, không ngủ, mơ màng nghĩ cách sống sung sướng trên đời này, nó đang muốn nói chuyện gẫu tí chút với một đứa bạn.

- Này, đằng ấy có nghe người ta nói gì không? Tớ không muốn chỉ đích danh, nhưng một cô ả vừa thú nhận rằng đã chải lông để làm đỏm. Tớ mà là gà trống thì tớ khinh đứt!

Ngay trên đầu lũ gà có vợ chồng con cái nhà cú mèo. Cả cái gia đình ấy đều rất thính tai và đã nghe thấy hết mọi chuyện. Cú con, mắt trợn tròn xoe, còn cú mẹ thì vỗ cánh phành phạch. Mụ bảo các con:

- Không nên rình mò nghe lỏm chuyện ai cả. Nhưng dẫu sao ta cũng e rằng chúng bay đã nghe thấy cả rồi. Chính ta cũng nghe thấy hết, vì còn đôi tai thì còn vô khối là chuyện phải nghe. Dưới kia có một cô ả gà mái mất nết đến nỗi rỉa lông để chài gà trống.

Cú đực bảo vợ:

- Coi chừng bọn trẻ con đấy. Đừng có để cho chúng nghe những chuyện ấy.

Cú mẹ đáp:

- Ừ, tôi chỉ muốn kể lại cho chị cú mèo ngay bên cạnh đây thôi. Bạn thân nhất của tôi đấy.

- Hú hú! - Cả hai mụ cú mèo vừa bay về phía chuồng chim vừa rúc lên - Hu hú! Có một ả gà mái nhổ tiệt cả lông để làm đỏm với gà trống. Phen này thì cứ gọi là chết rét chứ chẳng chơi.

Đàn bồ câu gù lên:

- Ở đâu thế? Ở đâu thế?

- Trong chuồng gà bên kia kìa! Việc này gần như chính chúng tôi đã được trông thấy. Kể lại thì hơi khó, nhưng chuyện này có thật đấy.

Bồ câu gật gù:

- Bọn tôi tin các bác chứ!

Rồi chúng đem ngay câu chuyện sang chuồng gà bên cạnh. Chúng kể lể rằng:

- Có một mụ gà mái, người thì bảo hai cơ đấy, muốn làm ra vẻ khác thường, nhổ tiệt cả lông đi để chài gà trống. Thật là một trò chơi nguy hiểm. Như thế có thể bị cảm lạnh, hoặc lên cơn sốt, thậm chí có thể chết, và quả là hai đứa cũng đã chung số phận ấy rồi.

- Dậy đi thôi!

Gà trống vừa bay tót lên mái chuồng vừa gáy vang lên. Lão còn hơi ngái ngủ, nhưng lão vẫn bô bô lên:

- Có ba ả mái tơ… thất tình với một gà trống! Đã chết vì đau khổ… Các cô ả đã tự vặt tiệt lông đi. Thật là khủng khiếp. Tôi thấy cần phải loan báo cho bà con biết chuyện này.

Tất cả quang quác lên:

- Kể tiếp đi! Kể tiếp câu chuyện đi!

Bọn gà trống gáy om lên.

Thế là câu chuyện truyền từ chuồng gà này sang chuồng gà khác và cuối cùng lại trở về nơi xuất phát. Người ta đồn rằng:

- Có năm ả gà mái đã tự vặt tiệt lông đi để thi xem đứa nào gầy mòn đi nhất vì tương tư một anh gà trống. Sau đó chúng đánh nhau, máu me đầm đìa rồi chết cả nút. Thật là điếm nhục gia phong và lại còn làm thiệt hại lớn cho nhà chủ nữa.

Ả gà mái lúc đầu đã đánh rụng một cái lông con, bây giờ không nhận ra đấy là chuyện của chính mình, vốn đứng đắn, ả kêu lên:

- Nhục nhã thay cho những mụ gà mái ấy! Cũng may mà cái hạng gà như thế cũng chả có mấy! Phải phổ biến rộng rãi câu chuyện này ra mới được, ta sẽ làm đủ mọi cách để truyền câu chuyện này ra nước ngoài. Thật là đáng kiếp cho những quân khốn nạn ấy!

Thế là câu chuyện được đăng dưới nhan đề:

“MỘT CHUYỆN CÓ THẬT”

Các bạn đã thấy chưa? Chỉ có một cái lông gà con con thôi mà cũng sinh ra được năm con gà mái cơ đấy!

CHIẾC BẬT LỬA

Một anh lính đang đi trên đường cái. Một, hai! Một, hai! Bọc đồ trên lưng và gươm cạnh sườn, anh vừa tham chiến về, đang trên đường trở lại quê hương.

Dọc đường, anh bỗng gặp một mụ phù thủy già. Nom mụ thật gớm ghiếc. Môi dưới trễ xuống đến tận ngực. Mụ đon đả:

- Chào thầy quyền! Thầy có cái gươm đẹp quá, lại có cái kích to đến thế! Thầy có cần tiền không? Muốn bao nhiêu già này cũng cho.

Anh lính đáp:

- Thế thì cảm ơn bà mẹ lắm!

- Anh có nom thấy cái cây to này không? Nó rỗng giữa đấy. Leo lên ngọn cây, anh sẽ thấy một cái lỗ, chui vào là tụt được xuống đến đáy. Ta sẽ buộc chiếc thừng này vào người anh, hễ anh gọi là ta kéo lên.

Anh lính hỏi:

- Xuống đến đáy rồi làm gì nữa, hở bà mẹ?

- Lấy tiền chứ còn làm gì nữa. Nhớ rằng khi xuống đến đáy cây, anh sẽ thấy một con đường rộng, sáng chưng vì có thắp những hơn một trăm ngọn đèn. Anh cũng sẽ trông thấy và phải mở ba cái cửa; chìa đã cắm sẵn ở ổ khóa rồi đấy. Vào đến căn phòng thứ nhất, anh sẽ thấy một cái hòm to đặt dưới đất, có một con chó ngồi trên mặt hòm. Mắt nó to bằng cái chén tống uống nước, nhưng chớ có sợ. Này! Cầm lấy cái tạp dề kẻ ô xanh này của ta. Anh sẽ trải xuống đất, xong đi thẳng tới chỗ con chó, giữ lấy nó rồi mở hòm ra, muốn lấy bao nhiêu shilling thì lấy, lấy bằng thích thì thôi. Đấy là tiền bằng đồng, còn nếu anh thích bạc hơn thì sang buồng bên cạnh. Bên ấy có một con chó mắt to bằng cái bánh xe cối xay, nhưng chớ có lo ngại gì; lấy cái tạp dề mà túm lấy nó rồi cứ thế mà lấy bạc. Nếu muốn lấy vàng thì bao nhiêu cũng có, chỉ sợ anh

không có sức mang thôi, nhưng phải sang căn phòng thứ ba. Có điều là con chó ngồi trên hòm tiền vàng lại có đôi mắt to như những cái tháp tròn cơ đấy. Gớm! Chó đấy thì có một không hai! Đừng sợ. Lại lấy cái tạp dề mà túm lấy nó. Nó sẽ chẳng làm gì được, và anh sẽ tha hồ lấy vàng trong hòm.

Anh lính bảo:

- Bà mẹ nói nghe được đấy. Nhưng tôi phải trả lại cho bà mẹ cái gì cơ? Chắc bà mẹ cũng sắp đòi tôi điều gì chứ chẳng để không đâu.

Mụ đáp:

- Không, tôi chẳng đòi gì anh đâu. Tôi chỉ muốn nhờ anh lấy lên cho tôi chiếc bật lửa của bà tôi lần trước xuống đấy để quên thôi.

Anh lính bằng lòng.

- Được, buộc dây thừng vào người tôi đi.

Mụ già mừng rỡ:

- Có ngay, còn đây, cái tạp dề kẻ ô xanh đây.

Anh lính trèo lên cây, chui vào bên trong thân cây và tới một con

đường lớn có thắp hàng trăm ngọn đèn.

Anh mở cái cửa thứ nhất. Eo ôi! Trong ấy có con chó mắt to bằng cái chén tống uống nước. Nó đang nhìn anh chằm chằm.

- Này đây, quỷ sứ nhà giời! - Anh lính vừa nói vừa lấy cái tạp dề của mụ phù thủy trùm lấy con chó, rồi lấy tiền shilling bằng đồng bỏ vào bọc đầy ứ, không nhét được nữa mới thôi. Sau đó anh đóng hòm lại cẩn thận, đặt con chó vào chỗ cũ rồi qua căn phòng thứ hai. Bên trong lại có một con chó khác, mắt to tựa đôi bánh xe cối xay. Anh lính bảo:

- Sao mày cứ nhìn tao trừng trừng thế? Khéo không có đau mắt đấy!

Anh quăng cái tạp dề của mụ phù thủy trùm lên con chó, rồi thấy hòm đựng đầy tiền bạc, anh vội vứt hết đám shilling bằng đồng ban nãy đi và ních tiền bằng bạc đầy bọc và túi quần áo.

Thế rồi anh vào căn phòng thứ ba. Khiếp quá! Đúng là có con chó mắt to bằng những tháp tròn đang chồm chỗm ở đấy thật! Mắt nó cứ đảo tít như bánh xe đang lăn thế này này!

Anh lính đưa tay lên mũ và cất tiếng:

- Chào mày!

Anh chưa bao giờ trông thấy con chó nào như thế. Anh nhìn nó một lúc rồi nói: “Thôi xin đủ!” và lấy cái tạp dề để trùm lên nó. Sau đó anh mở hòm. Ối giời ơi! Toàn những vàng là vàng! Nhiều đến nỗi đủ để mua tất cả kinh thành Copenhagen, tất cả của ngọt của các bà già bán kẹo, tất cả các chú lính chì, tất cả những con quay trên thế gian này!

Số tiền bằng bạc lấy đầy bao và túi quần áo ở buồng bên anh lính vất đi lấy vàng nhét thay vào. Anh còn tống thêm vào mũ và quần nịt đến nỗi gần như không bước đi được nữa.

Anh lại đặt con chó lên mặt hòm, đóng cửa buồng và cất tiếng to gọi mụ phù thủy:

- Kéo tôi lên đi thôi!

Mụ hỏi:

- Anh đã cầm chiếc bật lửa chưa?

Anh lính đáp:

- Ồ, chết chửa, tôi quên khuấy đi mất!

Anh quay lại lấy cái bật lửa. Rồi mụ phù thủy kéo anh ta lên và… anh lại đang đứng giữa đường cái. Anh hỏi:

- Bà mẹ lấy cái bật lửa này làm gì thế?

Mụ đáp:

- Không việc gì đến anh. Lấy được tiền rồi thì giả ta cái bật lửa đây.

Anh lính cương quyết:

- Không! Nói ngay cho ta biết mụ định lấy chiếc bật lửa làm gì, không thì ta rút gươm chém cổ mụ bây giờ.

Mụ phù thủy vẫn khăng khăng:

- Không được!

Thế là anh lính liền chặt phăng ngay đầu mụ. Sau đó anh lấy cái tạp dề của mụ gói tất cả tiền lại, vác lên vai, giấu chiếc bật lửa vào túi áo rồi ra thành phố.

Đó là một thành phố đẹp. Anh vào một khách sạn sang trọng nhất, thuê một căn phòng lịch sự nhất và gọi một bữa cơm đắt tiền nhất. Anh có thể tự cho phép mình làm như thế, vì bây giờ anh đã giàu có.

Cậu bé đánh giày nói rằng đôi ủng của anh cũ quá, không xứng đáng với một vị phú ông như anh. Tại anh chưa có thì giờ đi mua giày mới chứ! Nhưng đến ngày hôm sau, anh đã có đôi ủng mới tinh và quần áo cực đẹp. Anh lính của chúng ta đã trở thành một nhân vật quan trọng. Người ta nói cho anh biết tất cả những cái gì đáng xem, đáng để ý đến trong thành phố, và có nói cả đến nhà

vua và nàng công chúa đẹp tuyệt vời.

Anh hỏi:

- Có thể gặp nàng được không?

Người ta trả lời anh:

- Không thể được. Công chúa ở trong một tòa lâu đài tứ phía có tường thành và tháp canh bao bọc. Trừ vua ra không một ai đến gặp nàng được, vì có người nói là số nàng phải lấy một anh lính tầm thường, và nếu thật thế thì đức vua sẽ vô cùng đau khổ.

Anh lính nghĩ thầm:

- Giá mà mình được gặp nàng! Nhưng làm thế nào được bây giờ?

Anh sống một cuộc đời ăn chơi, vào khắp các rạp hát, đi vào vườn thượng uyển bằng xe ngựa bốn bánh. Anh hay bố thí cho kẻ nghèo vì anh thường nhớ đến những năm cơ hàn, bản thân anh không có lấy một xu dính túi. Ngày nay, anh đã giàu có, ăn mặc sang trọng, có nhiều bạn bè, nói tóm lại là một phong lưu công tử toàn thiện toàn mỹ. Anh lấy thế làm vẻ vang lắm.

Nhưng vì cứ có tiêu mãi mà không kiếm ra được đồng nào nên đến một hôm anh chỉ còn có hai shilling thôi. Anh đành phải rời bỏ những căn phòng sang trọng đến ở một căn gác xép nhỏ xíu sát mái nhà, phải tự mình đánh bóng lấy đôi ủng và tự tay đính lại các khuy áo. Không có ông bạn nào đến thăm anh cả, cũng một phần vì phải leo thang gác nhiều quá.

Một buổi trời tối đen như mực (anh không còn tiền mua nến nữa) anh ta bỗng nhớ ra là mình còn cái bật lửa con nhặt ở dưới đáy cái cây dạo nọ. Anh lấy nó ra và bật lên. Khi những tia lửa vừa phát ra từ viên đá thì cửa bỗng mở, con chó có đôi mắt to như đôi chén tống uống nước bước ra và bảo anh:

- Ông muốn sai gì tôi?

Anh lính sửng sốt:

- Gì thế này? Cái bật lửa thần diệu quá! Ta muốn gì cũng được à?

Thế thì lấy tiền về đây cho ta!

Con chó đi trong nháy mắt rồi trở lại, mõm ngậm một cái túi to tướng đựng đầy shilling.

Giờ thì anh lính đã biết phép màu của chiếc bật lửa. Nếu anh bật một cái tức khắc hiện ra con chó ngồi trên hòm đựng tiền shilling đồng, bật hai cái là gọi con chó giữ tiền bằng bạc, bật ba cái là gọi con chó giữ tiền vàng.

Anh lính của chúng ta lại trở về những căn buồng lịch sự và lại diện quần áo sang trọng. Tất cả các bạn anh lại đến thăm anh và quả quyết rằng họ rất yêu mến anh.

Một hôm, anh tự nhủ:

- Thật lạ quá, sao người ta lại không được gặp nàng công chúa phi thường ấy nhỉ? Ai cũng nói rằng nàng đẹp lắm, nhưng nếu cứ cấm cung trong tòa lâu đài thì đẹp mà làm gì? Liệu ta có thể gặp được nàng không? Bật lửa của ta đâu nhỉ?

Anh bật một cái. Xoẹt! Con chó mắt to bằng cái chén tống uống nước hiện ra trước mặt anh. Anh lính bảo:

- Kể cũng hơi muộn, nhưng ta muốn gặp nàng công chúa, một lát thôi cũng được.

Anh vừa dứt lời, con chó đã vọt ra cửa và trở về ngay, trên lưng cõng nàng công chúa đang thiêm thiếp giấc nồng. Nàng đẹp đến nỗi thoạt trông thấy ai cũng biết ngay nàng là một vị công chúa. Anh lính không thể đừng, ôm lấy nàng mà hôn, theo kiểu các thầy quyền chính cống. Con chó lại đem trả nàng về ngay lập tức. Nhưng sáng hôm sau, lúc uống trà, công chúa tâu với vua cha và hoàng hậu là nàng đã mơ một giấc mơ kỳ lạ về một con chó và một anh lính. Nàng đã cưỡi trên lưng con chó và anh lính đã hôn nàng.

Hoàng hậu bảo:

- Câu chyện kỳ quái thật!

Một người cung nữ già được lệnh ngồi cạnh bên giường công chúa

suốt đêm hôm sau để xem có đúng là một giấc mơ thật hay không.

Anh lính thèm được gặp công chúa đến chết đi được. Thế là đêm đến con chó lại bắt nàng đi. Người cung nữ già xỏ giày băng-túp vào và theo hút con chó. Thấy nó vào một cái nhà lớn, bà tự nhủ: "Giờ thì ta đã biết chỗ rồi". Bà lấy phấn vạch một chữ thập lên cánh cửa rồi về nhà đi ngủ. Con chó lại đưa công chúa về. Nhưng khi nó thấy nhà anh lính bị đánh dấu nó bèn lấy phấn vạch chữ thập vào tất cả các nhà trong thành phố. Giờ thì đố người cung nữ già làm thế nào mà nhận ra nhà anh lính được.

Sáng sớm tinh mơ, đức vua, hoàng hậu, người cung nữ già và tất cả triều đình đều muốn xem công chúa đã bị bắt đến chỗ nào.

Vừa trông thấy cái cửa đầu tiên có đánh dấu chữ thập, đức vua nói: "Đây rồi".

- Không phải đâu ông bạn thân mến ạ, đây cơ! - Thì ra hoàng hậu trông thấy một cái cửa khác cũng đánh dấu chữ thập.

Bọn quân thần cũng nói:

- Đây cũng có một cái nữa này!

Chẳng nên tìm làm gì nữa, tìm cũng vô ích thôi.

Hoàng hậu là một người sáng ý, bèn lấy một tấm lụa to ra, dùng một cái kéo lớn bằng vàng cắt một miếng, rồi đem khâu thành một cái túi con. Người nhét bột mịn vào đầy túi, rồi buộc vào lưng công chúa. Sau đó, hoàng hậu chọc thủng một lỗ con để công chúa đi đến đâu thì bột rơi đến đó suốt dọc đường.

Đêm hôm sau, con chó lại đến cõng công chúa lên lưng, đem nàng chạy về gặp anh lính đang buồn phiền vì chẳng phải là hoàng tử để có thể lấy được người mình yêu dấu.

Con chó không biết là bột rơi suốt dọc đường từ tòa lâu đài cho đến tận cái cửa sổ nó vừa cõng công chúa trên lưng nhảy qua để vào phòng anh lính.

Sáng hôm sau, vua và hoàng hậu tìm ra nơi công chúa vẫn bị đưa đến. Thế là anh lính bị bắt giam vào ngục.

Anh ngồi trong tù. Sao mà ẩm ướt và tối tăm đến thế!

Người ta báo cho anh biết: “Ngày mai mày sẽ bị treo cổ”. Anh lại để quên chiếc bật lửa ở nhà mới chán chứ!

Qua hàng chấn song sắt phòng giam anh trông thấy nhân dân thành phố kéo nhau đến xem người ta treo cổ anh. Anh nghe thấy tiếng trống và thấy binh lính diễu qua. Thiên hạ chạy ồn ào. Một cậu học việc thợ giày, ngực đeo tạp dề, chân đi băng-túp, đánh văng mất một chiếc, bèn chạy vào gần bờ tường để nhặt. Đằng sau bức tường ấy, anh lính đang ngồi nhòm ra ngoài chấn song sắt.

Anh lính gọi cậu bé:

- Này anh bạn, đi đâu mà vội thế? Tôi chưa ra thì họ chưa bắt đầu đâu. Anh hãy chạy về nhà tôi, lấy giúp tôi cái bật lửa, có được không? Tôi sẽ cho anh bốn shilling, nhưng ba chân bốn cẳng lên mới được.

Cậu học việc thấy nói được bốn shilling không mong gì hơn, mừng quá, bèn chạy đi lấy cái bật lửa đem đến cho anh lính và thế là…

… Bây giờ các bạn hãy chăm chú nghe tôi kể tiếp:

Ngay cổng thành phố đi vào người ta đã dựng lên một cây giá treo cổ cao ngất, có một hàng rào lính canh, xung quanh có đến hàng chục vạn người xem. Đức vua và hoàng hậu ngự trên một cái ngai vàng lộng lẫy. Anh lính đã ở trên ngọn thang rồi. Nhưng đến lúc

người ta sắp sửa tròng dây vào cổ, anh xin phép hút một tẩu thuốc lá, hút tẩu cuối cùng trên thế gian này. Đó là một đặc ân thường được ban cho phạm nhân.

Đức vua không từ chối. Anh lính rút bật lửa ra đánh. Một, hai, rồi ba lần! Lập tức con chó mắt to như đôi chén tống uống nước, cả con chó mắt to như cái bánh xe cối xay lẫn con có mắt to bằng những tháp tròn lớn, cả ba con chạy ngay đến. Anh lính kêu to:

- Hãy bảo vệ ta khỏi bị treo cổ!

Vừa nghe dứt lời, lũ chó nhảy chồm ngay tới tên đao phủ và những tên xử án, vồ lấy chân tên này, vồ lấy tay tên khác, rồi tung chúng lên trên không làm chúng rơi xuống tan xác.

Nhà vua hét lên: “Thôi, dừng lại!” Nhưng con chó lớn nhất đã vồ lấy cả vua và hoàng hậu, xô hai người ngã nhào lên nhau. Quân lính khiếp kinh, còn nhân dân thì hô to:

- Anh lính bé nhỏ, chính anh sẽ là vua của chúng tôi, và sẽ cưới nàng công chúa xinh đẹp!

Người ta rước anh lính vào xe của nhà vua, và ba con chó vui mừng, vừa chạy xung quanh, vừa sủa nhắng lên. Trẻ con chạy theo sau. Quân lính bồng súng chào.

Công chúa ra khỏi tòa lâu đài và được phong hoàng hậu.

Tiệc cưới kéo dài trong tám ngày. Tất nhiên là ba con chó cũng có chỗ trên bàn tiệc. Còn phải nói, chúng mở mắt đến là to.

CHIẾC HÒM BAY

Ngày xưa, có một lão lái buôn giàu đến nỗi có thể lấy bạc ra lát kín cả phố lão đang ở và có lẽ còn lát thêm được một cái ngõ nữa. Nhưng lão ta chẳng dại gì mà chơi ngông thế, lão có lắm cách dùng tiền có ích hơn nhiều. Chẳng bao giờ lão bỏ ra một xu nếu không biết chắc là sẽ thu về được một hào.

Nhưng… bỗng một hôm lão chết.

Bao nhiêu tiền vàng đều về tay người con trai. Anh này chỉ ăn chơi, đêm nào cũng miệt mài trong những cuộc khiêu vũ hóa trang, lấy bạc giấy làm diều và dùng tiền vàng ném thia lia thay mảnh sành. Ăn chơi như thế, nhất định tiền bạc cứ phải theo nhau mà chuồn. Quả nhiên tiền biến đi rất nhanh, đến nỗi một hôm, anh ta chỉ còn trần bốn shilling, một đôi giày băng-túp và một cái áo mặc trong nhà. Không dám đi cùng với anh ngoài phố, bạn hữu bỏ rơi anh. Nhưng có một người tốt bụng gửi cho anh một cái hòm cũ và bảo:

- Cho cậu cái hòm này mà đựng tài sản!

- Thế thì còn gì bằng!

Nhưng chẳng còn gì mà đựng và cũng chẳng còn giường nữa, anh ta nằm quách ngay vào hòm.

Cái hòm ấy cũng kì lạ. Hễ cứ đè lên cái khóa thì nó bắt đầu bay. Chàng trai trẻ của chúng ta vừa đè lên cái khóa, thế là cái hòm chui ra khỏi ống khói, rồi bay vút lên cao, lên trên cả mây, bay xa, xa mãi. Đáy hòm kêu răng rắc làm cho anh chàng ngồi trong sợ chết khiếp. Hãy cứ tưởng tượng xem, nó mà tung mất đáy thì cứ là ngã lộn nhào xuống chết toi. Nhưng ơn trời phù hộ, cuối cùng anh ta hạ xuống xứ Thổ Nhĩ Kỳ.

Anh bạn của chúng ta kéo cái hòm vào khu rừng. Ăn mặc như anh lúc bấy giờ không làm cho người ta để ý vì người Thổ Nhĩ Kỳ ra đường ai cũng mặc áo ở nhà và đi giày băng-túp. Gặp một chị vú bế một đứa bé anh bảo:

- Cho tôi hỏi thăm một tí chị vú ơi! Cái lâu đài có cửa sổ cao kia, ở ngay gần thành phố, là lâu đài của ai thế?

Chị vú đáp:

- Đấy là chỗ ở của công chúa đấy… Người ta đoán là số nàng sẽ gặp phải người chồng làm cho nàng rất khổ sở. Vì thế cho nên nếu không có mặt vua và hoàng hậu thì không ai được lại gần nàng cả.

Anh chàng con trai lão lái buôn cám ơn rồi trở lại khu rừng, chui vào hòm, bay lên tòa lâu đài và đến gõ cửa buồng công chúa.

Nàng đang nằm ngủ trên một chiếc xô pha. Anh chàng con trai lão lái buôn trông thấy nàng đẹp quá chừng, không cầm lòng được, bèn ôm hôn nàng. Công chúa tỉnh dậy thất kinh, nhưng anh chàng bảo nàng rằng mình là thần hoàng nước Thổ Nhĩ Kỳ vừa mới bay đến đây gặp nàng nên nàng lại lấy thế làm hân hạnh.

Họ ngồi bên nhau, anh chàng bắt đầu tán tụng đôi mắt tuyệt diệu của nàng. Anh bảo đó là chiếc hố sâu thẳm rất đẹp, trong đó ý nghĩ bay lượn như những nàng tiên cá. Rồi anh tán đến trán nàng. Đó là một đỉnh núi tuyết sáng lóng lánh. Anh còn nói đến cả chuyện cõng những đứa trẻ ngoan ngoãn vào đầu thai trong các gia đình.

Những lời tán tỉnh hay tuyệt ấy làm cho công chúa mê tít. Anh chàng vội hỏi ngay công chúa làm vợ. Nàng ưng thuận và bảo:

- Nhưng đến thứ bảy chàng phải quay lại đây. Hôm ấy cả vua và hoàng hậu đến đây ngự trà với thiếp. Hai thân sẽ rất hài lòng thấy thiếp được thừa tiếp thần hoàng nước Thổ Nhĩ Kỳ. Vậy chàng hãy chuẩn bị kể cho vua cha và hoàng hậu nghe một câu chuyện thật hay vì hai thân thích nghe kể chuyện lắm. Hoàng hậu thích nghe những chuyện nói về những nhân vật thật thà và đạo đức. Vua cha thì thích chuyện vui và khôi hài.

Anh chàng đáp:

- Lễ vật dẫn cưới của tôi chỉ là kể chuyện thôi đấy!

Họ chia tay nhau, nhưng trước đó, công chúa tặng chàng một thanh kiếm nạm tiền vàng.

Tiền vàng ấy cũng sẽ giúp ích cho anh chàng.

Anh ta bay đi mua một cái áo mới, rồi về khu rừng ngồi bịa ra một câu chuyện. Thứ bẩy đã phải kể rồi, mà có phải tự nhiên có chuyện mà kể đâu.

Dẫu sao đến thứ bay anh chàng cũng chuẩn bị xong.

Đức vua, hoàng hậu, tất cả triều đình hội họp đông đủ tại lâu đài công chúa để dùng trà. Anh con trai lão lái buôn được tiếp đón rất nồng nhiệt. Hoàng hậu hỏi:

- Chàng kể cho chúng ta nghe một câu chuyện nhé! Một câu chuyện có tính chất giáo dục tư tưởng thật sâu sắc ấy, được không?

Nhà vua thêm:

- Nhưng đồng thời lại khôi hài nữa kia.

- Xin sẵn lòng, - anh chàng nói rồi bắt đầu kể:

“Ngày xưa có một bao diêm rất tự kiêu vì dòng dõi quý phái của nó. Cha những que diêm ấy là một cây tùng lớn, một cây cổ thụ to

trong rừng. Thế mà những que diêm tội nghiệp phải ở trong bếp, cạnh một cái bật lửa và một cái nồi cũ kỹ, và chỉ có thể thuật lại tuổi trẻ vinh quang với họ được thôi.

Chúng nói: “Phải, chúng ta đã từng sống sung sướng trên những cành cây xanh tươi. Sáng nào, tối nào chúng ta cũng uống trà bằng những hạt sương lóng lánh như kim cương. Những hôm trời nắng, chúng ta tận hưởng ánh nắng suốt ngày, và có những con chim nhỏ đến để kể chuyện cho chúng ta nghe. Chúng ta là con nhà giàu, chúng ta biết có những cây chỉ mặc lá xanh trong mùa nực, còn chúng ta thì bận y phục xanh suốt cả mùa đông lẫn mùa hè.

Nhưng bỗng một hôm tiều phu kéo đến. Thế là đại cách mạng, và gia đình chúng ta tan đàn xẻ nghé. Cha chúng ta được dùng làm cột buồm chính trên một cái tàu thủy rất đẹp, có thể vòng quanh thế giới được. Những cành khác đi nơi khác, còn số phận chúng ta là phải đem lửa đến cho thiên hạ, cho nên chúng ta mới bị đày ải vào một cái bếp như thế này, mặc dù chúng ta là con nhà quyền quý”.

Cái nồi bên cạnh bao diêm kể rằng:

- Tôi thì khác. Từ lúc sinh ra đời, tôi đã bị thiêu không biết bao nhiêu lần rồi! Ở đây chính tôi là vật chịu đựng giỏi nhất và được quý nhất nhà này. Tôi thích nhất là sau khi xuất hiện trên bàn ăn về lại được lau chùi sạch bóng và chuyện gẫu với bạn bè. Nếu không có cái thùng xách nước thỉnh thoảng được xuống sân, có thể nói là tôi chỉ sống quanh quẩn giữa bốn bức tường này mà thôi. Nguồn cung cấp tin tức độc nhất của tôi là cái thùng đựng thức ăn, nhưng nó luôn luôn nói xấu chính phủ, đến nỗi, hôm nọ, một cái vò cũ kỹ hoảng hốt rơi ngã xuống, tan làm mấy mảnh đấy. Tôi có thể nói rằng chị ấy chính là một người bất mãn.

- Chị ăn nói ba láp quá lắm! (Cậu bật lửa nói rồi lấy bánh xe bằng thép xoạt một cái vào viên đá làm bật ra một tia lửa) Nhưng liệu chúng ta có tìm được cái gì cho vui buổi tối hôm nay không nhỉ?

Lũ diêm reo lên:

- Đúng đấy, hãy tranh luận xem trong chúng ta ai là con nhà quý phái nhất!

Nồi gạt đi:

- Không, tôi không thích nói về cái bản thân mình. Chúng mình hãy tìm một vấn đề khác mà nói. Tôi bắt đầu nói trước nhé! Xin bắt đầu kể cho các bạn nghe một câu chuyện có thật. Chuyện có thật vẫn là chuyện hay nhất, nhưng dễ mấy khi đã được nghe. Vậy thì, trên bờ biển Baltic, giữa các cây dẻ gai, trong những cánh rừng nước Đan Mạch…

- Vào đề khá lắm! - Mấy cái đĩa lớn tiếng khen.

- Đấy là nơi tôi đã sống cuộc đời măng trẻ trong một ngôi nhà tĩnh mịch. Đồ đạc bóng loáng, sàn gỗ sạch tinh, cứ nửa tháng người ta lại thay rèm cửa một lần.

Chổi khen:

- Hay quá là hay! Mới thoáng nghe đã biết ngay là giọng đàn bà kể chuyện, vì phụ nữ bao giờ cũng chú ý đến sự sạch sẽ.

- Đúng đấy! - Thùng xách nước nói rồi thích chí ngả nghiêng một cái làm nước sánh ra sàn gỗ mất một ít.

Nồi kể tiếp chuyện đời mình, phần cuối cùng cũng hay như đoạn đầu.

Mấy cái đĩa thích quá, cứ nhấp nha nhấp nhổm. Chổi lấy mấy nhánh rau mùi trong sọt rác quàng vào cổ nồi để khen thưởng nó. Biết rằng làm như thế kẻ khác sẽ ghen tị, không bằng lòng, nhưng chổi nghĩ thầm: Hôm nay mình thưởng nó, ắt là đến mai nó lại phải khen thưởng mình chứ sao!

Kẹp than rủ rê: “Bây giờ nhẩy với nhau đi nào!” Nói rồi nó ra sức dang đôi tay lên trời thật.

Cái nệm trong bếp nhìn thấy thế cười tưởng đến nứt cả bụng.

Kẹp than lại hỏi: “Đã đáng thưởng cho ta một vòng hoa như cái nồi chưa?”.

Nó được thưởng thật.

Lũ diêm nghĩ bụng: Dẫu sao cũng chỉ là đồ hạ lưu cả.

Đến lượt cái ấm trà hát, nhưng nó hơi bị cảm lạnh. Lúc nào thật nóng, nó mới hát được. Thật ra đấy chỉ là lý do bịa thôi. Nó còn để dành đến lúc được đặt lên bàn, trước mặt các ông bà chủ, nó mới hát.

Trên cửa sổ, có một cái bút lông ngỗng, chị sen vẫn dùng để viết. Bút ấy chẳng có gì đáng được để ý ngoài cái điều chấm mực nhiều quá. Ấy thế mà chủ chẳng mảy may khó chịu. Bút nói:

- Nếu cái ấm không muốn hát thì thôi! Trong lồng ngoài kia chúng ta còn có một con họa mi ngoan ngoãn đáng yêu, chắc cũng không lấy gì làm tài giỏi cho lắm, nhưng tối nay, các bạn chẳng nên khó tính nhé!

Cái ấm đun nước vừa là nhạc sĩ vừa cùng họ với ấm pha trà, thêm vào:

- Tôi thấy để cho con chim lạ mặt ấy hót cho chúng ta nghe thì thật chẳng hợp lý tí nào! Tinh thần tự lực ở đâu hả? Hỏi cái thúng xem có đúng không nào?

Thúng bèn lên tiếng:

- Tôi không bằng lòng, rất không bằng lòng về các bạn. Suốt tối nay, cứ như thế, có ổn không? Đi mà dọn dẹp nhà cửa, ai làm việc nấy có hơn không? Tôi sẽ chủ trì trò chơi này. Chơi thế còn thú vị và có ích đôi chút.

Tất cả đồng thanh hô lớn: “Đúng đấy!”.

Nhưng ngay lúc ấy cửa bỗng mở, chị sen bước vào. Tất cả đều đứng sững tại chỗ, im bặt, nhưng trong bụng, ai cũng tiếc:

- Nghe mình thì có phải buổi tối rất vui không?

Chị sen lấy diêm nhóm bếp. Gớm! Chúng xòe cháy sáng ngời lên! Chúng nghĩ thầm:

“Giờ thì đứa nào cũng đều có thể thấy rằng chúng mình là cao quý nhất. Bọn mình tỏa ánh hào quang sáng ngời lên thế này kia mà!

Rồi chúng cứ thế mà chết thiêu đi".

Hoàng hậu bảo:

- Câu chuyện hay lắm! Ta cứ tưởng như hoàn toàn sống trong căn bếp ấy, giữa lũ que diêm. Con sẽ được lấy công chúa.

Vua cũng phán:

- Chắc chắn thế nào ta cũng gả công chúa cho con.

Giờ thì vua và hoàng hậu gọi anh bằng con, anh sắp sửa trở thành người trong hoàng gia rồi.

Ngày cưới được ấn định và tối hôm trước hôn lễ cả thành phố sáng rực lên. Người ta đem tung bánh mứt, hoa quả cho nhân dân. Trẻ con chơi ngoài phố suốt đêm, vừa hoan hô vừa vỗ tay, thích quá đi mất!

Chàng con trai lão lái buôn nghĩ bụng:

- Mình cũng phải thi thố chút gì mới được chứ!

Anh ta tìm mua pháo nổ, pháo thăng thiên, có thứ pháo hoa nào đều mua tất, bỏ vào hòm rồi vừa bay trên trời vừa đốt.

Dân lành Thổ Nhĩ Kỳ thích quá, nhảy mãi lên, đến nỗi giày băng-túp của họ đập lên đến tận mang tai. Chưa bao giờ họ được thấy

hiện tượng kỳ lạ trên trời như thế. Họ không hơi đâu mà tìm hiểu đấy là cái gì, vì bấy giờ là lúc thần hoàng Thổ Nhĩ Kỳ sắp thành hôn với công chúa.

Chàng con trai lái buôn vừa đến khu rừng với cái hòm của mình, liền nghĩ rằng:

- Mình phải ra ngay thành phố xem kết quả ra sao mới được!

Đi đến đâu chàng cũng thấy bàn tán về sự việc vừa xảy ra. Anh hỏi, ai cũng tả các pháo hoa kỳ lạ ấy theo mắt nhìn riêng của mình, nhưng ai cũng nói chưa từng thấy gì thích bằng thế.

Người thì bảo:

- Tôi đã trông thấy thần hoàng nước Thổ Nhĩ Kỳ, người có đôi mắt sáng như sao và bộ râu giống như nước đang sủi bọt.

Kẻ thì nói:

- Người khoác một cái áo choàng bằng lửa. Trong những nếp áo có nấp những tiên đồng tuyệt đẹp!

Hôm ấy, anh chỉ nghe thấy người ta ca ngợi không tiếc lời. Hôm sau đã là ngày cưới rồi.

Anh trở về khu rừng để chui vào hòm. Nhưng tìm đâu cho thấy? Than ôi, nó đã cháy mất rồi. Một cái pháo hoa còn sót lại đã bắt lửa, và bây giờ cái hòm đã thành tro. Anh bạn của chúng ta không thể bay và trở lại gặp công chúa được nữa. Nàng đứng đợi… suốt cả ngày trên gác thượng, đợi, đợi mãi…

Nhưng chàng thì vừa chu du thiên hạ vừa kể chuyện. Nhưng chuyện chàng kể sau này không được vui bằng câu chuyện những que diêm chàng đã kể cho vua, hoàng hậu và công chúa nghe.

BÙ NHÌN TUYẾT

Anh chàng bù nhìn tuyết nói:

- Hôm nay sao mà rét ra rét! Thích đến là thích. Toàn thân cứ kêu lên răng rắc. Lại còn có cái gió này nữa, cứ quất vun vút mới khoan khoái làm sao chứ! Lại còn cái quả cầu lửa ở phía bên kia nữa kìa, cứ nhìn mình có vẻ sùng bái lắm!

Anh chàng muốn ám chỉ mặt trời lúc bấy giờ đang lặn:

- Ồ! Xoay đã đủ trò, nhưng hắn cũng chẳng làm lóe được mắt tớ! Tớ cứ giữ chứ chẳng chịu bỏ đôi hồng ngọc của tớ đâu.

Thực tế, đôi mắt anh chàng làm bằng hai cục than đá lóng lánh, mồm là một cái cào cũ rích, nom lúc nào cũng nhe cả răng ra.

Bù nhìn tuyết sinh ra giữa những tiếng reo mừng của lũ trẻ, giữa tiếng nhạc ngựa kéo xe trượt tuyết và giữa tiếng roi quất của các anh xà ích trẻ tuổi.

Mặt trời đã lặn. Trăng lên, nom to, tròn, trong sáng, đẹp đẽ, nổi bật trên nền trời tối đen.

Bù nhìn tuyết lại nói:

- Ô kìa! Nó lại hiện ra phía bên này rồi!

Anh chàng cứ tưởng mặt trời lại mọc lần nữa.

- Bây giờ mình đã kiềm chế hắn bớt sáng đi rồi, hắn có thể cứ treo thân lơ lửng trên ấy mà lóng lánh, ít ra mình cũng có thể tự trông thấy mình được. Chỉ ước gì mình biết cách làm thế nào nhúc nhích được! Mình mà ngọ nguậy được một tí thì thích biết mấy! Nếu cử động được thì mình sẽ chạy ngay ra dạo chơi trên băng và cũng trượt tuyết như bọn trẻ con ấy. Nhưng mình lại không chạy được, không biết người ta làm thế nào mà chạy được nhỉ?

- Ẳng! Ẳng! - Con chó giữ nhà sủa.

Từ ngày nó không được là chó phòng khách và không được nằm dưới cái bếp lò nữa, giọng nó đâm ra lúc nào cũng khản đặc, nó không sủa đúng giọng chó được nữa.

- Chẳng bao lâu nữa, mặt trời sẽ dạy cậu chạy, tớ đã được nhìn thấy rõ ràng mặt trời dạy anh chàng bù nhìn tuyết tiền thân của cậu hồi rét năm ngoái chạy như thế nào. Ẳng! Ẳng!

Bù nhìn tuyết bảo:

- Tớ không hiểu đằng ấy định nói gì. Cái hòn tròn trên cao kia (anh chàng muốn nói mặt trăng) sẽ dạy tớ chạy đấy ư? Chính tớ đã làm cho nó phải chuồn thì có, vì tớ cứ nhìn nó chòng chọc, đến giờ nó mới dám rụt rè quay lại phía bên kia đấy.

Chó bèn mắng:

- Cậu chẳng biết cái quái gì cả, đúng là người ta mới đắp nên cậu được ít lâu nay thôi. Vật cậu trông thấy kia là mặt trăng, còn vật đã lặn đi rồi là mặt trời. Ngài mai mặt trời sẽ quay lại, và dạy cho cậu chạy xuống rãnh, không nói dối cậu đâu! Sắp sửa thay đổi thời tiết rồi. Tớ đoán được là nhờ cái cẳng sau, bên trên, nó nhức lắm và ngứa ran. Phải, sắp giở giời rồi đấy.

Bù nhìn tuyết tự nhủ:

- Mình chẳng hiểu gì cả, nhưng mình có linh tính rằng con chó đã báo trước cho mình một điều chẳng lành. Lại còn cái vật tròn cứ nhìn mình chòng chọc trước khi biến mất, mà con chó gọi là mặt trời ấy, mình cũng cảm thấy rõ ràng nó không phải là bạn mình.

Ẳng! Ẳng! Chó vừa sủa vừa quay ba vòng trước khi chui vào ổ nằm ngủ.

Quả nhiên thời tiết thay đổi. Gần về sáng, sương mù dày đặc, ẩm ướt, kéo đến tỏa khắp nơi, và trước lúc mặt trời mọc một tí, nổi lên một cơn gió lạnh, do đó băng giá lại càng tăng. Khi mặt trời hiện ra, phong cảnh mới đẹp mắt làm sao!

Hoa sắc trắng lóng lánh phủ kín cành cây. Các nhánh nhỏ nhất thường chỉ nom thấy trong mùa hạ, bây giờ cũng hiện lên rất rõ ràng. Có thể nói mỗi cành phát ra một ánh sáng riêng, gây cho ta

một cảm giác rạng rỡ, chói lòa, nom tràn đầy sức sống chẳng khác gì giữa mùa hè. Mặt trời chiếu sáng khung cảnh rực rỡ vô song ấy, tưởng như ba bề bốn bên đều có ánh chớp, và trên chiếc áo choàng tuyết vĩ đại đang phủ kín mặt đất đầm đìa vô số hạt kim cương.

Một thiếu nữ, đang dạo chơi với một chàng thanh niên, buột miệng kêu lên:

- Sao mà phong cảnh đẹp tuyệt đến thế này!

Họ dừng chân nhìn anh chàng bù nhìn tuyết và ngắm cây cối đang lấp lánh. Ngay đến mùa hè, cũng không có cảnh đẹp bằng!

Chàng thanh niên vừa chỉ bù nhìn tuyết vừa đáp:

- Hơn nữa, khó mà gặp được một cậu cả nào như thế này! Nom anh chàng bảnh đấy chứ!

Cô thiếu nữ mỉm cười gật đầu chào anh chàng bù nhìn một cách thân mật, rồi cả hai người lại khoác tay nhau đi trên tuyết giòn tan.

Bù nhìn tuyết hỏi chó:

- Ai đấy? Đằng ấy ở ngoài sân từ lâu, chắc phải biết họ chứ?

Chó đáp:

- Tất nhiên! Cô ả vẫn vuốt ve mình luôn và cho mình gặm biết bao nhiêu là xương! Không đời nào mình cắn họ đâu nhé!

- Thế họ là thế nào mới được cơ chứ?

- Họ là vợ chồng chưa cưới đấy. Cả hai cùng muốn sống chung một ổ và muốn gặm xương trong một cũi đấy. Ẳng! Ẳng!

- Họ cũng giống như cậu với tớ ấy à?

- Ấy chết! Không phải đâu! Họ thuộc dòng dõi nhà chủ đấy! Quả thật, mới sống có một ngày thì biết ít chuyện thật! Cậu chứng minh rõ điều đó lắm! Tớ già rồi nên tớ biết vô khối là chuyện. Gì trong cái sân này tớ cũng biết hết. Ừ, chỉ có mỗi một thời gian, hồi

gió rít, là tớ không bị xích ngoài sân giá lạnh thôi! Ẳng! Ẳng!

Bù nhìn tuyết nói:

- Tớ thì tớ lại chuộng rét. Tớ lạy đằng ấy kể cho tớ nghe đi. Nhưng đằng ấy có thể giữ cho cái xích của đằng ấy bớt loảng xoảng đi một tí được không? Chối tai tớ lắm.

Chó sủa:

- Ẳng! Ẳng! Trước kia tớ là một con chó con xinh xắn đáng yêu, ai cũng bảo tớ thế. Tớ được nằm trên một cái ghế bành lót nhung trong lâu đài, có khi cả trong phòng các ông chủ bà chủ. Họ hôn vào mõm tớ, phủi bụi cẳng cho tớ bằng một cái khăn mùi soa thêu cẩn thận. Họ gọi tớ là "con cưng". Nhưng khi tớ nhớn lên họ bèn giao tớ cho chị người ở. Tớ phải ở trong hầm ủ rượu. À! Mà từ chỗ cậu đứng, cậu có thể nhìn thấy bên trong được đấy. Trong cái hầm ấy tớ trở thành chủ nhân, phải tớ là chúa trùm trong buồng chị người ở. Không sang bằng những phòng tầng trên, nhưng dễ chịu hơn. Trẻ con không luôn luôn đến béo tai và quấy rầy tớ như dạo ở tầng trên. Rồi tớ lại còn có một cái đệm đặc biệt, lại được sưởi bên một cái bếp lò rất tốt kiểu tối tân nhất thời đại chúng ta đấy, tớ không nói điêu đâu! Tớ mà luồn xuống gầm thì chẳng ai nhìn thấy tớ nữa. Này, đến bây giờ tớ vẫn còn mơ chuyện cũ đấy.

Chúng im lặng một lúc. Ngay gần chúng một cái cây to xõa cành đen thui, lá đã rụng từ mùa thu. Ẳng! Ẳng!

Ngẫm nghĩ một hồi, bù nhìn tuyết lại hỏi:

- Cái bếp lò đẹp đến thế nào nhỉ?

- Không, không, trái lại nó đen xì xì, có cái cổ dài ngoẵng và một vành đồng tròn. Nó xơi lắm gỗ đến nỗi lửa lò cả ra đằng mồm. Đứng lên trên hay chui xuống dưới, hoặc đứng bên cạnh thì không gì thú bằng. Mà này, nhòm qua cửa sổ, cậu sẽ thấy nó đấy.

Bù nhìn tuyết nhìn, và quả nhiên thấy một cái vật đen bóng nhoáng, có một vành đồng tròn phía dưới, lửa đang cháy.

Cảnh tượng ấy gây cho anh chàng một cảm giác là lạ, chưa từng thấy bao giờ, nhưng loài người thì ai cũng biết lắm.

Bù nhìn tuyết hỏi:

- Sao cậu lại không ở nhà nàng nữa? - Bù nhìn nói "nàng" vì, đối với anh chàng một vật đáng yêu như thế phải thuộc phái nữ mới đúng. - Sao đằng ấy lại có thể bỏ nơi vui thú ấy mà mà đi được?

Chó đáp:

- Muốn hay không, cũng phải đi. Họ quẳng tớ ra ngoài rồi xích tớ lại, vì có một hôm cậu con trai bé nhất nhà vừa lấy của tớ một cái xương, thế là tớ đợp ngay cho một miếng vào chân. Ông bà chủ nhà cáu lắm, tống tớ ra đây, xích cổ lại. Cậu thấy đấy, ra ngoài này, ngày tháng trôi qua, tớ cũng mất giọng dần. Giờ thì tớ sủa tốt lắm: Ẳng! Ẳng!

Chó im bặt. Nhưng bù nhìn tuyết đã thôi không nghe từ nãy. Anh chàng vẫn tiếp tục nhìn vào buồng chị người ở, nơi đặt cái bếp lò có bốn chân bằng sắt. Thật ra, nom cũng to bằng anh chàng chứ chẳng kém! Anh chàng ước:

- Thèm quá! Đến vỡ tan xác mình ra mất thôi. Giá mình vào được trong ấy nhỉ? Ước mơ cũng ngây thơ thôi, thực hiện được cũng dễ thì mới phải. Vào, vào, đó là mong ước tha thiết nhất của mình. Mình phải được tựa vào cái bếp lò, dầu có phải nhảy qua cửa sổ cũng xin vâng.

Chó bảo:

- Đừng có vào, vào đấy thì cậu cứ là đi đứt! Ẳng! Ẳng!

Bù nhìn tuyết đáp:

- Tớ đã đi đứt rồi, thèm chết đi được ấy!

Anh chàng nhòm qua cửa sổ suốt ngày. Ngọn lửa dịu dàng lém từ bếp lò ra như mơn trớn. Chỉ có đốt bếp lò mới có thứ ánh sáng ấy chứ mặt trời, hoặc mặt trăng làm gì mà có ánh sáng thế được.

Mỗi lần người ta mở cửa, ngọn lửa lại tỏa ra từ phía dưới, hắt ánh đỏ lên cái ngực trắng toát của bù nhìn tuyết. Anh chàng kêu lên:

- Mình không thể cầm lòng được nữa rồi. Nhìn cái lưỡi nàng thè ra

khỏi mồm sao mà khoái thế!

Đêm dài, nhưng bù nhìn tuyết không thấy dài. Anh chàng mải triền miên với những ý nghĩ vui tươi.

Về sáng, cửa hầm ủ rượu phủ đầy sương đóng thành băng. Đối với một anh chàng bù nhìn tuyết đó là những hình chạm trổ đẹp nhất rồi, chỉ hiềm chúng che lấp mất cái bếp lò. Tuyết dòn hơn lúc nào hết. Trời rét ngọt, thật là khoái trá cho một bù nhìn tuyết!

Một chú gà trống vừa gáy vừa nhìn lên mặt trời lạnh lẽo mùa đông. Xa xa ngoài đồng ruộng, tiếng vó ngựa ra đồng vang lên trên mặt đất đóng băng, trong khi bác nông dân vui vẻ quất roi và hát lên vài điệu nhảy đồng quê, tiếp theo sau là tiếng vọng từ quả đồi bên kia nhại lại giọng bác.

Thế mà bù nhìn tuyết không vui. Nhẽ ra phải vui, nhưng anh chàng lại không vui.

Thế đấy, khi tất cả giúp chúng ta thực hiện ước mơ, chúng ta chỉ đi tìm trong sự bất đắc và bất kỳ bất ý một cái gì đó có thể tới, xáo động sự an ổn của chúng ta. Hình như hạnh phúc không phải là khi chúng ta thỏa mãn mà, trái lại, nó nằm trong sự bất ngờ, thường đem lại tai họa.

Chính vì thế mà bù nhìn tuyết không ghìm được lòng khao khát ghê gớm đến xem cái bếp lò, mặc dù anh chàng chỉ chịu được lạnh thôi, chứ nóng thì tai hại vô cùng.

Và đôi mắt to tướng bằng than đá của anh chàng vẫn dán chặt vào cái bếp lò đang cháy. “Nàng” chẳng hề ngờ mình lại được chú ý và âu yếm đến thế.

Chó nghĩ thầm:

- Bệnh ấy thật nguy hiểm cho anh bù nhìn tuyết. Ẳng! Ẳng! Lại sắp sửa thay đổi thời tiết.

Tiết trời thay đổi thật, lần này băng tuyết tan giá. Băng tuyết càng tan, bù nhìn tuyết càng nhỏ dần. Anh chàng chẳng nói chẳng rằng cũng chẳng kêu than. Đấy là điềm gở.

Một sớm kia, anh chàng tan ra thành từng mảnh chỉ còn trật lại một cái cán chổi.

Vốn là cái cán chổi ấy trẻ em đã cắm xuống đất, rồi đắp tuyết xung quanh thành anh bù nhìn tuyết.

Chó lẩm bẩm:

- Bây giờ mình mới hiểu căn nguyên khát vọng của cậu chàng. Chính cái cốt trong người đã làm cu cậu bứt rứt đến thế đấy! Ẳng! Ẳng!

Chẳng bao lâu sau đến lượt mùa đông cũng biến mất. Chú chó sủa: Ẳng! Ẳng! Và một cô gái hát ngoài sân:

> Ô này! Đông đã trôi qua
>
> Tháng hai đã tới, xuân đà đến nơi! (Bên Âu châu, tháng 3 mới sang xuân)
>
> Mặt trời hãy đến tưới đầy nắng xuân
>
> Mừng xuân chim chóc hót vui

Chẳng còn ai nghĩ đến bù nhìn tuyết nữa.

BỘ QUẦN ÁO MỚI CỦA HOÀNG ĐẾ

Ngày xưa, có một vị hoàng đế thích quần áo mới đến nỗi có bao nhiêu tiền đều tiêu pha vào việc may mặc hết. Ngài không thiết gì đến binh sĩ, chẳng thiết xem hát cũng không thiết vào rừng chơi bời săn bắn, chỉ thích khoe quần áo mới thôi. Suốt ngày, lúc nào ngài cũng thay quần áo. Người ta thường nói: “Hoàng đế đang lâm triều”. Nhưng đối với ông vua này người ta phải nói: “Hoàng đế đang bận mặc quần áo”.

Kinh đô không lúc nào ngớt khách nước ngoài. Một hôm, có hai tên vô lại tới hoàng cung, tự xưng là thợ dệt, và khoe rằng chúng biết dệt những thứ vải đẹp không thể tưởng tượng được. Chẳng những màu sắc và vân hoa đẹp tuyệt, quần áo may bằng thứ vải ấy lại có đặc tính phi thường. Ai không làm tròn phận sự hoặc quá ngu độn thì không trông thấy quần áo ấy.

Hoàng đế nghĩ thầm:

- Quần áo ấy mới quý. Ta chỉ cần mặc vào là biết được trong các quan lại ai là người tốt, ai là kẻ xấu. Hơn nữa, ta lại phân biệt

được người khôn với kẻ ngu. Ta phải cho dệt ngay thứ vải ấy đi mới được!

Ngài ban cho hai tên đại bợm một món tiền lớn để chúng bắt tay ngay vào việc.

Hai đứa bày ra hai khung cửi, ngồi vào làm như đang dệt thật, nhưng tuyệt nhiên không có một tí gì trong khung cửi cả. Chúng không ngớt đòi cấp thứ tơ nhỏ sợi nhất và đặc biệt là thứ vàng quý nhất, đem nhét cả vào túi, rồi tiếp tục làm việc trên khung cửi rỗng tuếch mãi đến khuya.

Hoàng đế nghĩ bụng: "Ta rất muốn biết chúng dệt được bao nhiêu vải rồi". Nhưng nghĩ đến lời chúng tâu là những kẻ ngu độn và những người không làm tròn phận sự chẳng thể nhìn thấy gì thì hoàng đế lại ngần ngại. Không, hoàng đế chẳng sợ không nhìn thấy gì đâu, nhưng ngài muốn sai một người nào đó đến xem công việc đến đâu rồi.

Khắp kinh thành ai cũng nghe danh thứ vải thần kỳ ấy và ai cũng nóng lòng muốn biết người bên cạnh có bất tài hoặc ngu độn không.

Hoàng đế tự nhủ: "Ta sẽ cử quan lão thừa tướng của ta đến chỗ bọn thợ dệt ấy xem, rồi sẽ tâu cho ta biết thứ vải như thế nào".

Thế là quan lão thừa tướng vào căn phòng, nơi hai tên lưu manh đang ngồi dệt trước khung cửi trống không.

Ngài vừa giương đôi mắt to vừa tự nhủ: "Lạy trời phù hộ cho ta! Ta chẳng nhìn thấy tí gì cả". Nhưng ngài cố nén, không nói ra điều ấy.

Hai tên láu cá đến gần và hỏi ngài xem vân hoa và màu sắc có đẹp không. Nói rồi chúng lại cắm cúi dệt. Quan lão thừa tướng giương to đôi mắt, nhưng có chi mà nhìn! Ngài nghĩ thầm: "Trời ơi! Ta trở nên ngu độn hay sao thế này? Ta chẳng hề dám tin và cũng không thể để cho mọi người biết điều đó! Ta không làm tròn phận sự ư? Không, phải rồi, chớ nên kể với ai rằng ta không hề nhìn thấy tí vải nào cả".

Một tên thợ dệt hỏi:

- Bẩm quan thừa tướng, ngài không phê phán gì ạ?

- Thật phi thường, tuyệt, tuyệt đẹp! - Quan thừa tướng vừa trả lời vừa nhìn qua cặp kính lão. - Vân hoa màu sắc đến thế là cùng! Phải, ta sẽ tâu với hoàng thượng là ta vừa ý lắm!

- Chúng con rất lấy làm sung sướng! - Hai tên thợ dệt đáp rồi kể huyên thuyên, màu này sắc nọ và cách dệt hoa văn khó khăn đến thế nào!

Quan lão thừa tướng cứ vểnh tai chăm chú nghe cho thuộc để khi vào tâu với hoàng đế có thể lặp lại đầy đủ từng câu từng chữ.

Hai tên đại bợm lợi dụng dịp may, xin cấp thêm vàng để thêu vào vải. Chúng thủ vàng vào túi và vẫn tiếp tục làm việc không kém phần say sưa trước khung cửi rỗng tuếch.

Chẳng bao lâu hoàng đế lại cử một viên quan tài giỏi khác đến xem hai tên thợ dệt đến đâu rồi và vải sắp đem ra dùng được chưa.

Ông này cũng chẳng hơn gì quan thừa tướng.

Ngài nhìn, nhìn mãi, nhưng chỉ có hai chiếc khung cửi rỗng tuếch, nên ngài cũng chẳng nom thấy gì hơn.

- Bẩm quan lớn, vải này đẹp đấy chứ ạ? - Hai tên bợm vừa hỏi vừa chỉ vào tấm vải tưởng tượng mà ra sức thuyết minh.

Quan lớn nghĩ thầm: “Mình có phải là thằng ngu đâu! Hay là mình không làm tròn phận sự? Dẫu thế nào cũng chớ để lộ cho ai biết!”.

Bởi vậy, tuy không nhìn thấy gì, ngài cũng ngắm nghía và quả quyết với hai tên đại bợm là ngài rất say mê về màu sắc và những vân hoa tuyệt mỹ trên tấm vải.

Ngài tâu với hoàng đế: “Muôn tâu bệ hạ, không có gì đẹp bằng!”.

Mọi người trong kinh thành đều bàn tán về tấm vải kỳ lạ ấy.

Thế là hoàng đế muốn đến xem vải lúc vẫn còn ở trên khung cửi. Ngài thấy hai tên thợ dệt không có lấy một mẩu sợi nhỏ trong tay, nhưng vẫn đang làm việc chí tử. Theo sau Hoàng đế là cả một lũ nịnh thần, trong đó có hai vị tài giỏi đã được hoàng đế cử đến trước đây. Hai vị quan lớn nói: "Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ xem có đẹp không ạ? Màu sắc, vân hoa tuyệt mỹ đến thế là cùng!".

Rồi hai ngài cứ nhìn khung cửi rỗng, trong bụng cứ tưởng là mọi người đều nhìn thấy vải cả.

Hoàng đế nghĩ thầm: "Hừ, quái thật! Ta chẳng thấy gì cả! Gay thật! Ta mà ngu ư? Hay ta không phải là một vị đế vương nhân đức? Thế này thì không còn gì nhục nhã cho bằng!".

Rồi ngài cũng đành trả lời: "Đẹp, đẹp lắm!". Ngài làm ra vẻ hài lòng ngắm nghía hai chiếc khung cửi, không dám thú thật là chẳng nhìn thấy gì. Cả bè lũ theo hầu cũng nhìn, nhìn mãi mà tất nhiên là chẳng nhìn thấy gì hơn, nhưng lão nào cũng phụ họa:

- Thật là đẹp tuyệt!

Bọn nịnh thần còn khuyên hoàng đế nên mặc quần áo bằng thứ vải vô song trong lễ rước thần sắp tới.

Hoàng đế ban cho mỗi tên đại bợm một tấm bội tinh để cài vào khuyết áo và danh hiệu thợ dệt của nhà vua.

Suốt đêm hôm trước lễ rước thần hai tên thợ dệt ngồi làm việc trước khung cửi, dưới ánh sáng của mười sáu ngọn đèn, để tỏ ra hăng hái làm cho kịp bộ quần áo mới của hoàng đế. Chúng giả tảng như lấy vải ra khỏi khung cửi, cầm đôi kéo rõ to cắt vào không khí, rồi dùng một cái kim không có chỉ khâu khâu, đính đính. Sau cùng, chúng reo lên:

- Bẩm quần áo đã xong rồi ạ!

Hoàng đế cùng với các quan đại thần tới nơi. Hai chú phó may nhà ta giơ tay lên trời, như nâng vật gì và tâu:

- Đây là quần ạ! Đây là áo bào ạ! Đây là áo choàng ạ! Và cứ thế tiếp mãi.

Chúng nói thêm:

- Quần áo này nhẹ như mạng nhện, mặc vào tưởng như không có gì trên mình, và đấy chỉ là một trong nhiều đặc tính quý báu của thứ vải này.

- Đúng đấy! - Bọn nịnh thần chẳng nhìn thấy gì cũng phụ họa liều.

- Muôn tâu thánh thượng, cúi xin bệ hạ cởi quần áo ra và đứng trước gương lớn, chúng thần xin mặc quần áo mới cho bệ hạ.

Hoàng đế cởi hết quần áo. Hai tên đại bợm làm ra bộ như mặc từng cái quần, cái áo mới vào người hoàng đế, rồi quàng tay quanh thân ngài làm như thể khoác đai lưng cho ngài. Hoàng đế quay đi quay lại ngắm nghía trước gương.

Bọn nịnh thần đồng thanh kêu lên:

- Trời! Bộ quần áo sao mà đẹp quá chừng! Đến là vừa!

Quan trưởng lễ báo tin:

- Long tán đã đến chờ hoàng thượng đi rước thần!

Hoàng thượng đáp: “Ta đã sẵn sàng”, và hỏi: “Các khanh thấy bộ

quần áo này thế nào?". Rồi ngài nhìn lại gương mà ngắm nghía.

Các quan thị vệ có nhiệm vụ đỡ đuôi áo, thò tay sát đất giả đò như cầm lên một vật gì đó, rồi vừa đi vừa đỡ cái vật vô hình ấy trên không, chẳng dám nói là mình không nhìn thấy gì vì sợ thiên hạ đàm tiếu.

Thế là hoàng đế đi theo đám rước dưới chiếc long tán lộng lẫy.

Ngoài phố, và từ các cửa sổ, thiên hạ trầm trồ:

- Trời! Cái đuôi áo mới đẹp làm sao chứ! Hoàng đế ăn mặc đẹp quá chừng!

Chẳng ai dám thú nhận rằng mình không trông thấy gì cả, vì chẳng ai muốn mang tiếng bất tài hoặc ngu độn. Chưa có một bộ quần áo nào của hoàng đế lại được người ta ngắm nghía, ca tụng đến như thế bao giờ.

Bỗng một đứa trẻ bé tí thốt lên:

- Kìa, hoàng đế cởi truồng kìa!

Bố thằng bé vội nói:

- Thằng bé ngây này nói gì thế, hở trời ơi là trời!

Nhưng rồi người nọ nhắc lại với người kia:

- Kìa, hoàng đế cởi truồng kìa, có một thằng bé bảo hoàng đế cởi truồng kìa!

Cuối cùng, toàn thể nhân dân đều kêu lên:

- Hoàng đế cởi truồng thật!

Hoàng đế nghe thấy. Ngài thấy hình như dân chúng nói đúng. Nhưng ngài nghĩ bụng:

- Dẫu sao mình cũng phải đi rước thần từ đầu đến cuối cho xong đã!

Ngài vẫn đường hoàng theo đám rước cho đến lúc tan cuộc, và các

quan thị vệ của ngài vẫn đi đằng sau để đỡ lấy cái đuôi áo tưởng tượng.

CU NHỚN VÀ CU CON

Trong một làng kia có hai người trùng tên nhau. Cả hai cùng tên là Cu. Nhưng có một người có bốn con ngựa, còn người kia chỉ có độc nhất một con thôi. Bởi thế, muốn phân biệt rõ hai người, dân làng gọi người có bốn con ngựa là Cu Nhớn, và người có một con ngựa là Cu Con. Bây giờ chúng ta sắp sửa xem chuyện gì đã xảy đến với họ, vì đây là một chuyện có thật.

Suốt cả tuần Cu Con phải cày ruộng cho Cu Nhớn và cho hắn mượn con ngựa độc nhất của mình. Cu Nhớn cũng đem bốn con ngựa của mình đến làm giúp Cu Con, nhưng mỗi tuần có một lần lại vào ngày chủ nhật. Gớm chưa kìa! Cu Con ra roi quất năm con ngựa nom hách tợn! Hôm ấy, năm con ngựa cứ như là của nhà anh thật ấy! Nắng lên phơi phới, chuông nhà thờ giục giã mọi người đi lễ. Dân làng mặc quần áo đẹp, tay cầm kinh thánh đến nghe mục sư giảng đạo. Họ nhìn anh Cu Con cày ruộng. Anh chàng khoái quá, vung roi mà thét: “Đi nào! Năm con ngựa của ta, đi nào!”. Cu Nhớn bảo:

- Không được nói thế, chỉ có một con là của mày thôi!

Nhưng cứ mỗi lần có người đi lễ qua, Cu Con lại quên ngay lời cấm đoán ấy và lại phóng ra một câu: “Đi nào! Năm con ngựa của ta!”.

Cu Nhớn dọa:

- Này, đừng có nói thế nữa. Nếu tao còn nghe thấy mày nhắc lại lần nữa, tao sẽ đập mày chết tươi tại chỗ đấy!

Cu Con đáp:

- Tôi sẽ không nói thế nữa!

Nhưng vì lại có người đi qua và gật đầu chào anh, Cu Con khoái quá, cứ chắc mẩm là mình cày ruộng với năm con ngựa hẳn là oai lắm, nên lại quất roi mà thét: “Đi nào! Năm con ngựa của ta, đi nào!”.

- Ta sẽ cho ngựa mày “đi nào”! - Cu Nhớn nói rồi lấy vồ phang cho con ngựa của Cu Con một cái vào đầu làm nó lăn quay ra chết, không kịp ngáp.

- Thôi! Thôi! Thế là ngựa tôi đi đứt rồi! - Cu Con than vãn rồi khóc.

Sau đó, anh lột da ngựa, đem phơi khô rồi nhét vào một cái túi, khoác lên lưng, đem vào trong làng bán.

Đường rất xa, lại phải qua một cánh rừng âm u, bát ngát. Thời tiết bỗng trở nên xấu một cách ghê gớm. Anh lạc lối, tìm ra đường thì mặt trời đã lặn, thành ra vào đến làng hoặc về nhà cũng đều bị tối dọc đường.

Ngay cạnh đường có một cái trại khá đẹp, cửa đóng kín mít, nhưng vẫn có ánh sáng lọt qua các khe.

“Nơi đây chắc hẳn người ta có thể cho mình ngủ đỡ đêm nay”. Nghĩ vậy, Cu Con đến gõ cửa.

Bà chủ nhà ra mở cửa, nhưng khi biết ý định của anh, bà bèn từ chối, vì ông chồng đi vắng, bà không thể cho người lạ vào trong nhà được.

Cu Con nói: “Thế thì tôi ngủ ngoài này vậy”.

Bà chủ đóng sập ngay cửa lại.

Ngay gần đấy có một cái đống rơm to. Từ nhà ra đến đống rơm lại có một cái kho nữa, mái lợp rạ.

Trông thấy cái mái, Cu Con tự nhủ:

- Ngủ trên ấy được đấy, giường ấy mà nằm thì thật là khoái.

Có một con cò đang đậu trên nóc. Nó làm tổ ở đấy.

Cu Con leo lên mái nhà kho, loay hoay tìm chỗ nằm cho tốt. Cánh cửa chớp phía bên trên nhà mụ chủ để ngỏ nên anh có thể nhìn thẳng vào bên trong.

Trên bàn ăn có bày rượu vang, thịt quay và cả một con cá ngon lành. Chỉ có mụ chủ nhà và lão giữ đồ thánh nhà thờ xứ đang chè chén với nhau. Mụ ta rót rượu cho ông khách. Lão sắp ăn đến món cá, món mà lão thích nhất.

Cu Con vừa nghển đầu về phía cửa sổ vừa nghĩ bụng:

“Giá mình được một phần cỗ ấy mà chén nhỉ? Trời! Lại cái bánh ngọt kia mới tuyệt chứ! Thật là một bữa tiệc!”.

Nhưng có tiếng vó ngựa lộp cộp trên đường cái về gần đến nhà kia rồi. Ông chủ trại đã về đến nơi.

Thực ra, ông ta là người tốt, nhưng mắc một thói kỳ quặc: Chả là hồi bé, ông bị một lão giữ đồ thánh nện cho một trận, nên hễ cứ gặp hạng người ấy là ông lại điên ruột lên, không chịu được. Cũng vì thế, khi biết ông đi vắng, lão giữ đồ thánh mới dám đến nhà chơi với vợ ông. Và bà chủ trại quý hóa cố thu xếp một bữa thật thịnh soạn để thết đãi hắn. Nghe tiếng người chồng về, họ rất sợ hãi. Bà chủ mời ông khách chui vào nấp trong một cái hòm to bỏ không ở xó nhà. Lão vội vàng làm theo ngay, vì lão rất biết tính ông chủ trại giời đánh ấy rồi. Còn bà chủ trại thì giấu vội thức ăn và rượu vào bếp lò, sợ đức ông chồng trông thấy sẽ hỏi vặn. Cu Con nằm tít trên mái nhà kho, thấy bữa cơm biến mất, thở dài than rằng: “Rõ hoài của!”.

- Ai ở trên kia đấy? - Ông chủ trại vừa hỏi vừa ngước mắt về phía Cu Con. - Sao lại nằm trên ấy? Vào trong nhà với tôi có hơn không?

Lúc đó, Cu Con mới kể cho ông nghe rằng mình lạc trong rừng và xin ngủ nhờ một đêm.

Ông ta bảo:

- Được lắm chứ! Nhưng bây giờ, trước hết hai chúng mình phải làm miếng gì cái đã!

Bà chủ trại niềm nở đón tiếp cả hai người. Bà dọn một cái bàn dài và bưng ra một âu xúp lớn cho họ ăn. Ông chủ trại đói bụng nên ăn ngon lành lắm. Nhưng Cu Con không thể cầm lòng nghĩ đến những món thịt quay, cá và bánh ngọt ngon tuyệt mà anh biết hiện đang nằm trong lò.

Anh đã đặt cái túi đựng tấm da ngựa cạnh chân mình, dưới gầm bàn. Các bạn hẳn còn nhớ là anh chàng định đem tấm da ngựa đến một làng nào đó để bán. Món xúp đối với anh thật vô vị. Anh đạp lên cái túi: "Suỵt!" nhưng đồng thời anh lại dận mạnh hơn nữa vào tấm da làm cho tấm da càng kêu răng rắc to hơn.

Ông chủ trại liền hỏi:

- Mà này, anh có cái gì trong túi thế?

Cu Con đáp:

- Một lão phù thủy ấy mà! Lão bảo rằng chúng ta không nên ăn xúp vì lão đã hóa phép đầy một lò thịt quay, cá và bánh ngọt trong kia kìa!

- Thật không? - Ông chủ trại vội mở lò, trông thấy các món ăn bà vợ đã giấu vào đấy, nhưng cứ tưởng là của lão phù thủy trong túi hóa phép ra. Bà vợ không dám nói gì, bưng ngay ra bàn ăn và cả hai người cùng nhau đánh chén.

Bỗng Cu Con lại đạp túi, tấm da lại kêu.

Ông chủ bèn hỏi:

- Lần này lão ta bảo gì thế?

Cu Con đáp:

- Lần này lão đã hóa phép đem đến cho chúng ta ba chai rượu vang để dưới lò kia kìa!

Bà chủ trại đành phải đem rượu vang đã giấu lúc nãy ra, ông chồng rượu vào đâm ra vui vẻ tợn.

Ông ta rất muốn có một tay phù thủy như cái lão trong túi của Cu Con, bèn hỏi:

- Lão phù thủy có gọi được ma đến không nhỉ? Hôm nay vui quá nên tôi cũng muốn gặp ma quỷ, thử xem chúng nó ra làm sao.

- Được, tôi ước gì lão phù thủy cũng làm được. Có đúng không lão ơi? Miệng nói, chân Cu Con đạp vào túi kêu đánh "rắc" một cái.

- Ông có nghe thấy lão vâng đấy không? Nhưng ma quỷ xấu lắm, chả bõ xem đâu.

- Ồ, tôi có phải là thằng nhát đâu! Mặt mũi nó ra làm sao nào?

- À, nó muốn hiện hình thành người giữ đồ thánh!

- Hừ, thế thì quả là gớm ghiếc thật! Cần phải nói để anh biết: tôi mà trông thấy mặt lão giữ đồ thánh thì tôi không thể chịu được, nhưng nếu là ma quỷ hiện hình thì tôi cũng nén giận được. Lúc này tôi chẳng sợ đâu, miễn là đừng có lại gần quá.

- Để tôi hỏi lão phù thủy của tôi cái này đã.

Nói rồi Cu Con dận chân lên túi, ghé tai nghe.

- Hắn bảo gì thế?

- Hắn bảo ông cứ ra mở cái hòm ở đằng góc kia kìa, con ma núp trong ấy đấy, nhưng phải giữ nắp cho chắc, kẻo nó chuồn mất đấy.

- Anh giúp tôi một tay nhé!

Nói rồi ông chủ đi đến cái hòm, trong đó có người giữ đồ thánh mà bà vợ đã giấu ban nãy.

Hắn đang ngồi xổm, run như cầy sấy.

Ông chủ trại ghé nắp hòm nhìn vào trong.

- Ối! - Ông ta kêu lên và nhảy lùi về phía sau. - Đúng, nom rõ lắm! Khiếp! Giống hệt lão giữ đồ thánh làng ta. Gớm! Tởm quá đi mất!

Họ lại tiếp tục chè chén đến khuya.

Ông chủ trại gạ:

- Bán cho tôi lão phù thủy của anh đi. Muốn lấy bao nhiêu thì cứ bảo. Nói thật đấy, tôi trả ngay cho anh một đấu bạc đấy.

Cu Con từ chối.

- Không, chịu thôi. Ông cứ thử tính mà xem, có lão phù thủy ấy tôi vớ được rất nhiều lợi lộc.

Ông chủ trại vật nài:

- Nhưng tôi thích lão ấy lắm.

Cuối cùng Cu Con nhận lời.

- Thôi được! Ông đã có lòng tốt cho tôi ngủ nhờ đêm nay. Tôi xin giả ơn: Đổi cho ông lão phù thủy của tôi lấy một đấu bạc, nhưng phải đong đầy đến miệng đấy nhớ!

- Được, nhưng anh phải khuân cái hòm này đi. Tôi không muốn chứa nó một phút nào trong nhà tôi nữa. Con ma còn ở đấy hay không chẳng biết?

Cu Con giao cho ông chủ trai cái túi đựng tấm da khô và nhận lấy đấu bạc đầy đến miệng. Ông chủ trại còn cho anh thêm một chiếc xe cút kít để chở tiền và hòm đi.

Cu Con từ biệt ra đi, mang theo tiền và cái hòm bên trong vẫn chứa lão giữ đồ thánh. Anh đi ngang qua một cánh rừng, đến một con sông vừa rộng vừa sâu, nước chảy xiết.

Người ta vừa mới bắc một cái cầu qua sông. Cu Con dừng lại giữa cầu, nói to để cho lão giữ đồ thánh nằm trong hòm nghe thấy:

- Rõ chán! Đem cái hòm chết tiệt này làm gì mới được kia chứ? Nặng như đá đeo ấy! Chẳng tội gì sụn lưng mà chở nó đi xa nữa, vứt quách xuống sông cho được việc. Nó mà trôi về được đến nhà mình thì càng hay, nhược bằng nó chìm nghỉm thì cũng thôi chứ cần quái gì!

Nói đoạn anh ra nhấc cái hòm lên một tí, như cách định hất nó xuống sông.

- Ấy chớ! Khoan đã! - Lão giữ đồ thánh trong hòm rỗi rít kêu lên

- Cho tôi ra cái đã!

- Eo ôi! - Cu Con vờ làm ra vẻ sợ hãi - Con ma vẫn còn ở trong hòm? Phải quẳng ngay nó xuống sông cho nó chết đuối đi mới được.

- Ấy chớ! Ấy chớ! Xin ông tha cho, tôi sẽ biếu ông một đấu bạc!

- À! Thế ra không phải là ma ư?

Cu Con vừa nói vừa mở hòm. Lão giữ đồ thánh chui ra ngay, hất vội cái hòm rỗng xuống sông rồi về nhà đưa cho Cu Con một đấu bạc. Kể cả đấu tiền của ông chủ trại cho lúc nãy, anh được một xe cút kít đầy bạc.

Về đến nhà, vừa đổ tiền ra thành đống to giữa nhà, Cu Con vừa nghĩ thầm: "Ấy thế! Con ngựa chết của mình cũng được khớ tiền đấy chứ! Cu Nhớn biết chuyện mình chỉ nhờ một con ngựa mà trở nên giàu có thì tha hồ mà bực tức, nhưng chả nên kể lại với hắn".

Thế rồi anh nhờ một thằng nhóc sang nhà Cu Nhớn mượn một cái đấu…

- Chả biết nó mượn đấu làm gì? - Cu Nhớn tự hỏi, rồi bôi nhựa thông vào trôn đấu để Cu Con đong gì thì sẽ dính lại. Quả nhiên lúc Cu Con trả đấu còn dính lại ba đồng tiền bằng bạc mới toanh.

- Lạ nhỉ! - Cu Nhớn nghĩ thế và lập tức chạy đến nhà Cu Con. - Cậu làm gì mà vớ được lắm tiền thế?

- À, đấy là tiền bán da ngựa hôm qua đấy mà.

Thật là món bở. Cu Nhớn vội ba chân bốn cẳng về nhà đập chết ngay cả bốn con ngựa, lột phăng lấy da đem ra tỉnh.

Hắn đi rong các phố rao:

- Da ngựa đây! Da ngựa đây! Ai mua da ngựa ra mua!

Thợ giày, thợ da nào cũng hỏi giá.

- Mỗi tấm một đấu bạc.

- Thằng này điên à? Mày tưởng chúng tao có bạc đấu à?

Cu Nhớn lại rao:

- Da ngựa đây! Da ngựa đây!

Nhưng ai hỏi giá, hắn cũng bảo:

- Một đấu bạc một tấm.

Mọi người đồng thanh kêu lên:

- A! Nó lại nhạo báng chúng mình à?

Rồi thợ giày rút dây da, thợ thuộc da cởi tạp dề, xông vào vừa đánh Cu Nhớn vừa nhại: “Da này! Da này!”.

- Da à! Chúng ta sẽ cho mày được đỏ da như lợn bao tử! Tống cổ nó ra khỏi phố đi!

Cu Nhớn chưa bao giờ bị một trận đòn nhừ tử như thế, vội ba chân bốn cẳng chạy mất.

Về đến nhà, hắn lầm bầm:

- Được lắm! Thằng Cu Con sẽ biết tay ta! Ông thì đánh cho vỡ sọ.

Lúc ấy bà nội của Cu Con vừa mới chết. Bà cụ đối với anh cũng cay nghiệt, đáo để lắm. Nhưng Cu Con vẫn thương xót, đặt xác bà vào giường mình xem hơi ấm có làm cho bà cụ hồi tỉnh lại được chăng. Bà cụ nằm đấy suốt đêm, còn anh thì ngủ ngồi trên một chiếc ghế tựa.

Đến nửa đêm, Cu Con đang ngồi trong xó nhà, bỗng cửa mở, Cu Nhớn vác búa vào. Hắn biết rõ giường Cu Con thường nằm nên đi thẳng đến. Tưởng cái xác bà cụ là kẻ thù nằm đấy hắn bèn choảng cho một búa vào trán.

- Thế là tong đời! Từ nay trở đi hết trêu tao nhớ!

Đoạn hắn về nhà.

Cu Con nghĩ thầm:

- Thằng cha này thế mà ác thật! Nó định giết mình đây. Cũng may bà cụ chết hắn rồi, không thì nó đã gây ra án mạng.

Anh mặc quần áo đẹp cho bà cụ, mượn một con ngựa bên láng

giềng, thắng xe vào rồi đặt bà cụ vào trong cùng để bà cụ khỏi rơi ra ngoài khi xe chạy, rồi đánh xe qua rừng. Tảng sáng, đến cửa một quán trọ lớn, Cu Con dừng xe vào ăn. Ông chủ hàng cơm có vô khối tiền bạc. Ông ta cũng là người rất tốt, nhưng tính nóng như lửa.

- Chào Cu Con, hôm nay anh diện đi đâu sớm thế?

- Vâng, cháu đưa bà nội cháu ra tỉnh. Bà cụ ngồi trong xe ngoài kia, bảo cụ vào hàng nhưng cụ không vào. Ông có thể mang cho bà cụ cái bình rượu mật ong được chứ? Nhưng phải nói to lên nhá, bà cụ điếc nặng đấy!

- Được lắm.

Ông chủ quán mang một bình rượu mật ong to cho bà cụ đang lặng cứng trong xe.

- Bình rượu của cậu cháu trai bảo đem ra cho bà đây này!

Nhưng cái xác chết chẳng thèm cựa quậy, cũng chẳng nói một lời.

- Bà không nghe thấy à? - Ông chủ quát hét to hơn - Bình rượu của cậu cháu trai bà bảo đem ra đây này!

Ông ta lại quát thêm lần nữa, rồi lần nữa. Nhưng bà cụ vẫn cứ ngồi trơ ra như phỗng. Ông ta nổi xung lên, ném cái bình rượu vào mặt bà cụ làm rượu tưới đẫm từ đầu tới chân. Xác bà cụ đặt tựa hờ vào thành xe, không có dây buộc, nên lăn đùng ra.

- Quân giết người! - Cu Con nhảy từ quán trọ ra, ôm chặt lấy ông chủ quán la lên - Mày giết bà tao mất rồi! Thủng trán rồi đây này!

- Thật là tai vạ! - Ông chủ quán vừa than vừa vặn vẹo đôi tay - Tôi trót nóng giận lỡ tay chứ xưa nay có bao giờ thế đâu! Này, anh Cu Con ạ, tôi xin đền anh một đấu bạc và xin chôn cất bà cụ tử tế, coi như bà tôi vậy. Chỉ xin anh ỉm chuyện này đi, nếu không tôi đến mất đầu chứ chẳng chơi đâu!

Thế là Cu Con được một đấu bạc và ông chủ quán chôn cất bà anh chu đáo.

Khi Cu Con đem tiền về đến nhà, anh lại nhờ thằng bé con sang mượn Cu Nhớn cái đấu. Cu Nhớn ngạc nhiên:

- Quái thật! Mình đã xả đôi nó ra rồi kia mà? Phải thân hành sang xem mới được.

Rồi hắn cầm đấu sang nhà Cu Con. Thấy Cu Con có thêm tiền, hắn trợn tròn mắt mà hỏi:

- Ái chà chà! Đâu ra lắm tiền thế?

- Hôm qua, anh đã chém nhầm bà tôi chứ không phải tôi đâu. Tôi đem bán xác bà cụ được một đấu bạc đấy.

- Khá thật, được tiền đấy nhỉ?

Nói đoạn, Cu Nhớn chạy về nhà lấy búa phang cho bà hắn một nhát, rồi cho xác lên xe đem ra hiệu thuốc quen ngoài tỉnh hỏi bán.

Người chủ hiệu thuốc hỏi:

- Xác ai? Ở đâu ra thế?

- Bà tôi đấy! Tôi đã đem giết bà cụ để đem bán lấy một đấu bạc đấy!

- Jesusma lạy chúa tôi! Đừng có đùa kiểu ấy mà mất đầu đấy!

Nói rồi, người chủ hiệu thuốc giảng giải cho Cu Nhớn biết tội ác của hắn, nói cho hắn biết hắn là quân giết người và sẽ bị trừng trị. Cu Nhớn hoảng quá, vội quáng quàng chạy ngay ra xe, quất ngựa rông thẳng về nhà. Ai cũng tưởng hắn phát điên, nên mặc kệ cho hắn đi. Vừa đi đường hắn vừa lẩm bẩm:

- Mày sẽ biết tay tao! Được rồi, thằng Cu Con, mày sẽ biết tay tao!

Lần này, vừa bước chân về đến nhà, hắn lấy ngay một cái túi to, chạy đến bảo Cu Con:

- Mày lại xỏ tao lần nữa. Thoạt đầu tao giết ngựa, sau đến giết bà tao, cũng tại mày tất cả, đừng có hòng xỏ tao nữa!

Hắn túm lấy thắt lưng và ấn luôn Cu Con vào trong cái bao, vác lên vai mà quát:

- Lần này thì ông đem này đi trôi sông!

Đường ra sông khá xa, Cu Con cũng chẳng nhẹ gì. Qua cửa nhà thờ, nghe thấy tiếng đại phong cầm và tiếng hát kinh thánh vọng ra, Cu Nhớn đặt bao đựng Cu Con xuống trước cửa, bụng bảo dạ: "Vào cầu kinh đã rồi hãy đi. Ai cũng đi lễ cả, tất nhiên thằng Cu Con chẳng trốn đi đâu được". Nghĩ thế hắn vào nhà thờ.

Cu Con kêu oai oái trong bao, loay hoay mãi không cởi được dây buộc. Vừa hay có một ông lão chăn bò râu tóc bạc phơ đi tới, tay cầm một cây gậy to, đang lùa một đàn bò rất đẹp. Bò đi qua xô phải cái bao đựng, Cu Con lăn chiêng ra. Cu cậu rên rỉ:

- Than ôi! Mình còn trẻ thế này mà đã phải lên thiên đàng rồi!

Ông lão chăn bò nghe thấy bèn nói:

- Khốn khổ khốn nạn cho cái thân già này! Từng này tuổi đầu mà còn chưa được lên thiên đàng, anh ạ!

Cu Con vội kêu lên:

- Cụ hãy mở túi ra, chui vào đây thay tôi là được lên thẳng cõi thiên đàng đấy!

- Ồ! Thế thì còn gì bằng nữa! - Ông lão chăn bò vội mở bao. Cu Con nhảy phắt ra.

Ông lão vừa chui vào bao vừa dặn:

- Anh chăn họ tôi đàn bò nhé!

Cu Con buộc bao lại rồi đánh bò đi thẳng.

Lát sau, Cu Nhớn ở nhà thờ ra, lại vác bao lên vai. Cái bao nhẹ bỗng đi, chẳng có gì lạ cả, vì ông lão chăn bò chỉ nhẹ bằng nửa Cu Con thôi.

- Sao nhẹ thế này nhỉ? Ồ! Có lẽ tại mình vừa ở nhà thờ ra!

Rồi Cu Nhớn ra một quãng sông vừa rộng vừa sâu quẳng cái bao của ông cụ xấu số xuống. Cứ yên trí đấy là Cu Con, hắn rủa với một câu:

- Cút đi cho rồi! Từ nay hết xỏ tao nhé!

Hắn quay về nhà, nhưng đến một ngã tư lại gặp Cu Con đang dắt đàn bò.

- Chà, thế này thì lạ thật! Tao chả vừa thả mày trên sông là gì?

- Đúng! Anh vừa quẳng tôi xuống xông mới cách đây nửa giờ.

- Thế kiếm đâu ra đàn bò đẹp thế?

- Bò của vua Thủy tề đấy! Tôi kể cho anh nghe nhé! Trước hết, cảm ơn anh đã thả tôi trôi sông, cho nên tôi mới được giàu có trở về đây. Lúc anh quẳng tôi từ trên cầu xuống sông giá buốt, ngồi trong bao thấy gió rít hai bên tai, tôi sợ vô cùng. Tôi chìm ngay xuống đến đáy, chẳng đau đớn tí nào vì ở dưới nước ấy cỏ mọc rất êm. Vừa rơi xuống tới nơi, bao mở ra ngay, và có một cô con gái tuyệt đẹp mặc toàn đồ trắng, trên bộ tóc xõa có đội một cái vòng màu xanh, cầm lấy tay tôi mà bảo rằng:

- Có phải chàng Cu Con đấy không? Trước hết, xin tặng chàng mấy con bò này. Đi độ một dặm nữa, chàng sẽ thấy một đàn bò nhiều gấp mấy lần thế này. Đàn bò ấy tôi cũng xin tặng chàng đấy.

Lúc ấy tôi mới biết con sông là đường cái của dân cư dưới bể. Đi theo lòng sông tôi ra đến biển và đi đến tận một con sông khác. Nom cái gì cũng mê ly. Nào là hoa thơm cỏ lạ, nào là cá lượn tung tăng ríu rít như chim hót. Dân cư mới đáng yêu, súc vật dọc đường và trên các bờ rào mới nhiều làm sao chứ!

Cu Nhớn vội hỏi:

- Thế sao mày lại vội lên trên này làm gì? Ở dưới ấy mà sướng thế thì nhất định tao chẳng lên làm gì!

- Đấy chính là tài khôn khéo của tôi đấy! Anh đã nghe tôi kể rồi còn gì: Nàng tiên cá bảo tôi đi một dặm đường nữa - đường theo ý nàng tức là con sông ấy, sẽ gặp một đàn bò là quà tặng của nàng

cho tôi. Nhưng biết là con sông này ngoắt nghoéo chữ chi, khiếp lắm, cứ như trận đồ bát quái, nên tôi đã lên bờ, đi tắt qua cánh đồng, gần được một nửa dặm đường và tìm thấy ngay đàn bò của vua Thủy tề.

Cu Nhớn nói:

- Cậu thật là số đỏ. Tớ mà xuống đến đáy sông liệu có vớ được đàn bò của vua Thủy tề như cậu hay không?

- Nhất định rồi. Nhưng anh nặng lắm, tôi không cho anh vào bao vác ra đến sông được đâu. Anh chịu khó đi bộ ra đến đấy rồi hãy chui vào bao nhé! Tôi sẽ vui lòng vần anh xuống.

- Cám ơn cậu. Nhưng đến đằng kia mà tớ không vớ được đàn bò của vua Thủy tề thì tớ sẽ cộp cho cậu một trận nên thân đấy! Nói thật chứ chẳng chơi đâu!

Thế rồi họ kéo nhau ra sông. Đàn bò đang khát trông thấy nước vội chạy ùa đến uống nước. Cu Con bèn nói:

- Đấy, anh xem, chúng nó đang cuống cuồng vội vã muốn quay về Thủy cung đấy.

Cu Nhớn rối rít:

- Hộ tao cái, nhanh lên không thì dờ cái thần xác!

Nói đoạn hắn chui vào một cái bao cũ vất trên lưng một con bò và còn dặn thêm:

- Cho thêm một hòn đá vào đấy. Tớ sợ không chìm được đến đáy.

- Không có đá cũng chìm. - Tuy nói vậy, Cu Con cũng cho một hòn đá tướng vào túi, buộc lại rõ chặt và lăn xuống sông.

Tùm! Thế là Cu Nhớn rơi xuống nước, chìm nghỉm ngay lập tức.

Cu Con vừa đánh bò về nhà vừa lẩm bẩm:

- Ta e rằng hắn chẳng tìm được đàn bò nào đâu!

CÁI BÓNG

Ở các xứ nóng, ánh nắng gay gắt hơn ở nước chúng ta nhiều lắm. Dân cư da dẻ đỏ sẫm như màu gỗ gụ. Ở xứ nóng hơn nữa, họ còn bị hun cháy đến nỗi đen xì cả người ra.

Nhà bác học kể trong chuyện này vừa từ những xứ lạnh tới sống ở những xứ phương Nam. Ông ta tưởng có thể dạo chơi như khi còn ở quê hương, nhưng lập tức phải bỏ ngay ý định ấy. Như những người biết nghĩ khác, ông ta phải ở tịt trong buồng. Các cửa đóng kín mít, nom cứ như cả nhà đang ngủ hoặc như một cái nhà hoang.

Khốn hơn nữa, nhà ông bác học này ở lại bị nắng rọi vào suốt ngày, từ sáng cho đến tối, thật không thể chịu được.

Nhà khoa học của chúng ta là một chàng trai trẻ rất lực lưỡng, nhưng vì nóng nực, ông ta đã lâm vào một tình trạng đáng sợ. Ông ta gầy đi rất nhiều, và ngay cái bóng của ông ta cũng tọp đi. Chưa bao giờ nó lại bé đến thế, cũng chỉ tại cái nóng thiêu người.

Chỉ có đến tối, khi mặt trời lặn, ông ta và cái bóng mới lại sức được đôi chút. Giờ phút ấy thật là sung sướng. Đèn trong phòng vừa thắp lên, cái bóng hình như cũng vươn ra để lấy lại sức. Nhà bác học ra bao lơn làm vài động tác thể dục và đến lúc các vì sao lấp lánh trên trời thì ông tưởng mình sống lại.

Lúc ấy, trên các bao lơn trong phố - ở các xứ nóng, nhà nào cũng có bao lơn - mọi người đều ra đấy hóng mát, ngay cả những người có nước da đen cũng vậy.

Thợ giày, thợ may, ai cũng ra phố đi chơi.

Người ta kê bàn ghế ra trước cửa, đâu đâu cũng có ánh đèn. Người chuyện trò, kẻ ca hát, kẻ đi xe, người đi bộ. Có những con la phi nước kiệu, nhạc đeo ở cổ kêu leng keng.

Cảnh nhộn nhịp trong các phố diễn ra thiên hình vạn trạng. Chỗ này trẻ con đang đồng ca. Xa hơn, một người đội mũ bù dài, mặc áo thụng, đang đưa đám ma và, gần như tiếp ngay vào đó, là một đội kèn đồng đang vui vẻ đi đến chỗ hòa nhạc.

Chỉ có mỗi ngôi nhà ở ngay trước cửa nhà ông bác học là vẫn im lặng.

Chắc là nhà vẫn có người ở, nếu không các cây trồng ngoài ắt là không thể sống và ra hoa được. Phải có người tưới chứ!

Chiều đến, cửa hé mở rất nhẹ nhàng, nhưng ngay cả những căn phòng trông ra ngoài phố cũng vẫn tối om. Từ phía nhà trong vọng ra tiếng âm nhạc.

Nhà bác học của chúng ta cho rằng thứ âm nhạc ấy thật là tuyệt diệu, nhưng đấy có lẽ cũng chỉ là một ý kiến thôi, vì ông ta thấy cái gì ở xứ này cũng tuyệt diệu cả, trừ cái nóng nực. Ông hỏi

người chủ nhà xem nhà ai ở căn nhà trước cửa, nhưng ông này không hề biết, cũng chẳng nhìn thấy ai bên ấy bao giờ, còn tiếng nhạc thì ông ta cho là buồn tẻ một cách kinh khủng.

- Chắc đấy là một người nào đó muốn chơi một bản nhạc quá khó đối với trình độ mình, chơi không đạt nhưng vẫn cứ cố gắng.

Một đêm, nhà bác học bỗng giật mình tỉnh dậy. Khi ngủ bao giờ ông ta cũng để ngỏ cửa sổ, và gió vẫn nâng nhẹ một góc rèm. Lúc ấy, ông ta trông thấy một ánh sáng kỳ lạ, lấp lánh trên bao lơn nhà trước cửa. Các đóa hoa nom giống như những ngọn lửa, màu sắc chói lọi, rực chiếu lên mặt một cô gái tuyệt đẹp đang đứng ở giữa phố.

Nhà bác học lóa cả mắt, nhưng phải nói rằng tỉnh giấc ông đã giương đôi mắt hơi quá nên việc ấy cũng không có gì là lạ.

Ông nhảy ra khỏi giường, nấp sau cái rèm, nhìn sang nhà trước cửa. Người thiếu nữ và cả luồng ánh sáng kỳ diệu đã biến mất. Chỉ có hoa là vẫn còn đẹp như trước. Cửa bao lơn hé mở, bên trong vọng ra một điệu nhạc mê hồn.

Ai ở bên ấy nhỉ? Vào nhà bằng lối nào? Cửa đóng im ỉm, có cái nào mở ra phố đâu?

Một tối kia, nhà bác học đang đứng trên bao lơn. Trong phòng, đằng sau ông có thắp đèn, do đó, ông trông thấy cái bóng mình chiếu trên tường nhà trước mặt. Đúng, ông ta trông thấy cái bóng mình ở giữa những cây hoa trồng ngoài bao lơn và mỗi lần ông cúi xuống nó cũng cúi xuống, ngoan ngoãn, đúng như các cái bóng khác.

- Có lẽ cái bóng của mình là kẻ độc nhất sống trong căn nhà ấy. Nó ngồi giữa những cây hoa. Nhưng cửa bao lơn để ngỏ, sao nó không vào xem trong nhà có những gì rồi về kể lại với mình? - Ông pha trò. - Được, được, cứ vào đi!

Nói rồi ông ta gật gật cái đầu và cái bóng cũng gật theo.

- Thế nào, vào đi chứ, sao lại cứ đứng ì ra mãi thế?

Ông ta đứng dậy và quay vào, buông rèm cửa xuống. Nhưng nếu

có ai ở đây cũng sẽ trông thấy cái bóng cũng quay vào cửa bên kia và biến vào trong nhà.

Ngày hôm sau, nhà bác học ra phố uống cà phê và đọc báo. Ra giữa quãng nắng, ông ta bỗng kêu lên:

- Thế này là thế nào nhỉ? Mình không còn bóng nữa. Tối qua nó đã bỏ mình thật và không quay lại nữa rồi. Mình sẽ ra sao nhỉ?

Việc mất bóng làm ông ta thất đảm. Nếu chỉ mất cái bóng không thôi thì ông ta cũng không đến nỗi lo, nhưng ông ta lại biết câu chuyện người mất bóng mà trẻ con xứ lạnh đứa nào cũng thích. Khi ông ta trở về, nếu kể lại chuyện này, chắc mọi người sẽ cho là ông rập khuôn theo một câu chuyện mà ai cũng biết cả và như thế thì thật là khó chịu vô cùng. Bởi vậy, ông quyết định không đả động gì đến chuyện ấy. Đó là thượng sách.

Đến tối, ông lại ra bao lơn, sau lưng vẫn thắp đèn. Hết thu mình lại vươn mình ra, nhưng công toi. Cái bóng không hiện ra nữa. Nhà bác học hậm hực: “Hừ! Hừ! Vô hiệu!”.

Thật là khó chịu, nhưng chả là ở xứ nóng cái gì mọc cũng rất nhanh, nên sau tám ngày, nhà bác học rất vui mừng nhận thấy khi ra nắng, lại có một cái bóng mới dưới chân mình, chắc là rễ cái bóng cũ còn sót lại. Sau ba tuần, ông đã có một cái bóng tương đối vừa vặn, khi về đến các xứ phương Bắc chắc nó còn lớn hơn nữa.

Trở về quê nhà, nhà bác học viết sách nói về Chân, Thiện, Mỹ trên đời này.

Ngày qua tháng lại và nhiều năm đã qua. Một buổi tối, ông đang làm việc trong phòng, bỗng có người gõ cửa.

- Xin cứ vào.

Nhưng chẳng có ai vào. Ông bèn ra mở cửa. Trước mặt ông là một người gầy gò, làm cho ông động lòng trắc ẩn. Cũng cần nói thêm là người đó ăn mặc rất sang trọng, chắc hẳn phải thuộc hàng thượng lưu trong xã hội.

Nhà bác học hỏi:

- Xin ngài cho tôi biết quý danh…

Người kia đáp:

- Tôi biết ngay là ông không thể nhận ra tôi được. Tôi đã phổng phao lên được một tí, bây giờ đã có xương có thịt. Hừ! Chắc ông không thể tưởng tượng được sẽ gặp tôi đẫy đà như ngày nay. Ông không nhận được cái bóng của ông nữa ư? Dĩ nhiên ông không thể ngờ rằng tôi sẽ quay trở về. Chỉ có từ khi tách ra khỏi ông tôi mới có hạnh phúc và không có điều gì phải phàn nàn cả. Nếu cần phải chuộc lại tự do thì bây giờ đã có điều kiện.

Nói rồi hắn lắc những tư trang lủng lẳng ở sợi dây đeo chiếc đồng hồ quả quýt và đặt tay lên sợi dây chuyền vàng to tướng đeo ở cổ. Ngón tay nào của hắn cũng lấp lánh nhẫn kim cương thật. Nhà bác học nói:

- Tôi ngạc nhiên quá đỗi. Sao lại có thể thế được nhỉ?

Cái bóng nói:

- Chuyện tôi đâu có phải chuyện thường. Còn ông nữa, ông cũng chẳng phải là người như kẻ khác. Khi ông đã cho phép tôi từ bỏ ông, tôi đã không ngần ngại, và ông xem đây, tôi đã làm nên. Tuy nhiên, sung sướng đến thế này rồi, tôi vẫn muốn gặp lại ông và quê hương trước khi chết. Tôi biết ông đã có một cái bóng mới. Liệu tôi có phải trả cho nó một khoản trợ cấp vì nó đã thay tôi hay không? Và nếu tôi muốn chuộc thân thì liệu phải trả ông bao nhiêu?

- Có thật là mi không nhỉ? Ngay cả khi ngủ mê ta cũng không bao giờ tưởng tượng thấy cái bóng của một con người lại có thể trở về hình thức của một con người thật.

- Hãy cho tôi biết tôi phải trả bao nhiêu, vì tôi muốn dứt nợ với ông.

- Mi nói gì thế? Nợ với nần gì? Mi có quyền tự do như tất cả mọi người. Ngồi xuống đây, bạn cũ! Kể cho ta nghe một chút về chuyện phiêu lưu của mi, những cái vui đã thấy ở những xứ nóng nhất là trong căn nhà trước cửa nhà ta ở ngày nọ.

Cái bóng vừa ngồi xuống vừa nói:

- Được lắm, nhưng ông phải hứa với tôi là không kể cho ai trong thành phố biết tôi là cái bóng của ông. Tôi đang định lấy vợ vì bây giờ tôi thừa sức để nuôi cả một gia đình.

- Được, chớ có sợ. Nhất định ta sẽ không nói cho ai biết mi là cái gì. Nói đi, ta hứa sẽ giữ đúng. Quân tử nhất ngôn.

- Bóng này cũng chả kém.

Cũng nên xem cái bóng đã trở thành con người thực sự như thế nào. Nó mặc áo quần đen bằng thứ vải hảo hạng và đi ủng bóng nhoáng. Nó đội một cái mũ cao có lò xo, có thể ấn bẹp xuống như một chiếc bánh. Đó là một thứ mũ kiểu mới nhất. Nó bắt đầu nói:

- Tôi kể cho ông nghe. Vừa nói nó vừa dẫm đôi ủng bóng nhoáng lên trên cái bóng mới của nhà bác học, lúc này đang nằm dưới chân ông như một con chó xù. Bóng này sợ bóng kia thèm muốn đôi ủng của mình, nhưng cái bóng nằm dưới đất vẫn cứ im lìm mà nghe chuyện. Nó muốn nghe xem làm thế nào để được tự do và tự mình làm chủ được mình.

“Ông có biết ai sống trong căn phòng trước cửa ấy không? Thưa, chính là Nàng Thơ, con người thi vị nhất đời. Tôi chỉ sống trong nhà nàng có ba tuần thôi, nhưng còn hơn ba trăm năm đọc thơ và sách vở uyên bác. Tôi đã nhìn thấy và hiểu tất cả mọi việc trên đời”.

Nhà bác học reo lên:

- Nàng Thơ!

- Phải, đúng như thế! Nàng vẫn thường sống ẩn dật trong những thành phố lớn.

- Nàng Thơ! Ta chỉ được thấy nàng có một lần mà đến giờ vẫn còn lưu luyến. Nàng đứng trên bao lơn và rực sáng lên như một vầng bắc cực quang!… Kể tiếp đi! Hôm ấy mi đang đứng ở bao lơn, mi quay vào, rồi sao nữa?

- Thế là vào đến một căn buồng đợi hơi tối tôi trông thấy một dãy

phòng thông luôn với nhau đèn đuốc sáng lóa cả mắt. Tôi không dám mạo hiểm vì sợ vào đó thì không còn là cái thân bóng này nữa. Tôi đã học được tính cẩn thận của ông. Tôi nép vào một xó và xem xét.

- Thế rồi mi thấy những gì?

- Tôi cho là đã trông thấy tất và sắp kể cho ông nghe đây. Nhưng tôi yêu cầu ông một điều. Và ít ra ông cũng chớ cho là tôi kiêu ngạo. Ông có thể thôi không mày tao chí tớ với tôi được chứ?

- Xin lỗi, đó chỉ là thói quen từ lâu thôi, anh cũng biết chứ! Kể tiếp đi!

- Xin vâng, tôi đã trông thấy và biết tất.

- Thế nào? Những căn phòng bên trong ra làm sao? Nom giống như một cánh rừng hay một tòa thánh thất? Hay là giống như bầu trời đầy sao?

- Giống như thế và còn giống nhiều thứ khác nữa. Tôi không vào mà đứng ngoài phòng đợi, nhưng đấy là một chỗ rất tốt, vì tôi nhìn thấy tất. Cứ đứng đấy thôi cũng như là đứng trong cung điện của Nàng Thơ.

- Nhưng anh đã trông thấy cái gì kia chứ? Anh có thấy các vị thần, các anh hùng hiệp sĩ đang tranh hùng và các trẻ em đang kể các giấc mơ của chúng không?

- Tôi đã nói với ông là tôi đứng đấy mà lại. Tất nhiên tôi nhìn thấy tất cả chứ lị. Giá lúc ấy ông ở vào địa vị tôi thì ông sẽ trở thành siêu nhân. Nhưng một cái bóng như tôi thì chỉ có thể tiến lên thành một con người được thôi. Thế nhưng đặc tính của con người là ích kỷ, nên tất nhiên là tôi không kể tất cả những điều mà tôi biết cho ông nghe đâu.

“Chính trong cái phòng đợi ấy, lần đầu tiên tôi đã nhận ra được bản chất thực sự của tôi. Cũng giống như Nàng Thơ, tôi chỉ là một ánh phản xạ. Ông nên nhớ là lắm khi tôi còn to hơn cả ông và dưới ánh trăng người ta nhìn thấy tôi rõ ràng hơn.

“Thành người rồi, tôi bỏ nhà của Nàng Thơ và rời thành phố ra đi.

Một buổi sáng đẹp giời kia, tôi ra phố, ăn mặc như một ông hoàng. Thoạt đầu, tôi lấy làm sửng sốt về con người tôi lúc ấy và đứng nép vào một xó trong một ngõ hẻm. Đến tối, tôi đi dạo các phố dưới ánh trăng. Tôi trèo lên các bờ tường, các mái nhà để nhìn vào bên trong qua các cửa sổ phòng khách và các gác xép. Do đó, tôi đã nhìn thấy những thứ mà trên đời này không ai nhìn thấy. Chao ôi! Thật ra bảo rằng thiên hạ tồi lắm cũng có lý, và tôi thấy làm người cũng chẳng vinh dự gì cho lắm. Tôi đã thấy đàn bà cũng như đàn ông, cha mẹ cũng như con cái, làm nhiều việc xấu không thể tưởng tượng được".

Cái bóng tiếp:

- Phải, tôi đã trông thấy tất cả những thứ mà bất cứ người nào cũng không nên biết, nhưng ai cũng mong muốn, là làm hại người đồng loại. Chao ôi! Tôi mà viết được tất cả những việc đó lên một tờ báo cho mọi người đọc thì phải biết!

"Thế là tôi luôn luôn lui tới mọi nơi".

"Người ta sợ tôi nên đối đãi tử tế với tôi. Các vị giáo sư gọi tôi là đồng nghiệp. Các bác thợ may biếu tôi quần áo mới, các nhà buôn tặng tôi những sản vật đẹp nhất của họ, phụ nữ cho tôi là tuyệt mỹ. Cứ như thế, tôi đã trở thành như ngày nay. Thôi, tôi phải đi đây. Danh thiếp của tôi đây. Tôi ở phía có mặt trời, khi trời mưa, bao giờ tôi cũng ở nhà".

Ngày tháng trôi qua đã mấy năm.

Bỗng nhiên cái bóng trở lại. Nó hỏi:

- Dạo này ông thế nào rồi?

Nhà bác học đáp:

- Ồ! Tôi viết nhiều sách về Chân, Thiện, Mỹ nhưng ngày nay chẳng có ai để tâm đến điều ấy cả. Tôi khổ tâm lắm.

- Tôi chẳng phải bận tâm, vì thế tôi béo ra. Vả chăng những người khôn đều làm như tôi cả. Ông chẳng ưu thời mẫn thế chút nào. Cứ thế mãi thì đến ốm mất thôi. Đi du lịch đi. Vừa hay tôi cũng sắp đi đây. Ông có muốn cùng đi với tôi không? Tôi cũng thích có một

người bạn đồng hành. Ông có muốn là cái bóng của tôi không? Tôi rất thích như thế và sẽ chịu lộ phí cho ông.

- Như thế phiền quá!

- Ôi dào! Nghĩ ra sao thì nó ra làm vậy thôi. Đi du lịch một chuyến sẽ khỏe người ra đấy.

- Nhưng ta là cái bóng của anh thì thật là hỗn xược!

- Đời là như thế và sẽ mãi mãi là như thế đấy.

Cái bóng bỏ đi.

Kỳ thực, nhà bác học không được khỏe. Ông đang phải nghĩ ngợi và buồn phiền vì thái độ của công chúng đối với những điều ông viết về Chân, Thiện, Mỹ chẳng hơn gì con bò cái đối với quả nhục đậu khấu.

Cuối cùng, đâm ra ông ốm thật.

Bạn bè bảo ông:

- Trông anh gần giống một cái bóng rồi đấy.

Nghe vậy, nhà bác học giật nảy mình.

Cái bóng quay trở lại và bảo ông:

- Ông phải ra biển mới được. Không còn phương thuốc nào khác nữa. Lấy tình bạn cũ, tôi sẽ đưa ông đi. Tôi chịu tiền phí tổn đi đường, còn ông, ông sẽ viết một thiên du ký về cuộc du lịch này. Cả tôi nữa, tôi cũng cần ra biển vì râu tôi không chịu mọc nữa rồi, đấy cũng là một bệnh. Người ta cần phải có râu mới được. Biết điều một tí, nhận lời đi. Chúng ta sẽ cùng nhau du lịch như bạn bè thôi mà!

Thế là họ lên đường. Bây giờ cái bóng là ông chủ, và ông chủ lại là cái bóng. Họ đi kề bên nhau, người nọ trên người kia, đằng trước hoặc đằng sau người kia, tùy theo vị trí của mặt trời.

Cái bóng luôn luôn tìm cách chơi trịch thượng.

Nhưng nhà bác học không để ý đến. Ông cảm thấy trong người sảng khoái và một hôm, ông bảo bóng:

- Vì mi là bạn đồng hành của ta và đã ở với ta từ lâu, chúng ta hãy uống một bữa chúc mừng tình bạn thân thiết như anh em của chúng ta.

- Ông nói gì thế? - Cái bóng cự lại, vì đã tự coi mình là ông chủ. - Là một nhà bác học chắc hẳn ông phải biết con người ta thật là kỳ lạ. Có kẻ thấy người khác vò một tờ giấy cũng không chịu nổi, lại có kẻ rùng cả mình mỗi khi nghe thấy tiếng móng tay cạo trên cửa kính. Thưa rằng: Nếu ông lại mày tao chí tớ, tôi cũng rợn mình chẳng kém. Nhưng nếu ông muốn chúng ta mày tao chí tớ với nhau thì được, dễ thôi. Tôi sẽ mày tao chí tớ với ông.

Và từ lúc đó trở đi, cái bóng bắt đầu mày tao với chủ cũ.

Nhà bác học nghĩ thầm: "Từ nay trở đi, trong khi mình gọi nó bằng anh, nó lại mày tao với mình thì quá lắm".

Nhưng dù muốn hay không, ông ta cũng đành phải bỏ qua chuyện ấy.

Họ tới một thành phố bên bờ biển. Ở đấy có rất nhiều người ngoại quốc, đặc biệt là một nàng công chúa nhan sắc tuyệt vời. Nàng tới đó để chữa bệnh. Nàng mắc bệnh mắt nhìn quá sắc, thành thử nhìn cái gì cũng rõ quá, nên không bao giờ trông lầm cả. Nàng nhận ngay ra rằng người khách mới tới không giống những kẻ khác. Nàng nói:

- Người ta bảo anh ta đến đây để chữa bệnh về râu, nhưng ta biết anh ta bị bệnh gì rồi, anh ta không có bóng.

Điều đó khêu gợi trí tò mò của nàng, và trong một buổi dạo chơi, nàng làm quen với người khách lạ. Nàng hỏi ngay:

- Ông mắc bệnh không có bóng, đúng không?

- À, kính thưa công nương, bệnh công nương sắp qua khỏi rồi đấy. Tôi biết công nương mắc bệnh nhìn quá rõ, nhưng bệnh đã thuyên giảm thì phải, vì công nương không thấy tôi có một cái bóng rất đặc biệt. Công nương có trông thấy cái người vẫn đi theo tôi

không? Người khác thường có bóng giống hệt mình. Còn tôi, tôi không ưa những gì tầm thường. Cũng tựa như người ta cho đầy tớ một bộ dạng đẹp hơn bộ mình đang mặc, tôi đã dùng ngay một người có bóng làm bóng của tôi. Chơi thế kể cũng ngông, nhưng tôi không ưa những gì thông thường.

Công chúa tự hỏi:

- Mình đã khỏi rồi chăng? Tắm biển ở đây thật là tuyệt. Nước biển thời nay quả có công dụng phi thường. Nhưng mình cũng chưa muốn rời khỏi nơi này vội. Miễn là râu anh ta đừng mọc vội, kẻo anh ta lại đi mất.

Đến tối, công chúa và cái bóng đã đi một bài "van-xơ" với nhau trong phòng khiêu vũ rồi. Nàng nhảy rất nhẹ nhàng, nhẹ đến nỗi cái bóng chưa hề thấy vũ nữ nào nhảy tài đến như vậy. Họ trò chuyện với nhau. Nàng cho hắn biết quê hương mình. Cái bóng biết xứ ấy, vì ngày trước nó đã từng đi du lịch qua, nhưng hồi đó công chúa đi vắng. Như vẫn thường làm ở mọi nơi, cái bóng đã từng leo qua cửa sổ cung điện, dòm qua cửa sổ và kẽ rèm, nên nó đã biết cặn kẽ cả những điều nhỏ nhặt nhất sâu kín trong cung, làm công chúa rất đỗi ngạc nhiên khi nghe nó kể lại. Nàng tự nhủ:

- Thật là một con người tài trí nhất trần gian này.

Nhảy đến lần thứ hai với cái bóng, nàng cảm thấy gần như yêu nó mất rồi, nhưng nàng còn đủ khôn ngoan nghĩ đến Tổ quốc, ngôi báu và trăm họ mà nàng sẽ cai trị sau này. Nàng nghĩ thầm:

- Thật là một người có tài, anh ta khiêu vũ giỏi tuyệt. Nhưng mặt khác cũng phải xem anh ta tài cao học rộng ra sao. Phải điều tra mới được.

Thế là nàng bắt đầu hỏi cái bóng về những vấn đề rất khó mà chính nàng cũng không giải đáp được.

Thái độ bóng rất kỳ lạ.

Công chúa hỏi:

- Ông không giải đáp được hay sao?

Cái bóng đáp:

- Có chứ, tôi hiểu rõ vấn đề ấy đến nỗi ngay cả cái bóng của tôi đang đứng ở gần cửa kia cũng có thể giải đáp cho nàng được.

- Cái bóng của ông đấy ư? Thế thì kỳ lạ nhỉ?

- Tôi không dám nói chắc với nàng rằng nó có thể trả lời được hay không, nhưng tôi tin là được. Nó theo lời tôi đã bao nhiêu năm nay rồi kia mà. Nhưng tôi xin báo trước để công nương biết rằng cái bóng của tôi rất kiêu ngạo, phải coi nó như một người thật và làm sao để nó vừa lòng thì nó mới trả lời tử tế.

- Tôi lại ưa cái lối kiêu ngạo ấy kia đấy!

Công chúa đến bên cửa gặp nhà bác học. Nàng trao đổi với ông ta về mặt trời, mặt trăng, về thể chất và tâm hồn con người, và được nhà bác học giải đáp cho được nhiều vấn đề quan trọng và bổ ích.

Nàng nghĩ thầm:

- Cái bóng của anh ta còn như thế, chắc anh ta phải giỏi lắm. Mình mà lấy anh ấy thì thật vạn hạnh cho nước ta và trăm họ.

Nàng ngỏ ý với cái bóng, nhưng hai bên giao ước với nhau và giữ bí mật chuyện này cho đến khi công chúa trở về nước nhà.

- Không, không nói với bất cứ một ai, ngay cả với cái bóng của tôi nữa. - Cái bóng nói thế, vì xét cho cùng, nó thấy phải làm như thế mới ổn.

Thế là cái bóng và nhà bác học đi sang xứ sở của công chúa. Hắn bảo nhà bác học:

- Này ông bạn quý, hãy nghe đây. Ta đã trở nên sung sướng và quyền thế. Ta muốn cho mi giàu có. Ta sẽ cho mi ở trong lâu đài của ta, ngồi xe loan của ta và đi chơi và hàng năm cấp cho mi mười vạn đồng tiền vàng, với điều kiện mi nhận làm cái bóng của ta và không được tiết lộ chuyện trước kia mi đã là người. Mỗi năm một lần, khi trời nắng, mi sẽ phải đến nằm dưới chân ta như một cái bóng, vì ta cần phải bảo cho mi biết: Ta lấy công chúa và tối nay sẽ làm lễ cưới.

Nhà bác học kêu lên:

- Không, không được, như thế thì quá lắm! Ta sẽ không làm chuyện ấy và cả mi cũng vậy. Như thế là lừa dối công chúa và trăm họ. Ta sẽ nói cho mọi người biết rằng ta mới chính thực là người, còn mi chỉ là một cái bóng, ăn mặc quần áo để đội lốt người.

- Chẳng ai thèm tin mi đâu! Hãy biết điều một chút! Kẻo ta gọi lính gô cổ mi lại đấy.

- Ta sẽ đi tìm công chúa đây.

- Ta sẽ đến gặp nàng trước mi, ta sẽ tống cổ mi vào ngục.

Việc đó được thực hiện ngay lập tức, vì lính thị vệ biết cái bóng sắp lấy công chúa nên tuân lệnh nó.

Thấy cái bóng đi tới, công chúa vội hỏi:

- Sao chàng run đến thế? Có việc gì vậy?

- Tôi vừa chứng kiến một việc đáng sợ nhất đời. Nàng thử tưởng tượng xem: cái bóng của tôi phát điên! Nó tự xưng là người, và tệ hơn nữa, nó bảo tôi là cái bóng của nó.

- Khiếp quá nhỉ? Giam nó lại rồi chứ?

- Vâng, nhưng tôi e rằng chẳng bao giờ nó khỏi bệnh điên ấy.

- Tội nghiệp cho cái bóng! Thương thay cho nó. Nếu có tiêu ma nó khỏi cõi đời này cũng là phúc cho nó! Theo luân thường đạo lý thời nay, nếu ta làm điều bất công thì sẽ bị người đời bình phẩm. Vậy có lẽ nên bí mật thủ tiêu nó thì hơn.

Cái bóng thở dài:

- Thật khó mà đang tâm đối với một tên hầu trung thành như nó.

Công chúa reo lên:

- Chàng thật là cao thượng lắm thay!

Đến tối, thành phố sáng trưng, súng thần công nổ ầm ầm vang dội. Lễ cưới tưng bừng. Quân lính bồng súng chào. Công chúa và cái bóng bước ra bao lơn để ra mắt thần dân tung hô chúc tụng thêm nữa.

Nhà bác học đáng thương chẳng hề được nghe những lời hô ấy. Người ta đã giết ông ta mất rồi.

NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH

Cậu Jean tội nghiệp rất buồn, vì cha cậu đang ốm thập tử nhất sinh. Chỉ có hai cha con trong túp lều nhỏ. Đã khuya lắm rồi, ngọn đèn trên bàn vừa lụi. Người cha bảo:

- Jean ơi! Con thật là hiếu thảo. Cầu mong Thượng Đế sẽ phù hộ cho con trên đường đời.

Jean òa lên khóc, cậu chẳng còn ai trên đời này nữa, từ cha mẹ cho chí anh em.

Cậu quỳ bên cạnh giường hôn tay cha, nước mắt chan hòa. Nhưng rồi cậu nhắm mắt thiếp đi, gục đầu xuống thành giường bằng gỗ cứng.

Cậu mơ một giấc mơ kỳ diệu. Cậu thấy mặt trời và mặt trăng sà xuống gần, cậu trông thấy cha khỏe mạnh và còn nghe thấy cha cười nữa, như thể những lúc cha có điều gì vừa ý. Một cô gái xinh xắn đội một chiếc mũ miện, làn tóc dài và đẹp chìa tay ra cho Jean. Cha bảo: “Vị hôn thê cha cưới cho con đẹp nhất trần gian như thế đấy!”.

Jean bừng tỉnh, trước mắt cậu vẫn là sự thực đáng buồn. Cha cậu vẫn đấy, đã chết, nằm sõng sượt trên giường, người lạnh ngắt, ngoài ra chẳng còn một ai. Tội nghiệp cho Jean!

Ngày hôm sau, Jean theo quan tài cha cậu ra mộ. Cậu chẳng còn được gặp lại người cha mà cậu rất mực yêu quý.

Lòng nặng trĩu buồn phiền, tim cậu chừng như tan nát thành muôn mảnh.

Người đi đưa ma hát một bản thánh thi. Tiếng hát dịu dàng làm mắt Jean lại càng đẫm lệ, những hàng lệ làm nhẹ nỗi đau khổ.

Ánh dương lấp lánh trên hàng cây xanh dường như vui vẻ bảo cậu: "Chớ có buồn phiền như vậy! Hãy nhìn lên trời xanh kia! Cha cậu giờ đang ở trên đó, và đang ở cầu Thượng Đế giúp cho cậu từ nay được thành công trong mọi việc".

Jean đáp:

- Còn tôi, bao giờ tôi cũng muốn ăn ở cho tử tế để sẽ được lên thiên đàng gặp lại cha tôi. Ngày đoàn tụ sẽ vui vẻ biết bao.

Tưởng tượng đến cảnh ấy. Jean mỉm cười, hai hàng lệ lăn trên gò má. Những con chim non đậu trên cây dẻ cất tiếng hót "Quy-it, Quy-it". Chúng vừa chứng kiến đám tang. Chắc hẳn chúng cũng tin rằng ở đây người xấu số đang ở trên thiên đàng, có đôi cánh vừa đẹp vừa lớn hơn đôi cánh của chúng và đang sung sướng vì đã sống phúc hậu khi còn ở dưới trần.

Jean trông thấy chúng bay từ đám cây xanh tới lên tít trên không và thấy thèm được đi theo chúng. Tuy nhiên, cậu không quên đẽo một cây thập tự bằng gỗ để đem cắm bên mộ cha.

Đến chiều, khi mang cây thập tự tới, cậu thấy ngôi mộ đã đầy những cát và hoa. Bạn bè đã đến trang hoàng sửa sang, vì ai cũng rất quý cha cậu.

Sáng hôm sau, Jean gói quần áo thành một bọc nhỏ và dắt lưng toàn bộ tài sản gồm có năm mươi đồng tiền vàng và vài hào bạc. Cậu định sẽ dùng món tiền ấy đi chu du thiên hạ.

Thoạt tiên, cậu đi ra nghĩa địa, tìm đến mộ cha, cầu kinh xong rồi khấn: "Vĩnh biệt cha thân yêu. Con muốn lúc nào cũng là người tốt và xin cha cứ yên lòng. Cầu Thượng Đế phù hộ cho con".

Trên những cánh đồng Jean đi qua cậu thấy hoa nào cũng đẹp dưới nắng ấm. Chúng nghiêng mình dưới làn gió nhẹ như hoan nghênh chào đón cậu.

Jean đứng lại gần nữa để nhìn lại ngôi nhà thờ cổ kính, nơi cậu đã chịu lễ ban thánh thể, nơi mà chủ nhật nào cậu cũng cùng cha đến nghe giảng đạo.

Cậu trông thấy tít trên khung cửa tò vò của tháp chuông anh lùn gác chuông nhà thờ đầu đội mũ đỏ, tay đang che mắt để tránh những tia nắng chói chang, Jean vẫn vẫy tay vĩnh biệt anh ta.

Anh lùn vẫy chiếc mũ đỏ, đặt tay lên ngực, và lấy tay làm hiệu gửi cho Jean nhiều chiếc hôn, tỏ ý chúc Jean thượng lộ bình an và gặp nhiều may mắn.

Jean nghĩ đến những điều sẽ được gặp trong thiên hạ. Cậu đi mãi, đi mãi, chưa bao giờ đi xa đến thế. Cậu chẳng hề quen biết những thành phố cậu đã đi qua và những người cậu đã gặp. Giờ đây cậu đã đến một nước hoàn toàn xa lạ.

Đêm đầu tiên, cậu phải ngủ trong một đống rơm vì không tìm được một chỗ nào khác. Nhưng cậu cho thế là may mắn, đến vua cũng không có cái giường nào thích hơn: một cánh đồng, một con sông, một đống rơm và bầu trời xanh trên đầu, còn có cái phòng ngủ nào đẹp hơn thế? Thảm cỏ xanh có điểm hoa trắng đỏ. Hương mộc và dã tường là những bó hoa trang trí tuyệt đẹp, rửa mặt thì đã có cả con sông với làn nước trong mát in hình những vì sao trên trời soi bóng xuống. Chị Hằng tựa như một ngọn đèn đêm lớn treo lơ lửng trên bầu trời xanh, chẳng còn sợ bén lửa sang rèm cửa, nên Jean có thể và đã yên chí ngủ say.

Khi cậu tỉnh giấc, mặt trời đã lên cao, tứ phía chim hót: “Chào cậu, chào cậu, chưa dậy kia à?”

Hôm ấy là chủ nhật. Chuông điểm rộn rã. Giáo dân kéo nhau đến nhà thờ. Jean đi theo họ, cùng hát với các con chiên và nghe giảng kinh. Cậu tưởng như đang đứng trong ngôi nhà thờ thân yêu nơi cậu đã chịu lễ ban thánh thể và đã cùng hát với cha cậu.

Ngoài nghĩa địa, có nhiều mộ. Bên cạnh vài nấm mộ cỏ mọc rất

cao. Jean chợt nghĩ đến nấm mộ của cha, giờ đây đã không được cậu săn sóc, chắc cũng giống thế. Cậu ngồi thụp xuống nhổ cỏ, dựng lại những cây thập tự bị đổ và xếp lại những vòng hoa đã bị gió cuốn.

Cậu nghĩ thầm: “Có lẽ mộ cha mình cũng được người khác săn sóc thay mình như thế này đây”.

Có một ông lão ăn mày đứng chống nạng ngoài cửa nghĩa địa, Jean cho ông lão mấy hào lẻ và sung sướng, khoan khoái, tiếp tục chu du thiên hạ.

Đến tối, gặp một cơn giông khủng khiếp. Jean rảo bước tìm nơi trú ẩn, nhưng chẳng bao lâu, trời tối sập. Cuối cùng, cậu đã đến được một ngôi nhà thờ, biệt lập trên một ngọn đồi. Cửa ngỏ, cậu vào trú định bụng sẽ ngủ ở đây cho đến khi hết giông. Cậu nghĩ thầm:

- Mệt chết đi được! Mình phải tìm xó nào chui vào mà nghỉ một lát mới được.

Cậu ngồi xệp xuống đất, chắp tay cầu kinh. Chưa đọc hết bài cậu đã thiếp đi, trong khi cơn giông tố vẫn gào thét bên ngoài.

Khi sực tỉnh, đã nửa đêm, nhưng cơn giông đã tạnh, trăng lấp lánh qua cửa kính. Giữa nhà thờ có một chiếc quan tài để ngỏ, bên trong có một thi hài sắp sửa đem chôn. Vốn là người nhân đức, Jean không hề sợ hãi vì biết rằng người chết không hại ai bao giờ. Có chăng chỉ những kẻ còn sống có tâm địa xấu xa thì mới đáng sợ. Vừa lúc ấy, có hai gã mặt mũi bất lương đến gần xác chết định lôi ra khỏi quan tài để đem quẳng đi, Jean mắng họ:

- Các anh định giở trò gì thế? Phải tội chết! Hãy để yên cho người ta an nghỉ giấc ngàn thu.

Hai tên lưu manh đáp:

- Không được! Nó đã coi chúng tao không ra gì cả! Nó nợ tiền chúng tao mà không giả được. Bây giờ nó đã vào áo quan rồi mà chúng tao thì chẳng đòi lấy được một shilling nhỏ nào! Vì thế chúng tao phải trả thù và sẽ mang nó quẳng ra cửa nhà thờ như

một con chó.

Jean thương lượng:

- Cả gia tài tôi được năm mươi đồng tiền vàng, nhưng tôi sẵn lòng đưa tất cả cho các anh nếu các anh hứa với tôi để cho người chết được yên lành. Không có tiền, tôi sẽ tự liệu sau, tôi vẫn còn lành lặn, khỏe khoắn. Thượng Đế sẽ phù hộ tôi.

- Được! Nếu anh muốn giả nợ thay nó thì chúng tôi sẽ tha cho nó.

Chúng cầm lấy tiền của Jean, cười ngất, cho cậu là dớ dẩn rồi bỏ đi.

Jean đặt lại cái xác vào quan tài, chắp hai tay người chết vào với nhau, từ biệt rồi khoan khoái đi qua khu rừng lớn.

Khắp xung quanh, chỗ nào có ánh trăng chiếu xuyên qua kẽ lá, cậu cũng thấy các ma trơi xinh xắn nhảy múa vui vẻ. Jean không làm phiền gì đến chúng. Chúng cũng biết cậu là người tốt và trong sạch và chỉ có những kẻ không tốt mới sợ ma trơi mà thôi.

Có những chú ma trơi chỉ bé bằng ngón tay. Chúng cài mớ tóc vàng hoe bằng một cái lược vàng. Từng đôi một, chúng nhảy vòng quanh những giọt sương lớn đọng trên lá cây và những nhánh cỏ cao. Thỉnh thoảng giọt sương lăn xuống đất là chúng cũng ngã xuống giữa các cọng cỏ, thế là cả bọn lại cười vui vẻ.

Chúng hát và Jean nhận ra ngay bài hát đáng yêu ấy vì cậu đã được học từ khi còn bé.

Những con nhện vằn to tướng, đầu đội mũ miện bằng bạc, chăng một cái cầu dài bằng tơ giữa hai hàng rào. Những hạt sương đọng trên chiếc cầu tơ ấy nom như một tấm gương lấp lánh dưới ánh trăng. Nhưng chú ma trơi cứ nô đùa với nhau như thế đến tận tang tảng sáng. Lúc đó, các chú núp vào những nụ hoa, gió cuốn tung những cái cầu, lâu đài của các chú bay lên những đám tơ, và Jean cũng vừa ra đến cửa rừng. Có tiếng người gọi to sau lưng cậu.

- Ô này! Anh bạn! Về đâu thế?

Jean đáp:

- Đi chu du thiên hạ. Tôi là đứa bé nghèo không cha không mẹ, nhưng Thượng Đế sẽ phù hộ tôi.

Người lạ mặt bảo:

- Tôi cũng chu du thiên hạ đây. Anh có muốn chúng ta cùng đi với nhau hay không?

- Sẵn lòng, - Jean đáp và họ cùng đi với nhau.

Chỉ mười lăm phút sau là họ hoàn toàn ý hợp tâm đầu vì cả hai vốn là người tốt.

Nhưng Jean nhận thấy người bạn đồng hành khôn ngoan hơn mình nhiều lắm. Anh ta đã hầu như đi khắp thế giới nên chuyện gì cũng biết.

Khi họ ngồi xuống một gốc cây lớn để ăn sáng, mặt trời đã lên cao. Vừa lúc đó có một bà già đi tới.

Bà cụ lụ khụ chống nạng đi lom khom, trên lưng mang một bó củi khô lượm trong rừng. Tạp dề của bà cụ xắn lên và Jean thấy lòi ra ba cái roi bằng cây đuôi chồn và dương liễu. Còn cách họ vài bước, bà cụ trượt chân ngã lăn kềnh, kêu thét lên.

Jean muốn khiêng ngay bà cụ về nhà, nhưng người lạ mặt mở túi lấy ra một cái hộp và cho biết là anh có một vị thuốc có thể làm cho chân bà cụ lành ngay lập tức, bà cụ có thể tự mình đi về nhà như không có chuyện gì xảy ra cả. Nhưng anh ta đòi bà cụ phải trả công bằng ba chiếc roi giắt trong tạp dề.

- Thế thì đắt quá đấy! - Bà cụ vừa nói vừa lắc đầu một cách kỳ quái.

Bà ngần ngừ không muốn tháo roi ra, nhưng gãy chân mà nằm đấy thì cũng chẳng dễ chịu cho lắm.

Bà đành trao mấy cái roi cho người bạn của Jean. Anh ta vừa bôi thuốc vào chân, bà cụ đã đứng dậy, đi lại, còn nhanh nhẹn hơn trước là đằng khác.

Thật là một thứ thuốc thần diệu, không hiệu thuốc nào có.

Jean hỏi anh bạn đồng hành:

- Cậu lấy mấy cái roi ấy làm gì thế?

- Đấy chỉ là những mẩu gỗ xinh xinh mà mình thích, xưa nay mình vốn thế.

Họ đi với nhau một hồi khá lâu nữa. Jean nhìn về phía trước và nói:

- Nom những đám mây đen kéo đến mù mịt cả trời đất, khiếp chưa kìa!

Anh bạn đáp:

- Không, không phải mây đâu. Núi đấy, những ngọn núi cao hùng vĩ, còn cao hơn cả mây kia.

Rặng núi nom tưởng gần mà lại hóa ra xa. Đi suốt một ngày mới tới nơi. Rừng ở đây rậm và toàn những cây mọc thẳng đứng, lại còn có những tảng đá to bằng cả một thành phố. Vượt qua chốn này chẳng phải dễ nên hai người tạt vào một quán trọ, họ định nghỉ ngơi lấy lại sức để hôm sau lên đường.

Trong căn phòng bên dưới có một đám người tụ tập khá đông. Một người đang làm trò múa rối. Khán giả ngồi quây xung quanh xem biểu diễn. Trên hàng đầu có một lão hàng thịt già béo phị. Một con chó to xù ngồi cạnh lão, nom dữ tợn như sắp cắn mọi người. Mở màn… Đây là một hài kịch, có vua và hoàng hậu, đầu đội mũ miện vàng, khoác áo choàng dài, ngồi trên ngai. Nhưng chú lính hầu xinh xắn, mắt bằng thủy tinh, đứng gần các cửa, cứ mở ra rồi lại đóng vào mãi, để lấy gió mát vào cung. Thật là một hài kịch lý thú, rất ý nhị và vui nhộn.

Nhưng đến lúc hoàng hậu đứng dậy dạo vài bước, có giời biết con chó xù nghĩ sao, chồm ngay lên sân khấu, ngoạm ngang tấm lưng đẹp đẽ của hoàng hậu. Chả là lão hàng thịt không giữ chó mà lỵ. Mọi người chỉ nghe thấy tiếng nhai gau gáu đến là sợ.

Anh chàng làm trò múa rối đáng thương tỏ ra rất thất vọng vì hoàng hậu là con rối đẹp nhất mà con chó dữ tợn lại cắn đứt đầu ra mất rồi. Nhưng người bạn của Jean cho biết anh ta có thể chữa

được. Anh ta lấy túi ra rồi xoa vào con búp-bê cái thứ thuốc anh đã dùng chữa cho bà lão lúc trước. Hoàng hậu đã được sửa chữa lành lặn ngay tức khắc, có thể ngó ngoáy chân tay như trước, hơn nữa, lại không cần có dây điều khiển nữa. Có thể nói là một người thật, hiềm nỗi không biết nói mà thôi. Ông chủ gánh múa rối vui mừng khôn xiết. Ông ta không cần phải điều khiển con búp-bê nữa, vì tự nó đã nhảy múa được. Kiếm đâu cho ra được một con búp-bê tài giỏi nhường ấy? Đêm ấy mọi người trong quán trọ đã đi ngủ. Bỗng người ta nghe thấy tiếng rên não nuột. Ai làm sao thế nhỉ? Mọi người dậy xem. Người làm trò múa rối đến chỗ sân khấu, vì tiếng rên rỉ phát ở đấy ra. Các con rối nằm ngổn ngang, nào vua, nào cận thần, nào lính hầu, giương to những cặp mắt thủy tinh đang rên rỉ thảm hại, cầu xin được bôi thuốc để có thể tự ngọ nguậy được như hoàng hậu.

Hoàng hậu quỳ xuống, hai tay nâng chiếc mũ miện lộng lẫy bằng bàng, kêu van:

- Xin ông hãy nhận lấy chiếc mũ miện này, và bôi thuốc cho chồng tôi và tất cả những người trong cung.

Người chủ gánh hát cũng cảm động đến rơi nước mắt. Ông ta hứa với anh bạn của Jean xin biếu tất cả tiền thu nhập tối biểu diễn hôm qua, và chỉ cần anh bôi thuốc cho bốn hay năm con búp-bê xinh xắn nữa thôi. Nhưng anh không đòi gì ngoài thanh gươm đeo cạnh sườn nhà vua. Nhận gươm rồi, anh bôi thuốc làm cho sáu con búp-bê nhảy cẫng lên ngay lập tức, trông đến là tài, đến nỗi các cô cậu hầu bàn của hàng ăn cũng phải nhảy theo kiểu khiêu vũ với chúng. Cả người đánh xe, bác bếp, tất cả người ăn ở và khách hàng, ngay cả cái xẻng và cái cặp than cũng bắt chước theo. Nhưng vừa nhảy được mấy bước thì xẻng và cặp than ta lăn kềnh ra ngay. Tóm lại, thật là một đêm vui nhộn!

Sáng hôm sau, Jean và anh bạn đồng hành từ biệt mọi người. Họ vượt qua những cánh rừng tùng bát ngát, leo lên những đỉnh núi cao, cao đến nỗi tháp nhà thờ nom như những vệt màu đỏ in trên nền xanh của cây cỏ tốt tươi phía dưới.

Họ trông được rất xa, xa hàng bao nhiêu dặm đến tận những nơi họ chưa từng đi đến. Jean chưa bao giờ được ngắm nhiều cảnh đẹp trên trái đất huy hoàng của chúng ta như lần này. Mặt trời lấp

lánh trên khoảng trời xanh mát rượi. Jean nghe thấy tiếng kèn săn tuyệt diệu từ khe núi vẳng lên.

Mắt đẫm lệ, Jean thốt lên:

- Thượng Đế nhân đức, biết lấy gì đền đáp công ơn. Người đã cho tôi được hưởng những cảnh tuyệt diệu trên thế gian này.

Bạn anh cũng chắp tay nhìn đăm đăm qua các cánh rừng vào thành phố, về phía mặt trời chói lọi. Lúc ấy, những hòa âm du dương bỗng vang lên trên đầu họ và một con thiên nga lớn trắng toát hiện ra, bay lượn trong không trung. Nhưng bỗng nhiên tiếng hót của thiên nga mỗi lúc một yếu dần, nó nghiêng đầu, từ từ bay đến nằm vật ra dưới chân họ. Nó đã chết. Anh bạn của Jean trầm trồ:

- Đôi cánh tuyệt quá! To và trắng như thế, quý lắm đấy. Tôi phải cắt lấy mới được. Cậu xem, tôi lấy thanh gươm đem đi, được việc đấy chứ!

Rồi anh chặt phăng một nhát lấy đôi cánh.

Xong họ đi nhiều dặm đường nữa, đến tận một kinh thành lớn xung quanh có một trăm cái tháp lấp lánh dưới nắng như làm bằng bạc. Giữa kinh thành là một tòa lâu đài lớn bằng đá và cẩm thạch, mái bằng vàng, đó là cung điện của nhà vua.

Jean và người bạn đồng hành chưa vào kinh thành vội. Họ dừng chân trong một cái quán trọ, sửa sang lại quần áo vì họ muốn ăn mặc bảnh bao để ra phố. Chủ quán kể với họ rằng: Đức vua rất phúc hậu, chưa làm hại ai điều gì, nhưng con gái thì thật là một nàng công chúa ghê gớm. Đẹp thì có hẳn, nàng lại còn khéo tỏ ra duyên dáng hơn ai hết. Nhưng tuy thế, nàng vẫn là một mụ phù thủy độc ác và nham hiểm đã từng làm chết nhiều vị hoàng tử đáng yêu. Nàng đã cho phép bất cứ ai cũng được đến để cầu hôn, bất kể hoàng tử hay hành khất, không đếm xỉa đến địa vị. Những chàng giương cung bắn sẽ chỉ cần trả lời điều mà nàng hỏi. Ai trả lời đúng sẽ được lấy nàng, và khi cha nàng chết sẽ được nối ngôi. Nhưng nếu không đoán ra được, người cầu hôn sẽ bị treo cổ hay chặt đầu không tiếc tay. Và từ trước đến nay không ai đoán được cả.

Lão vương, cha nàng, không ngăn cấm nổi những tội ác của nàng, nên lấy làm thất vọng đã tuyên bố dứt khoát là không dính đến chuyện chồng con của nàng, để mặc ý nàng muốn làm thế nào thì làm. Mỗi lần có một hoàng tử đến xin trả lời những câu hỏi của công chúa, không đoán được là y như rằng, bị treo cổ hay chặt đầu. Vua cha thất kinh nên mỗi năm cùng với quân lính quỳ xuống một ngày ròng van xin công chúa bớt độc ác đi một chút, nhưng nàng kiên quyết từ chối. Các bà cụ mỗi khi uống rượu đều đem pha đen đi như để tang, cũng chẳng ăn thua gì. Jean nghe thấy thế liền bảo:

- Mụ công chúa này gớm thật! Phải đánh cho một trận mới đáng đời. Giá tôi là vua cha thì tôi đem lột da nó ra.

Ngay lúc ấy có tiếng hoan hô từ các cửa sổ bay ra. Công chúa đang ngự du. Nhìn thấy nàng đẹp mê hồn, nhân dân quên cả sự độc ác của nàng và vẫn hoan nghênh nàng. Mười hai cung nữ bận áo trắng, tay cầm bông uất kim hương bằng vàng, cưỡi ngựa trắng, trên mình đầy kim cương châu báu. Nàng mặc quần áo dệt bằng sợi vàng và chiếc roi ngựa của nàng lóng lánh như một tia nắng mặt trời.

Chiếc mũ miện lấp lánh trên đầu nàng làm bằng muôn ngàn cánh bướm. Nhưng tuyệt vời hơn cả là sắc đẹp của chính nàng.

Khi trông thấy công chúa, mặt Jean đỏ bừng lên như quả bồ quân. Anh tự nhủ:

- Thật vô lý quá, nàng không thể là một mụ phù thủy độc ác đem treo cổ và chặt đầu những người không trả lời nổi những câu đố của nàng được! Nếu ai cũng có quyền đến cầu hôn, kể cả người hành khất nghèo khổ nhất thì ta cũng sẽ đến vì ta không cầm lòng được nữa rồi!

Mọi người tìm cách khuyên can anh và bảo rằng chắc chắn anh sẽ không tránh khỏi số phận của những kẻ khác. Người bạn đồng hành cũng muốn can ngăn, nhưng Jean tuyên bố là mọi việc đâu sẽ có đó. Anh chải giày và quần áo, rửa mặt mũi ra phố để vào cung. Nghe tiếng Jean gõ cửa, nhà vua phán:

- Cứ vào.

Jean mở cửa, thấy vị lão vương bận quần áo ngủ, đi hài thêu, ra tiếp anh. Ngài đội mũ miện vàng, một tay cầm quyền trượng, một tay cầm bít tất tay.

- Khoan đã! Nói rồi người cặp quyền trượng vào nách để chìa tay cho Jean. Nhưng khi được biết anh đến cầu hôn, ngài òa lên khóc, bỏ rơi cả quyền trượng và bít tất tay xuống đất, lấy áo lau nước mắt. Ngài thét lên:

- Đừng! Ngươi sẽ không tránh khỏi số phận những kẻ khác đâu! Hãy theo ta xem thì khắc biết!

Ngài dẫn Jean vào khu vườn tiêu khiển của công chúa. Thật là một cảnh tượng khủng khiếp! Trên mỗi thân cây lủng lẳng từng bộ

xương của ba hay bốn hoàng tử đã đến cầu hôn với công chúa, nhưng không trả lời được những câu hỏi của nàng. Mỗi khi gió thoảng, xương va vào nhau, chim chóc thất đảm, bay đi biệt tăm, không dám quay trở lại nữa. Xương người dùng làm cọc đỡ cây con, còn những sọ người nhăn nhó dùng làm chậu hoa. Thật là khu vườn quái dị đối với một nàng công chúa!

Vua bảo:

- Thấy chưa? Ngươi sẽ không thoát khỏi số phận những kẻ khác đâu. Tốt hơn thế là từ bỏ ý định ấy đi, vì mỗi lần có kẻ đến cầu hôn là lòng ta lại thêm tan nát.

Jean hôn tay vị lão vương nhân đức và tâu rằng tình yêu mãnh liệt của anh đối với nàng công chúa xinh đẹp sẽ làm cho mọi việc ổn cả.

Vừa lúc đó công chúa cùng các cung nữ cưỡi ngựa về tới sân lâu đài. Hai người bước ra đón nàng. Nàng chìa tay cho Jean một cách duyên dáng tuyệt vời làm cho anh càng thấy yêu nàng gấp bội.

Chàng tin rằng nàng không thể là mụ phù thủy độc ác như nhân dân vẫn đồn đại.

Họ bước lên phòng khách. Các chú lính hầu bưng bánh kẹo và hoa quả đến, nhưng lão vương buồn phiền nên không đụng đến một thứ gì cả, hơn nữa kẹo lại quá rắn.

Jean được hẹn sáng hôm sau đến lâu đài. Hội đồng giám khảo và các quan tư pháp sẽ họp để xem anh trả lời những câu đố ra sao. Nếu ngày đầu anh trả lời được, anh sẽ được đến hai lần nữa, nhưng chưa từng có kẻ cầu hôn nào vượt được thử thách ấy, vì kẻ nào cũng bỏ xác ngay từ ngày đầu tiên.

Jean không mảy may sợ hãi trước những điều kiện ấy. Sắc đẹp của công chúa xâm chiếm tất cả tâm hồn anh làm anh mê mẩn tâm thần. Chắc chắn Thượng Đế sẽ phù hộ anh. Nhưng phù hộ ra sao, anh chẳng biết và cũng chẳng muốn nghĩ tới. Anh vừa nhảy lên đường cái vừa đi về quán trọ, nơi người bạn đồng hành đang đợi anh.

Anh không thể nào tả lại vẻ yêu kiều duyên dáng của công chúa. Anh rất sốt ruột đợi đến ngày hôm sau để quay lại lâu đài trả lời các câu đố.

Người bạn đồng hành lắc đầu và tỏ ra lo lắng, bảo anh:

- Tôi quý cậu biết chừng nào! Nhẽ ra chúng ta còn có thể sống chung với nhau lâu dài, nhưng giờ đây tôi sắp sửa mất cậu, cậu Jean thân mến đáng thương của tôi ơi! Tôi rất muốn khóc nhưng tôi không muốn làm mất vui tươi buổi tối cuối cùng bên nhau. Vui lên, vui nhiều vào. Đến mai cậu ra đi rồi, tôi sẽ tha hồ mà khóc!

Trong kinh đô, mọi người đã biết ngay tin có một người đến cầu hôn với công chúa và ai cũng lấy làm buồn rầu. Nhà hát đóng cửa, các hiệu bánh ngọt nặn thêm một cái băng tang cho những chiếc bánh hình người. Nhà vua và các cụ đạo quỳ lễ trong nhà thờ. Người ta biết chắc Jean sẽ không may mắn gì hơn những kẻ đã bỏ mạng.

Đến tối, anh bạn Jean rót một bát rượu pha đường và vui vẻ bảo Jean: “Nào! Chúng ta sẽ chúc sức khỏe của công chúa!” Nhưng Jean vừa uống được hai cốc nhỏ thì buồn ngủ, không thể nào mở mắt ra nổi. Anh thiếp đi. Người bạn đồng hành nhẹ nhàng nhấc anh ra khỏi ghế, đặt vào giường. Khi trời tối hẳn, anh ta lấy hai chiếc cánh thiên nga hôm nọ đeo vào vai.

Anh ta lấy chiếc roi to nhất của bà lão đưa cho hôm nọ giắt vào lưng, rồi mở cửa sổ bay qua thành phố thẳng đến lâu đài, nép mình vào một góc tường ngay bên dưới cửa sổ phòng ngủ của công chúa.

Kinh thành chìm đắm trong đêm khuya tĩnh mịch. Còn mười lăm phút nữa thì đến nửa đêm. Công chúa bận một chiếc áo choàng màu trắng, mở cửa sổ và xòe đôi cánh rộng đen sì bay qua thành phố đến một ngọn núi cao. Nhưng người bạn của Jean, nhờ có cái roi, nên tàng hình được, bay theo công chúa, vụt nàng tóe cả máu ra. Cứ thế, họ bay, gió lùa vào chiếc áo choàng của công chúa làm căng phồng lên như một cánh buồm, dưới ánh trăng.

Cứ sau mỗi nhát quất công chúa lại rên:

- Mưa đá dữ quá đi mất! Mưa đá dữ quá đi mất!

Cuối cùng họ bay tới nơi. Công chúa gõ vào một tảng đá làm nó phát ra tiếng động ầm ầm như sấm và quả núi tách ra. Công chúa bước vào. Anh bạn của Jean vẫn tàng hình bám sát. Họ đi theo một dãy hành lang dài, hai bên tường ánh lên một cách kỳ lạ, phía trên có muôn ngàn con nhện vừa đu lên đu xuống vừa phun ra lửa.

Họ đi tới một gian phòng lớn, tường làm toàn bằng vàng bạc, trang hoàng bằng những đóa hoa xanh đỏ lớn, trông như mặt trời tí hon. Hoa ấy chẳng ai hái được vì cuống hoa đều là rắn độc gớm ghiếc, bản thân những bông hoa chính là những ngọn lửa phun ở miệng rắn ra. Trần nhà phủ đầy đom đóm và những con dơi màu xanh biếc đang vẫy đôi cánh rộng. Nom cảnh tượng ấy ai cũng phải sợ chết khiếp đi.

Giữa gian phòng có một chiếc ngai đặt trên bốn bộ xương ngựa, yên cương trang trí bằng những con nhện đỏ rực. Chiếc ngai làm bằng một thứ thủy tinh trắng như sữa, nệm bằng chuột nhắt đen, mõm con nọ ngậm đuôi con kia. Phía trên người ta trông thấy một cái lọng dệt bằng tơ nhện hồng, điểm lơ thơ bằng những con nhặng con xanh biếc như những hạt ngọc.

Một lão phù thủy già, có cái đầu nom gớm chết, đầu đội mũ miện, tay cầm quyền trượng, đang ngồi trên ngai. Hắn hôn vào trán công chúa và để nàng ngồi bên cạnh, trên chiếc ngai quý giá. Âm nhạc nổi lên. Những con châu chấu đen to tướng chơi đàn phong cầm, một con cú vỗ bụng thay cho trống. Thật là một cuộc hòa nhạc kỳ dị. Những chú lùn đen thui, cài ma trơi trên đầu, đang nhảy quay tròn trong phòng. Anh bạn của Jean vẫn tàng hình đứng nấp sau chiếc ngai để nhìn và nghe ngóng.

Giờ đến lượt các quan hầu bước vào, ngó bộ sang trọng, ra vẻ quý phái lắm. Nhưng nhìn cho kỹ mới thấy chân tướng chúng: toàn là bắp cải cắm trên cán chổi mà lão phù thủy đã cho mặc quần áo thêu rồi hóa phép cho cử động được. Như thế cũng có vẻ lắm rồi, vì chúng chỉ là những vật dùng để phô trương thanh thế.

Bọn chúng nhảy nhót một tí rồi công chúa kể với lão phù thủy rằng lại có một người đến cầu hôn và hỏi lão nên đố hắn cái gì trước tiên.

Phù thủy bảo:

- Thế này nhé! Ta bảo con điều này. Hãy chọn một vật rất tầm thường, nhất định nó sẽ không ngờ tới. Chẳng hạn như một chiếc giày của con là nó sẽ không đoán ra đâu. Thế là con cho chặt phăng ngay đầu nó đi, và ngày mai nhớ mang đôi mắt đến cho ta, vì ta muốn dùng vào bữa cơm tối!

Công chúa cúi rạp xuống chào và hứa sẽ không quên điều đó. Lão phù thủy lại mở núi cho nàng bay về cung. Nhưng anh bạn của Jean bám sát và lại dùng roi quất công chúa như lúc đi, quất mạnh đến nỗi nàng kêu rên thảm thiết dưới trận mưa roi không chịu nổi ấy. Nàng bay thẳng cánh về buồng ngủ và anh bạn của Jean cũng trở về quán trọ. Jean vẫn đang ngủ.

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, khi Jean vừa thức giấc, anh bạn cũng dậy và kể rằng đêm qua anh ta mơ một giấc mơ kỳ lạ về công chúa và đôi giày của nàng, vì thế cho nên anh khuyên Jean khi công chúa hỏi anh nàng đang nghĩ gì thì hãy trả lời: “Giày!”.

Jean đáp:

- Trả lời thế nào cũng được, nhưng anh đã mơ thấy, chắc hẳn là đúng, vì tôi tin rằng Thượng Đế sẽ không bỏ rơi tôi đâu. Thôi! Xin vĩnh biệt anh trước, vì nếu tôi đoán sai thì không bao giờ tôi trông thấy anh nữa.

Họ ôm nhau rồi Jean đi vào cung.

Căn phòng chật ních những người. Các quan giám khảo ngồi trên bục cao, đầu tựa chìm nghỉm trong những chiếc gối to tướng bằng lông chim, chắc hẳn vì các vị phải lao tâm tổn óc nhiều quá. Lão vương đứng dậy lau nước mắt. Rồi công chúa bước vào.

Trông thấy nàng còn lộng lẫy hơn hôm qua. Nàng chào cử tọa một cách duyên dáng. Jean chìa tay cho nàng và nói:

- Xin chào!

Đã đến lúc phải đoán xem nàng nghĩ gì. Nàng nhìn Jean với một vẻ khoan dung, nhưng khi nghe thấy mỗi một tiếng “giày”, nàng bỗng tái nhợt như tàu lá, chân tay run lẩy bẩy. Nhưng biết làm sao

được, vì Jean đã đoán đúng.

Lão vương mừng quá, nhảy cẫng cả lên. Cử tọa vỗ tay mừng cho Jean đã thắng trong cuộc thử thách đầu tiên.

Anh bạn của Jean mặt mày hớn hở khi được báo tin thắng lợi. Jean chắp tay cảm ơn Thượng Đế, cho rằng nhờ Người, chắc chắn anh sẽ thắng hai cuộc sau. Ngày hôm sau cuộc thử thách sẽ lại diễn ra. Đêm ấy cũng giống như đêm trước, khi Jean ngủ say, anh bạn lại bay theo công chúa. Anh nện cho công chúa đau hơn hôm trước vì anh mang theo những hai cái roi. Chẳng ai trông thấy anh, nhưng anh thì nghe thấy không sót điều gì. Lần này công chúa được nghe lệnh phải nghĩ đến đôi tất tay.

Anh trở về, lại giả tảng nằm mơ và dặn Jean như thế. Bởi vậy, lần này Jean lại đoán đúng và toàn thể mọi người trong cung đều vui mừng. Ai cũng nhảy lên vì vui sướng, giống như đức vua lần trước. Riêng nàng công chúa thì ngồi lịm trên ghế bành, chẳng nói chẳng rằng.

Vẫn còn một lần thử thách nữa. Nếu lần này Jean đoán đúng, anh sẽ được lấy công chúa và được nối ngôi trị vì trăm họ khi đức vua băng hà. Nếu anh đoán sai, anh sẽ hết đời và lão phù thủy độc ác sẽ được ngấu nghiến đôi mắt xanh rất đẹp của anh.

Đến tối, Jean đi nằm, cầu kinh xong, ngủ thiếp đi một cách bình thản. Còn anh bạn đồng hành thì khoác cánh vào vai, đeo gươm vào cạnh sườn, giắt theo ba cái roi rồi bay về phía cung vua.

Trời tối đen như mực. Bão làm rung cả ngói trên mái nhà và ngoài vườn, cây cối có treo những bộ xương bị gió thổi gập xuống như những ngọn lau. Sấm chớp liên hồi, ầm ầm không ngớt. Cửa sổ bỗng mở ra và công chúa liền bay đi. Nàng tái nhợt như một xác chết nhưng vẫn mỉm cười trong bão táp, dường như chẳng có gì ghê gớm. Tấm áo choàng trắng của nàng căng phồng lên nhhư một tấm buồm lớn.

Người bạn đồng hành của Jean dùng ba chiếc roi đánh nàng dữ dội đến nỗi máu chảy cả xuống đất tưởng chừng như nàng không thể nào bay đến núi được. Thế nhưng, cuối cùng nàng cũng vẫn đến đích.

Nàng nói:

- Tôi chưa bao giờ từng thấy bão táp và mưa đá ghê gớm như hôm nay bao giờ.

Rồi nàng kể với lão phù thủy rằng Jean đã đoán đúng lần thứ hai. Nếu ngày mai hắn đoán đúng thì hắn sẽ được cuộc và nàng không thể trở lại đây với lão phù thủy được nữa. Nàng rất buồn vì cả hai người sẽ không được cùng nhau dự những đêm ma thuật trong núi này nữa.

Lão phù thủy bảo:

- Lần này nó sẽ không đoán được đâu. Ta sẽ tìm một vật mà nó không thể nào nghĩ tới, trừ phi nó là phù thủy cao tay hơn ta! Nhưng thôi, ta hãy vui vầy với nhau đã.

Lão nắm lấy tay công chúa, nhập bọn với lũ lùn và ma trơi đang nhảy múa. Đàn nhện đỏ vui vẻ đung đưa trên tường, còn đám hoa lửa thì phọt ra những tia hào quang.

Con cú vỗ trống bụng và lũ châu chấu đen lại chơi đàn organ. Đúng là một dạ hội khiêu vũ ngộ nghĩnh không thể tả được.

Sau khi nhảy nhót hồi lâu, công chúa phải ra về, e rằng trong cung sẽ phái người đi tìm. Lão phù thủy bèn đi tiễn nàng để kéo dài thêm thời gian gần nàng. Chúng bay trong bão táp và anh bạn của Jean dùng cả ba cái roi quất lên lưng chúng.

Chưa bao giờ lão phù thủy bị một trận mưa roi, mà hắn tưởng là mưa đá, mê tơi đến thế. Đến trước cung vua, hắn từ biệt công chúa và dặn:

- Hãy nghĩ đến cái đầu của ta!

Nhưng anh bạn đồng hành của Jean đã nghe thấy câu ấy.

Khi công chúa trở về phòng ngủ, trên đường về, anh bèn tóm lấy râu lão phù thủy, dùng gươm chặt phăng cái đầu lão sát đến tận vai. Anh quẳng xác lão xuống ao cho cá rỉa, dúng đầu lão xuống ao, bọc vào một chiếc khăn lụa, đem về quán trọ rồi đi ngủ.

Sáng hôm sau, anh giao chiếc khăn cho Jean và dặn khi nào công chúa hỏi nàng nghĩ gì thì chỉ việc mở khăn ra là xong.

Sân rồng chật ních. Tất cả mọi người trong cung chen chúc nhau chật như nêm cối. Các quan giám khảo ngự trên bục, đầu chìm nghỉm vào trong những tấm nệm. Đức vua bận quần áo mới, đầu đội mũ miện vàng, tay cầm quyền trượng, trông thật là đường bệ. Còn công chúa, mặt mày tái mét, bận quần áo đen như để tang. Nàng hỏi Jean:

- Ngươi đoán xem ta đang nghĩ gì?

Jean bèn cởi chiếc khăn lụa và chính anh là người đầu tiên chết khiếp khi trông thấy đầu lâu lão phù thủy. Ai nấy đều giật thót mình trước cảnh tượng gớm ghiếc ấy. Riêng công chúa thì ngồi lịm như pho tượng, không nói nên lời.

Sau rốt nàng đứng dậy, đành chìa tay cho Jean vì anh đã đoán đúng.

Nàng không buồn nhìn ai cả, nhưng khẽ thì thầm:

- Bây giờ thì thiếp đã thuộc về chàng! Tối nay sẽ làm lễ cưới.

Lão vương reo lên:

- Thế là tuyên bố dứt khoát rồi nhé! Được, ta truyền chiều nay cưới!

Mọi người thả sức hô lớn: “Hoan hô!”. Đội quân nhạc đi diễu hành

quanh phố. Người ta kéo chuông nhà thờ ầm ĩ và giờ thì các ông hàng bánh rất đỗi vui mừng gỡ bỏ băng tang ở bánh ngọt ra.

Người ta cho quay ba con bò, nhồi thêm gà vịt đặt ở giữa để cho mọi người có thể lấy một miếng đem về ăn. Rượu vang ngon chảy ở các vòi nước suốt ngày, và mỗi lần bán một chiếc bánh ngọt, ông bán bánh lại thêm cho khách sáu chiếc bánh sữa cực kỳ là ngon.

Tối đến thành phố sáng trưng. Lính bắn súng thần công. Trẻ con đốt pháo. Người ta ăn uống, nhảy nhót trong cung vua.

Nhưng công chúa hãy còn bị phép ma ám ảnh nên chẳng thiết gì đến Jean cả. Người bạn đồng hành của Jean thấy vậy liền cho Jean ba chiếc lông thiên nga và một cái lọ đựng mấy giọt nước màu hồng, rồi dặn anh ta đặt cạnh giường một cái thùng đầy nước, đổ nước hồng trong lọ ra, quẳng lông thiên nga vào thùng nước, rồi dìm nàng xuống nước ba lần.

Sau trận tắm ấy, phép ma đã tiêu tan và nàng sẽ hết lòng yêu cậu.

Jean làm theo đúng những lời dặn của bạn. Khi anh dìm công chúa vào nước nàng kêu vang lên. Trông nàng tựa như con thiên nga đen xì, mắt sáng quắc. Khi bị dìm lần thứ hai nàng ngoi lên mặt nước thiên nga biến thành màu trắng, chỉ còn một vòng đen ở cổ. Jean bèn quỳ xuống cầu nguyện Thượng Đế và sau khi công chúa bị dìm lần thứ ba, nàng bèn biến thành một thiếu nữ đẹp mê hồn. Nàng còn đẹp gấp bội trước và rơm rớm nước mắt cảm ơn chàng. Sáng hôm sau, lão vương và cả triều đình bước vào phòng. Ngày hôm ấy là cả một ngày thăm hỏi và chúc mừng hoan hỷ.

Người khách cuối cùng là anh bạn của Jean, tay chống gậy, lưng đeo tay nải. Jean ôm hôn anh nhiều lần và khẩn khoản mời anh ở lại.

- Tôi van bạn. Xin mời bạn hãy ở lại với tôi. Tất cả hạnh phúc của tôi là nhờ ơn bạn mà ra cả.

Nhưng người bạn đồng hành của anh lắc đầu, bảo anh với một giọng nhẹ nhàng âu yếm:

- Không, duyên số của tôi với anh đã hết. Tôi giúp anh chẳng qua

chỉ là để đền ơn anh mà thôi. Anh còn nhớ cái người chết mà những tên độc ác định dày vò thi thể không? Lúc ấy anh đã hy sinh tất cả gia sản để cho tấm thân người ấy được yên nghỉ dưới mồ. Người ấy chính là tôi.

Nói rồi anh biến mất.

Lễ cưới kéo dài một tháng. Jean và công chúa rất âu yếm nhau. Lão vương còn thọ thêm nhiều năm nữa. Ngài sống sung sướng, luôn luôn mỉm cười với đàn cháu nhỏ, cho chúng nhong nhong trên đùi và lấy quyền trượng nô giỡn với chúng. Rồi đến lượt Jean nối ngôi vua, trị vì trăm họ.

CÁC HIỆP SĨ NHẢY CAO

Một hôm, bọ chét, châu chấu và con nhảy (Thứ đồ chơi của trẻ con Đan Mạch làm bằng xương có mắc lò xo làm cho nhảy được) muốn thi xem đứa nào nhảy cao nhất. Chúng mời tất cả các bậc tai to mặt lớn và tất cả những người nào hâm mộ đến xem cuộc đấu.

Thiên hạ biết cuộc thi ấy có đủ mặt ba kiện tướng nhảy cao.

Nhà vua phán:

- Công chúa sẽ ban giải cho kẻ nhảy cao nhất vì không nên để cho các nghệ sĩ ấy mất công toi.

Bọ chét tiến ra trước tiên. Cô ả chào bên phải, bên trái, dáng điệu rất chi là lịch sự, vì ả vốn con nhà khuê các, phong tư lịch duyệt có thừa, đâu phải một người thường.

Tiếp đến châu chấu, vụng về hơn tí tỉnh, nhưng điệu bộ cũng chẳng đến nỗi nào, với bộ cánh xanh hợp với cô nàng một cách tuyệt diệu.

Cô nàng còn cẩn thận giới thiệu mình là dòng dõi một gia đình Ai Cập từ xửa từ xưa và bản thân cô đã từng có nhiều vinh hiển: Có một đứa bé đã bắt cô ngoài ruộng và đặt trong tòa lâu đài làm bằng những quân bài và cao những ba tầng kia đấy. Tòa lâu đài ấy dựng toàn bằng những quân bài K và Q có hình vua chúa, các cửa ra vào và cửa sổ đều được mở ra trên ngực các quân cơ (Con bài có hình đầm và quả tim).

Cô nàng bảo:

- Tôi hát hay đến nỗi mười sáu con cừu non sinh trong nhà ấy, những con cừu bé nhỏ tội nghiệp, biết kêu be be từ khi mới lọt lòng, đã gầy lại càng gầy thêm, vì ghen tức.

Trên đây là lời lẽ của bọ chét và châu chấu giảng giải một cách văn hoa dòng dõi quý phái và lòng quyết tâm của chúng để làm đẹp lòng một vị công chúa.

Con nhảy nín thinh, nhưng trong bụng thì nó cũng tự phụ chẳng kém gì bọ chét và châu chấu.

Con chó của nhà vua chỉ đánh hơi thôi cũng đủ đoán biết nó là con nhà tử tế. Một quan tư vấn già, ngực đeo tới ba tấm Nín lặng bội tinh, cho rằng con nhảy bé nhỏ kia có phép lạ: chỉ nhìn vào lưng nó thôi cũng có thể đoán được là mùa đông rét buốt hay rét ngọt, việc mà người ta có lật lưng các nhà thông thái ra cũng chẳng thể nào biết được.

Đức vua lại phán:

- Giờ thì ta chưa muốn tuyên bố gì cả. Nhưng ta sẽ có ý kiến sau.

Cuối cùng đến giờ đọ tài.

Bọ chét nhảy cao đến nỗi chẳng ai nhìn thấy nó đã nhảy đến đâu nữa. Người ta quả quyết nó nhảy đến tận gần mặt trăng. Kẻ thì cho rằng nó chẳng nhảy được tí nào, nhưng đó chỉ toàn là đoán phỏng.

Châu chấu chẳng biết có nhảy cao bằng bọ chét không, nhưng lại nhảy thẳng vào mặt nhà vua làm ngài văng ra một câu chửi tục.

Còn con nhảy bé nhỏ thì đứng im lặng hồi lâu. Nó đang ngẫm nghĩ. Mọi người đã bắt đầu tưởng nó không nhảy được.

Con chó của nhà vua lẩm bẩm:

- Miễn là cu cậu đừng có ốm đau gì nhé!

Rồi nó lại ngửi con nhảy lần nữa.

Nhưng vút một cái, con nhảy bé nhỏ vội vàng bật nghiêng sang bên và bật thẳng vào lòng công chúa đang ngồi trên một chiếc ngai vàng.

Thế là đức vua bèn phán:

- Mục đích cuộc thi là nhảy tới được con gái ta, kẻ nào làm được như thế tất nhiên không phải kẻ ngu ngốc. Con nhảy bé nhỏ vừa tỏ ra là mình có tài đấy. Chàng đã thắng.

Và thế là con nhảy được tặng danh hiệu hiệp sĩ nhảy cao của triều đình.

Bọ chét cãi:

- Dẫu sao tôi vẫn cứ là người nhảy cao nhất! Nhưng chẳng ai biết đến tôi. Thế mà cái thằng nhảy ấm ớ ấy lại được cuộc kia chứ! Tài năng chẳng có gì, chỉ có láu cá thôi.

Hờn giận, bọ chét bỏ ra nước ngoài làm ăn và nghe đâu đã chết nơi đất khách quê người.

Châu chấu ẩn dật dưới đáy một cái hố, ngẫm nghĩ về nhân tình thế thái nơi hạ giới này. Cô ả cũng nói: "Ở đời cần phải biết tự tiến thân mới được", rồi cô ả lại cất giọng đều đều mà nỉ non.

Cũng nên nói thêm là chính nhờ có cô ả mà chúng ta biết câu chuyện này, chứ nếu đọc sách thì rất có thể là một câu chuyện bịa.

ĐÔI GIÀY HẠNH PHÚC

Khởi đầu câu chuyện

Câu chuyện xảy ra trong một tòa nhà, cạnh Hoàng trường mới, phố Đông, thành Copenhagen. Chủ nhân tiếp đón rất nhiều khách, vừa vì thích tiếp khách, vừa để rồi khách mời lại. Một nửa khách khứa đã xúm quanh bàn cờ bạc, còn nửa kia đang chờ bà chủ nhà lên tiếng: "Xem nào? Chúng ta còn nghĩ ra cái gì mà chơi nữa không nhỉ?". Quang cảnh lúc bấy giờ là như thế đấy và họ tiếp tục chuyện gẫu. Xen vào nhiều chuyện khác, họ bàn đến thời trung cổ. Chẳng một ai thấy thời ấy hơn thời nay. Ngài hội thẩm Knapp dốc hết nhiệt tình ra phản đối ý kiến ấy đến nỗi bà chủ nhà cũng phát biểu đồng ý kiến với ngài và cả hai người đều phản đối bài của ông Oersted đăng trong tờ Lịch thư, trong bài đó, bàn về thời cổ và thời kim, ông đánh giá thế kỉ chúng ta là thế kỉ phi thường hơn cả. Ngài hội thẩm chủ trương rằng từ trước tới nay thời vua Hans là thời đại huy hoàng và hạnh phúc nhất.

Cuộc bàn cãi cứ tiếp tục. Chẳng còn gì tiêu khiển ngoài việc đọc lướt tờ báo vừa nhận được và thực ra trong báo cũng chẳng có tin gì thích thú. Lúc này, chúng ta hãy ra ngoài phòng đợi, đầy những áo choàng, gậy chống, ô và giầy. Ngoài ấy có hai người hầu gái, một già, một trẻ, người ta dễ nhầm tưởng họ đến đây để đưa đón các bà chủ góa chồng của họ. Nhưng, nhìn kỹ hơn, người ta thấy ngay đó không phải là những người hầu phòng. Bàn tay họ thanh tú, dáng ngồi và điệu đi của họ lịch sự, không thích hợp với công việc ấy. Ngay quần áo của họ cũng khác thường và đầy vẻ tao nhã. Đó là hai nàng tiên. Nàng trẻ tuổi không phải là thần May rủi, nàng có nhiệm vụ đi phân phát những món quà nho nhỏ của thần May rủi. Bà tiên già xem như nghiêm khắc vô cùng. Đó là thần Trừng Phạt, thường trực tiếp đi làm nhiệm vụ để được yên trí về kết quả công việc.

Hai người kể cho nhau nghe ngày hôm ấy đã ở những đâu. Nàng thị tỳ của người hầu phòng thần May rủi mới chỉ làm được công việc không quan trọng gì mấy. Nàng kể rằng: nàng đã giữ cho một chiếc mũ mới khỏi bị nước mưa, đã chuyển tới một người có tài

lời chào mừng của một kẻ vô tài trứ danh, và đã làm được khối việc khác tương tự; nhưng còn phải làm một việc nữa rất dị thường. Nàng nói:

- Tôi phải báo để chị biết hôm nay là ngày sinh nhật của tôi và người ta đã giao cho tôi một đôi giày để làm quà cho người trần. Đôi giày có phép lạ, hễ ai xỏ chân vào thì muốn đi đến đâu hoặc sống lại thời đại nào cũng được ngay lập tức. Khi lời ước đấy đã được thực hiện, con người ấy có thể sướng ít ra là một lần trong đời mình.

- Phải, tốt lắm! Nhưng không khéo người ấy sẽ càng khổ hơn và lại mong sớm được từ bỏ đôi giày của chị.

- Ừ, cũng có thể như thế! Thôi được rồi, tôi cứ đặt đôi giày vào đây, gần cửa ra và, ai nhặt được sẽ sung sướng.

Đến đây, câu chuyện của họ kết thúc.

Ngài hội thẩm đã gặp chuyện gì?

Đã khuya, ngài hội thẩm Knapp đang miên man suy nghĩ về thời đại của vua Hans và muốn về nhà. Tình cờ ngài xỏ nhầm vào đôi giày hạnh phúc. Ngài đi ra lối phố Đông, nhưng phép lạ của đôi giày đã đưa ngài quay trở lại thời vua Hans và chân ngài dẫm bùn lội qua các vũng nước vì thời ấy người ta chưa nghĩ ra cách lát gạch các hè phố.

Ngài lẩm bẩm:

- Bùn khiếp thật! Hè phố chẳng còn, điện cũng tắt ngóm.

Trăng chưa mọc, hơn nữa, sương mù khá nhiều, mọi vật chìm trong đêm tối. Tuy nhiên ở một góc gần đấy có treo một ngọn đèn hắt ánh sáng xuống pho tượng Đức mẹ. Nhưng ánh đèn mờ quá nên ngài đến tận nơi, trông thấy tượng Đức mẹ đang bế Đức chúa Jesus trên tay mới nhận ra là có đèn. Ngài nghĩ thầm:

- Có lẽ đây là một cửa hiệu mỹ phẩm mà người ta quên mất cái biển hàng.

Thấy hai người mặc quần áo thời cổ vượt lên trước, ngài nói:

- Kìa! Những người này ăn mặc có vẻ khác thường nhỉ! Hẳn là họ vừa đi dự hội khiêu vũ trá hình về.

Vừa hay có tiếng trống và tiếng địch nổi lên, ngài đứng lại và thấy một đám rước diễu qua. Đi đầu là trống rồi đến thị vệ cầm cung tên và binh khí. Người chỉ huy đám rước là một nhà tu hành. Ngạc nhiên, ngài hội thẩm hỏi thế là thế nào và người ấy là ai?

Thiên hạ trả lời:

- Đó là đức giám mục Zealand.

- Trời ơi! Đức giám mục làm sao thế kia? - Ngài hội thẩm lắc đầu lẩm bẩm. - Có lẽ không phải người đâu.

Chìm đắm trong những ý nghĩ ấy, chẳng nhìn ngang nhìn ngửa, ngài hội thẩm đi qua phố Đông và quảng trường Cầu Lớn. Không sao mà tìm được cái cầu bắc sang quảng trường Cung Điện. Ngài chỉ loáng thoáng trông thấy một con sông rộng và cuối cùng ngài gặp hai người lúc này đang ngồi cùng trong một chiếc thuyền. Họ hỏi:

- Ngài muốn qua sông Holm không?

- Qua sông Holm à? - Ngài hội thẩm quên mất không biết mình đang sống trở lại thời nào. - Tôi muốn đến ngõ Christian's Haven, khu phố chợ.

Hai người kia ngạc nhiên nhìn ngài. Ngài tiếp:

- Các ông chỉ giùm cho tôi lối lên cầu. Không có lấy một ngọn đèn, đến là tối, cứ bì bõm như trong đồng lầy ấy. Bùn ơi là bùn!

Ngài càng nói chuyện với hai người thủy thủ lại càng chẳng hiểu họ nói gì.

- Chẳng thế nào mà hiểu được cái tiếng địa phương kỳ dị của bác!

Thế là ngài bực tức quay phắt đi. Ngài không làm thế nào tìm ra được cái cầu, ngay cả đến lan can dọc bờ sông cũng chẳng có. Ngài

lẩm bẩm:

- Cơ sự này thì loạn thật!

Chưa bao giờ mà ngài lại cảm thấy thời đại ngài sống thảm hại đến thế. Ngài lại nói tiếp:

- Có lẽ phải gọi một cái xe mà đi mới được.

Nhưng đào đâu ra xe kia chứ? Trông mòn mắt cũng chẳng có lấy một cái.

- Mình phải quay về Hoàng trường mới mà kiếm xe không khéo thì chẳng bao giờ về tới Christian's Haven mất!

Thế là ngài lại men quay trở lại phố Đông, đi gần tới đầu phố thì trăng lên. Trông thấy cổng thành phía Đông - thời ấy dựng ngay đầu phố - ngài kêu lên:

- Trời ơi, người ta dựng cái đài này lên đây làm gì thế này?

Cuối cùng, ngài cũng tìm ra được một chiếc xe ngựa và ra đến khoảng đất quảng trường mới hiện nay. Thời xưa đấy chỉ là một bãi cỏ rộng, đây đó có một vài bụi cây. Một con sông đào rộng chảy qua, đổ thẳng ra biển. Bờ bên kia có một vài túp lều gỗ tồi tàn của những người thủy thủ xóm Hà Lan (do đó nơi ấy nay được đặt tên là mũi Hà Lan).

Ngài tự nhủ:

- Nàng tiên Morgan (một nàng tiên trong các truyện kiếm hiệp nước Ý thời xưa, chuyên bày ra phép lại để lừa mắt người ta) trêu mình hay là mình say rượu chẳng biết được? Thế này là thế nào nhỉ?

Ngài quay lại, yên trí là mình ốm. Vào đến trong phố, ngài nhìn thấy rõ nhà cửa hơn, phần lớn vách dựng bằng thanh gỗ, nhiều nhà lợp bằng rạ. Ngài lẩm bẩm:

- Quái thật! Mình khó ở hay sao ấy! Mình chỉ uống có một cốc rượu pha đường thôi mà chịu không nổi. Lại còn cho mình một cốc rượu pha đường với cá hồi nóng thì điên thật. Cái bà vợ quan nội

thần ác thật! Hay là mình quay lại để cho họ biết mình hiện giờ ra sao. Nhưng thế thì cũng hơi lẩn thẩn. Chả biết bây giờ họ còn thức hay không.

Ngài tìm sân nhà, nhưng chịu, tìm không ra.

- Khiếp thật! Mình không nhận ra nổi phố Đông nữa. Chẳng còn lấy một cửa hiệu! Chỉ toàn là những cái lều cũ kỹ tồi tàn như ở Roeskilde hay Ringstedt. Trời! Mình ốm quá mất rồi! Nhưng không phải là lúc nhút nhát được! Quái, nhà quan nội thần đâu mất rồi nhỉ? Họ dậy rồi thì phải. Trời, sao ta lại ốm thế này?

Ngài gõ cửa một nhà có ánh sáng lọt qua khe cửa hé mở. Đấy là một quán trọ thời xưa, một loại quán bán rượu bia. Căn phòng giống như những tiệm rượu Hà Lan. Ở đấy tụ họp một số lính thủy, vài người thành thị với hai nhà bác học nữa. Người nào cũng có một cốc bia trước mặt và đang chuyện trò náo nhiệt. Khi ngài hội thẩm bước vào, họ không để ý đến ngài lắm. Bà chủ quán chạy đến. Ngài bảo:

- Xin lỗi, tôi thấy người rất khó ở! Bà có thể gọi xe đưa tôi về Christian's Haven được không?

Bà chủ quán nhìn ngài, lắc đầu rồi nói với ngài bằng tiếng Đức. Ngài hội thẩm đoán là bà ta không biết tiếng Đan Mạch, liền hỏi bà ta lần nữa bằng tiếng Đức. Tiếng nói và cách ăn mặc của ngài làm cho bà chủ quán càng tin rằng ngài là người nước ngoài. Bà ta hiểu ngay rằng ngài ốm và mang cho ngài một cốc nước mằn mặn, mặc dầu đó là nước bà vừa tự tay đi hứng ở vòi nước về.

Ngài hội thẩm ôm đầu thở dài, suy nghĩ về tất cả những điều kỳ lạ xung quanh mình.

Thấy bà chủ quán gấp một tờ giấy khổ rộng cất đi, ngài hỏi cho có chuyện:

- Có phải báo "Ban ngày" mới ra tối nay đó không?

Bà ta không hiểu ngài định nói gì, nhưng chìa cho ngài tờ giấy. Đó là tấm tranh khắc gỗ, in lại một hiện tượng thiên văn nhìn thấy ở thành phố Cologne.

- Bức tranh này cổ quá rồi còn gì nữa. (Ngài hội thẩm rất lấy làm cảm động vì được xem một thứ cổ như thế). Bà làm thế nào kiếm được bức tranh hiếm có này? Quý đấy, nhưng câu giải thích ghi trong tranh rất hoang đường. Bây giờ người ta bảo hiện tượng ấy là một bắc cực quang, có thể là do điện gây ra.

Những người ngồi gần đấy nghe ngài nói đều ngạc nhiên nhìn ngài. Một người đứng dậy, cung kính ngả mũ chào và nói với ngài bằng một giọng rất nghiêm trang:

- Thưa quý ngài, hẳn quý ngài phải là một nhà bác học đại tài.

- Ồ! Không đâu. Mỗi thứ tôi đều biết một tí, cũng như mọi người thôi.

- Nhũn nhặn là một đức tính cao quý thay!

- Thưa các ngài, tôi chỉ có thể trả lời các ngài: “Mihi secus videtur” (Tiếng Latin nghĩa là: ý kiến tôi là như thế đấy) và tạm thời cứ giữ nguyên ý kiến tôi về vấn đề đó. - Ngài hội thẩm hỏi thêm:

- Ông có thể cho tôi biết quý danh chăng?

Người kia đáp:

- Tôi là tú tài thánh thư.

Câu trả lời không làm cho ngài hội thẩm ngạc nhiên, vì tước vị ấy phù hợp với cách ăn mặc của người ấy.

Ngài nghĩ thầm: Đây hẳn là một lão hương sư hơi loạn trí nào đó mà đến nay người ta vẫn còn thấy sót lại trong hang cùng ngõ hẻm xứ Jutland.

Người kia lại nói:

- Đây không phải là một hội trường, nhưng nếu ngài cứ tiếp tục nói chuyện với tôi thì hay quá. Không còn nghi ngờ gì nữa, hẳn là ngài rất am hiểu các tác giả thời xưa.

- Vâng, đúng thế. Sách vở thời xưa bổ ích lắm, tôi rất hay đọc. Tôi cũng biết khá nhiều sách thời nay trừ những “Truyện hàng ngày”.

- “Truyện hàng ngày” là thế nào kia?

- Tôi muốn ám chỉ những quyển tiểu thuyết mới viết ra thường phải đọc hiện nay.

- Nhưng tôi lại thấy những quyển tiểu thuyết ấy cũng khá thú vị. Đức vua vẫn thường đọc đấy. Người thích nhất cuốn “Iffven tiên sinh và Gaudian tiên sinh”, thuật lại truyện vua Arthur và các hiệp sĩ bàn tròn.

- A! Thế thì tôi chưa được đọc. Chắc hẳn đấy là một cuốn mới của nhà xuất bản Heiberg.

- Không, không phải của nhà xuất bản Heiberg đâu, mà là của Godfred von Gehman.

- Có phải ông Gehman là tác giả không? Cái tên ấy có vẻ xưa quá nhỉ! Đúng là tên nhà in đầu tiên của nước Đan Mạch chúng ta.

- Vâng, đúng thế, đúng là nhà in đầu tiên của chúng ta.

Câu chuyện đang vui vẻ, bỗng một người nói đến trận dịch hạch ghê gớm xảy ra hai năm về trước và nhắc luôn đến cả trận xảy ra năm 1484.

Ngài hội thẩm lại tưởng ông ta nói đến năm có dịch tả. Trận đánh bọn giặc biển năm 1490 xảy ra gần năm ấy nên họ cũng không thể không nhắc đến quân cướp người Anh xông vào tận hải cảng cướp thuyền bè. Nghe thấy thế ngài hội thẩm lại cứ tưởng họ nói về cuộc mưu sát năm 1801, nên những lời ngài nguyền rủa bọn Anh trong vụ mưu sát ấy cũng vẫn khớp với câu chuyện như thường.

Nhưng về sau câu chuyện đâm ra chuệch choạc, chẳng bên nào hiểu bên nào nói gì nữa. Đối với vị tú tài trung hậu quá dốt thì những điều khẳng định đơn giản nhất của ngài hội thẩm cũng làm choáng tai ông như những lý thuyết quái dị vậy. Họ ngẩn người ra nhìn nhau, và khi bí quá, vị tú tài lại phát biểu bằng tiếng Latin, cho rằng có thế người ta mới hiểu được mình. Nhưng cũng chẳng hơn gì.

Bà chủ quán kéo tay áo ngài hội thẩm hỏi:

- Ngài thấy trong người thế nào rồi?

Câu hỏi làm ngài sực tỉnh. Vì mải mê nói chuyện ngài đã hoàn toàn quên những sự việc xảy ra hồi nãy. Vừa nhớ lại chuyện cũ, ngài choáng người kêu lên:

- Trời đất ơi, đây là đâu thế này?

Một vị khách hô lớn:

- Cùng nhau cạn chén nào! Rượu mật ong pha với bia xứ Bremen. Xin mời ngài chạm cốc với chúng tôi.

Hai chị hậu bàn bưng khay ra cúi chào quan khách rồi rót rượu.

- Rượu gì thế này nhỉ?

Ngài hội thẩm tự hỏi, không dám uống. Người ta mời chào ghê quá nên buộc lòng ngài đánh phải uống vậy. Có người bảo ngài say rượu, ngài bèn tin ngay lập tức và nhờ thuê hộ một cái xe ngựa. Nghe thấy ngài nói thế, họ lại cứ tưởng ngài nói tiếng Nga. Ngài chưa hề tiếp xúc với hạng người thô lỗ đến thế bao giờ. Tưởng như đất nước lùi lại thời tà giáo, ngài nghĩ thầm:

- Đây đúng là giờ phút rùng rợn nhất đời mình.

Lúc đó, ngài nảy ra ý định chui xuống gầm bàn và bò ra cửa. Ngài bò ra gần đến nơi thì họ trông thấy, tóm cẳng ngài lại, thế là đôi giày tụt ra khỏi chân và phép lạ biến mất.

Ngài hội thẩm nhìn thấy rất rõ một cái cột đèn đang chiếu sáng trước mặt và phía sau là một tòa nhà lớn. Ngài nhận ra nó và cả những ngôi nhà bên cạnh nữa. Như trên đã nói, ngài đang ở phố Đông. Quỳ trước một cái cửa, ngài trông thấy một người tuần canh đang ngủ ngay trước mặt ngài. Ngài kêu lên:

- Trời ơi, sao mình lại nằm ở giữa đường thế này mà ngủ nhỉ? Giữa ngay phố Đông. Đèn ơi, cám ơn mày nhé! Gớm thật! Uống có một cốc rượu pha đường mà khiếp thế đấy.

Hai phút sau ngài đã lên xe ngựa trở về Christian's Haven. Ngài nhớ lại những mối lo âu, khổ ải vừa trải qua và thầm khen cuộc

sống thực tại đầy hạnh phúc đã chứng minh cho ngài thấy rõ: Thời đại chúng ta chưa hoàn hảo lắm, nhưng cũng còn hơn cái thời đại ngài đang sống lúc nãy nhiều.

*

* *

Bác tuần canh gặp chuyện lạ

Bác tuần canh reo lên:

- Ơ này! Đôi giày của ai thế này? Chắc là của quan trung úy trên gác nhà này. Ai lại để giày ngay trước cửa thế này.

Bác tuần canh phúc hậu muốn bấm chuông gọi cửa đem trả giày vì buồng ngài trung úy vẫn còn ánh đèn, nhưng bác không muốn làm mất giấc ngủ của những chủ bác trong nhà nên lại thôi và nghĩ thầm:

- Xỏ đôi giày này hẳn là khoái lắm đây. Da mềm tợn!

Bác xỏ thử, vừa khít.

- Đời cũng lắm chuyện nực cười thật. Ngài trung úy có thể chui vào giường nằm cho sướng, nhưng cứ thử lên mà xem, ngài có nghĩ đến chuyện ấy đâu. Ngài đang đi đi lại lại trong phòng. Ông ấy may thật đấy! Chẳng vợ chẳng con gì cả! Chiều chiều ngài đi tiêu khiển trong giới giàu sang! Mình mà được như ông ấy thì sướng phải biết.

Do phép lạ của đôi giày, bác tuần canh vừa ước thế liền được nhập ngay cả hồn lẫn xác vào quan trung úy. Bác thấy mình đang sống trong căn phòng trên gác, tay đang cầm một mảnh giấy nhỏ màu hồng, trên có viết một bài thơ do chính ngài trung úy làm ra. Quả thật, có ai suốt đời lại chưa từng cảm thấy hồn thơ lai láng ít nhất là một lần? Lúc ấy, người ta viết ý nghĩ của mình ra, thế là thành thơ, nhưng bác tuần canh không thích thơ, và lấy làm tiếc cái nghề vất vả bạc bẽo của mình.

Do phép lạ của đôi giày, bác tuần canh của chúng ta lại từ trung úy

trở lại thành người tuần canh, vì bác không thích số phận mới bằng cuộc sống cũ, thích cái nghề trước của mình hơn. Thế là thân tuần canh lại trở về với phận tuần canh.

- Mình vừa mơ một giấc mơ rõ lạ, chán mớ đời. Tự dưng thành quan trung úy trên gác kia, cũng chả thấy hơn được cái gì lại đâm ra nhớ mẹ cu và đàn con thân yêu.

Bác ngồi xuống cúi đầu triền miên mơ mộng vì chân vẫn còn đang xỏ đôi giày. Bỗng trên trời có một vì sao đổi ngôi. Bác lẩm bẩm:

- Sao đổi ngôi! Chắc là đổi sang một cõi thế sướng hơn chăng? Ước gì mình được đến gần một vì tinh tú ấy mà xem, nhất là mặt trăng… vì mặt trăng thì mới không lọt qua kẽ tay mình được. Hôm nọ, một anh sinh viên đã bảo mình rằng: chết tức là chuyển từ ngôi sao này sang ngôi sao khác, làm cho vợ mình rất phật ý. Tất nhiên là không đúng, nhưng dẫu sao nghĩ cũng hay hay! Giá mà được đi chơi một vòng trên ấy thì nếu phải bỏ xác trên bậc cửa này cũng cam lòng!

Trên đời này có nhiều điều phải dè dặt trong lời nói, nhưng khi xỏ đôi giày hạnh phúc thì càng phải thận trọng hơn nữa. Chuyện xảy ra với bác tuần canh như sau:

Vừa dứt lời ước được vài giây, bác tuần canh đã vượt qua sáu vạn dặm, lên tới cung trăng. Chúng ta đã biết rằng mặt trăng cấu tạo bằng một chất nhẹ hơn trái đất chúng ta có thể nói là tựa như tuyết vừa mới rơi xuống. Bác tuần canh sa vào một trong những ngọn núi lửa mà ta thấy vẽ trên tấm bản đồ mặt trăng của nhà bác học Madler. Bác tạt xuống sâu chừng nửa dặm Đan Mạch. Phía dưới có một làng toàn một màu như lòng trắng trứng hòa với nước, nhưng nom rõ cả cái tháp tròn, cửa cuốn bàn thờ đong đưa trên không. Trái đất của chúng ta tựa như một ngọn đèn khổng lồ treo trên đầu. Trên mặt trăng có nhiều sinh vật, trái đất ta thì gọi họ là người đấy, nhưng họ chẳng giống chúng ta chút nào. Họ cũng có tiếng nói riêng, và kỳ lạ thay! Linh hồn bác tuần canh rất hiểu thứ tiếng ấy.

Trên ấy, họ tranh luận với nhau về trái đất chúng ta và họ cũng ngờ rằng trái đất có người.

Họ cho rằng không khí trái đất dày đặc quá không thể sống được, chỉ có mặt trăng là có sinh vật mà thôi, mặt trăng là vì tinh tú hoàn hảo nhất, nơi trú ngụ của người nhà trời thời cổ xưa.

Nhưng chúng ta hãy xuống phố Đông xem xác bác tuần canh ra sao.

Bác nằm chết gí ở bậc cửa, mắt ngước lên trăng, nơi hồn bác đang du ngoạn, chẳng khác gì một xác chết. Người qua đường thấy thế đâm hoảng. Ai cũng cho bác tuần canh rõ ràng đã chết rồi, chẳng thể nào cứu chữa được nữa và cuối cùng, lúc tảng sáng, người ta chở bác vào nhà thương.

Các bác thử tưởng tượng rằng hồn bác tuần canh khi trở về trái đất đi tìm xác bác mà không thấy thì bối rối biết chừng nào! Đại để là hồn bác sẽ phải chạy đến sở cảnh sát, rồi đến phòng giữ đồ đạc đánh mất, nhờ điều tra manh mối và cuối cùng là đến nhà thương. Các bạn cứ yên trí! Hồn con người được thả lỏng thì tinh khôn lắm. Khi nhập vào xác, hồn mới đần độn ra.

Thế là người ta chở bác tuần canh vào bệnh viện và đặt bác vào nhà xác. Tất nhiên việc đầu tiên là người ta tháo giày bác ra. Thế là hồn bác trở về ngay lập tức, nhập vào bác và bác sống lại.

Bác kể rằng đêm qua là đêm khủng khiếp nhất đời bác. Có ai cho hai đồng tiền vàng mà bảo bác sống lại một đêm như vậy cũng xin chịu. Nhưng thôi, thế là xong.

Ngay ngày hôm đó, bác được ra viện, nhưng đôi giày thì ở lại trong nhà thương.

*

* *

Giây phút nguy cấp. Tiết mục ngâm thơ. Một cuộc du lịch kỳ lạ.

Không có người Copenhagen nào không biết cách bố trí lối cửa vào nhà thương Frederick, nhưng tất cả các bạn đọc sách của tôi không

phải ai cũng là người Copenhagen, nên tôi muốn tả vắn tắt trong vài dòng.

Từ ngoài phố vào, nhà thương có một hàng rào sắt khá cao, chấn song to khá thưa, đủ cho trẻ con chui qua thăm viếng phía bên trong tí chút. Thông thường có cái đầu là khó chui nhất. Trường hợp này cũng như các trường hợp thường gặp trên đời, chính những cái đâu óc chật hẹp lại thường chiếm ưu thế. Điều này coi như mào đầu câu chuyện.

Một trong những phụ tá trẻ tuổi của nhà thương - thân hình chẳng có gì đặc biệt ngoài cái đầu to - tối hôm đó đến phiên gác. Mưa rào, nhưng cậu vẫn muốn chuồn đi chơi mười lăm phút. Hai lý do trên không cản nổi cậu ta. Cậu cho rằng chui qua hàng rào dễ như thế thì chẳng tội gì mà qua cổng chính.

Vừa hay cậu chợt trông thấy đôi giày của bác tuần canh để quên, không mảy may biết đấy là đôi giày hạnh phúc. Giày ấy đi mưa thật là tiện nên cậu liền vớ lấy. Bây giờ chỉ còn việc chui qua khe chấn song hàng rào. Cậu chưa từng chui bao giờ. Cậu ước:

- Lạy giời, làm thế nào cho đầu tôi lọt qua được.

Nhờ phép lạ của đôi giày, cái đầu lọt qua một cách dễ dàng, giờ đến lượt cái mình. Cậu kêu lên:

- Hè! Mình to béo quá. Thế mà mình cứ tưởng khó chui nhất là cái đầu. Khéo chẳng bao giờ mình chui qua nổi mất.

Cậu muốn rụt đầu lại, nhưng không được, chỉ ngọ nguậy được cái cổ thôi. Kết quả đầu tiên là cậu nổi cáu. Kết quả thứ hai là tính tình vui vẻ của cậu tụt dưới số không. Đôi giày hạnh phúc đã dồn cậu vào tình thế hết sức quái gở, và cậu lại không ước chui ra khỏi, mới khổ chứ! Giẫy giụa, xoay sở mãi cũng chẳng ăn thua gì.

Trời vẫn mưa như trút, phố xá vắng tanh. Hơn thế, cậu cũng chẳng thể với cái chuông ngoài cổng. Làm sao mà thoát ra khỏi bước nguy khốn này được. Cậu đoán chừng phải đứng đấy đến tận sáng, không chừng phải nhờ gọi một ông thợ khóa đến cưa chấn song đi. Nhưng thế thì mất nhiều thì giờ lắm. Rồi thì tất cả đội quân mặc tạp dề xanh, tất cả lũ nhóc con sẽ đến rục chân ra ngắm

nghía và bêu xấu cậu.

- Ồ! Máu nóng bốc cả đầu! Mình cảm thấy mình đang phát điên đây, ước gì thoát khỏi nơi này!

Nhẽ ra cậu phải ước sớm hơn mới phải. Cậu vẫn còn bàng hoàng vì vừa bị đôi giày hạnh phúc hành tội thất điên bát đảo.

Bạn đọc sẽ hỏi: "Thế là hết chuyện ư?" Than ôi! Chưa đâu. Bạn còn chưa biết phần bí mật nhất của câu chuyện.

Đến tới nhà hát nhỏ gần đấy biểu diễn. Chật ních người xem. Trong chương trình có tiết mục ngâm bài thơ "Đôi kính lão của bà tôi".

Bài thơ ấy kể rằng: Bà tôi có đôi kính nhìn thấu suốt tâm can mọi người, nhìn ai là đọc được những ý nghĩ thầm kín nhất của người ấy. Trong số khán giả có cậu phụ tá của nhà thương nọ. Chừng cậu ta đã quên tai ương đêm trước. Không ai đến đòi đôi giày, vả lại khí trời vẫn ẩm ướt nên cậu cứ đi đôi giày hạnh phúc ở chân.

Cậu suy nghĩ về chủ đề của bài thơ. Nếu có được đôi kính ấy và biết đem dùng, cậu có thể thấu suốt tâm can mọi người, điều đó cậu thấy thú vị hơn là biết được cả chuyện sang năm, vì chuyện sang năm sớm muộn cũng sẽ biết thôi.

- Thử tưởng tượng là nếu mình đột nhập được đến đáy lòng các ông các bà ngồi trên ghế hàng đầu kia thì mình sẽ lục lọi như lục lọi một cửa hiệu vậy. Trong con người bà kia có lẽ mình sẽ tìm thấy cả một cửa hiệu bày các kiểu quần áo mới. Trong người bà nọ, cửa hiệu rỗng tuếch, nhưng có lẽ cần phải quét dọn. Chắc cũng có thể có những cửa hiệu đầy những thứ quý.

Cậu thở dài:

- Ừ, phải, ta biết có một bà rất tốt, nhưng hiềm nỗi cửa hiệu lại có chủ nhân rồi. Bên này, bên kia, chắc các con tim sẽ gọi mình: "Xin mời cậu vào đây!" Giá mà mình có thể lọt được vào mọi con tim nhỉ?

Cầu được ước thấy.

Thoạt tiên, cậu chui vào tim một bà sang trọng. Ngay lúc ấy, cậu tưởng mình lạc vào mỹ viện, nơi người ta nắn lại thân hình những người có tật. Cậu vào một căn phòng trên tường có treo nhiều chân tay dị dạng. Nhưng có cái khác là người chữa tật đến thì mỹ viện mới làm khuôn, còn trong tim của bà nọ thì trái lại, những con người tội nghiệp không cần trình diện, họ cũng được làm khuôn và khuôn được giữ gìn cẩn thận. Bà chủ có toàn bộ chân dung các bạn của bà rất phong phú, làm nổi bật những nhược điểm về thể chất và tinh thần từng người.

Từ trái tim của bà ấy ra, cậu lại lọt vào trái tim của bà khác. Vào trái tim này tựa như vào một ngôi nhà thờ rộng lớn và thần bí. Chim bồ câu trắng tượng trưng cho sự trong sạch xòe cánh trên bàn thờ. Nếu không phải đi sang quả tim khác thì nhà thăm dò của chúng ta đã quỳ gối xuống rồi. Sang đến bên này cậu vẫn còn vẳng nghe thấy tiếng đại phong cầm và tưởng như con người mình đổi mới hẳn trước.

Bước vào trái tim sau, anh bạn trẻ của chúng ta thấy bí rì rì, luôn luôn xoay xở giữa cái đám nịt ấy mới gỡ được lối ra. Đó là trái tim của một người giàu sang và có danh vọng, tìm trong sổ danh bạ của các vị tai to mặt lớn, ắt hẳn phải có tên.

Bước sang trái tim khác là một phòng khách dát toàn bằng gương như trong lâu đài Rosenberg vậy, có điều là những gương này phóng đại mọi vật lên một cách ghê gớm. Chính giữa, thằng tôi vô nghĩa lý của một con người chỉ thích đề cao bản thân mình đang ngồi dưới đất như một vị Đạt-lai Lạt-ma.

Tiếp đó, anh chàng tưởng mình như rơi vào một gian nhà tua tủa những mũi kim nhọn. Cu cậu nghĩ thầm: “Đây hẳn là một trái tim của một bà cô ế chồng”. Nhưng không phải, đó chính là trái tim của một sĩ quan trẻ tuổi, trí dũng có thừa như người ta vẫn thường nói.

Thăm thú xong tim những người ngồi hàng ghế đầu, cậu phụ tá nhà thương bàng hoàng cả người, không ổn định nổi tâm thần nữa, nhưng cậu cho lối chơi quá ngông của mình đã gây nên nông nỗi ấy. Cậu kêu lên:

- Trời ơi! Chắc mình sắp điên! Thân thể bất an, đầu óc quay cuồng

mất rồi.

Lúc ấy, cậu nhớ lại tai nạn kỳ quái tối hôm trước, khi đầu bị kẹt vào khe chấn song hàng rào sắt nhà thương.

- Đấy là căn nguyên bệnh trạng. Phải chữa trị kịp thời đi mới được! Tắm kiểu Nga một cái có nhẽ tốt đấy. Ước gì mình được ở trên bậc cao nhất của phòng tắm bằng hơi nước nóng.

Cầu sao được vậy. Hơi nước nóng tụ thành giọt bỏng nhỏ xuống mặt cậu.

- Ái! - Cậu thét lên và nhảy bổ sang phòng tắm nước lạnh. Chú hầu phòng kêu lên khi thấy cậu ta mặc cả quần áo vào buồng tắm. Nhưng, nhanh trí, cậu biện bạch:

- Tôi chơi đánh cuộc đấy mà.

Về đến nhà, việc đầu tiên là cậu dán ngay một lá cao Tây Ban Nha rõ to lên gáy và lưng để khỏi phát điên.

Sáng hôm sau, lưng cậu rộp đỏ cả lên. Đi đôi giày hạnh phúc vào, cậu được lợi như thế đấy.

*

* *

Ông tham sở cảnh sát biến chất và đổi dạng

Tôi chắc rằng các bạn vẫn chưa quên bác tuần canh. Trong khi xảy ra chuyện trên đây, nhớ đến đôi giày bác đã bắt được xỏ vào chân cho đến khi vào nhà thương, bác bèn đi tìm. Cả quan trung úy lẫn những người qua đường chẳng ai nhận, đôi giày được đem đến sở cảnh sát. Một ông tham làm việc tại đó ngắm nghía đôi giày đó rồi đặt cạnh giày của mình mà bảo:

- Nom giống giày của tôi như đúc ấy! Đến thợ giày cũng chẳng phân biệt được đôi nào vào với đôi nào.

Một cậu bé cầm lá đơn vào thưa:

- Bẩm quan tham!

Ông ta quay lại nói vài câu, rồi lại đến chỗ để giày. Nhưng lúc ông chẳng nhớ giày mình xếp bên phải hay bên trái nữa, ông nghĩ thầm:

- Có lẽ đôi nào ướt là của mình.

Ông ta nhầm, vì chính đôi giày ướt là đôi giày hạnh phúc! Sở cảnh sát cũng có thể nhầm lắm chứ, các bạn nhỉ?

Ông ta xỏ giày, soạn công văn, nhét một ít vào ví, cắp một ít ở tay, đem về nhà xem, sáng hôm ấy là sáng chủ nhật, đẹp trời nên ông nghĩ có dạo một vòng ra quảng trường Frederick cũng chẳng hại gì.

Thoạt đầu ông vừa đi vừa chẳng nghĩ gì cả, nên phép lạ của đôi giày chưa có tác dụng.

Đang đi ông gặp một người bạn, một thi sĩ trẻ, kể với ông rằng ngày mai sẽ đi nghỉ mát.

Ông bảo:

- Lại lên đường ư? Bạn thật là một người tự do và hạnh phúc, muốn bay bổng đến đâu cũng được. Còn bọn tôi thì cứ như bị cùm chân ấy.

Thi sĩ đáp:

- Đúng, nhưng cùm đây lại cùm đúng vào cơm áo gạo tiền. Bác có lo gì đến ngày mai đâu! Lúc về già đã có lương hưu trí!

- Thế mà chính bạn mới là người sung sướng nhất đấy! Làm thơ chẳng thích lắm ru? Lại còn được thiên hạ ca tụng nữa. Bạn hoàn toàn được làm chủ cuộc sống của mình. Nếu suốt ngày phải làm những công việc sự vụ tầm thường như cánh này thì bạn sẽ thấy chán lắm.

Nhà thi sĩ lắc đầu, ông tham cũng lắc đầu, ai giữ ý kiến người nấy,

rồi họ chia tay nhau. Ông tham nghĩ thầm:

- Thi sĩ thật là những người phi phàm. Mình cũng thích có tâm hồn như họ và trở thành thi sĩ. Mình biết chắc rằng mình chẳng bao giờ viết nổi những bài thơ bi ai như khối thi sĩ khác! Hôm nay thật là một ngày đẹp đối với nhà thơ! Không khí ít khi trong sạch như thế này. Trông những đám mây kia mới nhẹ nhàng làm sao! Hàng bao năm nay, đến lúc này, ta mới thấy nhạy cảm trước những cái đẹp ấy!

Các bạn đã thấy ông ta thực sự trở thành thi sĩ rồi đấy. Tuy vậy bề ngoài ông ta chẳng thay đổi gì cả, vì tưởng tượng là các nhà thơ khác người thường là một quan niệm sai lầm. Vả chăng trong số những người không phải là thi sĩ có thể có nhiều người có tâm hồn mơ mộng hơn khối nhà thơ lớn, chỉ khác cái là thi sĩ có trí nhớ tốt hơn, có thể giữ được hình tượng ấy cho đến lúc tìm được lời văn trong sáng và chải chuốt để diễn tả ra. Một người khác thì không làm được như thế. Nhưng chuyển từ tâm hồn ngày thường của mình thành một tâm hồn giàu cảm xúc vẫn là một sự chuyển tiếp, và đó là trường hợp của ông tham. Bất giác ông thốt lên:

- Mùi gì thơm nhỉ? Tựa như mùi hoa violet của bà Lora, cô mình ấy. Ừ, cái hồi ấy mình hãy còn bé tí. Lâu nay quên khuấy mất bà cô phúc hậu! Bà ấy bây giờ ở sau núi Bourse kia kìa! Rét đến mấy thì rét mà vẫn cứ có hoa.

Ông tham thở dài não nuột:

- Trời ơi, làm sao thế này? Chưa bao giờ mình có cảm giác nửa buồn nửa vui như bây giờ. Có lẽ tại gió xuân chăng?

Ông lục tìm đám giấy tờ trong cặp:

- Quái thật! Gì nữa thế này? Ông kêu lên và cầm tờ giấy trên cùng lên đọc: “Sigbirth phu nhân”, bi kịch năm hồi. Lạ nhỉ? Lại đúng là chữ mình viết. Có đúng mình viết thiên bi kịch này không nhỉ? Đây nữa: Thiên hài kịch “Du ngoạn tình sự” tức “Ngài đại lễ”. Đâu ra cái của này thế? Có lẽ người ta nhét vào cặp mình lúc nào ấy? Đây lại cái thư này nữa, thư của một ông chủ rạp hát. Họ trả lại bản thảo của mình, và thư viết bằng giọng văn không đáng yêu chút nào.

Ông ngồi phịch xuống một tấm ghế dài, tim đập thình thịch, bất giác ông hái một bông hoa gần đấy, một bông cúc trắng nhỏ. Chỉ một phút, bông hoa kể cho ông nghe tất cả những điều mà các nhà thơ thuyết trình, giảng giải cho chúng ta. Nó kể cho ông ta nghe nó đã sinh ra làm sao, ánh nắng đã làm thế nào cho cành hoa mảnh dẻ này nở và bông hoa có hương thơm, làm cho ông chạnh lòng nghĩ đến cuộc sống vật lộn của chúng ta. Không khí và ánh sáng đã nuôi sống hoa, nhưng hoa thích ánh sáng hơn, luôn luôn hướng về phía mặt trời, và khi vầng dương lặn xuống, hoa khép cánh đi ngủ dưới làn gió nhẹ. Hoa nói:

- Ánh sáng đã cho tôi màu sắc.

- Nhưng không khí đã nuôi sống hoa.

Ngay lúc ấy, một chú bé con đi qua, đập gậy vào hố bùn làm tốc nước lên thảm cỏ xanh. Ông tham nghĩ ngay đến việc hàng triệu sinh vật vô hình bị bắt tung lên cùng với những giọt nước, chắc đang vô cùng kinh hãi, cũng như chúng ta bỗng nhiên bị vứt lên trên mây vậy.

Ông tham đã cảm xúc như thế đấy. Nghĩ đến sự biến chất của mình vừa trải qua, ông lẩm bẩm: “Ta ngủ mê hay sao thế này? Ta nhận xét mọi vật rất rõ ràng. Ta cảm thấy hoàn toàn minh mẫn, nhưng chắc chắn là sáng mai khi ngủ dậy ta sẽ vỡ mộng. Ta đã từng nhận thấy là có nhiều điều lý thú mắt thấy tai nghe trong giấc mơ đều giống như những kho tàng chôn dưới đất: Ban đêm thì mỹ lệ nhưng ban ngày chỉ toàn đất và lá khô.

Ông nhìn chim chóc nhảy nhót ca hát vui vẻ trên cành mà buồn rầu:

- Chúng thật là sung sướng hơn ta! Bay là một nghệ thuật mê ly, sinh ra đã biết bay thật là sung sướng thay! Hừ, nếu muốn mà được thì mình ước gì mình thành chim sơn ca.

Ngay lúc ấy, cánh tay và vạt áo của ông biến thành cánh chim, vải biến thành lông và ông tham cười thầm:

- Bây giờ thì đúng là mình mơ rồi. Nhưng từ thuở bé mình chưa mơ lạ lùng và điên rồ như thế này bao giờ!

Ông bay lên đám cành lá xanh tươi và cất tiếng hót, nhưng tiếng hót chẳng còn là chất thơ nữa vì tâm hồn thi sĩ của ông đã biến mất rồi.

Đôi giày hạnh phúc không thể nào thực hiện được hai lời ước cùng một lúc. Ông đã ước trở thành thi sĩ và đã được toại nguyện. Giờ đây ông muốn trở thành con chim bé nhỏ. Dễ lắm, được ngay, nhưng hiềm một nỗi thân chim, ông liền mất luôn tâm hồn thi sĩ. Ông tự nhủ: Ước gì được như thế này mới thú: Ban ngày mình ngồi ở sở cảnh sát với đống giấy tờ khó tiêu, ban đêm mơ thành chim sơn ca bay trong vườn. Như thế sẽ là đề tài cho một vở kịch rất lý thú.

Ông sà xuống bãi cỏ, nghiêng ngó cái đầu tứ phía, quẹt mỏ vào nhánh cỏ, giờ đây so với thân hình chim của ông, cao chẳng kém gì những cây cọ Bắc Phi.

Được một lát, ông bỗng cảm thấy trời tối như bưng. Hình như người ta vừa chụp vật gì to lớn lên người ông. Chả là có một chú bé vừa lấy mũ chụp lấy con chim. Một bàn tay luồn vào, túm lấy lưng và cánh chim, bóp khá chặt.

Thoạt đầu, ông hoảng quá, hét to:

- Quân vô lại khốn kiếp! Tao là ông tham sở cảnh sát đây mà!

Nhưng thằng vô lại chỉ nghe thấy tiếng chiêm chiếp mà thôi. Nó bèn búng vào mỏ chim một cái rồi ra về.

Dọc đường, nó gặp hai cậu học trò. Các cậu mua con chim với giá tám shilling, thế là ông tham được đưa về ở phố Gothers, kinh thành Copenhagen.

Ông tham gật gù:

- Cũng may là mình nằm mơ, chứ không thì cũng đáng giận lắm! Thoạt đầu là thi sĩ, đến giờ là chim sơn ca. Phải, đúng là cái tâm hồn thi sĩ của mình đã làm cho mình mơ rằng mình là một con chim bé nhỏ. Nhưng rơi vào tay mấy thằng ôn con mất dạy này thì cũng khá lôi thôi đấy. Chẳng biết rồi ra sao?

Mấy đứa trẻ mang ông vào một tòa nhà rất đẹp. Một bà to béo tươi

cười ra đón chúng, nhưng tỏ ý không thích con chim sẻ tầm thường (bà ta gọi chim sơn ca của chúng ta là chim sẻ). Bà ta phải nhốt vào lồng, treo ở cửa sổ.

- Có lẽ con Polly sẽ thích lắm đây. Bà vừa nói vừa mỉm cười với một con vẹt xanh to tướng làm ra vẻ quan trọng và lắc lư trên cái vành trong chiếc lồng bằng đồng thau. Hôm nay là ngày sinh nhật của Polly đấy. Con chim sẻ chúc mừng nó.

Polly vẫn lắc lư một cách bệ vệ, không thèm trả lời. Nhưng một con hoàng yến xinh xắn, được mang từ Tổ quốc tươi đẹp và nóng nực của nó đến đây từ mùa hè năm ngoái, cất giọng hót vang:

- Khiếp! Đồ kêu đường! - Bà to béo mắng rồi vứt một miếng giẻ trắng trùm lên lồng chim. Con hoàng yến kêu lên:

- Chiếp! Chiếp! Tuyết lại rơi rồi! - Rồi nó im bặt.

Ông tham - tức là con chim sẻ, gọi theo kiểu bà chủ nhà - được cho vào lồng cạnh lồng hoàng yến, đặt gần lồng con vẹt. Cái tràng tiếng người độc nhất và nực cười mà con Polly biết nói là: “Thôi, thôi, để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!” Đối với chúng ta những tiếng kêu khác của con vẹt cũng khó hiểu chẳng kém gì bài hót của con hoàng yến quần đảo Canari kia, nhưng nhà cạo giấy của chúng ta giờ đây đã biến thành chim lại rất hiểu tiếng hót của bạn mình. Hoàng yến hót rằng:

- Mới đây, tôi còn bay lượn dưới bóng dừa xanh và dưới bóng cây hạnh đang nở hoa! Tôi bay cùng với các anh các chị tôi trên rừng hoa thơm ngát, trên mặt biển trong vắt như pha lê, trên bờ rợp bóng cây. Tôi cũng đã từng được nghe nhiều con vẹt rất đẹp kể nhiều chuyện hay, vừa dài vừa lạ.

Vẹt ngắt lời:

- Đấy là vẹt rừng, không được dạy dỗ gì cả! Thôi, để yên cho chúng ta sống làm người với chứ! Sao mày không cười lên? Không thấy bà chủ và khách đang cười kia à? Chúng mày thật không biết thưởng thức trò hay ở đời. Thôi thôi, để yên cho chúng yao sống làm người với chứ!

- Mày có còn nhớ bóng dáng các cô xinh đẹp nhảy múa dưới rặng chuối đang trổ hoa hay không? Mày còn nhớ những khu rừng già rợp bóng mát và đầy quả thơm ngon hay không?

Vẹt đáp:

- Ồ! Có chứ! Nhưng bây giờ tao lại thấy sung sướng hơn. Tao được nuôi nấng chăm sóc cẩn thận, được đối xử xứng đáng như thế này tao lấy làm thỏa mãn lắm rồi, không còn đòi hỏi gì hơn nữa. Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật! Mày có một tâm hồn thi sĩ, như người ta thường nói, còn tao, tao hiểu rộng biết nhiều và biết suy xét sự đời. Mày có tài nhưng không khôn ngoan, mày hay bốc theo những cảm xúc tự nhiên, do đó mày thường bị bạc đãi. Người ta có sỉ nhục tao như mày bao giờ đâu? Thôi, hãy bỏ cái giọng hót bi ai của mày đi! Hãy nói câu gì làm cho người ta phải bật cười lên. Tiếng cười chứng tỏ sự thông minh đã lên tới tuyệt đỉnh. Mày xem chó hay ngựa có cười được đâu? Chúng nó kêu thì được, chứ không biết cười. Chỉ có loài người mới biết cười thôi. Hô hô hô! Từ nay trở đi, chúng ta hãy sống như người thật.

Chim hoàng yến bảo:

- Chú chim sẻ xám xứ Đan Mạch ơi! Thế là chú bị cầm tù rồi! Trong cánh rừng của chú chắc rét lắm, nhưng được tự do, quay về đó đi thôi! Người ta đã quên đóng cửa lồng chú, ống kính trên cùng của cái cửa sổ kia lại để ngỏ. Trốn đi! Trốn đi!

Chim sẻ không đợi phải giục đến lần thứ hai, trong nháy mắt đã ra khỏi lồng. Vừa lúc đó, có một cái cửa ở buồng bên rít lên và con mèo mắt xanh lè sáng quắc, lẻn vào săn chim. Hoàng yến vùng vẫy trong lồng, vụt vỗ cánh kêu: “Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật”. Ông tham sợ gần chết, trốn qua cửa sổ, bay qua nhà cửa, phố phường, cuối cùng dừng lại nghỉ một tí. Nhà bên cạnh nom quen quen, có cái cửa sổ để ngỏ, ông bay vào.

Đúng là nhà ông! Ông ngồi vào bàn, chẳng suy nghĩ gì, chỉ nhắc lại lời con vẹt: “Từ nay trở đi, chúng ta hãy sống như người thật”.

Nhưng ồ! Lạ thay! Ngay lúc ấy ông tham lại biến thành ông tham ngồi bàn. Ông kêu lên:

- Lạy trời phù hộ độ trì! Thế là mơ xong, mình lại ngồi đây. Lúc nãy mới lo làm sao chứ! Thật là chuyện dại dột.

Món quà quý nhất của đôi giày hạnh phúc

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, ông tham còn đang nằm trong giường bỗng có tiếng gõ cửa. Đó là anh sinh viên khoa thần học ở phòng bên cạnh, cùng căn gác. Anh bước vào và bảo:

- Cho tôi mượn bác đôi giày. Ngoài vườn ướt quá, nhưng nắng rất đẹp, tôi muốn hút một tẩu thuốc.

Anh xỏ đôi giày và xuống ngay vườn. Trong vườn chỉ có một cây mận và một cây táo, nhưng giữa thủ đô Copenhagen này có được một mảnh vườn dù nhỏ đến đâu cũng vẫn cứ thú.

Chàng sinh viên đi bách bộ. Chưa đầy sáu giờ sáng, ngoài phố bỗng có tiếng tù và của người đánh xe ngựa. Anh kêu lên:

- Ôi! Du lịch! Du lịch thật là điều hạnh phúc nhất trên đời này. Ta không mong gì hơn. Đó là liều thuốc hay cho nỗi buồn đang cắn rứt tâm can ta! Nhưng ta phải đi xa, rõ xa mới được. Ước gì ta được đi thăm đất nước Thụy Sỹ tráng lệ, rong ruổi qua nước Ý.

Cũng may mà đôi giày hóa phép lạ ngay lập tức, không thì anh ta đi quá xa, xa với cả anh ta lẫn chúng ta.

Thế là anh ta đi du lịch, sang giữa đất nước Thụy Sỹ, ngồi trong một cái xe giữa mấy kiện hàng. Anh thấy rức óc, đầu nặng như chì, máu dồn xuống đôi chân nhét trong đôi ủng lớn. Anh chìm đắm trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê, túi bên phải có phiếu tín dụng, túi bên trái có giấy thông hành, và trong một cái túi con bằng da trên ngực, có mấy đồng tiền vàng khâu kỹ bên trong. Mỗi giấc mơ là một lần anh mộng thấy một trong những vật báu ấy, thế là anh vội hốt hoảng nhỏm dậy và cứ chỉ đầu tiên là anh lấy hai tay lần hai bên ngực xem các của quý ấy còn hay mất. Mũ, ô đi mưa, gậy chống, đung đưa trong lưới, trên đầu anh. Ở cái vị trí oai nghiêm ấy, chúng vướng mắt anh quá khiến anh phải dừng tầm mắt để nhìn chúng.

Cảnh vật xung quanh vĩ đại, trang nghiêm và âm u. Những cánh

rừng tùng nhô ra trên vách núi dựng đứng, đỉnh núi ẩn trong sương mù. Tuyết bắt đầu rơi và gió lạnh bỗng nổi lên.

- Ước gì mình được sang phía bên kia dãy núi Alps! Sang bên ấy ít nhất mình cũng được sống khí hậu mùa hè và được lĩnh tiền bằng phiếu tín dụng. Giá lạnh như vậy, mình chẳng muốn ở cái đất Thụy Sỹ này nữa. Ước gì mình được sang phía bên kia núi nhỉ?

Ước sao được vậy: Anh đã thấy mình ở trên đất Ý, giữa Florence và Rome. Nước hồ Thrasymene lấp lánh dưới ánh chiều tà nom như vàng đun lỏng giữa màu xanh thẳm của núi non. Nơi xưa kia Hannibal đã đánh bại Flaminius, ngày nay những gốc nho đang leo lên những cây cổ thụ xanh. Trẻ em đang chăn đàn lợn đen trong cánh rừng nguyệt quế màu hồng tỏa hương thơm ngát hai bên đường. Nếu tôi tả nổi khung cảnh ấy, chắc các bạn phải thốt lên: "Đất nước Ý đẹp quá!". Nhưng anh sinh viên thần học cũng như các bạn đồng hành của anh ngồi trong chiếc xe ngựa của người Ý không hề thốt lên câu nào giọng như thế.

Muôn ngàn côn trùng và ruồi muỗi bay quanh chiếc xe. Người ta lấy cành sim xua chúng đi, nhưng vô hiệu. Không có người nào trong xe không bị chúng đốt sưng mặt. Những con ngựa đáng thương bị chúng xông vào đốt, người đánh xe có xuống đuổi những con vật quái ác ấy, chúng cũng chẳng chịu bay đi.

Mặt trời lặn. Một làn gió nhẹ nhưng lạnh giá làm rung chuyển cảnh vật. Khắp xung quanh, một màu xanh ngắt trải ra trên núi non. Trong sáng, mỹ lệ biết chừng nào! Đến tận nơi ngắm, mới thấy thật là hùng vĩ, các du khách cũng thấy thế… Nhưng họ đang đói bụng và rã rời chân tay. Họ nghĩ đến chuyện nghỉ đêm. Tìm đâu ra chỗ trú nhỉ? Lúc này không phải là lúc nghĩ đến cảnh đẹp của thiên nhiên.

Họ qua một cánh rừng ô-liu. Anh sinh viên thích những gốc liễu xù xì đầy mấu, mắt của Tổ quốc mình hơn thứ cây ô-liu ấy. Đi chút nữa thì họ thấy một quán trọ quạnh hiu. Dăm bảy người ăn mày chắn lối vào. Người thì thọt, người thì chìa chìa cánh tay khủng khiếp ra.

Một người nom giống con giai cả của Thần Đói, van xin:

- Xin các ông các bà cứu khổ cứu nạn cho kẻ khốn cùng!

Họ đồng thanh kêu lên bằng một giọng rền rĩ, xé ruột xé gan. Họ tưởng lầm anh sinh viên là một người ngoại quốc. Do đó, anh thoát được vòng vây của họ - một sự khó khăn ghê gớm. Chủ quán, một mụ già quần áo bẩn thỉu, gớm ghiếc, đi đất, tóc xõa, miệng mỉm cười, trông như con quỷ cái, ra chào đón các du khách. Cửa buộc bằng dây thừng, trần nhà đầy dơi đậu. Một mùi hôi kinh khủng tràn ngập căn nhà. Một du khách nói:

- Dọn bàn ăn xuống chuồng ngựa đi! Xuống dưới ấy thì ít nhất mũi cũng còn phân biệt được thế nào là mùi phân ngựa, chứ ở trên này thì chẳng biết mùi gì với mùi gì cả.

Để chiều lòng các vị khách đài các ấy, người ta mở cửa sổ hé ra một tí. Thế là đoàn ăn mày lại kéo nhau đến kể lể:

- Xin các ông các bà cứu nạn cho kẻ khốn cùng!

Trên tường đầy những câu nguyền rủa đất nước Ý tươi đẹp bằng đủ các thứ tiếng châu Âu viết bằng than.

Nhà hàng bưng xúp ra, chỉ ngửi thấy toàn mùi hạt tiêu và dầu hôi, trứng thì ung. Món ngon nhất là món gà có mùi khét. Rượu vang bị pha, khó uống như thuốc vậy.

Đêm đến, du khách phải lấy xích sắt chằng cửa và cắt phiên nhau canh gác. Đến lượt anh sinh viên. Trong nhà không khí ngẹt thở. Bên ngoài, lũ ăn mày vẫn tiếp tục: “Xin các ông các bà cứu nạn cho kẻ khốn cùng!” Trong cơn mê ngủ, anh nghĩ thầm:

- Thật là phiền toái! Giá đi du lịch mà không phải lê xác đi thì khoái biết mấy! Ước gì mình chỉ có linh hồn không thôi nhỉ! Vì cứ như thế này thì chả thấy khoái tí nào.

Vừa nói xong anh sinh viên đã được đưa ngay về tỉnh nhà. Rèm trắng dài buông rủ trên các cửa sổ. Giữa phòng là một chiếc quan tài đen trong đó xác anh đang an giấc ngàn thu, còn linh hồn thì đang chu du thiên hạ.

“Đừng có nhận định ai sung sướng trước khi người ấy chết”. Thật đúng câu của Solon đã nói (nhà hoạc giả thành Athens, là một

trong bẩy người hiền triết của nước Hy Lạp thời cổ thế kỷ 7 TCN). Hai cái bóng bước vào phòng. Chúng ta đã biết đó là thần Trừng phạt và sứ giả của thần Hạnh phúc. Hai thần nhòm xác chết. Thần Trừng phạt hỏi:

- Thế nào? Đôi giày của cô đã đem lại hạnh phúc gì cho loài người rồi?

- Ít ra cũng đem được cái chết dịu dàng, cái chết giữa tuổi thanh xuân cho anh này trước khi anh ta phải nếm trải mùi vị khổ hạnh của cuộc sống.

- Cô nhầm rồi, anh ta chết quá sớm. Sống chưa hết số kiếp. Vì thế, tuy có quyền được hưởng hạnh phúc sau nhiều thử thách gian lao, nhưng anh ta đã không được hưởng. Ta sẽ thực sự cứu giúp anh ta.

Nói rồi, thần Trừng phạt tháo đôi giày hạnh phúc ra khỏi chân anh sinh viên. Giấc ngủ ngàn thu chấm dứt, anh sinh viên hồi tỉnh và nhỏm dậy. Cả thần Trừng phạt lẫn đôi giày hạnh phúc đều đã biến mất. Chắc hẳn thần đã đem đôi giày đi để dùng vào việc của mình rồi.

NHỮNG BÔNG HOA CỦA CÔ BÉ IDA

Cô bé Ida lẩm bẩm:

- Những bông hoa tội nghiệp của mình héo tiệt cả rồi. Mới tối qua còn đẹp là thế mà hôm nay đã tàn! Tại sao thế, anh nhỉ? - Em cất tiếng hỏi một anh sinh viên, người bạn lớn tuổi của em, đang ngồi trên một chiếc trường kỷ nghe em nói.

Anh sinh viên biết nhiều chuyện hay và và đang cắt bìa cứng thành những hình ngộ nghĩnh: nào là quả tim, bên trên có các bà tí hon đang nhảy múa, nào là hoa, nào là lâu đài nguy nga có cửa sổ mở ra mở vào được.

- Tại sao hoa của em hôm nay có vẻ buồn rầu ủ rũ ư? Là vì đêm qua chúng đi khiêu vũ chứ sao!

- Hoa thì nhảy làm sao được hở anh?

- Có chứ! Đến lúc tối mịt, khi chúng ta ngủ, chúng vui chơi, nối thành vòng tròn, nhảy múa với nhau. Hầu như đêm nào chúng cũng có dạ hội khiêu vũ, em ạ!

- Ở đấy họ có cho trẻ con vào không anh?

- Có, cả hoa cúc và linh lan nữa.

- Hoa nhảy ở chỗ nào cơ?

- Em có đến trước cửa lâu đài nghỉ mát mùa hè của nhà vua, nơi có một khi vườn to trồng vô vàn hoa, bao giờ chưa? Chắc em đã trông thấy những con thiên nga bơi lội gần em khi em vất bánh mì cho chúng chứ? Đấy, dạ hội khiêu vũ tổ chức ở chỗ ấy đấy!

- Hôm qua em có đi cùng với mẹ em vào khu vườn ấy, nhưng chả có cái cây nào còn lá, hoa cũng không. Chúng đi đâu hả anh? Hồi hè, em thấy bao nhiêu là hoa cơ mà!

- Chúng ở trong lâu đài chứ ở đâu? Em phải biết: hễ vua và triều đình trở về kinh đô thì các hoa liền vui vẻ chạy từ vườn vào lâu đài ngay.

Chà! Giá em được nhìn thấy chúng nhỉ? Hai bông hồng đẹp nhất ngồi trên ngai vàng và trở thành vua và hoàng hậu.

Thược dược đứng sang một bên rồi vái lạy: chúng là thị thần. Rồi tất cả các hoa đẹp nhất cùng kéo nhau đến và cuộc dạ hội khiêu vũ bắt đầu. Những bông hoa violet tím xanh tượng trưng cho những lính thủy trẻ tuổi. Chúng nhảy với những bông dạ hương lan và kỵ phù lam mà chúng gọi là tiểu thư! Các bông uất kim hương và bách hợp đỏ to tướng là những bà già đứng coi sóc cho mọi người nhảy đứng đắn và mọi việc đâu vào đấy.

Bé Ida nói:

- Nhưng các hoa đến nhảy trong lâu đài của vua mà không ai nói gì hả anh?

- Chẳng ai biết gì. Trong những đêm hè, có người quản lý già vẫn đến lâu đài tuần tra đấy. Ông ta đeo một chùm chìa khóa lớn, nhưng các bông hoa vừa nghe thấy tiếng chìa khóa va nhau loẻng xoẻng, chúng liền im lặng trốn sau bức rèm và chỉ thò đầu ra thôi.

“Hình như có mùi hoa thơm đâu đây thì phải!” Cụ quản lý già nói thế, nhưng không thể trông thấy hoa.

- Vui quá! Ida vừa nói vừa vỗ tay. Nhưng còn em, em có nhìn thấy hoa được không?

- Có chứ. Chỉ cần nhìn qua cửa kính là sẽ thấy hoa. Hôm nay anh cũng đã làm như vậy. Anh đã trông thấy một bông hoa thủy tiên vàng đứng vươn vai trên một cái ghế bành. Đó là một cung nữ.

- Thế các hoa có ra ngoài vườn bách thảo được không? Chúng có đi nổi quãng đường dài như vậy được không anh?

- Nhất định là được chứ. Hoa muốn bay cũng được nữa là. Em không nhìn thấy các chim mùa hè, lông đỏ, lông vàng và lông trắng ư? Chúng giống như hoa, vì trước kia chúng là hoa đấy. Chỉ khác ở chỗ chúng là những bông hoa đã bay rời khỏi cọng, cánh hoa vẫy vùng như thể cánh chim. Nếu chúng ngoan ngoãn, chúng sẽ được phép bay cả ban ngày và không phải quay trở lại sống lặng lẽ trên các cọng nữa. Cuối cùng, các cánh hoa cứ thế trở thành những cánh chim thật. Chắc em cũng đã nhìn thấy rồi chứ? Vả lại, rất có thể là các bông hoa trong vườn bách thảo chưa bao giờ vào lâu đài của nhà vua và không biết trong ấy người ta vui chơi đến thế lúc đêm khuya.

Bây giờ anh bảo em cái này: có cách trêu một vố cho ông giáo sư thực vật học, nhà ở gần đấy (em biết ông ấy chứ!) Khi vào đến vườn, em sẽ mách cho một bông hoa biết là có dạ hội khiêu vũ trong lâu đài. Nó sẽ kể lại với các hoa khác và tất cả sẽ đi dự. Lúc ấy nếu giáo sư vào vườn bách thảo thì sẽ không thấy một bông hoa nào nữa và cũng không thể biết chúng đã đi đâu.

- Nhưng hoa chuyện trò với nhau làm sao được? Chúng biết nói hả anh?

Anh sinh viên nói:

- Không, chúng không biết nói hẳn hoi đâu, nhưng chúng ra hiệu cho nhau. Em không bao giờ thấy khi có gió, các hoa vẫn cúi chào và nghiêng nghiêng những đài hoa màu xanh của chúng hay sao? Đối với chúng, đó là một thứ ngôn ngữ dễ hiểu chẳng kém gì

chúng ta nói với nhau.

Bé Ida hỏi:

- Thế chúng ra hiệu với nhau như thế, ông giáo sư có hiểu được không?

- Hiểu quá đi chứ. Có một buổi sáng ông ta xuống vườn và thấy một cây tầm ma lớn đang lấy lá ra hiệu bảo một bông hoa cẩm chướng bé, màu đỏ, như thế này: "Cô xinh lắm, tôi yêu cô tha thiết." Giáo sư tức giận bèn đánh vào lá cây tầm ma, tức là đánh vào ngón tay tầm ma, nhưng đâm ngay phải gai, phồng cả tay và từ dạo ấy trở đi ông ta không bao giờ dám đụng đến một cây tầm ma nào nữa.

- Buồn cười quá nhỉ! - Cô bé Ida vừa nói vừa cười.

- Ai lại đem những chuyện như thế nhồi vào óc trẻ con bao giờ!

Ông hội thẩm, tính hay gắt gỏng, vừa đến chơi ngồi vào ghế trường kỷ mà nói như vậy.

Ông ta không ưa anh sinh viên và mắng anh ta luôn vì cái tội cắt những hình thù ngộ nghĩnh: khi thì cắt một người lủng lẳng trên giá treo cổ, tay cầm một quả tim, ý giả là một tên ăn trộm tim; khi thì cắt một mụ phù thủy già đang cưỡi một con ngựa bằng cán chổi và công kênh anh chồng trên mũi.

Ông hội thẩm không chịu được cái trò trẻ con ấy và đã thêm một lần nữa:

- Ai lại đem những chuyện như thế nhồi vào óc trẻ con bao giờ!

Nhưng cô bé Ida thấy chuyện anh sinh viên kể về hoa ấy thú vị. Lúc nào em cũng nghĩ đến chuyện ấy và tin là các bông hoa của em rũ đầu xuống như thế là dĩ nhiên, vì đã nhảy suốt đêm, do đó đâm ra ốm.

Em cầm hoa lên và đến thăm các đồ chơi khác đặt trên cái bàn xinh xắn. Ngăn kéo đầy những đồ chơi. Trong cái giường búp-bê, con Sophy của em đang ngủ.

Ida bảo:

- Sophy dậy đi! Đêm nay chịu khó ngủ trong ngăn kéo nhé! Những bông hoa tội nghiệp này đang ốm. Có lẽ được nằm giường này chúng sẽ đỡ chăng?

Ida nhấc búp-bê lên. Nó bĩu môi giận dỗi, chẳng nói, chẳng rằng. Nó cáu vì không được nằm giường. Ida đặt hoa nằm lên giường, đắp chăn cho chúng rồi dỗ chúng nằm im để em còn đi pha nước chè cho chúng. Đến mai chúng sẽ khỏi và có thể dậy được. Rồi em kéo màn che chiếc giường nhỏ để nắng khỏi làm chói mắt chúng. Suốt cả buổi tối, Ida không thể không nghĩ đến câu chuyện anh sinh viên đã kể cho em nghe. Em phải ghé mắt qua rèm cửa sổ nhìn những bông hoa xinh đẹp của mẹ em để ở đấy rồi mới đi ngủ được.

Em bảo chúng:

- Mình biết lắm, đêm nay các cậu sẽ đi dự hội khiêu vũ!

Các hoa làm như không hiểu gì và không động đậy một chiếc lá nào, nhưng Ida không lạ gì vì em biết tỏng ra rồi. Lên giường nằm mà em vẫn mơ ước hồi lâu: giá được xem các bông hoa kiều diễm khiêu vũ trong lâu đài của nhà vua thì thích phải biết! Em tự hỏi: "Các hoa của ta đã có đi dự hội thật không nhỉ?"

Nhưng rồi em cũng ngủ thiếp đi.

Nửa đêm em bỗng bừng tỉnh giấc. Em vừa mơ thấy anh sinh viên và các bông hoa. Ông hội thẩm đang quở trách anh sinh viên là đã nhồi cho cô bé những ý nghĩ dở hơi. Căn phòng của Ida im lặng như tờ. Ngọn đèn đêm leo lét trên mặt bàn, bố và mẹ đang ngủ.

Em tự hỏi:

- Các bông hoa của ta có còn nằm trên giường của Sophy không nhỉ? Phải xem xem mới được.

Em nhổm dậy và nhìn qua cửa buồng vẫn đang hé mở. Em lắng tai và hình như nghe tiếng đàn dương cầm vẳng ra từ phòng bên, tiếng đàn rất hay, em chưa từng nghe thấy tiếng đàn nào hay bằng.

- Chắc hẳn các hoa đang khiêu vũ! Trời! Phải đi xem mới được!

Em không dám động đậy, sợ làm mất giấc ngủ của bố mẹ.

- Chỉ ước gì các hoa đến đây!

Nhưng các hoa không muốn đến. Âm nhạc vẫn tiếp tục, Ida không cầm lòng nổi nữa. Em tuồn ra khỏi giường, nhẹ nhàng bước đến tận cửa và nhìn vào phòng bên cạnh. Ôi chao! Em được xem thích quá!

Trong ấy không có đèn ngủ, nhưng ánh trăng chiếu qua cửa sổ sáng vằng vặc như ban ngày.

Dạ hương lan và uất kim hương xếp thành hai hàng trên sân nhà; trên cửa sổ chỉ còn chậu hoa trống không. Các hoa đang nhảy vòng tròn giữa phòng, bông nọ nắm lấy những lá xanh dài của bông kia. Một bông bách hợp vàng đang chơi dương cầm. Chắc bé Ida đã trông thấy nó trong vụ hè vừa rồi, em còn nhớ rõ ràng câu anh sinh viên nói về nó: "Kìa, nom cứ như cô Lina ấy!"

Lúc ấy mọi người đều cười, nhưng giờ đây Ida cũng cảm thấy bông hoa to màu vàng ấy trông giống cô Lina thật.

Tư thế chơi đàn của hoa chẳng khác gì cô thiếu nữ ấy. Khuôn mặt trái xoan cũng nghiêng bên này nghiêng bên nọ và cái đầu cũng gật gật đánh nhịp.

Không ai trông thấy Ida. Một bông hoa kỵ phù lam dài từ mặt bàn để đồi chơi đi đến chỗ giường búp-bê, vén tấm rèm che các bông hoa ốm lên.

Chúng liền đứng dậy ngay lập tức và ra hiệu muốn nhảy với các hoa khác. Chúng thích nhảy quá trông không còn vẻ gì là ốm yếu nữa.

Bỗng nhiên hình như có cái gì rơi từ trên bàn xuống. Đó là những "que lễ Mùa chay" vừa mới nhảy xuống đất. Chúng cũng tự coi là hoa như ai.

Trên đầu mỗi que có buộc một con búp-bê nhỏ bằng sáp, đầu đội một chiếc mũ rộng bè ra, giống hệt như mũ ông hội thẩm. Các que

nhảy giữa đám hoa bằng ba cái cẳng đỏ của chúng.

Chúng làm ồn cả lên, vì chúng nhảy điệu Mazurka (Điệu nhảy theo nhịp 3/5 nhấn mạnh (dậm chân vào phách thứ ba)). Các hoa khác không biết nhảy điệu ấy, vì hoa nhẹ quá, không dậm nhịp chân được.

Con búp-bê bằng sáp vươn mình lên, quay trên các bông hoa giấy cài ở thắt lưng. Nó kêu:

- Ai lại đem những cái dại dột như thế dạy cho trẻ con bao giờ!

Lúc ấy, nom nó giống hệt ông hội thẩm với chiếc mũ bè bè của ông, cũng đỏ mặt và tức giận như ông ta. Các bông hoa giấy đập vào chân nó. Nó bèn thôi nhảy và lại trở thành con búp-bê như cũ.

Dáng điệu con búp-bê lúc ấy ngộ nghĩnh đến nỗi bé Ida cứ cười rũ ra. Mỗi khi con búp-bê nhảy, ông hội thẩm cứ phải nhảy theo, muốn làm ra vẻ người nhớn hay trẻ con cũng cứ phải nhảy.

Các hoa phải xin giùm cho ông, nhất là những bông hoa đã nằm trên giường búp-bê. Các que búp-bê cũng ngả lòng.

Vừa lúc đó, từ ngăn kéo đựng con búp-bê Sophy của Ida và các đồ chơi khác phát ra một tiếng động to. Con rối máy lưng gù bụng phệ cúi xuống cạnh bàn, bò sát đất đến mở ngăn kéo.

Sophy chui đầu ra ngoài, nhìn quanh và nói:

- Ơ kìa! Có khiêu vũ làm sao lại không ai báo cho tôi biết trước thế?

Chú rối máy lưng gù bụng phệ hỏi luôn.

- Cô có muốn nhảy với tôi không?

- Thế à! Nom bộ dạng anh thật đúng là vũ nữ đấy! - Sophy vừa trả lời vừa quay ngoắt đi.

Nó ngồi xuống, nghĩ bụng thế nào chả có một đóa hoa đến mời nhảy.

Chẳng hoa nào đến cả. Nó bèn đằng hắng: “Hừm! Hừm!Hừm!” Công toi!

Chú rối máy lưng gù bụng phệ đã bắt đầu nhảy một mình, cũng không đến nỗi vụng lắm, thật đấy!

Vì thấy hình như chả ai chú ý đến nó, Sophy bèn gieo mình từ trên ngăn kéo xuống.

Thế là náo động cả lên!

Tất cả các hoa đều chạy đến hỏi Sophy có đau không. Hoa nào cũng ân cần, nhất là những hoa nào đã nằm nhờ giường nó.

Sophy không việc gì. Những bông hoa của Ida cám ơn Sophy, nâng nó dậy và khiêu vũ với nó. Những hoa khác nhảy thành một vòng chung quanh những hoa của Ida. Sophy mê tít, nó bảo với các bạn mới của nó cứ giữ lấy giường nó mà nằm. Nó nằm trên ghế trường kỷ là dễ chịu lắm rồi.

Các hoa đáp:

- Cám ơn bạn lắm! nhưng chúng tôi không sống lâu được đâu. Đến mai chúng tôi sẽ chết. Nhưng nhớ nói với bé Ida chôn chúng tôi cùng một chỗ ngoài vườn với con chim bạch yến của cô ấy nhé. Đến hè sang năm chúng tôi sẽ mọc lại và còn đẹp hơn bây giờ kia!

- Không các bạn sẽ không chết đâu, - Sophy vừa nói vừa ôm hôn chúng.

Vừa lúc đó, cửa phòng bỗng mở và hoa vừa nhảy vừa đi vào.

Ida không hiểu chúng nó từ đâu đến. Chắc hẳn là hoa trong lâu đài của nhà vua. Hai bông hồng lộng lẫy đội mũ miện đi đầu. Đó là Vua và Hoàng Hậu.

Rồi đến những bông cẩm chướng xinh đẹp cúi chào bốn phía.

Những bông hoa thu mẫu đơn to tướng thổi kèn bằng vỏ đậu Hòa Lan đến nỗi đỏ mặt tía tai. Hoa muống và hoa bìm bìm (Hình giống cái chuông con) xanh biếc rung lên, kêu như chuông. Thật là một dàn nhạc kỳ diệu.

Sau đó rất nhiều hoa khác vừa nhảy với nhau vừa tiến vào, nào violet tím xanh, nào cúc trắng, nào linh lan màu mỡ gà.

Rồi tất cả các hoa thân ái ôm hôn nhau.

Cuối cùng, chúng chúc nhau ngủ ngon.

Cô bé Ida trở về đi ngủ và mơ thấy tất cả những hình ảnh vừa qua.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt, em đã chạy ngay ra bàn xem các hoa có còn ở đấy hay không. Em vén rèm che chiếc giường nhỏ lên. Các hoa vẫn còn đấy, nhưng héo hơn tối hôm qua nhiều. Sophy nằm trong ngăn kéo, hôm qua đặt đâu hôm nay vẫn nằm đấy, nhưng mặt trĩu xuống vì buồn ngủ. Bé Ida hỏi nhỏ: “Mày có nhớ mày phải nói với tao điều gì không?”

Nhưng Sophy vẫn giữ vẻ mặt ngây dại và không đáp lại lời nào.

- Như thế là không ngoan rồi. Mà đã chả được nhảy với tất cả các hoa là gì?

Ida lấy một cái hộp bên ngoài có vẽ nhiều chim đẹp. Em mở hộp, đặt các hoa vào và bảo:

- Mộ của các bạn sẽ đẹp lắm. Khi nào các anh họ của tôi từ Nauy về đến đây, chúng tôi sẽ đem chôn các bạn ngoài vườn để đến mùa hè các bạn lại mọc lên, đẹp hơn cả bây giờ.

Những anh họ ở Nauy về là hai cậu bé khỏe mạnh tên là Jonas và Adolphus. Cha các cậu mới cho các cậu hai khẩu súng bắn chim. Các cậu định đem khoe với Ida.

Cô bé kể chuyện những bông hoa bị chết cho các cậu nghe và các cậu nhận lời đi chôn chúng.

Hai cậu vác súng đi trước. Sau đến cô bé Ida bưng chiếc hộp đựng hoa. Họ đào một cái huyệt trong vườn, Ida chôn các bông hoa, rồi đặt chúng cùng với cái hộp xuống mộ.

Súng hỏa mai và súng thần công chẳng có, Jonas và Adolphus bắn súng hơi tống táng.

NÀNG CÔNG CHÚA VÀ HẠT ĐẬU

(đậu Hòa Lan)

Ngày xưa, có một hoàng tử muốn cưới một nàng công chúa, nhưng công chúa phải cho ra công chúa, phải hoàn thiện toàn mỹ. Hoàng tử bèn chu du khắp thiên hạ để kén vợ. Công chúa thì chẳng thiếu gì, nhưng nàng nào cũng có vài nhược điểm hoặc tật xấu. Thế là một ngày kia, hoàng tử đành buồn rầu trở về nhà.

Đến tối, nổi lên một cơn giông tố kinh khủng. Mưa ào ào như xối. Có tiếng gõ cửa lâu đài. Lão vương thân chinh ra mở cửa.

Bên ngoài là một nàng công chúa, nhưng mưa gió đã làm cho nàng tiều tụy quá thể. Đầu tóc, quần áo nàng võng những nước và còn nhỏ giọt từ mũi xuống giầy nàng. Nàng tự giới thiệu nàng là công chúa toàn thiện toàn mỹ mà hoàng tử đang chờ đợi. Hoàng hậu nghĩ thầm: “Được, cứ để xem xem!”. Rồi hoàng hậu vào buồng ngủ thắp đèn lên và nhét một hạt đậu xuống dưới đệm giường. Sau đó ngài đặt hai mươi cái đệm chồng lên trên cái đệm đã đặt trước.

Đấy chính là cái giường dành cho công chúa.

Sáng ra người ta hỏi thăm đêm qua nàng ngủ có yên giấc không. Nàng đáp:

- Suốt đêm tôi không chợp mắt, vì nằm phải vật gì răn rắn, thâm tím cả mình mẩy.

Hoàng hậu bèn phán:

- Công chúa ra công chúa thật! Đây chính là nàng công chúa toàn thiện toàn mỹ, nằm trên hai mươi lần đệm nàng vẫn thấy đau vì một hạt đậu.

Hoàng tử cưới nàng làm vợ và hạt đậu được bày trong một phòng triển lãm, đến giờ vẫn vào xem được, vì chưa có ai lấy đi cả.

Chuyện tôi kể đến đây là hết và tôi xin cam đoan với các bạn là chuyện có thật đấy.

GIÓ THÁO TUNG CÁC BIỂN HÀNG

Ngày xửa ngày xưa, từ cái thời ông nội còn là một đứa trẻ chạy rông các phố với cái quần chẽn và cái áo choàng đỏ, thắt lưng bằng vải, trên mũ không vành có cắm một cái lông. Trong các ngày hội, trẻ em vẫn ăn mặc như thế. Ở thời ấy, cái gì cũng khác bây giờ. Ngoài phố, người ta ăn mặc khác ngày nay lắm. Tất cả đã thay đổi và nếu có người nào ăn vận như xưa thì thật không mê được.

Ví dụ như được xem bác thợ giày đổi trụ sở nghiệp đoàn của họ thì thật là trọng đại. Tấm biển hàng to tướng được khiêng đi giữa một đám rước uy nghi đến tận ngôi nhà mới. Chiếc cờ phướn có thêu một chiếc giày ủng to và một con diều hâu hai đầu vui vẻ tung bay trước gió. Những thợ bạn trẻ nhất bưng cốc rượu cầu may và khênh chiếc bàn thờ. Những dải lụa đỏ và trắng dính ở tay áo các cậu bay phất phơ, nom vui như ngày hội. Những bác thợ có tuổi, gươm tuốt trần, mũi gươm cắm vào một quả chanh. Một ban đồng ca rất đông mở đầu đám rước. Nhạc cụ đẹp nhất là một cái gậy dài, có cắm một cái lưỡi liềm và treo đủ thứ chuông, khánh rung lên thành những điệu nhạc mà người ta gọi bừa là nhạc Thổ Nhĩ Kỳ. Ông nội gọi thứ nhạc cụ ấy là “con chim”. Khi người ta giơ cái gậy lên và lúc lắc, tất cả những chuông con và khánh ngân vang lên ánh vàng, ánh bạc, ánh đồng lóe lên dưới nắng làm chói cả mắt.

Dẫn đầu đám rước là một anh hề, mặc quần áo loang lổ, khâu bằng đủ mọi thứ vải chắp vá lại với nhau. Mặt anh ta bôi nhọ, đầu đội một cái mũ vải có dính nhạc như ở đầu một chiếc xe trượt tuyết. Tay múa gươm gỗ, cốt làm cho ầm ĩ, nhưng chỉ kêu lên chan chát, anh hề lẻn vào đám đông nhanh nhẹn như thân thể vô hình. Chỉ có thế mà phố nào cũng đông như nêm. Người ta chen chúc nhau mà đi. Trẻ con ngã khuỵu xuống rãnh, văng tục và chửi bới nhau… Người xem chen nhau trên các cầu thang và các cửa sổ, có người trèo lên cả mái nhà. Trời nắng, nhưng lác đác ngày hôm ấy cũng có ít giọt mưa. Cử tọa không vì thế mà lấy làm khó chịu vì họ nghĩ rằng: đồng ruộng đang cần nước.

Ông nội kể chuyện tài tình lắm. Lối kể của ông thích hợp với cả những đứa trẻ bé nhất. Ông kể rằng:

- Người thợ cả trèo lên cái bục, nơi treo tấm biển hàng và đọc một bài diễn văn bằng văn vần, làm như những điều ông nói đều có vẻ nên thơ. Mà cũng gần như thơ rồi đấy: ba bác thợ đã chung sức đúc nên những câu vè, và trước khi làm, muốn cho thơ hay, các bác đã uống cạn một cốc rượu pha đường rõ đầy. Khi bài diễn văn kết thúc, thính giả tứ phía hô to: "Hoan hô!" Rồi tiếng hát lại vang điếc tai hơn, tiếng vỗ tay lại càng ran lên hơn nữa, khi anh hề mặc quần áo loang lổ hiện ra trên bục và bắt đầu nhại lại diễn giả. Anh ta pha trò tuyệt hay. Anh uống rượu mật ong đựng trong những cái cốc con rồi vứt cốc vào giữa đám đông. Hàng nghìn cánh tay giơ lên để bắt lấy chiếc cốc. Ông nội giữ được một cái do một người bạn vớ được và cho ông. Tấm biển hàng quấn đầy hoa được treo trước cửa trụ sở mới của nghiệp đoàn.

Ông nói kết luận:

- Tuy đã già rồi, chẳng bao giờ ông quên được ngày hội vui ấy.

Dẫu trong quãng đời dài của mình ông nội đã từng được xem khối đám rước linh đình nhưng chẳng bao giờ ông quên cái đám rước ấy.

Một truyện khác ông vẫn thg kể đi kể lại cho chúng tôi nghe là có lần tất cả các biển hàng ở kinh đô đã bị tháo khỏi móc.

Hồi còn trẻ, có lần ông nội cùng đi với các cụ thân sinh lên kinh đô chơi. Đó là lần đầu tiên ông nội được đi đến đấy. Trong các phố, thương nhân buôn bán tấp nập và hầu như nhà nào cũng treo biển hàng. Những tấm biển ấy, nếu đừng treo ở nhà ngoài mà bày vào trong nhà thì chẳng khác gì những bức họa! Giá đem tháo tất cả xuống thì trang hoàng được vô khối là cửa hiệu.

Trên biển hàng nhà bác thợ may vẽ đủ thứ quần áo. Trên biển hàng hiệu bán thuốc lá, người ta vẽ mấy chàng trai phì phèo những điếu xì gà to tướng.

Lại có tấm vẽ những miếng bơ, có tấm vẽ những chiếc cổ áo thêu ren. Tóm lại, đủ mặt hàng. Tất nhiên, người nào làm nghề gì thì

treo biển hàng về nghề ấy.

Ông nội bảo:

- Cứ nhìn phía ngoài cũng đủ biết những người ở trong nhà là ai, như thế cũng tiện và thú vị. Nhưng đúng vào thời gian ông nội ở kinh đô thì xảy ra một chuyện kỳ lạ về các biển hàng ấy. Chính ông nội đã kể cho chúng tôi nghe, và tuyệt nhiên không có ý thêu dệt tí nào, mặc dù mẹ tôi không tin. Ông tôi kể với một vẻ nghiêm trang và hào hứng.

Đêm đầu tiên ông tôi ngủ ở kinh đô nổi lên một cơn giông tố dữ dội, chưa tờ báo nào nói đến bao giờ. Chưa bao giờ người ta thấy một cơn giông như thế. Sét xé trời, sấm nổ ran không ngớt. Sông ngòi tràn ngập cả. Giông tố lướt qua làm đổ không biết bao nhiêu là ống khói và vặn xoáy nhiều chóp nhọn chuông nhà thờ và từ ngày ấy đến nay vẫn chưa được ai dựng lại.

Trên đồn cứu hỏa có một tấm biển cũ kỹ, giông tố cũng chẳng tha, vèo một cái tấm biển bị gió thổi tung văng ra tận đầu phố. Do một sự ngẫu nhiên kỳ diệu, gió thổi áp tấm biển vào nhà một bác phó mộc. Trong một nạn cháy mới đây bác này đã cứu được ba người. Thế là tấm biển của đồn cứu hỏa không ngờ lại ngự ngay ở nhà bác phó mộc.

Tấm biển bằng đồng của bác thợ cạo, hình chiếc đĩa, cũng bị bắn tung và bắn đến bao lơn nhà quan hội thẩm. Thật là ác, vì các bạn thân nhất của bà hội thẩm thường gọi bà ta là “dao cạo”. Bà ta rất ác khẩu, biết rất nhiều chuyện về từng người một mà chính bản thân người ấy cũng không rõ.

Một chiếc biển có vẽ một con cá thu đến ngoắc ngay vào nhà một ông chủ báo. Cái anh chàng gió thật là dại dột, vì chả nên gây sự với nhà báo làm gì.

Tấm biển viền đen treo bên cửa của một quán ăn nhỏ bay đến phô trương trên cửa một rạp hát mà từ xưa đến nay chẳng ai thèm vào xem cả. Thế là người ta được đọc cái quảng cáo nực cười: “Xúp cá, bắp cải nhồi thịt”, người ta nói như thế sẽ lôi kéo được khán giả.

Tấm da cáo của những người bán da thú, một tấm biển đắt tiền,

bay đến ngoắc ngay vào dây chuông nhà một chàng trai trẻ rất đứng đắn, thường có thói quen đi co ro ngoài phố như một chiếc ô cụp, theo lời người cô, anh ta là một thanh niên kiểu mẫu.

Tấm biển: "Trường cao đẳng" ngoắc ngay vào cửa một nhà bán cà phê có bàn chơi bi a, còn nhà trường lại thừa hưởng cái biển: "Ở đây nhận nuôi trẻ em đang còn bú"

Đêm ấy quả là một đêm khủng khiếp! Khi trời sáng, thật là kinh ngạc! Có thể nói là không một tấm biển nào còn ở nguyên chỗ và trong nhiều trong hợp gió đã gây ra nhiều cảnh tức cười. Ông tôi không kể hết, nhưng tôi nhận thấy rất rõ, khi kể đến chỗ ấy, ông cụ cười ngầm, và rất có thể là lúc đó ông tôi có một ý nghĩ gì thầm kín.

Vả chăng đó cũng là thói quen của ông tôi. Đã nhiều lần mẹ tôi thấy ông tôi cười mỉa mai, đánh bạo hỏi ông tôi cười gì, nhưng lúc nào ông tôi cũng trả lời:

- Con hãy còn non dại lắm con ạ!

Các bạn nên nhờ rằng lúc đó mẹ tôi đã chẵn ba nhăm tuổi.

Ông tôi kể tiếp:

- Cuối cùng, ngay sau hôm xảy ra trận giông tố lớn ấy, khách bộ hành và nhất là người ở xa đến, vì tin vào biển hàng nên cứ nhầm nhà nọ với nhà kia. Chẳng hạn: có những người muốn đến dự một buổi họp trang nghiêm bàn nhiều vấn đề quan trọng thì lại đi nhầm vào một trường học con giai nơi các nhãi đang nhảy từ hết bàn này sang bàn khác.

Thậm chí còn có người lẫn lộn cả nhà thờ với rạp hát nữa!

Ngày nay, ơn trời, chưa có một trận giông tố nào mạnh như vậy nữa. Chỉ có ông tôi được mục kích một trận giông tố như vậy, mà cũng là thời còn thơ ấu. Chắc hẳn đời chúng ta cũng chẳng được thấy trận giông tố nào như thế. Nhưng chúng ta cũng mong rằng nếu sau này cháu chắt chúng ta có gặp phải cơn phong ba như vậy thì chúng cũng biết ở yên trong nhà suốt thời gian bão táp.

ANH CHÀNG CHĂN LỢN

Ngày xưa, có một hoàng tử rất nghèo chỉ có một giang sơn nhỏ hẹp. Tuy nhiên, giang sơn ấy nhỏ thì nhỏ thật, nhưng cũng đủ để cho chàng kén được một người vợ và lúc này chính là lúc chàng đang muốn tìm người làm bạn trăm năm.

Chàng rất sẵn sàng hỏi công chúa con hoàng đế: “Nàng có bằng lòng kết duyên với ta không?” Chàng rất có thể làm thế, vì danh tiếng của chàng vang lừng khắp vùng và có thể đến hàng trăm công chúa nghe chàng hỏi như thế sẽ trả lời: “Vâng”

Nhưng đây lại là con gái hoàng đế! Các bạn hãy nghe đầu đuôi câu chuyện:

Trên mộ vua cha mọc một cây hồng. Trời! Cây hồng mới đẹp làm sao! Cứ năm năm nó mới ra hoa một lần, lại chỉ mọc có một đóa, nhưng đó là một đóa hồng thơm dịu đến nỗi chỉ ngửi hoa thôi cũng đủ quên hết ưu phiền. Hoàng tử lại còn có một con họa mi hót hay tuyệt vời. Từ cái cổ họng nhỏ xíu của nó phát ra những khúc điệu thánh thót. Con gái hoàng đế nghe họ đồn vậy muốn có cả hoa hồng và họa mi. Hoàng tử bèn đặt cả hai thứ vào hai tráp bạc gửi biếu nàng.

Hoàng đế cho đem những thứ ấy đến cho ngài xem trong đại điện, nơi công chúa đang chơi trò tiếp khách với các cung nữ. Vừa nhìn thấy những tráp bạc, nàng vỗ tay hoan hỉ reo lên:

- Ước gì được con mèo con thì thú quá!

Nhưng người ta lại lôi cây hồng ra trước.

Các cung nữ rú lên:

- Ố! Đẹp quá!

Hoàng đế nói:

- Đẹp, chưa đủ, phải nói là tuyệt mỹ mới xứng.

Nhưng công chúa chạy ra ngửi hoa và phụng phịu nói:

- Ồ! Tâu phụ vương, hoa thật chứ không phải hoa giả!

Bọn nịnh thần phụ họa:

- Ôi chao! Hoa hồng thật!

Hoàng đế phán:

- Hãy xem cái tráp kia đựng gì đã, rồi hãy bực mình cũng chưa vội.

Người ta mở tráp cho con họa mi ra. Nó cất tiếng ca thánh thót, hay không còn chê vào đâu được.

Bọn cung nữ nói bằng một thứ tiếng Pháp rất dở như họ thường dùng:

- Charmant! Merveilleux! (Dễ thương quá! Tuyệt quá!)

Một lão nịnh thần tán:

- Con chim này làm hạ thần nhớ lại đến cái hộp đựng thuốc bào có máy hát của cố hoàng hậu, giống như hệt, từ giọng cho đến điệu.

- Đúng lắm! Đúng lắm! - Hoàng đế nói rồi òa lên khóc như một đứa trẻ con.

Công chúa nói:

- Không thể tin đây lại là một con họa mi thật.

Những người đem chim đến vội tâu:

- Thưa đúng là chim thật đấy ạ!

- Thế thì cho nó bay đi thôi!

Và nàng kiên quyết không cho hoàng tử vào cung.

Nhưng chàng không hề nản lòng. Chàng lấy phẩm nâu và phẩm đen bôi lên mặt, kéo mũ sụp xuống tận mắt, giả vờ đi khập khiễng, bước vào trình diện và nói:

- Thánh thượng vạn tuế! Cúi xin thánh thượng cho kẻ bầy tôi vào hầu hạ trong hoàng cung.

- Có nhiều người xin việc quá rồi. Nhưng ta cần một người chăn lợn, nhà ngươi có làm được việc ấy không?

Hoàng tủ nhận chăn lợn. Người ta cho chàng một căn buồng tồi tàn gần chuồng lợn. Chàng cặm cụi suốt ngày và ngay tối đầu tiên chàng đã làm xong một cái nồi xinh xắn có gắn đầy nhạc. Mỗi khi đặt nồi lên bếp, nhạc rung lên một điệu khúc cổ xưa của nước Đức.

Ach! du lieber Augustin! Alles ist vack, vack, vack! (Ô này! Augustin thân mến ơi! mọi việc đều như ý, như ý, như ý!)

Nhưng kỳ diệu nhất là mỗi khi thò ngón tay vào đám hơi bốc ở nồi ra thì lập tức ngửi ngay thấy mùi tất cả các món ăn đang xào nấu trên tất cả các bếp trong kinh thành.

Nhất định là cái nồi ấy khác xa một bông hồng!

Công chúa cùng tất cả các cung nữ đi chơi qua nghe thấy tiếng nhạc, dừng lại nghe và mê tít, vì nàng cũng biết chơi bản nhạc ấy.

Ach! du lieber Augustin!

Nhưng phải nói thật: nàng chỉ biết chơi có mỗi một câu ấy, và chỉ biết đánh đàn kiểu mổ cò thôi. Công chúa thốt lên:

- Chính là cái điệu khúc ta đã thuộc. Tên chăn lợn chẳng phải là người ngu đần đâu. Hãy vào hỏi hắn ta xem cái đàn của hắn ta đáng giá bao nhiêu tiền.

Một cung nữ chui vào chuồng lợn, trước khi vào chuồng không quên đi guốc, rồi hỏi:

- Cái nồi này anh lấy bao nhiêu tiền?

- Tôi lấy mười cái hôn của công chúa.

Cung nữ kêu lên:

- Trời ơi là trời!

- Không lấy kém đâu.

Công chúa hỏi:

- Hắn ta bảo sao?

Cung nữ đáp:

- Con chẳng dám nhắc lại đâu. Khiếp lắm!

- Nói thầm cho ta hay vậy.

Người cung nữ tuân lệnh.

- Quân thô tục.

Công chúa kêu lên và bỏ đi. Nàng đi chưa được mười bước, nhạc lại bắt đầu thánh thót ngân vang:

Ach! du lieber Augustin!

Alles ist vack, vack, vack!

- Chạy lại hỏi hắn ta có bằng lòng nhận mười cái hôn của các cung nữ không?

Chàng chăn lợn trả lời:

- Không, xin cảm ơn! Mười cái hôn của công chúa kia, không thì xin cứ để nồi đấy cho tôi.

Công chúa nói:

- Bướng bỉnh thật! Thôi đành, các ngươi đứng vây lấy ta, đừng để ai trông thấy.

Các cung nữ quây tròn lại và căng váy ra. Chàng chăn lợn được mười cái hôn, còn công chúa thì được cái nồi.

Mọi người đều vui sướng. Người ta đem cái nồi ra chơi suốt buổi tối. Không còn một bếp nào trong kinh thành giữ bí mật được nữa. Từ quan thị vệ cho đến các thợ giày, ai ăn gì họ đều biết cả. Các cung nữ thích quá, vừa vỗ tay vừa nhảy cẫng lên.

- Chúng mình biết hết: ai sẽ là người ăn xúp với hạnh nhân hay trứng tráng, ai là người sẽ ăn thịt quay và món bột nấu với sữa. Tuyệt thật!

- Đúng thế. - Quan giám thị trong cung phụ họa.

Công chúa dặn thêm:

- Cốt nhất là không được bép xép gì vì ta là con gái hoàng đế, nghe chưa?

Tất cả các cung nữ đồng thanh:

- Trời sẽ giữ mồm giữ miệng cho chúng con!

Chàng chăn lợn, tức là hoàng tử mà mọi người tưởng là một anh chăn lợn chính cống, không để một ngày giờ trôi qua mà không sáng chế ra một thứ gì mới.

Chàng gọt được một cái Crécelle rất xinh. (một thứ nhạc cụ bằng gỗ hình tròn, có các thanh gỗ to nhỏ, khi quay có một cái cần đập vào các thanh gỗ phát ra tiếng)

Khi quay, cái Crécelle ấy phát ra nào là điệu valse, nào điệu phi

ngựa, điệu polka, tóm lại, đủ các điệu nhảy trên đời.

Công chúa đi qua, phải thốt ra:

- Hay quá đi mất! Ta chưa từng được nghe thứ nhạc mê ly ấy bao giờ. Vào hỏi hắn ta xem cái vật ấy đáng giá bao nhiêu; nhưng lần này thế nào thì thế, ta cũng không hôn hắn đâu đấy.

Người cung nữ vào hỏi rồi trở ra trả lời:

- Lần này anh ta đòi một trăm cái hôn.

Công chúa nói:

- Điên! - và nàng bỏ đi.

Nhưng đi chưa được mười bước công chúa đã dừng lại phán:

- Phải khuyến khích nghệ thuật. Ta là con gái Hoàng đế. Vào bảo hắn là ta sẽ ban cho hắn mười cái hôn như hôm qua, còn bao nhiêu thì cung nữ của ta sẽ hôn cho đủ số.

Cung nữ giẫy nẩy:

- Hôn cái anh chàng thô lỗ ấy à?

Công chúa nói:

- Thì đã làm sao? Đến ta đây cũng còn hôn được huống chi các ngươi là bề tôi do ta nuôi cho ăn và trả tiền!

Người cung nữ lại quay vào chuồng lợn. Chàng chăn lợn khăng khăng:

- Một trăm cái hôn của công chúa, không thì ai giữ lấy của người ấy.

Công chúa truyền:

- Đứng quây lấy ta.

Các cung nữ đứng lại thành vòng tròn và chàng chăn lợn bắt đầu hôn.

Hoàng đế đang đứng trên bao lơn trông ra, tự hỏi:

- Có chuyện gì gần chuồng lợn thế kia?

Ngài dụi mắt và đeo kính vào.

- À! Bọn cung nữ đùa nghịch. Phải ra xem bọn chúng đùa nghịch gì mới được! - Hoàng đế đi giày băng-túp vào, xuống thang gác rõ nhanh.

Xuống đến sân, ngài rón rén lại gần. Thật ra làm thế cũng bằng thừa vì các cung nữ còn đang mải đếm từng cái hôn để gã chăn lợn khỏi hôn quá số được hưởng.

Họ không biết có hoàng đế đi tới. Ngài kiễng chân nhìn vào và kêu lên:

- Thế này là thế nào?

Rồi ngài rút giày băng-túp quật bọn cung nữ túi bụi.

Chàng chăn lợn đang hôn đến cái thứ tám mươi sáu thì hoàng đế cáu tiết hét:

- Cút ngay!

Thế là chàng chăn lợn và công chúa bị đuổi ra khỏi vương quốc.

Trời mưa như trút nước. Công chúa òa lên khóc.

Nàng than vãn:

- Khổ thân cho tôi! Sao tôi chẳng lấy chàng hoàng tử đáng yêu có hay hơn không?

Chàng chăn lợn chạy nấp sau một gốc cây, lau sạch phẩm nâu và phẩm đen trên mặt, cởi bỏ bộ quần áo xấu xí ra, trở lại chỗ công

chúa trong bộ quần áo hoàng tử của mình và nói:

- Ta đến đây cốt để nói cho công chúa biết là ta rất khinh công chúa. Công chúa không muốn yêu một hoàng tử thật thà phúc hậu, công chúa không hiểu giá trị của bông hồng lẫn họa mi, nhưng vì một vật nhỏ mọn mà công chúa hôn một tên chăn lợn! Cho đáng kiếp!

Chàng lập tức quay về nước mình, vào nhà và khóa chặt cửa lại. Công chúa đến trước cửa nhà chàng hát mãi:

Ach! du lieber Augustin!

Alles ist vack, vack, vack!

Nhưng chẳng có hiệu quả.

Hoàng tử chẳng mở cửa.

CON LỢN ỐNG TIỀN

Căn phòng của trẻ con đầy những đồ chơi là đồ chơi.

Trên mặt cái tủ nhiều ngăn kéo có một cái ống tiền bằng sành, hình con lợn. Dĩ nhiên là lợn ta có một cái khe sau lưng, và người ta lấy dao rạch rộng ra để có thể bỏ lọt cả đồng bạc vào được. Trong ống có hai đồng bạc, chưa kể đến vô khối đồng shilling. Lợn ta chật ních những tiền đến nỗi lắc không kêu. Không thể nào bắt nó chứa thêm được nữa.

Bây giờ lợn ta được đặt lên nóc tủ. Nó đưa mắt nhìn khắp phòng để tỏ ra rằng với số tiền chứa trong bụng mình, nó có thể mua được tất cả các thứ đồ chơi trong phòng. Giàu đến như thế, làm gì chẳng kiêu? Đây cũng là dư luận của cả buồng, tuy chẳng ai nói ra, vì còn đang mải nói nhiều chuyện khác. Cái ngăn kéo tủ để ngỏ, trong đó có một con búp-bê lớn hơi cũ, có một cái móc sắt sau gáy. Cô nàng nhìn quanh rồi lên tiếng: “Chúng ta chơi trò người lớn nào! Vui đáo để!”

Thế là ầm ĩ cả lên, ngay cả các bức chân dung cũng quay mặt vào tường để tỏ ra rằng mình cũng có hai mặt, nhưng không có ý phản đối đề nghị của búp-bê.

Nửa đêm, chị hằng lấp lánh qua cửa kính và chiếu sáng không lấy tiền. Đã đến giờ khai mạc. Tất cả đều được mời đến, kể cả chiếc xe nôi, tuy rằng nó thuộc loại đồ chơi hơi thô.

Xe nôi trấn tĩnh: “Người nào có cái hay của người ấy chứ? Có phải tất cả thiên hạ đều là con nhà quý phái cả đâu, người ta chả thường nói người nào phận nấy là gì?”

Chỉ có mỗi lợn ta nhận được một thiệp mời vì người ta cho rằng nó vắt vẻo trên cao thế thì thì dù có kêu to lên mà mời nó cũng chẳng nghe thấy. Mặc dù thế, lợn cũng không trả lời có đến hay không, và quả nhiên nó không đến. Nếu nó muốn, nó sẽ dự cuộc vui tại chỗ, thu xếp thế nào thì thu xếp! Và mọi người đành phải chiều nó!

Lập tức người ta sửa soạn một cái sân khấu múa rối nhỏ vừa tầm để lợn có thể xem được. Đầu tiên là diễn kịch, sau đó là tiệc trà, rồi đến mấy trò chơi trong nhà. Cuộc vui bắt đầu.

Ngựa gỗ đọc một bài diễn thuyết ngắn về những vật bằng gỗ và tính chất quý phái của con nhà dòng dõi. Xe nôi nói về đường sắt và sức mạnh của hơi nước. Đấy là những vấn đề tủ của chúng nên chúng nói rất thạo. Đồng hồ quả lắc thuyết trình một vấn đề chính trị và lớn tiếng kết luận:

- Tích tắc! Thời cơ đã đến!

Công chúng xì xào:

- Có lẽ chị ta không được khỏe lắm thì phải.

Một chiếc gậy bằng song Tây Ban Nha khoe khoang một cách kiêu hãnh cái đầu bịt sắt và cái tay cầm bằng bạc của nó. Hai chiếc đệm thêu đặt trên ghế trường kỷ chẳng nói gì, chúng có vẻ dễ thương nhưng đần độn.

Đến mục hài kịch.

Mọi người ngồi xuống xem. Có ý kiến phát biểu là nên vỗ tay và dậm chân để tán thưởng.

Cái roi da lên tiếng:

- Tôi thì chẳng bao giờ vỗ tay hoan nghênh những người già mà chỉ hoan nghênh những người chưa "hứa hẹn".

Một tay hay đùa nói:

- Tôi thì cứ vỗ tay tuốt tuột.

Ống nhổ chen vào:

- Thôi, giờ nào việc nấy!

Mọi người đều tán thành, ai cũng muốn xem hài kịch. Kịch bản không hay lắm, nhưng diễn xuất khá. Diễn viên nào cũng có ý phô phía nào có nước sơn đẹp nhất ra, ai diễn cũng tài cả. Nhưng dây

buộc con rối hơi thô một tí, nhưng như thế người ta càng thấy rõ hơn. Con búp-bê cảm động đến nỗi rơi béng cả cái móc sắt cắm sau đầu, còn lợn ta thì cũng hài lòng đến nỗi định tặng cho một diễn viên một cái gì đấy. Theo thói quen của nó, nó sẽ ghi tên diễn viên ấy lên tờ di chúc và người ấy sẽ nằm với nó trong mồ lúc nó chết.

Thật gần như không thể nào hiểu nổi. Thoạt đầu chẳng ai suy nghĩ để hiểu thấu cả.

Tiệc trà xong, chuyển sang các trò chơi có vẻ trí thức, tức là trò chơi giả làm người. Chỉ là trò chơi mà thôi, không có ác ý gì cả.

Sau đó, mỗi người lặng yên suy nghĩ một mình về những câu hỏi của lợn, suy nghĩ một cách nặng nhọc, vì có liên quan đến một tờ di chúc và một đám tang.

Bao giờ thì chuyện ấy sẽ xảy ra?

Nó xảy ra sớm hơn chúng ta tưởng.

Cạch! Con lợn rơi từ trên mặt tủ xuống, vỡ tan ra từng mảnh trên sàn và các đồng shilling nhảy múa vung lên, đồng bé quay, đồng lớn lăn, nhất là các đồng bạc trước nay vẫn muốn thoát khỏi nơi giam hãm. Lợn chết, cả tiền lẫn bạc đều được giải phóng. Nhưng lại có một con lợn khác thay thế ngay trên mặt tủ. Con này cũng bằng sành, lúc này chưa có một shilling nào trong bụng và người ta không cần phải lắc nó làm gì.

Tất nhiên là ban đầu đối với lợn ống tiền bao giờ cũng thế… Với chúng ta, thế là hết chuyện.

CON QUỶ SỨ CỦA ÔNG HÀNG TẠP HÓA

Ngày xưa, có một anh chàng sinh viên nghèo, thật thà, ngay thẳng, sống trong một căn gác xép, chẳng có lấy một tí gì. Cũng trong nhà ấy lại có một ông hàng tạp hóa lương thiện và là chủ căn nhà. Bạn của ông là một con quỷ sứ. Đêm Noel ông cho nó một bát bột ngào sữa và một mẩu bơ to tướng. Con quỷ sứ ở ngay trong cửa hàng, nơi nó biết đến là lắm chuyện.

Một buổi tối kia, chàng sinh viên đi cửa sau vào mua nến và pho-mát. Chàng không có ai giúp việc và vẫn phải tự đi mua lấy các thứ. Người ta giao hàng và chàng trả tiền. Vợ chồng nhà hàng gật đầu chào chàng.

Chàng sinh viên đáp lễ và dừng lại đọc tờ giấy gói miếng pho-mát của mình. Đó là một tờ xé ở một cuốn sách cũ, lẽ ra không nên xé vì cuốn sách ấy là một tập thơ.

Ông chủ hàng bảo:

- Cuốn sách ấy có nguyên vẹn đâu. Có một bà lão đem đổi cho tôi lấy một nắm cà phê đấy mà. Đưa tôi tám shilling, tôi sẽ đưa nốt chỗ còn lại cho anh.

- Không, có đổi lấy miếng pho-mát thì đổi. Tôi ăn bánh mì bơ thôi cũng đủ. Xé một cuốn sách như vậy thật đáng tiếc. Bác là một con người khôn ngoan và thực tế, nhưng đối với thơ ca, bác cũng chỉ hiểu biết đại khái như cái sọt này mà thôi!

Nói như thế cũng khá vô lễ, nhất là đối với cái sọt, nhưng ông chủ hàng vẫn cười, anh sinh viên cũng cười…

Họ đùa nhau, nhưng con quỷ sứ thấy có người nói vậy, lấy làm tức lắm, vì ông chủ hiệu tạp hóa bán loại bơ ngon nhất, lại là chủ của nó.

Đến đêm, lúc mọi người đi ngủ cả, trừ chàng sinh viên, con quỷ sứ

lẻn vào buồng bà chủ lấy hàm răng giả của bà. Cái hàm răng ấy có phép kỳ diệu. Chỉ cần đặt nó lên bất cứ vật gì trong buồng, lập tức vật ấy sẽ nói được và sẽ phát ra những tư tưởng và cảm xúc của nó, không kém gì bà chủ, có điều là nó không bao giờ nói cùng với bà ta cả, thế cũng may, nếu không thì thành ra cả hai cùng nói trong mồm.

Con quỷ sứ đặt hàm răng vào trong sọt đựng báo cũ và hỏi sọt:

- Có đúng là mày không biết thơ là cái gì phải không?

- Biết lắm chứ! - Sọt nói - Thơ là cái ta vẫn thấy ở phía dưới các tờ báo và thường được người ta cắt ra ấy mà. Tôi tưởng rằng tôi còn chứa nhiều thơ hơn một anh sinh viên ấy chứ, nhưng ví với ông chủ thì tôi còn kém xa.

Quỷ sứ nói:

- Thôi đến lượt anh sinh viên!

Nó trèo lên thang gác nhà bếp lên tận gác xép tồi tàn của chàng sinh viên. Bên trong vẫn còn sáng. Con quỷ sứ nhòm qua lỗ khóa thấy chàng sinh viên đang ngồi đọc những trang sách rách nát trong cuốn sách của ông chủ hàng. Nhưng sao căn phòng lại sáng đến thế! Cuốn sách phát ra một tia sáng tỏa ra như một gốc cây, vươn lên rất cao và xõa cành trên đầu người đọc sách. Tấm lá nào cũng tốt tươi, mỗi đóa hoa là một cái đầu thiếu nữ xinh tươi với những cặp mắt huyền đen láy hoặc những đôi mắt xanh cực lỳ trong sáng. Mỗi quả là một vì sao lấp lánh và trong phòng vang lên tiếng đàn hát mê hồn.

Quỷ sứ chưa từng hình dung nổi những cảnh tuyệt vời như thế bao giờ. Nó kiễng chân, đứng đực ra đấy, mắt nhìn chằm chằm, cho đến khi ánh sáng trong phòng vụt tắt đi.

Sau lúc chàng sinh viên tắt đèn đi ngủ quỷ sứ vẫn không nhúc nhích vì tiếng hát vẫn ngân lên, êm ái và quyến rũ như ru cho chàng sinh viên ngủ.

Quỷ sứ lẩm bẩm:

- Thế mới tuyệt chứ! Mình không ngờ đấy. Không biết có nên ở với

anh sinh viên này không nhỉ?

Nó suy tư hồi lâu rồi tự nhủ:

- Nhưng hắn lấy đâu ra bột ngào sữa cho mình ăn?

Nghĩ thế nó quyết định trở về với ông chủ hàng tạp hóa.

Nó vừa về đúng lúc vì cái sọt dùng hàm răng giả nói nhiều quá nên đã gần mòn hết. Quỷ sứ mang hàm răng giả về trả cho bà chủ. Nhưng từ đó trở đi, cả cửa hàng, từ ngăn kéo đựng tiền cho đến hũ bơ đều tán thành ý kiến của sọt, thậm chí đến ông chủ hàng đọc bài "Tin tức văn nghệ và sân khấu" đăng trong tờ báo buổi chiều cũng cứ tưởng là bài của sọt.

Nhưng quỷ sứ không ngồi yên được lấy một lúc. Khoa học và đạo lý thu lượm được trong cửa hàng đối với nó không đủ.

Đèn vừa thắp trong kho thóc thì dường như có những tia sáng như những sợi dây thừng kéo nó lên trên gác. Nó chạy vội lên nhìn qua lỗ khóa và lúc đó một cảm giác mạnh mẽ nổi lên trong người nó, giống như người đi bể gặp phong bao.

Chẳng hiểu tại sao nó khóc òa lên và cảm thấy nguôi ngoai qua hàng lệ.

Giá được ngồi bên chàng sinh viên dưới gốc cây lớn thì thú vị biết bao!

Than ôi! Không được. Nó đành nhìn qua lỗ khóa vậy.

Gió thu bắt đầu thổi qua kẽ hở trên mái nhà, nhưng nó vẫn còn đứng đấy, đứng trên ván gác giá lạnh.

Dẫu có rét đến mấy nó cũng chẳng bao giờ cảm thấy gì trước khi ánh sáng trong phòng tắt hẳn đi và tiếng ca nhạc im hẳn. Chỉ đến lúc này nó mới cảm thấy cóng, nó run rẩy trở về cửa hàng, dưới ấy mới dễ chịu và ấm áp làm sao, ấy là chưa nói đến món bột ngào sữa đêm Noel và mẩu bơ to tướng.

Ông hàng tạp hóa còn giữ được nó là ở chỗ đó.

Một đêm kia, tiếng ồn ào dữ dội làm quỷ sứ bừng tỉnh. Nhìn qua cửa sổ nó thấy thiên hạ đang kêu cứu.

Bác tuần canh đang báo động.

Cháy sáng rực cả phố. Cháy cửa hàng tạp hóa hay cháy nhà bên cạnh? Thật là khủng khiếp! Bà hàng kinh hoảng đến nỗi tháo ngay hoa tai bỏ vào túi, nghĩ rằng mình cũng đã chạy được chút đỉnh. Ông hàng chạy cái két bạc và chị người ở chạy cái khăn vuông bằng lụa của chị.

Ai cũng muốn chạy vật gì quý giá nhất.

Quỷ sứ nhảy lên đến tận buồng chàng sinh viên, anh ta đang lặng lẽ đứng ở cửa sổ xem đám cháy phát ra từ nhà bên cạnh. Quỷ sứ vớ lấy quyển sách kỳ diệu đang để trên bàn, nhét vào cái mũ trùm đầu màu đỏ của nó và giữ khư khư bằng cả hai tay: thế là của quý nhất nhà vẫn còn nguyên vẹn chưa việc gì!

Nó chui qua ống khói, chuồn lên mái nhà. Nó ngồi đấy, ngồi trong ánh lửa của căn nhà bên cạnh đang cháy, hai tay giữ cái mũ màu đỏ của nó, trong đựng của quý.

Giờ đây nó đã biết tâm hồn phải ngả về đâu và con người nó thuộc về ai. Nhưng khi đám cháy tắt thì lý trí lại thắng. Nó tuyên bố:

- Ta sẽ sống san sẻ với cả hai người. Không thể bỏ đứt ông chủ hàng tạp hóa vì món bột ngào sữa quả thật là ngon quá.

Điều đó cũng rất “con người” vậy.

Chúng ta cũng thế thôi, chúng ta cũng sẽ quay trở về với ông chủ hàng tạp hóa chỉ vì món bột ngào sữa.

CÂY THÔNG

Một cây thông non xinh tươi mọc trong rừng.

Thông mọc chỗ có nắng và quang đãng. Khắp chung quanh có nhiều cây thông khác lớn hơn. Thông non ta cũng muốn lớn bằng những cây ấy.

Thông non rất ghét các trẻ em trong làng, vừa bi ba bi bô vừa đi qua đi lại để hái quả dâu, rồi lúc trở về, tay xách giỏ dâu, ngồi gần gốc thông và khen: "Ồ! Cây thông non xinh quá!"

Nó không thích người ta gọi nó là "thông non". Năm sau nó lớn thêm một đốt, mọc thêm được một cành, năm sau nữa lại thêm một lớp cành nữa, các bạn hẳn cũng đã biết là như thế chỉ cần đếm các lớp cành cũng đủ nhận ra tuổi một cây thông. Cây thông non thở dài: "Ôi! Giá ta cũng to lớn bằng những cây khác nhỉ! Lúc ấy ta sẽ vươn nổi các nhánh rất xa ra xung quanh và từ trên ngọn ta có thể ngắm nhìn khắp đồng quê. Chim chóc sẽ đến làm tổ trên các cành của ta và khi gió thổi ta cũng sẽ nghiêng mình một cách đường bệ như các cây khác.

Bởi vậy thông non của chúng ta không thích bất cứ một thứ gì, từ nắng ấm cho đến chim chóc, cho chí cái đám mây hồng sáng chiều bay qua trên ngọn thông.

Đông đến, bốn bề toàn là tuyết trắng phau lấp lánh. Một con thỏ rừng chạy ngang, nhảy vọt qua ngọn thông non: thông ta lấy làm nhục lắm.

Nhưng qua hai mùa đông nữa, thông non của chúng ta lớn đến mức thỏ rừng đành phải chạy vòng quanh.

Nó lớn lên, lớn mãi, trở nên cao và già. Trên đời này, còn gì đẹp cho bằng, thông non vẫn đinh ninh như thế.

Hằng năm cứ đến mùa thu các bác tiều phu lại vào rừng đốn ít cây to nhất.

Cây thông non bây giờ đã khá to, nó suy nghĩ về số phận những cây to và đẹp đang đổ xuống đất rầm rầm. Người ta chặt cành và bóc vỏ đi, cây thành ra dài và thon, không nhận ra được nữa. Sau đó, người ta đặt cây lên xe ngựa, chở ra khỏi rừng.

Cây đi đâu thế nhỉ? Số phận cây rồi sẽ ra sao đây? Đến mùa xuân, khi cò và chim nhạn bay trở về, thông non trước kia của chúng ta hỏi:

- Các bạn có biết người ta mang những cây to đi đâu không? Các bạn có gặp các câu ấy không?

Chim nhạn chẳng hề biết, nhưng một con cò có vẻ đứng đắn, gật gù đáp:

- Có lẽ tôi biết đấy! Tôi đã gặp rất nhiều tàu bè mới tinh từ Ai Cập về. Cột buồm những tàu ấy rất lộng lẫy, và tôi ngửi thấy thơm thơm, hình như gỗ thông thì phải.

- Chao ôi! Ước gì tôi đủ sức lớn để cũng được bồng bềnh trên mặt biển. Biển ấy như thế nào nhỉ? Giống cái gì nhỉ?

- Nói ra thì dài dòng lắm. - Cò đáp rồi bay đi.

Những tia nắng mặt trời bảo thông:

- Cậu hãy vui sướng cái tuổi trẻ của cậu. Hãy tận hưởng chất nhựa tươi tắn và tuổi thanh xuân của cậu!

Gió hôn thông và sương trang điểm cho thông những hạt lóng lánh như ngọc. Nhưng thông chẳng xúc động mảy may trước sự săn sóc ấy.

Gần đến lễ Noel, người ta đến chặt nhiều cây con, bé và non hơn cây thông của chúng ta, lúc này chỉ muốn rời bỏ cánh rừng. Các cây non ấy cành lá lưa thưa nên người ta để nguyên lên xe ngựa chở ra khỏi rừng.

Thông ta tự hỏi:

- Chúng đi đâu thế nhỉ? Chúng chẳng lớn gì hơn ta, có một cây còn bé hơn ta nữa kia. Sao người ta lại vẫn giữ cả cành và đem chúng đi đâu thế?

Đàn chim sẻ chiêm chiếp:

- Chúng tớ biết! Chúng tớ biết! Chúng tớ đã nhìn qua cửa kính các nhà trong thành phố. Chúng tớ biết người ta mang các cây non đi đâu. Người ta mang chúng đến những nơi hội hè, tưng bừng không thể tưởng tượng được. Nhìn qua cửa kính, chúng tớ thấy người ta trồng chúng vào giữa một gian phòng ấm áp, trang điểm cho chúng bằng những vật đẹp nhất, nào táo, nào bánh ngọt, các thứ đồ chơi và hàng mấy trăm ngọn nến.

- Sao nữa? - Thông vừa hỏi vừa run lên, rung cả cành lẫn lá. - Sao nữa? Sau rồi thế nào?

- À! Chúng tớ chỉ biết có thế thôi, thật là huy hoàng!

Thông lẩm bẩm:

- Số mình không được hưởng cái tương lai sán lạn ấy sao? Còn thích hơn là đi biển nhiều. Ôi, giá bây giờ lại là lễ Noel nhỉ? Nay mình đã to lớn chẳng kém gì những cây được người ta đem đi năm ngoái. Ôi! Giá mình được lên xe, được trồng trong căn phòng ấm áp, giữa những vật huy hoàng ấy! Nhưng sau đó sẽ ra sao? Hẳn là sẽ có gì nữa, nếu không thì người ta trang điểm cho cây như thế để làm gì? Phải, nhất định sẽ có cái gì tuyệt hơn. Không gì khổ bằng chờ với đợi! Nóng ruột quá đi mất!

Gió hiu hiu và ánh nắng bảo thông: "Hãy vui thú với chúng ta! Hãy bằng lòng với tuổi thanh xuân mơn mởn, với bầu trời khoáng đãng!"

Thông chẳng vui lòng chút nào. Nó lớn lên, lớn lên mãi, mùa hè cho chí mùa đông, cành lá lúc nào cũng đẹp một màu xanh thẫm, ai trông cũng khen: "Cây thông đẹp quá!" và trước lễ Noel mấy ngày người ta chặt nó trước tiên. Lưỡi rìu chặt cây đứt đến tận lõi, cây thốt ra một tiếng thở dài rồi đổ xuống. Nó đau đớn đến nỗi không còn mơ tưởng đến một chút hạnh phúc nào nữa. Nó nhớ đến chỗ nó mọc, nơi nó đã lớn lên. Nó biết rằng từ nay trở đi chẳng bao giờ nó còn được gặp lại các bạn cũ thân mến của nó, các bụi cây, bụi hoa mọc xung quanh nó, và biết đâu đấy? Có thể là ngay đến một con chim nó cũng không được gặp lại. Đúng, nó ra đi mà lòng không vui.

Cây thông của chúng ta bừng tỉnh trong sân nhà, nơi người ta lôi nó ra khỏi xe cùng với các bạn khác của nó.

Nó nghe thấy tiếng một người khác lên tiếng: "Cây này đẹp đấy! Tớ đang cần một cây như thế này!"

Rồi có hai người hầu mặc đồng phục đến khiêng nó vào một gian phòng rộng rãi đẹp đẽ. Khắp xung quanh có những bức chân dung trên tường và trên chiếc lò sưởi lớn bằng sứ có hai lọ độc bình Trung Quốc chạm trổ đầy những rồng và hoa thếp vàng.

Lại còn có những cái ghế bành tuyệt đẹp, những chiếc trường kỷ bọc lụa, những chiếc bàn lớn chứa đầy sách và đồ chơi quý giá, đáng hàng mấy trăm nghìn đồng tiền vàng.

Cây thông được đặt vào một cái thùng đầy cát, nhưng người ta

không thể nào biết rằng đấy là một cái thùng gỗ vì xung quanh có rèm xanh phủ kín. Thông ta không nén nổi cảm động. Rồi sao nữa đây? Các cô gái và bọn đầy tớ bắt tay vào trang điểm cho thông. Họ treo những cái bao dài nhỏ bằng giấy màu xanh đựng đầy kẹo lên cành thông.

Những quả hạt dẻ và táo vàng trĩu xuống như mọc từ cành thông ra. Rồi sau họ cắm những cây nến xanh đỏ, đặt những con búp-bê nom như người thật lên các cành, tất cả những thứ đó thông ta chưa được nhìn thấy bao giờ, chót vót trên ngọn thông, họ cắm một ngôi sao lớn bằng giấy trang kim tuyệt đẹp. Xung quanh thông mọi người đều reo lên: “Đến tối tất cả sẽ sáng rực lên phải biết!”

Thông ta tự nhủ: “Ồ! Sao cho chóng đến tối nhỉ! Đèn nến thắp lên thì phải biết! Giá các cây trong rừng đến được đây và ngắm ta qua cửa kính đấy. Liệu đông qua, hạ tới, ta có được trồng ở đây mãi với tất cả trang sức này không?”

Thế là nó đã đoán ra được việc gì sẽ xảy ra sau này, nhưng vì quá sốt ruột, nó cảm thấy tất cả các lá đều nhức nhối, đối với một cây thông nhức lá cũng khó chịu như chúng ta nhức đầu.

Sau cùng, người ta thắp nến lên. Sáng quá, huy hoàng quá! Sung sướng, thông ta rùng mình đến tận các cành nhỏ, đến nỗi một ngọn nến bắt lửa vào cành cháy khét lèn lẹt.

- Trời! - Các cô gái kêu lên và xô vào dập lửa.

Thông ta không dám rùng mình nữa, sợ hỏng mất đồ trang sức. Nó long lanh sáng rực lên.

Cửa ra vào bỗng mở toang ra và một lũ trẻ con ùa vào dường như muốn xô đẩy cây thông. Người lớn điềm tĩnh theo sau. Lũ trẻ con dừng lại, lặng đi ngắm nghía cây thông, nhưng sau một lát chúng lại vui cười ầm ĩ và bắt đầu nhảy vòng tròn xung quanh gốc cây. Những đồ chơi dần dần bị lấy tuốt cả. Thông ta tự hỏi: “Chúng làm gì thế này? Sắp có chuyện gì chả biết được.”

Nến đã tàn và khi cháy gần hết người ta bèn tắt đi. Lúc ấy trẻ con được phép phá cây Noel. Chúng òa vào làm cành thông gẫy răng rắc. Nếu không được chôn chặt chắc là thông ta đã đổ nhào.

Sau đó lũ trẻ con nhảy múa với những đồ chơi xinh đẹp của chúng, chẳng đoái hoài gì đến thông nữa. Chỉ có mỗi bà vú già đến nhìn ngó các cành, nhưng chỉ để tìm xem có cái kẹo hoặc quả táo nào còn sót lại chăng.

- Kể cho chúng cháu nghe một chuyện! Kể cho chúng cháu nghe một chuyện! - Bọn trẻ con vừa reo vừa kéo một người thấp béo đến ngồi dưới gốc thông. Người ấy nói:

- Thế là chúng mình ngồi giữa cành lá xanh tươi và chắc cây thông cũng thích. Nhưng chỉ kể một chuyện thôi nhé! Chắc cháu có thích nghe chuyện Ivede Avede hay chuyện Humpty Dumpty ngã thang gác nhưng vẫn trèo lên ngôi vua và được lấy công chúa không?

Đứa thì kêu:

- Ivede Avede.

Đứa thì kêu:

- Humpty Dumpty.

Chúng làm ồn lên. Riêng cây thông vẫn đứng im và tự hỏi:

- Họ không đếm xỉa gì đến mình nữa à? Không cần đến mình nữa chắc?

Ông già kể chuyện Humpty Dumpty, bọn trẻ con vừa la: “Nữa! Nữa!” Chúng còn muốn nghe cả chuyện Ivede Avede, nhưng chỉ được nghe có mỗi một chuyện Ivede Avede, nhưng chỉ được nghe có mỗi một chuyện Humpty Dumpty. Thông ta trầm lặng suy nghĩ. Chim chóc trong rừng chưa bao giờ kể cho nó nghe một truyện nào giống như chuyện Humpty Dumpty bị ngã thang gác, nhưng vẫn lấy được công chúa. Thông nghĩ thầm:

- Ừ phải! Ở đời này cũng có thế thật. Chuyện ông cụ kể chắc là không ngoa, có vẻ thật lắm. Biết đâu đấy? Có thể mình cũng sẽ rơi xuống cầu thang, để rồi sẽ lấy được một nàng công chúa.

Nó khấp khởi mừng thầm và tưởng tượng đến ngày hôm sau trên người nó sẽ lại mắc đầy nến, đồ chơi, giấy trang kim và hoa quả.

Nó tự nhủ:

- Đến mai mình sẽ không run nữa. Mình sẽ tràn trề hạnh phúc. Đến mai mình sẽ lại được nghe chuyện Humpty Dumpty và có lẽ cả chuyện Ivede Avede nữa.

Đêm hôm ấy, nó lặng lẽ mơ màng.

Sáng ra, bọn hầu gái bước vào, thông ta hí hửng:

- A! Lại bắt đầu mở hội đây.

Nhưng không! Người ta khiêng nó ra khỏi phòng để đưa đến một cái kho trên gác, quẳng vào một xó tối như bưng.

Thông nghĩ thầm:

- Thế này là thế nào? Đến chốn này thân mình sẽ ra sao nhỉ? Lần này mình sẽ được nghe kể chuyện gì nhỉ?

Rồi nó dựa vào vách và mơ màng.

Ngày tháng trôi qua, chẳng có ma nào trèo lên nhà kho và nếu có người lên đến nơi cũng chỉ là để đem vứt đầy vào những chiếc hòm lớn. Thông ta đành phải tin là mình đã bị quên hoàn toàn.

Nó tự nhủ:

- Ngoài kia, đông đã đến nơi rồi. Đất đã cứng ra và phủ đầy tuyết. Giờ thì người ta không đem trồng mình được nữa rồi. Tất nhiên là mình phải ở đây đến tận mùa xuân. Tất cả đều tuyệt mỹ và loài người cũng tốt thôi. Giá cái kho gớm ghiếc này bớt tối một chút thì hay quá! Chẳng có lấy một chú thỏ nào! Trong rừng khi tuyết rơi và đàn thỏ chạy ngang qua thật là vui… Thế mà hồi đó mình lại đâm cáu khi chúng nhảy qua ngọn mình. Chốn này quả là hoang vu đáng sợ.

- Chít, chít! - Một con chuột nhắt vừa kêu vừa nhảy nhót đến gần thông, một con nữa theo sau, cả hai đều đánh hơi rồi trèo lên cành thông. Chúng xuýt xoa:

- Rét đâu mà rét khiếp thế. Nếu không rét thì ở đây cũng sướng

đấy chứ, phải không bác thông già?

Thông đáp:

- Ta đâu đến nỗi già, còn khối kẻ già hơn ta.

- Thế bác ở đâu đến đây? Bác biết gì nào? Hãy tả những danh lam thắng cảnh trên trái đất cho chúng tôi nghe. Bác đã đi đến những nơi đó chưa? Bác đã được đến cái chạn đựng đầy pho-mát trên các ngăn, có đùi lợn sấy lủng lẳng treo trên nóc, nơi có thể khiêu vũ trên những cây nến làm bằng mỡ, nơi mà khi vào thì gầy, khi ra thì béo nung núc không?

- Không, ta không biết nơi ấy. Nhưng ta biết cánh rừng có mặt trời lấp lánh và chim muông ca hát.

Thông kể cho chuột nhắt nghe cuộc đời niên thiếu của mình. Chưa bao giờ chúng từng được nghe một chuyện như vậy, chúng dỏng cả tai lên, miệng nói:

- Bác biết thật đến là nhiều chuyện. Sao bác sướng thế?

- Ta mà sướng ư? - Nói rồi thông ngẫm nghĩ về câu chuyện mình vừa kể. - Phải, suy cho cùng, hồi ấy quả có sướng thật.

Rồi thông kể đến chuyện đêm Noel, thân nó đầy những bánh ngọt và nến.

Chuột nhắt trầm trồ:

- Trời, bác thông già, sao bác sướng thế?

Thông nói:

- Ta đã già đâu kia chứ! Người ta mới đem ta ở rừng về từ mùa đông thôi mà. Ta vừa mới lớn lên mà họ đã tống ta vào một cái thùng, rõ thật là khó chịu.

Chuột nói:

- Bác kể chuyện hay quá đi mất!

Đêm sau, hai con chuột nhắt rủ thêm bốn con nữa đến để nghe thông kể chuyện. Thông nói:

- Phải, hồi ấy quả có sướng thật, nhưng rồi lại cũng sẽ có những ngày như vậy. Humpty Dumpty ngã thang gác mà còn lấy được một nàng công chúa. Rất có thể ta cũng sẽ vớ được một nàng công chúa.

Nói rồi thông tưởng nhớ đến một cây phong xinh xắn trong rừng mà nó tưởng tượng là một nàng công chúa thật.

Lũ chuột nhắt hỏi:

- Humpty Dumpty là gì thế?

Thông ta kể lại câu chuyện không sót một chữ.

Lũ chuột nhắt thích quá, tưởng như muốn nhảy lên tận ngọn thông. Đêm sau, chuột nhắt kéo đến đông hơn và đến chủ nhật lại có thêm cả hai gã chuột chù, nhưng hai gã tuyên bố rằng câu chuyện chả có gì lý thú, làm cho lũ chuột nhắt buồn xỉu. Vì thế, câu chuyện đối với chúng, từ đó trở đi, cũng kém phần lý thú.

Chuột chù hỏi:

- Bác chỉ biết có mỗi chuyện ấy thôi à?

- Ừ, chỉ có thế thôi - thông trả lời - đó chính là câu chuyện ta được nghe kể trong buổi tối sung sướng nhất đời ta, nhưng lúc đó, ta không biết là ta sung sướng đến mức nào.

- Chuyện của bác thật chán ngấy! Thế bác không biết ở đâu có mỡ miếng và nến làm bằng mỡ à? Bác không biết chuyện nào nói về cái chạn đựng thức ăn à?

- Không! - Thông nói.

- Thế thì xin chào bác! - Nói rồi chuột chù kéo nhau về.

Lũ chuột nhắt cũng rút lui nốt.

Thông ta lẩm bẩm:

- Dẫu sao nhìn lũ chuột nhắt ngồi quây tròn quanh mình nghe kể chuyện cũng thấy thú vị. Nhưng cảnh đó cũng chẳng còn. Chỉ khi nào người ta lôi mình ra khỏi nơi này thì hạnh phúc mới trở lại.

Bao giờ đến lúc ấy nhỉ?

Một buổi sáng đẹp trời, người ta đến dọn dẹp kho thóc, khuân hòm đi và kéo cây thông ra khỏi xó nhà. Nó bị quẳng xuống đất hơi mạnh, nhưng liền đó có một người vác nó đem qua một cầu thang sáng sủa.

- Đời lại vun vút lên rồi! - Thông nghĩ thầm khi được mang ra sân và cảm thấy có gió mát và ánh nắng đầu xuân.

Thông mải nhìn các vật quanh mình đến nỗi quên cả bản thân mình. Liền với cái sân có mảnh vườn đầy hoa nở. Hoa hồng tươi thơm ngát rủ trên bờ rào, bồ đề đang ra hoa và chim nhạn vừa bay vừa hót; kia-rơ-vi-rơ-vit.

- Giờ đây ta lại sắp được sống! - Thông thì thầm và vươn cành ra. Than ôi! Cành đã khô vàng. Người ta quẳng thông vào một xó giữa đám cây tầm ma và cây gai. Ngôi sao bằng giấy vẫn còn đính trên ngọn và vẫn lấp lánh ánh nắng.

Trong sân có vài đứa trẻ con hôm lễ Noel đã nhảy múa quanh cây thông và thấy thông hôm ấy rất đẹp. Đứa bé nhất chạy lại cầm lấy ngôi sao vàng óng, reo lên:

- Ồ! Xem này! Ngôi sao hãy còn đính trên cây thông già xấu xí này!

Nói rồi, nó dận giày lên cành thông gãy răng rắc.

Thông ta nhìn những đóa hoa đẹp và khu vườn xanh tươi mát mẻ rồi lại nhìn cái thân mình. Nó muốn quay trở lại xó tối trong kho thóc. Nó nghĩ đến thời thanh xuân của nó trong rừng, đến cái đêm Noel sung sướng và đến những con chuột nhắt thích nghe kể chuyện Humpty Dumpty.

- Thế là hết! Ai bảo lúc sướng lại chả biết đường mà sướng!

Một anh đầy tớ đến chặt cây ra từng mảnh, được một bó củi to đem đi đun bếp. Người ta nghe thấy những tiếng thở dài và nghiên cứu tiếng kêu thất thanh. Bọn trẻ con chạy lại bên ngọn lửa mà reo lên: “Phì! Phì!” nhưng những tiếng phì phì của cây thông là những tiếng thở dài thực sự. Nó nghĩ đến những ngày hè trong rừng, những đêm đông ngoài bầu trời khoáng đãng, những sao lấp lánh trên trời. Nó nghĩ đến đêm Noel và Humpty Dumpty, câu chuyện độc nhất đã học được và kể lại được.

Thế rồi, chẳng còn sót lại một tý gì của cây thông non nữa.

Lũ trẻ con lại chạy ra sân, đứa bé nhất còn đeo trên ngực ngôi sao vàng mà thông đã được đeo trong cái tối sung sướng nhất của đời nó.

Cái tối hôm ấy không còn nữa, cây thông non tội nghiệp cũng không còn nữa và câu chuyện của chúng ta cũng hết như tất cả các câu chuyện trên đời này.

JEAN BỊ THỊT

Ở giữa vùng thôn quê, có một cái lâu đài cổ, trong lâu đài có một ông hoàng già và hai cậu con trai.

Các cậu này thông thái đến nỗi người khác chỉ cần hiểu biết bằng một nửa các cậu cũng đã khá uyên bác rồi. Họ đều muốn hỏi con gái nhà vua và họ có thể làm việc ấy vì công chúa đã tuyên bố sẽ lấy người nào có tài ứng phó trước mặt nàng.

Cả hai cậu dành ra tám ngày để chuẩn bị. Công chúa chỉ ra hạn có từng ấy ngày, nhưng như thế cũng thừa đủ đối với các cậu: các cậu tài cao học rộng nên sau tám ngày đã chuẩn bị xong xuôi. Một cậu học thuộc lòng cả quyển tự vị Latin và tất cả các số báo hằng ngày ra trong thành phố ba năm gần đây, đọc xuôi hay đọc ngược cũng được. Cậu kia học thuộc làu bộ luật và tất cả sự hiểu biết của một vị quan tòa; cậu cho rằng mình có đủ tài để ngồi bàn việc nước. Cậu lại còn khéo tay biết cả thêu thùa nữa. Cả hai đều tự phụ rằng mình sẽ lấy được công chúa.

Cha các cậu cho mỗi người một con ngựa; cậu thuộc tự điển và báo chí được con ngựa đen; cậu thuộc luật và biết thêu thùa được con ngựa trắng như sữa. Họ còn dùng dầu hạnh nhân bôi nhờn mép để có thể nói được lâu.

Khi các cậu lên ngựa, quân hầu đầy tớ đến trực sẵn cả ở sân nhà dưới. Lúc đó cậu em giai thứ ba đến. Đúng là ba anh em, nhưng cậu thứ ba quá dốt nên chẳng ai đếm xỉa đến. Người ta chỉ gọi cậu là Jean bị thịt mà thôi. Cậu hỏi các anh:

- Các anh đi đâu mà diện quần áo ngày hội thế?

- Đi lên kinh đô đàm đạo với công chúa đây. Mày không nghe quân lính đánh trống loan báo khắp nước à?

Rồi họ kể lại cho cậu nghe đầu đuôi câu chuyện. Jean bị thịt bảo:

- Này, tôi sẽ đi với các anh.

Nhưng các anh cậu thì cười ồ lên và phi ngựa đi thẳng. Jean bị thịt kêu lên:

- Thưa cha, xin cha cũng cho con một con ngựa. Con muốn lấy vợ lắm rồi. Nếu công chúa ưng lấy con thì lấy, nếu nàng không lấy thì con cũng cứ lấy nàng.

- Không! Chẳng có ngựa cho mày đâu. Mày ăn không nên đọi, nói không nên lời, có đâu được lịch sự giỏi giang như các anh mày.

- Không có ngựa à? Được rồi, con sẽ cưỡi con dê của con, cần gì!

Cậu nhảy phóc lên con dê đực của cậu, lấy gót chân thúc cho nó mấy cái vào hông rồi thẳng đường cái quan ra đi.

Hấp! Hấp! Cậu phi nhanh phải biết!

- Có em đây! - Cậu gọi to và có tiếng vang đáp lại.

Hai người anh lặng thinh rong ruổi phía trước trên mình ngựa, họ chẳng nói chẳng rằng và còn mãi nghĩ đến những câu văn hoa cần phải nghiên cứu cho kỹ để đem ra thi thố với công chúa.

Jean bị thịt gọi to:

- Hấp! Hấp! Có em đây. Em nhặt được vật này dọc đường đây này.

Nói rồi cậu giơ ra một con quạ chết.

- Bị thịt đáng thương ơi! Em định dùng cái của ấy làm gì thế?

- Tặng công chúa.

- À! Hay đấy!

Họ vừa nói vừa cười rồi đi thẳng.

- Hấp! Hấp! Hấp! Có em đây! Các anh hãy xem đây: chẳng mấy khi nhặt được cái của này trên đường đâu.

Hai người quay lại, nhìn xem cái gì và nói:

- Bị thịt! Chiếc guốc cùn ấy mày cũng định đem tặng công chúa

chắc?

Bị thịt trả lời:

- Vâng, đúng thế đấy ạ.

Hai người lại cười rộ và phi ngựa bỏ đi trước rõ xa. Một lát sau bị thịt lại gọi to:

- Hấp! Hấp! Hấp! Có em đây! Quả thật mỗi lúc một phấn chấn, các anh ạ. Cái này thì tuyệt!

- Lại nhặt được gì nữa thế hử?

- Một thứ vô song, phen này công chúa hẳn phải vừa ý.

- Eo ơi! Bùn bốc dưới cống lên đấy à?

- Vâng, đó là thứ bùn mịn nhất đấy ạ.

Nói rồi Bị thịt bốc bùn bỏ đầy túi. Các ông anh cho ngựa phi nước đại, đến cổng thành trước Jean có đến một tiếng đồng hồ. Người ta phát số thứ tự cho những kẻ đến cầu hôn và họ đứng sắp hàng sau, chen nhau đến nỗi không nhúc nhích nổi cánh tay. Làm thế là cần thiết, nếu không họ sẽ đánh nhau vì người nọ tranh nhau đứng trước người kia.

Nhân dân đứng xúm quanh cung điện, nhìn qua cửa sổ để xem công chúa kén chồng. Thương thay cho các anh chàng! Vừa vào đến nơi đã tịt mít không nói được một tiếng.

Công chúa truyền:

- Đến lượt người khác.

Đến lượt một người anh của Bị Thịt, người đã học thuộc lòng quyển tự vị, nhưng chỉ mới đứng xếp hàng thôi, cu cậu đã quên ráo cả. Lúc bước trên sàn kêu kèn kẹt và nhìn vào trần lát toàn bằng gương, cậu thấy như là đi lộn ngược, đầu xuống đất, chân lên trời. Bên cửa sổ lại còn có ba viên lục sự và một pháp quan ngồi ghi chép các câu trả lời, ghi đến đâu lập tức được đăng lên tờ báo bán ở đầu phố, hai xu một số. Thế thì làm gì mà chẳng cuống

cuồng! Cũng cần nói thêm rằng lò sưởi đốt nhiều than đến nỗi trông cứ đỏ rực lên.

Anh chàng đến cầu hôn nói:

- Ở đây nóng quá!

Công chúa đáp:

- Là vì hôm nay vua cha cho quay gà.

Chết cha! Thật là một vấn đề bất ngờ đối với cu cậu. Tịt! Cu cậu đứng đực ra chẳng nói được lấy một tiếng nào, vì cu cậu còn đang mải sáng tác một câu thật dí dỏm. Thế là tịt! Tịt! Công chúa lại phán:

- Lại một tên nữa không ra gì. Đến lượt người khác!

Cu cậu phải chuồn, nhường chỗ cho người em. Anh chàng này lại nói:

- Ở đây nóng khiếp quá!

- Phải, tại hôm nay chúng tôi quay gà ấy mà.

- A! A! Thế nào kia?

Anh ta nói xong, các thầy ký lục vội vàng vào sổ: “A! A! Thế nào kia?”.

Công chúa phán:

- Lại một tên nữa không ra gì! Đến lượt người khác!

Lúc ấy đến lượt Jean bị thịt. Cậu dắt cả con dê vào phòng và kêu to:

- Nóng gì mà nóng khiếp thế này.

Công chúa nói:

- Là vì chúng tôi đang luộc gà.

Bị thịt đáp ngay:

- Ồ! Thế thì còn gì bằng! Cho luộc nhờ con quạ này được không?

- Được lắm chứ! - Công chúa nói, - nhưng anh có cái gì đựng không? Ta không có nồi cũng chả có xoong đâu.

- Có đây, nồi đây!

Nói rồi Bị thịt chìa chiếc guốc (Guốc bên châu Âu bằng gỗ nhưng hình thù tựa như chiếc giày) cùn ra và đặt con quạ vào trong.

Công chúa bảo:

- Thế thì được bữa ăn ngon đấy; nhưng lấy đâu ra nước sốt?

- Trong túi đây - Jean nói - mà còn có thừa để bán lại nữa kia đấy!

Nói rồi cu cậu móc trong túi ra một ít bùn.

Công chúa nói:

- Được đấy! Anh trả lời được đấy, biết ăn nói đấy. Anh sẽ là chồng ta. Nhưng anh có biết rằng từng câu, từng chữ chúng ta đang nói và đã nói đều được ghi bằng tốc ký và sẽ đăng trên báo không? Anh có trông thấy ba viên lục sự và vị pháp quan già ngồi gần cửa sổ kia không? Lão già ấy gớm lắm, đúng là một con diều hâu!

Dọa thế, công chúa tưởng Jean bị thịt sợ; vừa lúc ấy ba viên lục sự cũng phùng mang trợn mắt, hất đổ cả lọ mực xuống đất. Jean nói:

- Các ngài này ấy à? Được, ta sẽ biếu viên pháp quan phần lớn nhất.

Nói rồi Jean bị thịt lộn trái túi áo lấy bùn ném vào đầy mặt viên pháp quan.

Công chúa reo lên:

- Hoan hô! Hoan hô! Đến ta cũng không nghĩ ra, nhưng bây giờ thì ta học được cách xử sự ấy rồi.

Jean bị thịt được làm vua, vừa được vợ, vừa được cả mũ miện lẫn

ngai vàng.

Câu chuyện này tôi đọc được trong một tờ báo do viên pháp quan viết, nhưng truyện này liệu có đáng cho chúng ta tin hay không nhỉ?

MỘT BÀ MẸ

Một bà mẹ đang ngồi bên đứa con thơ. Bà rất buồn vì đang lo đứa con bà chết mất, đứa bé xanh rớt đã nhắm nghiền đôi mắt và đang thoi thóp. Đôi lúc đứa bé rền rĩ rất thiểu não, thế là người mẹ lại cúi sát xuống gần con, lòng se lại.

Có tiếng gõ cửa, một ông già nghèo khổ trùm kín trong tấm chăn thường khoác cho ngựa bước vào. Trời rét như cắt, kể ra không có áo choàng nào ấm bằng thứ chăn ấy. Bên ngoài toàn là một màu băng tuyết. Gió vun vút như quất vào mặt.

Ông già rét run lập cập. Nhân lúc đứa bé ngủ thiếp đi, bà mẹ nhóm lò hâm một cốc bia. Ông già ngồi xuống ru đứa bé. Bà mẹ ngồi vào chiếc ghế gần ông già, nhìn đứa bé ốm yếu vẫn đang thoi thóp thở, và giơ một bàn tay lên. Bà hỏi:

- Liệu có việc gì không? Thượng Đế hẳn không bắt nó đi chứ?

Ông già, chẳng phải ai khác, chính là Thần Chết, lắc đầu một cách khó hiểu. Bà mẹ gục đầu xuống ngực, nước mắt ròng ròng trên gò má. Đã ba ngày ba đêm nay, không hề được chợp mắt, bà thấy đầu nặng trĩu.

Bà ngủ thiếp đi, chỉ loáng một lát thôi, rồi chợt rùng mình vì rét, bà lại choàng dậy.

- Gì thế này? - Bà kêu lên, mắt nhìn tứ phía. Ông già và cả con bà nữa đã biến mất. Lão đã đem con bà đi rồi. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn cót két trong xó nhà.

Cộc! Một quả lắc bằng chì rơi xuống đất. Thế là đồng hồ ngừng bặt.

Bà mẹ tội nghiệp vùng chạy ra ngoài, miệng gọi con.

Bên ngoài, có một bà cụ mặc áo dài đen, đang ngồi giữa đám tuyết, bảo bà mẹ:

- Tôi thấy Thần Chết đã vào nhà chị. Lão ta mang con chị chạy đi rồi. Lão ta chạy nhanh hơn gió và chẳng bao giờ mang lại những con người lão đã cướp đi.

Bà mẹ khẩn cầu:

- Chỉ xin cụ bảo cho tôi con đường lão đi. Cứ chỉ đường cho tôi, tôi sẽ đuổi kịp.

Bà cụ đáp:

- Biết rồi, nhưng trước khi ra đi chị phải hát cho ta nghe tất cả các bài hát chị đã ru con chị, từ trước đến nay, ta đã được nghe nhiều và ta rất thích nghe chị hát. Ta là Thần Đêm tối, ta đã từng trông thấy nước mắt chị tràn ra khi chị hát.

Bà mẹ van vỉ:

- Tôi xin hát hết, hát tất cả, sau đó xin cho tôi đuổi kịp Thần Chết, đòi lại đứa con tôi.

Nhưng Thần Đêm tối cứ nín bặt. Thế là bà mẹ đành phải vặn vẹo đôi tay, nước mắt đầm đìa, cất tiếng hát. Tiếng nức nở át cả lời bài hát.

Nghe hát xong Thần Đêm tối bảo:

- Rẽ sang phải rồi đi vào khu rừng tùng tối om kia. Ta đã thấy Thần Chết mang con chị biến vào đấy.

Tới giữa rừng, gặp chỗ ngã ba đường, bà mẹ phân vân không biết rẽ đường nào. Nơi đó có một bụi gai không hoa không lá, đang giữa mùa đông nên băng bám và rủ xuống khắp các cành.

- Có thấy Thần Chết mang con tôi qua đây không?

- Có, nhưng nếu muốn tôi chỉ đường thì và phải ủ tôi vào lòng để sưởi ấm cho tôi. Tôi buốt cóng và sắp biến thành băng rồi đây.

Bà mẹ ôm ghì bụi gai vào ngực để sưởi ấm cho nó. Gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ từng giọt đậm, nhưng bụi gai thì đâm chồi nảy lộc, xanh tươi và trổ đầy hoa ngay giữa đêm đông giá rét vì được

bà mẹ truyền cho sức nóng của bà. Sau đó, bụi gai chỉ đường cho bà mẹ.

Bà đến một cái hồ lớn, không có lấy một bóng thuyền bè. Mặt băng trên hồ quá mỏng, không thể giẫm lên được, mà nước hồ lại quá sâu không thể lội qua. Nhưng thế nào thì thế, bà cũng phải vượt qua hồ đi tìm con. Bà bèn sụp xuống để uống cạn nước hồ. Tuy biết rằng đó là một việc mà con người ta không thể làm được, nhưng bà mẹ đau khổ mong mỏi Thượng Đế sẽ ban phép lạ.

Hồ bảo bà:

- Không, không làm thế được đâu! Ta thương lượng với nhau thì hơn. Tôi rất thích ngọc trai, mà đôi mắt bà là những hạt ngọc trai trong suốt, tôi chưa từng thấy bao giờ. Hãy khóc cho đến khi đôi con mắt của bà rơi xuống, lúc ấy tôi sẽ đưa bà tới tận cái nhà kính ươm cây, nơi Thần Chết ở và vun trồng các cây hoa. Mỗi cây là một kiếp người.

Bà mẹ nức nở:

- Trời! Tôi còn tiếc gì để tìm thấy con tôi!

Bà khóc, nước mắt tuôn tầm tã đến nỗi đôi mắt bà theo dòng lệ rơi xuống đáy hồ và hóa thành hai hòn ngọc. Thế là bà được hồ nâng bổng lên như ngồi trên đu, và thoắt một cái, bà đã sang đến một ngôi nhà kỳ diệu dài chừng một dặm.

Không hiểu đấy là một quả núi có rừng thẳm và hang sâu hay là một công trình kiến thiết của con người. Mắt bà mẹ đã rơi theo dòng lệ nên bà chẳng còn trông thấy gì. Bà hỏi:

- Tìm đâu cho thấy Thần Chết đã cướp con tôi đi?

Một bà già canh giữ vườn kính ươm cây của Thần Chết bảo bà:

- Thần Chết chưa về. Bà làm thế nào mà đến được tận chốn này? Ai đã giúp bà?

- Thượng Đế chứ ai! - Bà mẹ đáp. - Người đã thương xót tôi, vậy bà cũng rủ lòng thương bảo cho tôi biết con tôi đâu.

Bà già nói:

- Tôi không biết mặt nó, còn bà thì không trông thấy gì. Biết bao nhiêu cây, bao nhiêu hoa đã tàn héo trong đêm qua. Thần Chết lát nữa sẽ đến trồng lại. Chắc bà biết rằng mỗi người có một gốc cây hay một bông hoa tượng trưng cho sinh mệnh của mình. Ở đây, những cây hoa ấy chẳng có gì khác thường, nhưng chúng có một trái tim và trái tim ấy đập hẳn hoi. Tim trẻ con cũng đập. Đấy, bà cứ tìm đi! Có lẽ bà sẽ nhận ra nhịp tim của con bà đấy. Nhưng nếu bà muốn tôi hướng dẫn them cho bà thì bà tạ ơn tôi bằng cái gì nào?

Bà mẹ tội nghiệp than thở:

- Tôi chẳng còn cái gì để cho nữa, nhưng nếu cần, tôi có thể theo người, đến tận cùng thế giới.

- Tôi đến đấy làm gì kia chứ? Bà còn có thể cho tôi mớ tóc dài đen nháy của bà. Bà thừa biết bộ tóc ấy đẹp lắm. Tôi rất thích bộ tóc ấy và sẽ cho bà bộ tóc bạc của tôi. Thế là đổi hòa đấy.

Bà mẹ nói:

- Nếu bà chỉ đòi hỏi thế thôi thì tôi rất vui lòng.

Rồi bà trao mớ tóc đen cho bà cụ và nhận lấy mớ tóc bạc.

Hai người bước vào vườn kính rộng lớn của Thần Chết. Nơi đó có rất nhiều cây cỏ mọc lung tung. Có những cây dạ lan hương mảnh dẻ mọc trong lồng hình chuông bằng thủy tinh. Có những bông thược dược to và mập mạp. Có những cây mọc dưới nước, cây thì xanh tươi, cây thì khô cằn, hàng bầy rắn nước quấn mình quanh gốc. Đây là những cây cọ, cây tiêu huyền mộc, kia là đám mùi và xạ hương. Mỗi cây, mối hoa đều mang một tên người, mỗi cây, mỗi hoa tượng trưng cho một kiếp người hiện đang sống bên Trung Quốc, ở Greenland hoặc ở khắp nơi trên trái đất.

Lại có những cây lớn trồng trong chậu nhỏ đang đe dọa phá vỡ chậu. Ngược lại, có những cây con cằn cỗi lại được trồng trong khoảng đất xới xắn mịn màng, phủ rêu xanh mượt. Người mẹ đau khổ cúi rạp xuống từng gốc cây, tìm đến từng gốc nhỏ nhất, lắng

nghe nhịp đập từng trái tim của chúng. Và giữa muôn ngàn trái tim ấy bà đã nhận ra tiếng đập của trái tim đứa con mình.

- Con tôi đây rồi! - Bà reo lên, tay chìa trên một gốc kỵ phù nhỏ bé màu lam, dáng ốm yếu, thân ngoẹo sang một bên.

Bà già ngăn lại:

- Chớ đụng vào hoa. Cứ đứng ở đây. Chắc chắn lát nữa Thần Chết sẽ về. Đừng cho thần nhổ cây hoa này. Cứ dọa là bà sẽ nhổ hết cây cỏ quanh đây. Thần Chết sẽ sợ, vì thần chịu trách nhiệm trước Thượng Đế về các cây cỏ ở đây, không có lệnh của người thì không ai được nhổ một cây nào cả.

Ngay lúc đó, nổi lên một cơn gió lạnh buốt. Bà mẹ cảm thấy rằng Thần Chết đã đến.

Thần hỏi:

- Sao ngươi lại có thể tìm được đường đến tận đây, mà lại đến trước cả ta nữa?

- Ta là Mẹ!

Thần Chết vươn bàn tay dài ngoẵng về phía cây hoa mảnh dể, nhưng bà mẹ vòng đôi bàn tay giữ lấy cây, hết sức che chở cho cây không bị nhàu nát một lá nào. Thần Chết hà hơi vào tay bà mẹ, bà cảm thấy lạnh buốt hơn gió bấc làm rụng rời cả đôi tay.

- Người không chống lại được ta đâu! - Thần Chết dọa.

Bà mẹ trả lời:

- Nhưng còn có Thượng Đế!

Thần Chết nói:

- Ta cũng chỉ tuân theo lệnh của Thượng Đế mà thôi. Ta trông nom khu vườn của Người. Ta mang cây cỏ hoa lá ở đây đi cũng chỉ để đem trồng lại vào khu vườn trên Thiên Đàng, còn mọi việc xảy ra ở trên ấy, hoa cỏ mọc thế nào, ta không được nói với ngươi.

Người mẹ nức nở van xin:

- Trả con cho tôi!

Đồng thời mỗi tay bà túm lấy một bông hoa gần đấy rồi thét lên:

- Nếu tuyệt vọng tôi sẽ nhổ hết hoa ở đây.

Thần Chết bảo:

- Chớ có đụng vào. Ngươi nói rằng ngươi đau khổ mà ngươi lại muốn một bà mẹ khác cũng đau khổ như ngươi sao?

Người mẹ khác? Bà mẹ đau thương buông hai bông hoa ra.

Thần Chết nói thêm:

- Đây là đôi mắt của ngươi. Thấy chúng lóng lánh sáng ngời dưới đáy hồ ta đã vớt lên. Ta biết đó là đôi mắt của ngươi. Hãy lấy lại đi. Đôi mắt ấy trong sáng hơn trước nhiều. Hãy nhìn vào lòng giếng gần đây, ta sẽ cho ngươi biết tên hai bông hoa ngươi vừa định ngắt. Người sẽ thấy rõ cả cuộc đời quá khứ và tương lai của chúng, thấy rõ tất cả những gì mà người sắp hủy hoại.

Bà mẹ nhìn xuống lòng giếng. Bà thấy từ một trong hai bông hoa ánh lên một niềm vui đầy hạnh phúc, còn cuộc đời của bông hoa kia thì chỉ toàn những cảnh trầm luân, khổ ải, nghèo khó, khốn cùng.

Thần Chết nói:

- Kiếp hoa này cũng như kiếp hoa kia, đều do ý của Thượng Đế cả.

Người mẹ nói:

- Thế hoa nào là hoa bất hạnh, hoa nào là hoa diễm phúc?

Thần Chết đáp:

- Ta không thể tiết lộ được thiên cơ. Nhưng ngươi cần biết rằng một trong hai bông hoa đó chính là bông hoa của con ngươi, là hình ảnh tương lai của nó.

Bà mẹ thét lên:

- Hoa nào trong hai bông hoa là con tôi? Hãy bảo cho tôi biết đi. Nếu đời nó sau này sẽ đau khổ thì xin hãy mang nó đi, mang nó ngay về chốn thiên đàng! Xin hãy quên những dòng nước mắt của tôi, quên những lời tôi đã cầu nguyện, quên cả những lời tôi đã nói và những việc tôi đã làm.

Rồi bà vặn vẹo đôi bàn tay, quỳ xuống và cầu khẩn:

- Cúi xin Thượng Đế đừng nghe lời tôi nếu tôi có cầu khẩn những điều trái với ý người. Xin người đừng nghe tôi!

Rồi bà gục đầu xuống ngực.

Thế là Thần Chết mang đứa bé tới cái xứ sở mà bà mẹ nói đến ban nãy.

CHIM HỌA MI

Ở Trung Quốc, nơi mà Hoàng đế là một người Trung Quốc và tất cả quần thần cũng là người Trung Quốc, các bạn hẳn cũng biết điều đó, đã có một câu chuyện.

Câu chuyện này xảy ra lâu lắm rồi, nhưng chính vì thế mà phải kể lại để người ta khỏi quên đi.

Cung điện của Hoàng đế đẹp nhất trần gian, làm bằng một loại sứ rất quý, nhưng dễ vỡ, mỗi khi chạm đến phải thật nhẹ tay, nhẹ chân. Trong vườn Thượng uyển trồng toàn những loại hoa quý, rất kỳ lạ, những bông hoa đẹp nhất phải đeo lục lạc bằng bạc để cho du khách khi đến xem phải lưu ý. Khu vườn được chăm sóc kỳ công và trải rộng, ngay người làm vườn cũng không biết đến đâu là hết. Càng đi càng gặp nhiều điều kỳ thú, những cây cao bóng cả vươn dài, những hồ rộng mênh mông sâu thẳm. Rừng thoai thoải xuống biển, trên làn nước xanh những con thuyền lớn có thể lướt dưới bóng cây. Nơi đây có con họa mi thường cất tiếng hót mê hồn. Một anh thuyền chài nghèo khổ lòng chứa chất bao nỗi lo toan giăng lưới đi qua, nghe tiếng chim hót cũng phải dừng lại nghe. Anh reo lên: “Trời ơi! Thánh thót biết bao”.

Nhưng rồi mải mê với công việc, anh ta quên chim ngay. Đêm sau đi giăng lưới qua đấy, anh lại nghe tiếng chim hót: anh lại đứng lại nghe và lại reo lên: “Trời ơi! Thánh thót biết bao”.

Khách tham quan từ nhiều nước trên thế giới kéo đến hoàng thành. Họ ca ngợi hoàng cung và vườn thượng uyển; nhưng khi nghe họa mi hót, họ đồng thanh reo lên: “Đấy mới là điều kỳ diệu”.

Trở về quê hương, họ thuật lại những điều mắt thấy tai nghe. Nhiều học giả đã viết thành sách ca tụng hoàng thành, hoàng cung và vườn thượng uyển; nhưng người ta ca tụng họa mi nhiều hơn cả, những thi sĩ nổi tiếng đã làm những bài thơ kiệt tác để ca ngợi con chim họa mi hót hay trong khu rừng bên bờ biển. Sách được truyền đi khắp nơi, có quyển lọt vào tay Hoàng đế. Người chăm chú đọc, nhiều lúc gật đầu tán thưởng những đoạn văn hay ca tụng hoàng thành, hoàng cung và vườn thượng uyển.

Đọc tiếp, người thấy có đoạn viết: “Nhưng con chim họa mi mới thật là kỳ diệu!”. Hoàng đế ngạc nhiên:

- Gì thế này? Con chim họa mi à? Sao ta lại không biết nhỉ? Có đúng là trong giang sơn ta; hơn nữa lại ngay trong vườn của ta, lại có một con chim như thế không? Ta chưa hề nghe nói bao giờ, lạ thật!

Hoàng đế truyền gọi quan thị lang là người cầm quyền cao chức trọng; mỗi khi có kẻ dưới đến trình báo hay thỉnh cầu điều gì, ngài chỉ trả lời cộc lốc: “Hớ!”

Hoàng đế phán hỏi:

- Ở đây chừng như có một con chim người ta gọi là họa mi. Thiên hạ cho rằng con chim này là loại chim quý hiếm. Vậy sao chưa thấy ai tâu với trẫm?

Quan thị lang thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, chính hạ thần cũng chưa nghe thấy nói bao giờ và cũng chưa thấy ai đem đến tiến cử.

- Vậy ngay tối nay phải đem nó đến hót cho trẫm nghe. Thiên hạ biết đến vật báu của trẫm mà riêng trẫm lại không biết!

Quan Thị Lang tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, thực tình hạ thần chưa hề thấy con chim ấy, nhưng hạ thần xin đi tìm nhất định sẽ tìm được.

Nhưng tìm đâu? Quan Thị Lang đã leo lên khắp lầu son gác tía, qua khắp các cung điện và đường lối đi lại, gặp ai cũng hỏi, nhưng chẳng ai biết gì về chim họa mi cả.

Quan Thị Lang lại vào chầu hoàng đế:

- Tâu thánh thượng - Ngài nói - Có lẽ sách đã đánh lừa độc giả, xin bệ hạ đừng tin, đây chỉ là chuyện hoang đường.

Hoàng đế phán:

- Những sách ta xem là những sách của Hoàng đế Nhật Bản gửi tặng, lẽ nào lại là chuyện bịa đặt? Trẫm muốn được nghe chim họa mi hót ngay tối nay. Trẫm sẽ ban thưởng cho chim nhiều ân huệ. Nếu không đưa được họa mi đến thì cả triều đình sẽ bị phạt giẫm lên bụng sau khi ăn cơm no.

Quan Thị lang cúi chào Hoàng thượng ra về. Rồi ngài chạy tới chạy lui, leo lên leo xuống, khắp cả lầu son gác tía, vào khắp các phòng trong hoàng cung, sục sạo mọi ngõ ngách, một nửa triều thần cũng làm như thế, vì chẳng ai muốn chịu tội giẫm lên bụng. Rõ là một cuộc chạy đua loạn xạ để tìm một con chim cả thiên hạ biết tiếng chỉ trừ Hoàng đế và đình thần.

Cuối cùng họ vớ được một cô bé thị tì.

- Trời ơi! - Cô bé kêu lên - Con chim họa mi! Cháu biết! Nó hót hay lắm! Chiều nào mang cơm thừa cho mẹ đang ốm, lúc về mỏi chân đứng nghỉ trong rừng, cháu cũng được nghe nó hót. Những lúc ấy cháu thấy sung sướng đến chảy nước mắt như khi được mẹ cháu ôm hôn vậy.

Quan Thị lang nói như reo:

- Cháu bé ngoan lắm! Cháu hãy đưa ta đến chỗ họa mi đậu, ta sẽ

ban cho cháu một chức vị ở trong nhà bếp và cho phép cháu được vào xem Hoàng đế ngự thiện. Cháu cần đi ngay vì tối nay đã phải đem chim đến hót cho Hoàng đế nghe.

Cả một nửa triều đình theo con bé thị tì vào rừng nơi có họa mi hót. Dọc đường bỗng nghe tiếng bò rống, một thị đồng reo lên: Họa mi đấy! Chim gì mà lớn tiếng thế! Hình như tôi đã được nghe ở đâu rồi!

Nữ tì nói:

- Không phải đâu! Bò rống đấy! Còn phải đi lâu mới tới!

Lúc sau lại có tiếng ì uôm của một con ễnh ương ở trong ao. Pháp tăng trong triều cũng đi theo đoàn reo lên:

- Họa mi đấy! Nghe sao mà thánh thót thế! Chưa bao giờ bần tăng được nghe một giọng chim hót hay như thế!

Nữ tì nói:

- Không phải đâu! Đấy là ễnh ương!

Đi thêm một quãng, thị tì bảo mọi người:

- Hãy im lặng mà nghe! Nó đấy! Họa mi đấy - Thị tì nói và chỉ một con chim nhỏ lông xám đang đậu trên một cành cây.

Quang Thị lang ngạc nhiên:

- Họa mi đấy à? Ta cứ tưởng nó đẹp kia chứ? Bộ lông nó trông tầm thường quá! Hay là trước mặt đông đủ quần thần nó sợ, tái sắc đi?

Thị tì cất tiếng gọi:

- Họa mi ơi! Hoàng đế muốn nghe họa mi hót đấy.

- Rất vui lòng! - Họa mi trả lời.

Và cất tiếng hót thánh thót mê hồn.

Quan thị lang khen:

- Nghe trong như những tiếng nhạc bằng pha lê. Cái cổ họng nó xinh xắn cứ phập phồng. Thế mà chưa bao giờ được nghe họa mi hót cũng tiếc thật. Vào hoàng cung chắc nó sẽ được triều đình và hoàng gia nhiệt liệt hoan nghênh.

Tưởng hoàng đế có mặt ở đấy, họa mi hỏi:

- Tôi có phải hót lần nữa cho thánh thượng nghe không?

Quan thị lang nói:

- Họa mi ơi! Người hãy theo chúng ta về cung hót cho Hoàng đế mê say.

- Giọng hót của tôi ở chốn rừng này, dưới vòm cây này, mới là hay nhất.

Họa mi nói thế, nhưng khi biết Hoàng đế muốn nó đến hót tại hoàng cung, nó cũng vui lòng đi theo.

Ở hoàng cung người ta đã chuẩn bị tiếp thật long trọng.

Hàng ngàn cây đèn bằng vàng sáng chói trên sân rồng và trên các bệ bằng sứ. Hàng hiên rực rỡ những chậu hoa hiếm thấy, chuông bạc ngân vang mỗi khi gió thoảng nhẹ.

Chính giữa đại diện, nơi Hoàng đế ngự có để sẵn một cành cây bằng vàng cho chim đến đậu. Văn võ bá quan tề tựu đông đủ; cả cô thị tì mới được phong chức đầu bếp, cũng được phép đến nấp nghe sau cánh cửa. Các quan đều mặc phẩm phục, chăm chú chiêm ngưỡng con chim màu xám đang líu lo trên cành vàng.

Họa mi hót hay đến nỗi Hoàng đế xúc động, sụt sùi, nước mắt giàn giụa. Người rất hài lòng, truyền đeo chiếc thẻ bà bằng vàng vào cổ chim để thưởng công. Nhưng họa mi khước từ nói:

- Như thế này là vinh dự cho tôi lắm rồi! Được thấy những giọt nước mắt của Hoàng đế nhỏ khi nghe tôi hót là một ân huệ lớn đối với tôi.

Họa mi lại cất tiếng hót êm đềm thấm thía như để tạ ơn.

Các bà phu nhân thì thào với nhau:

- Không còn gì tuyệt bằng.

Có bà còn ngậm tí nước vào miệng, khẽ lấy giọng ro ro trong cổ bắt chước tiếng chim. Trong bụng nghĩ cứ làm như thế giọng các bà sẽ biến thành giọng họa mi.

Ngay cả các nữ tì, thị vị, những người khách khó tính nhất cũng nhiệt liệt ca ngợi giọng hót của họa mi.

Như vậy họa mi được cả triều đình và hoàng gia ca ngợi.

Hoàng đế truyền ban cho họa mi một chiếc lồng sơn son treo trong cung, chim được phép ra ngoài mỗi ngày hai lần mỗi đêm một lần. Mỗi khi ra ngoài chim được mười hai quan hầu đi theo, mỗi người nâng một sợi tơ buộc vào chân chim. Kiểu du ngoạn như vậy, họa mi chẳng thích thú gì.

Cả kinh thành náo nức về con chim. Ai đẻ con cũng muốn đặt tên là họa mi, kể cả những đứa có giọng khàn khàn.

Một hôm Hoàng đế nhận được một gói gửi đến, bên ngoài đề hai chữ "Họa mi".

Hoàng đế mở gói, bụng nghĩ chắc lại là một quyển sách nói về chim Họa mi.

Nhưng không phải. Trong gói lại là một con họa mi nhân tạo, giống hệt con họa mi thật, mình, dát đầy kim cương, ngọc xanh ngọc đỏ. Hễ vặn máy chim lại hót lên như họa mi thật, cái đuôi vẫy vẫy óng ánh sợi vàng sợi bạc. Cổ chim họa mi đeo một cái vòng, trên khắc dòng chữ:

"Tôi là họa mi của Hoàng đế Nhật Bản, tôi chưa sánh được với Họa mi của hoàng đế Trung Hoa".

Cả triều đình reo lên:

- Tuyệt quá!

Hoàng đế phong cho người mang họa mi giả một chức vị cao và

ban thưởng.

Triều thần có người bàn cho hai con chim cùng hót, để được nghe một bản song ca của hai con chim họa mi tuyệt diệu.

Người ta đã thử nhưng không được, vì con chim họa mi thật hót một kiểu riêng của nó, còn họa mi giả cứ hót theo nhịp ba.

Quan chưởng nhạc đã biện hộ cho họa mi máy nói rằng nó hót không sai đâu, rất đúng nhịp, tôi cũng thường dạy trên lớp như thế.

Nghe quan chưởng nhạc nói vậy, người ta bèn cho chim giả hót một mình. Nó hót rất hay, chẳng kém gì chim thật, lại đẹp nữa, lúc nó hót cứ lóng lánh như nạm kim cương.

Nó có thể hót thông luôn một lúc ba mươi lần mà vẫn hay, người nghe không thấy chán, vẫn cứ muốn nghe nữa.

Nhưng Hoàng đế truyền để chim thật hót một lúc.

Nhưng nhìn trước nhìn sau chẳng thấy chim thật. Thì ra trong lúc mọi người mải mê nghe chim giả hót thì chim thật đã bay về chốn rừng xanh.

Hoàng đế sửng sốt:

- Thế là thế nào?

Quần thần tỏ vẻ tức giận, kết tội chim vong ân bội nghĩa. Cũng có người an ủi như vậy còn là may vì còn giữ được con hay nhất.

Thế là chim giả lại phải hót, có một bài mà nó cứ hót đi hót lại đến mấy chục lần.

Quan chưởng nhạc hết lời ca tụng chim máy, quan quả quyết nó hơn hẳn chim thật, không chỉ vì nó có bộ lông đẹp mà chính vì tài nghệ của nó.

- Muôn tâu bệ hạ - quan chưởng nhạc trình lên Hoàng đế - với con chim thật, chẳng ai biết được nó sẽ hót bài gì; nhưng với con chim máy thì các bài hót được sắp xếp theo một trật tự nhất định, cứ

mở máy các bài sẽ lần lượt hót lên. Cứ việc tháo máy ra, xem các bánh xe sắp đặt thế nào thì hiểu được cách chuyển động của máy và cách phát ra tiếng hót.

Mọi người tán thành ý kiến của quan chưởng nhạc.

Hoàng đế phán rằng phải để dân chúng được nghe chim máy hót, nên chủ nhật quan Chưởng nhạc đem chim máy cho dân chúng nghe.

Dân chúng được nghe họa mi hót, ai cũng tấm tắc khen, sau mỗi bài mọi người lại chỉ tay lên trời, lắc đầu kêu "ồ"!

Nhưng có một anh thuyền chài nghèo, đã nhiều lần được nghe họa mi hót, lại nói như thế này.

- Khá hay đấy! Khá giống họa mi thật đấy! Nhưng nghe như còn thiếu một cái gì ấy.

Vậy là chim thật đã ra khỏi hoàng cung; chim máy được đưa lên địa vị độc tôn.

Người ta đặt nó trên một đệm gấm, bên cạnh giường ngự, xung quanh xếp đầy những bội tinh, châu báu, vàng ngọc là những thứ chim được ban thưởng. Nó được hoàng đế phong cho chức tước cao quý. Về ngôi thứ lâm triều, chim được xếp hàng đầu, bên trái, là thứ bậc cao nhất triều đình.

Quang chưởng nhạc viết một pho sách mười lăm chương ca tụng chim họa mi máy, lời lẽ uyên bác, cao siêu. Ai đọc bộ sách ấy cũng gật gù tỏ ra thông hiểu, để khỏi mang tiếng dốt nát.

Sau một năm, Hoàng đế, triều thần, và cả nước đều thuộc lòng những bài do chim máy hót. Người ta có thể đồng ca với chim. Từ Hoàng đế đến chú bé ngoài phố cũng biết hót.

Rõ thật là hay!

Nhưng một hôm, chim máy đang hót cho Hoàng đế nghe thì bỗng có tiếng kêu đánh soạch trong bụng chim. Dường như có cái gì bị gẫy, các bánh xe quay loạn xạ nghe xoàn xoạt, rồi chim ngừng hót.

Hoàng đế truyền gọi quan ngự y đến bắt mạch chữa cho chim. Nhưng quan ngự y từ chối vì không thuộc chuyên môn của người. Triều đình phải cho gọi một thợ chữa đồng hồ đến. Anh thợ đồng hồ tháo tung cỗ máy xem xét nói rằng các bánh xe mòn nhiều, không có đồ thay; chỉ có thể lắp lại dùng tạm, mỗi năm chỉ được cho chim hót một lần. Nghe tin thần dân cả nước bàng hoàng. Tiếng chim máy hót bây giờ nghe rèn rẹt, nhưng quan chưởng nhạc vẫn khăng khăng rằng tiếng chim máy hót vẫn du dương như trước.

Năm năm sau, nhân dân trong nước nghe một tin dữ. Hoàng đế muôn vàn kính yêu của họ lâm bệnh nặng, không cứu chữa được. Đình thần đã chọn người kế vị. Dân chúng nhớn nhác đến dinh quan thị lang hỏi thăm tin tức.

Hoàng đế tái ngắt, giá lạnh trong long sàng. Văn võ bá quan tưởng người đã băng hà rối rít, xun xoe quanh vị vua mới. Trong khi đó thị vệ và nữ tì vui chơi, thỏa thích chuyện gẫu và uống nước chè.

Hoàng đế đáng thương đang hấp hối, người chỉ còn thoi thóp thở.

Cảm thấy có vật gì đè lên ngực, người mở mắt và nhìn thấy thần chết đang cười với người. Thần chết đã lột mũ miện của người, một tay cầm xạ kích một tay cầm hoàng kỳ. Từ các nếp màn che quanh long sàng ló ra những cái đầu lâu kỳ quái; có những cái trông gớm ghiếc, lại có những cái trông nhân từ. Đó là công đức và tội lỗi của Hoàng đế hiện về trong khi thần chết đè nặng lên trái tim người.

- Còn nhớ không? Nhà vua còn nhớ không?

Cái đầu lâu lần lượt hỏi tội nhà vua. Chúng kể ra không biết bao nhiêu là tội, khiến nhà vua toát hết cả mồ hôi và kêu lên:

- Nhưng ta đâu có biết những chuyện ấy?

Rồi ngài hô:

- Cử nhạc lên! Khua trống cái lên! Ta không muốn nghe những lời ma quái nữa!

Mặt ma vẫn cứ trơ trơ, còn thần chết thì vẫn lắc lư cái đầu.

Hoàng đế lại thét lên:

- Cử nhạc! Cử nhạc mau! Chim vàng thân yêu! Hãy hót đi! Hót lên! Ta sẽ ban thưởng cho người vàng bạc, châu báu và chiếc bài vàng. Hót lên! Hót lên đi!

Nhưng chẳng có ai vặn máy, nên chim cứ im lìm. Còn thần chết thì vẫn giương đôi mắt thao láo, trống hốc, nhìn chằm chằm Hoàng đế.

Giữa lúc đó, từ ngoài cửa sổ nổi lên tiếng hót tuyệt vời. Chim họa mi bé nhỏ đã từ rừng xanh bay về đậu trên cành cây ngoài vườn. Nghe tin Hoàng đế ốm nặng, chim đã bay về mang lại cho người nguồn sinh lực bằng tiếng hót của mình.

Tiếng hót của họa mi vang lên, bóng ma tan dần, máu lại lưu thông trong huyết quản của nhà vua. Thần chết cũng phải lặng đi trước tiếng hót của họa mi, rồi lại khuyến khích:

- Cứ hót đi! Họa mi! Cứ hót đi!

- Được! Nhưng phải trao lại kiếm vàng và mũ miện cho Hoàng đế!

Sau mỗi bài hót của chim, thần chết lại trao trả một bảo vật. Chim tiếp tục hót, ca ngợi cảnh thanh bình nơi nghĩa trang đầy hoa thơm, cỏ lạ. Thần chết không cầm nỗi lòng mong muốn trở lại khu vườn của mình, đã hóa thành một đám mây trắng bay qua cửa sổ và biến mất.

Hoàng đế reo lên:

- Cảm ơn chim! Cảm ơn chim yêu quý! Ta đã nhận ra họa mi rồi. Ta đã vô tình để chim ra khỏi hoàng cung, vậy mà chim vẫn quay về, lại giúp ta xua đuổi tà ma, cứu ta ra khỏi tay thần chết. Ơn ấy không bao giờ ta quên.

Họa mi đáp:

- Nhà vua ban thưởng cho chim nhiều rồi. Những giọt nước mắt,

nhà vua nhỏ lần đầu tiên nghe chim hót, chim không bao giờ quên cảnh tượng ấy. Đối với một ca sĩ, không có vàng bạc châu báu nào quý giá bằng. Bây giờ xin Hoàng đế yên nghỉ để họa mi hót cho người nghe cho mau bình phục.

Rồi họa mi lại hót, hoàng đế lại thiếp đi trong giấc ngủ hồi sinh êm đềm.

Lúc ánh bình minh chiếu qua cửa sổ rọi tới long sàng, nhà vua tỉnh giấc trong người sảng khoái vô cùng. Chung quanh chẳng có ai đến hầu, vì họ yên trí vô nhà vua đã băng hà. Duy chỉ có họa mi vẫn một mình líu lo bên cạnh Hoàng đế.

Hoàng đế bảo chim:

- Từ nay họa mi luôn ở bên ta để hót cho ta nghe, còn con chim giả ta sẽ đập tan thành trăm mảnh.

Họa mi vội can:

- Xin nhà vua đừng làm như vậy. Chim máy đã làm hết sức của nó, nên giữ nó lại. Còn tôi, tôi không quen sống trong hoàng cung. Xin nhà vua cho phép tôi về rừng, chiều chiều tôi sẽ bay lại đây, đậu trên cành cây, trước cửa sổ này để hót cho nhà vua nghe. Chim sẽ hót lên cuộc đời của những kẻ sung sướng nhưng cuộc đời cũng như cuộc đời của những người đau khổ. Chim sẽ hót lên những điều tốt cũng như những điều xấu người ta chung quanh nhà vua. Tiếng hót của họa mi bé nhỏ này sẽ lọt tới những người dân chài nghèo khổ, của những nông dân bần hàn, đến tận những nơi xa hoàng đế và triều đình. Họa mi kính trọng tấm lòng nhà vua hơn cả ngai vàng, mặc dầu ngai vàng là biểu hiện thiêng liêng. Chim sẽ đến, sẽ hót, nhưng chỉ xin nhà vua một điều.

- Chim muốn xin gì trẫm cũng ban. - Nhà vua nói và đứng dậy ghì chặt thanh kiếm nạm ngọc quý vào ngực.

- Chim chỉ xin bệ hạ một điều là đừng nói cho bất cứ ai biết rằng bệ hạ có một con chim nhỏ đã tâu lên cho bệ hạ biết tất cả mọi điều. Như thế mọi việc sẽ êm đẹp.

Nói rồi chim cất cánh bay đi.

Lúc ấy triều thần bước vào. Họ yên trí hoàng đế đã băng hà. Nhưng mọi người sửng sốt thấy nhà vua đứng dậy quay về phía họ mà phán rằng:

- Chào các ngươi!

NÀNG TIÊN CÁ

Tít ngoài biển khơi kia, nước xanh hơn cánh hoa mua biếc nhất, trong vắt như pha lê, nhưng sâu thăm thẳm, sâu đến nỗi neo buông không tới đáy, phải chồng chất vô số ngọn núi đá mới lên đến mặt nước.

Chớ tưởng đáy bể chỉ toàn là cát trắng. Nơi đấy, cỏ cây vẫn mọc, những loại cây kỳ diệu, thân lá mềm mại đến nỗi một gợn nước cũng có thể làm cho cây đu đưa. Cá lớn cá bé lướt giữa những cành lá như chim bay qua các vòm cây trên mặt đất. Nơi sâu nhất, sừng sững lâu đài của vua Thủy tề, tường bằng san hô, cửa sổ cao hình cung nhọn, bằng hổ phách trong suốt, mái lợp toàn vỏ ốc, mở ra khép vào theo chiều nước. Thật là tráng lệ! Nguyên một trong những hạt ngọc nằm trong từng vỏ ốc cũng đủ trang sức cho mũ miện của một bà hoàng hậu rồi. Vua Thủy tề góa vợ từ lâu, công việc trong cung do Hoàng Thái hậu điều khiển. Bà là người khôn ngoan, nhưng rất kiêu hãnh về dòng dõi quý tộc của bà. Bà cài tới mười hai con ngọc trai ở đuôi, trong khi các bà khác trong hoàng tộc chỉ đeo đến sáu con là cùng. Bà có nhiều đức tính tốt, nhưng tốt nhất là bà rất mực yêu thương các cô cháu gái, các nàng công chúa nơi thủy cung. Các cô nàng đều xinh đẹp, riêng nàng út đẹp hơn cả. Nàng có làn da nhỏ mịn như cánh hồng, có đôi mắt xanh thẳm như nước biển. Nhưng nàng cũng giống các chị, không có chân, chỉ có một cái đuôi như đuôi cá.

Suốt ngày, các nàng nô đùa trong những cung thất rộng rãi, hoa nở khắp các hốc tường. Cửa sổ bằng hổ phách mở rộng, cá tung tăng bơi vào như chim én bay vào nhà chúng ta khi cửa ngỏ. Chúng xán đến cho các nàng công chúa vuốt ve.

Trước lâu đài là một vườn rộng, cành lá xanh thẫm, quả vàng lóng lánh, cánh hoa đỏ ửng tựa than hồng, cùng với cuộng hoa rung rinh không ngớt. Mặt đất toàn một thứ cát rất mịn, xanh như ngọn lửa diêm sinh. Một luồng ánh sáng xanh biếc huyền diệu chiếu tỏa khắp nơi. Khi lặng gió, sinh vật dưới đáy biển có thể nhìn thấy mặt trời lấp lánh như một bông hoa đỏ thắm đang tỏa ánh sáng xuống đáy biển.

Mỗi nàng công chúa có một mảnh vườn nhỏ để vun xới, trồng trọt theo sở thích. Nàng này sắn luống theo hình cá voi, nàng kia theo hình tiên cá, nàng út sắn luống thành hình tròn như vầng thái dương, trồng tuyền một loài hoa đỏ tía như mặt trời.

Tính tình nàng út trầm lặng và đoan trang. Trong khi các cô chị bày biện những vật kỳ lạ chìm theo những con tàu bị đắm, thì ngoài những bông hoa đỏ tía như mặt trời, nàng chỉ thích một bức tượng rất đẹp rơi xuống biển bữa nào. Ấy là tượng một chú bé xinh xắn tạc bằng đá trắng như tuyết.

Nàng trồng bên pho tượng một nhánh liễu đỏ tía, liễu mọc rất nhanh, cành lá rậm rạp chiếu bóng màu tím xuống nền cát xanh. Nàng thích nghe nói chuyện về loài người sống trên mặt đất.

Thường là Hoàng Thái hậu phải kể đi kể lại cho nàng nghe những chuyện mà bà đã biết được về tàu bè, thành phố, người và loài vật.

Điều kỳ diệu nhất đối với nàng là hoa trên mặt đất có hương thơm mà hoa dưới biển không có, trên ấy rừng lại xanh biếc và cá lại có thể đậu trên cành cây và cất tiếng hót mê hồn. Vì nàng chưa hề trông thấy chim, nên Hoàng Thái hậu phải gọi chim là cá, không thì nàng không thể hiểu được.

Bà nói thêm rằng:

- Khi nào lên mười lăm tuổi cháu sẽ được phép ngồi lên mặt biển, ngồi dưới ánh trăng, trên một mỏm đá mà nhìn tàu bè đi lại. Lúc ấy cháu sẽ được tận mắt nom thấy núi rừng và thành phố.

Năm sau, cô chị cả mới đến tuổi mười lăm. Các nàng sinh năm một, vì thế nàng út còn phải đợi năm năm nữa mới được phép lên mặt biển xem trên ấy có những gì. Các nàng hứa sẽ lần lượt kể cho nhau nghe những điều mắt thấy trên mặt biển, vì bà Thái hậu biết chưa đầy đủ, còn vô khối cái mà các nàng tò mò muốn biết rõ hơn.

Người nóng ruột nhất là nàng út, vì nàng là người phải chờ đợi lâu nhất. Ban đêm, đứng bên cửa sổ, nhìn qua làn nước xanh thẫm, nàng thấy cả trăng sao. Qua làn nước, ánh trăng mờ nhạt đi, nhưng trăng sao lại to phình ra khác thường, và mỗi lần chúng bị một vật gì che khuất như một đám mây lớn, nàng biết đó là một con cá voi đang bơi phía trên hay là một con tàu lớn chở đầy người. Hẳn họ không thể ngờ rằng có một nàng tiên cá nhỏ nhắn đang lặng lẽ đứng dưới đáy biển với đôi tay trắng về phía con tàu.

Thế là đến tuổi mười lăm nàng công chúa cả được phép lên mặt biển.

Trở về, nàng kể lại đến hàng ngàn câu chuyện. Theo nàng, tuyệt nhất là được ngồi dưới ánh trăng trên bãi cát, khi bể lặng và nhìn thấy thành phố lớn gần bờ biển, có hàng trăm ánh đèn lấp lánh như sao sa, được nghe tiếng ca nhạc, tiếng xe cộ, tiếng người ầm ĩ, được trông thấy tiếng chuông ngân vang.

Công chúa út chăm chú lắng nghe chị kể. Chiều chiều, khi trở lại đứng bên cửa sổ nhìn qua làn nước xanh thẫm, tâm trí nàng bay

bổng về phía cái thành phố lớn có nhiều tiếng ồn ào, và lúc đó, dường như có tiếng chuông ngân tới tận tai nàng.

Năm sau, chị hai được phép lên mặt nước để vẫy vùng cho thỏa thích. Nàng ló lên khỏi mặt nước vào lúc hoàng hôn và nàng cho rằng không còn gì đẹp bằng khung cảnh lúc ấy. Bầu trời như toàn bằng vàng, còn mây thì nhuộm một màu đỏ kỳ diệu. Gần nơi mặt trời lặn, một đàn thiên nga bay là là mặt nước trông như một dải bằng sa trắng. Chúng mất hút theo hướng ấy, rồi mặt trời lặn xuống nước, ánh hào quang vụt tắt trên mặt biển và trên các đám mây.

Năm sau nàng thứ ba được lên mặt nước. Nàng bạo dạn nhất trong số năm chị em. Nàng bơi ngược dòng một con sông đổ ra biển và thế là nàng được thấy những đồi nho rực rỡ. Thành phố, lâu đài hiện ra sau dải rừng xanh. Chim hót ríu rít, mặt trời nóng bỏng đến nỗi nàng phải luôn luôn nhụp xuống nước cho mát da mặt.

Nàng trông thấy một đám trẻ con trần truồng nô đùa nhảy xuống nước trong một cái vịnh nhỏ. Nàng muốn vui chơi với chúng, nhưng chúng hoảng sợ bỏ chạy. Một con vật đen xì, một con chó mà nàng chưa hề thấy bao giờ chạy tới. Nó sủa dữ dội đến nỗi nàng hoảng sợ vội vã bơi nhanh ra biển khơi. Nhưng chẳng bao giờ nàng quên được núi rừng hùng vĩ, gò đống xanh tươi, và những đứa bé đáng yêu bơi lội rất giỏi mà chẳng cần có đuôi cá.

Nàng thứ tư, vốn nhút nhát, thả mình đong đưa trên ngọn sóng, cho rằng không còn gì thú bằng. Mặt biển quanh nàng rộng tới hàng mấy dặm, bầu trời như một quả chuông vĩ đại bằng thủy tinh. Nhìn xa xa thấy tàu biển, nàng tưởng đó là giống chó bể.

Bầy cá heo nhào lộn trước mặt nàng, mấy con cá voi khổng lồ phun nước qua hai lỗ mũi làm cho nàng tưởng mình đang bơi giữa hàng trăm vòi nước đang phun.

Đến lượt nàng thứ năm. Ngày sinh nàng vào mùa đông, nên ngày đầu tiên trên mặt biển, cảnh vật nàng trông thấy không giống cảnh vật các chị nàng đã được mục kích. Biển xanh ngắt một màu. Xung quanh nàng những tảng đá nổi khổng lồ rập rờn trên mặt biển như là những viên ngọc quý lóng lánh và lớn hơn tháp chuông nhà thờ. Hình thù chúng rất quái dị. Nàng ngồi trên một tảng to nhất, gió đùa trên mái tóc, cá tung tăng bơi lặn xung quanh.

Chiều đến, mây đen, phủ kín bầu trời, sấm sét nổi lên, từng đợt sóng đen ngòm nâng bổng những tảng băng khổng lồ sáng rực dưới ánh chớp.

Tất cả tàu bè đều hạ buồm. Ai nấy đều kinh hãi. Riêng nàng tiên cá vẫn trầm lặng ngồi trên núi băng ngắm nghía những tia chớp nổ ran trên mặt biển ngầu bọt.

Thoạt mới lên mặt nước nàng nào cũng say mê với những cảnh vật mới lạ, nhưng dần dần được tự do đi lại các nàng đã thấy dửng dưng. Các nàng vội quay về lâu đài dưới nước và chỉ một tháng sau đã cho rằng không đâu kỳ diệu bằng đáy biển.

Thường buổi chiều, năm chị em cầm tay nhau bơi lên mặt biển. Các nàng có giọng hát mê hồn, hay hơn bất cứ giọng hát nào trên trần gian.

Khi giông tố nổi lên, tưởng chừng như sắp đánh đắm tàu bè, các nàng liền bơi đến trước mũi tàu, cất giọng mê hồn ca ngợi vẻ đẹp nơi đáy biển, khuyên các thủy thủ chớ có sợ gì và mời họ theo các nàng về thủy cung, nhưng thủy thủ chẳng hiểu gì và cho rằng đó là những tiếng gào thét của cơn giông tố.

Vả chăng, khi xuống đáy biển, họ chẳng thể nhìn thấy cảnh đẹp

huy hoàng ở đấy, vì nếu tàu đắm, họ sẽ chết đuối, và chỉ còn là những cái xác không hồn.

Chiều chiều, khi năm chị em rủ nhau đi, nàng út ở lại một mình, ngó theo các chị, những muốn khóc lên, nhưng nàng là cá, không có nước mắt, nên lòng càng thêm đau đớn bội phần. Nàng thở dài: "Ước gì ta đủ mười lăm tuổi! Chắc rằng ta sẽ yêu cuộc đời và những con người trên ấy."

Cuối cùng, nàng đã đến tuổi mười lăm.

Bà nàng bảo:

- Thế là cháu đã trưởng thành. Lại đây để bà trang điểm cho, như các chị cháu.

Bà đặt lên tóc nàng một mũ miện hình hoa sen, dát ngọc, và ra lệnh cho tám con ngọc trai cặp vào đuôi nàng để tỏ rõ ngôi thứ của nàng.

Công chúa kêu lên:

- Đau quá!

Bà nàng bảo:

- Muốn đẹp thì phải chịu đau một tí.

Nàng tiên cá chỉ muốn quẳng tất cả ngọc trai và mũ miện nặng trình trịch đi! Nàng thích trang điểm bằng những bông hoa đỏ trồng trong vườn kia, nhưng nàng không dám trái lệnh bà Thái hậu.

- Cháu đi đây, bà ạ!

Nàng vừa reo vừa lao mình lên mặt biển, nhẹ nhàng như bọt bong bóng.

Nàng lên tới mặt biển thì mặt trời lặn, mây còn ánh màu da cam, và trên bầu trời rực lửa, sao hôm đã lấp lánh sáng ngời. Không khí êm đềm, mát mẻ mặt biển phẳng như gương. Gió lặng, một con thuyền ba cột buồm đứng im phăng phắc, chỉ trương một cánh

buồm. Thủy thủ đang nghỉ ngơi. Tiếng đàn, tiếng hát vọng ra và đến đêm, hàng ngàn ngọn đèn lồng thắp sáng trưng.

Quốc kỳ của tất cả các nước giăng trên thuyền và tung bay trước gió. Nàng tiên cá bơi đến gần các cửa sổ ở mạn thuyền, và mỗi lần sóng nâng nàng lên, nàng nhìn được cả vào bên trong thuyền. Trong ấy có rất nhiều người ăn mặc sang trọng, người mặc đẹp nhất là một Hoàng tử có đôi mắt to đen nhánh, chạc mười sáu tuổi. Hôm nay chính là ngày hội mừng sinh nhật của Hoàng tử. Thủy thủ nhảy múa trên thuyền và khi Hoàng tử bước ra, hàng trăm pháo hoa bay vụt lên không trung.

Pháo hoa rực sáng như ban ngày làm nàng tiên cá sợ hãi lặn xuống nước. Nàng lại nhô đầu lên và tưởng chừng như tất cả sao trên trời rơi xuống đầu nàng. Chưa bao giờ nàng được xem đốt pháo hoa. Có bông đỏ rực như mặt trời vừa quay tít vừa rít lên, có bông bay vút lên bầu trời xanh và tất cả phản chiếu xuống mặt biển trong vắt. Trên thuyền sáng rực, nhìn rõ từng vật, nhìn người lại càng rõ hơn. Hoàng tử mới đẹp làm sao! Chàng tươi cười thân mật nắm tay mọi người, giữa tiếng nhạc vang lừng trong màn đêm lặng lẽ.

Đêm đã khuya, nhưng nàng công chúa vẫn không rời mắt nhìn con thuyền và chàng hoàng tử đẹp trai. Đèn tắt, không còn pháo hoa, không còn tiếng đại bác nổ nữa. Người ta chỉ còn nghe thấy tiếng biển cả gầm thét. Nàng tiên cá vẫn ngồi trên sóng, nhìn qua cửa sổ ở mạn thuyền.

Gió nổi, thuyền nhổ neo, buồm lần lượt căng lên rồi sóng lớn mãi, mây đen kéo đến. Chẳng bao lâu sấm chớp nổi lên và một cơn phong ba khủng khiếp đổ tới. Thủy thủ vội vã hạ buồm. Chiếc thuyền cheo leo trên mặt biển đang động lên dữ dội. Từng đợt sóng dâng lên, đen ngòm, cao như những ngọn núi khổng lồ, hăm dọa đổ sập vào các cột buồm. Con thuyền dâng lên hạ xuống theo những đợt sóng ngầu bọt. Thủy thủ rất lo lắng, còn nàng tiên cá thấy cảnh tượng ấy lại lấy làm thích thú.

Những tấm ván dầy gẫy gập trước những đợt sóng hung hãn. Con thuyền vỡ tan ra, cột buồm chính gãy đôi như một cây sậy, thuyền nghiêng sang một bên, nước ập vào khoang.

Lúc đó, nàng tiên cá mới hiểu là người trên thuyền đang gặp cơn phong ba nguy hiểm, và chính nàng cũng phải cẩn thận để khỏi va vào các mảnh thuyền vỡ tung đang trôi lềnh bềnh. Có lúc trời tối ngòm đến nỗi nàng không còn phân biệt được vật gì nữa, nhưng ánh chớp lóe lên làm nàng nhận ra từng người trên thuyền. Nàng chỉ chú ý nhìn theo chàng hoàng tử trẻ tuổi và khi thuyền chìm hẳn, nàng thấy chàng cũng chìm theo.

Thoạt đầu nàng mừng rỡ, tưởng rằng sẽ được gặp chàng nơi đáy biển. Nhưng nàng sực nhớ rằng con người không thể sống được dưới nước và khi tới giang sơn của vua Thủy tề thì chàng đã chết. Chết ư? Không, không thể để cho chàng chết được!

Thế là nàng quên cả nguy hiểm, bơi vào giữa đám mảnh gỗ nổi bập bềnh, có thể lao vào giết chết nàng. Nàng ngoi lên lặn xuống và cuối cùng nàng ôm được hoàng tử đang ngoi ngóp trong sóng gió dữ dội. Chân tay chàng đã rã rời, đôi mắt đẹp của nàng đã nhắm nghiền, và nếu nàng tiên cá chậm đến cứu, ắt chàng đã chết đuối rồi.

Nàng nâng đầu chàng lên khỏi mặt nước và cùng chàng phó mặc cho sóng cuốn.

Sáng hôm sau, cơn bão táp đã qua, nhưng chẳng còn dấu vết gì của con thuyền nữa. Mặt trời đỏ ửng, chói lọi trên mặt biển, hoàng tử trông như còn sống, nhưng đôi mắt vẫn nhắm nghiền. Nàng tiên cá hôn lên trán chàng. Người chàng lạnh toát như pho tượng cẩm thạch trong vườn hoa của nàng. Nàng hôn mãi lên trán chàng, lòng thiết tha mong muốn chàng sống lại.

Đột nhiên, nàng trông thấy đất liền, thấy những rặng núi cao, một màu xanh biếc, đỉnh phủ tuyết, lấp lánh như đàn thiên nga đang ngủ. Dưới chân núi, gần bờ biển, có những khu rừng đẹp đẽ xanh tươi và một ngôi nhà, nhà thờ, nhà tù hay nhà ở gì đó, nàng chẳng rõ.

Chanh, cam đầy vườn, dừa mọc trước cửa. Biển xói vào bờ tạo thành một cái vịnh nhỏ, có núi đá bao quanh. Nàng dìu hoàng tử về phía đó, đặt chàng lên bãi cát mịn và cẩn thận nâng đầu chàng lên.

Tiếng chuông đổ hồi trong ngôi nhà trắng xinh xắn và một đoàn thiếu nữ chạy ra vườn. Nàng tiên cá vội bơi ra nấp sau một tảng đá, lấy rong biển phủ lên đầu và trước ngực để khỏi lộ khuôn mặt kiều diễm. Nàng cố ý theo dõi xem chàng hoàng tử tội nghiệp sẽ ra sao.

Một lát sau, có một thiếu nữ đi tới. Lúc đầu, cô ta sợ, nhưng các cô khác đã kéo đến. Nàng tiên cá nhìn thấy hoàng tử đã hồi tỉnh và mỉm cười với các thiếu nữ. Chỉ riêng với nàng, người đã cứu chàng, nhưng chàng không hề biết, chàng không tặng một nụ cười nào cả. Thế là nàng buồn thỉu. Và khi hoàng tử đã vào khuất trong ngôi nhà, nàng lặn xuống nước, quay về nơi thủy cung.

Từ đó, sáng chiều, nàng bơi đến nơi nàng đã đặt hoàng tử. Nàng thường thấy có người ra hái trái cây, nàng thấy tuyết lóng lánh trên núi cao, nhưng nàng chẳng thấy hoàng tử, và cứ thế nàng lại trở về, càng buồn bã hơn.

Niềm an ủi độc nhất của nàng là ngồi trong vườn, ôm lấy pho tượng cẩm thạch trông giống hoàng tử như đúc. Nàng chẳng còn thiết hoa nữa, bỏ mặc chúng mọc lan ra cả lối đi, cuốn cành cuốn lá vào các cây lớn.

Cuối cùng, không chịu nổi nữa, nàng kể lể nỗi niềm với một cô chị. Các chị khác cũng được biết chuyện và kể lại với vài bạn láng giềng thân thiết nhất, trong số đó, có một cô gái biết rõ giang sơn, nơi ở của hoàng tử.

- Đi nào, cô em bé bỏng!

Các chị gọi nàng rồi, tay cầm tay, họ nối đuôi nhau bơi lên mặt nước, trước lầu hoàng tử.

Lầu này xây bằng các thứ đá màu rực rỡ và có những cầu thang lớn bằng cẩm thạch chạy xuống tận mặt nước. Mái lầu cuốn tròn và thếp vàng lộng lẫy. Giữa các cột, quanh lầu, có những bức tượng bằng cẩm thạch trông như người thật. Nhìn qua cửa sổ cao, người ta thấy những căn phòng lộng lẫy, trải thảm lụa, và những bức chân dung kỳ diệu giăng đầy tường. Chính giữa căn phòng lớn, một vòi nước phun lên tới tận mái tròn. Từ mái lầu, mặt trời rọi xuống mặt nước và cây cỏ mọc trong bể cạn.

Bây giờ nàng tiên cá đã biết nơi hoàng tử ở. Từ đó, chiều và đêm, nàng thường trở lại đây, ngồi trên mặt biển. Nàng còn bơi xa hơn các cô chị, bơi sâu vào gần đất liền, đến tận con kênh đào chảy dưới chân các bệ bậc thang lộng lẫy xây bằng đá cẩm thạch. Nàng ngồi đó ngắm nghía hoàng tử, còn hoàng tử thì tưởng rằng mình chỉ có một mình dưới ánh trăng.

Thường vào buổi chiều hoàng tử dạo chơi giữa tiếng đàn nhạc, trên một con thuyền mắc đầy cờ xí. Lúc đó, nàng vượt hẳn lên mặt nước, gió đùa trên mái tóc màu bạc của nàng, trông hệt như một con thiên nga đang giương cánh.

Thường thường, nghe những người dân chài đánh cá ban đêm ca tụng hoàng tử, nàng cảm thấy sung sướng, vì đã cứu chàng đêm nào bập bềnh ngắc ngoải giữa làn sóng, và nàng lại càng sung sướng mỗi khi nghĩ đến lúc ôm ghì đầu chàng vào ngực mà hôn. Nhưng chàng đâu có hề biết chuyện ấy mà nghĩ đến chuyện an ủi nàng. Càng ngày, nàng càng thấy yêu mến loài người, nàng lại càng muốn gần họ, càng muốn cùng sống với loài người trên cái thế giới rộng hơn giang sơn của nàng rất nhiều. Loài người có thể lướt trên sóng bằng thuyền bè, có thể leo lên tận đỉnh núi cao tít. Rừng núi, đồng ruộng của họ rải ra đến tận chân trời bao la. Còn biết bao nhiêu điều nàng muốn rõ mà các chị nàng không giải đáp cho nàng được.

Nàng tìm đến bà Thái hậu là người biết rõ về cái thế giới bên trên, mà nàng gọi là "xứ trên bể". Nàng hỏi:

- Bà ơi, nếu loài người không chết đuối thì họ có sống vĩnh viễn được không? Họ có chết như chúng ta dưới bể không?

Thái hậu bảo:

- Có chứ, họ chết và đời họ còn ngắn hơn đời chúng ta nữa kia! Chúng ta có thể sống tới ba trăm năm, nhưng khi qua đời chúng ta sẽ biến thành bọt sóng và không có mồ mả để được chôn cất giữa những người thân yêu. Linh hồn chúng ta không tồn tại được lâu nên ta không thể hóa thành kiếp khác được, cũng ví như cây rong bể đã cắt rồi là hết xanh tươi. Loài người, trái lại, có một linh hồn bất tử, ngay cả khi thân thể đã nằm im trong nấm mồ, linh hồn họ lúc ấy bay lên không trung. Cũng như chúng ta bơi trên mặt nước

để nhìn đất liền, linh hồn họ bay lên những miền mà chúng ta không thể nào thấy được.

Nàng tiên cá buồn bã nói:

- Sao chúng ta lại không có một linh hồn bất diệt? Cháu sẵn sàng biến ba trăm năm của cháu để được thành người, dù chỉ sống có một ngày để linh hồn được lên thiên đàng.

Thái hậu bảo:

- Cháu đừng nghĩ nhảm, dù sao chúng ta vẫn còn sung sướng hơn loài người nhiều lắm.

- Thế là cháu sẽ phải chết và hóa thành bọt bể ư? Lúc đó chẳng còn nghe thấy tiếng sóng vỗ nhịp nhàng, chẳng còn nhìn thấy hoa nở và mặt trời ửng hồng ư?

Thái hậu nói thêm:

- Không cháu ạ, chỉ cần có một người yêu thương cháu thiết tha hơn cả cha mẹ. Nếu tâm hồn và tình yêu người đó dồn cả cho cháu và có một đức cha đặt tay cháu vào tay người đó thì lúc ấy hồn người đó truyền qua cháu và cháu sẽ được hưởng phần hạnh phúc dành riêng cho loài người. Nhưng việc đó không bao giờ có được. Ở dưới đáy bể chúng ta cho cái đuôi cá là đẹp nhất thì loài người lại cho là gớm ghiếc. Họ lại cho cặp chân nặng nề của họ mới đẹp kia!

Nàng tiên cá thở dài buồn bã nhìn cái đuôi của mình.

Thái hậu bảo:

- Thôi cháu đi vui chơi với bà. Bà cháu ta sẽ nhảy nhót cho thỏa ba trăm năm của chúng ta. Cuộc đời như thế cũng đủ lắm. Cháu đi với bà! Tối nay có dạ hội khiêu vũ trong cung đấy.

Thật vậy, ở trên mặt đất, người ta không thể tưởng tượng được một khung cảnh lộng lẫy đến thế. Gian phòng khiêu vũ rộng lớn, tường và trần toàn bằng một thứ thủy tinh dày, trong suốt. Hàng mấy trăm con ngao khổng lồ xanh đỏ xếp thành hai hàng dọc, cạnh chúng là những ngọn đuốc có ánh lửa xanh lam chiếu tỏa khắp

gian phòng, trông hệt như một bể ánh sáng rực rỡ. Hàng ngàn cá lớn, cá con, vẩy đỏ, vẩy vàng, vẩy bạc, bơi tung tăng bên ngoài tường kính.

Thanh niên nam nữ sống dưới đáy biển nhảy múa và hát êm ái trên một dòng nước chảy giữa gian phòng, loài người không thể có giọng hát hay đến thế. Nàng công chúa út hát hay nhất.

Mọi người hoan nghênh nàng và có lúc nàng sung sướng nghĩ rằng giọng hát của nàng có thể hay nhất trần gian, trên đất liền cũng như trên mặt biển. Nàng chợt nghĩ đến thế giới trên mặt đất. Nàng không thể nào quên được chàng hoàng tử trẻ tuổi và cảm thấy đau khổ vì không thể có được một linh hồn bất diệt. Giữa lúc mọi người vui chơi, ca hát, nàng lẩn tránh ra ngoài lâu đài của mình. Bỗng nhiên nàng nghe thấy những tiếng động truyền qua làn nước biển vọng tới nàng.

Nàng nghĩ thầm:

- Chắc là tiếng chàng, người mà ta luôn luôn nghĩ tới, người mà ta yêu quý hơn cả cha mẹ, người mà ta muốn gửi gắm cả cuộc đời. Ta dám làm tất cả mọi việc để được gần chàng, để được có một linh hồn bất diệt. Trong lúc các chị còn đang mải nhảy múa trong lâu đài của vua cha, ta thử tìm đến mụ phù thủy mà cho đến bây giờ ta vẫn khiếp sợ, may ra mụ có thể khuyên bảo giúp ta điều gì.

Nghĩ thế nàng bơi đến động của mụ phù thủy, ở dưới cái vực xoáy nước sâu đang gầm thét. Nàng chưa hề qua nẻo đường này, một con đường chẳng có hoa và rong rêu gì cả, chỉ có cát mịn rải tới tận miệng vực, nước xoáy lồng lộng như dưới bánh cối xay máy.

Nàng vượt qua làn sóng vào tận sào huyệt của mụ phù thủy, ở giữa một khu rừng kỳ lạ. Cây cối, bờ bụi đều là những loại san hô, nửa động vật, nửa thực vật, trông như những con rắn trăm đầu mọc từ dưới đất lên, cành cây giống như những cánh tay dài nhầy nhụa.

Nàng công chúa kinh hãi đứng dừng trước nhà mụ phù thủy, tim đập mạnh. Nàng toan bỏ chạy, nhưng nghĩ đến hoàng tử và linh hồn con người nàng trở nên can đảm. Nàng quấn mớ tóc dài để tránh không cho những con san hô nắm được, khoanh tay vào

trước ngực, bơi rõ nhanh như cá, lách qua các con san hô gớm ghiếc đang giơ những cánh tay khủng khiếp về phía nàng. Nàng thấy hàng trăm cánh tay của chúng, hệt như những cái kìm sắt, cặp chặt lấy những bộ xương trắng hếu của những người bị chết đuối, những xác súc vật, và cái làm cho nàng kinh hãi hơn cả là có xác của cả một nàng tiên cá.

Cuối cùng, nàng đến một cánh đầm lầy, lúc nhúc những con rắn gớm ghiếc, ở giữa là nhà mụ phù thủy xây bằng sọ những người chết chìm. Trước cửa nhà, mụ phù thủy đang ngồi cho một con cóc ăn như loài người mớm thức ăn cho chim bạch yến vậy.

Mụ bảo:

- Ta biết ngươi muốn gì rồi. Hỡi nàng công chúa xinh đẹp, ngươi thật là điên rồ, ngươi sẽ bị đau khổ, nhưng ta cũng cứ giúp người. Muốn cho hoàng tử yêu người và chia sẻ linh hồn với ngươi, ngươi phải vứt bỏ cái đuôi cá và thay vào đó đôi chân như loài người. Người đến thật đúng lúc, vì nếu ngươi tới sau đêm nay thì một năm nữa ta mới có thể giúp ngươi vào bờ, uống hết liều thuốc đó và sẽ biến thành một người con gái đẹp tuyệt trần. Dáng đi của ngươi sẽ uyển chuyển và nhẹ nhàng như một vũ nữ, nhưng cứ mỗi bước đi ngươi sẽ thấy đau như kim châm và ứa máu chân ra. Nếu ngươi chịu được đau đớn ta sẽ giúp ngươi.

- Tôi xin chịu hết, - nàng tiên cá vừa run rẩy trả lời vừa nghĩ đến hoàng tử và linh hồn bất diệt.

Mụ phù thủy bảo:

- Nhưng hãy nghĩ cho kỹ. Một khi đã biến thành người rồi ngươi không thể trở thành thủy nữ được nữa. Không bao giờ ngươi được gặp lại các chị ngươi, được quay về thủy cung nữa. Và nếu ngươi không chiếm được tình yêu của hoàng tử để chàng yêu quý ngươi hơn cả cha mẹ chàng, nếu chàng không chịu làm lễ thành hôn với ngươi thì ngươi không thể có linh hồn bất diệt được. Ngay sáng hôm sau hoàng tử lấy người khác làm vợ, tim ngươi sẽ tan nát và ngươi sẽ biến thành bọt biển.

- Tôi xin chịu đựng cả, - nàng công chúa nhắc lại, mặt tái nhợt như người chết.

- Nhưng ngươi phải trả công ta không phải là ít. Giọng hát của ngươi hay nhất nơi đáy biển này, và ngươi tưởng rằng sẽ dùng nó để mê hoặc hoàng tử, nhưng chính giọng hát ấy ngươi phải trao cho ta. Ta muốn đổi liều thuốc của ta lấy cái gì quý báu nhất của ngươi kia, vì chính ta cũng phải chích máu của ta để chế thành liều thuốc cho ngươi uống. Nó sẽ công hiệu như một thanh kiếm hai lưỡi vậy.

Thủy nữ lo lắng:

- Nhưng nếu mụ lấy mất giọng hát của tôi thì tôi chẳng còn gì nữa ư?

- Còn cái sắc đẹp, cái dáng đi nhẹ nhàng duyên dáng và đôi mắt tình tứ của ngươi. Bấy nhiêu cũng đủ làm say đắm một con người rồi. Thế nào? Hay ngươi lại sợ rồi? Thè cái lưỡi con con ra cho ta cắt để đổi lấy liều thuốc.

- Được - Thủy nữ đáp.

Liền đó, mụ phù thủy lấy một cái nồi ra để pha thuốc.

- Sạch sẽ vẫn là một thói tốt! Vừa nói mụ vừa lấy một búi toàn là rắn để chùi nồi.

Rồi mụ rạch ngực cho máu chảy xuống và thêm hết vị thuốc này đến vị thuốc khác vào trong nồi. Một làn khói dày đặc bốc lên. Cuối cùng, liều thuốc cũng đã chế xong, lúc này trong suốt như nước.

- Đây cầm lấy.

Mụ phù thủy nói rồi cắt luôn lưỡi nàng tiên cá. Thế là từ đấy nàng tiên cá không thể nào hát và nói được nữa.

- Khi qua rừng, nếu loài san hô định bắt ngươi thì ngươi cứ rẩy cho chúng vài giọt nước này.

Nàng tiên cá chẳng cần phải làm thế. Các thủy quái vừa thấy bình thuốc lóng lánh như ánh sao trong tay nàng đã sợ hãi rụt tay lại. Nàng vượt qua cánh rừng và các vực sâu bình yên vô sự.

Nàng đã lại nhìn thấy lâu đài của vua cha. Các ngọn đuốc nơi phòng lớn đã tắt, mọi người đang say sưa yên giấc. Nàng chẳng dám đánh thức ai cả, nhất là bây giờ nàng đã câm rồi. Nàng sắp phải vĩnh viễn xa lìa tất cả. Lòng nàng se lại vì đau khổ. Nàng lén ra vườn hái trong mỗi khoảnh vườn của các chị một bông hoa, gửi hàng nghìn chiếc hôn về phía lâu đài, rồi bơi qua làn nước xanh thẳm, nhoi lên mặt biển.

Mặt trời chưa mọc, hoàng tử đang bước lên trên những bậc thang cẩm thạch rực rỡ. Trăng chưa lặn, tỏa một ánh sáng dịu dàng. Nàng tiên cá uống liều thuốc nóng bỏng. Nàng thấy hình như có một thanh kiếm hai lưỡi đâm xuyên qua làn da thịt mềm mại, và nàng nằm đấy, ngất đi. Khi mặt trời chiếu sáng trên ngọn sóng, nàng tỉnh dậy, và thấy người đau nhói. Chàng hoàng tử trẻ tuổi đã đứng trước mặt, đôi mắt đen nhánh chăm chú nhìn nàng. Nàng nhìn xuống thấy đuôi cá đã biến mất, thay vào đấy là một cặp chân trắng muốt như chân một người con gái. Thấy mình thân thể lõa lồ nàng vội lấy làn tóc dài quấn vào người như một cái áo choàng. Hoàng tử hỏi nàng là ai, ở đâu đến. Nàng nhìn chàng với đôi mắt xanh thẳm, âu yếm những buồn rầu, không nói được một lời.

Hoàng tử cầm tay dắt nàng về lầu. Mỗi bước đi, đúng như lời mụ phù thủy nói, nàng cảm thấy đau đớn như giẫm lên kim hay gốc rạ phát nhọn, nhưng nàng cố chịu đựng, không hề kêu ca. Nàng đi bên chàng, nhẹ như bông hồng, và chàng, cũng như mọi người trong lầu, đều say mê dáng đi uyển chuyển, dịu dàng của nàng.

Người ta mặc cho nàng quần áo lượt là. Trong lâu đài này nàng là người đẹp nhất, nhưng chẳng biết nói mà cũng chẳng biết hát. Rất nhiều cung nữ, quần áo lụa dát vàng, đến ca hát trước hoàng tử, vua và hoàng hậu, người nào hát cũng hay và được hoàng tử vỗ tay, khen ngợi trước tiên. Nàng tiên cá buồn rầu vì biết rằng mình còn có thể hát hay hơn thế.

Nàng nghĩ:

- Ôi! Nếu chàng biết được rằng ta đã phải vĩnh viễn hy sinh giọng hát của ta chỉ vì muốn được sống bên chàng!

Hát xong, cung nữ nhảy múa theo điệu nhạc rất du dương. Nàng tiên cá liền giơ cao đôi cánh tay nõn nà, nhấc gót lên, đầu mũi chân lướt trên mặt sàn, cất bước nhảy múa một bài tuyệt đẹp. Mỗi cử chỉ làm tôn vẻ đẹp của nàng lên và ánh mắt nàng làm xúc động tâm hồn hơn cả tiếng hát của các cung nữ.

Mọi người đều ngây ngất, nhất là hoàng tử. Chàng gọi nàng là cô bé lạc loài. Nàng vẫn tiếp tục nhảy múa, mặc dầu mỗi lần chạm chân xuống đất nàng cảm thấy đau đớn như dẫm trên gốc rạ vót nhọn. Hoàng tử lưu nàng lại và cho phép nàng ngủ trên chiếc đệm nhung, ngay trước cửa phòng mình. Hoàng tử còn cho may một bộ nam phục để nàng có thể cưỡi ngựa đi chơi cùng chàng. Hai người đi dạo qua những cánh rừng thơm ngát, cành lá xanh tươi rủ xuống vuốt ve vào vai họ, trên cành chim hót líu lo. Nàng cùng hoàng tử leo lên núi cao. Khi mọi người nhìn thấy chân nàng đẫm máu nàng vẫn mỉm cười và cùng chàng leo lên mãi đến khi thấy mây bay dưới chân tựa như những đàn chim bay từng đàn về xứ nóng.

Khi mọi người đã ngủ yên trong lâu đài, nàng ngồi xuống bậc thang cẩm thạch bên bờ biển, nhúng đôi chân nóng bỏng xuống nước biển cho dịu cơn đau. Dần dần chân bớt đau, nàng nhìn xuống biển cả, chạnh lòng nhớ đến những người thân yêu dưới đáy biển. Nàng bỗng thấy các chị đang cầm tay nhau hiện trên mặt biển, vừa bơi vừa hát véo von. Nàng vẫy họ và các chị đã nhận ra nàng, nói cho nàng biết nỗi âu sầu của họ khi nàng bỏ đi. Từ đấy đêm nào các chị cũng đến, và có lần nàng trông thấy cả Thái hậu là người đã hàng bao năm nay không lên đến mặt biển; nàng trông thấy cả vua Thủy tề, đầu đội mũ miện vàng. Hai ngài giơ tay với về phía nàng, nhưng không dám vào gần bờ như các chị nàng.

Mỗi ngày thủy nữ càng yêu hoàng tử hơn, nhưng hoàng tử chỉ yêu nàng như yêu một người em gái hiền hậu dễ thương thôi. Chàng chẳng hề biết rằng nếu chàng không lấy nàng thì nàng sẽ không thể nào trở thành một người có linh hồn bất diệt được và sau này chàng lấy người khác làm vợ, nàng sẽ phải biến thành bọt biển.

- Anh không yêu em hơn tất cả mọi người sao?

Đôi mắt thủy nữ hình như hỏi vậy khi hoàng tử xiết chặt người nàng trong tay và hôn lên trán nàng.

Hoàng tử bảo nàng:

- Đúng lắm, ta yêu em vì em có một tấm lòng tốt hơn cả. Em là bạn quý nhất của ta. Em giống hệt như một thiếu nữ mà ta đã gặp, nhưng rồi có lẽ ta chẳng bao giờ gặp lại nữa. Khi đó ta đang ở trên một chiếc tàu bị đắm. Sóng biển đánh giạt ta vào gần một nhà tu, nơi có nhiều thiếu nữ đã nguyện dốc lòng đi theo Thượng Đế. Nàng trẻ nhất thấy ta nằm sõng sượt trên mặt biển đã cứu ta thoát chết. Ta chỉ gặp nàng có một lần, nhưng chỉ có nàng là người mà ta có thể yêu được thôi. Em giống hệt nàng và gợi lại hình ảnh nàng trong tâm trí ta. Nàng đã đi tu, nhưng nàng đã cử em đến đây như một sứ giả của tình bạn. Chẳng khi nào ta còn được gặp nàng nữa.

Nàng tiên cá nghĩ thầm:

- Trời ơi! Chàng không biết, chính ta đã cứu chàng thoát chết. Chính ta đã vượt sóng đưa chàng đến tận nhà tu trong rừng. Chính ta đã nấp sau tảng đá, mong mỏi có người ra thấy mà cứu chàng, và chính mắt ta đã trông thấy người con gái mà chàng yêu hơn ta.

Nàng không khóc được, nhưng thở dài não nuột, tự nhủ:

- Chàng đã chẳng bảo rằng cô ta đi tu sao? Như thế thì chẳng bao giờ cô ta được ra và họ sẽ chẳng bao giờ gặp nhau được. Còn ta, ta sống gần chàng, hàng ngày trông thấy chàng, ta muốn hầu hạ, yêu quý chàng và hiến dâng cho chàng cả cuộc đời của ta.

Trong cung, người ta đã bàn tán đến việc hoàng tử sắp lấy một nàng công chúa xinh đẹp, con vua nước láng giềng. Người ta đã chuẩn bị một chiếc tàu trang hoàng lộng lẫy.

Nhân dân đồn đại:

- Hoàng tử nói là đi thăm viếng nhà vua, nhưng chính là sang xem mặt công chúa. Hoàng tử mang theo rất nhiều tùy tùng.

Nàng tiên cá mỉm cười, lắc đầu vì nàng biết rõ hơn ai hết ý định của hoàng tử. Hoàng tử nói với nàng:

- Phải, chính ta đi xem mặt công chúa, vì vua cha và hoàng hậu bắt buộc ta, nhưng cha mẹ chẳng thể bắt buộc ta phải cưới công chúa. Ta biết trước là ta sẽ không thể yêu công chúa được. Chắc chắn là công chúa không thể nào giống được người thiếu nữ trong nhà tu. Nếu ta lấy vợ, người đó sẽ là nàng, hay là em, người em gái lạc loài, giống hệt như nàng, chỉ nói bằng mắt mà không nói bằng lời.

Rồi chàng hôn lên đôi môi đỏ thắm, mân mê bộ tóc dài của nàng và ép đầu nàng vào ngực mình. Suốt đêm đó, nàng tiên cá đáng thương mơ được sống hạnh phúc và có một linh hồn bất diệt như loài người.

Khi tàu sửa soạn xong, hoàng tử hỏi nàng:

- Em câm của ta, em không sợ biển cả đấy chứ?

Rồi chàng nói về những cơn giông tố, về cảnh trời yên bể lặng, về những con cá biển kỳ dị.

Nghe chàng nói, nàng mỉm cười, vì nàng biết rõ cảnh vật dưới đáy biển hơn bất cứ một người nào.

Một đêm trăng, khi mọi người đã yên ngủ, trừ người hoa tiêu, nàng cúi trên thành tàu nhìn qua làn nước biếc, tưởng như nhìn thấy tòa lâu đài của cha nàng. Bà nàng ngồi đó nhìn con tàu đang cuốn lên dữ dội. Nàng vẫy tay ra hiệu muốn nói cho các chị biết rằng mình rất sung sướng, nhưng chợt có một anh thủy thủ đi đến, các chị vội lặn xuống nước. Anh thủy thủ tưởng rằng đấy chỉ là một đám bọt sóng.

Sáng hôm sau, tàu cập bến tại kinh đô nước láng giềng. Chuông nhà thờ kéo vang, lính tráng mang cờ, súng cắm lưỡi lê, dàn thành cơ đội để duyệt binh. Mỗi ngày có những cuộc vui mới, yến tiệc, khiêu vũ liên tục, nhưng công chúa vẫn chưa về. Người ta nói rằng hiện nay nàng đang ở một nhà tu xa để trau dồi đức hạnh theo lễ giáo của các vua chúa. Cuối cùng, nàng đã về.

Thủy nữ nóng lòng muốn biết mặt người con gái có sắc đẹp lừng

danh ấy. Nàng đã phải công nhận điều đó. Nàng chưa bao giờ thấy một người dễ thương, có làn da mịn màng, đôi mắt xanh thăm thẳm lóng lánh dưới hàng lông mày đen và dài như vậy.

Hoàng tử reo lên:

- Chính em, chính em đã cứu ta khi ta mê man trên bãi biển.

Rồi chàng ôm lấy người vợ chưa cưới và bảo nàng tiên cá:

- Hạnh phúc quá! Điều mơ ước tha thiết nhất đời ta đã thực hiện được. Cô bạn quý mến nhất của ta ơi, em hãy chia sẻ hạnh phúc với ta!

Nàng công chúa thủy cung hôn tay hoàng tử, nhưng cảm thấy cõi lòng tan nát. Ngày cưới chàng sẽ là ngày nàng từ giã cõi trần và biến thành bọt biển.

Chuông tất cả các nhà thờ khua vang, sứ giả chạy khắp nơi báo tin công chúa kết hôn. Trên khắp các bàn thờ, dầu thơm bốc lên nghi ngút trong những cây đèn bạc quý giá. Các cha cố lắc lư đỉnh trầm, cặp vợ chồng mới cầm tay nhau nhận phước đức giám mục. Nàng tiên cá, bận áo lụa thêu vàng, nâng đuôi áo của công chúa. Nhưng nàng chẳng còn nghe thấy tiếng nhạc du dương, chẳng còn trông thấy lễ cưới tưng bừng. Nàng còn phải nghĩ đến cái chết đêm nay và tất cả những gì sẽ mất đi, đối với nàng, trên thế gian này.

Ngay đêm đó, cặp vợ chồng mới cưới trở lại con tàu giữa tiếng súng chào cờ và cờ bay phấp phới. Chính giữa tàu là căn lều có căng màn đỏ rực thêu vàng, nơi mà cặp vợ chồng mới sẽ nghỉ đêm.

Gió căng buồm và tàu lướt nhẹ nhàng trên làn nước trong vắt.

Đêm đến, người ta đốt đuốc sáng trưng, thủy thủ nhảy múa vui vẻ trên boong. Nàng tiên cá nhớ lại cái đêm đầu tiên nàng được phép lên mặt biển. Nàng đã được trông thấy một cuộc dạ hội tưng bừng náo nhiệt như đêm nay. Lúc này nàng còn đủ can đảm để khiêu vũ, nàng nhảy múa nhẹ như én liệng làm mọi người phải thán phục, chưa bao giờ nàng nhảy đẹp như đêm nay. Chân bước như giẫm trên gốc rạ vót nhọn, nhưng nàng đâu có cảm thấy đau, vì còn có một nỗi đau khổ mãnh liệt hơn đang giày vò tâm can nàng. Nàng

biết rằng đêm nay là đêm cuối cùng nàng được nhìn thấy con người mà vì ai nàng đã lìa bỏ cha mẹ, quê hương, hy sinh tiếng nói và giọng hát huyền diệu, và ngày lại ngày, nàng đã phải âm thầm chịu đựng bao nhiêu nỗi đau đớn ê chề mà không ai biết tới. Đêm nay là đêm cuối cùng nàng được thở chung không khí với người đó, nàng được nhìn thấy biển sâu và trời cao vắng vặc. Một đêm sâu thẳm, vĩnh viễn, một đêm vô tri vô giác, không mơ, không mộng, đang chờ đón nàng, chỉ vì nàng không có và chẳng thể có một linh hồn bất diệt được.

Cuộc vui rộn rã trên tàu kéo dài đến nữa đêm, nàng tiên cá đáng thương vẫn tươi cười và nhảy múa, nhưng đã chết cả cõi lòng. Hoàng tử ôm hôn người vợ xinh đẹp, nàng đùa vào mái tóc đen của chàng và họ khoác tay nhau vào nghỉ trong căn lều lộng lẫy.

Tàu trở lại yên tĩnh. Hoa tiêu ngồi trong buồng lái. Nàng tiên cá dựa vào dây buồm và đưa mắt nhìn ánh bình minh lộ lên ở phương đông. Nàng biết chắc rằng ánh thái dương đầu tiên sẽ giết chết nàng ngay tại chỗ.

Bỗng nàng thấy các chị nàng nổi lên, trông mặt họ cũng tái mét, chẳng kém gì nàng, mớ tóc dài đã bị cắt cụt, không còn phất phơ trước gió nữa. Họ nói:

- Các chị đã biếu mụ phù thủy tất cả tóc để cứu em khỏi cái chết đêm nay. Mụ đã cho lại các chị con dao găm này. Trước khi mặt trời mọc em phải cắm nó vào tim hoàng tử. Hễ máu chàng chảy xuống chân em, lập tức đôi chân sẽ biến thành đuôi cá. Em sẽ trở thành tiên cá, nhảy xuống nước là sẽ sống đủ ba trăm năm cho đến ngày hóa thành bọt biển. Nhưng mau lên em! Em có trông thấy cái vạch đỏ ở chân trời kia không? Trong mấy phút nữa, mặt trời sẽ mọc và em sẽ chết đấy!

Các chị thở dài não nuột và lặn xuống biển. Nàng tiên cá vén rèm cửa lên và trông thấy, người vợ trẻ ngủ dựa đầu trên ngực hoàng tử. Nàng cúi xuống hôn vào cái trán trơn mịn của chàng, nhìn về phía chân trời, nơi vừng đông mỗi lúc càng đỏ tía. Nàng ngắm nghía lưỡi dao găm trong tay, rồi đưa mắt nhìn hoàng tử đang nhẩm tên mình trong giấc mơ.

Phải, chàng chỉ nghĩ đến vợ chàng thôi. Con dao găm rung lên

trong bàn tay nàng tiên cá. Bất giác, nàng quẳng nó xuống biển. Nước bắn tung tóe lên nom như những giọt máu đỏ sẫm.

Nàng nhìn hoàng tử một lần cuối rồi gieo mình xuống biển và cảm thấy thân thể tan thành bọt.

Vừa lúc ấy, vừng dương nhô lên khỏi mặt biển. Những tia nắng ấm áp, dịu dàng, chiếu trên đám bọt lạnh ngắt và nàng tiên cá cảm thấy mình chưa chết. Nàng trông thấy vừng dương xán lạn.

Trên mặt nước hàng trăm sinh vật đang bay lượn và ca hát. Qua thân hình trong vắt của chúng nàng nhìn thấy những cánh buồm trắng của con tàu trên nền trời đỏ rực.

Tiếng hát của các sinh vật ấy rất du dương, những kẻ phàm tục không thể nghe thấy, cũng như con mắt người thường không thể trông thấy các sinh vật ấy. Chúng không có cánh, nhưng vẫn bay lượn được, vì thân thể quá nhẹ nhàng. Nàng tiên cá cũng biến hình giống chúng và thoát dần ra khỏi bọt biển.

- Ta ở đâu thế nhỉ? - Nàng tự hỏi bằng một giọng giống như các sinh vật trên không, nhẹ nhàng đến nỗi không giọng nói trần tục nào sánh kịp.

Có tiếng đáp:

- Hiện nay nàng đang ở với những người con gái của không trung. Các tiên cá không có một linh hồn bất diệt và chỉ có được là nhờ tình yêu của một người đàn ông trên mặt đất. Đời họ vĩnh viễn hay không là nhờ vào người khác. Chúng tôi, những người con gái của không trung, không có linh hồn bất diệt. Nhưng, nếu chúng tôi làm được nhiều điều thiện chí thì chúng tôi cũng có thể có một linh hồn. Chúng tôi bay đến những xứ nóng, nơi ôn dịch đang hoành hành để cứu vớt loài người. Chúng tôi thả trong không trung hương hoa thơm ngát để chữa bệnh cho họ. Trong ba trăm năm, nếu chúng tôi mang hết tâm lực làm điều thiện, chúng tôi sẽ được cùng loài người chia sẻ hạnh phúc vĩnh viễn.

- Thế còn tôi?

- Nàng ư? Nàng tiên cá đáng thương, nàng đã đau khổ quá nhiều,

và đã làm nhiều việc nhân đức, nếu nàng cũng được nâng lên hàng con gái của không trung, và từ bây giờ, nếu nàng làm được nhiều điều thiện trong ba trăm năm, nàng cũng sẽ có một linh hồn bất diệt.

Nghe vậy, nàng tiên cá dang đôi tay trong vắt lên trời, và lần đầu tiên, đôi mắt nàng đẫm lệ.

Trên tàu, tiếng động và tiếng ồn ào trở lại. Nàng nhìn thấy hoàng tử và công chúa xinh đẹp đang chăm chú tìm nàng. Họ lo lắng nhìn xuống làn nước ngầu bọt, như ngờ rằng nàng đã gieo mình xuống biển.

Nàng tiên cá vô hình hôn lên trán công chúa, mỉm cười với hoàng tử rồi nhập vào đoàn con gái của không trung, cưỡi trên đám mây hồng, bay bổng lên trời.

- Ba trăm năm nữa chúng ta sẽ được bay như thế này lên thiên đàng - Một nàng con gái của không trung nói.

Một nàng khác bảo:

- Có thể sớm hơn.

- Tại sao?

- Chúng ta sẽ len lỏi vào nhà những người trần có con cái, và mỗi lần tìm thấy một đứa bé ngoan ngoãn làm vui lòng cha mẹ, xứng đáng được cha mẹ yêu quý, Thượng Đế sẽ rút ngắn thời gian thử thách cho chúng ta. Các cháu bé không biết chúng ta bay lượn trong phòng và mỗi lần chúng ta mỉm cười sung sướng với một cháu bé ngoan, chúng ta sẽ bớt đi một năm trong số ba trăm năm. Nhưng mỗi lần ta gặp phải một đứa bé gian ác làm cho chúng ta phải rỏ lệ đau buồn, thời gian thử thách của chúng ta sẽ tăng lên một ngày.

NGÔI NHÀ CỔ

Ở đầu phố, có một ngôi nhà cổ, cổ lắm, xây từ ba trăm năm nay. Người ta đọc thấy điều đó trên một cái xà lớn có ghi ngày tháng xây dựng ngôi nhà và đã bị uất kim hương và dây hốt bố phủ kín. Cũng còn thấy khắc trên xà trọn cả những tiếng thánh kinh Cơ đốc và trên mỗi cửa sổ đều có chạm nổi trên gỗ hình mặt người nhăn nhó. Tầng gác trên nhô ra ngoài tầng dưới, một ống máng chạy theo dọc mái nhà, cuối máng có hình một cái đầu rồng, đáng lẽ nước mưa phải chảy ra đằng miệng rồng, nhưng lại đổ xuống từ bụng rồng, vì ống máng bị thủng.

Những ngôi nhà khác trong phố đều là nhà mới cả, nhà nào cũng có cửa kính lớn và tường quét sơn. Hình như người ta muốn cho các ngôi nhà này có cái gì khác ngôi nhà cổ.

Dãy nhà mới hình như muốn nói lên rằng: "Liệu cái nhà cũ kỹ kia còn tồn tại đến bao giờ để làm xấu cả dãy phố này nhỉ? Nó vít kín cả tầm mắt, chẳng còn cho ai nhìn thấy cửa sổ hai bên đầu hồi chúng mình nữa. Cầu thang rộng như cầu thang một tòa lâu đài và cao như gác chuông ấy! Hàng lan can sắt nom cứ như hàng rào một cái mồ, lại còn những nắm đấm bằng đồng cắm trên các thanh sắt nữa. Nhìn mà xem, tởm quá đi mất."

Đối diện với ngôi nhà cổ cũng có nhiều nhà mới và đẹp, hình như mấy nhà này cũng đồng ý kiến như trên.

Nhưng có một đứa trẻ ngồi sau một cái cửa sổ, đôi má đỏ hồng, cặp mắt lanh lợi sáng ngời, lại cho ngôi nhà cổ là đẹp dù là ban ngày, dưới ánh mặt trời hay là ban đêm, dưới ánh trăng. Lắm lúc em bé ngắm nhìn ngôi nhà hồi lâu, và những khi ấy, em tưởng tượng ra dãy phố thời xưa với các cầu thang gác, các góc tường và các mái nhà nhọn hoắt. Em hình dung rõ cả những quân lính vác kích, những ống máng chạm rồng và kỳ lân.

Quả thật, ngôi nhà ấy đáng được để ý. Chủ nhà là một cụ già đến giờ vẫn còn mặc quần chẽn bằng da theo kiểu thời cổ và mặc cái áo đơm khuy đồng. Cụ còn có một bộ tóc giả, một bộ tóc giả thực sự.

Sáng sớm, một người đầy tớ đến dọn dẹp nhà cửa sau đó, ông cụ thui thủi một mình suốt ngày. Thỉnh thoảng cụ đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Một hôm cậu bé chào cụ rất lễ phép và cụ đáp lại. Từ đấy ông già và cháu bé quen nhau và trở thành đôi bạn, tuy chẳng nói với nhau lấy một lời.

Có một lần cậu bé nghe thấy người ta nói với cha mẹ cậu: "Chắc ông lão trước cửa giàu lắm, nhưng sống cô đơn như vậy thì buồn quá".

Một ngày chủ nhật, cậu gói vật gì trong một mẩu giấy, đi đến đứng trước cửa ngôi nhà cổ và khi người đầy tớ có việc đi ra ngoài, cậu nói với bác ta:

- Cháu nhờ bác làm ơn đưa biếu cụ chu bác cái này giúp cháu. Cháu có hai chú lính chì, cháu gửi biếu cụ một chú, vì cháu biết cụ sống có một mình.

Người đầy tớ mỉm cười, chào cậu bé và đem chú lính chì vào cho ông cụ.

Hôm sau anh ta đến nhà hỏi cậu bé có muốn đến thăm ông cụ hay không. Cha mẹ bằng lòng cho phép và cậu đi sang ngôi nhà cổ.

Những nắm đấm bằng đồng trên bao lơn cầu thang gác sáng bóng hơn lúc nào hết, dường như để chào đón cậu bé sang chơi. Những chiếc kèn đồng chạm trên cửa ra vào dường như muốn ráng hết sức thổi: "Tò te tí, cậu bé con đã sang đây rồi, tí te tò!" Cửa mở. Suốt dọc dãy hành lang, treo toàn chân dung các hiệp sĩ mặc áo giáp và các cô các bà mặc áo dài lục. Hình như cậu bé vẳng nghe thấy tiếng chiến bào bằng đồng thau va chạm vào nhau và tiếng sột soạt của các bộ áo dài.

Cậu leo một cầu thang dài và lên tới một bao lơn nhìn xuống một cái sân to. Không người săn sóc, sàn bao lơn nứt thủng khắp nơi, rêu cỏ mọc đầy, chẳng khác gì ngoài sân và trên bờ tường ngoài trời.

Trên bao lơn có nhiều chậu hoa cổ bằng thứ sành rất quý, tạc theo

hình những cái đầu kỳ quái có tai to như tai lừa dùng làm quai chậu. Người ta đã trồng những cây hiếm có vào đấy nhưng để mặc, muốn mọc thế nào thì mọc, cho nên giờ đây chỉ còn là một cụm lá không hoa. Trong một chậu, mấy bông cẩm chướng khe khẽ hát: "Gió nhẹ đã vuốt ve chúng ta, ánh mặt trời đã lướt qua chúng ta và đã hứa cho chúng ta nở một bông hoa nho nhỏ vào ngày chủ nhật".

Từ bao lơn đi vào là một căn phòng tường lát bằng đá có in những bông hoa vàng óng rất đẹp. Các bức tường dường như muốn nói rằng: "Nước sơn thếp vàng bay dần, nhưng da thì còn mãi".

Còn có cả những ghế bành với những tấm tựa lưng cao chạm trổ, dường như đang mời khách: "Ngồi xuống đây ngồi xuống đây!".

Cuối cùng cậu bé đi đến căn phòng ông già đang đứng. Cụ nói:

- Cám ơn, cháu đã cho lão chú lính chì. Cám ơn cháu đã đến thăm lão. Cám ơn, cám ơn!

Cọt kẹt. Các đồ gỗ trong nhà dường như kêu lên và đang ngắm nhìn cậu bé.

Giữa một bức tường có treo chân dung một bà tuyệt đẹp: vẻ mặt hớn hở, nhưng mặc áo kiểu cổ, tóc rắc phấn, váy xòe như cái nơm.

Bức chân dung không nói "cám ơn", cũng chẳng kêu "cọt kẹt", nhưng đưa mắt xuống nhìn cậu bé một cách dịu dàng. Cậu hỏi ông già:

- Thưa cụ, bà xinh đẹp này ở đâu đến đây thế ạ?

- Ở nhà người bán đồ cũ đến đấy, cháu ạ. Ở đấy người ta còn nhiều bức họa nữa nhưng chẳng ai biết đến và cũng chẳng quan hệ đến ai, vì những người vẽ trong tranh đã chết và chôn từ lâu rồi. Riêng bà này thì ta quen từ hồi còn trẻ, bà ta chết đã được nửa thế kỷ nay.

Dưới bức tranh có một đóa hoa héo, dường như cũng đã được bày đó đến nửa thế kỷ nay, Quả lắc chiếc đồng hồ lớn vẫn tiếp tục kêu tích tắc đều đều, kim quay chầm chậm. Trong ngôi nhà cổ, tất cả đều già đi như thế, nhưng chẳng ai để ý đến.

Cậu bé lại lên tiếng:

- Cha mẹ cháu bảo là cụ sống cô đơn quá.

- Ồ! Không đâu. Lão có nhiều kỷ niệm xưa vẫn thường đến thăm lão, rồi bây giờ lại có cả cháu đến nhà này. Ta cảm thấy rất sung sướng.

Cụ mở tủ lấy ra một quyển sách toàn là tranh vẽ, nào là những đám rước dài dằng dặc, nào là những xe loan tuyệt đẹp ngày nay không còn có nữa, nào là những thầy quyền nom giống hệt như những anh lính hầu vẽ trong quân bài "tép"; nào là những thị dân với cờ hiệu về nghề nghiệp của họ. Trên cờ hiệu của các bác phó may có hai con sư tử cầm kéo, còn cờ hiệu của thợ giày thì có con chim ưng hai đầu, vì đối với thợ giày cái gì cũng phải có đôi cả.

Cụ già sang buồng bên cạnh để lấy bánh mứt và hoa quả.

Cậu bé nghĩ thầm:

- Ngôi nhà cổ này cũng dễ chịu đấy chứ?

- Tôi thì tôi không chịu được nữa rồi! - Chú lính chì đứng trên tủ bỗng nói to lên. - Ở đây buồn và tẻ lắm, ai đã quen sống cảnh gia đình thì không thể ở đây được đâu! Ngày trôi đi một cách buồn tẻ, đêm dài vô kể. Ở đây không có cái không khí êm đềm, âu yếm như khi cha mẹ cậu ngồi nói chuyện với nhau ở đằng nhà đâu. Ở nhà cậu, ít nhất cậu còn có thể đùa nghịch ầm ĩ với các em giai, em gái cậu. Còn ở nhà ông cụ này sao mà buồn tẻ đến thế! Chẳng có ma nào hôn ông ta hay biếu ông ta lấy một cây thông Noel! Rồi cũng có ngày người ta sẽ biếu ông ta một cái quan tài, thế là xong. Tôi không chịu được nữa rồi!

Cậu bé bảo:

- Sao lại sốt ruột và khó tính nết đến thế. Tao thì lại thấy cái gì ở đây cũng tuyệt cả, ấy là chưa nói đến những cái ông cụ có thể làm sống lại trong tâm trí.

- Tôi chẳng bao giờ được biết những cái ấy đâu. Tôi van cậu, hãy đem tôi về với.

- Không được, mày phải ở lại đây làm bạn với ông cụ.

Vừa lúc ấy, cụ già hớn hở quay vào, mang theo bánh mứt, táo, hạt dẻ và nhiều thứ quà khác. Cụ bày tất cả trước mặt cậu bạn nhỏ làm cho cậu quên cả chú lính chì và những lời than phiền của chú.

Sau một ngày sống ở ngôi nhà cổ, cậu bé khoan khoái trở về nhà. Ngay hôm sau cậu lại ra cửa sổ để vẫy chào người bạn mới.

Chỉ vài ngày sau cậu lại được ông già mời đến.

Tiếng kèn đồng lại nổi lên: "Tò te tí! Cậu bé lại sang chơi đây rồi, tí te tò?". Các hiệp sĩ và các bà, các cô trong tranh nhìn người bạn trẻ của cả nhà đi qua; ghế bành lại kêu lên "cót két"; các bức tượng lại nhắc lại rằng da lát tường bền hơn nước sơn thiếp vàng, tóm lại, mọi việc xảy ra y như ngày đầu tiên. Ngày giờ có khác, nhưng trong ngôi nhà cổ, không có gì thay đổi.

Chú lính chì lại nói:

- Tôi không chịu được nữa rồi. Ở đây hiu quạnh đến nỗi tôi khóc rỏ cả nước mắt bằng chì ra. Thà cho tôi ra trận đánh nhau cụt chân, cụt tay còn hơn; như thế, ít nhất cũng có một sự thay đổi. Tôi không chịu được nữa rồi. Bây giờ tôi mới biết thế nào là nhớ lại các kỷ niệm thời xưa. Ở đây chẳng có gì là thích thú cả. Tôi chỉ muốn đâm đầu từ cái tủ xuống mặt sàn. Ở trên mặt tủ, tôi trông thấy cả nhà bên ấy như là các bạn ở ngay trước mặt tôi.

"Tôi nhớ lại một buổi sáng chủ nhật, các cô các cậu họp nhau lại hát một bài thánh thi trong lúc cha mẹ cậu ngồi nghe một cách thành kính. Bỗng cô Maria, em út của cậu mới lên hai tuổi, bước vào buồng và cứ như mọi khi, hễ nghe thấy tiếng nhạc là nhảy rồi, nhưng lần này không thể nhảy theo điệu bài thánh kinh được, vì nhịp chậm quá cô bé không thể giơ chân lâu được. Cô lại lắc lư cái đầu theo nhịp điệu làm cho cả nhà bật cười. Còn tôi tôi cười mạnh đến nỗi, nhân có một chiếc xe đi qua, làm rung chuyển cả nhà, tôi lăn xuống sàn bươu cả đầu. Cũng được thôi! Thà ngã mười lần một ngày còn thích hơn sống buồn tẻ trên cái tủ này giữa mớ kỷ niệm cũ rích.

"Nhưng này cậu ơi, dạo này, sáng chủ nhật, các cô các cậu còn hát

nữa không? Cô Maria dạo này ra sao, còn anh bạn lính chì kia của tôi thế nào rồi? Chắc gã sung sướng lắm đấy nhỉ? Còn tôi thì không chịu nổi nữa rồi.

Cậu bé đáp:

- Tao đã đưa biếu mày cho ông cụ. Mày phải ở lại đây. Có thế mà cũng không hiểu à?

Vừa lúc đó, ông cụ đem đến những hộp đựng đầy đồ chơi cổ, những cỗ bài to bản thếp vàng, rất hiếm. Cụ mở chiếc đàn phong cầm cổ, bên trong có những bức vẽ mục đồng và những bức họa phong cảnh rất đẹp. Cụ dạo một bản nhạc cổ, tiếng đàn hơi lạc điệu, các nốt đều hơi sai, nhưng khi nghe thấy điệu nhạc ấy, người đàn bà trẻ trong tranh hình như động đậy. Cụ già nhìn bức họa với đôi mắt long lanh ngời sáng và nói:

- Phải, đây là một điệu nhạc mà ta biết hát.

- Tôi muốn ra trận! Tôi muốn ra trận! - Chú lính chì vừa kêu vang lên vừa giãy giụa đến nỗi lăn đùng xuống sàn nhà.

Chú rơi đâu mất rồi, cụ già và cậu bé tìm mãi nhưng chú đã ra đi không trở lại.

- Lão sẽ tìm thấy chú. - Cụ già nói vậy, nhưng chẳng tìm ra chú lính chì.

Sàn nhà đầy những khe cùng lỗ. Chú lính chì đã lọt qua một khe xuống phía dưới và mất tích rồi.

Hết ngày hôm đó, cậu bé lại trở về nhà. Nhiều tuần lễ trôi qua.

Đông đến, băng bám trên các cửa sổ, cậu bé phải hà hơi lên các ô kính thành một hình tròn để nhìn qua ngôi nhà cổ. Kèn đồng và những hình chạm trổ trên vách gỗ gần như biến hẳn dưới lớp tuyết phủ. Ngôi nhà cổ cô tịch hơn bao giờ hết, chẳng có ai vào ra cả.

Và quả đúng như thế thật, vì ông già đã chết. Chiều đến, một chiếc xe dừng lại trước cửa. Người ta đưa linh cữu đi chôn rất xa, trong một cái làng của họ nhà ông cụ. Xe chuyển bánh. Chẳng có một ai

theo, vì bạn bè ông cụ đã chết từ lâu. Chỉ có mỗi mình cậu bé gửi theo linh xa một chiếc hôn từ biệt.

Vài hôm sau, người ta bán ngôi nhà. Đứng bên cửa sổ nhà mình cậu bé trông thấy người ta đem đi tất cả các đồ đạc: chân dung hiệp sĩ và các bà già, chậu hoa, ghế bành.

Tất cả đồ đạc đều bị phân tán. Bức vẽ người thiếu phụ mà ông già mua của người bán đồ cũ lại trở về với chủ cũ và treo tại nhà người ấy mãi mãi, vì chẳng ai quen biết bà ta và cũng chẳng ai quan tâm đến bức họa cũ kỹ ấy.

Đến mùa xuân, ngôi nhà ấy bị phá đi, vì người ta cho rằng nó chỉ còn là một cái túp ọp ẹp. Giờ đây đứng ngoài đường cũng trông thấy những tấm da lát vách và những dây lá xanh leo trên bao lơn.

Các căn nhà bên cạnh thở phào:

- Thế là xong.

Người ta xây một ngôi nhà đẹp có cửa sổ to, tường quét vôi trắng; phía trước, nơi dựng ngôi nhà cổ trước đây, người ta sửa sang lại thành một mảnh vườn nhỏ và đem trồng nho dại cho leo lên tường ngôi nhà mới. Vườn rào bằng sắt, có một chiếc cổng to lớn, nặng nề, người qua đường thường dừng lại trước cổng để nhìn vào bên trong.

Hàng đàn chim sẻ đến đậu trong dàn nho dại, vừa tranh nhau ăn vừa cãi nhau ríu rít, nhưng cuộc tranh cãi của chúng chẳng liên quan gì đến ngôi nhà cổ, vì chúng chẳng còn nhớ gì cả.

Nhiều năm nối tiếp nhau trôi qua. Cậu bé bây giờ đã là một người lớn, một người có địa vị. Chàng vừa mới kết hôn và sống với người vợ trẻ trong căn nhà có mảnh vườn nhỏ ấy.

Một hôm, chàng đứng cạnh người vợ đang ngồi trồng lại một cây hoa nhỏ ở giữa vườn. Nàng lấy tay bới đất ẩm bỗng chạm phải một vật nhọn lòi lên mặt đất.

Thì ra là một chú lính chì, chú lính chì mà ông già đã mất ngày nào và đã nằm dưới đất dòng dã bao năm qua.

Người thiếu phụ lấy một chiếc lá lau sạch chú lính xinh xắn, rồi gói vào chiếc mùi xoa thơm phức của mình. Chú tưởng như tỉnh lại sau một giấc ngủ say sưa.

Người chồng nói.

- Cho anh xem nào.

Nói rồi, chàng mỉm cười và lắc đầu nói tiếp:

- Chưa chắc đã phải chú lính chì này, nhưng chú cũng làm anh nhớ lại một chuyện đã xảy ra giữa anh và một chú lính chì, hồi anh còn bé.

Chàng kể cho vợ nghe chuyện ngôi nhà cổ, cụ già và chú lính chì mà chàng đã gửi biếu để làm bạn với ông cụ trong cảnh cô đơn. Chàng kể chuyện cảm động đến nỗi cô vợ rỏ nước mắt thương hại ngôi nhà cổ và ông cụ già.

Nàng nói:

- Có lẽ đúng là chú lính chì ấy đấy. Em muốn giữ chú ấy lại và không bao giờ quên câu chuyện anh đã kể cho em nghe. Nhưng anh sẽ chỉ cho em ngôi mộ của ông cụ nhé!

- Anh không biết mộ ông cụ ở đâu và cũng chẳng ai biết cả, các bạn ông ta đều đã chết, còn anh hồi đó còn bé quá.

- Ông cụ cô đơn quá, anh nhỉ?

Bỗng nhiên chú lính chì nói:

- Vâng, cô đơn, nhưng không bị quên đi là tốt rồi.

- Tốt! Có người nào vừa nói lên tiếng ấy, nhưng chẳng rõ là ai. Trên mặt đất còn sót lại một miếng da lát vách, giờ đây nom lẫn với đất, vì nước sơn thếp vàng đã long hết.

Miếng da vẫn còn thì thầm: “Nước thếp vàng mất đi nhưng da vẫn còn lại”.

Chú lính chì bé nhỏ không tán thành ý kiến ấy.

CÔ BÉ CHĂN CỪU VÀ CHÚ THỢ NẠO ỐNG KHÓI

Các bạn đã bao giờ trông thấy một cái tủ cổ, đen nhánh và chạm trổ đủ các kiểu lá cây chưa? Trong căn phòng lớn của gia đình chúng tôi có một cái tủ như vậy đấy. Vật ấy là của gia bảo, từ thời cụ kỵ chúng tôi để lại. Từ mặt đến chân đầy những hình chạm trổ mỹ thuật: hoa hồng, uất kim hương và cành lá rườm rà, ở giữa nổi lên những hình đầu hươu. Chính giữa tủ là một hình người có bộ mặt trông đến tức cười, nhưng thực ra thì người ấy đang nhăn nhó. Hình người ấy có chân như chân dê, lại có đôi sừng nhỏ trên trán và một bộ râu dài.

Phải có khiếu mỹ thuật và mất nhiều công phu mới chạm trổ được như vậy. Thật là một kiệt tác. Hình người chăn dê luôn luôn nhìn xuống cái mặt bàn kê dưới tấm gương, trên bàn có bày tượng một cô bé chăn cừu xinh xinh bằng sứ. Cô đi giày thếp vàng, trên váy có dính một đóa hoa hồng. Cô còn có một chiếc mũ vàng và một cái gậy xua cừu nữa (Gậy ở đầu có sắt dùng để hắt đất và lùa súc vật). Tóm lại, cô rất xinh.

Gần bên cô có một chú thợ nạo ống khói cũng bằng sứ, nhưng đen như than. Chú cũng sạch sẽ như ai, sở dĩ chú làm nghề nạo ống khói vì người ta đã nặn chú như thế. Giá người ta nặn chú thành hoàng tử thì cũng được thôi. Chú đứng đấy với chiếc thang nhỏ của chú, má đỏ như má con gái. Khuyết điểm tại người nặn tượng, nhẽ ra chú đứng kề ngay bên cô gái chăn cừu và, do sống gần với nhau như vậy, nên họ đã đính hôn với nhau. Cả hai đều trẻ, đều làm bằng một loại sứ như nhau, và đều dễ vỡ.

Gần đấy có một cái tượng cũng bằng sứ, to gấp ba lần hai tượng kia. Đó là tượng một ông phỗng già biết lắc lư cái đầu và tự xưng một cách vô căn cứ là ông nội của cô bé chăn cừu.

Lão quả quyết rằng đã là cháu thì cô bé phải nghe theo lời lão. Gã chăn dê bên tủ gật đầu tán thành vì lẽ gã muốn lấy cô gái chăn cừu.

Phỗng già bảo cô bé:

- Ta thấy hắn là người xứng đáng với cháu. Hắn bằng gỗ vàng tâm đấy. Trong tủ hắn đầy những đồ bằng bạc, chưa kể những thứ cất trong ngăn kéo bí mật.

Cô bé thở dài:

- Tôi không muốn vào cái tủ tối tăm ấy. Nghe đâu hắn đã có mười một người vợ bằng sứ ở trong ấy rồi.

- Thế thì cháu sẽ là người thứ mười hai chứ sao? Đêm nay, khi nào có tiếng răng rắc từ trong tủ phát ra thì lễ cưới sẽ được cử hành. Ta mà nói sai thì không phải là người nữa.

Lão nói đoạn, gật đầu một cái rồi lim dim ngủ.

Cô gái chăn cừu òa lên khóc, mắt buồn bã nhìn chú thợ nạo ống khói yêu dấu của mình. Nàng than thở:

- Em tha thiết van anh đưa em cùng anh đi trốn, đôi ta chẳng thể ở đây được nữa đâu, anh ạ!

- Em muốn gì anh cũng làm theo, chúng ta sẽ cùng nhau đi ngay lập tức. Anh có nghề nghiệp, nhất định sẽ nuôi được em.

Nàng lại thở dài:

- Ước gì chúng ta xuống được dưới gậm bàn. Chúng ta chưa đi khỏi nơi này là em chưa an tâm.

Chú tìm hết cách an ủi cô bé, dặn cô phải cẩn thận khi đặt chân xuống cái mép bàn đã ọp ẹp. Nhờ có cái thang nhỏ của chú mà hai người tụt được xuống sàn nhà. Nhưng liếc nhìn cái tủ cổ, hai người trông thấy một hiện tượng quái lạ: tất cả những con hươu chạm trổ trên tủ đều nghển đầu và vươn cổ, giương sừng ra. Gã chăn dê tức lồng lộn và hét lên, mách phỗng già:

- Chúng nó trốn đi, chúng nó trốn đi kìa!

Hai người hốt hoảng vội trốn vào một góc khuôn cửa sổ. Ở đấy có ba bốn cỗ bài lá không đủ quân, và còn có cả một sân khấu múa

rối rất giản dị. Ở đấy đang diễn kịch và tất cả các đầm cơ rô, đầm tép, đầm pích đều ngồi xem trên hàng đầu và phe phẩy quạt bằng những cánh hoa uất kim hương. Hàng sau là những quân J phô trương hai cái đầu lộn ngược, đúng như hình in trên các con vật. Vở kịch diễn tả một đôi trai gái yêu nhau mà không lấy được nhau. Cô gái chăn cừu thấy giống hệt cảnh ngộ mình, không thể cầm được nước mắt, phải la lên:

- Em không thể chịu được, phải đi khỏi cái khuôn cửa sổ này thôi!

Nhưng khi cả hai tụt được xuống sàn và nhìn lên thì thấy phỗng già đã tỉnh giấc và đang lắc lư nửa người lão (lão không ngọ nguậy được toàn thân vì hai chân liền thành một khối).

Cô gái chăn cừu la lên:

- Lão Phỗng già đến kìa!

Và thất vọng, đôi chân của nàng khuỵu xuống. Chú thợ nạo ống khói bảo:

- Anh vừa nảy ra một ý định, em ạ. Lại đây, chúng mình sẽ bò lên chỗ hộp phấn thơm ở góc đằng kia, nằm lên những đóa hồng và cải hương thảo, nếu lão phỗng già đến gần, chúng ta sẽ bốc phấn ném vào mắt lão.

- Chẳng được đâu, em biết lão phỗng già và hộp phấn đã đính hôn với nhau từ lâu. Tục ngữ có câu: “Tình xưa bền mãi!” Không! Chúng ta chỉ còn một con đường là chuồn thôi anh ạ!

- Em có đủ can đảm chu du khắp thế giới cùng anh thật không? Em đã nghĩ kỹ chưa, em có biết là thế giới rộng bao la và nếu chúng ta ra đi là để không bao giờ trở lại.

- En biết lắm.

Chú thợ nạo ống khói trầm ngâm nhìn nàng rồi nói:

- Dĩ nhiên là anh phải đi ra ngoài ấy bằng lối ống khói. Còn em, em có đủ can đảm chui qua lò sưởi và ống dẫn khói không? Qua được bước ấy thì các bước sau chỉ là một trò chơi. Chúng ta sẽ lên cao đến nỗi không ai chạm đến chúng ta được, và chúng ta chỉ chui

qua một cái lỗ là ra đến thế giới bao la.

Vừa nói, chú vừa kéo cô nàng về phía lò sưởi.

- Tối om thế này, nhưng không sao.

Nói rồi cô bé chui vào miệng lỗ, rồi vào ống khói. Tối như bưng.

- Chúng mình đã vào đến ống khói rồi đấy! Em hãy nhìn lên bầu trời mà xem, sao lấp lánh nom đẹp chưa kìa!

Đúng thế, một ngôi sao đang lấp lánh trên đầu họ, dường như soi cho họ đường đi từ dưới lên tận trời cao. Thế là cả đôi leo, leo mãi lên cao. Chàng đỡ nàng, chỉ cho nàng những chỗ chắc nhất để đặt đôi chân xinh xắn bằng sứ của nàng vào. Cuối cùng, họ lên đến miệng ống khói. Lên tới nơi, cả hai đều mệt lử và họ ngồi xuống nghỉ. Điều đó chẳng có gì là lạ. Giờ đây trên đầu họ là cả bầu trời bao la đầy sao. Phía dưới các mái nhà trong thành nối nhau liên tiếp, trước mắt họ mở ra một cảnh mênh mông. Cô bé chăn cừu không ngờ thế giới lại rộng lớn đến thế. Cô gục đầu vào vai anh thợ nạo ống khói và khóc thảm thiết đến nỗi vàng dát trên thắt lưng của cô chảy thành nước. Cô nói:

- Quá lắm, em không chịu được nữa đâu! Thế giới rộng quá lắm anh ạ! Trời! Giá chúng mình được trở lại trên chiếc bàn nhỏ dưới tấm gương. Trở lại chốn ấy, em mới an tâm và sung sướng. Em đã theo anh đi ra thế giới thì, nếu quả thật anh yêu em, anh lại có thể theo em về nhà được lắm chứ!

Chú thợ nạo ống khói cố thuyết phục nàng. Chú nhắc đến gã chăn dê, nhưng nàng xin lỗi và hôn chàng tình tứ đến nỗi, rốt cuộc, chú cũng phải nghe theo, mặc dù lúc trèo xuống khó khăn hơn trèo lên nhiều.

Thế là họ lại theo ống khói tụt xuống một cách khó nhọc. Sau cùng, họ về đến lò sưởi. Họ đứng sau cửa lò nghe ngóng xem trong nhà có gì xảy ra. Im như tờ. Họ mở cửa. Trời! Lão phỗng già nằm sõng sượt giữa nhà, vì muốn đuổi theo họ nên lão đã rơi từ trên bàn xuống và giờ đây lão đã bị vỡ làm ba mảnh nằm đấy, đầu lăn vào một xó. Gã chăn dê trên tủ vẫn đứng nguyên chỗ cũ, hắn đang suy nghĩ, vẻ mặt đăm chiêu.

Cô bé chăn cừu thốt lên:

- Khủng khiếp quá anh ạ! Ông em vỡ làm ba mảnh là tại chúng ta đấy. Em không sống nổi nữa đâu! - Nói rồi nàng vặn vẹo đôi tay.

- Có thể gắn ông ấy lại được em ạ, thật đấy, em đừng sợ, bôi tí keo vào lưng và cắm một cái móc sắt vào gáy là ông em lại có thể quở mắng chúng mình như bình thường.

- Thật không?

Họ lại trèo lên bàn và đứng vào chỗ cũ. Chú thợ nạo ống khỏi mỉa mai:

- Được chưa? Thế là chúng ta lại trở về chỗ cũ, thật công toi!

- Chỉ ước gì ông em được gắn lại! Có tốn lắm không anh?

Người ta đem gắn lão phỗng già lại, đóng cho lão một cái móc sắt sau gáy, nom lại mới như trước, chỉ hiềm nỗi lão không đu đưa cái đầu như trước được nữa.

Gã chăn dê nói với lão:

- Từ khi bị vỡ tới nay, nom bác có vẻ kiêu ngạo tợn. Có gì mà làm bộ làm tịch kia chứ? Nhưng này, có cho tôi cưới cô gái chăn cừu không đấy?

Chú thợ nạo ống khói và cô bé chăn cừu nhìn lão phỗng già với vẻ cầu khẩn. Họ rất sợ lão gật đầu bằng lòng. Nhưng lão không gật đầu được nữa rồi. Và đời nào lão nói ra là lão có một cái móc ở sau lưng. Thế là đôi tình nhân bằng sứ được cùng nhau chung sống. Họ rất cảm ơn cái móc sắt trên người lão phỗng già và họ yêu nhau thắm thiết cho tới ngày họ sẽ vỡ tan thành nhiều mảnh.

GIẤC MƠ CUỐI CÙNG CỦA CÂY SỒI

Trong rừng, gần bờ biển, trên chốc vách đá hiểm trở, vươn lên một cây sồi cổ thụ. Sồi sống được ba trăm sáu mươi lăm năm, nhưng quãng thời gian ấy đối với sồi cũng chẳng hơn gì chúng ta sống ba trăm sáu mươi lăm ngày.

Chúng ta thức vào ban ngày và ngủ vào ban đêm. Lúc ấy là lúc chúng ta thường mơ. Đối với cây sồi lại khác. Nó thức suốt ba mùa trong năm và chỉ ngủ lúc đông về. Mùa xuân, mùa hạ, mùa thu xem như ban ngày dài dặc và sau đó mùa đông có thể coi như giấc nghỉ ban đêm của cây sồi.

Trong những ngày hè đẹp đẽ, luôn luôn có đàn vờ, loài côn trùng chỉ sống có một ngày đến bay lượn quanh cây sồi cổ thụ để tận hưởng cảnh vui sướng trên đời. Có một lần, một trong những con vật bé bỏng ấy đến đậu trên một tấm lá rồi tươi đẹp mới mọc.

Sồi bảo:

- Hỡi chú nhãi con đáng thương kia, cả cuộc đời chú chỉ được có một ngày thôi. Sao mà ngắn ngủi vậy? Thật đáng buồn thay!

- Buồn ư? Anh định nói gì thế. Xung quanh tôi, vạn vật thật là kỳ diệu, không khí trong sạch, ấm áp, tôi cảm thấy tràn đầy hạnh phúc.

- Phải, nhưng chỉ được có một ngày thôi, rồi thế là hết.

- Hết ư? - Vờ nhại lại; hết nghĩa là gì nhỉ? - Thế anh có “hết” không?

- Không, ta sống gấp muôn ngàn lần cuộc đời của chú, vì một ngày của ta dài hơn cả mấy mùa liền. Đó là cả một khoảng thời gian dài mà chú không thể nào hình dung nổi.

- Không ư? Thế thì tôi không hiểu anh được đâu. Anh có thể sống

gấp muôn ngàn lần cuộc đời của tôi, nhưng tôi lại có muôn ngàn giây phút sung sướng và vui vẻ. Thế còn khi anh chết, liệu tất cả vẻ đẹp trên thế gian này có cùng chết với anh không?

- Tất nhiên là không, - sồi đáp. - Vẻ đẹp của thiên nhiên sẽ tồn tại vĩnh viễn, lâu đến nỗi chính ta cũng chẳng hình dung nổi.

- Tưởng gì? Thế thì chúng ta cũng cùng chung một cảnh; chỉ khác nhau về cách tính toán mà thôi.

Nói rồi vờ lại nhảy múa, bay vụt lên không gian, khoe đôi cánh mềm mại như nhung, như xa tanh, tận hưởng làn gió nhẹ, ngát hương cỏ linh lăng, dã tường vi, hương mộc và kim ngân hoa, xạ hương dại, bạc hà và xạ ngân. Hương thơm sực nức đến nỗi vờ ta càng thở hút càng say sưa.

Ngày hôm ấy dài và huy hoàng, vui tươi đến nỗi khi mặt trời bắt đầu ngả bóng, vờ cảm thấy mệt mỏi, đôi cánh không còn đủ sức đỡ nổi thân; nhẹ nhàng vờ rớt xuống thảm cỏ êm đềm, rồi thiếp đi trong một giấc ngủ dịu dàng, bình thản. Vờ đã chết. Sồi lẩm bẩm:

- Con vờ nhỏ bé đáng thương thay. Cuộc đời nó sao mà ngắn ngủi thế?

Rồi cứ như vậy, từng ngày hè một, cuộc hoan lạc của đàn vờ lại bắt đầu. Sồi lại có dịp chuyện trò tương tự như trên. Và dịp đó tiếp diễn với không biết bao nhiêu là kiếp vờ mà kể, nhưng con vờ nào cũng đều cảm thấy tràn trề hạnh phúc vui tươi.

Cây sồi thức suốt buổi sang: tức là mùa xuân, buổi trưa: tức là mùa hạ, và buổi chiều, tức là mùa thu. Đã chớm sang đông, thời gian nghỉ ngơi của sồi đã tới. Gió đã cất tiếng ca: “Hãy ngủ cho ngon, hãy ngủ cho ngon!”. Đó đây lá rụng. Gió hát rằng:

- Ngủ đi, ngủ đi sồi, chúng ta sẽ ru cho sồi ngủ.

Chúng ta sẽ hát lên và sẽ rung mạnh cho những cành già cỗi của sồi khoan khoái kêu lên răng rắc. Ngủ cho say, hãy ngủ cho say! đây là đêm thứ 365 của sồi. Thực ra sồi chẳng còn là một đứa trẻ trên đời này nữa. Ngủ say đi, mây sẽ rắc tuyết trên thân sồi, tuyết sẽ rơi thành một tấm chăn đẹp và ấm phủ chân sồi. Hãy ngủ cho

say; chúc sồi có nhiều giấc ngủ mộng đẹp.

Thế là cây sồi rụng hết lá và ngủ thiếp đi suốt mùa đông. Nó mơ thấy biết bao mộng đẹp, trong đó cuộc đời đã qua của nó diễn lại như loài người chúng ta vẫn thường mơ thấy. Nó nhớ lại rằng xưa kia khi còn bé tí, phải, cái nôi của nó chỉ là một vỏ hạt sồi. Theo cách tính của loài người, bây giờ nó đã sống được đến thế kỷ thứ tư rồi. Nó là gốc cây lớn nhất và đẹp nhất khu rừng này. Ngọn của nó vươn lên trên đất cả các ngọn cây khác, từ xa tít ngoài biển, người ta đã trông thấy nó, vì thế nó được dùng làm mục tiêu cho thủy thủ. Đã có không biết bao nhiêu cặp mắt lo âu hãi hùng hướng về nó rồi?

Trên cành cao của nó, chim làm tổ, và từ nơi ấy tu hú cất giọng kêu đều đều, vẳng đến tận nơi xa. Mùa thu, khi lá nó ngả màu vàng như những tấm đồng, các loài hải điểu lại tụ tập trên cành sồi, trước khi cất cánh vượt biển cả. Nhưng giờ đây là mùa đông. Cây sồi nhô lên trơ trụi, không một chiếc lá, và bây giờ người ta mới có thể thấy được những cành xòe từ thân nó ra cong queo, vặn vẹo.

Quạ khoang và quạ đen tới đậu trên cành, xào xạc than vãn thời tiết xấu và mùa đông khó kiếm mồi.

Nhưng đến đúng đêm trước Noel, sồi mơ một giấc mơ đẹp nhất đời. Sồi có một cảm giác lạ về ngày lễ đó và trong cơn mơ, sồi tưởng chừng như nghe thấy vang lên tiếng chuông của tất cả các nhà thờ quanh vùng. Tuy là mùa đông, sồi cảm thấy đang sống trong một ngày hè ấm áp, dịu dàng. Ngọn cây đồ sộ của sồi đầy lá xanh tươi, ánh nắng dỡn qua cành lá; không khí đầy hương thơm; đàn hươu nhiều mầu sắc chơi ú tim, đàn vờ nhảy múa trên mình hươu, làm như thế giới được cấu tạo nên chỉ để cho chúng vui chơi, nhảy múa. Tất cả những cảnh tượng đã xảy ra từng ngày trong cuộc đời quá khứ diễn lại qua mắt sồi như một đám rước ngày hội. Các hiệp sĩ thời cổ và các công nương quý phái, cưỡi trên mình những con tuấn mã đẹp nhất, lũ lượt kéo qua khu rừng, đầu cài lông vũ, chim ưng đậu trên tay. Tiếng kêu săn vang lên chó sủa ầm ĩ.

Rồi đến những kỵ binh quần áo sặc sỡ, tay mang vũ khí sáng quắc, vai vác súng hỏa mai và búa trận tới dựng lều và nhóm lửa; họ ca

hát và yên giấc dưới sự che chở của cây sồi. Trong những đêm trăng thanh bình lại còn có cả những cặp tình nhân hẹn hò nhau dưới gốc cây và khắc những chữ đầu tên của họ vào vỏ sồi. Một hôm, đã lâu lắm, có những khách bộ hành vui tính treo những cây đàn lên cành sồi; cho đến giờ, sồi như còn vẳng nghe thấy những âm thanh kỳ diệu. Chim hót lên như để diễn đạt những cảm giác của sồi, tu hú kêu vang lên như để bảo cho sồi biết còn được sống bao nhiêu ngày hè nữa. Lúc đó sồi cảm thấy một luồng sống mới chạy từ ngọn đến rễ, lần lượt xuyên qua khắp cơ thể và lên tới tận những cành cao nhất. Sồi cảm thấy đang vươn cao lên, xòe rộng ra, trong lúc từ lòng đất, rễ cây đang hút lên một nguồn sinh lực mới. Càng ngày sồi càng cao, càng khỏe, tán rộng ra, lá mọc dầy. Càng vươn cao sồi càng cảm thấy hạnh phúc: sồi chỉ muốn cao lên mãi về phía nắng ấm, về phía mặt trời chói lọi. Thế rồi ngọn sồi chọc thủng những đám mây đang lững lờ bay, trông tựa như những đàn thiên nga trắng. Lá sồi tựa như có mắt, mải mê nhìn. Mặc dầu giữa ban ngày chói chang, sồi vẫn nhìn rõ các vì sao đang lấp lánh, đẹp hơn bao giờ hết. Sồi liên tưởng đến những cặp mắt của trẻ thơ hay của những cặp tình nhân thường gặp gỡ nhau dưới bóng sồi.

Đó là những phút kỳ diệu, tràn đầy hạnh phúc của cây sồi già. Trong lúc hoan hỷ như vậy, sồi muốn những cây cỏ, bụi hoa mọc dưới chân sồi, cũng mọc cao như sồi để ngắm nghía cảnh hùng vĩ của trời đất và cùng chia sẻ hạnh phúc với sồi. Sồi cho rằng không thể hoàn toàn sung sướng nếu những cây lớn, cây nhỏ không được chia sẻ hạnh phúc với sồi. Rồi cảm giác ấy lay động cành lá của sồi như nhiệt tình làm rung chuyển những sợi tơ lòng của một con người. Đầu sồi đung đưa ngả về phía mặt đất, hình như sồi muốn tìm kiếm một vật gì. Lúc đó mùi xạ hương và hương thơm sực nức của kim ngân hoa và hoa tím xông lên tận ngọn sồi. Sồi lại tưởng chừng như nghe thấy cả tiếng chim tu hú hót. Cuối cùng nó được toại nguyện. Kia rồi! Cây cỏ lớn lên rất nhanh, một vài cây bật cả rễ lên để vươn được nhanh hơn. Cây phong mọc nhanh nhất. Cành cây vươn lên không trung, trông như những dải lụa, hoặc như những lá cờ đuôi nheo, có lúc như những đường ngoằn ngoèo rực lửa của ánh chớp trên nền trời đêm. Tất cả cây cối trong rừng, cho đến cả những bụi cây đen xì, cũng lớn lên theo ca hát vang lừng. Trên một nhánh cỏ xanh, phất phới trong không trung như một dải lụa dài màu xanh, vắt vẻo một chú châu chấu đang nỉ non. Dế rúc,

ong vo ve. Chim hót mỗi con một kiểu. Không trung tràn ngập một âm điệu lạ kỳ. Bỗng cây sồi hỏi:

- Thế còn đóa hoa xanh, bé tí xíu, mọc ven bờ suối đâu rồi? Bìm bìm và cúc trắng, nữa?

Sồi muốn cho chúng được lên gần với sồi. Những đóa hoa vừa được nhắc tới vội reo lên:

- Có chúng tôi đây! Có chúng tôi đây!

- Còn cây xạ hương mọc mùa hè năm ngoái nữa đâu rồi nhỉ? Cả cây linh lan năm ngoái phủ hoa đầy mặt đất, cả cây táo dại đã ra hoa nữa? Tất cả cây cối mọc dưới kìa, phải lên trên này chứ.

- Có chúng tôi đây! Có chúng tôi đây!

Bao nhiêu tiếng reo trong không trung ấy làm cho sồi vô cùng sung sướng. Sồi hỏi:

- Thật là đẹp! Lớn bé đều lên cả đây với mình, không thiếu một cây nào. Thật sung sướng không thể tưởng tượng được, gần như không thể tin được.

Một giọng nói vẳng lên qua cõi hư vô:

- Tất nhiên, trên trời này, với đức Thượng Đế chí linh, có thể tưởng tượng và có thể tin tất cả.

Rồi cây cổ thụ vẫn cứ lớn lên, lớn lên mãi; cuối cùng sồi cảm thấy rễ mình bật ra khỏi đất. Sồi nghĩ thầm:

- Tốt lắm! Thế thì tốt nhất. Chẳng còn gì ràng buộc ta nữa, ta có thể bay lên cõi sáng vĩnh viễn cùng với tất cả đám cây cối lớn nhỏ yêu mến của ta. Chúng đều lên đây cả rồi, không sót cây nào.

Giấc mơ của cây sồi cổ thụ là như thế đó, trong khi sồi mơ như thế thì một cơn bão khủng khiếp quét trên mặt đất liền và ngoài biển cả vào đúng đêm Noel. Từng đợt sóng khổng lồ đổ vào vách đá. Gió gào lên không ngừng làm rung chuyển cây sồi già. Rễ cây bật tung khỏi đất vào đúng lúc sồi mơ thấy không còn gì ràng buộc sồi nữa. Sồi đổ xuống. Thế là cuộc đời ba trăm sáu mươi lăm năm

của nó đã qua, chẳng khác gì kiếp sống ngắn ngủi của con vờ.

Sáng hôm Noel mặt trời vừa mọc thì cơn bão cũng ngớt. Chuông vang lên ở tất cả các nhà thờ. Từ mỗi nhà, ngay cả căn lều tồi tàn nhất, bốc lên trời xanh một làn khói giống như khói hương trên bàn thờ các thần ở xứ Gaule thuở xưa. Biển cả dần dần trở lại yên tĩnh. Trên một chiếc tàu lớn, vừa chống chọi một đêm với phong ba, ngươi ta đã kéo tất cả cờ xí lên để mừng ngày lễ lớn. Thủy thủ kêu lên:

- Thôi nó đổ rồi, cái cây sồi cổ thụ ta vẫn dùng làm mục tiêu trên bờ biển đổ mất rồi? Chắc bão đã làm đổ cây đêm qua. Chẳng còn cây nào có thể thay cây sồi để làm mục tiêu cho ta nữa.

Đó là bài điếu văn ngắn ngủi, nhưng thấm thía viếng cây sồi cổ thụ.

Sồi nằm sóng sượt trên bờ biển phủ tuyết, và trên tấm vải liệm ấy vang lên tiếng hát và tiếng cầu nguyện của những người thủy thủ.

Mỗi người trên tàu cảm thấy lòng mình dâng lên theo tiếng hát và tiếng cầu nguyện, hệt như cây sồi cổ thụ trong giấc mơ cuối cùng của sồi, sáng ngày Noel.

HƯƠNG MỘC TINH

Ngày xưa có một cậu bé bị cảm, vì đi chơi dẫm chân xuống nước, nhưng sao cậu lại dẫm chân xuống nước được thì không ai hiểu, vì hôm ấy trời rất khô ráo.

Sau khi cởi quần áo cho cậu, bà mẹ đặt cậu lên giường, rồi đi lấy ấm nấu cho cậu một ấm nước lá hương mộc để cậu uống cho nóng người. Vừa lúc ấy, một cụ già phúc hậu bước vào. Cụ ở trên gác, cùng một nhà, và sống có một mình. Cụ không có vợ, nên cũng chẳng có con, nhưng cụ rất yêu trẻ, cụ biết vô khối là truyện và vẫn thường kể cho các cháu nghe, làm cho các cháu rất thích.

Mẹ cậu bé bảo cậu:

- Giờ thì con hãy uống nước lá đi, rồi may ra cụ sẽ thưởng cho con nghe một truyện đấy.

- Được, tôi sẽ gắng tìm một truyện gì mơi mới - Cụ già vừa nói vừa khẽ gật đầu. Nhưng làm sao cháu lại dẫm chân xuống nước được?

Bà mẹ nói:

- Thật không hiểu tại sao.

Cậu bé hỏi:

- Ông ơi, ông kể chuyện cho cháu nghe, ông nhé!

- Được, nếu cháu trả lời ông đầy đủ thì ông sẽ kể cho cháu nghe, vì ông muốn biết sự thật. Cái rãnh nước ở phố mà cháu đi học qua, sâu bao nhiêu nhỉ?

- Thưa ông, vừa đúng đến lưng chừng đôi ủng của cháu thôi, nhưng hôm nay chỉ tại cháu tụt xuống cái hố sâu nhất.

- Ra thế, cho nên cháu mới bị dầm nước! Bây giờ ông rất muốn kể cho cháu nghe một truyện, nhưng chẳng còn truyện nào nữa mà kể.

- Làm gì ông chẳng nghĩ ra ngay được một truyện. Mẹ cháu vẫn bảo rằng, một vật ông nhìn thấy, mỗi điều ông để ý đến là thành một truyện kia mà.

Ông cụ nói:

- Nếu là truyện có thật thì tự chúng đến với ông, vỗ vào trán ông và bảo ông: "Thưa, tôi đây!"

- Thế có truyện nào sắp đến vỗ trán ông chưa, hả ông?

- Có, có, nhưng truyện cũng giống như các bà quý phái, lúc thích thì họ mới đến. Đây rồi! - Cụ bỗng kêu lên - Tóm được rồi! Chú ý nhé! Truyện đang ở trên cái ấm kia kìa!

Cậu bé nhìn cái ấm: nắp ấm từ từ mở ra và mấy bông hoa hương mộc tươi tắn, trắng tinh dần dần nhô ra khỏi miệng ấm. Những đóa hoa ấy mọc trên những cành to và dài, đang vươn ra tứ phía, chui ra cả từ vòi ấm và đang lớn dần, lớn lên mãi. Chẳng mấy lúc cả một cây hương mộc tuyệt đẹp mọc ra, vén màn, vén rèm mà xòa cả vào giường cậu bé. Lắm hoa làm sao và thơm làm sao kia chứ! Giữa đám cành lá hiện ra một bà già, trông dịu dàng đáng mến, mặc một bộ áo dài thật đẹp, màu xanh như lá cây và dính đầy hoa hương mộc. Thoạt nhìn không thể nào phân biệt nổi áo ấy bằng vải hay bằng hoa lá thật.

Cậu bé hỏi:

- Ông ơi, bà cụ đáng yêu kia tên là gì hả ông?

Ông cụ kể:

- Người La Mã và Hy Lạp thời xưa gọi là Lâm tuyền thần nữ, nhưng chúng ta ngày nay không hiểu được danh từ ấy nữa rồi, cho nên dân Copenhagen chúng ta gọi bằng một tên dễ hiểu hơn: Hương mộc tinh. Cháu hãy lắng tai nghe ông kể và chú ý nhìn cây hương mộc.

Ngay trong phố ta ở có một cây hương mộc giống hệt cây này, cũng to và đầy hoa, mọc trong một xó vườn nhỏ tồi tàn. Một buổi chiều nắng đẹp có hai cụ già ngồi dưới gốc cây, một người lính thủy già và vợ. Hai cụ đã có cháu và sắp sửa làm lễ kỉ niệm ngày

cưới lần thứ năm mươi, nhưng lại không nhớ rõ là ngày nào. Lúc ấy, Hương mộc tinh cũng ngồi trong đám cành lá và vui mừng hớn hở chẳng khác gì hiện giờ.

Hương mộc tinh bảo hai vợ chồng:

- Ta nhớ rõ ngày cưới các ngươi lắm.

Nhưng hai ông bà không nghe thấy và bắt đầu ôn chuyện cũ.

- Bà còn nhớ cái hồi còn bé tí, chúng mình chơi bời chạy nhảy với nhau chứ? Chúng mình chơi cắm que xuống đất, chơi làm vườn ngay chính trong cái sân chúng ta hiện đang ngồi đây này.

- Vâng, tôi còn nhớ, hồi ấy chúng mình tưới nước cho que, trong số que ấy có một que bằng gỗ hương mộc, nó bén rễ, đâm chồi nảy lộc và bây giờ đã trở thành cây hương mộc to lớn mà chúng ta đang ngồi dưới gốc cây.

- Phải rồi, đằng góc kia, cũng có một cái thùng đựng đầy nước. Tôi vẫn thả thuyền trong ấy. Chính tôi tự tay gấp thuyền. Nó phóng phải biết! Nhưng rồi sau tôi cũng phóng cách khác, phóng ra trò.

- Vâng, nhưng trước đó, chúng mình cũng đã cùng nhau đến trường học được chút ít. Chúng mình đã chịu lễ thêm sức. Hôm ấy cả hai chúng mình cùng khóc, nhưng đến chiều chúng mình cầm tay nhau cùng leo lên Tháp Tròn, nhìn qua Copenhagen và mặt biển, ra khoảng vũ trụ bao la. Rồi chúng mình cùng đi ra Fredericksburg, nơi vua và hoàng hậu vẫn thường ngự du trên các sông đào trong một con thuyền lộng lẫy…

- Rồi sau tôi cũng ngao du cách khác, ngao du ra trò, năm này qua năm khác, trải nhiều cuộc vượt biển lớn, đi rất xa.

- Vâng, tôi đã từng khóc rất nhiều và nhớ ông! Tôi đã tưởng ông bỏ thân, không nơi chôn cất, dưới đáy biển. Đêm đêm, tôi thường dậy để xem cái chong chóng chỉ chiều gió có hay không. Nó vẫn quay, nhưng ông thì không về. Tôi còn nhớ rành rành một hôm có bão, xe rác đỗ trước cửa nhà chủ, hồi ấy tôi còn đi ở. Tôi đem thùng rác xuống và đứng trên bậc cửa. Trời rất xấu. Tôi đang đứng đấy thì bác phát thư đến và mang cho tôi một phong thư. Thư của ông!

Cái thư ấy ngao du đã lắm nơi. Tôi về ngay đọc lấy đọc để. Tôi sung sướng quá, hết cười lại khóc. Trong thư, ông kể rằng ông đang ở một xứ nóng, nơi cây cà phê mọc. Hẳn là xứ ấy phải đẹp lắm. Ông kể biết bao nhiêu là chuyện, và tôi đã hình dung ra tất cả, trong khi trời vẫn mưa như trút nước, tay tôi vẫn khư khư xách cái thùng rác. Ngay lúc đó, bỗng có người ôm lấy tôi…

- Ừ nhỉ! Nhưng bà liền tát ngay cho người ấy đánh bốp một cái.

- Nào tôi có biết là ông đâu! Ông về nhanh chẳng kém gì cái thư ấy. Sao lúc ấy trông ông đẹp đến thế! Cho đến bây giờ ông vẫn đẹp giai. Lúc ấy, trên túi áo ông có một chiếc mùi xoa to tướng màu vàng, đầu ông đội cái mũ thật là xinh! Trông ông rõ thật là thanh lịch! Chà! Hôm ấy trời xấu quá. Phố xá lầy lội.

- Thế rồi chúng ta lấy nhau. Bà còn nhớ chứ? Tiếp đến đứa con đầu lòng ra đời, rồi con Mary, rồi thằng Niels, rồi thằng Peter, thằng Jean và thằng Christian nữa.

- Ừ, tất cả chúng nó đều khôn lớn, trở thành người lương thiện, được bà con quý mến cả.

- Rồi đến lượt chúng nó có con. Chà! Những đứa bé mới kháu khỉnh làm sao! Hình như vào cái hồi ấy chúng mình cũng đã làm lễ kỉ niệm ngày thành hôn đấy.

- Phải rồi, chính hôm nay là ngày lễ kỉ niệm các người cưới nhau đấy.

Hương mộc tinh chen vào giữa hai cụ già và nói thế, còn hai cụ thì cứ tưởng là bà láng giềng. Hai cụ nhìn nhau, tay cầm tay. Lúc đó, các con cháu kéo đến. Họ rất biết hôm nay là kỷ niệm năm mươi năm ngày cưới của hai cụ đã quên khuấy đi, trong khi các cụ nhớ rất rõ về cái quá khứ xa xăm. Trong bầu không khí nức mùi thơm của hoa hương mộc, vầng tà dương chiếu vào mặt hai cụ trông hồng hào hẳn lên. Đứa cháu út nhảy múa quanh ông bà. Nó phấn khởi hát lên, vì hôm nay nhà có cỗ và nó sẽ được ăn khoai nóng. Hương mộc tinh ngồi trên cây gật đầu tán thưởng và cùng reo lên “hoan hô” theo mọi người.

Chú bé nghe đến đây, ngắt lời ông:

- Nhưng thưa ông, đấy có phải là truyện đâu.

Ông cụ bảo:

- Có lẽ, nhưng chúng ta hãy hỏi hương mộc tinh xem.

Hương mộc tinh đáp:

- Đúng là không phải, nhưng truyện sắp đến đấy, truyện phiêu lưu kì diệu nhất cũng từ hiện thực mà ra, nếu không thì cây hương mộc của ta đã chả mọc được từ cái ấm lên.

Nói rồi Hương mộc tinh nhấc cậu bé ra khỏi giường, ôm cậu vào lòng. Những cành hương mộc đầy hoa khép kín lại thành một vòm cây bao lấy hai người và đưa họ bay lên trời. Hương mộc tinh biến thành một cô gái xinh đẹp, nhưng áo cô ta vẫn xanh màu lá và điểm hoa trắng. Trên ngực có cài một đóa hoa hương mộc và mái tóc vàng hoe của cô cũng trang điểm bằng một dây hoa hương mộc. Cô có đôi mắt to xanh biếc, trông cô đẹp tuyệt vời. Hai cô cậu ôm hôn nhau. Hai người cùng lứa tuổi và tính tình rất hợp nhau.

Họ ra khỏi vòm lá, tay nắm tay. Lúc này họ đang ở giữa khu vườn xinh đẹp đầy hoa, xung quanh nhà.

Trên bãi cỏ xanh tươi, chiếc gậy của ông bố cắm xuống đất như một cành cây.

Hai cô cậu tưởng cành cây ấy còn sống, họ vừa cưỡi lên thì chiếc gậy biến thành một con ngựa rất hăng, bờm phất phơ trước gió, bốn vó thon và cứng cáp. Con ngựa hùng dũng ấy phi quanh bãi cỏ. Nhong nhong! Cậu bé bảo:

- Chúng ta đã đi được hàng bao nhiêu dặm đường rồi đấy. Chúng ta đã đi được hàng bao nhiêu dặm đường rồi đấy. Chúng ta đã đến cái lâu đài mà năm ngoái chúng ta đã có lần tới đó.

Họ cứ phi ngựa, phi mãi quanh bãi cỏ, và cô bé mà chúng ta đã biết là Hương mộc tinh biến hình reo lên: “Nông thôn đây rồi! Cậu có trông thấy nhà bác nông dân có cái bếp lò giống như quả trứng kếch sù đặt cạnh tường, kề bên đường cái không? Gà trống đang bới mồi cho gà mái. Cậu xem nó vênh váo chưa kìa! À! Chúng ta đã đến gần ngôi nhà thờ cao vót trên đỉnh đồi giữa đám cây sồi to

lớn, trong đó có một cây hình như sắp chết. Giờ thì ta lại đến gần lò rèn đang đỏ lửa, có những người cởi trần đang quai búa, làm tung tóe các tia lửa ra tứ phía. Tiến lên, tiến về phía lâu đài lộng lẫy."

Cảnh tượng diễn ra đúng như lời cô gái tả. Cô vẫn đang cưỡi trên chiếc gậy và ngồi sau cậu bé. Cậu bé cũng trông thấy tất cả những cái cô kể ra, mặc dù, thực ra, họ vẫn chỉ chạy quanh trên bãi cỏ mà thôi.

Sau đó, họ đi trên những lối đi ven bãi cỏ rồi vạch xuống đất một ô vuông nhỏ. Cô bé lấy đóa hương mộc cài trên tóc cắm vào chỗ ấy. Đóa hoa lớn lên như cây hương mộc của hai cụ già mà ta đã kể chuyện. Cũng giống như hai cụ khi còn ấu thơ, cậu bé và cô bé cầm tay nhau, nhưng chỉ khác cái là họ không đi đến Tháp Tròn hay đến vườn Fredericksburg. Không! Cô bé ôm ngang lưng cậu và cả hai đi một vòng quanh nước Đan Mạch. Thoạt đầu là mùa xuân, rồi đến mùa hạ, thu, đông. Bao nhiêu cảnh tượng hiện lên trước mặt cậu bé. Cô bé không ngừng hát: "Đừng bao giờ quên cảnh này, cậu nhé!" Trong cuộc du hành của họ, hương mộc vẫn tỏa hương ngào ngạt. Còn cả mùi hoa hồng và hoa sồi, nhưng hoa hương mộc thơm hơn, vì hoa này được đeo trên trái tim cô gái, và trong khi du hành, thỉnh thoảng cậu bé lại ngả đầu vào hoa. Cô bé bảo:

- Nơi đây mùa xuân thật là đẹp!

Lúc ấy họ đã ở giữa một khóm rừng sồi, vừa mới đâm lá và đang tỏa hương thơm ngát.

Hoa thu mẫu đơn màu đỏ nhạt rải rác trên bãi cỏ nom rất đẹp mắt. Mùa xuân trên những cánh đồng thơm ngát của đất nước Đan Mạch quả thật là đẹp.

Cô bé nói:

- Mùa hè ở đây thật là tuyệt!

Lúc ấy, họ đi qua một trang viên cổ kính.

Tường thành đỏ ối, in bóng xuống những hào đầy nước, có đàn thiên nga đang bơi lội. Hai người ngắm nhìn những con đường

mòn tươi mát. Ngoài đồng lúa mì rập rờn như sóng trên biển cả. Đồng cỏ điểm hoa hốt bố dại và hoa khiêu ngưu, đỏ và vàng. Tối đến, trăng lên, tròn vành vạnh. Những đống rơm tỏa hương thơm ngào ngạt.

Không ai có thể quên được cảnh này.

Cô bé nói:

- Mùa thu ở đây tuyệt lắm! Bầu trời sâu thẳm, xanh biếc, rừng cây nhuốm màu vàng, màu đỏ và màu xanh dịu dàng. Hàng bầy chó săn chạy qua, từng đàn chim bay vụt lên từ những lăng tẩm bằng đá của vua chúa thời xưa.

Trên mặt biển màu xanh thẫm nhấp nhô những cánh buồm trắng. Trong một căn xưởng, một tốp bà già, thiếu nữ và trẻ em đang rửa hốt bố trong một thùng nước to. Người trẻ vừa làm vừa hát véo von, người già kể chuyện yêu tinh quỷ sứ. Còn có cảnh tượng nào vui hơn thế?

Cô bé lại nói:

- Mùa đông ở đây thật là tuyệt!

Sương tuyết trắng xóa phủ đầy cây cỏ, trông giống như những cây san hô trắng. Băng tuyết vỡ dưới chân đi, kêu như thể dận giày mới. Trên trời, các vì sao nối nhau đổi ngôi. Từ trong túp lều của nông dân vẳng ra tiếng đàn violon. Trong lều mùi bánh tỏa ra thơm phức. Trẻ con nhà nghèo cũng nói:

- Mùa đông cũng cứ thích!

- Phải, thích thật! - Cô bé nói.

Cô chỉ cho cậu bé ngắm nhìn khắp nơi. Cây hương mộc vẫn tiếp tục tỏa hương, và lá cờ đỏ có hình chữ thập trắng, hệt như lá cờ cắm trên tàu của người lính thủy già, phấp phới bay trước gió.

Cậu bé trở thành một chú lính thủy tập sự. Chú chu du khắp thế giới, qua những xứ nóng, nơi có cây cà phê mọc. Lúc khởi hành chú được cô bé rút trên ngực ra một bông hoa tặng cho chú đem đi để giữ làm vật kỷ niệm.

Chú đặt hoa vào quyển thánh kinh, và giữa nơi đất khách quê người, mỗi lần chú mở quyển kinh ra là đúng vào trang có bông hoa lưu niệm. Càng nhìn hoa chú càng thấy khỏe ra. Những lúc ấy, chú tưởng như ngửi thấy hương thơm của các cánh rừng Đan Mạch, và qua cánh hoa, chú thấy rõ ràng cô bé đang nhìn chú bằng đôi mắt xanh trong suốt. Cô bé nói: "Nơi đây bốn mùa xuân, hạ, thu, đông đều tuyệt cả." Và hàng trăm hình ảnh hiện lên trong tâm trí chú.

Nhiều năm trôi qua. Bây giờ chú đã có tuổi và đang ngồi với bà vợ già dưới một gốc cây đang nở hoa. Đấy là một cây hương mộc rất đẹp, cành lá vươn cao ngang tầm một cái cổng, đứng ở cổng có thể nhìn bao quát cả một vùng quê lân cận. Bây giờ đến lượt họ ngồi im lặng, thủ thỉ nhắc lại với nhau những năm chung sống đã qua, chứa đựng không biết bao nhiêu nỗi vui mừng, niềm hy vọng và cảnh đau thương tang tóc. Cũng như ông bà họ trước kia, họ cầm tay nhau ôn lại những kỷ niệm xưa và nhắc tới ngày cưới của họ. Cô bé mắt xanh trên đầu có cái hoa hương mộc ngoan ngoãn thưa với hai cụ: "Hôm nay đúng là ngày kỷ niệm ngày cưới lần thứ năm mươi của hai ông bà đấy." Nói rồi, cô bé rút hai bông ở vòng hoa đội trên đầu xuống và hôn lên hoa. Thoạt tiên hai bông hoa lấp lánh như bạc, rồi như vàng, và khi cô bé cài hoa lên đầu hai ông bà già thì mỗi bông hoa liền biến thành một chiếc mũ miện vàng. Hai cụ già ngồi dưới gốc cây ngát hương trông tựa như vua và hoàng hậu. Cụ ông kể cho cụ bà nghe truyện hương mộc tinh, y hệt như người lớn kể cho cụ nghe hồi cụ còn bé. Hai cụ rất thích truyện ấy, vì truyện làm sống lại cuộc đời của hai cụ.

Cô bé nói:

- Có người gọi cháu là Hương mộc tinh, có người gọi cháu là Lâm tuyền thần nữ, nhưng thật ra cháu tên là Hồi tưởng. Chính cháu ở trong cây hương mộc. Cháu lớn lên vùn vụt, nhưng cháu vẫn nhớ tất cả. Cụ cho cháu xem cụ còn giữ được hai bông hoa lưu niệm không nào?

Ông già mở cuốn kinh thánh ra. Bông hoa để trong sách vẫn tươi như vừa mới đặt vào.

Hồi tưởng khẽ gật đầu chào. Vừa lúc ấy, ánh tà dương đỏ rực chiếu thẳng vào hai cụ già đội mũ miện vàng, hai người nhắm mắt

lại, rồi… nhưng truyện đến đây là hết.

Cậu bé vẫn nằm, cậu không biết là cậu vừa mới mơ thấy hay là có người kể cho cậu nghe truyện vừa rồi. Ấm nước lại vẫn để trên bàn, nhưng không thấy có cây hương mộc nào mọc từ trong ấm ra cả, và cụ già kể chuyện đang bước ra khỏi cửa và đi mất. Cậu bé trầm trồ:

- Hay quá, mẹ ơi! Con đã được đi sang các xứ nóng, mẹ ạ.

- Đúng lắm, uống hai chén nước lá nóng vào làm gì mà chẳng thấy như đi sang các xứ nóng?

Bà mẹ đắp chăn cẩn thận cho con khỏi bị cảm lạnh và bảo:

- Chắc hẳn lúc mẹ và cụ láng giềng đang bàn cãi, xem đấy là một truyện thật hay là một truyện bịa thì con ngủ thiếp đi chứ gì?

- Nhưng hương mộc tinh đâu rồi hả mẹ?

- Ở trong ấm nước lá ấy. Nó có thể cứ ở nguyên trong ấy.

BÉ TÍ HON

Ngày xưa có một bà ước mong sinh được một đứa con, nhưng không biết làm cách nào. Bà đành đi tìm một mụ phù thủy già và hỏi:

- Tôi rất muốn có một cháu bé, bà có thể bảo giùm tôi làm cách nào để có con được không?

- Ta sẽ giúp ngươi. Cầm lấy hạt lúa này. Nó không giống loại lúa mì mọc ngoài đồng, cũng chẳng phải là loại vẫn cho gà ăn đâu! Đem gieo nó vào một chậu hoa, rồi ngươi khắc biết.

- Cảm ơn bà.

Nói đoạn bà trả công cho mụ phù thủy tám hào bạc, rồi về nhà đem gieo hạt lúa. Lập tức nó mọc thành một cây hoa tuyệt đẹp, trông giống như hoa uất kim hương, nhưng cánh hoa cuốn lại như một cái nụ.

- Hoa đẹp quá!

Bà vừa thốt lên vừa đặt môi lên hoa.

Nhưng đang lúc bà ta hôn bông hoa, bỗng có tiếng động rất mạnh làm hoa bừng nở. Rõ ràng là một bông hoa thật, nhưng ở giữa hoa

có một cháu bé gái xinh đẹp ngồi trên nhụy hoa màu xanh như ngồi trên một chiếc ghế tựa, bé không lớn gì hơn ngón tay cái nên người ta gọi bé là Bé tí hon.

Người ta lấy vỏ hạt dẻ làm cho bé một chiếc nôi rất đẹp, bên trong có nệm làm bằng một cánh hoa tím, chăn đắp là một cánh hồng. Đó là nơi bé thường ngủ. Ban ngày bé chơi trên bàn. Bà chủ nhà đặt trên đó một cái đĩa đựng đầy nước và vành đĩa khoanh một vòng hoa. Cánh hoa nổi trên mặt nước, có cả một cánh uất kim hương to. Bé tí hon có thể ngồi lên đi vòng quanh đĩa, có chiếc lông ngựa dùng để chèo. Bé tí hon cũng biết hát, giọng hát êm ái dịu dàng.

Một đêm, Bé tí hon đang ngủ, bỗng một con cóc gớm ghiếc chui qua ô kính vỡ trên cửa sổ vào phòng, vừa béo vừa nhớp nháp. Nó nhảy lên bàn nơi Bé tí hon đang ngủ dưới cánh hoa hồng đỏ. Nó nghĩ thầm:

- Được con bé này làm vợ con trai mình thì ắt phải mê tít!

Thế là nó chộp lấy cái vỏ hạt dẻ, bên trong có Bé tí hon đang ngủ, chui qua ô kính vỡ, đem ra vườn. Trong vườn có một dòng suối to, hai bờ lầy lội. Đấy là chỗ ở của bố con nhà cóc. Khiếp! Cóc con cũng béo phị và trông tởm như cóc bố, giống nhau như đúc.

- Coọc, coọc, kẹc, kẹc, kẹc!

Khi trông thấy cô bé xinh đẹp trong vỏ hạt dẻ, cóc con chỉ biết nói có vậy thôi. Cóc bố bảo:

- Đừng có kêu to như thế! Nó mà thức dậy là nó chạy trốn mất đấy, vì nó nhẹ như lông tơ thiên nga. Chúng ta sẽ sửa soạn một căn nhà cho nó ở trong chốn bùn lầy này.

Giữa dòng suối có nhiều gốc sen, lá xanh to tướng bập bềnh trên mặt nước, tàu ở xa bờ nhất là tàu to nhất. Cóc già bơi ra tận đấy, đặt chiếc vỏ hạt dẻ đựng Bé tí hon lên tàu lá.

Sáng hôm sau, bé tội nghiệp thức dậy. Khi nhận ra mình đang ở đâu, bé òa khóc rất thảm thiết, vì xung quanh tàu lá xanh to đều là nước. Bé tí hon không làm thế nào vào bờ được.

Trong khi đó, cóc già chuẩn bị khuê phòng cho cô bé trong đám bùn lầy. Lão trang hoàng căn phòng bằng cây khê tôn và sen vàng, xong lão cùng con trai đến gặp Bé tí hon tận chiếc lá sen ngoài cùng.

Cóc già cúi rạp xuống nước chào Bé tí hon và nói:

- Ta giới thiệu với con thằng con trai của ta. Chồng của con đấy. Hai con sẽ sống trong căn phòng đẹp đẽ giữa đám bùn lầy này.

- Coọc, coọc, kẹc, kẹc, kẹc!

Cóc con vẫn chỉ nói được có thế.

Cóc bố và cóc con ngậm lấy tàu lá vừa bơi vừa kéo vào bờ. Bé tí hon ngồi trên tàu lá khóc sướt mướt, Bé vừa không muốn ở nhà con cóc già ghê tởm, vừa sợ phải lấy đứa con trai gớm guốc của lão.

May sao lũ cá con đang bơi lội ở dưới suối đã trông thấy. Chúng thò đầu ra khỏi nước để xem Bé tí hon. Chúng thấy cô bé đẹp và rất buồn vì cô bé phải sống với hai con cóc ghê tởm.

Không, không thể được! Chúng bơi đến ngay dưới tàu lá có Bé tí hon ngồi trên và cố hết sức cắn cuộng sen. Thế là dòng nước cuốn tàu lá đi đồng thời đưa cô bé tí hon ra xa giữa dòng, rõ xa, nơi mà cóc không thể ra tới nơi được.

Bé tí hon trôi qua nhiều tỉnh thành. Trong bờ bụi, chim chóc hót rằng:

- Ồ, cô bé xinh quá!

Tàu lá vẫn trôi và đưa cô bé qua các xứ lạ. Một con bướm trắng bay lượn hồi lâu trên đầu cô bé rồi đậu xuống tàu lá. Cô bé rất sung sướng vì đã thoát khỏi lũ cóc và được ngắm nhìn phong cảnh tuyệt đẹp ở những xứ sở mà tàu lá trôi qua. Dưới ánh nắng, nước suối lóng lánh như vàng lỏng. Bé tí hon cởi dây lưng, buộc một đầu vào thân bướm, đầu kia vào tàu lá và khi bướm bay, nó kéo theo cả tàu lá. Bỗng có một lão bọ dừa to tướng xuất hiện. Hắn lấy chân quắp lấy bé tí hon và đem đến một cành cây. Còn chiếc lá vẫn tiếp tục chao lượn cùng với con bướm, vì bướm đã bị buộc chặt vào lá, không tự gỡ ra được.

Khi bọ dừa đem Bé tí hon lên cây, bé sợ lắm, sợ cả cho số phận con bướm tội nghiệp bị buộc vào tàu lá. Nếu không ai tìm cách cởi dây buộc ra cho bướm thì bướm đến chết đói mất! Nhưng bọ dừa chẳng nghĩ đến chuyện ấy! Hắn đặt Bé tí hon lên một chiếc lá xanh to, đem nhụy hoa đến cho bé ăn và khen rằng bé đẹp lắm, mặc dù bé không thuộc giống bọ dừa.

Nhiều bọ dừa bạn hắn, sống trên những cây bên cạnh, sang chơi. Con nào cũng nhìn bé tí hon bằng một vẻ láo xược. Một ả bọ dừa còn trẻ kêu lên:

- Nó chỉ có hai chân thôi, chị em ạ!

Một con khác vội thêm:

- Nó không có râu, chúng mày ạ!

Nhiều con khác chế nhạo:

- Gớm, nom nó xấu như giống người vậy.

Thật ra Bé tí hon rất xinh. Thoạt đầu khi nó đem cô bé về, con bọ dừa không nghĩ như các bạn nó, nhưng vì tất cả lũ bọ dừa đều nhất trí rằng bé rất xấu xí, nó cũng tin như vậy và không thích Bé tí hon nữa.

Nó đem bé đặt xuống một cây cúc trắng. Bé tưởng rằng mình xấu đến nỗi bọ dừa cũng chẳng muốn cho mình sống với chúng, nhưng thực ra bé thanh tú và dịu dàng chẳng khác gì cánh hồng.

Bé tí hon sống một mình suốt mùa hạ trong khu rừng lớn. Bé tự làm lấy một cái võng bằng rơm, đem treo dưới một cái lá thu mẫu đơn rõ to để tránh mưa. Bé ăn nhụy hoa và uống những hạt sương rơi. Bé sống như vậy suốt mùa hè và mùa thu. Nhưng đông tới, mùa đông dài dằng dặc và lạnh giá. Tất cả những con chim nhỏ vẫn hót cho bé nghe đều bay đi trú rét mất cả, cây cối rụng hết lá, hoa đều tàn, chiếc lá thu mẫu đơn che chỗ nằm của bé quăn lại, chỉ còn trơ cái cọng vàng khô. Quần áo rách tươm, bé rét run lên.

Tuyết rơi, mỗi khi có một bông tuyết rơi vào người, bé cảm thấy nặng không chịu nổi. Bé nép mình trong một chiếc lá khô nhưng cũng chẳng ấm được chút nào, vẫn run lên cầm cập. Bé tí hon bỏ

đi và đến một ruộng lúa ở ven rừng. Người ta đã gặt từ lâu, chỉ còn lại gốc rạ, từ dưới đất giá lạnh tua tủa đâm lên. Đối với cô bé, vượt qua mảnh ruộng ấy cũng giống như vượt qua một khu rừng, bé chuệnh choạng vấp ngã bên này bên kia. Bé tí hon lần được đến cổng nhà mụ chuột đồng - một cái lỗ đào dưới gốc rạ. Chuột đồng sống trong ấy rất thoải mái ấm áp, căn phòng của mụ đầy những lúa và các lương thực khác, hai hôm nay rồi bé chưa được miếng gì vào bụng.

Vốn tốt bụng, chuột đồng bảo:

- Tội nghiệp bé con, vào trong này ăn với ta, cháu ạ!

Thấy Bé tí hon dễ thương, chuột đồng bảo:

- Cháu có thể ở đây với ta suốt mùa đông, chỉ giữ gìn nhà cửa cho sạch sẽ và kể chuyện cho ta nghe, ta thích nhất là nghe kể chuyện.

Bé tí hon làm theo lời chuột già phúc hậu và được chuột đối xử rất tử tế. Một hôm, chuột đồng nói:

- Sắp có khách sang chơi đấy. Ông bạn láng giềng tuần nào cũng sang thăm ta. Ông ta còn giàu hơn ta kia đấy, có cửa cao nhà rộng. Ông ta thường khoác một bộ áo lông đen lánh như xa tanh. Cháu mà lấy được ông ta thì may lắm. Nhưng ông ta mù và cháu sẽ phải kể chuyện cho ông ta nghe.

Bé tí hon không để ý gì đến chuyện lão chuột chũi hàng xóm cả. Hắn khoác một bộ lông đen lánh như xa tanh đến thăm chuột đồng.

Theo lời chuột đồng thì hắn rất giàu và có học. Nhà hắn rộng gấp hai mươi lần nhà các con chuột chũi khác. Tuy hắn có học đôi chút, nhưng hắn không thích ánh nắng và hoa. Hắn toàn nói xấu hoa và ánh nắng. Chúng mời bé tí hon hát. Bé hát rằng: “Bay đi, bọ dừa bay đi!” Giọng hát của bé làm chuột chũi ta thích mê tơi, nhưng hắn không nói gì.

Gần đây chuột chũi đã đào một ngách từ nhà hắn ăn thông sang nhà chuột đồng. Hắn mời bé tí hon và bạn hắn vào đấy chơi. Trong ngách có xác một con chim bị chết rét trong những ngày mùa đông.

Chuột chũi lấy mõm ngậm một mẩu gỗ mục (trong chỗ tối, thứ gỗ mục ấy phát ra ánh sáng) và đi trước để soi đường. Khi đến gần xác con chim, chuột chũi húc mõm lên trần để cho đất rơi xuống, trần bị thủng một lỗ, qua đó một chút ánh sáng rọi vào.

Nhờ thế họ trông thấy một con chim én nằm giữa hang, hai cánh gập lại, lông che kín đầu và chân co quắp. Con chim đáng thương rõ ràng là đã chết rét. Bé tí hon thương chim lắm. Bé vốn rất yêu những con chim bé nhỏ, đã hót cho bé nghe suốt mùa hè. Nhưng chuột chũi lấy chân ẩy chim én và nói:

- Nó không hót được nữa! Buồn thay cho số phận những con chim bé nhỏ. Lạy giời đừng bắt con cái tôi sau này hóa thành chim, vì ngoài tiếng chiêm chiếp ra chim chẳng biết gì cả, và cứ đến mùa đông là chim chết đói.

Chuột đồng hưởng ứng:

- Bác nói rất đúng. Ngoài tiếng chiêm chiếp ra, hỏi chim còn biết gì nữa khi mùa đông tới? Nó chỉ biết có chết đói và chết rét!

Bé tí hon không nói gì, nhưng khi hai con chuột quay lưng đi, bé liền cúi xuống, vạch lông chim, hôn lên đôi mắt nhắm nghiền của chim và nói:

- Có lẽ đúng là con chim đã làm cho mình thích mê mệt trong dạo hè vừa qua. Con chim bé nhỏ xinh đẹp, hót hay quá đi mất!

Chuột chũi tiễn khách về nhà. Bé tí hon suốt đêm không ngủ. Bé vùng dậy lấy rơm tết lại thành một cái chăn đem đắp cho con chim chết rét. Bé còn lấy cả nhụy hoa trong buồng của chuột đồng đem phủ xung quanh thân chim. Bé nói:

- Vĩnh biệt chim bé nhỏ thân yêu, đã hót rất mê ly trong mùa hè vừa qua, khi cây cối xanh tươi và ánh nắng sưởi ấm chúng ta.

Bé tí hon lấy tay ghì đầu chim bé nhỏ vào ngực. Bỗng bé sợ hãi, lùi lại. Có vật gì động đậy dưới tay bé. Đó là trái tim của chim. Con én mới chỉ bị tê cóng vì rét, và giờ đây được sưởi ấm, chim đã tỉnh lại.

Mùa thu chim én thường bay về các xứ nóng. Con nào rớt lại thì nó

sẽ bị lạnh đột ngột, rơi xuống và tuyết sẽ là mồ chôn én.

Bé tí hon sợ quá, run lên cầm cập, nhưng trấn tĩnh lại ngay. Bé rắc thêm nhụy hoa lên mình chim và lấy lá bạc hà bé vẫn dùng làm chăn đắp bọc lấy đầu chim.

Đêm sau, bé trở lại thăm chim. Chim vẫn sống, nhưng yếu đến nỗi chỉ mở mắt được một lát để nhìn bé. Bé đứng cạnh chim, tay cầm một miếng gỗ mục thay đèn. Chim cất tiếng nói:

- Cám ơn cô bé lắm, cám ơn cô bé thân yêu! Tôi thấy trong người nóng lên rồi, tôi sẽ lại sức và sẽ có thể bay về nơi chan hòa ánh nắng.

Bé tí hon đáp:

- Chết! Bên ngoài lạnh lắm, toàn là băng tuyết. Cứ nằm yên trong cái giường bé nhỏ này, chim ạ, tôi sẽ săn sóc chim rất cẩn thận.

Bé lấy một cánh hoa múc nước đem lại cho chim én. Rồi chim nói cho bé biết chuyện chim bị thương ở cánh khi bay từ một bụi gai ra, do đó không kịp bay theo đàn về các xứ nóng và rơi xuống đất. Chim chỉ nhớ được có thế và không biết bây giờ mình đang ở đâu.

Chim én ở lại trong hang suốt mùa đông. Bé tí hon cố sức săn sóc chim, chim rất yêu quý bé. Chuột đồng và chuột chũi chẳng hề biết tí gì, vì nếu chúng biết thì chúng chẳng để cho chim én ở đấy.

Tia nắng đầu xuân vừa xuất hiện, chim én nói với Bé tí hon có muốn cùng đi hay không. Chim sẽ cõng bé trên lưng và đưa về rừng. Nhưng bé tí hon cho rằng như thế là phụ ơn chuột đồng, bé nói:

- Tôi không thể làm thế được.

- Thế thì từ biệt bạn thân yêu!

Chim én nói rồi bay vút lên bầu trời, trong nắng xuân. Bé tí hon nhìn theo chim bằng đôi mắt buồn rầu, vì bé cũng rất mến chim.

- Quy-vit, quy-vit!

Chim vừa hót vừa bay vút về rừng. Bé tí hon buồn lắm. Bé không ra ngoài nắng ấm được, vì lúa đã mọc cao. Đối với bé, thửa ruộng ấy như một cánh rừng.

Một hôm chuột đồng bảo bé:

- Mùa hạ đã đến, lễ cưới cháu sắp tới nơi rồi (chả là ông bạn láng giềng chuột chũi đã sang dạm hỏi Bé tí hon.) Cần phải sửa soạn quần áo mới cho cháu. Ta sẽ cho cháu nhiều của hồi môn nếu cháu lấy chuột chũi.

Bé tí hon phải ngồi quay sợi. Còn có cả bốn con nhện dệt đem ngày. Chiều nào chuột chũi cũng sang chơi và nói rằng hễ mùa hè qua, trời bớt nóng, vì lúc đó đang nắng như thiêu như đốt - là hắn cưới bé tí hon ngay.

Nhưng bé tí hon không ưa chuột chũi tí nào. Sáng sáng, lúc bình minh, và chiều chiều, lúc mặt trời lặn, khi gió thổi các bông lúa ngã xuống, hé cho bé nhìn thấy bầu trời xanh biếc, bé mơ đến cuộc sống bên ngoài, và ước mong chim én bay trở lại.

Khi thu sang, quần áo cưới cũng chuẩn bị xong. Chuột đồng bảo bé:

- Bốn tuần nữa thì làm lễ cưới.

Nhưng bé tí hon òa lên khóc và nói rằng không thích chuột chũi.

Chuột đồng bảo:

- Chà! Đừng có õng ẹo. Ta cắn cho mấy răng bây giờ. Ta gả mày vào nơi danh giá, còn muốn gì nữa? Đến ngay hoàng hậu cũng chẳng có bộ áo xa tanh đen bóng như nó. Mày nên cảm ơn Thượng Đế mới phải.

Đến ngày cưới, chuột chũi tới để đem Bé tí hon đi. Bé sắp phải xuống ở với hắn dưới hang sâu, xa ánh nắng, vì chuột chũi ghét ánh sáng. Cô bé đáng thương đành phải từ biệt mặt trời. Ở nhà chuột đồng, ít ra bé cũng còn có thể đứng ở cửa hang mà nhìn thấy trời được.

- Mặt trời nóng ấm ơi, vĩnh biệt! - Bé vừa nói vừa giơ tay lên.

Rồi bé tí hon rời nhà chuột đồng. Người ta gặt lúa rồi, trên ruộng chỉ còn trơ có rạ.

- Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! - Bé vừa kêu lên, vừa vòng tay ôm một bông hoa nhỏ màu đỏ. Nếu hoa có thấy chim én thì cho tôi gửi lời chào.

- Quy-vit, quy-vit!

Vừa lúc ấy bé nghe thấy tiếng chim hót trên đầu.

Bé nhìn lên. Đúng là chim én.

Chim én vừa nhìn thấy bé, vội mừng rơn. Bé kể cho chim nghe nỗi buồn phải lấy chuột chũi và phải sống dưới hang sâu, xa ánh nắng mặt trời.

Chim én nói:

- Mùa đông sắp tới rồi và tôi cũng sắp quay về xứ nóng, Bé có muốn cùng đi với tôi không? Hãy trèo lên lưng tôi, và lấy thắt lưng buộc người vào mình tôi. Chúng ta sẽ trốn xa chuột chũi và chỗ ở ghê tởm của nó, chúng ta sẽ đi rất xa, bay qua núi non, đến tận những xứ nóng, nơi ánh nắng còn đẹp hơn đây nhiều, nơi mà suốt năm là mùa hạ, nơi có những bông hoa tuyệt đẹp. Trốn đi với tôi, Bé tí hon thân yêu, người đã cứu sống tôi khi tôi nằm cứng đờ dưới đất.

- Chúng ta đi thôi!

Bé tí hon đáp, rồi trèo lên lưng chim én, đặt chân lên đôi cánh dang rộng và buộc thắt lưng vào những chiếc lông to và khỏe nhất.

Chim én bay lên không trung, bay qua rừng này biển nọ, bay qua những ngọn núi cao tuyết phủ ngút trời. Bí tí hon run lên vì khí lạnh, chúi vào trong đám lông ấm áp, chỉ thò cái đầu xinh xinh ra để ngắm nhìn tất cả những cảnh huy hoàng dọc đường bay.

Cuối cùng, họ tới vùng xứ nóng. Ở đó, mặt trời chói lợi hơn nước chúng ta. Dường như trời cao gấp đôi. Trên các bụi rậm lủng lẳng những chùm nho xanh và đen rất đẹp. Có những rừng toàn chanh và cam.

Những đứa trẻ rất xinh chơi đùa trên đường cái. Chim én vẫn bay đi xa mãi, phong cảnh mỗi lúc một đẹp hơn.

Dưới bóng cây xanh tuyệt đẹp, gần một dải hồ xanh biếc, sừng sững một tòa lâu đài cổ bằng cẩm thạch trắng. Cây nho và cây trường xuân leo kín các cột. Tổ chim én làm trên đỉnh một cái cột ấy. Chim nói với bé tí hon:

- Nhà tôi đấy! Bé có thấy cây cỏ mọc ở dưới không? Tôi sẽ đặt bạn xuống giữa đám cỏ, bạn sẽ sống rất sung sướng.

- Ồ! Vâng! - Bé tí hon vừa trả lời vừa vỗ tay.

Nơi đó có một cái cột bằng cẩm thạch trắng đã bị vỡ làm ba mảnh. Chung quanh đấy mọc đầy hoa trắng rất đẹp. Chim én đặt bé tí hon xuống một chiếc lá to. Bé rất đỗi ngạc nhiên! Vì ở đấy có một chàng trai bé nhỏ trong như thủy tinh. Chàng đội một mũ miện vàng, hai vai có đeo cánh chim. Chàng chẳng to lớn gì hơn bé tí hon. Trong mỗi bông hoa đều có một người tí hon như thế. Chàng trai trong bông hoa trắng là vua của bọn họ.

Bé tí hon thì thầm với chim én:

- Anh chàng dễ thương quá!

Hoàng tử tí hon rất sợ chim én, vì đối với chàng chim én quả là một con chim khổng lồ. Nhưng vừa nhìn thấy Bé tí hon, hoàng tử đâm mê ngay. Chàng chưa từng trông thấy người con gái nào đẹp đến thế. Chàng nhấc chiếc mũ miện của mình ra, đem đội lên đầu Bé tí hon và ngỏ lời muốn lấy bé. Lấy chàng, bé sẽ trở thành nữ chúa các loài hoa.

Thật là xứng đôi, chẳng như thằng cóc con và con chuột chũi!

Bé tí hon bằng lòng. Thế là từ mỗi bông hoa bước ra một nam và một nữ, quần áo sang trọng. Họ đều rất đẹp, nhưng cặp đẹp nhất là đôi vợ chồng chưa cưới. Người ta lắp cánh vào vai bé tí hon, và bây giờ nàng có thể bay từ hoa này sang hoa khác được. Khắp nơi đều vui mừng. Trên kia, chim én đậu trên thành tổ ráng hết sức hót véo von, tuy rằng, chim rất buồn và nhớ tiếc Bé tí hon.

Chúa hoa bảo bé:

- Cái tên Bé tí hon xấu lắm, mà em thì lại rất đẹp. Từ nay tên em không là bé tí hon nữa, chúng ta sẽ gọi em là Tiểu Ngọc.

- Tạm biệt! Tạm biệt! - Chim én hót chào để rời xứ nóng, trở về miền Bắc.

Con chim én ấy làm tổ ở góc một cửa sổ nhà người kể chuyện này… Nó dùng tiếng hót Quy-vit, quy-vit mà kể chuyện trên đây cho ông ta, và nhờ đó mà chúng ta biết thêm được một truyện.

NGƯỜI NÀO, VẬT NÀO, CHỖ NẤY

Cách đây hơn 100 năm.

Phía sau rừng, gần các hồ lớn, là một tòa lâu đài cổ có hào sâu bao quanh, trong hào mọc đầy cây cối, và lau sậy. Sát bên cầu, đi vào cổng cái, có một gốc liễu cổ thụ nghiêng mình xõa cành lá trên mặt hào. Một cô bé chăn một đàn ngỗng đang qua cầu.

Trong khe núi bỗng vang lên tiếng kèn săn và tiếng vó ngựa.

Cô bé chăn ngỗng vội vã xua đàn ngỗng ra khỏi cầu để tránh đoàn người săn bắn đang phi ngựa về. Họ phóng nhanh đến nỗi cô phải nhảy vội xuống một bên thành cầu để khỏi bị hất ngã.

Cô bé xinh xắn, mảnh dẻ, nét mặt dịu hiền, đôi mắt sáng ngời. Lão chúa đất không nhận thấy điều đó. Trong lúc phóng ngựa hắn quay tít chiếc roi ngựa cầm trong tay. Vốn tàn bạo, hắn cảm thấy khoái chí khi quất cô một roi trúng giữa ngực làm cô ngã nhào.

- Người nào chỗ nấy! - Hắn quát lên rồi cười ồ, rất khoái trá về hành động của mình, và những đứa khác cũng cười theo. Cả bọn làm ầm ĩ, chó sủa vang và người ta nghe loáng thoáng câu hát cổ:

- Đàn chim đẹp theo gió bay về…

Cô bé chăn ngỗng đáng thương bị quật ngã, khóc sướt mướt, cô túm được một cành liễu rủ, nên người bị treo lửng lơ trên mặt nước.

Đoàn người săn bắn qua rồi, cô mới vùng vẫy để thoát thân, nhưng cành liễu gẫy và cô sắp rơi ngã lộn nhào vào bụi lau thì một bàn tay khỏe mạnh bỗng nắm lấy cô.

Đó là anh chàng bán giày rong đã nhìn thấy cô từ đằng xa và vội chạy lại cứu cô.

- Người nào chỗ nấy! - Anh vừa mỉa mai nhắc lại lời tên chúa đất rồi đặt cô bé bên lề đường.

Nói rồi anh cắm cành liễu gẫy vào chỗ của nó. Nói là "chỗ của nó" kể cũng quá đáng, đúng ra là anh cắm xuống đất xốp và bảo cây rằng:

- Nếu mọc được thì mọc lên và hãy cho cái bọn ở trên cao kia một cái sáo kêu tốt nhé.

Xong anh đi vào lâu đài, nhưng vì thân phận bé nhỏ nên anh không vào phòng khách. Anh trà trộn với bọn người hầu, họ xem hàng của anh và mua cho anh mấy đôi giày.

Xung quanh một cái bàn lớn, ở trên gác, vang lên một thứ tiếng huyên náo, đáng lẽ phải là tiếng ca lời hát, song bọn khách ấy chỉ cố gắng được đến thế, khiến tiếng hát của chúng nghe như tiếng la hét hoặc tiếng chó sủa, bọn chúng đang chè chén.

Rượu vang và bia chảy như xối vào bình, vào cốc. Đàn chó cũng được vào phòng tiệc. Một gã trẻ tuổi cầm lấy tai dài của chó lau bọt mép cho chúng rồi lần lượt ôm lấy chúng mà hôn hít.

Bọn chúng cho gọi anh hàng giày lên, nhưng mục đích chỉ là để trêu chọc anh mà thôi. Chúng bắt anh chàng khốn khổ ấy uống rượu vang đựng vào một chiếc bít tất. Chúng giục anh:

- Mau lên!

Cái trò chơi quái dị đến nỗi chúng cười lên như phá. Đoạn chúng xoay ra cờ bạc. Hàng đàn súc vật, những trang trại và đất đai được chúng đem ra đặt cược với nhau.

- Người nào chỗ nấy! - Anh thợ giày kêu lên khi anh vừa thoát khỏi cái nơi dâm loạn rượu chè cờ bạc ấy. Đường cái mới chính là chỗ của anh ta, chứ không phải nơi nhà cao cửa rộng kia.

Cô bé chăn ngỗng từ con đường nhỏ cũng ra hiệu tỏ vẻ đồng tình với anh.

Nhiều ngày tháng trôi qua. Cái cành liễu gẫy mà anh thợ giày đã cắm xuống bờ hào trở nên xanh tươi, nhú lên những mầm non. Cô

bé rất lấy làm sung sướng, thấy liễu đã bén rễ, vì cô cho rằng cây liễu ấy hình như là của mình.

Nhưng, liễu càng tươi tốt lên thì ngược lại, ở lâu đài cuộc sống càng lụn bại vì cờ bạc và tiệc tùng, hai thứ đó là hai con tàu mà con người nhất thiết không nên leo lên.

Mười năm chưa kịp trôi qua mà lão chúa đất đã phải lìa lâu đài, vác bị gậy đi ăn xin. Lâu đài phải bán cho một ông hàng giày giàu có, người mà xưa kia bọn chúng đã bắt uống rượu đựng trong bít tất. Tính siêng năng và lòng chính trực là những người giúp việc tốt; chúng đã đưa anh hàng giày lên địa vị chủ nhân, nhưng có cái là từ khi ấy trong lâu đài không có nạn cờ bạc nữa.

Chủ nhân mới cưới vợ. Cưới ai thế? Chính cô bé chăn ngỗng từ trước đến nay vẫn đáng yêu, hiền từ và tốt bụng. Bận quần áo mới vào trông cô lộng lẫy như con nhà quyền quý vậy. Câu chuyện sao lại thành ra như thế nhỉ? À! Kể ra thì hơi dài dòng, nhưng sự thực là như thế đấy và đoạn sau lại đáng kể hơn.

Người ta sống êm ấm trong tòa lâu đài cổ kính. Bà chủ đích thân làm công việc nội trợ; ông chủ thì quán xuyến mọi việc bên ngoài. Thật là có phúc lắm thay! Vì nơi nào đã có hạnh phúc thì những sự thay đổi cũng chỉ mang thêm hạnh phúc đến mà thôi. Tòa lâu đài được lau chùi và quét vôi lại. Người ta phát quang đường hào và trồng cây ăn quả. Phong cảnh trở nên hữu tình. Ngay sàn nhà cũng bóng nhoáng như đồng đánh bóng. Trong những đêm đông dài, nữ chủ nhân cùng tất cả đày tớ gái ngồi kéo sợi, se gai ở gian phòng lớn nhất. Mỗi tối chủ nhật, người ta cất cao giọng đọc một đoạn kinh thánh. Chính ông hội thẩm đọc kinh và ông hội thẩm chẳng ai xa lạ mà là anh hàng giày rong khi về già đã được cử vào chức vị ấy. Lũ trẻ con trong nhà lớn lên. Tất cả chúng nó đều không có những thiên bẩm phi thường, như người ta thường thấy trong mỗi gia đình, nhưng ít nhất chúng đều được hưởng một sự giáo dục rất tốt. Còn gốc liễu thì đã trở nên một cây tuyệt đẹp, mọc tự nhiên, không bị tỉa xén gì cả. Ông bà cụ chủ nhà dặn dò con cháu:

- Đây là cây gia hệ của họ nhà ta, các con phải sùng kính, tôn trọng nó.

Và cả nhà, ngay đến những người chậm hiểu nhất cũng nghe theo

những lời khuyên đó.

Một trăm năm qua đi.

Đến thời chúng ta đây. Hồ nước đã biến thành đầm lầy; tòa lâu đài cổ đã điêu tàn; người ta chỉ còn thấy một bể cạn, hình bầu dục; đựng nước cho súc vật, bên cạnh một đoạn móng tường nhà cũ; đó là dấu vết còn sót lại của hào lũy thuở xưa. Nơi ấy còn có một cây cổ thụ. Đó là cây gia hệ. Ta thừa biết một cây liễu được mọc tự nhiên thì sẽ đẹp biết chừng nào! Cây đã bị mọt ăn rỗng từ gốc đến ngọn, bị bão táp phá hoại ít nhiều, nhưng vẫn đứng vững vàng, trong những khe kẽ mà gió đã đem đất tới, cỏ non và những cây có hoa đã mọc lên. Phía trên thân cây, nơi trổ ra những cành lớn, có cả một mảnh vườn hoa sơn trà và phúc bồn tử nho nhỏ. Một ngon dương mai mảnh dẻ và cao vút mọc ngay trên thân cây liễu cổ thụ đứng soi mình trên mặt nước đen của bể cạn.

Một con đường mòn bỏ từ lâu, chạy vắt qua cái vườn ngay gần đấy.

Tòa nhà vĩ đại, nguy nga đã được xây dựng trên đồi cao cạnh rừng. Đứng ở đây nhìn phong cảnh thật là tráng lệ.

Tòa nhà vĩ đại, nguy nga, có cửa kính trong vắt trông như là cửa để trống.

Ở đây không có cái gì là không cân xứng. “Đâu vào đấy!” vẫn là khẩu hiệu của nơi này. Chính vì thế nên những bức họa xưa kia đặt ở những nơi trang trọng nhất của lâu đài bây giờ đều được đem treo ra ngoài hành lang cả. Hai bức họa cổ, một bức vẽ một người đàn ông, vận quần áo đỏ, đầu chụp bộ tóc giả, một bức vẻ một bà quý phái, môi son, má phấn, tóc quăn, tay cầm cành hồng đỏ, đều chẳng phải là những bức họa xấu cả đấy ư? Mỗi bức đều có một vòng lá liễu bao quanh. Bức nào cũng có nhiều lỗ thủng lớn. Đó là vì các cậu bá tước trẻ tuổi đã đem tranh của vợ chồng ông cụ già đáng thương, tức là vợ chồng ông hội thẩm, thủy tổ của họ, ra làm bia ngắm bắn súng hơi.

Con trai ông mục sư dạy học trong lâu đài. Một hôm anh ta dẫn các cậu bá tước và cô chị cả, vừa làm lễ thêm sức xong, qua con đường nhỏ, ra chỗ gốc liễu cổ thụ.

Khi tới gốc cây, cậu bá tước nhỏ nhất muốn bẻ một cành liễu để gọt một ống sáo; anh giáo bẻ cho cậu một cành.

- Trời! Anh đừng làm thế! - Cô bé kêu lên, nhưng quá muộn. - Đây là cây cổ thụ trứ danh của nhà tôi đấy! Tôi quý nó lắm. Cả nhà cứ thế nhạo tôi vì thế, nhưng tôi không cần. Có cả một truyện cổ tích về gốc cây cổ thụ này…

Rồi cô thuật lại cả câu chuyện mà chúng ta đã biết về gốc liễu, về tòa lâu đài cổ, về cô bé chăn ngỗng và anh bán hàng giày rong, về tổ tiên của cái gia đình danh giá mà chính cô là dòng dõi.

Cô nói:

- Các cụ tổ trung thực ấy không muốn mua danh tước. Châm ngôn của các cụ tôi là: “Người nào, vật nào, chỗ nấy!”. Đối với các cụ tiền tài không phải là tờ chứng khoán có đủ hiệu lực để đưa các cụ lên ngôi thứ cao. Chỉ có con trai của các cụ, tức là ông tôi, đã trở thành bá tước. Ông tôi hiểu biết rất rộng. Được mọi người kính trọng và được vua và hoàng hậu rất quý mến, thường cho vời đến dự mọi yến tiệc. Chính ông cụ là người được sùng kính hơn cả, nhưng không hiểu tại sao tôi vẫn cứ thích các cụ tổ kia hơn. Trong quang cảnh tòa lâu đài cổ kính, bà cụ ngồi giữa đám hầu gái se sợi, cụ ông cất cao giọng đọc kinh thánh; hai cụ hẳn là người hiền hòa, phúc hậu biết bao!...

Cậu bé đã gọt xong ống sáo.

Trong lâu đài đang có cuộc hội họp lớn; khách khứa từ kinh đô và các nơi lân cận về, có các bà quý phái mặc quần áo đủ các kiểu, có kiểu trang nhã, nhưng cũng có kiểu trông thật khó coi.

Gian phòng lớn chứa đầy khách khứa. Anh con trai ông mục sư khiêm tốn đứng trong một góc.

Sắp sửa có một cuộc hòa nhạc lớn. Cậu bá tước mang ống sáo bằng cành liễu tới, nhưng cha cậu và cậu đều không biết thổi.

Người ta đàn nhạc và ca hát, ai cũng lấy làm thích thú. Kể ra thì như vậy cũng là khá lắm rồi.

- Kìa anh cũng là một nhạc sỹ kỳ tài kia mà! - Một vị khách bảo

anh giáo. - Anh biết thổi sáo, liệu có cho chúng tôi nghe bài gì không nào?

Vừa nói ông ta vừa trao cho anh giáo chiếc sáo nhỏ gọt lúc nãy ở gần bể cạn. Rồi ông cất cao tiếng dõng dạc tuyên bố rằng anh sắp biểu diễn một bài sáo.

Anh giáo biết rằng người ta sắp chế nhạo mình, nên mặc dù biết thổi sáo, anh cũng không muốn thổi. Nhưng người ta nài ép nhiều quá, cuối cùng anh phải cầm lấy chiếc sáo, đưa lên miệng.

Cây sáo kỳ diệu thay! Nó rít lên một tiếng như còi tàu hỏa, vang khắp cả tòa lâu đài, sang tận bên kia rừng. Cùng lúc ấy, một cơn bão nổi lên, rít theo:

- Người nào chỗ nấy!

Ông chủ lâu đài bị gió cuốn xuống tận chuồng bò. Người chăn bò được đưa không phải lên phòng lớn, nhưng lên phòng dọn tiệc, giữa đám quân hầu vận toàn quần áo dát bạc. Bọn này rất lấy làm lạ khi thấy kẻ ngu dại đó ngồi cùng bàn với bọn họ.

Trong gian phòng lớn cô bá tước nhỏ tuổi bay đến ngồi vào ghế danh dự, nơi rất xứng đáng với cô. Con trai ông mục sư ngồi cạnh cô, trông như đôi vợ chồng. Một vị bá tước già, thuộc dòng dõi quý phái lâu đời nhất, vẫn ngồi ở chỗ cũ, vì cây sáo rất công bằng.

Chàng kỵ sĩ đáng yêu, người đã gây ra cái trò thổi sáo này, bị đẩy thẳng ra chuồng gà.

Cây sáo ghê gớm! Nhưng may sao, nó bị vỡ và thế là hết cái phép: "Người nào chỗ nấy!".

Hôm sau, người ta không nói đến sự lộn xộn đêm trước nữa, chỉ còn lại câu ngạn ngữ: "Thu sáo về".

Mọi vật lại trở về trật tự cũ. Riêng có hai bức chân dung của cô chăn ngỗng và anh hàng giày rong giờ lại được treo vào gian phòng lớn, nơi mà tối qua gió đã cuốn hai bức vào đấy. Một người sành sỏi bảo rằng đó là hai bức tranh quý giá, nên người ta sửa sang khôi phục lại chúng.

“Người nào, vật nào, chỗ nấy!” - Người ta luôn mãi nhắc đến câu ấy và nó sẽ sống lâu hơn câu chuyện này.

WALDEMAR DAAE VÀ CÁC NÀNG CON GÁI

Khi gió lướt trên đồng cỏ, cỏ rạp xuống như sóng gợn; khi gió lướt trên đồng lúa, lúa nhấp nhô như biển cả. Hãy nghe gió kể chuyện. Tiếng ca của gió khi gió rung chuyển cây cối trong rừng không giống lúc gió lùa vào các khe và lỗ thủng trên tường thành. Hãy nhìn lên trên cao kia, gió đang lùa mây như lùa một bầy cừu. Bạn có thể nghe thấy tiếng gió như tiếng kèn của người gác đêm vậy. Giờ thì gió lọt qua ống khói vào lò sưởi. Lửa bùng lên, nổ tí tách, chiếu sáng cả gian phòng. Ngồi trầm tĩnh ở nơi ấy nghe tiếng gió thổi thì thú biết bao! À! Gió có thể kể cho bạn nghe những truyện phiêu lưu và truyện cổ tích nữa đấy! Gió còn biết nhiều hơn tất cả chúng ta kia! Hãy nghe gió reo: “Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua! Mọi việc trôi qua!” Đó là điệp khúc bài ca của gió.

Gió kể:

Bên bờ sông Belt có một tòa lâu đài cổ tường dầy màu đỏ. Ta biết rõ từng viên đá xây lâu đài vì xưa kia ta đã từng thấy chúng ở lâu đài Marshal Stig. Người ta đã phá lâu đài ấy đi và chở đá đi nơi khác, để xây một lâu đài mới. Đó là lâu đài Borreby, hiện đang còn.

Ta đã được biết các chủ nhân của lâu đài Borreby, nhưng ở đây ta chỉ muốn thuật chuyện Waldemar Daae và các nàng con gái của ông ta.

Vốn dòng dõi vua chúa nên ông ta rất kiêu hãnh.

Ông ta săn băn và uống rượu giỏi hơn ai hết.

Bà vợ thường bận quần áo thêu vàng dát bạc. Sàn nhà bao giờ cũng bóng loáng. Các phòng ở trang hoàng bằng những tấm thảm rực rỡ và những đồ đạc quý giá, chạm trổ tinh vi. Bà chủ lâu đài đã mang về đây rất nhiều của hồi môn, toàn là vàng bạc châu báu. Hầm nhà đầy ắp rượu quý. Đàn ngựa đen lực lưỡng hí trong chuồng. Tất cả nói lên cảnh giàu sang của lâu đài Borreby.

Họ có ba nàng con gái xinh đẹp tuyệt vời: Ida, Johanné và Dorthea. Tôi vẫn còn nhớ tên các nàng.

Họ là những người giàu sang, quý phái sống trong cảnh xa hoa, gấm vóc. Vi vu… Tất cả đều trôi qua!

Gió kể tiếp:

- Ở nơi đây, không như ở các lâu đài khác, ta chẳng hề thấy bà chủ quý phái ngồi quay tơ trong phòng cùng với bọn thị tỳ. Bà thường chơi đàn, hát các bài hát cổ Đan Mạch và cả những bào hát bằng tiếng nước ngoài nữa. Cuộc sống trong lâu đài thật là náo nhiệt! Khách khứa gần xa thường ra vào tấp nập. Tiếng ca nhạc và tiếng cốc chén chạm nhau vang lên không ngớt, át cả tiếng gió thổi. Đây là nơi ngự tọa của khoái lạc và kiêu hãnh.

Một buổi sáng tháng năm ta ở phía Tây thổi về, sau khi đã thổi dạt nhiều tàu bè vào bờ bán đảo Jutland. Ta rong ruổi qua đồng bằng và trên bờ biển có những khu rừng xanh tươi. Ta thổi qua Funen, rồi ào ào vượt qua sông Belt.

Tới khu rừng dẻ gai, gần lâu đài Borreby, trên bờ Zealand, ta dừng lại nghỉ ngơi. Trẻ con trong làng vào rừng nhặt cành củi khô, những cành dài nhất và khô héo nhất, đem về bãi rộng trong làng chất thành đống, nhen lửa rồi ca hát, nhảy múa xung quanh.

Đến đây ta im lặng. Bỗng ta thổi nhè nhẹ vào cành cây khô mà một em trai xinh nhất đám vừa đặt lên đống củi. Ngọn lửa bùng lên và em bé châm lửa được bầu làm chúa tể cuộc vui.

Em được ưu tiên chọn một em làm bạn trong số các em gái. Thật là một cuộc vui lành mạnh, vui hơn tất cả các cuộc vui trong lâu đài Borreby cao ngất kia.

Vừa lúc đó, một chiếc xe dát vàng, có sáu ngựa kéo, đi tới. Trên xe có một bà bá tước và ba nàng con gái xinh đẹp, dịu dàng, một người trông như đóa hoa hồng, một người như đóa hoa huệ và người thứ ba như đóa dạ hương lan màu xanh nhạt. Bà mẹ cũng đẹp rực rỡ như một đóa uất kim hương. Bà ta ngồi cứng như gỗ, chẳng thèm nhìn đến những đứa trẻ đã ngừng nô đùa và đang cúi đầu chào.

Ta trông rõ ba cô con gái xinh đẹp và tự hỏi ai sẽ xứng đáng làm bạn với họ? Có lẽ phải là những chàng hiệp sĩ, hoặc những bậc hoàng tử mới sánh vai được với các nàng.

Vi vu, vi vu… Tất cả sẽ trôi đi!

Chiếc xe qua rồi, lũ trẻ con lại tiếp tục nhảy múa. Trong khắp làng mạc ở Borreby, Jareby, dân làng đều vui chơi như vậy để đón chờ mùa hạ. Đến đêm, gió kể tiếp, khi ta nổi lên ào ào, bà chủ lâu đài đã ngủ lịm đi để rồi không bao giờ thức giấc nữa. Bà ta đã qua đời, như tất cả mọi người.

Waldemar sống trong một thời gian âm thầm và lo âu.

Ông ta tự nhủ: “Ngọn cây cứng cáp nhất cũng có lúc phải uốn mình, nhưng nó vẫn có thể vươn lên được.” Các nàng con gái và gia nhân trong lâu đài ai cũng khóc và thương xót bà quý phái. Bà ta đã mất và ta cũng sẽ đi nơi khác, vì tất cả mọi vật đều trôi đi! Vi vu, vi vu…

Gió kể tiếp:

Nhưng rồi ta lại trở lại xứ Funen và sông Belt. Ta đã từng ngồi trên bờ biển, gần Borreby và trong khu rừng sến huy hoàng. Nơi ấy là nơi trú ngụ của loài cò diệc, chim cu, quạ lam và cả cò đen nữa. Lúc ấy đã sang xuân. Một số chim cò đã đẻ trứng, một số trứng đã nở. Bỗng nhiên có sự huyên náo khác thường; chim cò bay vút cả lên mà gào. Có tiếng rìu đốn cây đều đều; người ta sắp phá trụi cả khu rừng! Waldemar Daae muốn đóng một chiếc thuyền cao ba tầng mà hẳn là nhà vua sẽ mua cho ông ta. Vì thế ông đã ngả rừng nơi trú ngụ của chim chóc và cũng là mục tiêu của các thủy thủ nữa. Đàn cú sợ hãi bay đi trốn vì tổ của chúng bị phá tan. Điên lên vì đau đớn và tức giận, chúng bay lượn trên khu rừng mà kêu gào. Ta hiểu những tiếng kêu thất vọng ấy. Qua đen và quạ khoang gào lên: “Bị tống cổ rồi! Bị tống cổ rồi! Quạ! Quạ!”

Và ở giữa khu rừng, Waldemar Daae và ba cô con gái cùng một đoàn tiều phu đứng đó phá lên cười khi nghe thấy tiếng kêu man rợ của bầy quạ. Riêng cô con gái út, Anna Dorthea, thấy mủi lòng thương xót khi người ta định ngả một gốc cây trên đó có tổ quạ đen, một lũ quạ con đang thò đầu ra ngoài. Cô khóc lóc van xin

người ta tha cho chúng. Thế là cây ấy được để lại.

Họ đẵn cây, cưa gỗ và đóng một chiếc tàu ba tầng. Người trông nom việc đóng tàu không phải là con nhà quyền quý nhưng trí thông minh có thừa. Đôi mắt và vầng trán anh biểu lộ trí óc sáng tạo của anh. Waldemar và Ida, cô con gái cả mười lăm tuổi, rất thích nghe anh nói chuyện. Trong khi thiết kế một chiếc tàu cho người cha, anh cũng xây dựng trong mộng một tòa lâu đài mà anh và Ida sẽ ngồi bên nhau như đôi vợ chồng. Nhưng nếu lâu đài không được xây bằng đá, trang hoàng lộng lẫy, có vườn hoa và rừng cây bao quanh thì giấc mộng ấy sẽ không thể thành sự thực được. Mặc dù có một số kiến thức khoa học, khả năng của anh cũng rất có hạn. Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua! Ta đi xa. Và anh ta cũng phải đi xa, không thể lưu lại ở nơi đây. Cô bé Ida đã quên anh, tất nhiên là như thế. Đoàn ngựa đen được mọi người tấm tắc khen ngợi đang dậm chân trong tàu.

Một vị thủy sư đô đốc được nhà vua cử đến để xem tàu và bàn việc mua bán. Ông ta không ngớt khen ngợi đàn ngựa tuyệt đẹp kia. Ta nghe rất rõ vì ta bay theo đoàn người, lọt vào cổng chuồng ngựa và làm tung bay những mảnh rơm xung quanh họ. Waldemar thích vàng, đô đốc thích đàn ngựa mà ngài rất mực ca tụng. Chả ai hiểu ra sao cả. Chiếc tàu không bán được, nằm lì trên bến. Tàu được bọc toàn bằng gỗ ván như một chiếc tàu của ông già Noah trong kinh thánh. Chẳng bao giờ tàu được hạ thủy cả. Vi vu, vi vu…

Mọi việc trôi qua, trôi qua! Đó la thất bại đầu tiên của Waldemar.

Mùa đông, tuyết phủ khắp mặt đất, những tảng băng trôi dạt trên dòng sông Belt. Ta đẩy chúng sang hai bờ. Từng đàn quạ, đủ các loại, đen trũi như nhau, kéo đến. Chúng đậu trên chiếc tàu bị bỏ chỏng chơ trên bờ sông. Chúng lớn tiếng kêu than về cánh rừng đã trụi thui lủi, về các tổ chim đã bị phá hoại, về cảnh quạ con, quạ già không có chỗ ở, về tất cả những tai họa đã xảy ra do việc đóng chiếc tàu gây nên, chiếc tàu kiêu căng chẳng bao giờ được nổi trên mặt nước!

Ta cuộn tuyết lên từng đám. Tuyết đánh đống quanh thân tàu và lên đến tận nóc. Thế rồi ta cất cao giọng lên như lúc ta thổi thành cơn giông tố. Ta làm đủ cách để cho tàu biết thế nào là cuộc đời

trên biển cả. Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua!

Đông qua, hạ tới. Các mùa nối tiếp nhau như gió thoảng qua. Tuyết tan, hoa táo nở, lá vàng lại rụng.

Tất cả đều trôi qua. Đời người cũng vậy. Các cô con gái Waldemar hãy còn trẻ măng. Nàng Ida mơn mởn như một bông hồng, vẫn đẹp như lúc anh chàng đóng tàu phải lòng nàng. Có lúc ta thổi vào bộ tóc màu hạt dẻ của nàng khi nàng ngồi trầm ngâm dưới gốc táo trong vườn; ta rũ tóc nàng ra và phủ đầy hoa lên. Qua hàng cây, nàng đang ngắm vầng thái dương đỏ thẫm và chân trời màu vàng.

Johanné, cô em nàng, tựa như bông huệ tươi tắn và thanh tú; nhưng điệu bộ nàng cứng nhắc, kiêu kì, giống như mẹ nàng.

Nàng hay vào gian phòng lớn, nơi treo những bức chân dung của gia đình. Các bà trong tranh ăn vận toàn nhung và lụa, trên bộ tóc xõa úp một chiếc mũ nạm ngọc. Các bà nom thật có duyên! Các ông chồng thì phủ đầy giáp thép hoặc áo choàng lông loại sang nhất. Các ông không đeo gươm bên sườn mà lại đeo bên đùi. Một ngày kia chân dung của Johanné sẽ treo ở đâu nhỉ? Và người chồng quý phái của nàng diện mạo sẽ ra sao? Nàng nghĩ ngợi nhiều đến chuyện đó. Nàng lẩm bẩm một mình. Ta bay theo nàng suốt dọc hành lang dài đi tới gian phòng lớn nên ta nghe thấy hết.

Anna Dorthea, như một đóa dạ hương xanh nhạt là một cô bé mười bốn tuổi. Tính nàng trầm lặng và chín chắn. Nàng có cặp mắt to, xanh tựa làn sóng, bao giờ cũng mơ màng; một nụ cười tươi tắn luôn luôn nở trên môi nàng. Ta không thể nào thổi mất nụ nười ấy đi, vả chăng ta cũng không muốn làm việc ấy.

Ta thường gặp nàng trong vườn hay trên đồng nội. Nàng hái hoa và bứt cỏ, những loại hoa cỏ mà cha nàng có thể nấu thành thuốc. Waldemar là người cứng rắn và kiêu ngạo, nhưng rất thông thái. Mọi người đều thấy thếvà thường bàn tán về ông ta. Ngay trong mùa hè ông cũng đốt lò. Cửa buồng ông đóng kín mít. Cả ngày lẫn đêm ông ở trong ấy và chẳng bao giờ nói với ai công viêc của ông. Trong sự yên tĩnh con người mới nghiên cứu được những bí hiểm của thiên nhiên. Ông lại muốn tìm ra vật quý báu nhất trên đời, ấy là vàng đỏ.

Chính vì thế mà khói luôn luôn nhả trên ống khói của lâu đài. Chính vì thế mà trong buồng Waldemar lúc nào cũng có những ngọn lửa và tia lửa từ trong lò phụt ra. Ta biết, vì ta có mặt ở nơi ấy! - Gió nói tiếp. Mọi vật trôi qua, trôi qua! Ta rít lên trong ống khói. Mọi vật sẽ phải biến thành than, tro và sẽ tan ra thành khói. Ngay cả Waldemar nữa rồi cũng bị cháy tan ra thành khói thôi! Vi vu, vi vu… Mọi vật trôi qua! Nhưng Waldemar vẫn ngồi yên không động đậy.

Những con ngựa oai phong trong chuồng biến đâu cả rồi nhỉ? Tất cả vàng bạc, súc vật, trang trại, lâu đài biến đi đâu tất cả rồi nhỉ? Than ôi, chúng chảy thành nước cả rồi, chảy tan trong chiếc nồi nấu vàng, nhưng chẳng nấu ra tí vàng nào cả.

Chẳng còn chút gì trong các ngăn tủ và trong kho lúa. Người hầu thì giảm đi mà chuột nhắt thì tăng lên. Một mảnh kính cửa sổ nứt, rồi thêm mảnh nữa vỡ tan tành; ta chẳng còn cần phải vào lối cửa lớn nữa!

Ta thổi thấu khắp lâu đài như người gác đâm thổi tù và. Nói thế thôi chứ người gác đêm cũng chẳng còn nữa. Ta làm quay chiếc chong chóng trên chòi canh, chong chóng rít lên như tiếng gáy của người gác đêm trước kia. Bữa ăn của chủ nhà cũng trở nên rất đạm bạc. Cửa lớn đã bật tung ra khỏi ngõng, ta ra vào tự do nên trông thấy rõ tất cả.

Sống giữa khói than và tro bụi, qua bao lo âu và nhiều đêm thức trắng, râu tóc Waldemar đã ngả thành màu xám, nước da tái nhợt, nhưng đôi mắt của Waldemar vẫn ánh lên một niềm hy vọng, vì ông ta thèm khát chế ra vàng.

Ta thổi hắt khói và than vào mặt vào râu ông ta. Lão già khốn khổ! Không phải là vàng mà là những món nợ lão tìm thấy trong chiếc nồi nấu vàng. Còn ta, ta ca hát qua những tấm kính vỡ và khe tường. Ta thổi vào tận tủ của các cô con gái, nơi treo những tấm áo đẹp trước kia, giờ đã rách gần hết. Khi còn trẻ con chẳng bao giờ các nàng được nghe bên nôi bài hát cổ: “Cuộc đời những người quyền quý là một cuộc đời đầy phiền muộn.”

Chẳng còn củi để mà đốt mà cũng chẳng còn rừng mà lấy củi nữa. Băng giá trắng toát, vỡ lạo xạo dưới chân. Ta luồn qua hàng hiên,

qua các khe kẽ. Ta thấy các nàng con gái của Waldemar nằm trong giường để cho đỡ rét. Còn Waldemar thì đắp lên người một tấm da. Chẳng còn gì để ăn, chẳng còn gì để sưởi nữa! Cuộc đời một vị quý tộc phá sản là như thế đấy! Vi vu, vi vu… mọi việc trôi qua! Ta thét lên. Nhưng Waldemar vẫn không cựa quậy.

“Đông qua, rồi mùa xuân sẽ tới, lão nói. Sau cơn bĩ cực tới tuần thái lai. Lâu đài đã cầm cố rồi, thế là hết! Không! Ta sẽ có vô số vàng; hãy gắng chịu đựng đến ngày lễ phục sinh.”

Sáng ngày lễ Phục sinh, tiếng chuông nhà thờ vang lên. Vầng thái dương làm tươi vui hẳn bầu trời. Trong cơn lo lắng đến phát sốt lên, Waldemar đã thức thâu đêm, nấu chảy rồi để nguội, pha trộn, rồi gạn chắt. Ta nghe thấy lão thở dài như một tâm hồn đang đau khổ, rồi lão lại cầu nguyện, nín thở. Đèn đã tắt ngúm mà lão cũng chẳng để ý gì đến cả. Ta thổi vào đám củi tàn; ánh lửa soi sáng bộ mặt lão, trắng bệch như vôi. Mắt lão sâu hoắm, trợn tròn, to ra, to mãi như muốn bật ra ngoài.

“Vàng đây rồi! Lão reo lên. Nó lấp lánh, đặc sệt và tinh khiết biết bao!” Lão nhấc bình thủy tinh đựng nước luyện kim lên, tay run run, mồm lắp bắp: “Vàng! Vàng!” Lão choáng váng, chỉ thổi khẽ thôi ta cũng có thể xô lão ngã; nhưng ta chỉ thổi vào đám than hồng đỏ rực, rồi ta theo lão vào phòng các cô con gái đang rét cầm cập. Quần áo, râu tóc lão phủ đầy tro bụi. Lão đứng vươn cao giữa phòng, giơ cao bình thủy tinh và hét lên: “Chế ra vàng rồi!” Thủy tinh lấp lánh trong ánh mặt trời. Tay lão run lên. Chiếc bình rơi xuống đất vỡ tan thành muôn mảnh. Thế là đi đời niềm hy vọng cuối cùng của Waldemar. Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua, trôi qua! Thế là ta ra khỏi lâu đài của kẻ tìm vàng.

Vào những ngày ngắn ngủi cuối năm ở phương Bắc, sương sáng đọng hạt trên những quả bạc màu đỏ và trên những cành cây trụi lá, ta lại trở lại vui vẻ; ta tẩy sạch bầu trời bằng hơi thở của ta và làm gãy vài cành cây, công việc thường phải làm, chẳng có gì là nặng nhọc lắm. Ở lâu đài Borreby, Ové Ramel, chủ nợ của Waldemar đang ngồi ở đây với bản khế ước cầm cố gia sản và lâu đài Waldemar. Ta gõ nhịp vào những tấm kính vỡ, làm dập các tấm cửa sắt han rỉ, rít qua các lỗ và các khe cửa. Vi vu, vi vu…

Ové Ramel, có lẽ không thích ở đây lắm.

Ida và Anna Dorthea òa lên khóc. Johanné ngồi cắn ngón tay, cứng nhắc và xanh xao. Ové Ramel mời Waldemar ở lại suốt đời ở lâu đài, nhưng việc ấy đề ra chẳng được một lời cảm ơn của Waldemar. Ta thấy Waldemar ngửng đầu lên, kiêu hãnh hơn bao giờ hết. Ta bèn tỏ ý thán phục bằng cách thổi mạnh vào lâu đài, vào rặng cây bồ đề, mạnh đến nỗi một cành to, không bị mục nát, cũng gẫy tan ra, rơi xuống trước cửa.

Hôm ấy là một ngày nặng nề, một bước gian nan phải vượt qua nhưng Waldemar đã tỏ ra can đảm và kiêu hãnh.

Họ chỉ còn quần áo mặc trên người và một bình thủy tinh mới mua đựng nước luyện kim vét dưới đất, thứ nước quý báu hứa hẹn nhiều, nhưng thực tế chẳng đem lại kết quả gì. Lão chúa đất, trước kia giàu có biết bao, nay ôm chặt cái bình trước ngực, một tay cầm gậy, cùng các con ra khỏi lâu đài Borreby. Ta thổi hơi lạnh buốt vào đôi má nóng rực, lay chòm râu xám và bộ tóc bạc của lão. Ta hát như mọi khi! Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua, trôi qua! Thế là hết hạnh phúc.

Ida và Anna Dorthea, ngập ngừng đi cạnh lão. Johanné, trước khi đi theo chị và em, ngập ngừng một lát, rồi bỗng quay lại ngưỡng cửa. Nàng ngắm nghía những viên đá đỏ trên tường thành, mang từ lâu đài Marshal Stig về, và nàng liên tưởng đến các cô con gái đã sống trong lâu đài ấy.

Nàng cả cầm tay nàng út

Và cả hai ra đi khắp thế gian.

Phải chăng nàng nghĩ tới bài hát ấy? Ngày nay, các nàng gồm ba người và thêm cả ông bố cùng đi.

Các nàng đi qua con đường mà trước kia nàng đã từng ngồi xe dạo qua. Các nàng lếch thếch như những kẻ ăn xin, đi đến ngôi nhà bằng đất ở miền Smidstrup mà Waldemar thuê 10 mác một năm… Tường nhà trần trụi. Đàn quạ bay lượn xung quanh nhà vừa gào lên: “Bị tống cổ ra! Bị tống cổ ra! Quạ! Quạ!” như chúng đã từng kêu trong khu rừng Borreby khi người ta triệt hạ cây cối.

Waldemar và các cô con gái rất hiểu chúng muốn nói gì. Ta vội

thổi ngay vào tai họ vì họ chẳng cần nghe những lời ấy. Họ bước vào ngôi nhà bằng đất, còn ta, ta vượt qua đồng bằng và đầm lầy, qua các bờ rào bờ giậu và những khu rừng trụi lá để thổi tới biển cả và các xứ sở khác. Vi vu… Mọi việc trôi qua! Mọi việc trôi qua! Waldemar và các cô con gái sau này ra sao nhỉ? Gió kể tiếp. Người mà ta đã gặp lại là đóa dạ hương lan xanh nhạt. Lúc ấy nàng đã già cả, lưng còng. Năm mươi năm đã qua. Nàng là người cuối cùng trong gia đình còn sống và còn nhớ lại mọi chuyện cũ.

Giữa đồng bằng, trong thành phố Viborg, mọc lên tòa nhà mới và sang trọng của ông mục sư, xây bằng đá đỏ, khói nghi ngút bốc lên từ ống khói. Bà chủ nhà đáng yêu và các cô con gái đứng gần cửa sổ nhìn qua cành lá leo trên cửa sổ về phía đồng bằng màu nâu nhạt. Họ ngắm gì thế nhỉ? Họ ngắm một tổ cò làm trên một túp lều tiều tụy. Mái lều phủ đầy rêu và rạ, hay nói cho đúng hơn, phủ bằng tổ cò.

Cái lều thật là thảm hại! Người ta có thể nhìn ngó nó, nhưng không nên đụng vào nó.

Gió nói: Ta thận trọng thổi qua. Nếu không có tổ cò thì có lẽ người ta đã phá cái túp lều đó đi rồi, vì nó làm xấu cả cánh đồng. Ông mục sư chẳng nỡ đuổi người ở trong lều đi, thế là túp lều còn lại và người đàn bà đáng thương còn được ở trong ấy. Bà ta phải cảm ơn con chim của xứ Ai Cập, hay chính cò phải cảm ơn bà đã cứu sống anh em nó ở khu rừng Borreby năm xưa. Lúc ấy người đàn bà đáng thương mới chỉ là một em bé, một đóa dạ hương lan xanh nhạt và dịu dàng: Anna Dorthea. Bà ta còn nhớ tất cả các chuyện cũ.

- Phải, bà nói, con người ta có thể thở dài như gió qua các bụi cây và lau sậy! Chẳng có lấy một tiếng chuông thỉnh trên mồ Waldemar Daae! Không có em học trò nghèo nào hát bản kinh cầu nguyện khi người ta đem đi chôn ông chúa lâu đài Borreby. Mọi sự trên đời đều có ngày kết thúc, ngay cả cảnh nghèo khổ cũng vậy. Chị Ida tôi đã lấy một người nông dân. Cha tôi rất đau khổ về việc đó. Chả là con rể ông chỉ là một người bình dân mà ông thường khinh rẻ. Than ôi! Cha nằm dưới đất có lẽ sướng hơn trên này. Cả chị Ida nữa. Còn tôi, mụ đàn bà đáng thương này, bao giờ mới hết kiếp? Thượng Đế chí minh, xin người hãy giải thoát cho tôi!

Trên đây là lời khấn nguyện trong túp lều của Anna Dorthea. Nói về Johanné, chính ta đã cứu nàng, người táo bạo nhất trong ba cô, gió kể tiếp. Nàng xung vào làm thủy thủ trên một chiếc tàu. Nàng luôn lầm lì và mặt mày ủ rũ, nhưng nàng có nghị lực và không than phiền gì cả. Một hôm ta thổi thành bão táp và đã đẩy nàng xuống biển. Ta nghĩ rằng như thế là ta đã giải thoát cho nàng.

Lại đến ngày lễ phục sinh, ngày mà trước kia Waldemar tưởng là đã chế ra vàng. Bên dưới tổ cò, qua bốn bức tường đổ nát, ta nghe có tiếng người hát nguyện. Đó là tiếng hát cuối cùng của Anna Dorthea. Nhà không có cửa kính mà chỉ có một lỗ trên tường. Mặt trời như một quả cầu bằng vàng làm cho người hấp hối hồi tỉnh lại; nhưng chẳng bao lâu nữa bà ta chẳng cần đến ánh sáng mặt trời. Chú cò vẫn đứng trên mái nhà cho đến khi bà ta tắt thở. Chính ta đã hát nguyện khi đưa đám bà, cũng như ta đã hát nguyện khi chôn Waldemar và chỉ có ta biết mộ ông ta ở chỗ nào.

Một thế hệ khác, một thế hệ mới đã đến. Những đường cái cũ trở thành đất đai riêng, những nấm mồ yên tĩnh bị san thành đường đi mới, tiếp đến những con đường sắt chạy trên các nấm mồ và xóa nhòa tên tuổi những người nằm bên dưới. Vi vu, vi vu… Mọi việc trôi qua, trôi qua cả!

Truyện Waldemar Daae và các nàng con gái thế là hết đấy, các bạn có thể kể hay hơn được thì cứ kể đi. Gió nói rồi ngoắt đi, biến mất.

BÀ CHÚA TUYẾT

Truyện thứ nhất - Tấm gương và những mảnh gương vỡ

Các bạn hãy chú ý. Tôi bắt đầu kể. Đến khi kể hết truyện chúng ta sẽ hiểu hơn lúc ban đầu vì đây là chuyện một con quỷ!

Một hôm quỷ ta rất vui sướng vì đã làm ra một tấm gương rất kỳ lạ. Những vật tốt đẹp soi vào đấy đều chẳng ra cái gì cả, trái lại những vật xấu xí lại càng rõ nét và nổi bật hẳn lên, trông lại càng xấu xí hơn. Những phong cảnh đẹp thì trông như mớ rau muống luộc, những người tốt nhất trở thành đáng ghét hay là đi lộn đầu xuống đất, có khi mất cả bụng. Mặt họ méo mó đến nỗi người ta không thể nhận ra họ nữa. Nếu người ta chỉ có một vết tàn nhang thôi thì nhìn vào gương, vết tàn nhang ấy sẽ lan ra khắp mũi và xung quanh mồm. Quỷ cho thế là thích thú lắm. Khi một người có một ý nghĩ tốt thì ý nghĩ đó sẽ phản ảnh trong gương thành những nét nhăn nhó và quỷ ta cười khoái trá về phát minh xảo quyệt của hắn.

Tất cả đồ đệ của quỷ (vì quỷ có một trường phái) kể lại rằng tấm gương ấy là một kỳ quan. Chúng bảo:

- Bấy giờ người ta có thể biết bộ mặt thật của thế giới và loài người.

Và chúng mang tấm gương đi khắp nơi đến nỗi chẳng một vật nào, chẳng một người nào không bị quỷ làm méo mó đi. Chúng muốn bay lên tận trời để nhạo báng các tiên đồng và cả chúa trời nữa. Chúng càng bay cao, gương càng nhăn nhó. Khó nhọc lắm chúng mới giữ nổi gương. Chúng bay lên, bay lên mãi và cuối cùng bay đến gần Thượng Đế và các tiên đồng. Tấm gương nhăn nhó, rúm ró lại cong queo đến nỗi tuột khỏi tay lũ quỷ và rơi vỡ tan ra cả triệu mảnh.

Như thế sự tác hại còn lớn hơn trước nữa, vì một số mảnh chỉ bằng hạt cát bị cuốn bay khắp thế giới và một khi đã bay vào mắt người thì người ấy nhìn mọi vật đều có phép ma như cả tấm gương lớn.

Một số người bị mảnh gương bắn vào tim, thật là khủng khiếp vì tim họ trở thành lạnh như nước đá. Có mấy mảnh to có thể làm kính được, nhưng chớ có nhìn bạn bè qua những tấm kính ấy!

Còn thằng quỷ thì được mẻ cười vỡ cả bụng… Than ôi! Cho đến ngày nay trong không trung còn vô khối mảnh vỡ của tấm gương thần.

Truyện thứ hai - Hai em bé

Giờ mời các bạn nghe một truyện khác.

Giữa một thành phố, dân cư đông đến nỗi không đủ chỗ để mỗi người có một mảnh vườn con, phải trồng hoa trong chậu. Tuy nhiên cũng có hai em bé nghèo khổ có được một mảnh vườn lớn hơn chậu hoa một tí. Chúng chẳng phải là anh em ruột nhưng chúng yêu thương nhau như con một nhà. Cha mẹ chúng ở cạnh nhau, trên hai buồng gác sát mái nhà. Ở giữa hai căn buồng, có máng nước, mỗi buồng có một cửa sổ nhỏ. Chỉ cần bước qua máng nước là nhà nọ sang nhà kia được.

Cha mẹ chúng treo dưới mái nhà một cái thùng gỗ lớn, trồng rau trong thùng để ăn và cả một cây hoa hồng nữa. Như thế là một thùng có một gốc hồng và những gốc hồng này mọc rất khỏe.

Cha mẹ chúng nghĩ ra cách đặt hai thùng trên máng nước và làm thành một chiếc cầu bắc giữa hai cửa sổ, có thể gọi đó là một cái vườn nhỏ, các thứ cây trong vườn mọc rất tốt. Những quả đậu lủng lẳng trên thùng gỗ, hồng uốn cành quấn quanh cửa sổ, cây nọ ngả vào cây kia, trông như một khải hoàn môn xanh tươi kết bằng hoa lá.

Hai trẻ được phép chơi với nhau trên mặt thùng. Chúng ngồi trên những cái ghế con, dưới đám hoa hồng và chơi đùa ngoan ngoãn.

Mùa đông đến, cửa kính phủ đầy băng giá. Hai trẻ, em trai tên là Kay, em gái là Gerda, lấy tiền shilling bằng đồng hơ vào bếp lò rồi ép tấm kính lạnh ngắt và như thế là trên mỗi cửa kính thành hình một lỗ kính trong, tròn và nhỏ, có thể nhìn qua được.

Mùa hè chỉ nhảy một bước chúng đã sang tới nhà nhau rồi, nhưng mùa đông thì phải leo lên leo xuống rất nhiều cầu thang mới gặp nhau được, ngoài trời tuyết bay tới tấp.

Bà của Kay nói:

- Đàn ong trắng đang vo ve đấy.

- Chúng có chúa không, hở bà? - Kay hỏi bà vì nó biết rằng ong thì

phải có chúa.

Bà đáp:

- Nhất định là có chứ! Ong chúa bay ở nơi tuyết rơi dày đặc nhất. Ong chúa to nhất đàn và chẳng bao giờ nó đậu trên đất cả. Nó bay luôn luôn vào trong mây. Nhiều đêm đông, nó bay qua các phố trong thành và nhìn qua cửa kính. Lúc đó cửa kính phủ đầy băng giá, hình thành những bông hoa trắng đẹp tuyệt vời.

- Ồ! Vâng, cháu đã thấy rồi! - Hai đứa bé đồng thanh nói vì chúng tin rằng bà cụ nói thật.

- Bà chúa tuyết có vào nhà được không, hả bà? - Gerda hỏi.

- Có chứ, - bà đáp.

- Cứ vào đây mà xem! - Kay nói. - Mình sẽ cho bà ấy lên bếp lò nóng để cho bà ấy chảy tan ra.

Bà Kay vuốt tóc cháu và kể sang những chuyện khác.

Buổi tối, Kay mặc quần áo lót, trèo lên chiếc ghế tựa gần cửa sổ và nhìn qua một lỗ, ra ngoài trời. Vài bông tuyết rơi xuống, một bông lớn nhất bám vào cạnh thùng gỗ. Bông tuyết lớn lên, lớn mãi, rồi biến thành một người đàn bà mặc áo trắng dài rực rỡ, trông như dệt bằng ức triệu sợi bông nhỏ ti có điểm sao. Trông bà ta lịch sự và đáng yêu, nhưng người bà toàn băng giá, trông lóa cả mắt. Tuy nhiên bà ta vẫn có vẻ như một người thật.

Mắt bà như đôi sao sáng, nhìn mãi không chớp. Bà ta nhìn về phía cửa sổ, gật đầu và vẫy tay. Kay hoảng sợ nhảy tọt xuống dưới ghế. Hình như cu cậu trông thấy một con chim lớn bay qua cửa sổ con sát mái nhà.

Ngày hôm sau, trời rét khan. Rồi tuyết tan, mùa xuân lại tới. Mặt trời rọi sáng, cây cỏ xanh tươi, chim nhạn làm tổ, cửa sổ mở ra và hai đứa trẻ lại ra ngồi chơi trong cái vườn nhỏ cao tít, trên chốc các tầng gác, gần máng nước sát mái nhà.

Hè tới, hồng trổ hoa rực rỡ. Bé Gerda đã học thuộc một bài thánh ca thi nói đến hoa hồng, bé hát cho Kay nghe:

Hoa hồng mọc trong thung lũng,

Nơi mà Đức chúa Jesus đang phán bảo ta.

Đôi trẻ, tay cầm tay, hôn vào những bông hồng, ngắm nhìn mặt trời trong sáng của Thượng Đế và nói với lên như là nói với chúa Jesus vậy. Những ngày hè sao mà đẹp thế! Sung sướng thay các cảnh được ra chơi với nhau bên những gốc hồng tươi tốt không ngừng nở hoa!

Kay và Gerda đang ngồi xem tranh vẽ súc vật trong một quyển sách. Đồng hồ ở gác chuông nhà thờ điểm năm giờ, bỗng nhiên Key kêu lên:

- Ái, mình đau nhói ở tim và có vật gì bắn vào mắt mình ấy!

Gerda chẳng trông thấy gì cả.

- Có lẽ nó bắn ra kia rồi! - Kay nói.

Nhưng Kay đã nhầm. Chính là một trong những mảnh gương quái ác, chắc các bạn còn nhớ tấm gương quỷ quái làm cho tất cả những cái gì cao quý và đẹp đẽ soi vào sẽ trở thành bần tiện và xấu xa, còn cái gì đã xấu xa soi vào gương càng xấu xa thêm và từng tật của từng vật sẽ bị bộc lộ ngay lập tức. Kay đáng thương vừa bị một mảnh gương ấy bắn vào tim và từ đấy tim của Kay không thấy đau đớn nữa, nhưng tai họa đã đến với em.

Kay hỏi Gerda:

- Sao lại khóc hử? Trông Gerda xấu quá đi mất! Tôi chẳng thích cái gì cả. Phì! Cái hoa hồng này bị sâu ăn rồi. Cái này thì héo rồi. Toàn những loại hồng vất đi cả, trông giống như những cái thùng gỗ trồng cây hồng ấy!

Vừa nói chú vừa đá mạnh vào thùng và vặt hai bông hồng.

- Kay, làm gì thế? - Gerda thét lên.

Nhưng khi thấy bạn sợ hãi, Kay vặt thêm bông hồng nữa và chạy ra cửa sổ, tách xa bé Gerda đáng yêu.

Gerda mang tập tranh đến, Kay chế giễu những bức tranh đẹp và quyển sách tốt ấy. Khi bà Kay kể chuyện cổ tích, Kay vẫn tới nghe như cũ, nhưng làm sao mà cắt nghĩa được sự thay đổi của chú bé? Chú ngồi ra đằng sau bà cụ, đeo kính vào rồi nhại lại những lời cụ kể. Chú bắt chước khéo lắm, làm cho mọi người đều phì cười. Ít lâu sau, chú bắt chước và đi theo tất cả mọi người trên đường phố. Ai có tật gì kì quái hoặc xấu xí, Kay bắt chước được ngay và mọi người đều khen:

- Thằng bé này thật thông minh!

Chính mảnh gương vỡ đã bắn vào mắt Kay, chính mảnh gương vỡ đã chui vào tim em bé, phải, chính vì thế mà em đã chế nhạo đến cả Gerda mà trước đây em rất mực yêu quý. Những trò chơi giữa đôi trẻ trước đây vui vẻ là thế, giờ không còn gì là hứng thú.

Một ngày mùa đông, tuyết rơi không ngớt, Kay mang ra ngoài trời một kính hiển vi rồi giơ vạt áo hứng những bông tuyết. Kay bảo:

- Gerda nhìn qua kính mà xem này!

Mỗi bông tuyết hình như lớn hẳn lên, trông giống như một đóa hoa rực rỡ hay giống như một ngôi sao mười cánh! Thật là đẹp!

- Đẹp sao đẹp thế! - Kay nói - Gerda thấy không? Đẹp bằng mấy hoa thực ấy chứ! Hoa tuyết chẳng có tý tì vết nào, thật là hoàn toàn cho đến lúc nó tan thành nước.

Lát sau, Kay, tay đi găng, vác chiếc xe trượt tuyết tới. Em nói với Gerda:

- Tớ được phép đi trượt tuyết ở quảng trường với mọi người đấy.

Nói rồi Kay ra chỗ bãi trượt tuyết. Những trẻ can đảm nhất thường hay buộc xe trượt tuyết sau xe của các bác nông dân để được đi chơi xa. Trò chơi ấy thật là thú vị. Bọn trẻ đang nô đùa với nhau, bỗng có một chiếc xe trượt tuyết lớn đi tới, một người đàn bà ngồi trong, quấn mình trong chiếc áo choàng lông trắng và đội một chiếc mũ trắng. Chiếc xe chạy quanh bãi hai vòng.

Kay buộc xe của mình vào sau xe ấy và trượt theo.

Họ đi vào phố cạnh đấy. Chiếc xe trượt đi mỗi lúc một nhanh hơn. Người đàn bà ngồi trên xe quay lại mỉm cười với Kay, hình như bà quen biết em thì phải. Mỗi lần Kay định tháo xe của mình ra thì người đàn bà lạ mặt lại lắc đầu ra hiệu, làm cho Kay không dám cử động nữa. Cứ như thế họ ra tới cửa ô. Lúc ấy tuyết rơi dày đặc đến nỗi Kay không nhìn thấy hai bàn tay của em nữa.

Kay vội vàng tháo dây thừng nối xe của em vào xe trượt lớn, nhưng vô hiệu. Chiếc xe nhỏ của em như bị nối liền vào xe lớn và bị lôi theo nhanh như gió.

Kay kêu lên rất to, nhưng chẳng có ai nghe thấy cả. Tuyết rơi quay cuồng và xe vẫn cứ chạy. Thỉnh thoảng xe lại xóc lên như chạy qua những cánh đồng và thảo nguyên vậy. Kay lo sợ. Em muốn đọc một bản kinh, nhưng em chỉ nhớ có bản cửu chương mà thôi.

Những bông tuyết lớn, lớn mãi, lớn bằng những con gà. Ngựa kéo xe bỗng nhảy tránh sang một bên. Chiếc xa dừng lại và người ngồi trên xe đứng dậy. Áo choàng và mũ người ấy đầy những tuyết. Đó là một bà có vẻ quý phái, cao lớn, cứng cỏi, trắng toát: Bà chúa tuyết.

- Thế là chúng ta đã đến nơi bình yên vô sự! - Bà nói - Nếu em rét thì chui vào tấm da gấu của ta.

Bà đặt Kay vào trong xe, cạnh bà, và kéo chiếc áo choàng lông thú lên người em. Em ngồi đó như bị vùi trong một đống tuyết.

- Em còn rét không? - Bà vừa hỏi vừa ôm hôn lên trán em.

Cái hôn lạnh buốt và thấm vào tận tim Kay. Trái tim bị lạnh như băng giá. Em cảm thấy như sắp chết!

Nhưng cảm xúc ấy chỉ thoáng qua một lát thôi.

Xung quanh em mọi vật đều mờ nhạt, không trông rõ. Em kêu lên:

- Cái xe trượt của tôi! Chớ có quên cái xe trượt của tôi!

Đó là vật đầu tiên mà em nghĩ đến sau khi tỉnh lại.

Bà ta buộc xe của em lên lưng một con gà trắng, nó bay sau họ,

mang theo chiếc xe trên lưng. Bà lại hôn Kay một lần nữa, em quên hẳn bé Gerda, bà và bố mẹ em.

- Ta chỉ hôn em lần này nữa thôi, - Bà chúa tuyết nói, - vì em sẽ chết nếu ta hôn em lần nữa.

Kay nhìn bà ta. Bà rất đẹp. Không ai có thể tưởng tượng được một khuôn mặt nào diễm lệ hơn. Bà không có vẻ lạnh lùng như băng giá như hôm bà vẫy tay ra hiệu cho Kay ngoài cửa sổ nhà em. Đối với Kay, bà thật là hoàn mỹ. Em không cảm thấy sợ hãi nữa và kể với bà là em biết làm tính nhẩm, biết làm toán luật ba, biết diện tích và dân số của vài nước. Bà chúa tuyết mỉm cười. Kay cảm thấy sự hiểu biết của mình chưa đâu vào đâu và em đã đưa mắt nhìn ra khoảng không bao la. Gió bão rít lên điên cuồng, nghe thoáng như có tiếng vọng của những bài hát cổ.

Họ vượt qua nhiều rừng rậm hồ ao, biển cả và đất đai. Một luồn gió lạnh như băng thổi dưới chân họ, chó sói hú vang, tuyết lóng lánh, quạ đen vừa bay vừa kêu ran. Ban đêm trăng lấp lánh chiếu khắp bầu trời. Ban ngày Kay ngủ dưới chân Bà chúa tuyết.

Truyện thứ ba - Vườn nhà bà biết làm phép lạ

Khi Kay đi rồi thì Gerda nghĩ gì nhỉ? Kay đi đâu? Chẳng ai biết, chẳng ai biết mảy may gì về hướng đi của Kay, chỉ có bọn trẻ con kể lại rằng chúng đã thấy Kay buộc xe của nó vào một chiếc xe trượt lớn và đã đi ra phía cửa ô. Biết bao nhiêu nước mắt đã chảy, bé Gerda cũng khóc mãi không thôi. Cuối cùng người ta đoán rằng Kay đã chết, là em đã rơi xuống con sông gần đấy.

Mùa xuân lại đến và mặt trời lại chói lọi.

- Chắc là Kay đã chết ở một nơi rất xa - Gerda nói.

- Ta không tin là thế - Mặt trời bảo.

- Chắc là Kay đã chết ở một nơi rất xa.- Bé nói với bầy chim nhạn.

- Chúng tôi không tin điều đó! - Bầy chim trả lời.

Cuối cùng Gerda cũng không tin là Kay đã chết. Một buổi sáng em nói:

- Mình đi đôi giày đỏ mới tinh mà Kay chưa trông thấy bao giờ và ra sông để hỏi xem Kay ở đâu.

Trời mới tảng sáng, em hôn bà em, lúc bấy giờ đang còn ngủ, xách đôi giày đỏ ra đi một mình, theo lối cửa ra sông.

- Sông ơi, có thực là sông đã bắt đứa bạn thường vẫn chơi đùa với tôi không? Tôi sẽ biếu ông đôi giày đỏ nếu ông trả lại bạn cho tôi.

Hình như các ngọn sóng đang niềm nở đón chào em. Em ném đôi giày mà em quý nhất trên đời xuống dòng nước đang chảy xiết. Nhưng giày rơi gần bờ quá, sóng lại đánh dạt vào. Hình như sông từ chối không nhận vật quý nhất của Gerda, vì sông có bắt Kay đâu! Em lại tưởng rằng mình quăng chưa được xa, nên em trèo lên một chiếc xuồng đang nổi giữa bụi cói, đi ra tận mũi xuồng để ném đôi giày xuống lần nữa. Chiếc xuồng không buộc nên trôi ra xa. Em thấy thế vội đi lại phía đuôi xuồng, nhưng xuồng đã trôi cách bờ hơn một mét rồi và ngày càng lướt đi nhanh hơn.

Gerda sợ quá khóc òa lên, nhưng chẳng ai nghe thấy, ngoài đàn chim sẻ. Chim chẳng thể mang em vào bờ được. Chúng vừa bay dọc hai bên bờ vừa hót để an ủi em:

- Có chúng tôi đây! Có chúng tôi đây!

Xuồng trôi theo dòng nước, tách xa hẳn bờ sông. Gerda ngồi trên

xuồng, chân chỉ còn có bít tất. Đôi giày nổi ở phía sau, không trôi kịp xuồng.

Hai bên bờ, trăm hoa đua nở, cây cổ thụ um tùm, hàng đàn bò và cừu gặm cỏ trên cánh đồng, nhưng không có một bóng người.

- Có lẽ dòng sông sẽ đưa ta đến với Kay bé nhỏ của ta chăng, - Gerda thầm nghĩ.

Ý nghĩ đó làm em vui hẳn lên. Em đứng dậy và ngắm nghía hai bên bờ xanh tươi có tới hành giờ. Xuồng trôi qua một khu vườn lớn trồng toàn anh đào, trong vườn có một ngôi nhà nhỏ, có những cửa sổ kỳ quặc sơn xanh đỏ. Nhà lợp rạ và đằng trước có hai chú lính gỗ bồng súng như chào người qua lại.

Gerda tưởng họ là người thật, kêu cứu, nhưng tất nhiên là họ không trả lời. Dòng nước đẩy xuồng sát vào bờ, gần ngôi nhà.

Gerda kêu to hơn. Một bà lão từ trong nhà ra, Bà chống nạng và đội một chiếc mũ cói lớn.

- Khốn khổ con bé! - Bà lão nói - Sao lại bị trôi trên dòng sông chảy siết như thế này?

Bà lấy nạng khều, kéo xuồng vào bờ và đỡ Gerda lên bờ.

Em sung sướng được đi trên đất, nhưng cũng hơi sợ bà lão không quen biết này.

- Cháu lại đây, cháu là con nhà ai? Sao cháu lại đi đến tận đây?

Gerda thuật lại sự việc đã xảy ra. Bà lão lắc đầu: “Hừ! Hừ!” Khi Gerda hỏi bà có trông thấy Kay không, bà lão trả lời rằng Kay không qua đây, nhưng chắc là Kay sẽ đến.

Như thế thì chẳng nên buồn mà hãy nếm những quả anh đào thơm ngọt và ngắm những bông hoa đẹp hơn hoa của bất cứ tập tranh nào.

Mỗi bông hoa lại biết kể một câu chuyện rất dài.

Bà lão cầm tay Gerda dắt vào nhà và đóng cửa lại. Qua các cửa sổ

rất cao, qua các ô kính màu đỏ, màu xanh, màu vàng rọi vào nhà một ánh sáng diệu kỳ. Trên bàn bày đầy những quả anh đào trông rất ngon lành. Gerda muốn ăn bao nhiêu cũng được. Bà lão lấy chiếc lược bằng vàng chải tóc cho em, uốn thành những búp vàng óng ánh xung quanh khuôn mặt xinh xắn rất đáng yêu của Gerda.

Đã từ lâu mơ ước có một cháu gái, bà lão nói:

- Bà sẽ tìm hết cách làm cho cháu hết buồn phiền.

Trong khi bà chải tóc cho Gerda, dần dần em quên luôn cả Kay, bạn thân nhất của em, vì bà lão có phép lạ. Nhưng bà không phải là một bà phù thủy ác nghiệt. Bà chỉ thích làm điều lành và bà rất muốn giữ Gerda lại. Vì thế bà ra vườn lấy nạng trỏ vào đám cây hoa hồng làm cho hoa đang nở đẹp bỗng chui biến ngay vào trong đất đen, không còn trông thấy vết tích của hoa nữa. Bà lão sợ rằng trông thấy hoa Gerda sẽ nhớ đến Kay và bỏ đi mất.

Bà dẫn Gerda vào vườn. Cảnh ở đây tuyệt đẹp, hương thơm ngào ngạt. Ở đây có tất cả các loài hoa, nhiều không thể tưởng tượng được, hoa của cả bốn mùa, muôn màu, muôn vẻ. Không có tập tranh nào có đầy đủ màu sắc và đẹp đến như thế. Gerda vui vẻ nhảy nhót khắp nơi. Em vui đùa đến lúc mặt trời lặn sau đám cây anh đào. Bà lão sửa soạn cho em một chiếc giường thật lộng lẫy, có gối đỏ viền tím để em ngủ mơ thấy những giấc mộng đẹp như những giấc mộng của một bà hoàng.

Hôm sau, em lại chơi với hoa dưới nắng ấm. Nhiều ngày đã trôi qua đi như vậy. Gerda thuộc từng bông hoa, nhưng hoa nhiều thế mà dường như em cảm thấy thiếu một bông. Bông gì em cũng chả biết.

Một hôm em đang ngồi, chợt nhìn vào chiếc mũ có vẽ hoa của bà lão mà đóa hoa đẹp nhất lại có một bông hồng. Bà lão đã làm phép cho các hoa hồng chui xuống đất, nhưng lại quên mất bông hồng trên mũ. Ở đời ai mà có thể nghĩ đến mọi thứ trong một lúc!

- Sao? - Gerda hỏi. - Ở đây không có hoa hồng ư, bà?

Em chạy vào các luống hoa, tìm mãi, tìm mãi cũng chẳng thấy có hoa hồng.

Em ngồi xuống òa lên khóc.

Nước mắt em nhỏ xuống đúng vào nơi một cây hoa hồng đã biến mất, làm ướt đất và liền ngay đấy hoa hồng lại mọc lên, tươi tắn như trước lúc chui xuống đất. Gerda ôm lấy cây hồng, hôn vào hoa, nghĩ đến bông hồng ở nhà và nghĩ luôn đến Kay.

- Chết! Mình bỏ phí mất biết bao thời gian rồi! - Em nói - Mình phải đi tìm Kay chứ? Hoa có biết Kay ở đâu không? Hoa có tin rằng Kay đã chết ở một nơi rất xa không?

Hoa hồng đáp:

- Kay chưa chết đâu! Chúng tôi vừa ở dưới đất, chỗ ở của những người chết lên, nhưng không gặp cậu ta.

Gerda nói:

- Cảm ơn hoa nhé!

Em đi tới các hoa khác, ngó vào đài hoa mà nói:

- Hoa có biết Kay bây giờ ở đâu không?

Nhưng dưới ánh mặt trời, hoa chỉ thuật lại những sự việc đã xảy ra trong đời hoa. Gerda biết thêm được nhiều truyện đấy, nhưng chẳng hoa nào nói cho biết rằng Kay ở đâu.

Hoa huệ đỏ kể:

- Em có nghe thấy tiếng trống không? Chỉ có hai tiếng: Tùng! Tùng! Hãy nghe tiếng hát của người đàn bà góa chồng! Hãy nghe các tăng lữ cầu kinh! Một phụ nữ Ấn Độ bận áo dài đỏ trèo lên dàn hỏa táng, ngọn lửa quấn quanh lấy bà và xác chồng bà, nhưng bà lại nghĩ đến người vẫn sống trong trái tim bà, nghĩ đến người có đôi mắt sáng rực hơn cả dàn lửa, người mà cái nhìn nồng cháy thâm nhập vào bà mạnh hơn cả ngọn lửa sắp thiêu thân thể bà thành tro bụi. Ngọn lửa của trái tim có thể chết trong ngọn lửa của giàn củi không nhỉ?

Gerda nói:

- Mình chịu, không hiểu một tí gì cả!

- Đó là chuyện đã xảy ra trong đời tôi! - Huệ đỏ nói.

- Còn hoa bìm bìm định kể chuyện gì nào?

- Phía trên con đường mòn phía trên núi cheo leo có một tòa lâu đài. Cây cối quanh năm xanh tươi, mọc trên những bức tường màu đỏ, đến tận bao lơn và trên bao lơn, có một cô gái rất đẹp hay đứng ở đấy. Nàng cúi mình nhìn qua khe núi xuống dưới đường. Trong đám hoa hồng lủng lẳng trên cành chẳng có hoa nào tươi đẹp bằng nàng. Hoa mận bị gió cuốn đi cũng chẳng nhẹ nhõm hơn nàng. Bộ áo lụa của nàng phập phồng trước gió. Còn chàng, sao chàng chưa tới nhỉ?

Gerda hỏi:

- Hoa nghĩ đến Kay phải không?

Bìm bìm trả lời:

- Mình chỉ kể lại đời mình, thuật lại giấc mơ của mình thôi.

- Hoa mao lương kể chuyện gì đấy?

- Giữa hàng cây người ta treo dây và ván gỗ để làm đu, hai em bé xinh đẹp đang đánh đu, trên mũ mỗi em có dính một bông hoa hồng trắng như tuyết và một dải lụa xanh phất phơ theo chiều gió. Hai em ngồi bỏ thõng chân, còn anh của các em thì đứng trên đu. Em trai quấn cánh tay vào dây để giữ đu cho chắc hơn, vì một tay em còn phải cầm cái bát và tay kia cái ống thổi bọt xà phòng bằng đất, Em vừa đánh đu vừa thổi hàng dây bong bóng bằng nước xà phòng, chúng bay lên và trông như nhuộm bằng rất nhiều màu sắc. Cái bong bóng cuối cùng dính vào ống thổi và bị gió thổi ngả về một bên. Một con chó đen bé nhỏ đứng vươn trên hai cẳng sau để với theo đu. Đu bay, chó ta ngã xuống và sủa om lên. Bong bóng xà phòng vỡ dần. Một mảnh ván bay, một bong bóng vỡ, đó là câu ca của tôi.

- Truyện hoa kể cũng hay đấy, nhưng giọng hoa buồn lắm và hoa chẳng hề nhắc đến tên Kay. Dạ hương lan nói gì nào?

- Có ba chị em trong trắng và đáng yêu. Một cô áo đỏ, một cô áo xanh, một cô áo trắng. Tay cầm tay các cô nhảy múa trên mặt hồ phẳng lặng dưới ánh trăng, Không khí ngát hương thơm. Họ biến vào trong rừng. Hương càng thơm ngát. Một lát sau, ba cỗ quan tài, có ba cô gái nằm trong đó, từ trong rừng tối om tuột xuống mặt hồ. Bốn bề đom đóm đậu trên cành trông như những ngọn đèn con. Các cô gái đang ngủ hay đã tắt thở rồi? Hương thơm của muôn hoa làm cho ta cảm thấy rằng các cô đã chết! Chuông chiều rung bản cầu hồn…

- Hoa làm mình sợ quá! - Gerda nói - Hương hoa nồng quá làm cho mình nghĩ rằng các cô gái đã chết và Kay nữa, nhưng có thật là Kay đã chết rồi không? Những bông hoa hồng đã bị chôn dưới đất bảo rằng Kay chưa chết, có thật thế không?

- Kính coong! - Hoa dạ hương lan hình chuông rung lên. - Chúng tôi không rung chuông cầu nguyện cho Kay đâu vì chúng tôi không biết Kay là ai cả! Chúng tôi chỉ hát lên bài hát của chúng tôi, bài hát độc nhất mà chúng tôi biết.

Gerda, đi đến bông hoa tuyết đang lấp lánh trong chùm lá xanh biếc. Em nói:

- Hoa đẹp như một mặt trời con trong sáng. Hãy chỉ cho mình nơi mình có thể tìm thấy Kay, bạn chí thân của mình.

Hoa tuyết âu yếm nhìn Gerda. Hoa hát bài gì bây giờ nhỉ? Bài hát của hoa cũng chẳng liên quan gì đến Kay cả:

- Ngày đầu xuân, mặt trời nóng bỏng soi xuống một cái sân nhỏ. Tia nắng lướt tới tận bức tường trắng nhà bên cạnh, nơi đó mọc lên những bông hoa màu vàng đầu tiên, lóng lánh hệt như vàng thật. Một bà cụ già ngồi trên ghế bắc ngoài sân. Cô cháu gái của bà nghèo, phải đi ở, nhưng rất xinh, tạt và thăm bà và chỉ có thể phát ra từ một trái tim quý hơn vàng. Cặp môi của cô gái và cho đến ánh bình minh cũng lóng lánh như vàng thật. Đó là mẩu chuyện của hoa tuyết.

- Mẩu chuyện ấy làm cho mình nghĩ đến bà đáng thương của mình, - Gerda thở dài - Phải, chắc là bà đang buồn phiền vì mình, cũng như bà rất buồn rầu vì sự vắng mặt của Kay. Mình sẽ về và dẫn cả

Kay về nữa. Hỏi mãi các cũng vô ích. Hoa chỉ biết chuyện của hoa mà thôi. Hoa chẳng chỉ bảo được thêm tí gì cả.

Em vén cái váy xinh xinh để chạy được nhẹ nhàng hơn. Nhưng hoa thủy tiên đạp vào chân em khi em nhảy qua. Em dừng lại, nhìn hoa và hỏi:

- Có thể là hoa biết chút gì chăng?

Em cúi xuống đóa thủy tinh xinh xinh. Hoa nói:

- Trên cái gác xép kia, có một vũ nữ bé nhỏ đang tập nhảy, khi thì nhảy với cả hai chân, khi thì co hẳn một chân lên rồi lại bỏ chân xuống, trông choáng cả mắt. Nào, giơ chân lên nào! Và cứ thế cô đong đưa như đứng trên một cái cuống hoa.

- Mình chẳng thích nghe chuyện ấy đâu! - Gerda nói. - Đừng kể với mình chuyện ấy làm gì vô ích.

Em chạy ra cửa vườn.

Cửa đóng chặt, nhưng em cũng tháo được chốt và cánh cửa mở ra. Gerda chạy ra, chân giẫm đất. Ba lần em ngoảnh lại nhìn về phía sau, nhưng chẳng có ai đi theo em cả. Cuối cùng, mỏi chân, em ngồi xuống một tảng đá. Nhìn xung quanh em nhận ra rằng mùa hè đã qua rồi. Trời đang vào độ cuối thu, điều mà ở trong khu vườn luôn có ánh nắng và đầy hoa bốn mùa em không thể nhận ra được.

- Trời! Ta mất biết bao nhiêu là thời gian! Đã sang thu rồi ư? Thế thì mình chẳng nên nghỉ ngơi nữa!

Em đứng dậy và lại lên đường.

Chân em mỏi rồi. Xung quanh em, mọi vật đã bắt đầu chịu ảnh hưởng của giá lạnh. Lá liễu đã vàng úa và rỏ sương xuống mặt nước. Lá bắt đầu rụng. Riêng có một cây dương mai đang nặng trĩu những quả chát lè, ăn vào ghê cả răng. Cảnh vật xám xịt và nặng nề.

Truyện thứ tư - Hoàng tử và Công chúa

Gerda đành phải ngồi nghỉ. Gần nơi em ngồi có một con quạ lớn. Quạ đậu ở đấy từ lâu, nhìn em, lắc đầu rồi cất tiếng kêu: “Quạ! Quạ! Quạ! Quạ!” Quạ không thể nói rõ hơn được nữa, nhưng có vẻ lưu ý đến cô bé và hỏi em đi đâu một mình như vậy. Gerda nghe rất rõ hai tiếng “một mình”, em thuật lại cuộc đời và mối lo lắng của em cho quạ nghe và hỏi quạ có trông thấy Kay ở đâu không.

Quạ lắc đầu, suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Có thể, có thể!

- Thật ư? - Em reo lên và ôm ghì lấy quạ mà hôn, suýt nữa làm quạ chết ngạt.

- Làm gì mà rối lên thế? - Quạ bảo - Tôi nghĩ rằng cậu bé mà tôi thấy có lẽ đúng là Kay. Nhưng giờ thì chắc là Kay thích công chúa hơn và đã quên cô rồi.

- Kay ở nhà một nàng công chúa ư? - Gerda hỏi.

- Phải, cô hãy nghe đây, - quạ đáp, - nhưng nói cái tiếng của cô khó quá đi mất. Giá cô biết tiếng của chim thì hay biết mấy.

- Không, tôi chưa học tiếng chim bao giờ. Bà tôi cũng biết lắm cơ! Tiếc quá! Nếu tôi chịu khó học bà tôi thì hay biết mấy!

- Không sao! - Quạ nói. - Tôi sẽ cố gắng nói thế nào cho cô có thể hiểu được.

Và quạ kể lại tất cả những điều mà quạ biết:

- Trong giang sơn của chúng ta đang đứng đây có một nàng công chúa rất mực thông thái, thông thái đến nỗi đã đọc qua hết các báo xuất bản trên thế giới, nhưng được cái đọc xong thì lại quên tất! Giờ nàng đã lên ngôi báu và thiên hạ đồn rằng nàng thường hay hát bài: “Ta muốn lấy chồng”, với một giọng nghe ra như oán như sầu. Thật là bài hát đấy ý nghĩa! Nàng muốn lấy chồng, nhưng lại muốn kén một người nói năng hoạt bát, chứ không phải một người chỉ có cái bề ngoài chững chạc. Cái vỏ ngoài nàng cho là không quan trọng gì mà còn làm cho nàng khó chịu là đằng khác. Bỗng nhiên, có một ngày, nàng bắt các mệnh phụ trong triều học đánh

trống và họ cũng lấy làm khoái được học cái môn ấy. Họ đồng thanh nói:

- Hay cha chả là hay! Chính chúng tôi cũng đã nghĩ đến chuyện ấy!

Quạ kể tiếp:

- Cô có thể tin những lời tôi kể. Chả là tôi có một cô bạn gái đã được người ta mang về nuôi, được bay nhảy tự do trong cung và đã kể lại tất cả cho tôi nghe.

Dĩ nhiên cô bạn gái ấy là một ả quạ cái, vì quạ đực thì chỉ có đánh bạn với quạ cái chứ sao!

Một ngày kia, trên các tờ báo xuất hiện, chân dung của công chúa có đóng khung hình quả tim và có in tên công chúa, có gạch dưới hẳn hoi. Báo lại có đăng rõ ràng rằng tất cả các chàng trai mặt mũi sáng sủa đều có thể vào lâu đài nói chuyện với công chúa.

Chàng nào mà nói năng tự nhiên như ở nhà mình và hoạt bát nhất sẽ được lấy công chúa.

Ái chà chà! Thật là náo nhiệt! Các chàng trai lao vào, chen chúc nhau, nhưng suốt hai ngày chẳng một ai thành công cả. Ở ngoài phố thì anh nào cũng nói năng liến thoắng, nhưng một khi đã qua cửa lâu đài, trông thấy lính gác bận áo dát bạc, thấy quân hầu đeo tua rua vàng đứng trên cầu thang, khi bước vào các văn phòng sáng trưng, các anh chàng đâm hoảng và khi đến trước ngai vàng, nơi công chúa ngồi, thì chẳng nói gì hơn là lắp lại tiếng cuối cùng trong lời phán bảo của công chúa. Cách đối đáp ấy làm cho nàng chẳng thích thú chút nào. Có thể nói là các chàng đến cầu hôn ấy đều đã hít quá nhiều thuốc lào, nên ngây ngất như người say thuốc. Chỉ đến khi ra tới ngoài phố họ mới trở lại ba hoa như trước. Họ đông đến nỗi phải xếp thành một hàng dài từ cửa ô đến tận lâu đài.

Tôi bận ở đấy để xem họ. Họ chờ lâu đến nỗi phải chịu nhịn đói, nhịn khát, thế mà ở lâu đài người ta chẳng chịu cho họ lấy một cốc nước lã. Có anh mang theo bơ và bánh mì, nhưng chẳng chia sẻ cho ai cả. Những anh ấy nghĩ rằng: “Cứ để cho họ đói lả đi. Trông họ sẽ thảm hại và công chúa sẽ gạt họ ra”.

- Nhưng còn Kay? - Gerda hỏi - Kay có mặt ở đó không?

- Khoan tí đã! Giờ đến lượt Kay rồi đấy.

Sáng ngày thứ ba, bỗng người ta thấy một cậu bé chẳng có ngựa xe gì cả, vui vẻ đi bộ tới lâu đài. Mắt cậu ta lóng lánh như mắt cô vậy. Tóc cậu dài và rất đẹp, nhưng quần áo thì xấu xí.

- Kay đấy! - Gerda vui vẻ vỗ tay reo lên. - Đúng là Kay rồi!

- Trên lưng cậu ta đeo một túi vải to.

- Không phải túi vải đâu, đấy là cái xe trượt cậu ấy mang theo đi ra đi.

- Cũng có thể - Quạ đáp - Vì tôi không nhìn cậu ta kỹ lắm, nhưng cô bạn kể rằng khi vào lâu đài trông thấy lính gác mặc áo dát bạc và lên thang gác gặp quân lính hầu đeo tua rua vàng cậu ta không hề ngạc nhiên. Cậu ta chào họ và bảo: "Đứng ở cầu thang như các anh thì chán chết. Tôi thì tôi thích vào trong nhà hơn." Các phòng đều sáng choang, một đoàn các quan lớn, quan bé đi chân không, tay bưng những cái khay bằng vàng. Giày của Kay khua lộp bộp, nhưng cậu chẳng rối trí chút nào.

- Đúng là Kay rồi, - Gerda nói, - tôi biết cậu ta có đôi giày mới. Đã có lần cậu ta khua lộp bộp đôi giày ấy trong nhà bà nội.

- Đúng, đúng, đôi giày khua lên lộp cộp! - Quạ nói - Anh chàng đi thẳng đến chỗ công chúa. Nàng ngự trên một viên ngọc to bằng chiếc guồng quay sợi. Các mệnh phụ trong triều cùng đám thị tỳ lớn bé, các quan lớn cùng đám thị vệ và lính hầu đủ các cỡ. Có cái lạ là càng đứng gần cửa ra vào, xa công chúa họ lại càng vênh váo. Một tên thị vệ hạng bét, đi giày băng-túp, vác mặt lên với một vẻ kiêu căng, rất khó coi.

- Trông đáng ghét quá nhỉ? - Gerda nói - Nhưng còn Kay thì sao? Bạn tôi có làm vừa lòng công chúa không?

- Nếu tôi mà cũng là quạ thì dù đã đính hôn với kẻ khác, tôi cũng chiếm được công chúa, chắc chắn là Kay cũng nói năng hoạt bát chẳng kém gì tôi, tuy rằng tôi nói tiếng nhà quạ. Cậu ta rất bình tĩnh và rất đáng yêu. Cậu ta không đến để cầu hôn mà chỉ đến để

xem công chúa thông thái đến mức nào. Cậu ta nhận thấy công chúa thông thái thật và công chúa cũng nhận ra cậu ta thông minh có thừa.

- Đúng là Kay quá đi rồi! Cậu ta học giỏi đến nỗi đã làm tính nhẩm và làm những bài toán đố có ba phép tính. Quạ hãy vui lòng dẫn tôi đến lâu đài.

- Chẳng dễ đâu - Quạ đáp - Làm thế nào mà vào đấy được kia chứ? Tôi sẽ nói chuyện với cô bạn tôi xem. Chắc chắn là cô ta sẽ hiến cho chúng ta một mưu kế gì đấy. Tôi cũng phải nói để cô biết rằng: một em bé như cô chẳng khi nào được phép vào lâu đài đâu.

- Thật thế ư? Kay mà biết tôi ở đây thì chắc là cậu ta sẽ ra đón tôi ngay.

- Đợi tôi ở cái cột cây số này nhé! - Quạ nói, lắc đầu, rồi bay đi.

Mãi đến chiều tối quạ mới trở về và nói:

- Quạ! Quạ! Tôi mang đến cho cô lời chào của cô bạn tôi và đây là một chiếc bánh nhỏ bạn tôi đã lấy trong bếp để biếu cô. Chắc cô đói lắm rồi! Cô không có giày dép gì cả nên không thể đến lâu đài được đâu. Lính gác và quân hầu sẽ không cho cô vào đâu. Nhưng chớ có khóc! Rồi cô cũng sẽ vào được thôi. Cô bạn tốt của tôi có biết một gác con, bí mật, dẫn vào phòng ngủ và cô ta lại có thể mượn được chìa khóa buồng nữa.

Họ đi vào vườn, theo con đường lớn, lá rụng lả tả, và khi trong lâu đài đèn tắt hết, quạ dẫn Gerda đến một chiếc cửa sau bỏ ngỏ. Gerda lo sợ và nóng ruột, tim đập thình thịch, Em cảm thấy như sắp làm điều gì xấu, nhưng thực ra em chỉ muốn tìm gặp Kay. Phải, đúng là cậu ta rồi! Em nhớ lại đôi mắt thông minh và bộ tóc dài của Kay! Em cảm thấy Kay mỉm cười như là hai đứa đang ngồi chơi với nhau ở nhà, bên gốc cây hoa hồng. Chắc Kay sẽ sung sướng được gặp lại em, được biết rằng em đã phải đi không biết bao nhiêu là đường đất để tìm gặp Kay, được biết rằng ở nhà mọi người buồn bã như thế nào khi không thấy Kay về.

Lòng em tràn đầy nỗi lo sợ lẫn vui sướng.

Họ đã tới thang gác. Nơi đó có một ngọn đèn đặt trên một cái tủ đựng bát đĩa. Cô ả quạ đậu dưới đất. Quạ quay đầu lại nhìn quanh quất trong lúc Gerda lễ phép cúi đầu chào theo kiểu cách mà bà em đã dạy em.

- Anh chồng chưa cưới của tôi đã nói tốt về cô với tôi rất nhiều - Quạ cái nói - Cuộc đời của cô thật là cảm động. Cô hãy cầm lấy đèn, tôi sẽ đi trước. Chúng ta theo con đường thẳng này mà đi và như thế chúng ta sẽ chẳng gặp ai cả.

- Hình như có ai đến đằng sau kia - Gerda nói.

Và quả thật có tiếng rít gần bên em.

Gerda thoáng thấy một đoàn ông lớn, bà lớn cưỡi những con ngựa chân thon, bờm phất phơ, đi săn thú.

- Đó chỉ là các thần mộng thôi - Quạ nói.

Gerda và quạ tiến vào trong phòng thứ nhất căng toàn lụa đỏ và đính hoa giả trên tường. Có tiếng thần mộng vừa bay qua vừa rít lên, nhưng chúng bay nhanh đến nỗi Gerda không nhìn thấy. Rồi họ vào các buồng, buồng nào cũng lộng lẫy cả. Họ vào buồng ngủ. Trần nhà như một cây cọ lớn, lá bằng thủy tinh. Giữa buồng có hai cái giường trông hệt như hai bông hoa huệ, mỗi cái đặt trên một cái bệ bằng vàng. Trên chiếc giường căng rèm trắng công chúa đang ngủ. Rất có thể là Kay ngủ trên chiếc giường căng rèm đỏ bên cạnh. Gerda vạch rèm, và trông thấy một người nằm nghiêng, quay lưng ra ngoài, da ở gáy màu hung hung. A! Đúng là Kay rồi! Cô kêu lên và đặt đèn cạnh giường. Có tiếng rít của các thần mộng cưỡi ngựa phi quanh phòng. Người nằm ngủ chợt tỉnh, ngẩng đầu lên… Không phải là Kay!

Hoàng tử chỉ giống Kay ở cái gáy mà thôi. Trông chàng trẻ và đáng yêu. Từ bên giường có rèm trắng công chúa ngó sang hỏi có chuyện gì xảy ra. Gerda òa lên khóc, thuật lại tất cả chuyện đời mình và không quên kể tất cả sự giúp đỡ của đôi quạ.

- Cô bé đáng thương thay! - Hoàng tử và công chúa đồng thanh nói và phán bảo đôi quạ rằng họ không giận gì quạ đâu, nhưng bận sau không được làm như vậy. Họ lại hứa sẽ thưởng cho cả hai con

quạ.

Công chúa hỏi:

- Các ngươi muốn được tự do, hay là nhận chức quạ của gia và được hưởng các thức ăn thừa trong bếp?

Đôi quạ nghiêng mình đáp lễ và xin nhận chức quạ trong triều. Chúng nghĩ đến tương lai và tâu rằng về già, đời sống được bảo đảm là quý nhất!

Hoàng tử ngồi dậy, nhường giường cho Gerda. Cô bé chắp tay lại, suy nghĩ: "Dẫu sao, người và vật cũng đều tốt bụng cả." Nói rồi em nhắm mắt, ngủ thiếp đi. Thần mộng lại trở lại và lần này họ biến thành những tiên đồng đang kéo một chiếc xe tuyết trong đó có Kay đang ngồi giơ tay vẫy chào Gerda. Nhưng đó chỉ là mộng thôi, và khi Gerda tỉnh giấc thì Kay, xe và tiên đồng đã biến hết.

Hôm sau, người ta mặc cho em toàn nhung gấm, lụa là, từ đầu đến chân. Người ta lưu em ở lại lâu đài để hưởng vinh hoa phú quý, nhưng em chỉ xin một chiếc xe nhỏ, một con ngựa và một đôi giày băng-túp nhỏ. Em muốn băng qua thế giới bao la để tìm Kay.

Người ta cho em một đôi giày và một chiếc bao tay rất vừa vặn, và khi ra đi em thấy trước cửa một cỗ xe xong mã thếp vàng mới tinh. Gia huy của hoàng tử và công chúa lấp lánh trên xe. Người đánh xe, người hầu và lính hộ vệ, có cả lính hộ vệ theo xe, đều đội mũ bằng vàng. Hoàng tử và công chúa đặt Gerda vào xe và chúc em đi đường bình an vô sự. Quạ cái, giờ đã thành hôn, tiễn chân cô trên ba dặm đường, và đậu ngay cạnh cô, vì quạ không muốn bay theo xe. Quạ đực, đậu trên cổng lâu đài, vẫy cánh chào từ biệt. Chú ta không ra tiễn được vì từ ngày nhậm chức, chú ăn nhiều quá nên bị bệnh đau đầu trầm trọng. Bên trong xe xếp toàn bánh ngọt, và trên ghế có hoa quả và bánh mì.

- Đi nhé! Cầu Chúa phù hộ cho em! - Hoàng tử và công chúa reo lên.

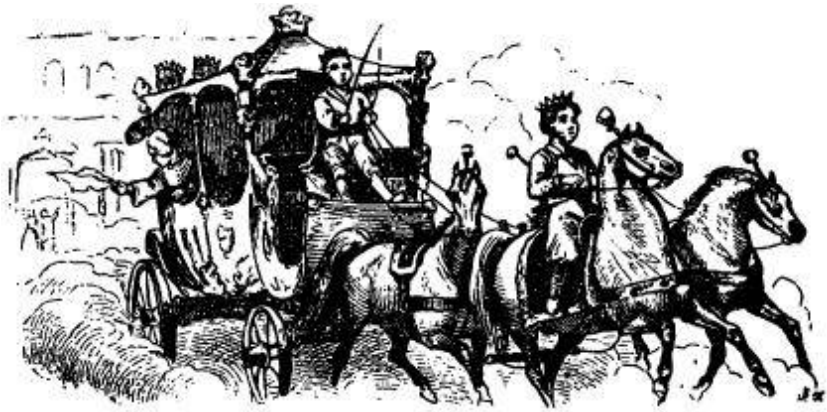

Gerda khóc òa lên, quạ cái cũng khóc theo.

Đi được mấy dặm đường, quạ cũng từ biệt nốt. Cả hai đều buồn rười rượi. Quạ bay lên một cành cây và tiếp tục vỗ cánh cho đến lúc không còn trông thấy nữa.

Truyện thứ năm - Con gái quân cướp đường

Đến một khu rừng tối om, xe vẫn lấp lánh như cục than hồng. Một bọn cướp trông thấy, hoa cả mắt. Chúng reo lên:

- Vàng đấy! Vàng đấy!

Chúng lao ra, giữ lấy ngựa, giết chết lính hộ vệ, người hầu, xà ích và kéo Gerda ra khỏi xe.

- Con bé này béo và khỏe mạnh, tuyệt lắm! Ngậy như nhân hạt dẻ ấy! - Mụ hầu già của bọn cướp, có bộ râu dài, rậm và đôi lông mày rủ xuống tận mắt, reo lên. - Trông nó như một con cừu béo ấy! Thịt nó chắc là ngon!

Nói rồi mụ rút con dao sáng quắc trông gớm chết ra.

- Ái! Ái! - Vừa lúc ấy mụ thét lên vì vừa bị đứa con gái bíu lấy cổ và cắn vào tai. Trông nó có vẻ dữ tợn và khoái trá.

- Con nhà hỗn nào! - Mụ mắng con và sắp sửa chọc tiết Gerda.

- Để cho nó chơi với con! - Đứa con nói - Nó sẽ cho con cái bao tay và cái áo đẹp của nó. Nó sẽ ngủ chung với con.

Nói rồi nó lại ngoạm vào tai mẹ nó làm mụ giãy nảy lên.

Bọn cướp cười ầm lên. Chúng nói:

- Trông mẹ con nhà nó khiêu vũ kìa!

Đứa con bọn cướp nói:

- Con muốn đi xe ngựa.

Bọn cướp để nó trèo lên với Gerda, vì nó là một đứa trẻ bướng bỉnh thường được nuông chiều. Xe lao vào rừng, băng qua các gốc cây cụt và hồ ao. Con gái lũ cướp lớn bằng Gerda, nhưng khỏe mạnh hơn, vai rộng, tóc nâu, cặp mắt đen của nó có vẻ hơi buồn. Nó ôm ngang lưng Gerda và bảo:

- Nếu tớ không giận đằng ấy thì chúng chẳng dám giết đằng ấy đâu. Hẳn đằng ấy là một công chúa?

- Không, - Gerda đáp, kể lại đời em và nói thêm rằng em rất yêu quý một cậu bé tên là Kay.

Con bé nghiêm nghị nhìn Gerda. Nó lắc đầu và nói:

- Chúng nó không giết đằng ấy đâu! Chỉ khi nào tớ cáu với đằng ấy thì chính tớ sẽ giết đằng ấy.

Nói xong, nó lau nước mắt cho Gerda và thọc hai tay vào cái bao mềm mại và ấm áp.

Xe dừng lại. Cả bọn đã về tới lâu đài hầu như hoang tàn của bọn cướp. Quạ khoang và quạ đen từ các lỗ bay ra tứ tung. Lũ chó ngao to tướng nhảy cẫng lên. Mỗi con đủ sức nuốt chửng một người. Trong một góc nhà, bảy tám con ngựa thắng yên cương, sẵn sàng lên đường, buộc quanh cột nhà. Trên tường, binh khí rỉ nát, áo choàng rách mướp treo lộn xộn.

Gerda bước vào, con gái bọn cướp dắt tay em. Lúc đầu em chưa phân biệt được gì cả và lo lắng đến nỗi chân bước không vững.

Trong phòng lớn đầy khói, một đống lửa bốc cháy trên sàn nhà. Khói bốc nghi ngút lên trần nhà rồi loanh quanh tìm lối thoát ra ngoài. Bọn cướp nấu xúp trong một cái nồi đặt trên đống lửa và đang quay trên đó nào là thỏ rừng, nào là thỏ nhà, để nguyên con.

Con gái bọn cướp nói với Gerda:

- Đêm nay đằng ấy ngủ với tất cả bầy súc vật xinh xinh của tớ.

Ăn uống xong, chúng nằm lăn trong một góc nhà lót rơm. Bên trên chỗ nằm có hàng trăm chim bồ câu đậu trên giá và que bắc ngang. Hình như chúng đang ngủ, nhưng khi hai đứa bé đến thì chúng ngẩng đầu lên nhìn.

- Tất cả bầy chim là của tớ - Con bé nói.

Nó bắt một con chim gần đó, tóm lấy chân và lắc đến nỗi chim đập cánh phành phạch.

- Hôn nó đi! - Con bé reo lên và quẳng chim vào mặt Gerda.

- Đây là đôi bồ câu rừng mất dạy - Con bé nói tiếp và chỉ vào những thanh sắt chắn ngang miệng một cái hốc trên tường. - Không nhốt chúng lại là chúng chuồn ngay! Và đây là em bé yêu của tớ.

Nó vừa nói vừa nắm lấy sừng một chú nai, có chiếc vòng đồng đeo cổ, bị buộc gần đấy.

Đó là một con nai già có đôi mắt hiền từ và đang nhìn đứa con gái lũ kẻ cướp như có vẻ muốn van xin nó tha tội. Lông nai đã gần bạc hết và đôi chỗ lông rụng hết, trông thấy cả da. Trông nó người ta có thể đoán rằng nó đã lang bạt nhiều nơi và đã từng trải qua nhiều cơn đau khổ. Con gái bọn cướp lại nói:

- Con vật này cũng phải buộc cẩn thận, nếu không nó chuồn mất! Tối nào tớ cũng cù nó bằng mũi dao găm làm cho nó hoảng lên đến là hay.

Nói đoạn, con bé rút ở khe tường ra một con dao găm và dứ vào cổ nai. Con vật khốn khổ lồng lộn lên làm con bé cười sằng sặc.

Rồi chúng lên giường ngủ.

Lúc đầu Gerda nằm co ro trong một góc. Con bé hỏi, giọng hơi sẵng:

- Sao đằng ấy tránh tớ thế? Đằng ấy sợ à? Lại gần đây nào!

Gerda hơi sợ, hỏi:

- Cậu định dắt cả dao găm đi ngủ à?

- Tất nhiên - Con gái bọn cướp đáp - Ai biết trước được chuyện gì có thể xảy ra trong đêm hôm. Nhưng thôi, hãy kể chuyện Kay cho tớ nghe và cho tớ biết tại sao cậu ta lại đi chu du khắp thiên hạ như thế?

Gerda mải mê thuật lại chuyện của em không quên một chi tiết, để khỏi phải nghĩ đến cái nơi khủng khiếp mà tai họa đã dẫn em đến, và trong khi kể những nỗi lo buồn đã qua, em có thể tạm quên những mối lo hiện tại. Gerda kể lể rất dài, dài lắm. Đàn bồ câu vẫn gù trong chuồng, còn các chim khác đã ngủ cả. Con gái lũ kẻ cướp một tay quàng vào cổ Gerda, tay kia cầm dao găm, cũng ngủ nốt. Nhưng Gerda không sao chợp mắt được. Em băn khoăn không biết rằng chúng có để em sống hay không hay là chúng sẽ giết em. Bọn kẻ cướp ngồi quanh đống lửa uống rượu và ca hát. Mụ hầu cũng say khướt, ngã sấp ngã ngửa, Gerda sợ run lên.

Đàn bồ câu nói với em:

- Gù! Gù! Chúng tôi đã trông thấy Kay. Một con gà trắng mang xe trượt cho cậu, còn cậu thì ngồi trong xe của Bà chúa tuyết, xe chạy qua rừng nơi chúng tôi làm tổ: nữ chúa hà hơi vào chúng tôi làm chết rét hết tiệt, chỉ còn sống sót có hai đứa thôi. Gù! Gù!

- Này các bạn trên kia, nói gì thế? - Gerda reo lên - Bà chúa tuyết đi đâu rồi? Các bạn có biết gì không?

- Chắc hẳn bà ta đi đến xứ Laponie rồi, vì nơi ấy có băng tuyết quanh năm. Cứ hỏi bác nai bị buộc ở dưới ấy thì biết.

- Quanh năm chỉ toàn băng và tuyết thôi, thật là thích! - Nai nói - Ở đấy được vùng vẫy tự do trong những thung lũng rộng rãi và sáng

loáng. Chính đấy là nơi Bà chúa tuyết dựng lều vải vào mùa hè, nhưng lâu đài của bà ta ở mãi trên cực bắc, trên hòn đảo mà người ta gọi là đảo Spitzbergen.

Gerda lẩm bẩm:

- Kay, Kay!

- Nằm im - Con gái bọn cướp dọa - Nếu không tớ cho một nhát vào bụng bây giờ.

Sáng dậy, Gerda kể cho cô bạn những lời bồ câu nói tối qua. Con gái bọn cướp trở nên nghiêm nghị, vừa lắc đầu vừa nói:

- Biết thế thì ích gì? Biết thế thì ích gì?

Gerda hỏi nai:

- Nai có biết xứ Laponie ở đâu không?

- Còn ai biết nơi ấy hơn tôi nữa? - Nai đáp - Chính tôi sinh trưởng ở đấy và sống khá lâu trên cái đất phủ đầy tuyết ấy.

- Thế Bà chúa tuyết ở gần Laponie hay sao?

- Tôi chưa hề trông thấy Bà chúa tuyết, mặc dù quê tôi tuyết phủ quanh năm và là một xứ sở đẹp nhất thế giới.

- Thôi đi, lão già lẩm cẩm - Con gái lũ kẻ cướp gạt đi - Ta có hỏi cảm tưởng của nai về xứ Laponie đâu? Im đi, không ta sẽ cứa cổ đấy!

Và thấy nai rùng mình, con bé hỏi tiếp:

- Thôi được, nai biết rõ xứ Laponie như thế, liệu nai có thể dẫn đường cho một người đi đến đó không?

- Dù có mù cả hai mắt tôi cũng dẫn đến nơi đến chốn được, vì nơi ấy là quê hương tôi, chỉ hít không khí ở đấy tôi cũng tìm được hướng đi.

- Này, đằng ấy! - Con bé nói với Gerda - Người của ta đi cả rồi.

Còn lại mẹ tớ, nhưng gần sáng thì mẹ tớ uống một chai bố rồi đi ngủ. Tớ muốn giúp cậu một điều.

Nó nhảy ra khỏi giường, ôm lấy cổ mẹ nó, giật bộ ria mép của mụ và nói:

- Chào con dê già của tôi!

Con gái nói với mẹ như vậy thật là vô lễ. Nhưng bạn đừng tưởng rằng mụ ấy sẽ vồ lấy con nện cho một trận. Mụ chỉ cười gằn, lầu bầu một tí thôi, rồi mụ búng vào mũi con bé làm cho mũi nó tím bầm lên, nhưng đó không phải là mụ phạt nó mà là búng yêu nó đấy.

Sau đó, mụ vớ chai rượu tợp một hớp, hai hớp, cuối cùng mụ ngơ ngác nhìn xung quanh, rồi nằm xoài ra đánh một giấc. Mụ còn mở mắt ra vài ba lượt nữa, rồi mụ ngáy inh nhà, đúng như con bé đã nói lúc nãy.

Con gái lũ cướp cầm tay Gerda, nhét dao vào túi, và mở hé cửa nhìn ra ngoài xem có ai không.

- Cẩn thận bao giờ cũng hơn.

Nó nói thế rồi quay lại bảo Gerda:

- Lại đây với tớ, đằng ấy sẽ rất ngạc nhiên.

Đến gần con nai nó bảo:

- Tớ cũng muốn giữ nai ở đây để vuốt ve nai bằng mũi dao của tớ, vì nai trông hay tệ. Nhưng thôi, tớ sẽ thả nai ra để nai có thể phóng về Laponie. Nhưng nai phải chạy thật nhanh và cõng cô bé này đến lâu đài Bà chúa tuyết, nơi cậu Kay hiện đang ở. Nai đã nghe rõ chuyện cô ấy rồi. Cô ấy nói to thế ai chả nghe thấy? Nai lại thính tai hơn ai hết.

Nai sung sướng nhảy cẫng lên. Con gái bọn cướp nhấc Gerda lên lưng nai và buộc lại cẩn thận. Nó còn cho cô một cái gối để ngồi lên trên.

- Đằng ấy đi giày băng-túp lót lông, như vậy là tốt lắm vì trời sẽ

rét, nhưng cái bao tay thì tớ lấy. Vả chăng, đằng ấy cũng chẳng sợ bị cóng tay đâu. Đây là đôi găng lót lông của mẹ tớ, đằng ấy xỏ vào thì đến tận khuỷu tay đấy. Nào mang găng vào! Giờ thì đằng ấy giống bà mẹ xấu xí của tớ rồi đấy, ít nhất cũng giống ở đôi tay.

Gerda khóc òa lên vì sung sướng.

- Tớ chẳng thích đằng ấy khóc đâu! - Con bé nói - Phải tươi tỉnh lên chứ! Này! Đây là bánh mì và một miếng jambon. Đằng ấy sẽ không sợ chết đói đâu.

Nói rồi nó buộc hai thứ ấy vào lưng nai, mở cửa, nhốt lũ chó lại, lấy dao cắt thừng buộc nai và nói:

- Chạy đi, và nhớ trông nom cô bé đấy nhé!

Gerda chìa đôi tay đeo găng cho con gái lũ kẻ cướp và nói vài lời từ biệt. Nai lao vào rừng, nhảy qua bụi rậm, rễ cây, vượt qua đồng ruộng và đầm lầy. Chó sói và lũ cáo hú lên: “Hú! Hú!” nghe như tiếng hắt hơi dồn dập trong không trung.

Nai nói:

- Trông kìa! Bắc cực quang quen thuộc của tôi đang lóe sáng khắp bầu trời.

Nai chạy cả ngày lẫn đêm. Gerda ăn hết cả bánh, hết cả jambon và cuối cùng, nai đã đưa em tới Laponie.

Truyện thứ sáu - Bà lão xứ Laponie và bà lão người Phần Lan

Một túp nhà nhỏ, tiều tụy và yên tĩnh, mái úp xuống tận đất, cửa thấp đến nỗi ra vào phải bò sát đất. Trong nhà chỉ có một bà lão người xứ Laponie đang nướng cá trên chiếc đèn đốt bằng mỡ hải cẩu. Nai kể cho bà nghe chuyện của Gerda, nhưng trước đó nai đã kể hết chuyện của nai, vì nai cho rằng chuyện của nó quan trọng hơn. Gerda bị rét cứng cả người nên không nói được.

- Các bạn còn phải đi xa hơn nữa, - và cụ Laponie nói. - Các bạn còn phải đi qua ít ra là một trăm dặm mới đến đất Phần Lan, nơi Bà chúa tuyết ở, nơi mà chiều chiều bà ta đốt lên một bó đuốc đỏ rực. Tôi sẽ viết cho các bạn vài chữ lên một con cá khô, vì tôi không có giấy. Các bạn sẽ đưa thư ấy cho bà cụ người Phần Lan ở trên ấy và bà cụ sẽ chỉ dẫn cho các bạn rõ hơn tôi.

Khi Gerda đã sưởi ấm và ăn uống xong, bà cụ viết mấy chữ vào con cá khô, dặn dò Gerda giữ cẩn thận, buộc em bé lên lưng nai và nai lại tiếp tục chạy. Hú! Hú! Vẫn có tiếng hú trong không trung.

Bắc cực quang tỏa ánh sáng xanh nhạt suốt đêm khắp vòm trời.

Nai và Gerda đi tới đất Phần Lan và gõ vào ống khói một cái nhà không có cửa.

Trong nhà nóng đến nỗi bà cụ ở đó chỉ mặc một bộ quần áo mỏng manh. Người bà bé nhỏ, da mặt nhăn nheo. Bà cởi quần áo cho Gerda, tháo găng và giày băng-túp của em ra, rồi đặt một mẩu nước đá lên đầu chú nai. Bà đọc những chữ viết trên con cá khô, đọc đi đọc lại ba lần cho thuộc lòng, rồi vứt cá khô vào nồi, vì cá ấy ăn vẫn ngon và bà ta chẳng hề hao phí một tí gì.

Nai kể chuyện mình trước rồi đến chuyện Gerda. Bà cụ Phần Lan chớp chớp đôi mắt thông minh, nhưng chẳng nói gì.

Nai nói:

- Cụ biết rất nhiều điều. Người ta đồn rằng cụ có thể buộc gió bốn phương bằng một sợi chỉ. Nếu cụ trao sợi chỉ ấy cho một hoa tiêu thì anh ta chỉ cởi một nút là thuyền anh ta thuận buồm xuôi gió, cởi nút thứ hai gió thổi mạnh, cởi nút thứ ba và thứ tư trời sẽ làm giông bão, lật đổ nhào các khu rừng. Cụ hãy cho cô bé này uống một thứ thuốc gì để cô ta có sức mạnh bằng mười hai ngàn người, đủ sức vật ngã Bà chúa tuyết.

- Khỏe bằng mười hai ngàn người ư? - Bà cụ Phần Lan đáp - À, mà đúng thế! Đúng là phải khỏe đến thế.

Bà đi về phía một cái giá có nhiều ngăn, lấy một tấm da khô cuộn tròn, rồi mở ra xem. Mồ hôi long lanh trên trán, bà cụ đọc trên tấm da những chữ kì dị viết ở đó.

Nai nằn nì cầu xin bà cụ ban phép cho Gerda và cả Gerda nữa cũng khóc sướt mướt, nhìn bà cụ bằng đôi mắt cầu khẩn đến nỗi bà ta lại chớp mắt, lôi nai vào một góc nhà, vừa thì thầm vừa đặt nước đá lên đầu nai:

- Quả là cậu bé Kay ở nhà Bà chúa tuyết thật và được ở đấy cậu rất lấy làm mãn nguyện. Sở dĩ như vậy là vì cậu ta bị một mảnh gương quỷ bắn vào tim và một mảnh bắn vào mắt. Trước hết cần phải lấy được những mảnh gương ấy ra, nếu không cậu ta chẳng bao giờ trở lại bình thường và Bà chúa tuyết vẫn mê hoặc được cậu ta.

- Cụ thử nghĩ xem cụ có thể cho cô bé Gerda một bảo bối gì có thể

chiến thắng được phép quỷ ấy không?

- Ta không thể cho cô ấy quyền lực nào lớn hơn cái quyền lực mà cô ấy đã có sẵn. Nai không thấy cô ta đã làm được những gì ư? Nai không thấy rất nhiều người và nhiều súc vật đã làm theo ý cô ta sao? Chúng ta chẳng cần phải giúp cô ta cái sức mạnh mà cô ta đã có sẵn trong trái tim, trong tấm lòng trung hậu và trong trắng của cô ta. Nếu cô ta không tự mình đến nơi ở của Bà chúa tuyết để lấy những mảnh gương quỷ trong mắt và tim của Kay thì chẳng có ai làm được việc ấy. Vườn của Bà chúa tuyết cách đây hai dặm đường. Nai có thể dẫn cô ta đến đấy được. Nai phải dừng ở một bụi cây lớn, có quả đỏ xung quanh toàn tuyết phủ. Nai chỉ đưa Gerda đến đấy thôi, rồi dừng lại chờ Gerda.

Bà cụ phúc hậu đặt Gerda lên mình nai, nai phóng đi rất nhanh. Bỗng Gerda kêu lên:

- Ôi thôi, tớ quên mất giày và găng tay rồi!

Cái rét cứng người làm cho cô bé nhớ đến găng và giày. Nhưng nai không dừng lại. Nó chạy đến bụi cây lớn có quả đỏ, hôn vào môi Gerda, nước mắt nó ứa ra chảy trên má em bé. Gerda tiếp tục đi một mình, chân không giày, tay không găng, giữa đất Phần Lan phủ đầy băng tuyết.

Em ra sức chạy. Em gặp mặt đám bông tuyết lớn, tuyết không rơi từ trên trời xuống. Và lúc này bắc cực quang còn đang chiếu sáng, bông tuyết bay là là mặt đất, càng tới gần lại càng lớn dần. Gerda chợt nhớ lại ngày nào nhìn qua kính hiển vi ở nhà, bông tuyết phình ra rất lớn, nhưng chẳng thấm gì những bông này, nom lớn hơn, đáng sợ và y như những động vật ấy. Đó là đội tiền vệ của Bà chúa tuyết! Chúng có những hình thù rất là kỳ quặc. Một số khác giống như rắn rết đang ngỏng đầu lên, còn các bông khác trông giống như một bầy gấu lớn, gấu con, lông dựng ngược. Tất cả đều trắng toát, tất cả đều là những bông tuyết sống.

Gerda đọc bài kinh cầu nguyện. Rét đến nỗi em trông thấy cả hơi thở ra. Hơi thở bốc lên như đám khói, càng ngày càng dày đặc và biến thành những tiên đồng, trước nhỏ tí hon, sau lớn dần lên rồi đặt chân xuống đất. Tất cả bọn họ đều đội mũ sắt, tay cầm giáo, tay mang mộc. Càng lâu đội ngũ tiên đồng càng đông mãi lên và

đến khi Gerda đọc xong bài kinh nguyện thì có tới một đạo quân đứng quanh em. Họ cầm giáo đập vào bông tuyết làm chúng tan ra thành muôn mảnh.

Nhờ thế Gerda có thể ung dung tiến về phía trước. Các tiên đồng vỗ vào chân, vào tay em cho em đỡ rét. Và thế là em đi tới lâu đài của Bà chúa tuyết.

Nhưng chúng ta cũng cần biết Kay hiện nay ra sao rồi. Cậu ta không hề nghĩ đến Gerda và nhất là cậu không thể ngờ rằng em đã đến bên ngoài lâu đài.

Truyện thứ bảy - Việc xảy ra ở lâu đài Bà chúa tuyết và những việc tiếp nối

Tuyết rơi dày đặc làm thành những bức tường bao quanh lâu đài. Cửa ra vào và cửa sổ là những lỗ hở, qua đó gió bấc đang rít lên. Có tới hàng trăm phòng, phòng nào cũng có tuyết rơi lả tả. Phòng lớn nhất rộng có tới hơn một trăm dặm. Bắc cực quang chiếu sáng khắp nơi. Tất cả các phòng đều trống rỗng, lạnh buốt và lấp lánh. Nơi này chẳng bao giờ có hội hè, chẳng bao giờ có lấy một cuộc khiêu vũ nhỏ, một buổi hòa nhạc, hoặc một tiệc trà. Trong một gian phòng trống rỗng và lớn nhất có một cái hồ đóng băng. Mặt hồ bị vỡ thành ngàn mảnh, nhưng các mảnh đều giống nhau như một tác phẩm nghệ thuật. Giữa phòng là nơi Bà chúa tuyết hay ngự, khi bà ta ở nhà. Bà ta thường nói rằng bà ngồi trên tấm gương của trí thông minh và nó là hạnh phúc lớn nhất trên đời này.

Ở nơi đó Kay tím xậm đi vì rét, nhưng em không nhận thấy điều đó vì tim em đã đóng băng rồi và em không nhận biết được thế nào là lạnh nữa. Em lấy những mảnh băng nhỏ ghép thành đủ các hình và còn ghép thành chữ, thành vần nữa. Em gọi trò chơi ấy là một "trò chơi thông minh", có một tầm quan trọng đặc biệt, vì em vẫn bị mảnh gương quỷ nằm trong mắt mê hoặc. Nhưng em không tài nào xếp được hai chữ mà em mong muốn. Đó là hai chữ: Vĩnh cửu. Bà chúa tuyết nói:

- Nếu em xếp được hai chữ ấy, em sẽ tự làm chủ được mình. Ta sẽ cho em cả thế giới và một đôi giày trượt tuyết mới tinh. Chúc em thành công. Giờ ta phải bay xuống xứ nóng, đến núi lửa Etna và Vesuvius. Ta muốn nhuộm trắng chúng nó một chút! Như thế hợp với chúng hơn, hợp với những vườn chanh và vườn nho mọc trên sườn núi.

Bà chúa tuyết bỏ đi và Kay ở lại một mình trong gian phòng trống rỗng toàn băng giá. Em trầm ngâm nhìn những mảnh băng. Em như nghe thấy thân thể đang gãy răng rắc. Cứ ngồi im lặng và cứng nhắc như vậy rất có thể em cũng biến thành băng!

Chính lúc ấy Gerda bước qua cửa lớn vào lâu đài. Gió thổi như cào vào mặt em, em đọc bài kinh nguyện ban tối, gió dịu đi.

Em bước vào gian phòng lớn lạnh lẽo, trống rỗng và trông thấy Kay. Em nhận ra cu cậu, bá cổ, ôm chặt lấy cậu ta mà reo lên:

- Kay, Kay yêu của mình! Thế là cuối cùng mình đã tìm thấy cậu!

Nhưng Kay vẫn trơ trơ, cứng nhắc, và lạnh lẽo. Gerda òa lên khóc, những giọt nước mắt nóng hổi rơi trên ngực và thấm vào tận tim Kay. Nước mắt làm tan nước đá và đánh tan cả mảnh gương quỷ. Kay ngắm nhìn Gerda. Em hát bài kinh nguyện:

Hồng mọc đầy thung lũng

Nơi cậu bé Jesus đang phán bảo ta.

Bỗng nhiên Kay ứa nước mắt. Em khóc đến nỗi mảnh gương quỷ trôi ra ngoài. Em nhận ra cô bạn gái, say sưa nhìn Gerda và vui mừng reo lên:

- Gerda! Bé Gerda dịu hiền của mình! Cậu đi đâu từ bấy lâu nay thế? Còn mình, tại sao mình lại ở nơi này nhỉ?

Cậu nhìn xung quanh và nói tiếp:

- Ở đây sao mà rét đến thế! Sao mà rộng lớn và trống trải đến thế!
- Cậu bíu chặt lấy Gerda đang hết cười lại khóc vì sung sướng. Giây phút ấy cảm động đến nỗi cả các mảnh băng vỡ cũng nhảy nhót, vui mừng. Khi đã mệt nhoài, chúng mới chịu nằm im. Nhưng ô kìa! Kì diệu thay, chúng nằm xuống thành đúng hai chữ "Vĩnh cửu" mà bà chúa tuyết đã đề ra. Thế là Kay đã tự chủ được mình. Bà chúa tuyết sẽ phải tặng cậu cả thế giới và đôi giày trượt tuyết mới tinh.

Gerda ôm hôn Kay làm đôi mắt Kay ửng đỏ lên như hoa, em hôn lên mắt Kay, mắt Kay ánh lên như đôi mắt của em, em hôn chân tay Kay, chân tay Kay trở lại mạnh mẽ như cũ. Hai đứa trẻ không cần đợi Bà chúa tuyết về vì hai chữ Vĩnh cửu kia đã chuộc quyền sống tự do cho Kay.

Hai em dắt tay nhau và thoát ra khỏi toàn lâu đài rộng lớn. Các em nói chuyện về bà của các em, về hai cây hồng trồng sát mái nhà. Các em đi đến đâu thì ở đấy gió tắt và mặt trời lại lấp lánh. Khi các em tới bụi cây có quả đỏ, nai vẫn chờ các em. Đứng bên nai, có một con nai cái, vú căng sữa, đang cho đàn con bú và đang hôn lên mõm chúng. Trước hết Kay và Gerda đến nhà bà cụ Phần Lan, hai

em sưởi ấm và hỏi thăm bà đường về. Sau đó hai em đến nhà bà cụ Laponie, bà may quần áo mới và chữa lại xe trượt tuyết cho các em.

Vợ chồng nhà nai chạy theo xe lên tận biên giới. Khi nhìn thấy ngọn cỏ đầu tiên nhô lên khỏi mặt đất, các em từ biệt đôi nai và bà cụ Laponie. Tiếng hót của những con chim đầu tiên mà các em trông thấy vang lên. Trong rừng mầm non đã nhú mọc. Một con ngựa đang chạy tới, chính là một trong hai con đã kéo cỗ xe thếp vàng, cưỡi trên mình ngựa là một em bé đội mũ màu đỏ rực, mỗi tay chĩa ra đằng trước một khẩu súng ngắn. Đó là đứa con gái lũ cướp, chán cảnh nhà, định đi về phương Bắc, rồi khi nào không thích ở đấy nữa thì sẽ đi nơi khác. Hai em bé nhận ra nhau, vui mừng khôn kể xiết.

- Đằng ấy quả là một đứa bé liều lĩnh, có một không hai - Đứa con gái lũ cướp nói. - Rồi xem đằng ấy bắt người ta theo khắp thiên hạ như thế này phỏng có ích gì không?

Gerda tát yêu vào má cô bạn và hỏi tin tức của công chúa và hoàng tử.

- Họ đã đi du lịch ra nước ngoài, sau khi tiễn chân Gerda đi Laponie được vài ngày. Từ dạo ấy chẳng ai biết tin tức gì về họ và cũng chẳng ai biết khi nào họ trở về.

- Còn quạ đen thì sao? - Gerda hỏi.

- Quạ đã chết rồi, vợ hắn để tang bằng một sợi len đen quấn vào chân. Sau khi chồng chết, quạ cái tỏ vẻ thương xót lắm, nhưng chẳng qua là để che mắt thế gian mà thôi!

- Quạ đen tội nghiệp của tôi! - Gerda nói - Quạ đối với tôi rất tốt. Quạ đã chết sớm vì quen sống tự do ngoài trời, không quen gò bó trong bốn bức tường.

- Dào ôi! - Đứa con gái lũ cướp nói - Quạ chết vì bội thực đấy thôi! Nhưng thôi, để chuyện ấy đấy! Hãy kể cho tớ nghe cậu làm thế nào mà tìm được Kay!

Gerda và Kay tranh nhau cùng kể. Nghe xong đứa con gái lũ cướp

nắm tay hai em và nói:

- Được rồi! Hoan hô, tốt lắm!

Nó hẹn rằng: Nếu một ngày kia có dịp đi qua thành phố nơi hai em ở, nó sẽ đến thăm các em. Nói rồi nó thúc ngựa lên đường.

Kay và Gerda nắm tay nhau bước đi. Lúc này đã sang xuân, khắp nơi cây cỏ xanh tươi, trăm hoa đua nở. Chuông nhà thờ ngân vang. Hai em nhận ra những tháp cao của thành phố, nơi hai em ở trước đây. Hai em đi vào thành, về đến trước cửa nhà, leo lên thang gác cao ngất và bước vào phòng, tất cả mọi vật đều y nguyên như cũ.

Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn kêu tích tắc. Đôi kim vẫn quay đều.

Nhưng lúc vào nhà, các em nhận thấy mọi người đã già đi. Hồng vẫn nở hoa gần nơi cửa sổ và ở đó vẫn còn những chiếc ghế nhỏ. Mỗi em ngồi vào ghế của mình và nắm lấy tay nhau. Như vừa qua cơn ác mộng, các em đã quên những vật kỳ lạ ở tòa lâu đài băng giá và đìu hiu của Bà chúa tuyết. Bà các em ngồi dưới ánh nắng, cất cao giọng đọc trong Kinh thánh: “Nếu ngươi không trở thành những đứa trẻ, ngươi sẽ không được đi vào giang sơn của Chúa!”.

Kay và Gerda nhìn nhau. Đến lúc ấy các em mới hiểu thấu ý nghĩa của câu thánh thi:

Hoa hồng mọc đầy thung lũng

Nơi cậu bé Jesus đang phán bảo ta.

Giờ đây cả hai em đã lớn, nhưng tâm hồn các em vẫn là tâm hồn trẻ con. Và mùa hạ sáng rực lên, mùa hạ nóng bức và nhuần hậu.

THIÊN ĐƯỜNG

Ngày xưa có một ông hoàng tử có nhiều sách quý nhất trần gian. Tất cả các sự kiện trên đời đều được ghi vào đó bằng lời văn và tranh ảnh. Lịch sử các dân tộc được kể lại rất chi tiết, nhưng không có cuốn sách nào nói đến Thiên đường. Chính Thiên đường lại là nơi mà Hoàng tử luôn mơ tưởng đến.

Khi hoàng tử còn nhỏ tí, Hoàng thái hậu thường kể rằng ở trên ấy, mỗi bông hoa là một cái bánh ngọt và trong đài hoa chứa một loại rượu vang hảo hạng. Trên mỗi bông lại có một vài sử ký, hoặc một bài địa lý, hoặc một bản cửu chương. Người ta chỉ cần ăn hoa là sẽ thuộc bài, và càng ăn nhiều lại càng biết nhiều về sử ký và địa lý.

Hồi còn nhỏ, hoàng tử rất tin chuyện ấy. Nhưng lớn lên, trí tuệ được mở mang, hoàng tử cảm thấy Thiên đường phải chứa đựng nhiều cái thú vị hơn thế. Chàng tự hỏi:

- Tại sao bà Eve lại đi hái quả táo ở cây trí tuệ làm gì nhỉ? Và tại sao Adam lại ăn quách quả táo ấy nhỉ?

Và cứ thế, tất cả tâm trí chàng hướng về Thiên đường.

Một hôm, chàng đi dạo một mình trong rừng; đó cũng là cách giải trí mà chàng ưa thích nhất. Chiều đến, mây kéo ùa tới mà mưa xuống như thác đổ. Đêm tối như mực, hoàng tử hết dẫm phải đá lại trượt chân trên cỏ ướt. Mưa thấm ướt quần áo chàng. Bỗng chàng nghe thấy tiếng nổ lép bép kì lạ và thấy mình đang ở trước một cái hang sáng rực. Giữa hang một đống lửa lớn đang cháy, trên đó người ta đang quay một con nai, có sắt xuyên qua, hai đầu xiên đặt trên hai cành cây.

Một bà cụ to lớn và cứng cáp như đàn ông, đang ngồi quẳng từng bó cành cây vào đống lửa. Bà lão nói với Hoàng tử:

- Lại đây mà hơ quần áo!

- Ở đây gió lùa rợn cả người! - Hoàng tử vừa đáp vừa ngồi xuống đất.

- Lát nữa các con già về, còn lộng hơn thế này kia, - bà lão đáp. - Đây là hang gió và các con già là gió bốn phương, hoàng tử hiểu không?

- Hiểu, nhưng họ đi đâu cả thế, hở cụ?

- Hỏi vớ vẩn! Chúng nó sống tự do và muốn đi đâu thì đi, chẳng cần xin phép già. Chúng đang chơi đá bóng với các đám mây ngoài trời kia kìa! (Vừa nói bà vừa nhìn lên trời) Chàng phải biết là lũ con già cứng đầu cứng cổ lắm nhá! Chàng có trông thấy bốn cái bao treo trên tường kia không? Lũ con già nhìn thấy mấy cái bao ấy cứ gọi là run lên như trẻ con nhìn thấy roi ấy. Già cứ nhét chúng vào bao là chứng nào tật nấy phải chừa tuốt. Đây này, một đứa về đấy.

Đó là Gió Bấc. Hắn mang về một luồng gió lạnh buốt. Hắn rải trên đất những hạt mưa đá và bông tuyết. Hắn mặc một chiếc quần chẽn và một chiếc áo choàng bằng da gấu, đội một chiếc mũ bịt cả tai bằng da hải cẩu. Từng mảnh băng dài bám lủng lẳng vào râu hắn.

- Chớ có vào gần lửa - Hoàng tử nói - Nứt nẻ chân tay ra đấy!

Gió cười:

- Nứt nẻ! Đối với tôi nứt nẻ da là khoái nhất! Nhưng này, cậu bé là ai thế nhỉ? Sao cậu lại vào được cái hang này?

- Khách của mẹ đấy - Bà lão nói - Nếu con còn thắc mắc hãy chui vào bao một lát sẽ rõ. Hiểu chưa?

Thế là đủ rồi. Gió vội vàng kể chuyện gió vừa ở đầu về và tháng trước gió đã làm gì.

- Con vừa ở bể băng về. Con đã ở trên đảo Gấu với một đoàn người Nga đi săn hải báo.

Bà lão nói:

- Con hãy tả tỉ mỉ hơn một chút! Thế là con ở đảo Gấu về đấy ư?

- Vâng, và đảo Gấu quả thật là đẹp. Giá mà khiêu vũ trên đảo ấy

thì thật là tuyệt. Nhẵn và bóng như gương ấy, chỉ trông thấy một chút rêu nổi rải rác trên mặt tuyết. Nhưng chẳng bao giờ thấy ánh mặt trời cả, hình như mặt trời không chiếu tới nơi ấy thì phải. Trên đảo có một ngôi nhà làm bằng mảnh tàu vỡ, sơn màu đỏ và xanh lá cây, trên mái nhà có một con gấu trắng đang gầm gừ. Gần bờ biển, đàn hải cẩu đang trườn trên băng giá, đầu như đầu lợn và răng thì dài đến hơn một mét… À, anh Gió Tây đã về kia rồi! Con thích anh ấy nhất, anh ấy mang theo gió bể về đây, hơi lạnh, nhưng dễ chịu.

- Có phải là Gió May không? - Hoàng tử hỏi.

- Phải - Bà mẹ đáp - Nhưng nó cũng chẳng dễ chịu lắm đâu! Trước kia nó là một đứa bé xinh xắn, nhưng nay đã thay đổi nhiều.

Thật vậy, trông gió như một người rừng, cầm trong tay một cây trùy bằng gỗ đào hoa tâm chặt ở một khu rừng bên châu Mỹ.

- Con ở đâu về? - Bà mẹ hỏi.

- Ở những khu hoang vu đầy sư tử và rắn rết, nơi mà loài người không sinh sống được.

- Con làm gì ở đấy?

- Con rong ruổi trên thảo nguyên, và có lúc lồng lộn lên, làm lắc lư những đám cây dừa và làm cho lũ ngựa rừng hoảng sợ. Nhiều chuyện lắm, kể không hết được. Cũng không nến nói tất cả những chuyện mình biết, phải không mẹ?

Gió ôm bà lão mà hôn, thô bạo đến nỗi suýt nữa bà lão ngã lăn kềnh.

Gió nam cũng vừa về tới nơi, mình khoác áo choàng kiểu Ả Rập, đầu chít khăn.

- Chà! Ở đây rét khiếp! (Gió vừa nói vừa quẳng thêm củi vào đống lửa). Đúng là gió Bấc về rồi.

Gió Bấc nói:

- Dào! Nóng đến nỗi có thể quay cả một con gấu trắng ấy chứ!

- Này, ngu như gấu ấy! - Gió Nam gắt.

- Liệu có cần cho chúng mày vào bao không? - Bà lão nói. - Gió Nam hãy ngồi xuống và kể cho mẹ nghe con ở đâu về.

- Ở Châu Phi về đấy mẹ ạ. Con đã gặp một đoàn người băng qua sa mạc, phải giết con lạc đà cuối cùng để lấy nước uống. Nhưng dạ dày lạc đà ít nước quá. Mặt trời như thiêu như đốt, cát nóng bỏng. Con bốc cát lên, cuộn thành một cơn lốc, thành những cột cát khổng lồ. Giờ đây cả đoàn đã bị chôn vùi dưới cát rồi. Trên xác họ, cát đã chất thành núi. Nếu lần sau qua nơi ấy, con sẽ thổi vào đống cát, xương cốt sẽ lộ thiên, mặt trời sẽ làm trắng xương ra và ai qua đó sẽ thấy rằng trước họ đã có người bỏ xác ở đó.

- Thế là mày toàn làm những điều ác, - bà mẹ nói, - chui ngay vào trong bao!

Và hắn chưa kịp chống cự thì và đã ôm chặt lấy hắn, tống cổ vào bao. Hắn lồng lộn ở trong bao. Nhưng bà lão ngồi lên bao làm hắn phải nằm yên. Hoàng tử nói:

- Các ông con của bà thật là đáo để!

- Đúng thế, - bà lão đáp, - nhưng chàng thấy tôi cũng chẳng phải tay vừa đấy chứ? À, thằng thứ tư về đây rồi!

Đó là gió Đông, mặc quần áo kiểu Trung Quốc.

- Ơ kìa! Con ở Trung Quốc về đấy ư? - Bà mẹ hỏi - Mẹ cứ tưởng con lên Thiên đường.

- Không, mai con mới lên trên ấy, - Gió Đông nói. - Thế là vừa đúng một trăm năm con mới trở lên trên ấy. Con ở Trung Quốc về, ở đấy con đã lắc chuông trên lầu Hoàng cung.

Bà mẹ nói:

- Toàn chuyện tếu cả. Mai con lên Thiên đường có lẽ bổ ích hơn. Lên đấy, nhớ lấy cho mẹ vài chai nước ở suối Chân lý.

- Con sẽ nhớ, - Gió Đông nói. - Nhưng sao mẹ lại nhét anh gió Nam vào bao thế? Cho anh ấy ra ngoài đi để anh ấy kể chuyện về

Phượng hoàng cho con nghe. Vì cứ trăm năm một lần, khi con lên thăm, lần nào nàng công chúa trên ấy cũng hỏi thăm tin tức của Phượng hoàng. Thôi đi mẹ, mở bao thả anh ấy ra. Con mang về cho mẹ một ít chè tươi, tự tay con hái đấy.

- Chỉ vì nể con, con cưng của mẹ, và cũng vì con đã hái chè mang về biếu mẹ, nên mẹ cũng vui lòng tha cho anh con.

Bao vừa mở ra. Gió Nam liền chui ra. Hắn ta xấu hổ, hẳn vì có hoàng tử ngồi đấy. Hắn nói:

- Đây là một tàu lá cọ để em đưa cho công chúa. Chính phượng hoàng con đã trao cho anh. Phượng hoàng bố đã viết lại chuyện mình trong một trăm năm qua, đã tự tay đốt tổ mình. Nằm giữa khói lửa, Phượng hoàng vẫn điềm nhiên lấy mỏ viết vào lá cọ, tự thiêu sống như phụ nữ Ấn Độ tuẫn táng chết theo chồng. Cuối cùng, Phượng hoàng chỉ còn lại một quả trứng màu đỏ. Trứng nổ, Phượng hoàng non chui ra. Giờ đây phượng hoàng con là vua các loài chim.

Bà mẹ nói:

- Đến giờ ăn rồi.

Tất cả ngồi lại ăn thịt nai quay. Hoàng tử ngồi bên Gió Đông và chẳng bao lâu đã trở thành đôi bạn thân. Hoàng tử bắt đầu câu chuyện:

- Gió hãy cho tôi biết về nàng công chúa và cái thiên đường các anh vừa nói tới.

- Thế à! Nếu hoàng tử muốn lên đấy thì mai đi với tôi. Nhưng tôi cần phải nói trước cho hoàng tử biết là từ thuở Adam và Eve đến nay chưa có một người nào vào đến nơi đó. Chắc hoàng tử đọc kinh thánh, cũng biết chuyện ấy chứ?

- Tất nhiên, - Hoàng tử đáp.

- Khi Adam và Eve bị đuổi, Thiên đường lún xuống đất, nhưng khu vườn nơi đó vẫn còn giữ được ánh nắng, không khí ấm áp và cảnh tượng huy hoàng, ở đấy có một hòn đảo và là nơi ở của nàng tiên Hạnh phúc. Đời sống ở đấy thật là sung sướng. Ngày mai hoàng tử

cưỡi lên lưng tôi, tôi sẽ đưa đi.

Sáng sớm, hoàng tử tỉnh giấc và ngạc nhiên thấy mình đang ở trên mây. Chàng ngồi vững chắc trên lưng Gió Đông. Rừng núi, đồng cỏ, sông ngòi và biển cả, hiện ra dưới mắt chàng như một bản đồ đủ màu sắc.

Gió Đông nói:

- Ngủ một giấc ngon lành đấy chứ, thưa hoàng tử? Hoàng tử có thể ngủ thêm tí nữa, vì ở đấy chẳng có gì đáng xem, ngoài cái việc đếm gác chuông nhà thờ cho đỡ buồn.

Hoàng tử nói:

- Thật tôi chẳng lễ độ chút nào, tôi ra đi mà chẳng có lời từ biệt cụ và các anh kia.

- Khi người ta đang ngủ thì từ biệt thế quái nào được?

Nói rồi gió bay nhanh hẳn lên.

Tối đến, quang cảnh các thành phố lớn đẹp tuyệt vời. Đèn dần dần thắp lên. Hoàng tử thích quá vỗ tay lia lịa. Gió Đông bảo chàng nên cẩn thận, kẻo vô phúc mà lăn nhào xuống thì có mà tan xác.

Gió bay nhanh hơn cả con chim ưng đang lướt trên khu rừng âm thầm. Một lỵ binh người Nga đang phi nước đại ở dưới đất, gió cũng phóng nhanh hơn.

Gió Đông nói:

- Hy Mã Lạp Sơn đây rồi! Đó là ngọn núi cao nhất thế giới. Chúng ta sắp đến Thiên đường.

- Đến Thiên đường rồi ư? - Hoàng tử hỏi.

- Không, chưa đến! - Gió đáp - Nhưng chẳng còn xa nữa đâu, Hoàng tử có trông thấy cái cửa động đằng kia không?

Nói rồi gió hạ xuống trước cửa động.

Họ vào trong động. Rét khủng khiếp. Nhưng chỉ rét một lát thôi. Gió Đông dang đôi cánh lấp lánh như một luồng ánh sáng chói chang.

Đường xuyên qua động có đoạn hẹp lại, phải bò sát đất mới tiến được, có đoạn lại cao và rộng thênh thang.

Hoàng tử nói:

- Đường lên Thiên đường khúc khuỷu đến thế này ư?

Gió Đông không đáp lại, nhưng lấy tay chỉ về phía trước, một luồng ánh sáng xanh lộng lẫy đang rực lên ở phía ấy.

Những ngọn nhũ thạch trong vắt rủ xuống trên đầu họ, trông như những đám mây trắng dưới ánh trăng. Không khí ở đây êm dịu và thơm phức, trong sạch như trên núi cao, ngát hương như những bông hồng dưới thung lũng.

Một con suối chảy qua đấy, trong vắt như không khí, cá vàng cá bạc bơi theo dòng suối. Những con lươn đỏ xậm nhoi lên lặn xuống, làm tung tóe lên những tia ánh sáng. Những tàu lá sen to lấp lánh đủ màu cầu vồng, hoa sen nom như những ngọn lửa đỏ rực. Một nhịp cầu bằng đá hoa, một tác phẩm nghệ thuật kỳ diệu, trông như làm bằng đăng ten và ngọc trai, vắt qua suối sang đảo Hạnh phúc, ở giữa Thiên đường.

Gió Đông cắp hoàng tử trong nách. Hoa lá cất tiếng hát những bài hát tuyệt diệu mà chàng đã được nghe trong thời thơ ấu, nhưng với một giọng du dương hơn giọng người.

Trên thảm cỏ, đàn công đang xòe đuôi. Hoàng tử lại gần. Thần diệu thay! Không phải là chim công tuyệt đẹp. Sư tử và hổ báo nhảy qua hàng rào ô-liu đang nở hoa, nhẹ nhàng và hiền lành như những con mèo con. Đàn chim cu đến đậu trên bờm sư tử. Mấy con sơn dương đứng bên cạnh sư tử mà chẳng sợ hãi tí nào.

Nàng tiên xuất hiện, nét mặt hiền từ, xiêm y lóng lánh như ánh thái dương. Một đoàn thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần đi theo nàng trên làn tóc của mỗi người có đính một ngôi sao vàng.

Gió Tây đưa cho nàng tiên tấm lá cọ. Đôi mắt nàng ánh lên niềm

vui sướng. Nàng cầm tay hoàng tử và dắt chàng vào lâu đài: tường lâu đài lóng lánh như những cánh hoa uất kim hương dưới ánh mặt trời. Trần nhà chạm trổ như một đóa hoa khổng lồ sáng lấp lánh, càng nhìn càng thấy cao mãi lên.

Hoàng tử đi lại phía cửa sổ và nhìn ra ngoài. Chàng trông thấy Adam và Eve đang đứng gần gốc cây trí tuệ. Hoàng tử nói:

- Tôi tưởng họ đã bị đuổi ta khỏi Thiên đường kia mà!

Nàng tiên mỉm cười và cho chàng hay rằng cảnh tượng chàng nhìn thấy chỉ là hình ảnh tạc trên kính mà thôi. Đó là tác phẩm của thời gian, người thợ khéo nhất trong tất cả những người thợ khéo.

Nàng nói tiếp:

- Chúng ta hãy ra sông, lên thuyền để đi dạo mát một chút, Thuyền sẽ bập bềnh, nhưng không chuyển động, danh lam thắng cảnh trên thế gian sẽ lần lượt diễu qua trước mắt chúng ta.

Họ ra sông và trèo lên thuyền. Cảnh vật thật là kỳ diệu, không bút nào tả xiết. Hai bên bờ hình như đang chuyển động.

- Tôi có thể ở đây mãi được không? - Hoàng tử nói.

- Cái đó tùy ở chàng! - Nàng tiên đáp. - Nếu chàng không bị cám dỗ như Adam, chàng có thể ở lại đây suốt đời.

- Được, tôi sẽ không sở vào quả cầu của cây Trí tuệ. Ở đây còn khối quả đẹp hơn thế!

- Hãy nghĩ cho kỹ. Nếu chàng cảm thấy không vững vàng lắm thì nên quay về với gió. Một trăm năm nữa gió mới trở lại đây. Thời gian đó đối với người ở đây không dài hơn một giờ, nhưng cũng đủ để chàng sa ngã. Chiều chiều, khi chia tay, tôi sẽ nói với chàng: “Lại đây với tôi!” Tôi sẽ vẫy tay làm hiệu, nhưng chàng chớ có theo tôi. Mỗi bước chàng theo tôi, ý chí của chàng sẽ yếu đi và cuối cùng chàng sẽ theo tôi tới căn phòng có cây Trí tuệ. Tôi sẽ ngủ dưới bóng cây, ngào ngạt hương thơm. Chàng sẽ cúi xuống gần tôi, lúc đó nếu chàng hôn lên môi tôi thì lập tức Thiên đường sẽ tụt xuống đất.

Hoàng tử nói với một giọng cả quyết:

- Tôi xin ở lại!

Gió Đông hôn lên trán chàng.

- Hãy giữ vững ý chí ấy. Trăm năm nữa chúng ta sẽ lại gặp nhau.

Nói rồi, gió tung đôi cánh sáng rực như ánh chớp.

Hoa lá, cỏ cây chúc gió lên đường bình yên.

Đàn cò và đàn chim bồ nông bay thành hàng dài tiễn đưa gió đến tận địa giới Thiên đường. Nàng tiên nói:

- Chúng ta bắt đầu nhảy và khi mặt trời lặn tôi sẽ rủ chàng đi với tôi. Chàng nhớ là đừng nghe tôi. Suốt một trăm năm tôi sẽ rủ rê chàng nhiều lần như vậy, nhưng nếu chàng tự kiềm chế được thì qua mỗi lần thử thách, ý chí chàng càng thêm vững chắc, và cuối cùng cũng không nghĩ đến chuyện theo tôi nữa.

Nói rồi nàng tiên dẫn chàng tới một gian phòng trang trí toàn hoa huệ trắng trong suốt, mỗi nhụy hoa hình thành một chiếc thụ cầm nhỏ bằng vàng, tiếng thụ cầm réo rắt như tiếng sáo. Một đoàn thiếu nữ xinh đẹp, xiêm áo toàn bằng lụa, hát lên những bài hát ca ngợi cuộc sống êm dịu, cuộc sống bất diệt, và cầu mong Thiên đường đời đời nở hoa.

Mặt trời lặn. Bầu trời nom như một biển cả đầy ánh sáng, các đóa hoa huệ trong phòng rực sáng lên.

Cây Trí tuệ lấp lánh. Một bài hát du dương vang lên. Hoàng tử nghe thấy giọng nói quen thuộc của hoàng thái hậu:

- Con, con yêu quý của mẹ!

Nàng tiên ra hiệu cho chàng và reo lên:

- Lại đây với tôi! Lại đây với tôi!

Lập tức chàng quên lời hứa. Nàng vẫn ra hiệu cho chàng và mỉm cười duyên dáng. Hoa tỏa hương thơm, thụ cầm vang lên du

dương trầm bổng, hàng triệu cặp môi đang mỉm cười trong gian phòng có cây Trí tuệ.

Thụ cầm hát bài: “Phải nếm đủ mùi đời, người là chúa tể trên trái đất.”

Vẫn có tiếng gọi:

- Lại đây với tôi! Lại đây với tôi!

Qua mỗi bước đi, má hoàng tử càng nóng bỏng lên, mạch càng đập mạnh. Chàng nói to:

- Nghe theo tiếng gọi trái tim, phải đâu là tội lỗi? Say mê sắc đẹp và đi tìm thú vui cũng là chuyện người ta thường tình, huống chi ta chỉ ước mong được ngắm nàng đắm chìm trong giấc mộng. Miễn là đừng có hôn vào môi nàng là chẳng có thể xảy ra chuyện gì cả. Nhất định ta sẽ giữ được mình. Ta cảm thấy vững vàng và cương quyết hơn bao giờ hết. Hoàng tử lại nói:

- Ta chưa sa ngã và nhất định ta sẽ không sa ngã.

Nàng tiên rẽ cành và giấu mình vào trong lá cây.

Hoàng tử vén cành lá lên và trông thấy nàng tiên đang nằm ở đấy. Nàng mỉm cười trong giấc mơ. Chàng cúi xuống mặt nàng và nhìn thấy những giọt lệ tuôn từ trong mắt nàng ra như những viên ngọc trai.

- Có phải vì tôi mà nàng khóc không? - Chàng thì thầm. - Đừng khóc nữa, bạn rất thân yêu của tôi! Chỉ đến phút này tôi mới cảm thấy thế nào là Thiên đường, thế nào là Hạnh phúc. Hạnh phúc đang hòa vào máu tôi, đang tràn ngập trái tim tôi. Trong con người trần tục của tôi bỗng nhiên có một sức sống gần như vô tận. Cầu mong cho bóng đêm vĩnh cửu hãy ôm ấp lấy tôi! Một phút như phút này cũng thỏa đời rồi.

Và chàng hôn lên những giọt nước mắt của nàng tiên, môi chàng ép vào môi nàng…

Bỗng một tiếng sét xé tan bầu trời, một tiếng sét khủng khiếp chưa từng thấy. Nàng tiên, vườn Thiên đường, tất cả sụp xuống đất.

Hoàng tử rơi xuống, rơi mãi. Chàng thấy mọi vật cùng theo chàng rơi vào vực thẳm tối om, chỉ còn một ngôi sao nhỏ tí đang lấp lánh ở đằng xa. Cái chết lạnh ngắt làm chân tay chàng run rẩy. Chàng nhắm mắt lại. Mưa lạnh buốt quất vào mặt chàng. Một luồng gió rét cắt ruột nổi lên. Dần dà chàng hồi tỉnh và kêu lên:

- Ta đang làm gì thế? Trời! Ta đã sa ngã như Adam! Ta đã phạm tội và mất cả Thiên đường!

Chàng mở mắt ra. Ngôi sao lấp lánh từ lúc Thiên đường sụp đổ, vẫn còn lóe sáng. Chàng ngồi dậy và thấy mình đang ở trong khu rừng lớn, gần hang Gió, bà mẹ Gió đang ngồi gần chàng. Bà ta bất bình và giơ tay dọa:

- Ngay từ tối đầu tiên! Ta đã biết mà! Nếu chàng là con ta thì ta sẽ tống cổ vào bao!

Vào lúc đó, Thần Chết hiện ra và nói:

- Thôi để ta xử lý cho!

Thần là một ông lão rất khỏe, có đôi cánh đen, tay cầm lưỡi hái.

- Giờ ta chỉ đánh dấu vào người hắn và cho hắn ngao du trên mặt đất, hối lỗi để rồi trở nên người tốt. Lúc nào hắn ít nghĩ tới sự chết nhất, ta sẽ đặt hắn vào một cỗ quan tài đen và mang hắn lên các vì sao. Nơi ấy cũng có một Thiên đường. Nếu hắn đứng đắn và phúc hậu, hắn sẽ được vào đấy. Trái lại, nếu trái tim hắn đầy tội lỗi, hắn sẽ cùng quan tài rơi xuống vực sâu. Và chỉ sau hàng ngàn năm ta mới có thể gặp lại hắn để tống hắn xuống sâu hơn nữa, hoặc đưa hắn lên ngôi sao đang lấp lánh trên cao kia, tùy mức độ tu dưỡng của hắn.

CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM

Ngày xưa có hai mươi lăm chú lính chì, tất cả đều là anh em vì cùng đúc từ một chiếc muôi cũ ra. Các chú bồng súng, mắt nhìn thẳng phía trước, mặc đồng phục màu xanh và đỏ, trông tuyệt đẹp.

Những lời đầu tiên các chú được nghe trên đời này, khi người ta mở nắp hộp đựng các chú ra, là:

- Chà! Các chú lính chì nom oách quá!

Ấy là lời một cậu bé vừa vỗ tay vừa reo lên, cậu vừa được tặng hộp lính chì nhân ngày sinh của cậu. Cậu xếp các chú lính chì trên bàn, chúng hoàn toàn giống nhau, trừ một chú thiếu một chân, nhưng chú đứng oai vệ chẳng kém gì các chú lính chì khác có đủ hai chân, và chính chú lại có những chuyện phiêu lưu khác được kể lại.

Trên bàn, ngoài toán lính chì ra, còn có nhiều đồ chơi khác, nhưng đáng chú ý nhất là một tòa lâu đài mỹ lệ làm bằng bìa cứng. Trước lâu đài là một lối đi có trồng cây và dẫn đến một cái gương tròn, tượng trưng cho một cái hồ trên đó một đàn thiên nga bằng sáp đang bơi lượn. qua các cửa sổ người ta nhìn thấy bên trong có những căn phòng trang trí lộng lẫy. Nhưng đáng chú ý hơn cả những kỳ công nghệ thuật ấy là một cô gái xinh đẹp đang đứng ở phòng ngoài. Cô nàng cũng bằng bìa cứng, nhưng mặc một chiếc áo bằng vải phin mỏng và mịn, quấn một dải lụa xanh biếc quanh cổ, khoác một khăn choàng màu hồng trên vai và cài trên tóc một bông hồng tuyệt đẹp làm bằng mảy vàng. Cô đang uốn tay thành hình vòng, chả là cô nàng là vũ nữ mà! Cô đang tập một động tác múa, duỗi một chân ra đằng sau. Chú lính chì lại cứ tưởng cô nàng cũng chỉ có một chân như chú, và có lẽ điều đó làm cho chú thích cô nàng nhất. Chú tự nhủ:

- Ta phải lấy người vợ như thế mới xứng! Nhưng nàng cao quý, sang trọng quá, chắc chẳng ưng lấy ta đâu. Nhà nàng là cả một tòa lâu đài, còn nhà ta chỉ là một cái hộp gỗ trắng tồi tàn mà tất cả hai mươi lăm anh em đều chui rúc vào, thật không xứng đáng với nàng chút nào. Dù sao, ước gì ta được làm quen với nàng!

Khi cậu bé đặt chú lính chì nhà ta lên một cái hộp to gần tòa lâu đài, chú mừng rỡ khôn kể xiết. Từ đó, chú tha hồ ngắm cô nàng xinh đẹp, vẫn can đảm đứng một chân mà không mất thăng bằng.

Đến tối, khi cất toán lính chì vào hộp, cậu bé bỏ quên chú lính chì một chân. Mọi người đều đã đi ngủ cả. Khoảng nửa đêm, đến lượt các đồ chơi muốn tiêu khiển tí chút. Con rối máy lưng gù bụng phệ nhảy nhót một cách điên cuồng. Chú quay tít vù, chừng như muốn phá phách tất cả. Các chú lính chì cũng vùng vẫy trong hộp, như muốn nhảy ra ngoài tham dự cuộc vui, nhưng than ôi! Các chú không mở nổi nắp hộp! Cái thế giới tí hon ấy làm ồn ào đến nỗi con chim kim tước (Một loại hoàng yến sinh sống ở quần đảo Canari Đại Tây Dương) phải thức giấc và cất tiếng hót lên, đến là vui!

Riêng có chú lính chì và nàng vũ nữ là không động đậy. Nàng vẫn đứng kiễng một bên trên đầu ngón chân, tay vẫn uốn vòng, còn chú lính chì vẫn đứng một chân, mắt không rời cô láng giềng.

- Kìa! Đồng hồ quả lắc đã điểm mười hai giờ đêm!

Xoạch! Nắp cái hộp to bật lên, và một con quỷ lùn to tướng nhô ra. Thì ra cái hộp ấy có lắp lò xo bên trong.

Chú lính chì ta bị hất xuống, nhưng lại rơi chân xuống trước, nên lại cứ đứng vững để ngắm nàng vũ nữ như trước.

Con quỷ lùn nói:

- Thằng nhóc con què quặt kia, sao lại dám nhìn những con người ở địa vị cao quý, hơn hẳn địa vị hèn mọn của mày thế?

Chú lính chì vẫn đứng trơ trơ chẳng nói chẳng rằng.

- Được, được, quân trẻ người dại dột kia, đến mai mày sẽ biết!

Sáng ra, mọi người đều dậy. Chị giúp việc trong nhà đến dọn dẹp căn buồng và đặt chú lính chì lên bậc cửa sổ. Vừa đúng lúc ấy có một luồng gió thổi rất mạnh, có lẽ do con quỷ lùn phù phép tạo ra, làm cánh cửa sổ ập sập vào rồi bật ra, thế là chú lính chì ta bị hất ra từ trên gác ba, đầu lao xuống trước. Thật là kinh khủng! Chú đâm thẳng vào cái kẽ giữa hai viên gạch lát đường phố, mũ lưỡi trai, lưỡi lê và cả thân người chú đều biến mất, không trông thấy nữa, chỉ còn thấy mỗi cái chân của chú duỗi thẳng lên trời một cách ngạo nghễ.

Chị giúp việc và cậu bé xuống tìm chú.

Cậu bé không nom thấy, suýt dẫm phải chú. Chú định kêu lên: “Có tôi”, nhưng sực nhớ đến điều lệ của quân đội, cấm nói khi đang bồng súng, chú lại im bặt.

Một trận mưa rào đổ xuống làm trôi phăng bụi bặm. Mưa tạnh, trời lại nắng. Chợt có hai đứa trẻ đi qua. Một đứa nói:

- A ha! Bắt được chú lính chì một chân, chắc là cu cậu đi trận về đây! Cho nó vào chiếc thuyền của chúng mình, mày nhé!

Hai đứa đã làm chiếc thuyền bằng một tờ báo cũ. Chúng đặt chú lính chì vào và thả thuyền xuống rãnh. Dòng nước đưa thuyền đi và hai đứa trẻ vừa chạy theo vừa vỗ tay reo mừng.

Rãnh mỗi lúc một rộng ra, nước chảy xiết, sóng mới to làm sao! Chiếc thuyền giấy chòng chành dữ dội, thỉnh thoảng lại chao đi. Một cơn lốc cuốn thuyền đi, trông như thuyền có thể lật úp đến nơi.

Chú lính chì lo chết đi được, nhưng chú vẫn điềm nhiên, vốn dũng cảm, chú vẫn bồng súng với một vẻ kiên cường.

Chiếc thuyền chui vào một đoạn cống ngầm tối đen như mực. Lính ta nghĩ bụng:

- Cũng chẳng tốt gì hơn trong chiếc hộp của ta. Tương lai mình sẽ ra sao đây? Chính con quỷ lùn gớm ghiếc ấy đã dùng bùa phép hãm hại mình. Chà! Nếu có cô nàng xinh đẹp trong lâu đài ở bên ta thì dẫu có tối đen hơn nữa ta cũng chẳng cần.

Một con chuột cống to tướng, sống trong một lỗ đào ở thành cống, bỗng nhô ra và hỏi:

- Có giấy thông hành không? Mau mau đưa trình đây!

Lính ta im lặng, với địa vị chú, chú muốn tránh mọi quan hệ với con vật kinh tởm này.

Thuyền lại trôi nhanh. Chuột cống đuổi theo, nghiến răng và kêu gọi các mảnh gỗ, rơm rạ và rác rưởi bập bềnh trên dòng nước giữ thuyền lại!

- Dừng lại! Dừng lại! Giữ thuyền lại! Nó không chịu trình giấy thông hành!

Nhưng dòng nước vẫn cứ cuốn thuyền đi, và sau cùng, chú lính chì lại được ra chỗ sáng.

Bất thình lình có tiếng động mạnh rất khủng khiếp, tựa như tiếng sấm. Ai mà thản nhiên được? Các bạn thử tưởng tượng xem, vừa chui qua đoạn cống ngầm, nước rãnh đổ ngay vào một con sông đào, tạo thành một cái thác.

Vèo! Thế là thuyền lao xuống. Nhưng trong giây phút khủng khiếp ấy, chú lính chì vẫn bình tĩnh. Lao xuống thác, chiếc thuyền chòng chành, xoay tít bốn vòng, rồi nước tràn vào làm đắm thuyền, chỉ còn trông thấy cái lưỡi lê và cái đầu chú lính chì. Ngay lúc ấy, giấy bục tung ra, cả thuyền lẫn chú lính chì đều chìm xuống đáy sông đào.

Chú lính chì tội nghiệp nghĩ tới nàng vũ nữ xinh đẹp mà chú sẽ không còn trông thấy nữa, chú sắp sửa chết mà chẳng tham dự một trận chiến đấu nào, chẳng nổi danh vì một hành động anh dũng nào. Chú tự nhủ: cái chết này thật không xứng với một vị

anh hùng!

Chú sắp sửa chìm xuống đáy sông đầy bùn và vĩnh viễn không còn ở trên đời nữa thì một con cá to, tưởng chú là cá bống con, đớp lấy chú.

Trời, trong bụng con cá măng ấy, sao mà tối thế (con cá to ấy đúng là một con cá măng). Còn chật chội hơn trong hộp! Nhưng chú lính chì đã quen đứng gác, nên cứ bồng súng đứng im.

Cá măng bơi lung tung tứ phía, ngoi lên mặt nước, đột nhiên cong mình quằn quại, rồi im bặt.

Vài giờ sau, chú lính chì thấy một tia sáng lóe lên như ánh chớp, đó là ánh mặt trời rực rỡ. Có tiếng reo:

- Chú lính chì!

Thì ra câu chuyện là như thế này: người ta đánh được cá măng rồi đem ra chợ bán. Một chị đầu bếp đã mua về, lấy con dao to ra mổ cả. Chị ta thấy chú lính chì ở trong bụng cá, nhấc chú ra và đem vào buồng cho lũ trẻ con, cả bọn xúm lại xem cái anh chàng giang hồ đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu và đã từng sống trong bụng một con cá.

Đối với chú lính, cái việc kỳ quặc ấy chả lấy gì làm thích thú, chẳng qua chỉ do một tai họa gây nên và chú là nạn nhân.

Chị bếp đặt chú lên bàn.

Thật là kỳ lạ! Đôi khi, có những trường hợp ngẫu nhiên khó mà tưởng tượng được!

Chú lính chì ra lại trở về đúng căn phòng mà chú đã từ giã ra đi, tiến hành cuộc chu du lớn, ai cũng nhận ra chú, nhờ cái chân độc nhất của chú.

Chú lại được thấy cái hộp đựng các anh em chú, lại được thấy cảnh tượng mê hồn của tòa lâu đài mỹ lệ bằng bìa cứng với nàng vũ nữ xinh đẹp vẫn dũng cảm đứng một chân như chú. Chú nghẹn ngào cảm động suýt khóc, nhưng lại thôi, vì nếu khóc thì nước mắt sẽ là những giọt chì và như vậy sẽ không nghiêm chỉnh.

Đột nhiên, một cậu bé vồ lấy chú lính chì, ném chú vào lò sưởi, nhanh đến nỗi không ai ngăn kịp. Về sau, cậu bé nói rằng cậu muốn thử xem chú lính chì có chịu được lửa như chú đã chịu được nước hay không.

Về phần tôi, tôi cho rằng hành động độc ác ấy là do con quỷ lùn độc địa xúi giục.

Lửa đã làm xấu chú lính chì. Bộ quân phục của chú mất cả màu sắc đẹp đẽ.

Lúc ấy, chú ngước mắt về phía vũ nữ xem thái độ nàng ra sao.

Nàng vẫn tiếp tục nhìn chú với một vẻ đáng yêu.

Một lát sau, chú cảm thấy chì bắt đầu chảy, nhưng không vì thế mà chú buông tay súng. Bỗng nhiên, cơn gió thổi tung cánh cửa và cuốn theo nàng vũ nữ, đưa nàng bay trong không gian như một tiên nữ và rơi vào lò sưởi ngay cạnh chú lính chì. Nàng bắt lửa và tiêu tan, chàng thì tiếp tục chảy đến giọt chì cuối cùng. Hôm sau, chị giúp việc trong nhà tìm thấy di hài chú trong đám tro tàn, kết lại thành một trái tim xinh xắn.

ĐÔI GIÀY ĐỎ

Karen là một cô gái nhỏ rất xinh xắn và rất ngoan. Mẹ cô nghèo nên cô chẳng có giầy dép gì, mùa hè đi chân đất, mùa đông đi guốc gỗ, chân không chịu được rét, đỏ ửng lên.

Trong làng có một bà thợ giầy già. Thương cô bé, bà nhặt những mẩu da đỏ chắp vá cho cô bé một đôi giầy. Đôi giầy ấy chẳng lấy gì làm đẹp lắm vì bà lão phúc hậu ấy mắt đã kém, tay lại run, nhưng bà lão đã tặng vật ấy cho Karen với tấm lòng trìu mến. Cô bé thích quá.

Ngay ngày hôm ấy mẹ cô qua đời. Đúng ra, nhà có tang không được đi giầy đỏ. Nhưng vì không có đôi giầy nào khác nên cô bé đành phải đi giầy đỏ vậy. Cô bé vừa đi vừa khóc rũ rượi. Chợt có một cỗ xe ngựa lớn và cũ đi qua, trên có một bà quý phái già. Trông thấy cô bé mồ côi đang nức nở, bà động lòng thương, nói với cụ đạo hỏi xin cô bé. Bà nói:

- Cụ cho tôi xin cô bé này, tôi sẽ đem về nuôi nấng và chăm sóc cẩn thận.

Lúc đầu Karen cứ tưởng bà già lưu ý đến em vì em có đôi giầy đẹp, nhưng bà lại bảo đôi giầy xấu lắm phải vứt đi. Rồi bà cho em ăn mặc đẹp đẽ sạch sẽ, lại cho em học viết, học đọc, học may vá. Mọi người khen em đẹp và ngoan. Nhìn vào gương, gương cũng bảo em đẹp và ngoan.

Một hôm nhà vua, hoàng hậu và công chúa ngự giá đến thành phố gần đấy. Nhân dân nô nức kéo nhau đến chiêm ngưỡng long nhan. Cô bé Karen cũng theo người lớn đến xem. Cô trông thấy công chúa bận toàn satin trắng đứng trên bao lơn để cho mọi người dân trông thấy. Dưới chân công chúa đi đôi giầy da dê màu đỏ rất đẹp, khác hẳn đôi giầy bà cụ thợ giầy nghèo phúc hậu đã tặng Karen.

Đến ngày Karen chịu lễ thêm sức, bà quý phái may cho cô quần áo đẹp và dẫn cô đến nhà người thợ giầy giỏi nhất thành phố thuê đóng cho cô một đôi giầy. Đến nơi, Karen chìa đôi chân bé nhỏ cho bác thợ giầy đo. Cô nhìn chung quanh thấy trong tủ có một đôi

giầy đỏ cũng đẹp như đôi giầy công chúa đi hôm trước. Karen reo lên: Đôi giầy mới đẹp làm sao! Cháu thích đôi giầy ấy lắm! Bác cho cháu đi thử nếu vừa thì bán cho cháu. Bác thợ giầy đưa cho bé thử và nói:

- Đôi giầy này là của con gái vị bá tước đặt, nhưng nhỏ quá đi chật không vừa nên tôi còn để đây.

- Giầy bằng da dê phải không, - bà quý phái nói, - trông bóng bẩy và đẹp quá!

- Thưa vâng, bằng da dê đấy ạ.

Đôi giầy Karen đi rất vừa nên bà quý phái mua ngay cho em. Nhưng bà không biết là màu đỏ, vì bà kém mắt; nếu biết màu đỏ, bà đã không để cho Karen đi vào ngày chịu lễ thêm sức.

Thấy Karen đi giầy đỏ vào nhà thờ mọi người lắc đầu. Khi đi qua ngưỡng cửa tất cả các bức tranh treo trên tường chằm chằm nhìn cô. Karen không những không ngượng mà còn hãnh diện. Cụ đạo nhắc nhở Karen về bổn phận của cô gái đến tuổi biết suy nghĩ và bước vào hàng ngũ con chiên. Đại phong cầm vang lên điệu nhạc thánh ca. Dàn hợp xướng nhi đồng cũng nổi lên bài hát cầu nguyện. Karen chẳng để ý đến gì cả, cô còn mải mê ngắm nghía đôi giầy đỏ đẹp như giầy của công chúa.

Chiều hôm ấy nghe mọi người xì xào bà quý phái mới biết. Bà bảo cô bé:

- Vào nhà thờ dự lễ, lại đi giầy đỏ như thế là ngạo nghễ. Từ nay đã bước chân đến nhà thờ phải đi giầy đen, dù cũ dù rách cũng phải đi.

Chủ nhật sau Karen phải đi chịu lễ ban thánh thể. Nhớ lời bà quý phái dặn, Karen đã đi giầy đen vào. Nhưng nhìn đi nhìn lại đôi giầy đỏ, thấy đẹp hơn, cô bé lại tháo giầy đen ra, đi giầy đỏ.

Hôm ấy trời đẹp. Muốn tận hưởng ánh nắng ấm áp, bà cụ quý phái dẫn Karen đi qua các con đường nhỏ rồi mới ra đường cái để đến nhà thờ. Họ phải đi qua con đường đầy bụi. Một ông cụ già thương binh chống gậy thấy hai người đi đến. Ông cụ xin bà già

quý phái cho đánh giầy. Bà già đồng ý, Karen chìa đôi giày nhỏ nhắn cho ông cụ chải bụi.

- Chà đôi giầy khiêu vũ đẹp quá! Khi khiêu vũ cô phải cho giầy bám chặt vào chân kẻo rơi.

Bà quý phái cho ông lão tàn tật một đồng bạc rồi cùng Karen bước vào nhà thờ. Cả cử tọa trợn to mắt nhìn đôi giầy đỏ. Các bức chân dung treo trên tường cũng dán mắt vào đôi giầy. Còn Karen thì cứ mải nhìn đôi giầy quên cả cầu nguyện khi chịu ban lễ thánh thể, cô lơ đãng chỉ nghĩ đến đôi giầy đỏ dưới chân. Cô cứ tưởng chung quanh người ta ghen tị với cô vì đôi giầy đỏ.

Ở nhà thờ ra, bà quý phái lên chiếc xe đã chờ sẵn ngoài cửa. Karen cũng bước lên theo.

Ông già tàn tật lúc này vẫn đang còn đấy. Trông thấy Karen, ông lại tấm tắc.

- Đôi giầy khiêu vũ đẹp thật!

Bỗng Karen thấy người như nhấc bổng lên, đôi chân nhún nhảy liên hồi, muốn ghìm không được.

Người đánh xe ôm vội lấy cô ấn vào xe. Vào xe rồi cô bé vẫn nhảy, đá cả vào bà già quý phái. Nhưng rồi xe cũng về đến nhà. Chị hầu phòng phải bế vội cô bé vào, tháo ngay đôi giầy quái gở ra, không thì còn nhảy nhót mãi. Bấy giờ đôi chân Karen mới được nghỉ ngơi.

Đôi giầy được bỏ vào tủ, khóa chặt lại. Mỗi ngày Karen đến ngắm ngía hàng chục lần.

Được ít lâu bà già quý phái ốm, cần có người ở bên trong nom chăm sóc. Đấy là nhiệm vụ của Karen. Cũng vào hôm ấy cô lại nhận được giấy mời đi dạ hội. Cô đã nghĩ mình phải ở nhà để chăm sóc ân nhân. Nhưng rồi cô lại nghĩ bà già chẳng còn sống được bao lâu, chăm sóc có ích gì! Thế là Karen mở tủ lấy giầy, đôi giầy đỏ vẫn cất đấy từ lâu. Xỏ chân vào giầy cô nghĩ đi dạ hội mang giầy này có sai sót gì.

Thế là cô ra đi. Nhưng vừa bước chân ra khỏi cửa hai chân đã lại

nhảy nhót, hết đập vào nhau, lại nhảy sang phải, rồi nhảy sang trái. Thấy cô xinh đẹp, nhảy khéo, người đi đường dừng cả lại xem. Suốt dọc đường từ nhà nơi đến dạ hội, Karen cứ nhảy nhót như thế đến nỗi mệt lử không còn lê vào hội trường được nữa. Cô phó mặc cho đôi giầy đưa khắp nơi qua các phố, rồi ra ngoại thành đến các khu rừng xa. Đến đây cô bé lại nhìn thấy ông lão tàn tật. Ông lão nói:

- Chào cô em xinh đẹp. Cô có đôi giầy khiêu vũ kháu quá.

Đến lúc này Karen mới nhận ra lão già tàn tật là một tên phù thủy. Lão đến không phải xin đánh giày để kiếm tiền mà để phù phép. Cô bé phát hoảng lên, muốn trút bỏ đôi giầy, nhưng không sao lôi ra được. Đôi giầy cứ dính chặt vào chân và bắt cô bé phải cử động liên hồi, không sao ngồi xuống được.

Cô bé cứ nhảy nhót như thế, băng qua đồng cỏ, ruộng mương, rừng núi, chẳng được nghỉ ngơi lấy một giây, chẳng kịp lấy lại hơi thở. Hết ngày nọ qua ngày kia cô bé không ngớt quay cuồng cả dưới ánh nắng như lửa đốt, cả trong giá lạnh và mưa rào.

Cô bị cuốn vào một nghĩa địa, cố bám lấy một ngôi mộ, nhưng lại bị bật ra ngay, không sao níu được. Cô lại bị lôi đến một nhà thờ, cô muốn ẩn vào thánh thất cầu xin Thượng Đế xá cho tội đã ngạo mạn người.

Nhưng một vị tiên cánh dài chấm đất, thái độ nghiêm khắc, vung thanh gươm sáng loáng bảo cô:

- Con cứ nhảy đi, nhảy mãi với đôi giầy đỏ mà con quý hơn mọi cái, nhảy cho đến lúc chỉ còn da bọc xương, cho đến thân tàn ma dại. Khi nào qua nhà những đứa trẻ hay sĩ diện và tự phụ, con hãy gõ cửa gọi chúng ra xem để chúng biết tính kiêu ngạo thiệt hại như thế nào. Nhảy đi! Nhảy mãi đi!

- Xin tha tội! Xin tha tội cho tôi.

Karen kêu van nhưng đôi chân đã kéo cô đi xa không nghe thấy tiếng trả lời của vị tiên nữa.

Hôm sau cô bé đến một ngôi nhà trông quen thuộc. Một đám người

mặc đồ tang đưa từ trong ra một cỗ quan tài trên trải đầy hoa. Đó là đám ma bà già quý phái, ân nhân của Karen. Karen đã bỏ mặc bà ở nhà để đi khiêu vũ. Karen cảm thấy có tội.

Đôi giầy vẫn tiếp tục lôi cô bé đi qua núi non, rừng rậm, gai góc cào rách cả mặt, xước cả chân tay. Rồi cô đến trước cửa một nhà mà cô biết là đao phủ. Cô đập cửa gọi:

- Ông ơi! Ông ra đây! Cháu van ông! Cháu không vào được. Đôi giầy cứ bắt chân cháu quay cuồng liên tục, không sao ngừng được.

- Gọi ra làm gì? Cô biết ta là ai không? Ta là người chặt đầu những kẻ gian ác. Búa tạ đang reo lên đây hẳn là sắp có việc.

- Vâng! - Karen nói - Nhưng xin ông đừng chặt đầu cháu, để cháu còn sám hối; ông chặt chân cháu thôi.

Nói thế rồi cô bé thú nhận hết tội lỗi đã ngạo mạn. Đao phủ túm chặt cô chặt một nhát đứt phăng hai chân.

Hai chân vẫn tiếp tục quay cuồng mang theo đôi giầy đỏ, biến thẳng vào rừng, sau đấy cô bé đi đến nhà thờ để mọi người thấy rằng cô đã được xá tội.

Nhưng vừa tới nhà thờ, cô đã thấy đôi chân đi giầy đỏ của cô đã lại đang nhảy múa ở đấy rồi. Cô bé ù té chạy.

Cô lang thang khắp chốn, sống nhờ của bố thí. Cô buồn phiền, nước mắt tuôn rơi như suối.

Cô bé rời nhà thờ đến nhà ông mục sư xin ông được làm người giúp việc, xin nhận mọi công việc có thể làm được, miễn là ít phải đi lại và không hỏi công xá gì, chỉ càn có chỗ dung thân mà thôi.

Bà vợ ông mục sư thương tình giữ cô lại. Karen đã tỏ ra quyết tâm tiến bộ và chăm chỉ làm việc. Cô trở nên trầm tĩnh, lặng lẽ. Buổi tối khi ông mực sư đọc kinh, cô chú ý lắng nghe. Các em nhỏ rất quý cô, nhưng hễ thấy chúng khoe khoang với nhau, đứa nào xinh, đứa kia có quần áo đẹp là cô khuyên nhủ bảo rằng đó là những thói xấu cần phải tránh.

Đến một ngày lễ, mọi người đến nhà thờ dự lễ. Cô không đi được,

thấy buồn, khóc thút thít. Cô leo lên gian phòng nhỏ của mình quỳ xuống đọc kinh. Giữa lúc đang tĩnh tâm cầu nguyện, tiếng đại phong cầm vọng đến. Cô ngước mắt nhìn lên trời cầu khẩn: “Xin Thượng Đế hãy cứu vớt con”.

Bỗng quanh mình cô ánh hào quang rực sáng. Trước mặt cô hiện ra một tiên cô đã trông thấy ở nhà thờ hôm trước. Những lúc này vị tiên không cầm gươm mà cầm một bông hồng rực rỡ. Người đẩy bông hông lên trần nhà, tức thì các bức tường mở ra, Karen được đưa vào giữa nhà thờ. Tiếng đại phong cầm vang lên, khi bài hát chấm dứt, ông mục sư nhìn thấy cô và bảo:

- Con đã đến đấy à? Tốt lắm!

Cô bé đáp:

- Thượng Đế xá tội cho con rồi!

Tiếng đại phong cầm lại vang lên. Các em nhỏ cất tiếng hát bài cầu nguyện. Một tia nắng rực rỡ xuyên qua cửa kính, rọi vào Karen. Tim cô tràn đầy sung sướng, hồn cô lao theo tia nắng lên thiên đường.

TRONG THÀNH CÓ MA TRƠI

Ngày xưa có một người trước kia biết rất nhiều truyện cổ tích, nhưng về sau ông ta bảo với mọi người rằng ông đã quên hết cả rồi, vì Truyện, xưa kia hay đến thăm ông, nay chẳng thấy đến gõ cửa nhà ông nữa.

Chẳng ai biết tại sao thế nhỉ?

Trước hết, vì đã lâu ngày ông bạn của chúng ta chẳng còn nghĩ đến truyện nữa, nhưng về phía Truyện, Truyện chẳng quay trở lại cái xứ sở bị chiến tranh tàn phá rồi lâm vào cảnh nghèo nàn, tang tóc, bạn đồng hành mà nạn binh lửa thường kéo theo sau.

Cò vạc và chim én từ những xứ ấm bay trở về. Chúng chẳng ngờ là tai họa đã xảy đến, nhưng khi về đến nơi, chúng thấy tổ ấm đã bị phá hủy, nhà cửa đã cháy trụi, đồng cỏ tan hoang, ngựa quân thù đã giày xéo lên những ngôi mộ cổ. Tuy nhiên, thời kỳ gian khổ và ảm đạm cũng đã qua, qua hẳn rồi mà Truyện cũng chẳng quay về gõ cửa nhà con người hay kể chuyện.

Hay là Truyện cũng đã tử vong rồi?

Ông bạn của chúng ta nghĩ vậy.

Nhưng Truyện chẳng bao giờ chết.

Đã trọn một năm ông vẫn mong chờ gặp lại Truyện.

- Ước gì Truyện lại đến gõ cửa nhà ta nhỉ?

Rồi ông nhớ lại tất cả những người mà Truyện đã từng đội lốt để đến tìm ông, lúc thì tươi trẻ như mùa xuân, lúc thì dưới hình dạng một thiếu nữ đội chiếc mũ miện bằng lá, cầm cành dẻ gai trên tay. Mắt nàng như nước hồ sâu thẳm trong rừng lấp lánh dưới ánh thái dương. Khi gánh hàng ra và rao bán những dải lụa dài có ghi những bài thơ và truyện cổ tích.

Tuy nhiên, trông đẹp hơn cả là lúc Truyện biến thành một bà lão

có bộ tóc màu gio bạc, có đôi mắt to trầm lặng. Bà cụ say sưa kể lại truyện thời xưa, thời mà các nàng công chúa còn kéo sợi trên những cái guồng bằng vàng, bên cạnh những bầy rắn nằm cuộn tròn để chiêm ngưỡng các nàng. Bà cụ kể chuyện nghe đến là mê! Và thỉnh thoảng bà cụ lại kể những truyện hãi hùng đến nỗi người nghe tưởng như mặt đất tràn đầy những máu người. Phải, các truyện ấy, tuy ghê rợn, nhưng sao mà thú vị đến thế. Dù sao, những truyện ấy cũng đã xảy ra từ ngày xửa ngày xưa.

- Bà cụ chẳng quay trở lại gõ cửa nhà ta nữa hay sao? - Ông bạn chúng ta nghĩ vậy.

Ông nhìn xuống những mảnh gỗ vụn màu đen rải rác trên sàn nhà. Ông tự hỏi chẳng biết đấy có phải là những vết máu hay là những cánh hoa tang của những ngày đau khổ.

Trong lúc ngồi trầm ngâm ông nghĩ có lẽ Truyện núp trong cọng rơm đang bị gió xoáy tròn trong góc kia chăng? Hay là Truyện núp vào một đóa hoa ép khô trong những pho sách lớn ở tủ sách của mình chăng?

Để được yên lòng, ông ta mở một cuốn sách mới nhất, nhưng trong cuốn ấy không có hoa. Sách nói về truyện Holger xứ Đan Mạch và thuật lại rằng những truyện phiêu lưu của Holger chỉ là do một thày tu người Pháp bịa ra và là một cuốn tiểu thuyết Pháp dịch ra tiếng Đan Mạch. Cái anh chàng Holger xứ Đan Mạch ấy làm gì có thật, do đó, không bao giờ có thể hiện về như nhân dân Đan Mạch vẫn thường tưởng tượng, thậm chí cò người lại tưởng tượng mình là con người ấy. Truyện Holger xứ Đan Mạch cũng giống như truyện William Tell thôi, chẳng qua chỉ là truyền thuyết cả. Sách dẫn giải điều đó một cách rất khoa học.

- Mặc! Cho dù thế nào cũng được, - ông bạn chúng ta tự nhủ, - chẳng có thể có đường mòn nếu không có người qua lại.

Ông gấp sách, để vào một chỗ cũ trên ngăn tủ và tới ngửi những đóa hoa tươi trên khung cửa sổ.

Có thể là Truyện núp trong những đóa hoa huệ đỏ viền vàng hoặc trong đóa hồng xinh xắn, hoặc có khi trong đóa trà mi diễm lệ. Không phải! Ánh mặt trời lấp lánh giữa hoa, nhưng Truyện nào

đâu thấy!

Ông bạn tiếp tục suy nghĩ. Trong những ngày đen tối, nơi đây đã có những đóa hoa còn đẹp hơn thế nữa, nhưng người ta đã ngắt hoa đi, tết thành vòng và đặt lên một chiếc linh cữu cũng có phủ một lá cờ. Có lẽ người ta đã chôn Truyện theo những đóa hoa ấy chăng? Nhưng nếu vậy, ắt là hoa, linh cữu và đất đều phải biết rõ, những ngọn cỏ mới mọc lên ắt cũng đã kể lại truyện ấy rồi. Có thể, trong những ngày đau khổ, Truyện đã đến gõ cửa nhà ta chăng? Nhưng lúc ấy thì ai còn tâm địa nào mà nghe kể truyện nữa. Mọi tấm lòng còn đang u uất, rã rời và hầu như khó chịu khi nghe thấy tiếng chim muông ríu rít hót và thấy cảnh vật còn trơ lại xanh tươi cùng với mùa xuân. Lúc ấy, chúng ta chẳng thể hát lên được những bài dân ca cổ điển, phải giấu giếm chúng cùng với những tâm tư thầm kín nhất. Phải, có lẽ lúc ấy Truyện đã đến gõ cửa nhà ta, nhưng ta đã không nghe thấy, không niềm nở đón chào nên Truyện đã bỏ đi mất. Ta muốn đi tìm Truyện, ta phải tìm thấy Truyện, dù Truyện ở nơi thôn dã, trong rừng rậm hoặc ngay cả trên những bãi cát bên bờ đại dương.

Tít trên kia, sừng sững một lâu đài cổ, tường vách màu đỏm khía lỗ châu mai, trên đỉnh tháp phấp phới một lá cờ. Gần đấy, một chú họa mi cất tiếng hót trong vòm lá cây dẻ trắng, chú nhìn vào hoa mận nở trong vườn, cứ tưởng là hoa hồng. Chính nơi đây, dưới ánh nắng hè, đàn ong làm việc không ngừng và hát vo ve, xúm xít chung quanh ong chúa. Chính nơi đây, vào dịp lễ Noel, có tiếng kêu của đàn thiên nga và, bên trong tòa lâu đài cổ kính, quanh bếp lò, người ta vui vẻ ngồi nghe ca hát và nghe kể chuyện cổ tích. Người tìm Truyện đang rảo bước trên con đường rợp bóng cây dẻ gai, trong khoảng vườn cũ. Chính tại nơi ấy, một hôm gió đã kể chuyện Waldemar Daae và các nàng con gái và thân mẫu của Truyện, biến hình thành một nữ mộc tinh, đã kể cho ông ta nghe truyện Giấc mơ cuối cùng của cây sồi.

Thời còn mồ ma bà nội ông, nơi ấy có nhiều lùm cây, nhưng giờ đây chỉ còn rặt một giống đuôi chồn và tầm ma leo lên trên những pho tượng cổ đổ vỡ. Mắt tượng phủ đầy rêu, nhưng cũng chẳng vì thế mà tượng nhìn kém tinh hơn trước. Người đi tìm truyện chẳng sung sướng bằng những pho tượng ấy, ông ta tìm mà chẳng thấy Truyện đâu cả. Vậy Truyện ở đâu?

Trên đầu ông, quạ khoang bay từng đàn và kêu: “Còn ở xa! Còn ở xa!”

Ông bước ra khỏi vườn, vượt qua cái hào bao quanh lâu đài và bước vào một mảnh đất trồng toàn cây trăn, nơi ấy có một cái lều, sân nuôi gà và sân nuôi vịt. Bà lão chủ nhà ngồi giữa lều, cụ nhớ không sai mảy may tất cả số trứng và số gà con từ khi chúng mới nở đến nay. Cụ chẳng phải là kho truyện mà ông bạn chúng ta đang tìm đâu, cụ chỉ có thể cho ta xem những giấy chứng nhận rửa tội và chứng nhận tiêm chủng, tất cả đựng trong một hộp lớn.

Phía ngoài, không xa nhà mấy, có một cái gò toàn gai góc và kim tước chi.

Nơi ấy có một tấm mộ chí lớn bằng đá, mang ở nghĩa địa thành phố về từ bao năm nay. Đó là tấm bia giương danh một ông thị trưởng. Hình bà vợ và năm cô con gái mặc áo cổ xòe đang đứng chắp tay quanh ông ta được tạc trên bia.

Không thể nào ngắm nghía tấm bia ấy mà tâm hồn không xúc cảm. Tấm bia như kể lại với ta truyện những ngày đã qua. Hơn ai hết, ông bạn chúng ta cũng mủi lòng.

Khi bước tới nơi, ông thấy một chú bướm rất đẹp đậu trên trán ông thị trưởng. Bướm tung cánh, bay lượn rồi lại đậu gần bên tấm mộ chí, như muốn mách rằng nơi ấy có vật báu, đó là một khóm cây chẽ ba, một chạc có bốn lá, mọc liền nhau.

Ông bạn của chúng ta hái lá chẽ ba bỏ vào túi, cho đó là một điềm lành, và nghĩ thầm: “Số đỏ thường lại tiếp vận may. Hạnh phúc cũng quý đấy, nhưng một truyện hay, độc đáo, đối với chúng ta, đáng quý hơn nhiều.” Rủi thay, ông chẳng tìm đâu ra Truyện cả.

Mặt trời lặn, to tướng và đỏ rực. Hơi khói từ đồng cỏ bay lên.

Mụ phù thủy Đầm lầy đang đun nấu đấy.

Một tối kia, ông bạn của chúng ta đang ngồi một mình trong buồng, nhìn ra vườn hoa, đồng cỏ trước mặt và, xa tí nữa, là đầm lầy. Trăng sáng vằng vặc. Hơi khói tỏa lên. Đồng cỏ nom hệt một hồ nước lớn. Vả chăng, theo truyền thuyết, đó chính là một hồ

nước lớn. Ánh trăng trùm lên cảnh vật một vẻ huyền ảo. Ông bạn của chúng ta nghĩ đến cuốn sách đã từng đọc, sách nói rằng William Tell và Holger xứ Đan Mạch chẳng hề có thật, nhưng đã trở thành một thần tượng của nhân dân cũng như cái hồ này vậy. Ông tự nhủ:

- Thế thì có ngày Holger xứ Đan Mạch cũng sẽ hiện về.

Đang suy nghĩ như thế, bỗng ông nghe thấy một tiếng đập khá mạnh vào cửa sổ. Chim chăng? Dơi chăng? Cú chăng? Nếu chúng có bay chạm vào cửa cũng chẳng ai mở làm gì. Nhưng cửa sổ bỗng mở toang ra, một bà già hiện lên nhìn ông chằm chằm. Ông tự hỏi:

- Mụ ta muốn gì thế nhỉ? Mụ ta là ai thế nhỉ? Mụ lên được tầng gác này chả biết có cần đến cầu thang không nhỉ?

Bà già nói:

- Nhà ngươi có cây chẽ ba, mỗi chạc có bốn lá, ở trong túi phải không? Có bảy chẽ tất cả, trong đó có một chẽ có sáu lá.

- Mụ là ai?

- Ta là phù thủy đầm lầy, chuyên nghề bứt cỏ nấu rượu bia. Ta đang mải mê với công việc thì một tên giúp việc đã tháo nút dưới đáy thùng làm bia chảy ra, thế là đi tong cả.

- Cho tôi biết…

- Chờ đấy, ta bận tí việc.

Nói rồi, mụ biến mất.

Ông bạn của chúng ta sắp sửa đóng cửa sổ lại thì mụ lại hiện lên. Mụ nói:

- Xong việc rồi đấy. Nhưng ngày mai nếu tốt trời thì ta bận gây nốt nửa thùng rượu bia. Thế nào? Ngươi định hỏi gì ta đấy? Ta trở lại, vì bao giờ ta cũng giữ lời hứa và cũng vì trong túi ngươi có bảy nhánh chẽ ba, mỗi chạc bốn lá, trong đó có một chạc sáu lá. Chẳng phải ai ai cũng kiếm được loại chẽ ba ấy đâu. Xem nào, ngươi hỏi gì ta thế? Còn đứng đực ra như phỗng ấy thì ta sẽ bỏ về với thùng

rượu của ta đấy!

Ông bạn của chúng ta hỏi mụ có gặp Truyện ở đâu không.

- Trời, - mụ kêu lên, - Truyện của nhà ngươi viết ra nhiều như thế mà còn chưa đủ hay sao? Ta tưởng nhà ngươi no Truyện rồi chứ lị! Thời bây giờ người ta mải mê với những cái khác kìa. Ngay cả trẻ con cũng ngấy truyện đời xưa đến tận cổ rồi! Cho con trai điếu xì gà, con gái manh áo mới, chúng thích hơn nhiều. Ngồi mà nghe kể chuyện ư? Xin đủ, xin đủ! Còn trăm công nghìn việc cần hơn thế.

- Thế là thế nào? Mụ chỉ chuyên sống với cóc nhái và ma trơi thì còn biết cái gì khác ở đời này kia chứ?

Mụ già đáp:

- Đừng có coi thường tụi ma trơi! Ta thả chúng ra rồi đấy. Ta còn phải nói với nhau rất nhiều về chúng đấy. Nhưng ngươi hãy đi với ta, ta cần phải về đầm lầy bây giờ. Về đến đấy ta sẽ nói tất. Nhanh, nhanh lên một tí, kẻo bảy nhánh lá chẽ ba héo đi và trăng lặn mất.

Nói rồi, mụ phù thủy biến đi.

Chuông nhà thờ điểm mười hai tiếng. Trước tiếng chuông thứ tư ông bạn của chúng ta đã ra khỏi sân, qua vườn và đi tới đồng cỏ. Sương mù đã tan vì mụ phù thủy đã ngừng nấu rượu. Mụ bảo:

- Người đi lâu thật. Thế mới biết, phù thủy đi nhanh hơn người thường.

- Mụ định nói gì với ta? Có định nói về Truyện không đấy?

- Thế ngươi không còn điều gì khác để hỏi ta hay sao?

- Thế mụ hãy nói về tương lai của thơ ca cho ta nghe xem nào!

- Chớ có vội cáu, ta sẽ trả lời. Người chỉ chăm chăm hỏi ta về Thơ và Truyện. Đúng! Ta biết nhiều về văn thơ. Hồi còn trẻ ta đã là một thần tí hon xinh đẹp, thường vẫn nhảy với các thần tí hon khác dưới ánh trăng. Bọn chúng ta thường nghe họa mi hót và dạo

chơi trong rừng. Khi thì Truyện ngồi suốt đêm trong một bông hoa ngoài đồng cỏ, lúc thì Truyện lách vào nhà thờ, chui vào những bông hoa bày trên bàn thờ.

- Mụ biết tường tận nhỉ?

- Về điểm gì chứ về điểm ấy ta chẳng kém ngươi… Truyện và Thơ cũng cùng một mẹ đẻ ra cả. Đặt chúng vào chỗ nào mà chẳng được. Mà làm ra chúng chẳng tốn là mấy. Ta sẽ cho không ngươi một ít. Đây là một chiếc rương đầy thơ đóng thành chai. Nước cất, loại tinh túy nhất của thơ đấy, dịu ngọt cũng có, cay đắng cũng có. Trong các chai của ta có đủ những gì mà con người đòi hỏi ở thơ ca, chỉ cần mỗi chủ nhật rẩy một tí vào khăn mùi soa là đủ.

Ông bạn chúng ta nói:

- Ta rất đỗi ngạc nhiên. Mụ có thơ đóng vào chai thật ư?

- Có quá đi chứ. Ngươi còn lạ gì truyện con bé giẫm lên bánh mì mà đi để giày khỏi bẩn? Truyện ấy đã được viết và xuất bản.

- Chính ta kể truyện ấy chứ ai.

- À, hẳn là ngươi đã biết rằng con bé ấy đến nhà ta đúng vào hôm bà nội Quỷ sứ đến thăm ta. Mụ ấy thấy con bé, bèn xin ta mang về làm kỷ niệm buổi viếng thăm ấy. Ta đã cho mụ con bé và mụ đã biếu lại một vật chẳng có ích lợi gì cho ta. Một chiếc rương lớn, đựng đầy thơ đóng chai. Mụ đã khuyên ta nên để chúng vào chỗ nào. Vẫn còn đủ cả đấy. Ngươi vào mà xem. Ngươi có bảy nhánh chẽ ba, trong đó một nhánh có sáu lá, nhờ có chúng ngươi mới có thể nhìn thấy những chai ấy.

Quả nhiên ông bạn của chúng ta trông thấy chiếc rương của bà thằng Quỷ sứ ở giữa đầm lầy. Mụ phù thủy và tất cả những người biết nơi để rương, bất kể người đó ở thời đại nào và thuộc dân tộc nào, đều có thể mở rương ấy ra. Có thể mở cả mặt trước, mặt sau, và tứ phía. Đây là một cái rương rất quý, những nhà thơ của các nước, đặc biệt là của nước ta, được giới thiệu trong đó, sáng tác của họ đã được tinh chế, sửa chữa, cô đặc lại và đóng vào chai. Với một tài năng vững vàng, nếu không gọi là thiên tài, bà nội thằng Quỷ sứ đã thu góp từ trong thiên nhiên tất cả những cái gì

hợp với phong cách của một thi sĩ, rồi pha vào đó một ít tính chất của ma quỷ, thế là được chất thơ của tất cả các thi sĩ đóng vào chai để dùng mãi mãi về sau.

Ông bạn của chúng ta yêu cầu:

- Cho ta xem nào!

- Được, nhưng nghe thì hay hơn nhiều.

- Xem qua tí đã. Thật là đủ các cỡ chai. Chai này đựng gì? Chai kia đựng gì?

Mụ phù thủy đáp:

- Trong chai này có chất hương tháng năm. Ta chưa thử, nhưng ta biết rằng nếu ai rỏ một giọt xuống đất liền thấy ngay một cái ao rất đẹp, có đồng cỏ đầy hoa khê tôn ngũ sắc và thạch thảo bao quanh. Nếu ai rỏ hai giọt lên quyển vở một cậu học sinh bình thường, quyển vở sẽ biến ngay thành một vở hý kịch thơm nức đến nỗi chỉ ngửi thôi cũng đã ngủ lịm đi rồi. Thật là vinh dự cho ta vì ta được họ nêu danh vào nhãn hiệu của chai đó: "Nước giải khát của bà phù thủy đầm lầy." Ngươi có thấy không?

"Còn đây là chai chứa những chuyện vô sỉ. Nom tựa như nước nguyên chất trong vắt, có phải không? Đúng đấy, nhưng có pha ba thìa chất dối trá và hai giọt chất sự thật, lại gia thêm một tí máu dân chài và một tí thịt thày giáo."

"Rồi đây là những chai thơ luân lý. Mỗi giọt rơi xuống vang lên như tiếng cửa mở dưới địa ngục.

Cái chai to tướng ở phía kia kìa, chiếm đến nửa rương, là chai quý nhất đựng tất cả các truyện cổ kim. Chai ấy được đậy nút kỹ để nước bên trong khỏi bị hả hơi. Tất cả các món ăn quốc hồn quốc túy của các dân tộc đều có trong đó. Chỉ cần dốc ngược chai và xúc lên là người Đức sẽ thấy trong ấy món nước sốt triết học của mình, người Anh: món nước dùng nấu với khoa sư phạm của họ, và người Pháp: món canh hổ lốn của họ, mà người Đan Mạch chúng ta vẫn thường gọi là món cháo vịt. Nhưng theo ta, ngon nhất vẫn là món súp của kinh thành Copenhagen.

Ông bạn của chúng ta mải mê suy nghĩ. Mụ phù thủy đầm lầy nói tiếp:

- Ngươi đã xem và biết rương của ta đựng gì rồi. Nhưng ta muốn báo cho ngươi một tin quan trọng hơn thế nhiều, mà ngươi chưa hề biết: "Trong thành có ma trơi". Việc này quan trọng hơn Thơ và Truyện. Đáng nhẽ ta không nói thêm gì nữa, nhưng có một sức mạnh thần bí thúc đẩy ta phải loan báo: "Trong thành có ma trơi! Chúng được thả ra rồi đấy. Loài người hãy coi chừng."

- Sao nữa? Ta chẳng hiểu gì cả.

Mụ phù thủy tiếp:

- Hãy ngồi lên chốc rương một lát, nhưng chớ có làm bẹp rương, vỡ chai của ta đấy! Hẳn là ngươi đã biết giá trị của những thứ trong ấy! Ta sẽ kể cho ngươi nghe cái tin trọng đại vừa mới xảy ra hôm qua.

Trong đầm lầy này, hôm qua, có hội lớn. Người thử tưởng tượng xem có mười hai con ma trơi ra đời. Chúng thuộc vào loại có thể biến hình thành người, hành động và liên kết với nhau như người thật vậy. Đó là một sự kiện lớn lao trong đầm lầy, nên ma trơi đực và ma trơi cái nhảy múa cả ngày đến hết cả hơi. Nhưng đây không phải là chuyện chính.

"Khi ấy, ta cũng ngồi trên chiếc rương như ngươi bây giờ, đang ẵm mười hai đứa ma trơi mới nở, chúng lập lòe như đom đóm. Trong nháy mắt chúng đã lớn hẳn lên và bắt đầu nhảy múa. Chưa đầy mười lăm phút sau chúng đã to bằng người lớn rồi.

Giờ ta phải cho ngươi biết rằng, theo lệ trong giang sơn ta, những đứa ma trơi nào sinh ra trong ngày trăng tròn và có gió to, như hôm qua, đều được phép biến thành người và sống như người thật trong suốt một năm. Chúng có thể bay quanh thế giới, nếu chúng không sợ rơi xuống biển hay bị bão táp vùi dập. Ma trơi còn nhập được vào linh hồn con người, bắt người ta phải nói và hành động theo ý chúng. Hơn nữa, chúng có quyền nhập vào cả đàn ông lẫn đàn bà, nhưng trong một năm chúng phải làm hư hỏng cho được ba trăm sáu mươi lăm người, làm cho họ xa hẳn chân lý và đạo đức. Con nào thành công sẽ được nhận phần thưởng cao quý nhất

của loài ma trơi, được chạy trước xe của quỷ sứ, được một bộ quần áo lính hầu bằng vàng và một vòng lửa đeo cổ.

Nhưng trong khi đi tìm người để nhập vào, ma trơi gặp rất nhiều nỗi gian nguy. Nếu người trông thấy nó trước và thổi vào nó thì ma trơi lại rơi trở lại đầm lầy. Hơn nữa, trước cuối năm, nếu ma trơi nhớ nhà quá, không làm tròn nhiệm vụ thì nó không lập lòe được nữa và tắt ngấm hẳn đi. Nếu hết năm mà nó không làm cho đủ ba trăm sáu mươi lăm người xa lìa chân lý và đạo đức thì nó sẽ bị giam hãm trong một mẩu gỗ mục. Nó vẫn còn sáng, nhưng không cựa quậy được nữa, đó là hình phạt kinh khủng nhất đối với một con ma trơi.

Ta biết hết những điều đó và đã kể lại cho mười hai đứa ma trơi mới ra đời lúc ta ẵm chúng trên tay.

Chúng sướng điên lên. Ta bảo chúng: “Hãy coi chừng, tốt hơn hết là đừng nên làm người!”

Nhưng không! Chúng thích làm người cơ! Chúng đã mơ tưởng đến cái thú mặc quần áo vàng và đeo vòng lửa rồi. Một số ma trơi kỳ cựu bảo chúng: “Ở lại đây với chúng ta!” Một số khác lại nói: “Cứ đi mà hại lũ người. Chúng chẳng đã tát và vét cạn đầm lầy của ta đó sao? Rồi số phận con cháu chúng ta sẽ thế nào đây?”

- Không tha đứa nào cả! - Lũ ma trơi reo lên.

Thế là chúng quyết định ra đi.

Ông bạn của chúng ta nói:

- Thế là thành một truyện rồi.

Mụ phù thủy đáp:

- Đấy mới chỉ là đoạn đầu thôi.

Bây giờ mụ có thể kể cho ta biết những hành động của chúng. Chúng chọn những người nào và lừa dối họ bằng cách nào? Theo ý ta có thể viết cả một cuốn tiểu thuyết về ma trơi, gồm mười hai chương, mỗi chương kể chuyện một con ma trơi, hoặc hơn nữa, có thể viết thành một hý kịch dân gian.

- Thế thì viết đi! Hay thôi, đừng viết thì hơn.

- Phải, ta cũng thấy đừng viết có lẽ hơn. Ta sẽ tránh được những lời chỉ trích của báo chí. Khó chịu chẳng kém gì ma trơi bị giam vào gỗ mục, chỉ có thể lập lòe mà không nói năng cử động được.

Mụ phù thủy nói:

- Đúng đấy! Cứ để cho những người khác viết, những người biết chuyện và những người chẳng biết gì. Ta sẽ cho nhà người một chai thơ ca. Ta thấy hình như ngón tay ngươi đã khá nhem nhuốc những mực rồi đấy và ngươi cũng đã đến tuổi làm những việc lớn hơn là viết truyện. Ngươi đã nghe rõ truyện ta vừa kể chưa?

- Trong thành có ma trơi, phải, ta đã nghe thấy rồi. Nhưng ngươi muốn ta làm gì bây giờ? Đi tìm khắp phố phường, nhà cửa, đến ông thị trưởng hay ông chưởng lý xem lũ ma trơi chui vào đầu óc người nào chăng? Theo lời ngươi, nhờ phép lạ của những nhánh chẽ ba có bốn lá, ta có thể dễ dàng nhận ra chúng. Đến lúc tìm ra những con ma trơi ấy thì ta sẽ báo cho ai mới được kia chứ? Ta không thể nào nói ra với những kẻ mà ma trơi đã nhập vào và nếu ta công khai nói lên điều ấy thì thiên hạ sẽ nhạo báng và phản đối ta. Mụ cứ tưởng tượng xem ta đang kêu lên: “Cẩn thận đấy, có một con ma trơi đang đội lốt một người lương thiện kia kìa!” thì sẽ ra sao? Dù sao ta cũng rất muốn viết lại truyện này.

Mụ phù thủy nói:

- Hơn nữa, chúng tản ra khắp nơi. Chúng lẻn vào nhà thờ làm cho cha cố lúc ấy cũng chẳng nghĩ gì đến quyền lợi của giáo dân nữa, mà chỉ nghĩ đến bản thân mình thôi. Chúng xâm nhập vào các tác giả và các nghệ sĩ… Nhưng thôi, ta đã quá ba hoa, có lẽ hại cho họ hàng ta quá lắm rồi. Thế là ta sắp cứu loài người mất rồi! Điều đó trái với ý ta, và ta cũng chẳng hy vọng gì kiếm được tấm huy chương. Rõ thật điên! Đem kể cả truyện ấy với một nhà văn để ông ta kể lại cho cả thành phố biết!

Ông bạn của chúng ta nói:

- Nhân dân thành phố chẳng thèm để ý đến đâu! Họ sẽ tưởng rằng đó là một truyện hoang đường mà ta kể cho họ, mặc dù ta có hết

sức nghiêm chỉnh báo cho họ rằng: “Trong thành có ma trơi đấy, mụ phù thủy đầm lầy bảo tôi thế, các bạn coi chừng!”

BÀ CÔ NHỨC-RĂNG

Các bạn sẽ hỏi tôi:

- Ông lấy truyện này ở đâu ra thế?

- Tôi tìm thấy trong giỏ đựng giấy loại.

Vô khối sách hiếm và hay đã được bác hàng thịt hay là bác bán thực phẩm dùng không phải để đọc mà vào việc cần thiết hơn, theo các bác. Qua tay các bác, sách biến thành những cái bao đựng bột lọc và cà phê, giấy gói cá mắm, bơ và pho-mát, do đó, sách in ra cũng được dùng vào việc ấy nữa.

Tôi quen một anh chàng bán thịt, con một bác bán thực phẩm, xuất thân từ một nhà nghèo, sinh ra ở dưới hầm, do làm ăm phấn chấn nên anh đã có một cửa hàng. Anh đã từng đọc và thông hiểu các loại sách đã bị dùng để gói thịt, kể cả bản in lẫn bản thảo. anh ta có một bộ sưu tập rất lý thú, trong đó có nhiều công văn quan trọng, do một vị quan lớn bận rộn nào đó đã quẳng vào sọt giấy, những bức mật thư và cả những thư nặc danh đê hèn chẳng nên nói ra đây làm gì. Nhà anh ta là nơi phiêu dạt những tàn di của văn học, do đó, anh ta đã cứu vớt được vô khối là sách đáng đọc đi đọc lại vài lần.

Anh đã phó cho tôi xem bộ sưu tập sách in và bản thảo của anh. Tôi đã tìm thấy ở đấy nhiều tờ của một quyển vở rộng khổ, chữ viết rõ nét làm tôi phải lưu ý tới.

Anh bảo tôi:

- Chính anh sinh viên đã viết truyện này, anh biết chứ? Cái anh chàng sinh viên ở trên gác đã chết cách đây một tháng ấy mà. Anh ta đã bị nhức răng rất khổ sở. Nhưng truyện của anh đọc rất lý thú. Tôi chỉ còn một phần bản thảo thôi, chính ra có trọn cả một quyển vở. Bố mẹ tôi đã đổi nửa cân xà phòng đen cho bà chủ nhà của anh ta để lấy quyển vở ấy.

Tôi mang quyển vở ấy về. Đọc xong tôi thấy nên đưa ra phổ biến.

I

Khi tôi còn nhỏ, cô tôi thường cho tôi ăn của ngọt. Khi ấy răng tôi còn chịu đựng được của ngọt và chưa bị hỏng. Tôi lớn lên, trở thành sinh viên. Cô tôi vẫn thường cho tôi kẹo ngọt. Bà nói rằng tôi là một thi sĩ.

Đúng là tôi cũng mang chút ít chất thi sĩ trong người, nhưng chẳng được bao lăm.

Khi dạo qua các phố, tôi luôn luôn có cảm tưởng như đang đi giữa một thư viện vĩ đại. Tôi cảm thấy nhà cửa là những ô sách, các tầng gác là những ngăn đựng sách. Chỗ này là một câu chuyện gia đình, chỗ kia là một hý kịch cổ, trên tất cả các ngăn sách đều có những tác phẩm khoa học và tác phẩm văn học, hay hoặc dở. Tôi có thể triết lý và tưởng tượng lung tung về cái thư viện ấy. Đúng là tôi cũng mang chút ít chất thi sĩ trong người, nhưng chẳng được bao lăm.

Khối người khác cũng mang trong người chất thi sĩ chẳng kém gì tôi, nhưng họ chẳng đeo chiếc thẻ hoặc chiếc dây chuyền có khắc chữ: “Thi sĩ”. Đối với họ cũng như đối với tôi, Thượng Đế đã phú cho một khiếu năng vừa đủ với bản thân, nhưng không đủ để giúp ích cho đời. Hồn thơ thâm nhập vào chúng tôi như một tia nắng, tràn ngập tâm hồn và tư tưởng chúng ta, nó như hương thơm thấm vào lòng chúng ta, như khúc nhạc lôi cuốn chúng ta, nhưng chúng ta không thể biết nguyên nhân từ đâu.

Tối qua, ngồi trong buồng, tôi muốn đọc nhưng chẳng có lấy một cuốn sách hay một tờ báo trong tay.

Lúc đó, từ cây bồ đề, một chiếc lá xanh rơi xuống. Làn gió nhẹ đưa nó qua cửa sổ vào đến tận bên tôi. Tôi ngắm nghía mảnh lá với những đường gân xanh của nó. Một con sâu đang bò bên trên, chừng như đang chăm chú nghiên cứu chiếc lá. Thấy thế, tôi liên tưởng đến sự hiểu biết của loài người. Chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng bò trên một chiếc lá cây. Chúng ta chỉ biết chiếc lá thôi, nhưng không vì thế mà chúng ta không diễn thuyết được rất hay về cây cối, về rễ cây, thân cây, cành lá và tất cả những gốc cây lớn, cây nhỏ, cũng như nói về Thượng Đế, thế gian, sự bất tử, mà

chúng ta chẳng biết gì hơn là biết cây qua một chiếc lá nhỏ bé.

Tôi đang suy nghĩ đến đó, bỗng bà Mille của tôi đến chơi.

Tôi phô với bà chiếc lá, con sâu và thuật lại những điều tôi vừa suy nghĩ. Đôi mắt bà sáng ngời lên.

- Cháu là thi sĩ đấy! - Bà reo lên - Mà có lẽ là nhà thi sĩ vĩ đại nhất của chúng ta cơ đấy! Cháu hãy cố gắng làm cho lừng danh, sau này bà có chết cũng không ân hận. Từ ngày ông chủ lò nấu rượu bia Rasmusse khuất núi, bà rất ngạc nhiên về óc tưởng tượng kỳ diệu của cháu.

Nói rồi bà Mille ôm hôn tôi.

Nhưng bà Mille và ông chủ nấu rượu bia Rasmusse là ai mới được chứ?

II

Mẹ chúng tôi có một người cô, mà chúng tôi gọi là “Bà cô nhức răng”.

Bà thường cho chúng tôi ăn mứt kẹo, tuy rằng những của ấy quả là không tốt cho răng lợi của chúng tôi.

Nhưng bà rất yêu trẻ con ngoan và cho rằng không cho chúng những thứ chúng thích là một tội ác. Dĩ nhiên là chúng tôi rất mực quý bà.

Bà không lấy chồng. Trong ký ức của tôi, bao giờ tôi cũng thấy bà già khọm. Hình như lúc nào bà cũng chỉ có một cỡ tuổi: tuổi già.

Khi còn trẻ, bà rất khổ vì đau răng và bà luôn luôn nhắc đến chuyện ấy. Vì thế một trong những bạn thân của bà, ông chủ lò rượu bia Rasmusse, một con người khá thông minh, đặt cho bà cái tên là: “Bà cô nhức răng.”

Về cuối đời ông, Rasmusse không nấu rượu bia nữa. Ông sống về lợi tức. Ông thường đến chơi với bà cô tôi, ít tuổi hơn ông ta một chút. Mồm ông ta móm cả, chỉ còn lại vài chân răng đen sì.

Ông thường kể cho các cháu ông nghe rằng hồi còn trẻ, ông ăn quá nhiều chất ngọt, răng bị hỏng hết cả.

Lúc trẻ bà cô tôi chẳng hề ăn chất ngọt nên răng bà cô tôi trắng bóng.

Phải nói rằng bà giữ gìn bộ răng rất cẩn thận. Rasmusse thường nói đùa là bà chẳng bao giờ đi ngủ mà không cất răng đi.

Khi còn bé, nghe thấy thế chúng tôi rất bực, nhưng bà cô tôi bảo rằng ông ta nói thế thôi, chẳng có ác ý gì.

Một buổi sáng, vào lúc ăn điểm tâm, bà thuật lại giấc mơ khủng khiếp đêm hôm trước, bà rụng một chiếc răng! Bà bảo:

- Thế có nghĩa là tôi đã mất đi một người bạn trai hoặc bạn gái.

Ông chủ lò rượu bia mỉm cười nói:

- Nếu cái răng ấy là răng giả thì có lẽ bà mất một người bạn giả rồi đấy.

- Hỗn nào! - Bà tôi quát to lên.

Từ trước đến nay và cho đến sau này, chưa bao giờ bà giận dữ đến như thế.

Ít lâu sau bà ta lại nói rằng đây chỉ là một câu nói đùa của ông bạn già và nói thêm rằng ông ta là người tốt nhất trần gian, khi chết ông ta sẽ hóa thành tiên trên trời.

Tôi suy nghĩ đến cái chuyện thành tiên ấy và muốn biết lúc ấy ông ta sẽ ra sao.

Khi hai người còn trẻ, Rasmusse đã hỏi bà cô tôi. Bà suy nghĩ rất lâu, rồi chờ đợi, đợi mãi. Cuối cùng bà ở vậy, nhưng vẫn là người bạn gái trung thành của ông ta.

Thế rồi ông chủ lò rượu bia Rasmusse qua đời. Một cỗ xe tang sang trọng đưa ông ta ra nghĩa địa. Theo sau là một đoàn dài những người mặc lễ phục, ngực đầy huân chương. Hẳn là ông ta đã kịp biến thành một ông tiên có cánh của Thượng Đế và tôi tin rằng ông

ta sẽ ra mắt mọi người. Tôi hỏi:

- Bà ơi! Liệu ông ấy có đến không?

- Ai đến kia, hở cháu?

- Ông tiên Rasmusse ấy mà.

Bà cô tôi sửng sốt reo lên:

- Thằng bé này sẽ thành một thi sĩ vĩ đại.

Thế rồi ý nghĩ ấy không bao giờ rời khỏi bà cô tôi trong suốt thời gian tôi học tiểu học, đến khi làm lễ thêm sức, và cả đến khi tôi đã học đại học.

Bà là người bạn thân thiết nhất của tôi trong những lúc tôi cuồng thơ cũng như những lúc nhức răng, vì tôi mắc cả hai chứng ấy. Có lần bà nói với tôi:

- Ý nghĩ đến với cháu như thế nào, cháu cứ việc ghi chép rồi nhét vào ngăn kéo. Đại thi hào Jean Paul trước kia cũng làm thế đấy. Tuy nhiên, bà cũng không thích ông ta lắm, vì thơ ông ta chưa được bay bướm. Bay bướm, thơ phải bay bướm mới được. Có đúng như thế không, hở cháu? Thơ của cháu nhất định sẽ bay bướm có phải thế không?

Tôi đâm ra tự lo âu, tràn ngập lòng ham muốn trở thành đại thi hào mà bà cô tôi đã linh cảm thấy ở tôi, rồi tôi mắc bệnh cuồng thơ. Nhưng còn một bệnh ác liệt hơn nữa, bệnh đau răng cuống cuồng, đang hành hạ tôi. Tôi bò lê như con rắn, ngồi chổm hổm như con cóc, hoặc uốn cong mình như con sâu rợm.

Thỉnh thoảng bà cô tôi bảo:

- Bà cũng đã từng trải qua những cơn đau như thế.

Và trên môi bà thoáng một nụ cười buồn rầu đau đớn.

Hàm răng trắng muốt của bà lấp lánh.

Nhưng tôi phải bắt đầu một chương mới trong câu chuyện của bà

cháu tôi.

III

Tôi đã kiếm được chỗ ở mới và đến ở từ một tháng nay. Tôi thuật lại với bà cô tôi.

- Cháu sống trong một ngôi nhà như nhiều ngôi nhà khác. Ngay cả lúc cháu bấm chuông có tới ba lần người ta cũng không bận tâm gì tới cháu cả. Ngoài ra, ngôi nhà rất ồn ào. Mưa, gió, người tất cả cứ ào ào như giông bão ấy. Cháu ở ngay trên cửa ra vào. Một chiếc xe ra hoặc vào cũng để lại một vệt quệt trên tường. Cánh cửa rung chuyển như có cơn động đất. Nếu lúc ấy cháu đang nằm thì tứ chi rung lên, nhưng có lẽ thế lại làm cho cháu cứng gân cứng cốt lên cơ đấy. Khi gió thổi, (ở đây gió không khi nào ngớt), cánh cửa sổ bật tung, đập vào tường. Lại thêm cái chuông ở sân nhà bên cạnh, mỗi lần gió thổi lại rung lên.

Những người thuê nhà đi về không giờ giấc nào cả, thường là về rất khuya, hoặc có khi đến tận sáng bạch mới về. Cái nhà ông ở gác trên, bạn ngày dạy học thổi kèn Trombone (Kèn đồng có hai ống điều chỉnh âm thanh bằng cách kéo ra kéo vào), tối về rất muộn, sau khi đi dạo chơi gần suốt đêm với đôi giày đóng cá sắt khua lộp cộp.

Ở đây cửa sổ chỉ có hai cánh, mỗi cánh chỉ là một cái khung gỗ mà bà chủ nhà đã dán giấy lên, giấy lại là giấy băng nên gió lùa vào, kêu cứ vo ve như tiếng ruồi nhặng bay. Thứ âm nhạc ấy ru ngủ một cách dễ dàng. Hễ vừa chợp mắt là gà gáy, đánh thức ngay dậy. Lũ gà rất lưu tâm đến việc báo cho cháu biết sắp sang ngày mai rồi. Lũ ngựa con không có tàu để nhốt vào, người ta buộc chúng vào cửa, chúng đùa giỡn với cánh cửa cho giãn gân cốt.

Sáng sớm người gác cổng, ở với vợ con trên vựa thóc, đi xuống thang gác, chân nện rầm rầm. Tiếng guốc kêu lẹp kẹp, cửa đập thình thình làm nhà rung chuyển cả lên. Một lát sau, đến lượt ông láng giềng gác trên bắt đầu tập thể dục, nâng những quả tạ nặng quá sức mình, chưa kịp nâng lên, quả tạ đã rơi xuống, và cứ như thế mãi.

Còn cái đám lau nhau trong nhà, tuy đã đến giờ đi học, nhưng còn lượn ra lượn vào, chen chúc nhau và la hét om sòm.

Cháu đi ra cửa sổ, mở ra để thở hút lấy chút không khí tươi mát và nếu lúc ấy chị giúp việc ở nhà dưới không giặt quần áo thì quả là may mắn chó cháu. Giặt quần áo là môn tiêu khiển hàng ngày của chị ta.

Câu chuyện về ngôi nhà tôi ở là như thế đấy. Những lời của tôi đã làm cho bà cô tôi rất cảm động. Bà reo lên:

- Cháu là thi sĩ, cháu chỉ cần viết lại những điều cháu vừa nói ra là cháu sẽ trở thành vĩ đại như Dickens! Hơn thế, bà còn thích văn của cháu hơn là văn của ông ta nữa kìa! Văn cháu nghe rất rung động! Cháu vừa nói vừa họa. Khi cháu tả cảnh nhà cháu, người ta tưởng như trông thấy nhà ấy trước mắt. Cháu làm tiếp bài văn của cháu đi! Giờ bà muốn nghe một cái gì sinh động và "rất người".

Thế là tôi tiếp tục tả một cách rất chân thực ngôi nhà của tôi, những tiếng động trong nhà và cả về tôi nữa, nhân vật bất động…

IV

Một đêm khuya về mùa đông, sau giờ tan hát. Thời tiết khủng khiếp, một trận bão tuyết nổi lên làm cho ít người dám ra ngoài. Bà cô tôi đi xem hát, còn tôi thì dẫn bà cô tôi đi và dẫn bà về. Nói là "dẫn" cũng hơi quá, vì đi một mình cũng đã khó nhọc lắm rồi, còn có thể dẫn ai được kia chứ! Các xe ngựa đều đã có khách. Nhà bà tôi ở đầu thành phố, còn nhà tôi thì ở gần rạp hát.

Chúng tôi cất bước rất khó nhọc, chân giẫm trong tuyết, giữa cơn bão. Tôi đỡ bà cô tôi, khi thì nhấc bà lên, khi thì đẩy bà đi. Chúng tôi chỉ ngã có hai, ba lần. Chúng tôi đi đến cửa nhà tôi và dừng lại để rũ tuyết. Chúng tôi đã rũ cả trên thang gác rồi, tuy thế, cũng còn khá là tuyết để rắc đầy phòng đợi.

Chúng tôi cởi áo khoác ngoài ra. Bà chủ nhà của tôi cho cô tôi mượn đôi tất khô và một chiếc áo choàng. Bà ta bảo cần phải mặc cho ấm và nói thêm rằng thời tiết như thế thì bà cô tôi không nên về nhà. Bà mời bà cô tôi ngủ trong phòng của bà, còn bà sẽ ngủ

trên chiếc ghế đệm dài, gần cái cửa sổ thông sang buồng bên cạnh vẫn thường khóa chặt.

Lửa bắt đầu cháy trong bếp lò. Bà chủ nhà đặt một ấm trà lên bàn, gian buồng nhỏ bé của tôi trở nên ấm cúng. Nhưng dù sao cũng không bằng nhà bà cô tôi, mùa đông có rèm dày che cửa, có hai lần thảm trải trên sàn. Ở nơi ấy như ở trong một cái chai có hơi ấm và nút kín. Tuy nhiên, như tôi đã nói, ngồi ở trong buồng tôi, cũng không đến nỗi khó chịu lắm. Ngoài trời, gió thổi điên cuồng.

Bà cô tôi bắt đầu kể chuyện. Bà kể, kể mãi, tôi thấy sống lại thời thanh xuân của bà, ông chủ lò rượu bia và tất cả những kỷ niệm lâu năm của bà cô tôi.

Bà nhắc đến ngày tôi mọc chiếc răng đầu tiên và niềm vui của gia đình tôi lúc ấy.

Chiếc răng đầu tiên! Chiếc răng ngây thơ lóng lánh như một giọt sữa, chiếc răng sữa.

Rồi một chiếc nữa mọc, nhiều chiếc nữa, cả hàm răng trên và hàm dưới, những chiếc răng trẻ con xinh xắn. Tuy nhiên chúng cũng chỉ là những chiếc răng tiên phong, tạm thời, vì chúng chưa hẳn là những chiếc răng thật, những chiếc răng tồn tại suốt cuộc đời con người ta.

Sau đó mọc lên những chiếc răng khôn, như những cánh quân hai bên tả hữu hàm răng. Chúng ra đời giữa những cơn đau ghê gớm.

Rồi cái nọ theo cái kia mà rụng dần. Sống chưa chót đời, chúng đã vội rụng hết, rụng hết, rụng đến cái cuối cùng. Do đó, mặc dù tâm hồn vẫn còn trẻ trung, con người đã trở nên già cả.

Những ý nghĩ đó chẳng thích thú gì, nhưng đó là chủ đề câu chuyện của chúng tôi. Chúng tôi sống lại những năm còn trẻ trung, đến nửa đêm chúng tôi còn trò chuyện.

Rồi bà cô tôi sang buồng bên để nằm nghỉ.

- Chúc cháu ngủ ngon, - bà cô bảo tôi, - giờ thì bà sẽ ngủ như ở nhà vậy.

Nhưng trong nhà cũng như ở ngoài trời, chẳng được yên tĩnh. Giông tố vẫn gầm lên ngoài cửa kính, đập vào những móc sắt dài trên cửa làm reo lên cái chuông nhà láng giềng dưới sân. Người thuê nhà trên gác đã về. Ông ta làm một cuộc dạo chơi trên nhà, hết leo lên lại leo xuống trên thang gác. Khi đã khuya, nện đôi ủng chán chê rồi, ông ta đi ngủ, nhưng ông ta ngáy khỏe quá, đến nỗi cách trần nhà, người ta vẫn nghe thấy tiếng.

Riêng tôi, tôi không thể ngủ được. Giông tố mạnh quá chừng, không ngừng chút nào cả. Gió vừa thổi vừa gào lên. Hàm răng của tôi cũng gào lên theo cái kiểu của chúng. Chúng cất tiếng ca bản "nhức răng không chịu nổi".

Một làn gió ùa từ cửa sổ vào. Trăng khi mờ khi tỏ. Những đám mây bị bão cuốn đi làm mặt trăng lúc ẩn lúc hiện, tạo thành một cảnh tranh tối tranh sáng, cuối cùng, bóng tối ngày càng in rõ nét trên sàn nhà, có một vật gì đang ngọ nguậy trong bóng tối làm tôi rùng mình, lạnh toát người. Trên mặt đất hiện ra một hình thù lờ mờ và dài, có thể là hình người, nom như những nét bút chì nguệch ngoạc do một em bé vẽ trên tảng đá. Một vạch làm thân, một vạch làm hai tay và một vạch làm chân. Còn cái đầu là một hình đa giác.

Mỗi lúc bóng càng rõ hơn, trông như một người đàn bà mặc váy.

Tôi nghe có tiếng thầm thì. Không biết có phải bóng nói hay tiếng ruồi trâu vo ve ngoài cửa kính?

Nhưng không! Chính là bà Nhức răng, ngài Satan khủng khiếp của âm phủ! Lạy chúa phù hộ đừng để cho bà ta đến thăm chúng tôi!

- Chốn này thật là tuyệt, bà Nhức răng thì thào, đất tốt đáo để, lại lầy lội, tha hồ mà cấy sâu. Đàn muỗi với cái vòi có thuốc độc đã kéo nhau đến. Giờ thì đến lượt ta mài mũi dùi vào răng. Bộ răng của cái lão nằm trên giường kia sao mà trắng thế! Bộ răng ấy đã coi thường tất cả của chua, của ngọt, chất nóng, chất lạnh, vỏ hạt dẻ và hột mận. Nhưng ta có thể kìm kẹp chúng và thổi hơi lạnh vào lỗ chân răng làm cho chúng bị cảm hàn.

"Người là thi sĩ - mụ nói tiếp. Ta có thể đọc cho ngươi nghe tất cả những câu thơ mà người sáng tác về sự đau đớn. Ta muốn cho

ngươi hưởng cái cảm xúc khi sắt và thép xuyên qua người. Ta muốn làm rung lên tất cả những sợi thần kinh li ti của ngươi."

Lúc đó, hình như có người đâm một cái kim bỏng rẫy vào xương hàm tôi.

- Chà, cơn nhức răng tuyệt quá! - Mụ nói - Cứ như là một bản đại phong cầm! Thế là tuyệt vời! Lại có cả kèn, cả trống, cả tiếng địch rền vang của lũ răng khôn. Một bản nhạc như thế thật xứng đáng với một nhà thơ lớn!

Và mụ tiếp tục biểu diễn.

Mụ có bộ mặt trông rất kinh tởm. Chỉ trông thấy tay mụ thôi, đôi bàn tay xám xịt, lạnh ngắt, ngón dài ngoẵng, có ngón nhọn hoắt như mũi kim nhìn cũng đủ rợn người. Mỗi ngón là một hình cụ. Ngón cái và ngón trỏ là kim và khoan hình khù khoằm (Theo thợ máy, cái trục villebrequin gọi nôm là trục khù khoằm, hay còn gọi là trục long cốt (xương rồng)), đầu ngón giữa là một cái kìm, ngón đeo nhẫn là cái khoan xoắn, ngón út là một bình phun nọc muỗi độc.

- Ta sẽ dạy nhà ngươi tìm đề tài về thi ca - Mụ nói - Một nhà thơ lớn phải trải qua một cơn đau răng khủng khiếp, một nhà thơ nhỏ chỉ trải qua một cơn đau răng thường thôi cũng đủ nên thơ rồi.

Tôi van nài:

- Trời! Nếu vậy thì xin liệt tôi vào hạng nhỏ thôi. Tốt hơn cả là đừng liệt tôi vào hạng nào cả. Tôi chỉ có những lúc hứng lên mới làm thơ như người ta có những cơn đau răng mà thôi. Tôi không phải là người của mụ. Cút đi! Cút đi!

- Thế là ngươi đã công nhận ta mạnh hơn cả thi ca, triết học, toán học và âm nhạc chứ gì? Uy thế của ta lớn hơn cả lũ người được vẽ bằng sơn và tạc thành tượng. Ta nhiều tuổi hơn tất cả bọn chúng, ta sinh ra gần vườn thiên đường, ở phía ngoài, nơi gió thổi lồng lộng và cóc nhái lúc nhúc. Ta đã giúp bà Eve và ông Adam che thân thể, chống rét. Ngươi có thể tin rằng cơn đau răng đầu tiên cũng không phải là vừa.

- Vâng, tôi tin, tin hết. - Tôi đáp - Nhưng cút đi! Cút đi thôi!

- Được, ta sẽ đi nếu ngươi thôi đừng làm thơ nữa, đừng viết những vần thơ trên giấy, trong sổ tay và trên mặt bàn nữa. Nhưng nếu ngươi còn làm thơ là ta sẽ trở lại.

Tôi nói:

- Xin cam đoan như vậy, và tôi mong không gặp lại bà nữa.

- Ngươi sẽ gặp lại ta nhưng dưới hình dáng béo hơn một chút, đáng yêu hơn bây giờ. Người sẽ thấy ta hệt như bà cô Mille và ta sẽ bảo ngươi: “Hãy làm thơ đi cháu thân yêu của bà! Cháu là một nhà thơ vĩ đại, có thể là nhà thơ lớn nhất của chúng ta. Cháu hãy nghe lời bà và bắt đầu viết đi, bà sẽ phổ thơ cháu thành nhạc và đem dạo trên hàm răng của cháu.”

Nói rồi mụ biến đi.

Mụ từ biệt bằng một nhát kim đâm vào xương hàm. Nhưng cơn đau dịu đi rất nhanh, tôi tưởng như đang bơi trên một con sông êm đềm, hai bên bờ là những tàu lá rộng xanh mướt ngả ra, chìm xuống nước và cụp vào mở ra. Tôi chìm nghỉm theo chúng, ngụp trong cảnh bình yên và an nhàn.

Có tiếng hát vang:

- Chết đi! Tan ra như tuyết! Bốc thành hơi bay lên không gian như những đám mây!

Qua làn nước tôi đọc thấy những tên người sáng chói, những hàng chữ thêu trên cờ chiến thắng, một chứng thư cho sự bất tử khắc trên cánh một cơn vờ.

Tôi ngủ say, nhưng không mơ. Tôi chẳng còn nghe thấy tiếng gió rít, tiếng cửa đập, tiếng chuông nhà bên cạnh rung lên và tiếng giẫm chân nặng nề của người thuê nhà trên gác đang tập thể dục. Hạnh phúc thay!

Một luồng gió đẩy cánh cửa phòng bà cô Nhức răng. Bà thức dậy, đi giày tất, mặc quần áo và bước sang buồng tôi. Về sau bà kể lại rằng lúc ấy tôi đang ngủ say như một tiên đồng nên bà không dám

đánh thức tôi.

Tôi chợt tỉnh và mở choàng mắt ra. Tôi đã hoàn toàn quên rằng và đã ở lại đây, nhưng liền đó tôi sực nhớ ra ngay. Mơ và thật lẫn lộn với nhau.

- Từ lúc chia tay tối qua đến giờ cháu chưa viết được gì cả, - bà trách tôi. - Sao cháu lại không viết? Cháu là thi sĩ của bà, và sẽ mãi mãi là thi sĩ của bà!

Tôi cảm thấy cái mỉm cười của bà thật xảo quyệt. Tôi không rõ ràng rằng người ấy có phải là cô Mille yêu quý của tôi hay là cái nhà bà kinh tởm tôi đã gặp khi đêm và đã xin chừa không làm thơ nữa.

- Cháu yêu quý, cháu đã làm bài thơ nào chưa?

- Chưa! - Tôi hét lên - Bà chính là bà cô Mille đấy chứ?

- Chẳng phải bà thì ai? - Bà trả lời.

Đúng là bà cô Mille rồi. Bà ôm hôn tôi, rồi lên xe trở về nhà.

Tôi bèn viết câu chuyện mà bạn hiện đang đọc đây, không viết bằng thơ và chắc là không bao giờ được đem in.

Bản thảo đến đây là hết.

Người bạn trẻ của tôi, anh hàng thịt đáng kính không tìm đâu ra đoạn còn thiếu. Người ta đã dùng những tờ viết đoạn ấy để gói cá mắm, bơ và xà phòng đen.

Ngày nay, ông chủ lò nấu rượu bia, bà cô và anh sinh viên bất hạnh có những tư tưởng tuyệt vời bị quẳng vào sọt rác, đều đã khuất.

Người ta thường hay vất tất cả các thứ vào sọt rác mà!

Thế là hết truyện, truyện bà cô nhức răng.

BẦY CHIM THIÊN NGA

Ở nơi xa, xa đây lắm, nơi chim nhạn bay đến vào mùa thu, có một nhà vua có mười một con trai và một con gái tên là Liza. Mười một con trai trẻ tuổi ấy đều đeo thánh giá trên ngực và gươm bên mình. Ở trường, họ viết trên những tấm bảng bằng vàng với những con dao nhọn bằng kim cương, họ đọc thông và rất thuộc bài. Họ thật xứng đáng là những hoàng tử. Cô em út, nàng Liza, thường ngồi trên một chiếc ghế bằng thủy tinh, tay cầm một cuốn sách có nhiều tranh vẽ, riêng cuốn sách ấy cũng đáng giá bằng nửa giang sơn của bất cứ một vua chúa nào.

Họ sống rất sung sướng, nhưng chẳng được bao lâu.

Vua cha góa vợ. Ngài tục huyền với một bà hoàng hậu độc ác, bà chẳng yêu những đứa trẻ đáng thương kia chút nào, ngay từ ngày đầu, lũ trẻ đã cảm thấy như vậy.

Hôm ấy, ở lâu đài mở hội và lũ trẻ được tham dự. Nhưng thay vì bánh ngọt và táo nấu chín mà các hoàng tử và công chúa thường được ăn, hoàng hậu chỉ cho họ ăn cát và bảo rằng đối với họ như vậy là tốt lắm rồi

Tuần sau, mụ sai người dẫn cô bé đến ở trong một gia đình nông dân. Chỉ trong một thời gian ngắn, mụ đã tìm cách làm cho vua cha hết thương con và chẳng lưu ý gì đến họ nữa. Mụ ấy chính là một tay phù thủy.

Một hôm, mụ nói với mười một hoàng tử:

- Chúng mày hãy cút khỏi nơi đây, đi khắp thế gian mà kiếm ăn như những con chim đã đủ lông đủ cánh.

Nhưng mụ không thể làm hại họ như mụ mong ước vì họ đã biến thành một bầy thiên nga lộng lẫy, vừa bay qua vườn thượng uyển và cánh rừng gần đấy vừa cất lên những tiếng kỳ quái.

Đến sáng, bầy thiên nga bay qua túp lều, nơi công chúa Liza đang ngủ trên chiếc giường xinh xắn. Bầy thiên nga lượn trên mái nhà,

vươn cổ ra và vỗ cánh ầm lên, nhưng chẳng ai nhìn thấy và nghe thấy gì cả. Bầy thiên nga tiếp tục bay, bay tít trên cao giữa các tầng mây, mỗi lúc một xa.

Cả bầy bay về phía khu rừng âm u dọc bờ biển.

Cô bé Liza ở lại túp lều tranh. Chẳng có trò chơi gì khác, cô chơi với mấy chiếc lá xanh. Cô lấy kim chọc vào một lá và nhìn qua lỗ lên mặt trời. Cô tưởng tượng thấy những cặp mắt sáng ngời của các anh và mỗi lần ánh nắng rọi vào má, cô tưởng đó là những chiếc hôn nồng cháy của các anh cô.

Những ngày buồn bã lần lượt trôi qua. Khi gió thổi qua bụi hồng trước nhà, gió hỏi hồng:

- Còn ai đẹp hơn các bạn nữa không?

Cả khóm hồng vừa lắc lư vừa nói:

- Có chứ, có nàng Liza!

Chủ nhật, khi bà cụ nông dân ngồi đọc kinh trên ngưỡng cửa, gió đến giở các trang sách và hỏi:

- Còn có ai ngoan đạo hơn sách không?

- Có chứ, có nàng Liza! - Quyển sách đáp và hoa hồng cũng bảo là đúng như thế.

Khi lên mười lăm tuổi Liza được trở về cung vua. Nhưng khi hoàng hậu thấy nàng đã trở nên muôn phần xinh đẹp, mụ lại không nén nổi lòng tức giận. Mụ muốn biến nàng thành thiên nga, nhưng mụ không dám, vì đức vua muốn gặp mặt công chúa.

Sáng sớm hôm sau, hoàng hậu vào phòng tắm làm toàn bằng đá hoa, có nệm êm và thảm rực rỡ phủ khắp phòng. Mụ bắt ba con cóc, hôn chúng và bảo con thứ nhất:

- Cóc hãy nhảy lên đầu con Liza lúc nó vào tắm làm cho nó cũng sẽ đần độn như cóc.

Rồi mụ dặn con thứ hai:

- Cóc hãy bám vào trán nó, làm cho nó xấu xí như cóc để cha nó không nhận ra nó nữa.

Sau cùng, mụ nói với con thứ ba:

- Cóc hãy bám vào tim nó, gợi cho nó những ý nghĩ xấu để cho nó và những kẻ khác phải khổ sở.

Nói rồi, mụ thả ba con cóc vào nước làm nước biến ngay thành màu xanh ngắt, mụ gọi nàng Liza vào, cởi quần áo cho nàng và bắt nàng phải tắm. Khi Liza vừa bước vào bồn nước thì con cóc thứ nhất bám vào tóc nàng, con thứ hai bám vào trán nàng và con thứ ba bám vào ngực nàng.

Hình như Liza không biết gì cả và khi nàng bước ra khỏi bồn nước thì ba đóa hoa anh túc nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Nếu cóc không có nọc độc và mụ phù thủy không ôm hôn chúng thì chúng đã biến thành ba bông hồng. Tuy nhiên, chúng cũng đã biến thành hoa vì chúng đã bám vào đầu và tim nàng Liza. Vì nàng rất ngoan đạo và tâm hồn rất trong trắng nên ma thuật không thể làm gì được nàng.

Khi mụ hoàng hậu độc ác thấy thế mụ bèn lấy nhựa vỏ trái hồ đào sát vào người Liza làm cho nàng đen thui đi, mụ còn xoa thuốc mỡ thối vào mặt nàng và làm rối bù bộ tóc dài và đẹp của nàng. Không còn có thể nhận ra nàng Liza xinh đẹp nữa.

Khi vua cha nhìn thấy nàng, ngài khiếp sợ và tuyên bố rằng nàng không phải là con gái mình. Chẳng ai muốn nhận nàng, ngoài con chó giữ nhà và đàn chim nhạn, nhưng chúng chỉ là những con vật khốn nạn, có nói cũng chẳng ai thèm nghe.

Nàng Liza đáng thương khóc sướt mướt và nghĩ đến các anh nàng. Nàng buồn bã trốn khỏi cung vua, lang thang suốt ngày ngoài đồng và cuối cùng nàng đi tới một khu rừng lớn. Nàng chẳng biết rồi sẽ đi đến đâu nữa. Tuy nhiên, trong lúc buồn nản, nàng vẫn luôn luôn muốn đi tìm các anh nàng, giờ đây chắc hẳn cũng đang lang thang khắp thiên hạ như nàng.

Nàng vừa đi được vài bước trong rừng thì trời sắp tối. Nàng bị lạc và chẳng còn có thể tìm thấy đường nữa. Nàng nằm xuống đám

rêu, cầu kinh xong thì gối đầu lên một rễ cây.

Mọi vật im lìm. Không khí êm dịu. Quanh nàng, trong vòm lá, hàng trăm đom đóm lấp lánh nom như những đốm lửa xanh. Khi nàng lắc một cành cây thì trông thật giống như một trận mưa sao rơi xuống.

Suốt cả đêm nàng mơ tưởng đến các anh. Nàng mơ thấy nàng và các anh nàng đang chơi đùa lúc còn ấu thơ, viết lên những tấm bảng bằng vàng với những con dao nhọn bằng kim cương và xem cuốn sách có nhiều tranh vẽ đáng giá bằng nửa giang sơn của bất kỳ một vị vua chúa nào.

Nhưng trên bảng, họ không những chỉ viết những con số không hoặc gạch dưới những nét cổ mà còn viết những thành công của họ và tất cả những gì họ đã trông thấy hoặc đã xảy ra trong quãng đời phiêu bạt của họ.

Trong cuốn sách tất cả người và vật vẽ trong các tranh đều cử động. Chim ca hát. Người bước ra khỏi tranh để nói chuyện với Liza và các anh nàng. Mỗi lần người xem giở sang trang khác, người và vật trong tranh không bị xáo trộn.

Khi Liza tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao quá chân trời. Nàng không nhìn rõ mặt trời, vì những gốc cây lớn tỏa cành rậm rạp xuống đến tận đầu nàng. Nhưng những tia nắng cũng xuyên kẽ lá và lấp lánh như những đóa hoa bằng vàng.

Không khí ngát hương thơm. Chim ca hót và bay đến đậu trên vai nàng công chúa. Nàng nghe thấy tiếng nước róc rách, trên các dòng suối và đổ vào một cái đầm, cây lá xanh rờn bao quanh. Quanh đầm toàn là bụi cây rậm, nhưng có một quãng, hươu nai đi lại thành lõng nên Liza có thể theo đấy mà đến tận bờ đầm.

Nàng nhìn xuống. Nước trong vắt và từng chiếc lá in hình rất rõ trên mặt nước đến nỗi, nếu gió không làm rung cây, người ta có cảm tưởng như cành lá được họa lên trên đáy ao.

Chợt nhìn thấy bóng mình trong nước, nàng ghê sợ vì thấy mặt mày đen thui xấu quá đi mất. Nàng lấy bàn thay xinh xắn vốc nước vuốt lên mắt và lên trán, da dẻ nàng trở lại trắng trẻo như cũ.

Nàng cởi quần áo lội xuống nước. Chưa bao giờ có một nàng công chúa đẹp đến thế.

Sau khi mặc quần áo xong, nàng uống một ngụm nước suối, rồi đi sâu vào rừng thẳm, cũng chả biết là sẽ đi đến đâu cả.

Nàng tưởng nhớ đến các anh, đến Thượng Đế chí nhân. Chắc chắn là người sẽ không bao giờ bỏ rơi nàng. Người sinh ra những cây táo dại dành cho kẻ đói và nàng đã run rủi tìm được một cây trĩu quả. Nàng dừng lại ăn táo rồi lại lên đường.

Cảnh vật im phăng phắc đến nỗi nàng nghe thấy cả bước chân nàng đi và tiếng lá rào rạo dưới chân nàng.

Không có lấy một bóng chim. Không có lấy một tia sáng xuyên qua những cành cây to lớn rạm rạp. Nhìn xa những cây cao mọc sít vào nhau, như một hàng rào sắt.

Chưa bao giờ Liza thấy một cảnh tĩnh mịch như vậy.

Đêm đến, nàng càng lo ngại. Trong rêu chẳng có lấy một con đom đóm nào.

Nàng nấp vào một nơi để ngủ. Nàng mơ thấy vòm lá rẽ ra và Thượng Đế chí nhân đang nhìn nàng, các tiên đồng xinh xắn đáng yêu đang bay lượn trên đầu nàng.

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, nàng chẳng còn biết rằng đã nằm mơ hay đã chứng kiến một cảnh thật.

Nàng lại lên đường.

Đi được mấy phút nàng gặp một bà lão tay mang một giỏ đầy mận. Bà cho Liza mấy quả, nàng hỏi bà có thấy mười một hoàng tử qua cánh rừng không?

- Không - Bà cụ trả lời - Nhưng hôm qua ta đã trông thấy mười một con thiên nga, mỗi con đội một chiếc mũ miện bằng vàng, đỗ xuống bơi lội trên dòng suối gần đấy.

Bà đưa Liza đến một bờ suối. Những cành cây dài rậm lá hai bên bờ suối giao nhau thành một cái nôi trên mặt nước.

Liza chia tay bà cụ và đi men suối tới tận quãng suối đổ ra đại dương. Trước mắt nàng là biển cả mênh mông, xanh ngắt, không một cánh buồm, một bóng thuyền. Làm thế nào mà đi xa hơn nữa bây giờ?

Nàng ngắm những hòn đá cuội trên bờ bể, nhiều vô kể, nước biển đã mài tròn đi. Thủy tinh, sắt, đá, tất cả những vật gì trôi dạt đến đấy đều bị nước mài nhẵn thín, mịn như bàn tay của nàng công chúa.

- Đại dương - Nàng nghĩ thầm - đã đẩy mọi vật lăn không ngừng và cuối cùng trở nên trơn tru. Ta cũng muốn không bao giờ mệt mỏi. Làn sóng trong vắt! Ta hiểu sóng muốn dạy ta điều gì rồi. Một ngày kia nhất định ta sẽ tìm thấy các anh ta.

Nàng nhìn thấy giữa đám rong bể mười một chiếc lông thiên nga. Nàng lượm lấy, chắp thành một bó. Nhiều giọt nước lấp lánh trên lông. Chẳng hay đó là nước biển, hay là nước mắt?

Nàng đứng một mình trên bờ biển, nhưng không để ý đến điều đó, nàng mê mải ngắm nhìn cảnh biến đổi không ngừng của biển cả. Khi có một đám mây đen bay tới, biển như muốn bảo nàng:

- Coi chừng, ta sắp bực mình đây.

Khi gió nổi, sóng biển ngầu bọt lên. Khi mây đỏ sẫm lại, gió lặng xuống thì biển trông như một khối đá hoa màu hồng. Nước biển khi xanh, khi trắng, nhưng dù biển lặng đến đâu, lúc nào cũng có tiếng nước vỗ nhè nhẹ bên bờ. Nước nhẹ nhàng dâng lên hạ xuống như lồng ngực của một đứa trẻ đang ngủ.

Khi mặt trời lặn, Liza nhìn thấy ở chân trời hiện ra mười một con thiên nga lớn, lông trắng, đầu đội mũ miện bằng vàng, đang bay về phía đất liền.

Chúng bay nối đuôi nhau thành hình một dải trắng dài.

Nàng chạy đến một quãng bờ cao và nấp sau một bụi cây. Đàn thiên nga sà xuống gần nơi nàng và vỗ những bộ cánh rộng và trắng.

Khi mặt trời vừa lặn, bỗng lông chim rụng hết và Liza thấy hiện ra

mười một hoàng tử xinh đẹp, các anh nàng. Nàng reo to lên, mặc dù họ đã biến đổi nhiều, nhưng nàng cảm thấy ngay đấy chính là các anh nàng.

Nàng chạy lại ôm chầm lấy họ và tíu tít gọi tên từng người.

Khi họ nhận ra cô em út, giờ đã lớn và xinh đẹp hơn xưa, họ mừng quýnh lên. Họ vừa cười vừa khóc và thuật lại sự độc ác của mụ dì ghẻ.

Hoàng tử cả nói:

- Các anh bắt buộc phải bay lượn suốt ngày, chỉ được trở lại thành người khi mặt trời lặn, do đó các anh phải bay sát đất liền vào lúc gần tối. Nếu lúc ấy các anh còn bay trên cao thì các anh sẽ rơi xuống đất.

Đây không phải là nơi mà các anh ở, các anh ở bên kia biển có trong một xứ sở cũng đẹp như xứ sở này. Đường sang nơi ấy rất xa, phải vượt qua đại dương và nửa đường không có hòn đảo nào để có thể ngủ đỗ lại được. Ở chính giữa đại dương chỉ có một tảng đá mà các anh có thể chen chúc nhau mà nghỉ chân. Khi có thủy triều, nước dâng lên tận chỗ các anh đậu, tuy thế các anh vẫn đội ơn Thượng Đế đã đặt ở đấy một tảng đá để các anh có chỗ nghỉ đêm khi trở lại thành người. Không có tảng đá ấy, các anh không thể nào trở lại Tổ quốc, vì muốn vượt đại dương, mỗi năm các anh phải bay trong hai ngày, hai ngày dài nhất trong một năm. Mỗi năm một lần các anh được phép về đây và nghỉ lại mười một ngày. Lúc đó các anh bay lượn trên khu rừng lớn, các anh nhìn tòa lâu đài nơi chôn rau cắt rốn của chúng ta và nơi cha chúng ta đang ở, nhìn vào gác chuông nhà thờ cao vút, gần đấy là nơi mẹ thân yêu của chúng ta đang yên nghỉ. Nơi đây cây cối và bờ bụi đều là những người đốt than hát lên những bài hát cổ đã giúp cho chúng ta nhảy múa khi chúng ta còn bé. Hình như có cái gì thu hút các anh về chốn này, và cuối cùng các anh lại tìm thấy em, em gái bé nhỏ của các anh! Các anh còn ở đây hai ngày, rồi lại phải vượt biển để quay về xứ sở xinh đẹp, xa lạ kia. Hay là các anh đưa cả em đi. Nhưng các anh chẳng có tàu bè gì cả, biết làm thế nào?

- Em có thể làm cách nào cứu được các anh không? - Nàng Liza hỏi.

Và họ chuyện trò gần suốt đêm. Họ chỉ ngủ được trong giây lát. Bỗng có tiếng cánh chim đập trên đầu làm Liza tỉnh giấc. Đó là mười một hoàng tử lại biến thành thiên nga đang bay lượn vòng trên đầu nàng. Họ bay lên, bay cao mãi, rồi bay xa.

Nhưng một hoàng tử, cậu út, ở lại một mình bên em gái. Cậu rúc đầu vào lòng nàng, còn nàng thì vuốt ve bộ lông thiên nga của cậu. Họ ở bên nhau suốt cả ngày hôm ấy. Đến chiều các anh khác bay về và khi mặt trời vừa lặn, họ lại trở thành người.

Người anh cả nói:

- Ngày mai các anh phải đi và một năm nữa mới quay trở lại đây. Nhưng các anh không thể để em ở lại đây được. Em có can đảm đi theo các anh không? Cánh tay anh đã từng ẵm em qua rừng, cánh của tất cả các anh chắp lại chẳng lẽ lại không đủ sức để chở em qua bên kia biển cả hay sao?

Nàng út nói:

- Vâng, các anh đem em đi với.

Suốt đêm họ tết được một tấm lưới chắc chắn bằng cói và dây liễu. Liza nằm ngủ trên tấm lưới ấy và, khi mặt trời vừa hiện ra, các anh nàng đã biến thành thiên nga, dùng mỏ kéo lưới bay lên mây, mang theo nàng em gái đang ngủ rất bình thản.

Tia nắng rọi vào mắt nàng, một con thiên nga vội bay ngay lên phía trên, lấy bộ cánh rộng để che cho nàng ngủ. Khi Liza tỉnh giấc thì họ đã bay rất xa khỏi đất liền. Bay cao trên mặt biển như thế, nàng cảm thấy đang sống một giấc mơ kì diệu.

Bên cạnh nàng có một cành cây có quả và một bó rễ cây ăn được. Đó là hoàng tử út đã chăm lo đến việc ấy cho nàng. Nàng mỉm cười như để cảm ơn anh. Nàng nhận ra anh rất rõ, chính hoàng tử út lúc nãy đã bay trên lưới che nắng.

Lúc này họ bay cao đến nỗi chiếc tàu đầu tiên mà họ trông thấy giống như một con chim hải âu đậu trên mặt nước. Đằng sau họ có một đám mây lớn tựa như trái núi, nàng nom thấy bóng nàng và các hoàng tử rọi vào đám mây. Chưa bao giờ nàng thấy cảnh đẹp

như vậy. Nhưng mặt trời càng lên cao, mây càng xa đi thì bóng cũng biến theo.

Họ bay suốt ngày không ngừng, như một mũi tên rít trong không gian. Nhưng họ bay chậm hơn thường ngày một chút vì còn phải khiêng cô em gái. Thời tiết bỗng xấu đi và trời đã sắp tối. Liza lo lắng thấy vầng thái dương lặn xuống chân trời mà không hề thấy tảng đá nào nhô lên mặt biển. Nàng cảm thấy đàn thiên nga vỗ cánh mạnh hơn.

Trời! Nàng thầm nghĩ, nếu các anh ta không bay kịp đến nơi! Chính là lỗi tại ta rồi. Khi mặt trời lặn, các anh sẽ biến thành người và sẽ rơi tõm xuống biển chết đuối mất.

Tự đáy lòng nàng cầu khẩn xin Thượng Đế cứu giúp. Nhưng họ vẫn chưa nhìn thấy tảng đá. Mây đen kéo đến, gió thổi mạnh báo hiệu một con giống tố. Mây tụ thành một đám xám xịt như chì. Chớp lóe liên hồi.

Mặt trời đã xuống tới mặt biển. Nàng Liza cảm thấy trái tim tan vỡ. Có lúc đàn thiên nga chao xuống rất nhanh làm nàng tưởng như đang rơi xuống biển. Nhưng không, đàn thiên nga đã lượn lên. Mặt trời chìm một nửa xuống nước thì nàng thấy ngay hòn đảo bên dưới. Trông nó không lớn hơn một con hải cẩu đang thò đầu lên trên mặt nước.

Mặt trời lặn nhanh, chỉ còn lại một dải sáng và mỏng ở phía chân trời khi nàng đặt chân lên tảng đá. Rồi ánh mặt trời vụt tắt như mảnh giấy cháy rụi.

Mười một hoàng tử và Liza chen chúc nhau trên tảng đá, chỉ vừa đủ chỗ cho họ đặt chân. Sóng biển cao, vượt qua cả đầu họ. Trời sáng lóe lên như rực cháy và sấm sét nổ ran không ngớt. Nhưng mười hai anh em cầm tay nhau và hát những bài kinh nguyện để lòng thêm can đảm.

Sáng ra, không khí trong sạch và mát mẻ. Mặt trời vừa ló lên, đàn thiên nga lại cùng nàng Liza bay đi. Biển vẫn còn động. Từ trên cao nhìn xuống ngọn sóng xanh sẫm ngầu bọt họ cảm thấy như hàng triệu con thiên nga đang rập rờn trên mặt nước.

Khi mặt trời lên cao hơn nữa, nàng Liza nhìn ra phía trước thấy trong không gian một dải đất toàn là núi non với những tảng băng lóng lánh. Nàng trông thấy một tòa lâu đài vĩ đại có những hàng cột chồng chất lên nhau bao quanh. Phía sau là một khu rừng sồi và rất nhiều vườn hoa. Liza hỏi các anh có phải đấy là nơi mà các anh định đến không, nhưng đàn thiên nga lắc đầu.

Cảnh vật mà nàng trông thấy là tòa lâu đài tráng lệ, hình dáng luôn luôn thay đổi của bà tiên Morgan. Không một người nào có thể vào đấy được. Liza mải ngắm phong cảnh tuyệt vời ấy, bỗng núi non, lâu đài, cây cối biến đi tất cả, và thay vào đó là hai mươi tòa nhà thờ hiên ngang, giống nhau như hệt, tòa nhà nào cũng có chòi cao và gác chuông tráng lệ.

Liza tưởng như nghe thấy tiếng đại phong cầm, nhưng đó chỉ là tiếng thì thầm của biển cả. Nàng đang bay sát vào các nhà thờ bỗng các công trình ấy biến ngay thành một đoàn thuyền vĩ đại căng buồm lướt sóng rất nhanh rồi biến mất.

Những cảnh huyền ảo cứ như thế hiện ra suốt cuộc hành trình cho đến lúc họ nhìn thấy dải đất họ định bay tới. Nơi đó sừng sững những ngọn núi xanh lam cao ngất với những khu rừng đầy cây bá hương, những tòa lâu đài và nhiều thành phố. Trước khi mặt trời lặn rất lâu, Liza đã được đặt xuống một tảng đá, ngay cửa một cái hang, nền đất phủ đầy dây leo như một tấm thảm tuyệt đẹp.

- Đêm nay em ước sẽ mơ thấy gì? - Hoàng tử út vừa hỏi vừa chỉ cho cô em gái phòng ngủ của nàng.

- Em cầu xin Thượng Đế cho em mơ thấy phép giải thoát cho các anh - Liza đáp.

Ý nghĩ ấy không phút nào rời nàng cả. Nàng cầu xin Thượng Đế cứu giúp nàng. Khi đã ngủ thiếp đi, nàng vẫn cầu nguyện. Nàng mơ thấy như lại bay qua trong không gian, tới lâu đài bà tiên Morgan và bà ta tiến đến trước mặt nàng, đẹp một cách lộng lẫy, giống hệt như bà tiên đã cho nàng mấy quả mận và kể chuyện đàn thiên nga đội mũ miện cho nàng nghe khi nàng đi tới khu rừng.

- Các anh con có thể giải thoát được - Bà tiên nói - Nhưng liệu con có đủ can đảm và bền gan để cứu các anh con không? Nước còn

mềm hơn đôi bàn tay thanh nhã của con, nhưng nước chảy đá cứng nhất cũng phải mòn. Có điều là nước sẽ không cảm thấy đau đớn như đôi bàn tay con sẽ phải chịu đựng. Nước không có tim nên không biết đau đớn như con. Con sẽ gặp nhiều nỗi gian nguy, con có thấy cành tầm ma ta cầm trong tay không? Quanh cái hang con đang ngủ, tầm ma mọc nhiều lắm. Nhưng chỉ có loài tầm ma này và loài tầm ma mọc ở nghĩa địa mới dùng được, con chớ nên quên điều đó. Con phải đi hái cây ấy về và con sẽ bị phồng tay lên, đau đớn vô cùng. Con hãy lấy chân giẫm nát cây ra và sẽ được một loại sợi gai mà con sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay. Dệt xong con quàng áo lên mười một con thiên nga, và như vậy là phép ma sẽ tiêu tan. Nhưng con phải nhớ rằng từ lúc bắt đầu dệt cho đến khi dệt xong con không được nói một câu. Dù phải dệt bao nhiêu năm con cũng không được nói. Nếu con chỉ nói một tiếng thôi thì tiếng nói đó sẽ như một nhát dao đâm xuyên tim các anh con. Như vậy là tính mạng các anh con treo ở đầu lưỡi của con đó.

Bà tiên đặt cành tầm ma vào tay nàng Liza và bàn tay nàng đau như bị bỏng. Nàng bừng tỉnh. Trời đã sáng rõ, bên nàng là cành tầm ma nàng đã mơ thấy. Nàng quỳ xuống tạ ơn Thượng Đế và ra khỏi hang, bắt đầu làm việc để cứu các anh.

Nàng hăm hở bẻ cây tầm ma, tay nàng cháy bỏng lên. Chẳng mấy lúc hai cánh tay nàng bị phồng cả lên. Nhưng nàng thản nhiên chịu đựng đau đớn, miễn là giải thoát cho các anh. Nàng lấy chân không giẫm nát cây tầm ma và bắt đầu dệt những chiếc áo xanh thẫm.

Khi mặt trời bắt đầu lặn, các anh nàng trở về. Họ rất sợ hãi khi thấy nàng bị câm. Lúc đầu họ tưởng rằng đó lại là phép ma mới của mụ dì ghẻ độc ác, nhưng khi trông thấy hai bàn tay cô em, họ hiểu ngay rằng nàng đang làm việc cho họ. Người anh trẻ nhất òa lên khóc, nước mắt nhỏ xuống làm mất ngay những chỗ phồng da và Liza không thấy đau đớn gì nữa.

Nàng thức suốt đêm để dệt áo, nàng không muốn nghỉ ngơi trước khi giải thoát được cho các anh nàng. Cả ngày hôm sau nàng ngồi một mình trong lúc đàn thiên nga bay đi, nhưng nàng chẳng hề thấy ngày dài nữa, nàng dệt xong một cái áo và bắt đầu dệt sang tấm thứ hai.

Bỗng có tiếng tù và của người đi săn vang lên trong núi. Tiếng tù và nghe càng gần, nàng càng lo sợ. Nàng chợt nghe thấy tiếng chó sủa, nàng hốt hoảng trốn vào trong hoang. Nàng quấn chiếc áo đã dệt thành một bọc và ngồi lên trên. Bỗng một con chó to chạy đến, theo sau cả đàn chó săn. Một lát sau, tất cả những người đi săn đã tụ tập ở cửa hang.

Đây là một cuộc săn bắn của nhà vua trị vì xứ này. Nhà vua tiến thẳng về phía nàng Liza. Chưa bao giờ ngài thấy một thiếu nữ xinh đẹp như thế. Ngài hỏi nàng:

- Làm sao mà nàng lại tới chốn này, hỡi cô bé kiều diễm kia?

Liza chỉ lắc đầu, vì cần phải giữ miệng để cứu lấy tính mạng của các anh nàng. Cùng lúc ấy nàng giấu đôi tay xuống dưới vạt áo để nhà vua không nhìn thấy đôi tay bị phồng lên.

- Nàng hãy đi theo ta - nhà vua phán - Nàng không thể ở đây được. Nếu nàng vừa đẹp người lại đẹp nết, nàng sẽ bận xiêm y may toàn bằng nhung lụa và ta sẽ ban cho nàng một chiếc mũ miện bằng vàng. Nàng sẽ ở lại trong cung điện.

Rồi nhà vua đặt nàng lên yên ngựa. Nàng chắp đôi tay lại, khóc lóc, nhưng nhà vua khẽ bảo nàng:

- Ta không muốn làm hại nàng đâu, một ngày kia nàng sẽ cảm ơn ta.

Nói rồi nhà vua ôm nàng ngồi phía trước, phóng ngựa qua núi, cả đoàn người đi săn theo sau.

Đến sẩm tối họ về đến kinh thành. Nhà vua đưa nàng Liza vào cung.

Trong những gian phòng rộng bằng đá hoa có những vòi nước chảy rất kỳ diệu, tường nhà treo đầy chân dung. Nhưng nàng chẳng chú ý đến vật gì cả, nàng chỉ than vãn, khóc lóc. Nàng lơ đãng, kệ cho các cung nữ mặc cho nàng những bộ quần áo lộng lẫy, đính ngọc trai vào mái tóc nàng và đeo găng vào đôi tay cháy xém của nàng.

Phục sức như vậy nàng lại càng xinh đẹp bội phần đến nỗi cả triều

đình phải cúi rạp trước sắc đẹp của nàng.

Mặc cho vị giáo chủ lắc đầu phản đối và quả quyết rằng cô gái người rừng này hẳn là một mụ phù thủy, có đôi mắt đốt cháy và làm đảo điên trái tim của nhà vua, ngài vẫn tuyên bố rằng nàng là vị hôn thê của ngài.

Một đại hội được tổ chức, các cô thiếu nữ diễm lệ nhất trong nước nhảy múa những bản vũ đẹp nhất. Nhưng trong ánh mắt và đôi môi của nàng Liza không thấy hiện ra lấy một nụ cười và chỉ thấy vẻ đau đớn buồn phiền.

Nhà vua mở cả một phòng ngủ dành cho nàng. Phòng được căng toàn thảm xanh biếc, loại rất quý, trông hệt như khung cảnh cái động trong đó nhà vua đã gặp nàng. Trên sàn nhà là bó cây tầm ma nàng dùng để dệt áo và trên trần nhà treo chiếc áo đã dệt xong. Một người trong đoàn đi săn thấy lạ đã mang các thứ đó về.

Nhà vua nói:

- Ở như thế này em sẽ có thể tưởng tượng như đang ở chốn cũ của em. Có cả những thứ em trìu mến hoặc thường dùng trước đây. Với những vật ấy, giữa cảnh xa hoa em vẫn có thể sống bằng trí tưởng tượng cuộc đời trước đây.

Khi nàng Liza nhìn thấy những thứ mà trái tim nàng tha thiết mong muốn thấy, môi nàng nở một nụ cười và da mặt lại hồng hào tươi tắn lên.

Nàng nghĩ đến tính mạng của các anh và cúi xuống hôn tay nhà vua. Ngài ôm nàng vào ngực và truyền lệnh rung chuông nhà thờ liên hồi để báo tin ngài làm lễ thành hôn. Thế là cô gái câm trở thành hoàng hậu.

Giáo chủ thầm thì vào tai nhà vua không biết bao nhiêu lời sàm tấu, nhưng những lời đó không lay chuyển nổi ý định của nhà vua và lễ cưới vẫn cứ bắt đầu. Giáo chủ phải đích thân đặt mũ miện lên đầu nàng Liza. Lão ta độc ác, ấn sụp mũ miện xuống trán nàng, làm cho nàng bị đau ở đầu. Nhưng nàng vẫn cứ trơ ra, không còn thấy đau đớn về thể xác nữa, tim nàng còn đau hơn thế vì chưa giải thoát được các anh nàng.

Nàng vẫn câm, vì chỉ một lời thôi cũng có thể giết chết các anh nàng. Nàng chỉ biết dùng đôi mắt để tỏ lòng biết ơn nhà vua nhân đức đã tìm hết cách để an ủi nàng. Càng ngày nàng càng yêu nhà vua và trong thâm tâm nàng cũng muốn gửi gắm nhà vua nỗi đau khổ của nàng, nhưng nàng không thể nói lên được. Đêm nào cũng vậy nàng lại vào trong gian phòng xinh xắn, trang hoàng hệt như hang đá cũ, và tiếp tục dệt hết chiếc áo này sang chiếc khác. Dệt đến chiếc thứ 7 thì hết sợi gai tầm ma.

Nàng biết rằng giống tầm ma chỉ mọc ở nghĩa địa thôi và phải đích thân nàng đi hái mới được.

- Làm sao mà ra nghĩa địa được bây giờ? - Nàng nghĩ thầm - Ôi! Tay ta có đau đớn đến mấy cũng không thể so sánh với nỗi đau đang đè nặng tim ta! Ta muốn hy sinh tất cả cho các anh ta. Thượng Đế sẽ phù hộ cho ta.

Run rẩy như đang làm một việc xấu xa, một đem sáng trăng, nàng xuống vườn, đi theo con đường lớn, qua các phố vắng ngắt tới gần nghĩa địa. Ở đấy nàng thấy những mụ phù thủy già khọm và kinh tởm đang ngồi quây tròn trên nấm mồ lớn nhất. Chúng quẳng tất cả quần áo đi như sắp sửa tắm và dùng những ngón tay gầy guộc, dài ngoẵng để bới những ngôi mộ mới. Liza phải đi ngang qua chỗ chúng và chúng quắm quặm nhìn nàng. Nhưng nàng vẫn lẩm nhẩm đọc kinh. Nàng hái ít cây tầm ma, rồi trở về cung vua.

Chỉ có một người nom thấy nàng ra nghĩa địa. Đó là lão giáo chủ. Trong lúc mọi người đã ngủ, chỉ có lão còn thức. Lão cho rằng lão đã đoán rất đúng về những hành vi khả nghi của hoàng hậu. Theo lão, chính hoàng hậu là một mụ phù thủy đã mê hoặc nhà vua và toàn thể thần dân.

Hôm sau, lão kể với đức vua chuyện xảy ra đêm trước. Nhưng trong lúc lão kể, những pho tượng quanh đó đều lắc đầu như muốn nói: “Nàng Liza vô tội!” Lão giáo chủ lại xuyên tạc ngụ ý của những cái lắc đầu ấy và nói rằng các pho tượng đang kết tội hoàng hậu. Thế là hai giọt nước mắt lăn dài trên má nhà vua và ngài trở về cung, mang theo một mối nghi ngờ khinh khủng trong lòng. Đêm sau, ngài giả vờ ngủ và trông thấy nàng Liza đi ra như vậy và lần nào nhà vua cũng theo dõi nàng cho đến khi nàng trở về cung.

Càng ngày nhà vua càng trở nên lầm lì, nàng Liza cũng không hiểu vì sao. Đó lại thêm một nỗi buồn cho nàng, nhưng mối lo âu lớn nhất vẫn là việc giải thoát cho các anh nàng. Những hạt lệ của nàng tuôn trên nệm gấm, chăn nhung của hoàng gia như những hạt kim cương lóng lánh, tuy thế ai thấy nàng cũng vẫn ganh tỵ về sắc đẹp của nàng.

Công việc của nàng cũng đã gần xong. Nàng chỉ còn phải dệt một chiếc áo nữa thôi, nhưng sợi cây tầm ma lại hết. Nàng lại phải ra ngoài một lần nữa để hái vài nắm. Nghĩ đến việc đi đêm hôm và những mụ phù thủy ghê tởm, nàng rùng mình nhưng ý muốn của nàng không gì lay chuyển được và nàng cũng rất mực tin tưởng vào Thượng Đế. Nàng lại ra nghĩa địa. Nhà vua và giáo chủ theo gót nàng, họ thấy nàng đi vào cửa nghĩa địa rồi biến mất. Vào gần tới nơi họ mới nhìn thấy lũ phù thủy ngồi trên một ngôi mộ. Nhà vua chạy về, ngài đã tưởng tượng trong đám phù thủy ấy có con người mà tối tối ngài ấp đầu vào ngực.

- Dân chúng sẽ xét xử - Ngài phán quyết như vậy.

Dân chúng kết tội hoàng hậu phải chết thiêu.

Từ gian phòng huy hoàng, nàng bị dong đến ngục kín, gió rít qua những chấn song cửa sổ bằng sắt. Thay vào nhung lụa, người ta cho nàng bó tầm ma nàng đã hái về, để gối đầu. Những tấm áo thô, còn đầy gai, dệt bằng sợi tầm ma, được trải làm giường nằm. Gai đâm vào người nàng bỏng ran, nhưng nàng lại lấy làm thích thú. Nàng lại bắt tay ngay vào việc và tạ ơn Thượng Đế. Ngoài phố, trẻ con hát những bài hát nguyền rủa nàng. Chẳng có ai an ủi nàng lấy một câu.

Chiều đến một con thiên nga bay đến đậu vào cửa sổ.

Đó là hoàng tử út đã tìm thấy tung tích của nàng. Nàng thấy sung sướng vô cùng, mặc dù nàng biết rằng mai sẽ là đêm cuối của đời nàng. Chả là công việc của nàng đã gần xong và các anh nàng cũng không xa nàng mấy. Giáo chủ đến để làm phép rửa tội cho nàng, nhà vua đã lệnh cho lão làm việc ấy. Liza lắc đầu và làm hiệu bảo lão hãy để cho nàng yên. Ngay đêm ấy nàng phải hoàn thành công việc của nàng, nếu không bao nhiêu đau buồn, nước mắt và bao đêm mất ngủ cũng trở thành vô ích.

Giáo chủ vừa đi ra vừa càu nhàu, nhưng nàng biết mình vô tội.

Đàn chuột nhắt lon ton trên sàn nhà và gỡ sợi tầm ma giúp nàng. Một con họa mi đậu trên cửa sổ hót suốt đêm để khuyến khích nàng.

Trước khi mặt trời mọc mười một hoàng tử anh nàng vào cung xin được yết kiến nhà vua. Người ta bảo họ rằng không được, vì trời chưa sáng và không thể đánh thức nhà vua dậy lúc này được. Các hoàng tử van nài chán rồi dọa dẫm. Đội cấm binh kéo đến, nhà vua cũng thân chinh ra hỏi tại sao lại làm ầm ĩ lên như vậy. Vừa lúc ấy mặt trời ló lên, các hoàng tử chẳng còn đấy nữa, người ta chỉ thấy mười một con thiên nga đội mũ miện vàng đang bay lượn trên hoàng cung.

Nhân dân kéo đến ngoài cổng thành để xem thiêu mụ phù thủy. Người ra đã bắt nàng Liza mặc áo vải thô. Bộ tóc dài xõa xuống khuôn mặt xinh đẹp của nàng, đôi má nàng tái nhợt như da người chết, đôi môi nàng như cầu nguyện trong lúc đôi tay vẫn tiếp tục may vá. Ngay trên đường đi đến chỗ chết thiêu, nàng vẫn không ngừng may áo vì nàng đã dệt và may xong mười chiếc, chỉ còn chiếc thứ mười một nữa, nên nàng ráng hết sức may cho xong trước giờ chết thiêu.

- Kìa, trông mụ phù thủy kìa! Nhìn xem nó đang lẩm nhẩm cái gì trong mồm kia! Nó chẳng có lấy một cuốn thánh kinh trong tay! Phải xé tan làm muôn mảnh cái bọc quái quỷ nó cặp kè bên mình kia!

Mọi người xô đẩy nhau và sắp sửa giành lấy bọc áo, bỗng mười một con thiên nga bay tới.

Chúng đậu xung quanh nàng và vỗ những bộ cánh dài và rộng.

Đám đông kinh ngạc, lùi lại:

- Đó là điềm trời đấy, chắc hẳn cô ta vô tội - Nhiều người thì thào.

Đao phủ đã nắm lấy tay Liza. Nàng vội vã tung mười một chiếc áo lên đàn thiên nga, chúng biến ngay thành mười một hoàng tử trẻ măng. Riêng hoàng tử út còn lại một cánh thiên nga thay cánh tay,

vì một chiếc áo chưa may xong, còn thiếu một tay.

- Giờ thì tôi đã nói được rồi! - Liza reo lên - Tôi vô tội!

Nhân dân thấy thế vội quỳ xuống trước mặt nàng như trước một nữ thánh. Nhưng nàng đã ngã lăn ra, ngất đi trong tay các anh nàng, vì làm việc nhiều, lo lắng nhiều và đau đớn nhiều, nàng đã kiệt sức.

- Đúng thế, em chúng tôi vô tội! - Hoàng tử tuyên bố.

Và hoàng tử kể lại đầu đuôi câu chuyện. Trong khi hoàng tử kể chuyện, một mùi hương tỏa ra như có hàng triệu đóa hoa hồng ở đâu đấy. Đó là những thanh củi trên giàn thiêu đã bén rễ mọc thành hoa lá.

Lúc này, giàn thiêu đã biến thành một khóm hoa hồng, trên cùng là một đóa hồng bạch, lóng lánh như một ngôi sao. Nhà vua hái lấy bông hoa cài vào ngực Liza, nàng tỉnh dậy, lòng đầy vui sướng và hạnh phúc. Bỗng nhiên, tất cả chuông nhà thờ không ai giật đều rung lên cả. Chim chóc kéo tới hàng đàn và trong cung vua mở một ngày hội lớn, chưa từng có từ trước tới nay.

ĐỨA TRẺ TRONG MỒ

Tang tóc và buồn phiền tràn ngập nhà cửa và tâm can của mọi người: đứa con út, một em bé vừa đầy bốn tuổi, niềm vui và niềm hy vọng của cha mẹ em, vừa chết. Họ chỉ còn lại hai đứa con gái xinh đẹp và đáng yêu, nhưng em bé vừa mất đi vẫn là đứa yêu quý nhất vì nó bé bỏng nhất và là đứa con trai độc nhất.

Thật là một sự đau thương vô hạn! Các cô chị thương em, lòng đau đớn như như tất cả các cô chị dịu hiền và nhỏ tuổi khác. Vẻ mặt buồn rầu của bố mẹ lại càng làm cho các em đau khổ. Ông bố thờ thẫn cả người, nhưng bà mẹ là người đau khổ nhất trong cảnh tang tóc này. Bà đã theo thức ngày đêm bên giường con, săn sóc, vuốt ve nó. Bà đã cảm thấy thấm thía rằng con bà là một phần xương thịt của bà. Bà không thể nào ngờ được rằng nó sẽ chết, và người ta sẽ cho nó vào một chiếc quan tài, đặt nó yên nghỉ trong một nấm mồ lạnh lẽo.

Bà vẫn luôn tin chắc rằng Thượng Đế không nỡ đánh mất đứa con yêu quý của bà đi. Cho đến phút cuối cùng, lúc không còn hy vọng gì nữa, lúc bà biết rằng đã mất hẳn đứa con yêu quý, bà kêu lên, lòng chua xót:

- Chắc Thượng Đế không biết gì về việc này đâu! Trên trái đất này còn có những đồ đệ của Người, những kẻ vô lương tâm đã hoạt động theo sở thích riêng, không đếm xỉa đến lời van xin của một bà mẹ.

Trong lúc quá đau buồn, bà đã không tin tưởng vào Thượng Đế nữa, bà cảm thấy ý nghĩ của bà tối tăm hẳn đi: “Cái chết là vĩnh cửu, bà nghĩ, một khi đã nằm dưới đất, con người sẽ biến thành đất và thế là hết.” Và thế là bà chẳng còn chỗ nào dựa dẫm trong cơn hoạn nạn, chẳng còn nguồn an ủi nào, bà hoàn toàn bị vùi dập trong tuyệt vọng.

Bà không khóc lóc nữa, chẳng còn để ý đến hai đứa con gái đang âu yếm quấn quít bên mình bà. Chồng bà đang nức nở bên cạnh, bà cũng chẳng nghe, chẳng trông thấy. Con người bà hoàn toàn bị thu hút bởi cái chết của đứa con nhỏ, bà nhớ lại những dáng điệu

thơ ngây đáng yêu của nó, bà tưởng như nghe thấy tiếng nói êm dịu, những lời nói nực cười của nó.

Ngày đưa ma đã đến. Kiệt sức vì đã thức nhiều đêm vì đau buồn, bà mẹ ngủ thiếp đi vào lúc gần sáng, bên cạnh chiếc áo quan của con bà. Người nhà vội vã nâng nhẹ cỗ quan tài, mang sang gian buồng xa nhất để bà khỏi nghe thấy tiếng búa đóng đinh vào nắp hòm.

Khi chợt tỉnh giấc bà đòi nhìn mặt con bà lần cuối cùng. Chồng bà bảo:

- Quan tài đã đóng nắp rồi. Tất nhiên là phải làm thế.

- Ôi! Thượng Đế đã cay nghiệt với tôi thì làm sao mà con người có thể tốt với tôi được? - Bà vừa nói vừa nức nở.

Cỗ quan tài được đem ra nghĩa địa: bà mẹ ở lại nhà với hai cô con gái. Mắt bà nhìn con mà như chẳng trông thấy gì. Bà chìm đắm trong buồn phiền, chẳng làm được việc gì cả, sống như một cái máy. Tâm trí bà không ngừng bay bổng hết chỗ này sang chỗ khác như một con thuyền phó mặc cho gió đẩy đi khắp bốn phương.

Ngày đưa ma đã qua như thế, tiếp đó vẫn là một chuỗi ngày sầu não và buồn tẻ. Chồng con bà đau lòng, nước mắt chảy quanh, nhìn bà mẹ tội nghiệp và tìm lời an ủi bà, nhưng bà cũng chẳng nguôi, vả lại chồng con bà biết nói gì với bà? Chính họ cũng đau khổ như bà? Chính họ cũng đang đau khổ như bà.

Chỉ có giấc ngủ là có thể đem lại cho bà một lát nghỉ ngơi, nhưng bà không ngủ được. Cuối cùng cả nhà xúm lại khuyên can, giục bà đi ngủ. Bà nằm xuống chẳng nói một lời. Một đêm chồng bà lắng nghe hơi thở của bà, tưởng bà đã ngủ, thầm cảm ơn Thượng Đế đã rủ lòng làm dịu cơn đau khổ và ông cũng quên được ưu phiền trong một giấc ngủ vài giờ.

Ông không nghe thấy tiếng vợ ông thức giấc, và vội vã mặc quần áo: bà lẻn ra khỏi nhà và đi về nơi ngày đêm lôi cuốn tâm trí bà, nơi chôn con bà.

Bà đi qua vườn, tới cánh đồng có con đường mòn dẫn tới nghĩa

địa. Đường vắng ngắt. Vả lại có ai gặp bà cũng không biết nữa, vì mắt bà chỉ chăm chú nhìn vào một mục tiêu: hàng cây ở nghĩa địa phía trước.

Đêm ấy vào cuối mùa hạ, trời cao rất đẹp, khí trời ấm áp. Bà bước vào nghĩa địa, đi thẳng về nấm mộ con bà, trông như một khóm đầy hoa thơm ngát. Bà quỳ xuống, gục đầu trên mộ con trai bé bỏng của bà. Và rõ ràng là bà nhìn thấy mặt nó với nụ cười xinh tươi như tiên đồng, với đôi mắt dịu hiền, âu yếm, hệt như lúc nó chết đi lúc bà cầm lấy bàn tay cứng đờ của nó. Lúc bà ngồi đầu giường con bà như thế nào thì bây giờ bà ngồi bên mộ nó như vậy. Chỉ có cái khác là ở nơi đây bà để mặc cho đôi hàng lệ chảy ròng ròng, đã ráng đôi hàng lệ mà trước kia bà hết sức ngăn lại để khỏi làm phiền lòng đứa con sắp chết.

- Hẳn bà muốn xuống dưới ấy với con bà phải không?

Ngay gần bà có tiếng nói trầm trầm, nhưng nghe sâu thẳm, rõ ràng và trong trẻo, vang đến tận trái tim bà. Bà giật mình đứng dậy và thấy một người khoác áo choàng đen, mũ vải trùm đầu. Vẻ mặt người ấy nghiêm nghị, nhưng có thể tin cậy được, đôi mắt trong sáng ánh lên.

- Xuống với con tôi à? - Bà reo lên - Trời! Nếu người có thể đưa tôi đến với nó, tôi xin đi theo người ngay.

- Hãy nghĩ cho kỹ đi, - người kia đáp. - Bà cảm thấy đất dưới chân thụt xuống. Người kia cởi áo khoác trùm lên người bà. Tối đen như mực. Bà thụt sâu mãi xuống lớp đất mà một người đào mộ chẳng bao giờ có thể thọc lưỡi mai tới.

Chợt tấm áo choàng rơi xuống, bà thấy mình đang ở trong một gian phòng rộng, uy nghi, lộng lẫy. Trong phòng tràn ngập một luồng ánh sáng êm dịu như ánh hoàng hôn. Bỗng bà cảm thấy trên cánh tay, áp chặt vào tim bà, cậu con trai yêu quý đang mỉm cười với bà, trông xinh đẹp hơn trước. Bà reo lên vui sướng. Tiếng reo của bà không có tiếng vọng trên vòm nhà, lúc ấy đang vang lên một điệu nhạc lúc trầm, lúc bổng, làm dịu hẳn cơn đau khổ của bà. Chưa bao giờ bà được nghe những âm thanh như thế. Những âm thanh vẳng ra từ sau tấm màn rộng lớn và nặng trĩu ngăn cách với khoảng không vô tận.

- Mẹ dịu hiền, yêu quý của con ơi! - Đứa bé cất tiếng gọi.

Bà ôm con hôn lấy hôn để, lòng tràn ngập một niềm vui sướng vô tận.

Con bà chỉ vào tấm màn mà nói:

- Mẹ ơi! Ở sau tấm màn này, cuộc đời đẹp hơn hẳn ở trái đất. Kìa mẹ! Mẹ trông các thấy các bạn đáng yêu của con không? Chúng con rất sung sướng mẹ ạ!

Bà mẹ nhìn theo, nhưng chả thấy gì cả, vì bà là người trần, trên không thể thấy được.

- Bây giờ con đã biết bay, mẹ ạ! - Đứa bé nói tiếp. - Con đã cùng với các bạn bay lên tận Thiên đàng kia mẹ ạ! Mẹ có muốn cho con bay theo các bạn con không? Đấy, mẹ lại khóc rồi. Mẹ cứ cho con đi cùng với các bạn con đi, rồi nay mai mẹ cũng có ngày được gặp con mãi mãi.

- Nán lại! Hãy nán lại một chút con! Để cho mẹ được ôm ấp con trong tay một lần nữa.

Nói đoạn bà ghì chặt lấy con bà và run rẩy hôn hít nó.

Bỗng từ trên vòm nhà vẳng xuống tiếng nức nở của một người đang gọi tên bà.

- Mẹ có nghe thấy không? - Đứa bé hỏi - Cha con đang gọi mẹ đó!

Tiếp đó có những tiếng than vãn, lẫn tiếng nức nở của con trẻ vẳng tới.

- Tiếng các chị con đấy. Mẹ, hẳn mẹ cũng còn nhớ tới các chị con chứ?

Lần đầu tiên bà chợt nhớ đến những người thân còn lại của bà và thấy lo sợ. Nhìn lên vòm nhà bà thấy một đoàn người nhẹ nhõm đang bay qua và biến vào sau đám màu. Bà cảm thấy như trông thấy trong số đó có những người bà đã từng gặp trên trần thế. Liệu chồng và hai đứa con gái của bà có bay qua đây không? Không, vì tiếng gọi, tiếng thở than của chồng và hai đứa con gái bà từ phía

ngoài vòm nhà vẳng tới. Em bé nói:

- Mẹ ơi, chuông trời đang đánh đấy, kìa! Mặt trời đã mọc.

Lúc ấy một luồng ánh sáng chói lòa làm bà phải nhắm nghiền mắt lại. Khi mở được mắt ra, con bà đã biến đâu mất và bà cảm thấy mình đang được nâng bổng lên không trung. Trời lạnh buốt bà ngẩng đầu lên thấy mình đang gục trên nấm mộ của con bà, ở ngoài nghĩa địa. Bà vừa trải qua một cơn mơ, một ảo ảnh. Thượng Đế vừa mới soi sáng tâm trí bà, tiếp thêm sức sống cho bà.

Bà quỳ xuống, cầu khẩn: "Cúi xin Thượng Đế hãy tha tội cho tôi, vì đã muốn giữ lại ở cõi trần thế này một linh hồn của Thượng Đế mà quên mất nhiệm vụ của mình đối với những người mà Thượng Đế đã rủ lòng nhân từ để lại cho tôi."

Lòng bà như đã nhẹ hẳn. Mặt trời vừa ló lên, đàn chim nhỏ cất tiếng hót líu lo, tiếng chuông nhà thờ báo giờ lễ buổi sáng. Không khí lúc này trở nên trang nghiêm. Bà cảm thấy nỗi khổ ải của bà dịu đi.

Bà vội vã trở về nhà, chồng bà vẫn còn đang ngủ: bà hôn lên trán chồng làm ông ta thức dậy và bây giờ chính bà lại tỏ vẻ dũng cảm trước sự đau buồn và mạnh dạn an ủi, khuyến khích chồng con.

- Số phận của chúng ta nằm trong tay Thượng Đế, - bà nói. - Ta phải tuân theo ý Người.

Nói đoạn bà ôm hôn chồng con làm mọi người sửng sốt trước sự thay đổi của bà.

Bà nói tiếp:

- Qua đứa con đang yên nghỉ trong mồ Thượng Đế sẽ ban thêm nghị lực cho tôi.

GIA ĐÌNH NHÀ CÒ

Đằng sau một ngôi nhà trong làng có một tổ cò. Cò mẹ nằm với bốn chú cò con đang chõ lên những cái mỏ chưa đủ ngày ngả sang màu đỏ.

Gần nơi ấy, trên mái nhà, cò bố đang đứng thẳng, thân cứng nhắc, một chân co lên như cách đứng gác cho có tư thế hơn. Cò đứng im phăng phắc, trông như tượng gỗ vậy. Lão thì thầm:

- Hẳn thiên hạ tưởng trước cái tổ của vợ mình có lính gác. Ai mà có thể biết rằng mình là chồng mụ ta? Có lẽ có người cho rằng mình được cử lên gác trên mái nhà này! Hay thật!

Nghĩ thế cò lại càng cố sức đứng vững trên một cẳng.

Trong phố có một lũ trẻ con đang chơi đùa. Trông thấy bầy cò, em trai đứng đầu bọn trẻ bèn hát lên mấy câu hát cổ và cả bọn nhớ được câu nào đồng thanh hát câu ấy:

Cái cò cái vạc

Hãy bay về nhà

Vợ cò nằm trong tổ

Ủ bốn chú cò con

Chú thì treo cổ

Chú thì mất thây

Chú thì chết thui

Chú thì chết ngạt

- Mẹ có nghe thấy lũ nhóc con hát cái gì đó đấy không? - Đám cò con xào xạc - Chúng nó bảo rằng chúng con sẽ bị treo cổ và chết thui đấy.

- Không sợ - Cò mẹ đáp - Đừng nghe chúng nó, các con chẳng làm sao cả đâu.

Nhưng lũ trẻ con vẫn chỉ trỏ lên tổ cò mà hát mãi. Chỉ có một đứa tên là Peter không hát theo và bảo với chúng bạn rằng chế nhạo loài vật như thế là không tốt.

- Kệ chúng nó, hãy nhìn bố mày đứng có một cẳng mà vững ra phết!

Hôm sau, lũ trẻ lại đến chơi gần đấy. Trông thấy cò, chúng lại hát:

Chú thì treo cổ

Chú thì chết thui…

- Phỏng chúng con có bị treo cổ và chết thui không hả mẹ? - Cò con lại hỏi.

- Không đâu! Không đâu! - Cò mẹ đáp. - Mẹ sẽ dạy các con bay. Mẹ con ta sẽ bay xuống đồng cỏ thăm lũ ếch nhái. Chúng sẽ kêu: "Quẹc! Quẹc!" để chào mẹ con ta. Ta sẽ chén thịt vài đứa, thật là ngon tuyệt! Rồi tất cả cò vạc trong xứ, sẽ tụ họp vào mùa thu để chuẩn bị bay về các xứ nóng. Cần phải biết bay giỏi, nếu ai mà bay rớt lại phía sau thì ông tướng cò sẽ quai cho một mỏ chết tươi. Cho nên các con phải chú ý tập bay nhá!

- Nhưng biết bay chắc đâu đã tránh được chết treo, như lũ trẻ con hát. Đấy, mẹ nghe! Chúng nó lại hát đấy!

- Các con phải nghe mẹ, không được nghe chúng nó - Cò mẹ đáp - Tập bay xong mẹ con ta sẽ di cư về xứ nóng, ở xa, xa lắm, phải bay qua rất nhiều sông núi. Ta sẽ sang Ai Cập, nơi mà nóc nhà gọi là kim tự tháp. Những nhà ấy có từ lâu đời, lâu đến nỗi giống cò chúng ta không thể tưởng tượng được. Ở đấy có một con sông, cứ đến mùa lụt là sông biến cả nước thành đầm lầy. Mẹ con ta sẽ đi dạo trên đầm và tha hồ chén ếch nhái.

- Ồ! Thích nhỉ! - Lũ cò con reo lên.

- Ừ, đúng thế! Mẹ con ta cứ gọi là ăn suốt ngày không hết ếch nhái, trong lúc đó thì ở đây, cây cối trụi cả, chẳng còn một mảnh lá nào.

Trời thì rét đến nỗi mây đông lại, rơi xuống thành những mảnh trắng xóa.

Đó là tuyết, nhưng mẹ cò không biết giải thích gì rõ hơn, vì cò con chẳng biết tuyết là gì.

- Thế những đứa bé độc ác kia có đông lại rồi rơi thành từng mảnh không? - Cò con hỏi.

- Không, nhưng chúng cũng chẳng sung sướng gì! Chúng sẽ bị giam trong nhà, không như các con được bay đến những nơi có hoa thơm và ánh nắng ấm áp.

Ít lâu sau, đám cò con đã khá lớn, đủ sức đứng lên để nhìn ra quanh tổ. Hàng ngày có bố bay về mang đủ các thứ quà, có cả ếch nhái và rắn con. Trông cò bố có vẻ lên lớp cho cò con mà nực cười!

Lão khua mỏ vang lên kể chuyện liên hồi, tất nhiên, toàn là những chuyện xảy ra trên các đầm lầy.

Một hôm cò mẹ bảo:

- Nào, bây giờ phải tập bay đi thôi!

Và lũ cò con lảo đảo đứng trên nóc nhà, cánh giương chưa vững, mỗi khi nhìn xuống phía dưới lại muốn ngã lộn nhào.

- Trông đây này - Cò mẹ bảo - Đầu phải ngẩng lên, chân ruỗi ra thế này này. Phải làm đúng như thế mới đua tranh được với đời.

Nói đoạn cò mẹ bay một quãng. Cò con định nhảy theo nhưng bộp! Chúng ngã lăn kềnh vì cánh cò nhỏ mà thân quá nặng.

- Con chẳng bay nữa đâu! - Một chú cò con kêu lên rồi rón rén lần về tổ - Con chẳng cần bay về xứ nóng làm gì.

- Thế con muôn ở đây đến mùa đông để chết rét à? Lũ trẻ con sẽ kéo đến treo cổ con lên và đem thui sống! Để mẹ gọi chúng nó đến!

- Không, không! - Cò con vội la lên và lại nhảy xuống mái nhà theo những chú khác.

Ba ngày sau chúng đã bay được. Chúng đã tưởng lần này có thể lao lên không trung được rồi. Nào ngờ, bộp! Chúng lại ngã xuống và lại phải tập đập cánh cho đều đặn.

Lũ trẻ con lại đi qua dưới phố và hát lên:

Con cò con vạc

Hãy bay về nhà!

Một cò con nói:

- Có nên xuống mổ lòi mắt chúng nó không, mẹ?

- Không, cứ mặc chúng nó. Các con phải nghe mẹ. Phải lo việc quan trọng hơn. Nào, một, hai, ba! Cố gắng nhảy cao hơn chút nữa! Một, hai, ba! Nhảy sang bên trái ống khói xem nào!

- Được, tốt lắm! Bay như thế là được rồi. Ngày mai mẹ sẽ cho phép các con ra đầm lầy với mẹ! Các nhà cò khác sẽ đưa con cái ra tụ họp ở đấy. Các con phải tỏ ra cho họ thấy rằng các con hơn đứt tụi nhóc khác. Ưỡn ngực lên như thế này này, trông mới oai và có vẻ con nhà!

Cò con hỏi:

- Nhưng sao ta không trị những đứa bé mất dạy kia đi, hở mẹ?

- Kệ chúng, cho chúng kêu lắm mỏi mồm. Mẹ con ta sẽ bay lên chín tầng mây, bay sang xứ Kim tự tháp, còn chúng sẽ phải ở lại cái xứ không có lấy một mảnh lá xanh tươi, một quả táo ngon lành này.

Thu sang. Cò bắt đầu tụ họp để chuẩn bị, mùa đông tới, di cư sang các xứ nóng.

- Giờ đã đến lúc báo thù bọn trẻ con rồi chứ, mẹ?

- Phải, phải đấy! - Cò mẹ đáp. - Mẹ biết cái ao có nhiều trẻ con đợi cò đến mang trả cho cha mẹ chúng (Truyền thuyết ở châu Âu cho rằng giống cò thường mang trẻ con sơ sinh đến các gia đình, dùng để giải đáp thắc mắc của các em nhỏ: “Em bé ở đâu ra?”). Người

nào cũng muốn có trẻ con trong nhà và đứa trẻ con nào cũng muốn có em. Mẹ con ta sẽ bay ra cái ao ấy và mang em bé mới đẻ đến cho những đứa bé không hát nhảm. Những đứa khác thì không xứng đáng có em bé.

- Thế còn đứa đầu têu đáng ghét, mất dạy nhất kia thì làm thế nào hả mẹ?

- Trong ao có một đứa bé con mới đẻ bị chết. Ta sẽ mang đến nhà nó cho bõ ghét. Còn đối với cậu bé phúc hậu đã can ngăn tụi bạn: "Nhạo báng loài vật là xấu", ta sẽ mang cho một em trai và cả một em gái nữa. Tên cậu ta là Peter phải không các con? Các con nhớ nhé! Từ nay để kỷ niệm cậu ta, tất cả các con đều sẽ lấy tên là Peter.

Và thế là lũ cò con từ đấy được đặt tên là Peter. Cho đến giờ người ta vẫn gọi như vậy.

THẦN RU NGỦ

(Theo truyền thuyết các nước bên châu Âu, trẻ con khi ngủ, Thần đến ru ngủ và gây cho trẻ những giấc mơ đẹp đẽ. Chúng tôi phỏng dịch Marchand de sable là Thần Ru ngủ)

Trên đời này chẳng ai biết nhiều chuyện bằng Thần Ru Ngủ. Ở Đan Mạch người ta gọi là Thần Ole Ru Ngủ. Đúng đấy! Thần mà kể chuyện thì có thể mê đi được.

Tối đến, khi bọn trẻ con còn đang ngồi quanh bàn thì Thần Ru ngủ bay tới. Thần rón rén bỏ giày đi, nhẹ nhàng lên thang gác, mở hé cánh cửa và, vù một cái, Thần ném cát vào mắt trẻ con, một thứ cát rất mịn. Thế là bọn trẻ tối tăm mặt mũi lại, chẳng nhìn thấy Thần. Thần lẻn vào sau lưng chúng, thổi nhẹ vào gáy chúng. Thế là đầu chúng nặng chịch ra và chúng buồn ngủ rũ rượi.

Khi lũ trẻ đang ngủ, Thần ngồi trên giường chúng. Thần mặc một chiếc áo lụa rất đẹp, trông không rõ là màu gì, vì áo đổi màu tùy từng lúc: xanh biếc, đỏ thẫm, hoặc xanh lợt.

Mỗi tay Thần cắp một cái ô.

Phía trong của một trong hai cái ô đó vẽ nhiều hình tuyệt đẹp, ấy là cái Thần che cho trẻ con ngoan để các em mơ thấy những

chuyện thật thú vị. Còn trên chiếc ô kia chẳng vẽ gì cả, dùng cho những đứa trẻ hư, giấc ngủ của chúng sẽ nặng nề. Chúng chẳng mơ thấy gì cả và lúc thức dậy đầu chúng cũng vẫn nặng chình chịch. Sau đây, tôi kể lại cho các em những chuyện mà trong một tuần lễ Thần Ru ngủ, cứ tối tối đến thăm cậu bé Hjalmar, đã kể cho cậu.

Thứ Hai

- Chú ý này! - Thần Ru ngủ bảo Hjalmar sau khi đã đặt cậu bé vào nằm im trong giường. - Ta sẽ biến hóa tất cả mọi vật ở trong phòng này!

Thế là trong nháy mắt tất cả những cây trong các chậu hoa biến thành những gốc cây to lớn, cành lá xum xuê vươn lên trên các bức tường đến tận trần nhà. Gian phòng biến thành một buồng kính ươm cây. Cành cây nở đầy hoa thơm ngát và đẹp hơn cả hoa hồng, Hoa lại có thể ăn được, ngon hơn cả loại mứt ngon nhất. Quả cây lấp lánh như vàng thật. Trên cây còn có cả bánh ngọt, trên rải toàn mứt nho. Thật là tuyệt!

Nhưng, ngay lúc ấy, trong ngăn kéo của Hjalmar đựng sách vở, bỗng có tiếng rên rỉ thảm thiết.

- Gì thế nhỉ? - Thần Ru ngủ vừa bước tới cái bàn vừa nói.

Thần mở ngăn kéo ra. Cái bảng đá đang kêu ca, phàn nàn. Người ta

đã làm trên bảng một bài tính đố, trong đó có một con tính làm sai nên đáp số cũng sai. Cái bút viết bảng, mặc dù bị một sợi dây cột vào bảng đá, cũng cứ nhảy nhót múa may cuồng lên như một con quỷ lùn. Bút muốn chữa bài tính, nhưng không sao làm được.

Từ trong quyển vở viết tập của Hjalmar cũng có tiếng rền rĩ nghe rợn cả người. Trong vở, trên mỗi trang đều có những chữ hoa và chữ thường của thầy giáo viết làm mẫu. Dưới mỗi hàng là những nét chữ khác muốn có vẻ giống hệt chữ mẫu. Đó là chữ của Hjalmar, nhưng rõ ràng là chữ ấy viết nguệch ngoạc, cứ muốn vượt lên dòng kẻ.

- Trông người ta đứng thế này kia mà!

Chữ mẫu nói, hơi nghiêng nghiêng và duyên dáng một chút!

Chữ của Hjalmar viết đáp:

- À! Chúng tớ cũng muốn thế lắm chứ, nhưng chúng tớ yếu quá, không ngẩng đầu lên được.

Thần Ru ngủ nói:

- Được, nếu vậy thì ta sẽ rắc cho chúng bay một ít phấn trẻ em.

- Không! Không! - Đám chữ của Hjalmar kêu lên và ngửng ngay dậy, trông đến là đẹp mắt.

- Hôm nay ta không kể chuyện cho cậu nghe đâu! - Thần Ru ngủ vào Hjalmar - Ta phải dậy một bài thể dục cho đám chữ hoa của cậu đã. Nào! Một, hai!Một, hai!

Đám chữ tập thể dục theo tiếng hô của Thần Ru ngủ và cuối cùng đứng thẳng được như chữ mẫu.

Thế nhưng, sáng sau, khi Thần Ru ngủ đi rồi, cậu bé giở vở ra, chữ viết vẫn nguệch ngoạc, thảm hại như trước.

Thứ Ba

Hjalmar vừa vào tới giường, Thần Ru ngủ đã rắc phấn có phép lạ

vào tất cả đồ đạc trong phòng.

Bỗng chúng tranh nhau nói, nhao nhao cả lên, chỉ có cái ống nhổ là im bặt. Ống nhổ ta lên mặt giận. Ai bảo đứng tận trong góc tường, ai mà chú ý đến?

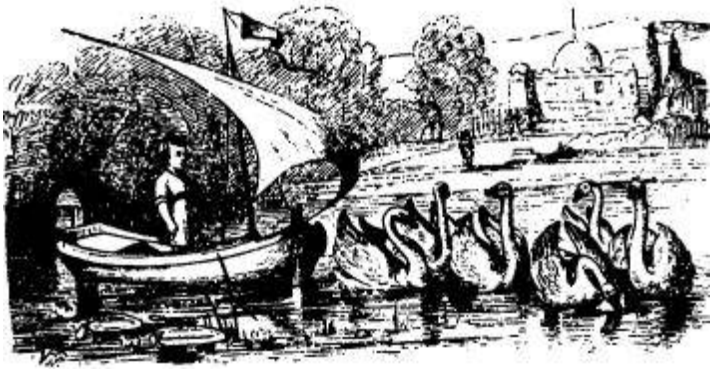

Trên cái tủ có nhiều ngăn kéo có treo một bức vẽ phong cảnh, đóng khung. Trong tranh có nhiều cây cổ thụ cao lớn, có bãi cỏ, có nhiều cây đã ra hoa và một con sông con chảy men rừng, qua nhiều lâu đài, rồi đổ ra biển cả.

Thần Ru ngủ rắc ít phấn vào bức tranh. Thế là chim chóc trong tranh ca hót véo von, ngọn cây rung rinh trước gió, bóng mây lướt trên tranh.

Rồi Thần đặt cậu bé vào trong tranh, trên thảm cỏ.

Mặt trời sáng rực, lấp lánh qua hàng cây cao vút. Hjalmar chạy theo dọc bờ sông và leo lên một chiếc thuyền sơn trắng viền đỏ đậu gần đấy, cánh buồm nom như bằng bạc, đàn thiên nga đeo vòng trên cổ, đầu cài một ngôi sao xanh biếc rực rỡ, lôi thuyền ra khỏi khu vườn xanh tươi, nơi mà cây cối toàn kể những chuyện mà loài bướm đã kể cho cây nghe.

Đàn cá vẩy vàng vẩy bạc tung tăng cạnh thuyền, chim xanh, chim đỏ đủ các loại to nhỏ, nối đuôi nhau bay thành hai hàng dài. Ruồi và bọ hung bay vù vù. Tất cả chim chóc côn trùng đều muốn bay theo Hjalmar và kể chuyện cho cậu nghe.

Một cuộc du ngoạn thật là thú vị! Rừng cây lúc thì rậm rạp, âm

thầm, lúc thì giống như những khu vườn rực rỡ, tràn ngập ánh nắng, đầy hoa thơm cỏ lạ, lại có những lâu đài bằng đá hoa cương và pha lê cao hơn các vòm cây. Một nàng công chúa đứng trên bao lơn, đó là một cô bé mà Hjalmar rất quen biết. Ngày xưa, cô bé đã từng chơi đùa với cậu. Chúng chìa tay cho nhau và cô bé biếu cậu một chiếc kẹo hình con lợn con mà chẳng thấy bán ở hàng kẹo nào cả. Khi thuyền lướt sát bao lơn, Hjalmar giơ tay lấy kẹo, nhưng kẹo bị gãy làm đôi và mỗi đứa một nửa. Phần của Hjalmar to hơn.

Phía trước lâu đài có các hoàng tử tí hon đang đứng gác. Họ giơ gươm chào cậu và ném cho cậu nhiều chùm nho và những chú lính chì.

Lúc thì Hjalmar đi qua rừng, lúc thì qua các gian phòng rộng, qua các thành phố. Chợt cậu đi tới tỉnh của bà vú nuôi yêu quý đã nuôi cậu khi cậu còn nhỏ tí. Bà ta vẫy tay, gật đầu chào cậu và hát lên những câu ca của bà tự đặt ra:

Hỡi cậu Hjalmar

Bé thân yêu của ta

Xưa bế bồng hôn hít

Nay khôn lớn thế kia

Cậu hãy nắm tay ta

Trước khi rời đi xa

Ta nguyện cầu Thượng Đế

Phù hộ Hjalmar

Trong lúc ấy, chim chóc ca hát, hoa nhảy múa trên cành lá và các cây cổ thụ cũng sà xuống như để nghe Thần Ru ngủ kể chuyện.

Thứ Tư

Trời mưa tầm tã, Hjalmar nằm ngủ và vẫn nghe tiếng nước mưa đổ xuống. Khi Thần Ru ngủ mở một cửa sổ ra, nước mưa mấp mé

khuôn cửa.

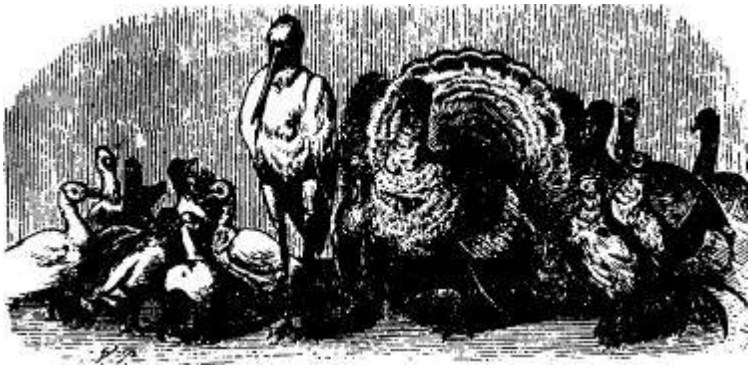

Bên ngoài là cả một dải hồ và một chiếc thuyền lộng lẫy trước cửa nhà.

- Hjalmar có muốn đi chơi với ta không? - Thần Ru ngủ hỏi. - Đêm nay ta qua chơi một số nước, sáng mai ta mới về.

Trong nháy mắt Hjalmar đã thắng bộ quần áo chủ nhật vào và bước xuống thuyền. Mưa đã ngớt hẳn. Con thuyền trôi qua các phố và đi vòng quanh nhà thờ. Trước mắt họ là biển rộng mênh mông.

Họ lướt sóng đi xa mãi, không còn nhìn thấy đất liền nữa. Họ trông thấy một đàn cò lìa tổ bay về các xứ nóng. Chúng nối đuôi nhau bay qua và chẳng bao lâu đã xa hẳn, nhưng có một chú cò mệt quá, đôi cánh hầu như không đủ sức mang nổi thân nữa. Đó là chú cò cuối cùng trong đàn. Chú ta không theo kịp đàn, sã cánh rơi xuống đúng con thuyền đang lướt qua. Chân bám vào dây buồm, chú gắng gượng nhoi lên, nhưng vô ích, chú ngã xuống boong tàu.

Một cậu thủy thủ tóm lấy cò đem nhốt vào chuồng cùng với gà, vịt, ngan, ngỗng. Chú cò đáng thương ngượng nghịu đứng sững ra ở giữa chuồng.

Gà mái kêu lên:

- Ở đâu thò ra thế?

Một gà trống phưỡn ngực, xù bộ lông lên hỏi cò là ai.

Đàn vịt chen chúc nhau, lạch bạch lùi ra xa, kêu: Cạc! Cạc! Cạc!

Cò bèn nói cho chúng nghe về châu Phi nóng bỏng, về kim tự tháp, về chim đà điểu chạy rong trên thảo nguyên bao la những con ngựa rừng. Nhưng đàn vịt chẳng hiểu quái gì cả. Chúng lấy mỏ bấm nhau và thì thào:

- Hình như gã này ngớ ngẩn thì phải. Các bạn đồng ý cả chứ?

Cò ta im bặt, mơ tới châu Phi đẹp đẽ của mình.

- Đằng ấy có đôi giò tuyệt quá nhỉ! - Gà trống nói - Bao nhiêu tiền một thước đấy?

- Cạc! Cạc! Cạc! - Lũ vịt kêu lên, nhưng cò làm ra bộ chẳng nghe thấy gì cả.

Gà trống tiếp:

- Ít nhất đằng ấy cũng nên nở một nụ cười mới phải, vì câu nói của tớ cũng khá dí dỏm chứ lị! Nhưng có lẽ hơi thâm thúy đối với đằng ấy.

Gà trống nghĩ thầm:

- Có lẽ hắn đần thật. Mặc hắn, cánh hiểu biết chúng ta chơi với nhau thôi.

Gà trống lại rúc lên và gà vịt lại quàng quạc, nghe chói cả tai, nhưng chúng lấy thế làm thú vị.

Hjalmar bước tới chuồng gà, mở cửa thả cò ra. Cò được nghỉ ngơi, đã lại sức, nghiêng mình chào cậu bé đã giải thoát cho mình. Rồi cò tung đôi cánh, bay về các xứ nóng. Thấy vậy, đàn gà mái cục ta cục tác ầm cả lên, vịt quàng quạc và gà trống ta giận đỏ cả mặt.

Hjalmar bảo chúng:

- Ngày mai chúng mày sẽ được giết thịt và dọn lên bàn ăn tất.

Vừa lúc ấy cậu chợt tỉnh giấc và thấy mình đang nằm trên giường. Tuyệt thay cuộc du ngoạn của cậu với Thần Ru ngủ!

Thứ Năm

- Đợi tí nhé! - Thần Ru ngủ nói. Nhất là chớ có sợ, ta sẽ cho cậu xem một con chuột nhắt. Nói rồi Thần giơ ra một con chuột nhắt nằm trong lòng bàn tay.

- Chuột đến mời cậu đi dự đám cưới chuột tối nay, tổ chức ở dưới gầm sàn bếp đấy. Dưới ấy hình như tráng lệ lắm kia đấy.

Hjalmar hỏi:

- Nhưng làm sao mà tôi qua được cái lỗ nhỏ ở sàn nhà mà xuống gầm được.

Thần trả lời:

- Cái đó đã có ta lo, ta sẽ làm cho cậu bé lại.

Nói rồi Thần rắc lên người Hjalmar ít bột, thế là cậu cứ bé đi, bé mãi đến lúc chỉ còn bằng ngón tay.

Thần nói tiếp:

- Giờ thì cậu có thể mượn bộ quần áo của anh lính chì mà mặc. Cậu mặc vừa đấy. Đi dự đám cưới mà mặc quân phục thì oách nhất còn gì bằng.

- Hoan hô! - Hjalmar reo lên.

Và trong nháy mắt cậu đã thắng xong bộ cánh của chú lính chì.

Chuột nhắt kính cẩn thưa:

- Xin cậu vui lòng ngồi vào cái đê của cụ bà để em được hân hạnh kéo cậu đi ạ!

- Làm phiền đằng ấy quá! - Hjalmar đáp lại rất lễ phép.

Và thế là họ kéo nhau đi dự đám cưới chuột.

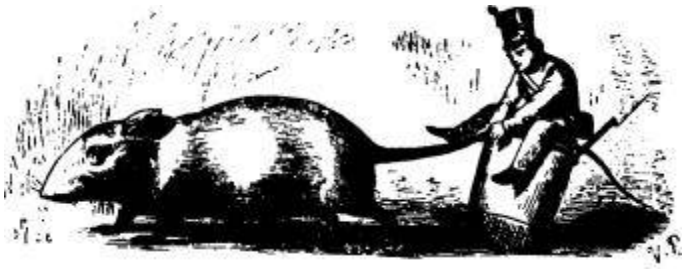

Lúc đầu họ chui xuống gầm sàn, men theo một đường hành lang dài và thấp, vừa bằng chiều cao của cái đê, hai bên có những mảnh gỗ mục có chất lân tinh lập lòe soi sáng.

- Tuyệt chứ lị! - Chuột nhắt nói - Hành lang đã được phết một lượt mỡ đấy! Thơm quá đi mất!

Cuối cùng, họ vào đến phòng khách, nơi tổ chức đám cưới. Chuột cái đang chuyện trò ầm ĩ. Phía bên trái, mấy con chuột đực đang giơ cẳng trước lên mân mê bộ ria mép. Ở giữa là cô dâu chú rể, ngồi trên một tấm pho-mát và ôm hôn nhau trước mặt quan khách. Vì họ đã đính hôn và sắp làm lễ cưới nên có làm thế cũng chẳng ai nói gì.

Khách khứa vẫn tiếp tục kéo đến. Cô dâu chú rể ngồi ngay chính giữa cửa ra vào.

Phòng khách cũng được phết đầy mỡ như ngoài hành lang, sực một mùi béo ngậy. Đến lúc ăn tráng miệng, nhà chủ mang ra một hạt đỗ trên đó một chú chuột con đã dùng răng nhấm, khắc hai chữ đầu tên của cô dâu chú rể. Thật là một công trình nghệ thuật.

Cả lò chuột đều cho rằng đám cưới thật là vui vẻ tưng bừng.

Hjalmar thích thú trở về nhà, mặc dù đã phải thu bé người lại và khoác bộ cánh của chú lính chì.

Thứ Sáu

- Lạ quá! - Thần Ru ngủ nói, không biết bao nhiêu là người cả lớn tuổi và nhất là những người đã làm điều xấu, thường hay hỏi ta: “Ông bạn thân mến, chúng tôi không tài nào nhắm được mắt nữa,

suốt đêm những tội lỗi của chúng tôi cứ hiện ra lù lù trước mặt như những con quỷ con và hắt những giọt nước sôi và người chúng tôi nữa. Ông bạn hãy đuổi giúp chúng đi cho chúng tôi ngủ với - Họ thở dài rồi nói tiếp - Ông bạn muốn lấy bao nhiêu tiền cũng được, đấy tiền để ở cửa sổ ấy!

Tôi trả lời: “Tiếc rằng những việc tôi làm không phải vì tiền.”

Hjalmar hỏi:

- Đêm nay chúng ta làm gì?

- Cậu muốn đi dự một đám cưới nữa không? Đám này khác đám hôm qua. Chả là con búp-bê lớn tướng của chị cậu, trông giống như con trai mà chị cậu đặt tên là Herman, kết hôn với con búp-bê Bertha. Hôm nay cũng là kỷ niệm ngày sinh của Herman.

- Phải, tôi biết - Hjalmar đáp - Cứ mỗi lần các con búp-bê của chị tôi được mặc áo mới là y nư chị ấy bảo rằng chúng cưới nhau hay là mừng ngày sinh nhật của nhau. Ít ra cũng có tới trăm lần như vậy rồi.

- Đúng, hôm nay là lễ cưới thứ một trăm linh một, mà lần này sẽ vui đáo để. Ta đi thôi.

Hjalmar nhìn lên bàn thấy có một chiếc nhà của búp-bê có ánh đèn chiếu sáng các cửa sổ. Trước cửa ra vào, đoàn lính chì đang bồng

súng. Cô dâu chú rể đang ngồi trầm ngâm nhìn vào mép bàn. Thần Ru ngủ khoác chiếc áo choàng đen của bà nội Hjalmar làm phép cưới cho họ.

Quà được mang đến rất nhiều. Không ai mang thức ăn đến vì cô dâu chú rể là những người thừa ăn thừa mặc.

Chú rể hỏi cô dâu:

- Mùa hè năm nay chúng ta có về quê chơi, hoặc đi du lịch ra ngoại quốc không?

Họ hỏi ý kiến con chim én đã từng đi chu du khắp thiên hạ và mụ gà mái đã từng ấp năm ổ gà con. Chim én tả lại phong cảnh rực rỡ của các xứ ấm. Ở đó khí hậu êm dịu, núi non ánh lên đủ các màu sắc. Quả thật là đẹp không đâu bằng.

Gà mái đáp:

- Thế nhưng ở đấy lại chẳng có bắp cải lá quăn như ở quê tôi. Tôi đã ở quê cả một mùa hè với đàn gà con. Ở đấy có một bãi cát rộng tha hồ mà dạo chơi và bới cào. Lại có một vườn trồng toàn bắp cải lá quăn, xanh ngắt một màu. Không! Chẳng đâu có cảnh đẹp như thế!

- Bắp cải thì ở đâu cũng thế thôi, chim én nói. Nhưng ở nông thôn, thời tiết luôn luôn xấu chả thích thú chút nào!

- Ôi dào! - Gà mái đáp - Rồi cũng quen tất!

- Ở đấy trời rét, tuyết rơi, chả thú vị gì.

- Đúng! Rét thì bắp cải mới cuốn! - Gà mái nói tiếp.

- Tôi cũng đã từng đi du lịch. Có lần tôi đã đi hai dặm đường trong một cái bu. Du lịch quả là chẳng thú vị gì.

- Gà mái nói rất đúng - Búp-bê Bertha nói - Tôi thì tôi chẳng thích đi chơi núi, chỉ leo lên leo xuống suốt ngày, chán chết! Ta cứ chơi trên bãi cát và trong mảnh vườn trồng bắp cải lá quăn cũng đủ lắm rồi.

Không ai có ý kiến gì nữa.

Thứ Bảy

- Thần kể cho tôi nghe một chuyện nào, - Hjalmar nói với Thần Ru ngủ khi Thần đặt cậu vào giường.

- Tối nay ta không có thì giờ - Thần vừa nói vừa xòe chiếc ô ra.

- Chiếc ô có những hình người đẹp quá! - Hjalmar nói.

Đúng thế. Chiếc ô giống như một cái khăn trùm đầu lớn có vẽ cây cối màu xanh lam, mấy chiếc cầu kiểu Trung Quốc có mái nhọn hoắt và trên cầu có một đám trẻ con, đầu chúng lắc lư không ngớt.

- Ta sẽ đi tô điểm cho cả thế gian - Thần Ru ngủ bảo - Mai là chủ nhật, là ngày lễ rồi. Ta phải leo lên gác chuông xem mấy chú lùn trong nhà thờ đánh bóng các quả chuông chưa để ngày mai rung lên cho kêu. Ta lại còn phải ra đồng xem gió đã quét sạch bụi bám trên lá cây và ngọn cỏ chưa. Nhưng công việc nặng nhọc nhất là phải kéo bầy sao trên trời xuống để lau chùi lại cho sáng. Ta sẽ cho chúng vào tạp dề, nhưng phải đánh số sao nào vào lỗ ấy, để sau còn đặt trả chúng về chỗ cũ, nếu không làm thế sẽ có nhiều sao đổi ngôi quá, rồi dần dần sẽ rơi mất cả.

Một bức chân dung treo trên tường, ở đầu giường Hjalmar, lên tiếng:

- Này ông bạn, hãy nghe tôi nói. Tôi là cụ kỵ chú bé này và xin cảm ơn ông bạn đã kể chuyện cho cháu nghe. Nhưng yêu cầu anh bạn đừng nói với cháu những điều vô lý. Làm sao có cái thứ sao tháo xuống để lau chùi kia chứ? Sao là những thiên thể, cũng như trái đất thôi.

- Cám ơn cụ tổ. - Thần Ru ngủ đáp - Rất cám ơn cụ tổ đã góp ý. Cụ là người sáng lập ra cái gia đình này, thật quý hóa, nhưng dù cụ có nhiều tuổi đến mấy cũng chẳng bằng tuổi tôi. Tôi là một vị thần thời cổ đại, từ thời cổ Hy Lạp và cổ La Mã tôi đã có tên là Thần Ru ngủ. Tôi đã từng đến chơi những nhà sang trọng bậc nhất, biết nói chuyện một cách nghiêm túc hoặc chân thật. Thế còn cụ, đến lượt cụ đấy, cụ muốn kể chuyện gì thì kể đi.

Nói đoạn, Thần Ru ngủ xách ô đi ra.

- Không có quyền góp ý một chút hay sao? -Bức tranh lầm bầm.

Giữa lúc đó, Hjalmar thức giấc.

Chủ Nhật

Thần Ru ngủ nói:

- Chào cậu!

Hjalmar chào lại và đứng lên giường quay bức tranh cụ tổ vào tường để khỏi làm ngắt quãng câu chuyện như hôm qua.

- Hôm nay Thần kể chuyện đi, chuyện “Năm hột đậu nằm trong vỏ đậu ván”, hay truyện “Cẳng gà trống tán cẳng gà mái”, chuyện “Kim thô lại tưởng mình là kim thêu.”

- Đừng có đòi hỏi nhiều quá - Thần Ru ngủ nói - Ta sẽ cho cậu xem cái này hay hơn. Hôm nay cậu sẽ được gặp ông anh của ta. Anh ấy cũng là thần, nhưng đến thăm ai thì chỉ đến một lần thôi, rồi mang người ấy cùng đi trên mình ngựa và kể chuyện cho nghe. Hơn nữa anh ấy chỉ biết có hai chuyện, một chuyện rất là hay, hay vô cùng, hay nhất trần đời và một truyện, trái lại, thì khủng khiếp, ghê rợn đến nỗi chẳng nên nghe.

Nói đoạn Thần nâng bổng Hjalmar lên để cậu nhìn qua cửa sổ và nói:

- Đấy, cậu trông thấy anh ta không? Đó là Thần Chết. Cậu xem! Anh ta có ghê tởm như người ta vẽ trong các tập tranh đâu! Đầu anh ấy chẳng phải là một cái sọ dừa như người ta tưởng. Quần áo anh ấy toàn thêu bằng chỉ bạc cả đấy nhé! Cũng đẹp đấy chứ? Lại còn chiếc áo choàng bằng nhung đen phấp phới trùm cả lưng ngựa nữa, trông có vẻ lắm chứ lị! Cậu xem, anh ấy phi ngựa có đẹp không kìa!

Thực tế, Hjalmar thấy anh của Thần Ru ngủ phi ngựa qua như một cơn lốc. Ông ta mang theo trên lưng ngựa một đoàn người, già trẻ lớn bé. Trước khi đặt họ ngồi sau hoặc trước yên ngựa, thần đều hỏi từng người một:

- Sổ hạnh kiểm đâu? Tốt hay xấu?

- Tốt - Ai cũng trả lời như vậy.

- Cho xem cái đã. - Thần Chết bảo.

Thế là họ phải chìa sổ ra. Ai được phê “tốt”, hay “rất tốt” vào sổ đều được ngồi phía trước yên và được nghe kể chuyện hay nhất trần gian. Ai bị phê “kém” hoặc “tồi” vào sổ thì phải ngồi sau lưng ngựa, và nghe kể chuyện ghê rợn. Bọn này khóc lóc, run sợ muốn

nhảy ra khỏi lưng ngựa, nhưng không được, cứ như bị buộc chặt vào đấy.

Hjalmar bảo Thần Ru ngủ:

- Thần Chết cũng tốt đấy chớ có sao đâu? Tôi chẳng sợ ông ta tí nào cả.

- Việc gì mà sợ! - Thần Ru Ngủ đáp, - chỉ cần cậu luôn luôn giữ hạnh kiểm cho tốt là được.

Trong bức tranh, cụ tổ rất hài lòng, cụ thì thầm:

- Bài học tốt đấy! Nghĩ thế nào nói thế ấy bao giờ cũng hơn cả.

EM BÉ BÁN DIÊM

Rét dữ dội. Tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa.

Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà em có đi giày vải, nhưng giày vải phỏng có tác dụng gì kia chứ!

Giày ấy của mẹ em để lại, rộng quá, em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại.

Chiếc thứ nhất bị xe song mã nghiến, rồi dính theo tuyết vào bánh xe; thế là mất hút. Còn chiếc thứ hai, một thằng bé lượm được, cười sằng sặc, đem tung lên trời. Nó còn nói với em bé rằng nó sẽ giữ chiếc giày để làm nôi cho con chó sau này.

Thế là em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề cũ kỹ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương, bụng đói cật rét, vẫn lang thang trên đường. Bông tuyết bám đầy trên mái tóc dài xõa thành từng búp trên lưng em, em cũng không để ý.

Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Chả là đêm giao thừa mà! Em tưởng nhớ lại năm xưa, khi bà nội hiền hậu của em còn sống, em cũng được đón giao thừa ở nhà. Nhưng thần chết đã đến cướp bà em đi mất, gia sản tiêu tán và gia đình em đã phải lìa ngôi nhà xinh xắn có dây trường xuân leo quanh, nơi em đã sống những ngày đầm ấm, để đến chui rúc

trong một xó tối tăm, luôn luôn nghe những lời mắc nhiếc, chửi rủa.

Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, một cái xây lùi lại một chút.

Em thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn.

Tuy nhiên em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

Vả lại ở nhà cũng rét thế thôi. Cha con em ở trên gác, sát mái nhà và, mặc dầu đã nhét giẻ rách vào các kẽ hở trên vách, gió vẫn thổi rít vào trong nhà. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra.

Chà! Giá quẹt một que diêm lên mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que diêm. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biếc đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơ đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kỳ diệu làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, cái ngón cái nóng bỏng lên. Chà! Khi tuyết phủ kín mặt đất, gió bấc thổi vun vút mà được ngồi hàng giờ như thế, trong đêm đông rét buốt, trước một lò sưởi, thì khoái biết bao!

Em vừa duỗi chân ra sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biến mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tàn hẳn. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm; đêm nay, về nhà thế nào cũng bị cha mắng.

Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên. Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màn. Em nhìn thấu tận trong nhà. Bàn ăn đã dọn, khăn trải trắng tinh, trên bàn bày toàn

bát đĩa bằng sứ quý giá, và có cả một con ngỗng quay. Nhưng điều kỳ diệu nhất là ngỗng ta nhảy ra khỏi dĩa và mang cả dao ăn, phóng sết, cắm trên lưng, tiến về phía em bé.

Rồi... que diêm vụt tắt; trước mặt em chỉ còn là những bức tường dầy đặc và lạnh lẽo.

Thực tế đã thay thế cho mộng mị: chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả, mà chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt, tuyết phủ trắng xóa, gió bấc vi vu và mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

Em quẹt que diêm thứ ba. Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Noel. Cây này lớn và trang trí lộng lẫy hơn cây mà em đã được thấy năm ngoái qua cửa kính một nhà buôn giàu có. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng, hiện ra trước mắt em bé. Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Tất cả những ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên trời.

- Chắc hẳn có ai vừa chết, - em bé tự nhủ, vì bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu, trước đây thường nói rằng: “Khi có một vì sao đổi ngôi là có một linh hồn bay lên trời với Thượng Đế”.

Em quẹt một que diêm nữa vào tường, một ánh sáng xanh tỏa ra xung quanh và em bé nhìn thấy rõ ràng là bà em đang mỉm cười với em.

- Bà ơi! - Em bé reo lên, - cho cháu đi với! Cháu biết rằng diêm tắt thì bà cũng biến đi mất như lò sưởi, ngỗng quay và cây Noel ban nãy, nhưng xin bà đừng bỏ cháu ở nơi này; trước kia, khi bà chưa về với Thượng Đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao! Dạo ấy bà đã từng nhủ cháu rằng nếu cháu ngoan ngoãn cháu sẽ được gặp lại bà; bà ơi! cháu van bà, bà xin với Thượng Đế chí nhân cho cháu về với bà. Chắc Người không từ chối đâu.

Que diêm tắt phụt và ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em bé cũng biết mất.

Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Em muốn níu bà em lại! Diêm nối nhau chiếu sáng như giữa ban ngày. Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này. Bà cụ cầm lấy tay em, rồi hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa. Họ đã về với Thượng Đế.

Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.

Ngày mồng một đầu năm hiện lên trên tử thi em bé ngồi giữa những bao diêm, trong đó có một bao đã đốt hết nhẵn. Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi cho ấm!”. Nhưng chẳng ai biết những cái kỳ diệu em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm.